

周易预测学讲义

CHU
DỊCH
VỚI
DỰ
ĐOÁN
HỌC

THIỆU VĨ HOA



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA

THIỆU VĨ HOA

CHU DỊCH
VỚI
DỰ ĐOÁN HỌC

Người dịch : **MẠNH HÀ**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA
Hà Nội - 1995

周易预测学讲义

邵伟华 著

敦煌文艺出版社

LỜI GIỚI THIỆU

Mao Trạch Đông nói : "Nhân dân là anh hùng chân chính", nhân dân là người phân biệt tốt nhất, thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý. Sách "Chu dịch với dự đoán học" của tôi xuất bản tháng 5 năm 1990 đến nay đã hơn bốn năm. Năm đó bộ sách này rất nổi tiếng. Trong Hội chợ triển lãm sách ở Thượng Hải tháng 9 năm 1990 đã được trưng bày ở gian hàng sách giáo dục, gian hàng phát hành sách của tỉnh và đã được các chuyên gia, học giả, độc giả rộng rãi trong và ngoài nước đánh giá cao và lượng tiêu thụ rất lớn.

Sau khi sách "Chu dịch với dự đoán học" phát hành được 38 ngày, Đài truyền hình Trung ương từ 5 - 11 - 1991 đã chính thức tuyên truyền và ca ngợi tôi đã đạt được thành tựu to lớn trong việc ứng dụng "Chu dịch" vào khoa học hiện đại.

"Chu dịch là viên ngọc sáng trong kho tàng khoa học của nước ta, là sách mà bậc Đế vương các triều đại cần đọc, là đạo trị quốc và pháp bảo dựng nước. Mao Trạch Đông là nhà cách mạng, nhà tư tưởng, nhà quân sự vĩ đại. Người đã lãnh đạo nhân dân Trung quốc vượt qua cuộc đấu tranh gian khổ nhưng tuyệt vời, giành được thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đó không những là kết quả của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lê nin với thực tiễn cách mạng Trung Quốc mà còn là sự suy nghĩ sâu xa, vận dụng những mưu lược quân sự bất ngôn từ "Chu dịch" cũ "Bình pháp tôn tử" để lấy yếu thắng mạnh. Vế điểm này không ai là người phủ nhận.

1. Nội dung cơ bản của sách "Chu dịch với dự đoán học"

"Chu dịch với dự đoán học" là sách ứng dụng học thuật chuyên đề đầu tiên của sau hơn bốn mươi năm giải phóng. Nó hùng hồn nêu lên "Chu dịch" là nguồn gốc và cơ sở của khoa học dự đoán, khoa học thông tin của nước ta, nên gọi là ứng dụng khoa học dự đoán của kinh dịch vào khoa học hiện đại. Trong sách chỉ rõ "Chu dịch" ra đời từ vũ trụ quan đối lập thống nhất, là phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nó chỉ rõ quy luật và quy tắc phát triển, biến hóa của các sự vật trong vũ trụ. Trong sách công bố phát minh dùng màu sắc của ngũ hành để biểu thị hình vẽ tượng hào của 64 quẻ và dùng thẻ dự đoán thông tin của 6 hào, bổ sung những chỗ còn trống trong kinh dịch. Tổng kết các dấu hiệu âm dương bát quái và tượng quẻ, tượng hào của 64 quẻ không những là tiêu chí mật mã của mọi sự vật trong vũ trụ mà còn là cái kho trữ lượng thông tin rất lớn, nó có một công năng độc đáo, có thể dự đoán và phản ánh vượt lên tất cả, trên đo được trời, dưới đo được đất, giữa đo được người và sự việc... cho dù là thông tin thuộc vĩ mô hay vi mô, thời gian dài hay ngắn, toàn cục hay cục bộ đều có thể đoán được. Khả năng dự đoán và phản ánh của nó là vô cùng thần kỳ và độc đáo, tốc độ rất nhanh, độ chuẩn xác cao, không tốn sức người, sức của và thời gian, không có máy móc hiện đại nào có thể thay thế được.

2. Sách "Chu dịch với khoa học dự đoán" có mặt khắp nước và cả 5 châu

Sách "Chu dịch với khoa học dự đoán" xuất bản lần đầu vào tháng 5 năm 1990 do Nhà xuất bản Văn nghệ Hoa sơn xuất bản. Mấy chục vạn cuốn sách chỉ trong một tháng đã bán hết, điều này rất hiếm thấy trong lịch sử phát hành sách của nước ta. Sách cung không đủ cầu, dẫn đến cơn sốt sách.

Tháng 6 năm 1991, tôi từ nước ngoài về đến Bắc Kinh, một vị làm công tác phát hành sách lâu năm đã nói với tôi : "Gần đây tôi đi khắp trong nước, từ thành thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến biên giới, gần như chỗ nào có bày sách là có sách ông. Từ diện phủ toàn quốc và thời gian phát hành mà nói, số lượng phát hành đã vượt qua 20 triệu bản, đó là kỳ tích (trừ tác phẩm Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình ra) trong lịch sử phát hành sách của nước ta, hơn nữa lại là độc giả tự bỏ tiền mua chứ không phải tiến cơ quan".

Sách của tôi được hoan nghênh như thế là vì xã hội đã thừa nhận giá trị của nó. Tháng 12 năm 1990 cuốn sách này lại được xuất bản ở Hồng Kông. Mặc dù trong nước vừa phát hành vẫn không gây ảnh hưởng gì đến việc phát hành sang Áo môn và các vùng có người Hoa ở Đông nam Á và trên thế giới. Lượng sách phát hành ở hải ngoại cũng vượt qua bất cứ tác phẩm chuyên đề nào của nước ta (TQ). Điều đó nói lên bộ sách "Chu dịch với dự đoán học" là bộ sách chuyên đề tuyên truyền về khoa học, nói về khoa học, dùng khoa học, là món ăn tinh thần có giá trị quý về khoa học.

Sự ra đời của bộ sách đã gây nên trong toàn quốc một cao trào bỏ đá tìm vàng, người ta tìm được những sách cổ và nhiều sách mới tốt có liên quan với thuật số. Nó không những đã làm phồn thịnh thêm sự nghiệp xuất bản của nước ta mà quan trọng hơn là làm sáng tỏ nền văn hóa cổ đại ưu tú của nước ta, đã mở ra chân trời mới và con đường mới cho việc vận dụng khoa học dự đoán thông tin của nước ta vào khoa học hiện đại.

Bộ sách thứ hai của tôi "Các ví dụ giải dự đoán theo Chu dịch" được viết theo yêu cầu thiết tha của quảng đại độc giả, cũng do Nhà xuất bản Văn nghệ Dân Hoàng phát hành, nó có đầy đủ giá trị học thuật và giá trị thực tế. Bộ sách thứ

ba là "Dự đoán theo tứ trụ" trực tiếp bàn đến vận mệnh của con người, là bộ sách mọi người rất quan tâm, rất muốn học. Cả bộ sách này đều đã phát hành trong và ngoài nước, số lượng đều đứng đầu bảng.

3. Cùng đọc giá bộ sách "Chu dịch với dự đoán học"

Độc giả của bộ sách "Chu dịch với dự đoán học" có khắp toàn quốc và nước ngoài, vậy thì cụ thể là bao nhiêu ? Nói chung, phát hành bao nhiêu sách là bấy nhiêu độc giả, chỉ có thể nhiều hơn chứ không thể ít hơn. Đó là điều chắc chắn. Vậy số độc giả đó gồm những tầng lớp nào ? Trình độ văn hóa ra sao ? Dưới đây tôi sẽ nói qua.

Sau khi bộ sách được phát hành, độc giả gửi thư hoặc đến thăm tới tấp. Họ bay đi Tây An, đến Nhà xuất bản, đến Tạp chí "Người thế gian", đến bất cứ đơn vị nào, nhà giáo sư nào mà trong sách đề cập đến. Mỗi bức thư đều tỏ lời ca ngợi, cầu mong, cổ vũ, thỉnh giáo của đủ các tầng lớp nhân sĩ. Họ thấy có một thế giới mới chưa hề biết đến trong vòm trời khác của Chu dịch, đó là thế giới dự đoán có quan hệ chặt chẽ với bản thân mình. Thư gửi đến bao gồm nhiều cán bộ ở các cấp, cũng có người là dân thường ; về trình độ văn hóa có người là trí thức cao cấp, có người làm công tác khoa học, có cả học sinh, quân đội ; về tuổi tác có học giả tuổi ngoài tám mươi, cũng có những em học sinh mới mười mấy tuổi. Bài báo tuyển đăng thư độc giả do nhà văn Trương Chí Xuân viết đã lấy tiêu đề là "Thiệu Vi Hoa - đại sư về dự đoán" là một ví dụ. Trong số độc giả có một vị lãnh đạo cấp tỉnh, tháng 12 năm 1990 sau khi họp Hội nghị trung ương về đã nói : "Trong thời gian tôi họp ở trung ương, rất nhiều đại biểu, nhất là những đồng chí lão thành cứ về đến nhà nghỉ là đọc sách này, và thời gian giải lao ở hội trường hay gặp

nhau trao đổi về nó. Tôi giả vờ tò mò hỏi nội dung sách, họ đều trả lời là sách nói về cách dự đoán số mệnh. Bấy giờ tôi mới tin là có chuyện số mệnh và tôi cũng mê sách luôn". Tháng 3 năm 1991 một vị cán bộ cao cấp khi nhìn thấy tôi đã phẩn khởi bảo rằng : "Học viên trường Đảng chúng tôi hầu như mỗi người một quyển, ai cũng đọc sách anh, giáo viên cũng đọc. Sách của anh cứ đọc là thích, cầm lên rồi là đọc thâu đêm suốt sáng, không muốn bỏ ra, viết thật hấp dẫn".

4. Mở lớp học về "Chu dịch với dự đoán học"

Sách "Chu dịch với dự đoán học" được viết từ cuốn sách "Bài giảng về chu dịch với dự đoán học" của tôi dùng làm tài liệu giảng dạy trong cả nước. Đó là thành quả và kinh nghiệm của tôi trong học tập và ứng dụng dự đoán theo kinh dịch. Từ tháng 10 năm 1988 đến tháng 9 năm 1991 tôi đã tổ chức 25 lớp học ở các tỉnh và thành phố lớn như Tây An, Nam Kinh, Khai Phong, Thượng Hải, Thẩm Quyển, Liễu Châu, v.v... và các buổi báo cáo học thuật, số người tham gia hàng vạn trở lên. Trừ Tây Tạng ra, các tỉnh thành và Khu tự trị kể cả Hồng Kông, Áo Môn và Đài Loan đều gửi thư, cử người đến mời tôi mở lớp, trong đó có rất nhiều học viện lớn, còn có cả học viện quân sự. Nhưng một mình tôi không thể cùng đáp ứng mọi nơi trong thời gian ngắn, hơn nữa việc nghiên cứu cũng không nên đứt quãng nên đã không thỏa mãn được mong mỏi của nhiều nơi. Nhân dịp này tôi xin chân thành cảm ơn lời mời đầy nhiệt tình và sự tin cậy của mọi người.

Học viên của tôi cũng đến từ khắp nơi và đủ mọi ngành nghề. Trong học viên có cán bộ là cấp Cục, Sở, Ty còn có cả Phó tư lệnh, Chính ủy quân khu, có cán bộ ở Viện khoa học,

Trường ban nghiên cứu thuộc Viện khoa học. Những cán bộ cao cấp này và các học viên khác đều chăm chỉ lắng nghe, khiêm tốn học tập và đã đưa ra nhiều kiến nghị rất có ích trong ứng dụng. Trong các hội thảo về học thuật cũng có nhiều cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh, trường lớn đến dự.

Trong học viên còn có cả công an và những cán bộ làm công tác an ninh, họ xuất phát từ nhiệm vụ mà đến học. Có người do trước đây không hiểu biết về khoa học dự đoán thông tin lành, dữ, cho rằng đó là mê tín, sau khi nghe giảng, biết được điều tôi nói là dựa trên khoa học, là danh chính ngôn thuận ứng dụng "Chu dịch" nên đã chăm chú nghe, kết bạn với tôi, xem tôi là thượng khách. Cũng có những phóng viên báo cấp tỉnh, nói tôi đầu têu mê tín, định viết bài phê bình sách tôi. Tôi giải thích lại : "Nếu tôi sợ phê phán thì đã không dám viết "Chu dịch với dự đoán học". Nếu anh định phê phán thì tốt nhất trước hết nên đọc xem nội dung sách là khoa học hay mê tín, là duy vật hay duy tâm, trong sách nêu ra biết bao ví dụ có tên người, tên họ, có thời gian, địa điểm cụ thể, và tôi đã đoán đúng sự việc ra sao, sau đó lại phê bình cũng chưa muộn. Nếu chưa làm rõ đã vội vàng phê bình, thì chắc là không nên". Kết quả phóng viên đó không những đã nghe theo mà qua học tập, đã trở thành độc giả nhiệt thành và tích cực ủng hộ. Có người ban đầu còn phản đối mạnh mẽ hơn, nhưng cuối cùng cũng đã xem tôi là thầy giáo.

Sách "Chu dịch với dự đoán học" có mặt khắp nơi, các công trình "Bát quái và thông tin", "Biết tượng thì đã có lí ở trong", "Dùng bát quái đo địa chấn" đã công bố ở nước ngoài. Tháng 3 năm 1991 tôi được mời đi Singapo và Thái Lan giảng bài, việc đó là lần đầu xảy ra trong lịch sử ứng dụng dịch học của nước ta. Trong thời gian ở Singapo nhờ giảng lí luận tốt,

dự đoán đúng, sau khi có sự giám định của các chuyên gia hữu quan, họ đã phong tôi danh hiệu cao quý "Ngôi sao Bắc đẩu Kinh dịch". Điều đó đưa lại vinh quang cho đất nước, cho Kinh dịch. Đó cũng là sự khẳng định và đánh giá cao của nước ngoài đối với khoa học dự đoán thông tin theo "Chu dịch" của nước ta.

5. Thành quả ứng dụng sách "Chu dịch với dự đoán học"

Trong sách "Chu dịch với dự đoán học" tôi có nói : "Lý luận và phương pháp của một môn khoa học, chỉ khi ứng dụng vào thực tiễn và tạo ra được giá trị tinh thần và vật chất thì lý luận và phương pháp đó mới đáng được gọi là khoa học". Trong vườn hoa muôn màu của ứng dụng dịch học, quyển sách này giống như bông hoa tươi đẹp nhất, sự ra đời của nó đưa đến một mùa xuân rực rỡ. Việc phát hành nó đã thúc đẩy cho vườn hoa ứng dụng dịch học trăm hoa đua nở và trĩu quả bội thu khắp các ngành trong nước. Dùng phương pháp dự đoán thông tin theo Chu dịch ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong khoa học hiện đại và đã có cống hiến to lớn cho công cuộc bốn hiện đại hoá đất nước. Công tích của nó là không thể phủ nhận được. Dưới đây chỉ xin nêu mấy ví dụ để chứng minh.

Dùng bát quái dự đoán động đất đã bác bỏ được kết luận của các nhà khoa học Mỹ, điều đó lẽ nào không phải là kì tích trong lịch sử dịch học ? (Xem sách "Các ví dụ giải dự đoán theo Chu dịch" trang 37 về "Ngày 3 tháng 2 năm 1990 Nhật Bản sẽ không có động đất").

Tháng 10 năm 1990, một cán bộ chỉ huy tác chiến cao cấp của một bộ tư lệnh ở nước ta đã dùng phương pháp dự đoán giới thiệu trong sách, đã dự đoán đúng trước ba tháng cuộc

chiến tranh vùng Vịnh làm chấn động cả thế giới sẽ nổ ra từ 5 đến 9 giờ sáng ngày 17 tháng giêng năm 1991. Ngày 13 tháng giêng năm 1991 họ đã báo cáo lên bộ phận Chỉ huy cấp trên về việc này. Cấp trên đã hỏi lại họ : "Làm sao các anh biết được mấy giờ ngày ấy sẽ nổ ra ?" Họ trả lời là "Dùng bát quái tính ra". Cấp trên không chấp nhận và nói : "Bát quái có thể tính ra ngày, giờ đánh nhau thì cần gì đến ban chỉ huy chúng tôi nữa". Ngày 17 tháng giêng, quả nhiên trong thời gian dự đoán đã ứng nghiệm.

Tháng 2 năm 1992, có một học viên ở Trùng Khánh đã vận dụng bát quái đoán ra ngày 22 tháng 2 Vệ Tinh Ôxtraylia phóng không thành công, kết quả đúng như thế.

Ngày 1 tháng 3 năm 1993, một người phụ trách xí nghiệp của thành phố Thẩm Quyến mời tôi đoán muốn biết người khác có một ngân phiếu trị giá 50 triệu đôla định đổi lấy 500 triệu nhân dân tệ xem có nên đổi không. Căn cứ vào quẻ gieo tôi nói ngân phiếu này giả, không nên đổi để khỏi bị lừa. Sau đó kiểm tra phiếu quả đúng là giả, tránh được tổn thất 500 triệu cho Nhà nước. Tháng 7 năm 1993 tướng Trương Chấn Hoàn gửi thư bảo tôi dự đoán Trung Quốc xin đăng kí Á vận hội năm 2000 có được không ? Tôi đã đoán và sau báo với ông không được, kết quả đúng.

Dùng bát quái đoán thông tin, không những đã đạt được thành tích đáng mừng trong quản lí xí nghiệp mà trong dự đoán thông tin tiền tệ đã tỏ rõ ưu việt đặc biệt của nó. Mọi người đều biết, thị trường cổ phiếu ở Trung Quốc ngoài quy luật dao động nói chung ra, yếu tố nhân tạo không thể bằng máy tính hoặc tâm lí mà phán đoán được, nhưng dùng bát quái thì lại thấy rõ thiên cơ, điều đó đối với thị trường cổ phiếu, nơi mà yếu tố nhân tạo có tác dụng chi phối chính thì nếu kết hợp cả hai cái một cách hữu cơ, độ chính xác của

dự đoán sẽ rất cao. "Nhật báo Hải Nam" tháng 2 năm nay (tức năm 1993) đã đưa tin dùng bát quái dự đoán cổ phiêu, độ chính xác đạt 98%.

"Chu dịch" đã tồn tại và kéo dài mấy nghìn năm, trải qua thử thách các triều đại, nhưng với sức sống mãnh liệt nó vẫn tồn tại đến ngày nay và đang tiếp tục cống hiến cho nhân loại. Ngày nay việc ứng dụng chu dịch, thuật số không những được Nhà nước, Chính phủ coi trọng mà còn được Bộ quốc phòng coi trọng. Chính phủ đã cho phép tư nhân, tập thể xin đăng kí công khai mở dịch vụ dự đoán. Ví dụ ở Tây An có ba văn phòng, Thẩm Quyển : 2, Trưng Khánh 2, Thượng Hải 1... các xí nghiệp trung ương, địa phương đều lập tổ chức dự đoán thông tin, dự đoán thiên tai và các loại sự cố khác để phòng tránh tai hoạ, giảm bớt sự cố và bảo vệ an toàn tính mệnh, tài sản cho nhân dân, đã đem lại lợi ích to lớn.

Một cao trào có tính chất toàn dân coi trọng công tác dự đoán, ứng dụng rộng rãi dự đoán thông tin đang hình thành. Đó không những là tiến bộ của văn minh nhân loại mà còn là quy luật tất nhiên trong lịch sử phát triển của xã hội. Ngày 16 tháng 9 năm 1993 ở thành phố An Dương Trung Quốc đã triệu tập cuộc "Hội thảo học thuật quốc tế lần thứ 5 về Chu dịch và hiện đại hóa". Đó là cuộc hội nghị mang tầm quốc tế để tổng kiểm duyệt, đại tổng kết, khơi dậy rộng rãi sự ứng dụng "Chu dịch". Sau hội nghị này sẽ nhen lên một cao trào mới về ứng dụng "Chu dịch".

6. Cơ sở "Chu dịch" là sự tất nhiên của phát triển xã hội

Sau cuộc Hội thảo học thuật Chu dịch quốc tế lần thứ 4 họp ở Tế nam năm 1987, trong toàn quốc đã dấy lên một cao trào học tập, nghiên cứu "Chu dịch" mang tính quần chúng

rộng rãi. Tháng 5 năm 1990, cuốn "Chu dịch với dự đoán học" của tôi ra đời, lại hình thành điểm nóng của cao trào đó.

Việc Nhà nước đã bắt đầu coi trọng các cơn sốt ứng dụng "Chu dịch", cơn sốt tướng học, phong thủy, mệnh lí, không những đã xuất bản được rất nhiều loại sách ứng dụng, mà các chính quyền địa phương còn cho phép công khai mở dịch vụ. Nhưng trên thực tế vẫn tồn tại hai khuynh hướng khác nhau. Một bên là những lí luận gia, những nhân sĩ có quan điểm cũ, ra sức hạ thấp và công kích giá trị ứng dụng của "Chu dịch". Có cả những người đem bát quái của Chu dịch vốn ra đời trước xã hội phong kiến mấy nghìn năm phê thành "mê tín phong kiến", với cái mũ duy tâm vốn không thể giúp sáng tạo ra vật chất và tinh thần chụp lên đầu ứng dụng dịch học.

Ở xã hội xa xưa, dưới điều kiện công nghiệp và khoa học chưa phát triển, dự đoán theo "Chu dịch" là khoa học tiên tiến nhất thời đó. Người xưa dùng nó đoán thời tiết, bệnh tật, thu hoạch mùa màng, thiên tai, cát hung, họa phúc... dùng trí tuệ khoa học để chiến thắng thiên tai, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Mấy nghìn năm sau, giá trị thực tế của nó tồn tại tự nhiên và ngày càng phát triển, hoàn thiện.

Nếu phủ nhận nó toàn bộ tức là phủ nhận lịch sử, phủ nhận khoa học. Xã hội hiện đại đã bước vào thời đại điện tử, nhưng đều phát triển từng bước mà đi lên. Quê ly trong bát quái của "Chu dịch" ra đời cách đây mấy nghìn năm là đại biểu cho điện, ngày nay khoa học dự đoán cho nó một tên mới vẫn có thể lấy nó để phục vụ xã hội hiện đại.

Khuynh hướng thứ hai là rất nhiều cán bộ, kể cả cán bộ cao cấp họ kiên định tin ở dự đoán thông tin, không những học tập mà còn cố vũ bằng lời nói, việc làm, đảm nhiệm các

chức vụ lãnh đạo Hội nghiên cứu "Chu dịch", mở rộng tuyên truyền, cống hiến cho công việc. Nhưng cũng có không ít cán bộ trong lòng còn do dự. Cũng có những độc giả sợ khí chính sách Nhà nước thay đổi sẽ bị phê bình. Đó là vì họ chưa hiểu được tam nguyên cứu vận mà thôi.

Những sách "Chu dịch" về dự đoán thông tin đã bị cấm khoảng 40 năm nay. Sau khi cải cách mở cửa lại còn có người luôn phê phán, châm biếm trên báo chí. Vì sao lại phê không đố, cấm không nổi ? Thậm chí ngay trong đại hội thể thao lần thứ 7 còn tuyên truyền một cách chính thức, phò ra một cách tự hào trước thế giới rằng tinh hoa của dân tộc Trung Hoa là hình bát quái. Vì sao vậy ?

Vì sao lại nói cơn sốt "Chu dịch" là quy luật tất yếu của sự phát triển xã hội, hơn nữa là quy luật bất khả kháng ? Chỉ cần xem tam nguyên cứu vận dưới đây thì sẽ rõ.

Thiên can địa chi âm dương ngũ hành của tổ tiên ta là phát minh sớm nhất đáng được tự hào của nước ta. Quy tắc làm lịch của Nhà Hạ cho đến nay vẫn còn giá trị to lớn đã chứng minh điều đó. Về sau phối hợp lại thành 60 hoa giáp tí, sau một thời gian dài lại phát minh ra tam nguyên cứu vận. Tam nguyên cứu vận bắt đầu được tính từ đời hoàng đế (Hiên Viên) hoa giáp tí thứ 78.

Một hoa giáp tí là một nguyên, hoa giáp thứ nhất là thượng nguyên, hoa giáp thứ hai là trung nguyên, hoa giáp thứ ba là hạ nguyên. Tam nguyên cộng lại là 180 năm. 180 năm này theo 9 cung của bát quái, mỗi cung quản 20 năm. Tức 1 - cung khảm, 2 - cung khôn, 3 - cung chấn, 4 - cung tốn, 5 - cung giữa, 6 - cung càn, 7 - cung đoài, 8 - cung坎, 9 - cung lý, sau 1 vòng lại lập lại. Vòng thượng nguyên cận đại này bắt đầu từ năm 1864.

1 - cung khâm : từ năm 1864 - 1883	}	Thượng nguyên
2 - cung khôn : từ năm 1884 - 1903		
3 - cung chấn : từ năm 1904 - 1923		
4 - cung tốn : từ năm 1924 - 1943	}	Trung nguyên
5 - cung giữa : từ năm 1944 - 1963		
6 - cung kiến : từ năm 1964 - 1983		
7 - cung đoài : từ năm 1984 - 2003	}	Hạ nguyên
8 - cung cấn : từ năm 2004 - 2023		
9 - cung ly : từ năm 2024 - 2043		

Xem bảng trên ta biết được, chúng ta hiện nay đang ở vào cung thứ 7 của tam nguyên, tức tam nguyên thất vận, chủ vận cung đoài. Vận này là vận của y bác, khí công, những công năng đặc biệt phát triển mạnh. Do đó nước ta và thế giới sẽ thịnh hành các môn y bác, toán quái, mệnh lý, khí công và các công năng đặc biệt. Đó cũng là kết quả tất yếu giữa sự ứng thuận của quả đất và toàn vũ trụ. Cung thứ 8 là cấn, 9 ly, 1 khâm, cho nên 80 năm sắp tới sẽ là thời kỳ thuật số dự đoán thịnh hành.

7. Phương pháp mới dự đoán theo kinh dịch

Vì dự đoán thông tin theo dịch học được ứng dụng rộng rãi vào khoa học hiện đại, thành tựu của nó ngày càng được nhiều người tiếp thu và thừa nhận, nên số người có nguyện vọng học tập dự đoán học theo kinh dịch một cách hệ thống rất nhiều. Để đáp ứng yêu cầu đó, thành phố An Dương tỉnh Hà Nam đã thành lập Học viện kinh dịch, tuyển sinh khắp trong và ngoài nước và hàm thụ có tính toàn quốc để bồi dưỡng nhân tài dịch học cho các trọng điểm Nhà nước.

Để giải quyết vấn đề giáo trình, trường Đại học nhân dân Trung Quốc, trường Đảng trung ương, Trung tâm các trường

đại học và Học viện kinh dịch An Dương đều nhất trí kiến nghị lấy sách "Chu dịch và dự đoán học" làm giáo tài và muốn tôi đổi nó thành "Giải nghĩa Chu dịch dự đoán học".

Lần này đổi sách "Chu dịch với dự đoán học" thành tài liệu giảng dạy, thứ nhất là để thỏa mãn nhu cầu dạy học và rộng rãi độc giả ; thứ hai là có nhiều chỗ sai trong nguyên bản và trong các bản in trộm cần được hiệu đính, bổ sung ngay ; thứ ba là để mở rộng nghiên cứu ứng dụng một cách sâu rộng hơn. Cuốn giải nghĩa xuất bản lần này đã bổ sung thêm "chương vận hạn của cuộc đời" và hai tiết "Bàn về nhập mộ", "du hôn, quy hôn" trong cuốn cũ chưa có. Đồng thời vì mọi người rất xem trọng âm dương, phong thủy của nhà ở, đặc biệt là không biết được sự lành, dữ về xây nhà, mua nhà, phân nhà, thuê nhà, thương trường, viết chữ... cho nên trong cuốn giải nghĩa này đã tăng thêm chương dự đoán về lành, dữ của nhà ở.

Sau khi xuất bản cuốn "Chu dịch với dự đoán học", đồng đảo độc giả trong và ngoài nước với thái độ nhiệt tình, thành khẩn, quan tâm đã nêu ra những sai sót và còn thiếu trong sách, nhân dịp này tôi xin gửi đến các độc giả đó lời cảm ơn chân thành nhất và rất mong muốn được độc giả tiếp tục chỉ ra những khiếm khuyết đang còn trong sách. Ở đây, tôi muốn thông báo một tin vui đến độc giả trong và ngoài nước, để đáp ứng nguyện vọng đã từ lâu và yêu cầu tha thiết của độc giả, tôi đang chuẩn bị mở lớp hàm thụ dự đoán "Chu dịch", "Tứ trụ". Tháng 9 năm nay quê hương Hồ Bắc đã thành lập "Trung tâm dự đoán thông tin Thiệu Vi Hoa, thành phố Ngạc Châu", hiện nay đã được Sở Giáo dục thành phố cho phép, tức tháng 8 năm 1994 đến tháng 6 năm 1995 sẽ tổ chức lớp hàm thụ cho toàn quốc. Ai được tin này, cần học xin báo tên cho tôi. Lớp dự đoán theo "Chu dịch" thu học phí 200 đồng

(nhân dân tệ), lớp "Tứ trụ" thu 350 đồng, đó là học phí của một đợt học. Học phí này chỉ bằng một nửa học phí của các lớp hàm thụ bình thường. Tất cả các chi phí cho : sách học, tài liệu, phụ đạo, giải đáp, chi phí bưu điện, bằng tốt nghiệp, phiếu dự đoán, phí huy hiệu (học viên) v.v... đều gửi cho Thiệu Vĩ Hoa - Trung tâm dự đoán phòng 402 nhà số 27 đường Nam Phố thành phố Ngạc Châu tỉnh Hồ Bắc, mã số bưu điện 436000 (Bưu điện Ngạc Châu sẽ trực tiếp báo ghi tên ở trung tâm).

Trong phiếu gửi tiền cần ghi rõ địa chỉ và mã số bưu điện để Trung tâm tiện liên lạc. Lớp hàm thụ lấy tự học làm chính. Đối với những tỉnh, thành phố số học viên nhiều, tôi sẽ đích thân đến giảng 1 lần. Cuối năm có kiểm tra, người đạt yêu cầu sẽ cấp bằng. Trung tâm chúng tôi ngoài mở lớp hàm thụ ra, còn mở lớp nghiệp vụ Tư vấn dự đoán thông tin.

Ngoài ra, chỗ ngài Lương Dịch Minh có đủ các sách dịch học, huyền học, địa chỉ liên hệ là Phòng sách báo Công ty xuất bản thông tin Quảng Đông - số 2 nửa phía tây nhà số 3, đường Đông Viên Hoành, thành phố Quảng Châu tỉnh Quảng Đông, mã số bưu điện : 510100

Ngạc Châu, tháng 10 năm 1993

THIỆU VĨ HOA.

THAY LỜI TỰA

NHÀ HỌC GIẢ DỪNG BÁT QUÁI DỰ ĐOÁN TƯƠNG LAI

- Ghi chép Thiệu Vĩ Hoa và "Bát quái với thông tin" của ông

LÝ TRÌNH

Mưa xuân thấm vào đêm. Vạn vật như chìm trong yên lặng. Đúng lúc đó, phía sau cửa sổ phòng học ở một ngôi trường tại thành phố Quảng Châu, ánh đèn vẫn hắt lên rất sáng. Trong lớp, tuy số học viên đông ngồi chật cả phòng lớn, nhưng vẫn im phăng phắc. Mọi người đang tập trung lắng nghe một vị học giả trạc tuổi trung niên mắt đeo kính, phong độ thoải mái đang giảng bài. Người đó chính là Thiệu Vĩ Hoa.

Ngày 26 tháng 5 năm 1988, tờ "Báo buổi chiều Trịnh Châu" đăng trên trang nhất một bản tin không bình thường : một em trai hai tuổi tên là Thượng Hồ ở nhà trẻ của một công ty nọ bị ai bắt đi mất. Sự việc xảy ra vào khoảng 9 h sáng ngày 27 tháng 4. Hôm đó vì trời nóng, cô giáo bỏ các em lên xe để đưa ra hóng mát. Lúc đó, bé Hồ báo cô muốn đi ngoài, cô đã cho cháu tự đi và quên không đóng cửa nhà trẻ. Một lúc sau, cô giáo không thấy bé Hồ đâu, lo cưỡng lên tìm kiếm khắp nơi. Khoảng 12 h trưa, lãnh đạo mới biết việc này, liền động viên cán bộ toàn công ty ra ga tàu, bến xe và các ngã đường tìm kiếm, nhưng vẫn không thấy tông tích em bé ở đâu. Gần một tháng trôi qua, gia đình và công ty tìm khắp tỉnh Hà Nam và đăng tin tìm trên các báo Trịnh Châu, Hà Nam, đài truyền hình tỉnh đưa tin liên tục, nhưng vẫn bắt

vô âm tín. Số phận rui ro của Thượng Hồ làm cho nhiều người xúc động lo lắng. Rất nhiều độc giả quan tâm đến cháu, cung cấp nhiều manh mối, nhưng vẫn chẳng đến đâu. Đúng thời gian đó, có một cán bộ ở Hội liên hiệp văn xã Trịnh Châu đọc được tin này trên báo, liền lập tức viết thư cho Thiệu Vĩ Hoa nói rõ đầu đuôi, nhờ ông dự đoán. Thiệu Vĩ Hoa rất nhanh dự đoán : 1) Cháu bé còn sống ; 2) Đang ở phía tây nam ; 3) Tên bắt trộm ở phía đông bắc đến ; 4) Nó trèo tường hoặc vượt rào vào ; 5) Cô giáo lúc đó đang bị bắt vào công việc ; 6) Kẻ trộm cao 1m66 trở lên, đội mũ ; 7) Cháu bé từ cuối tháng 5 âm lịch trở đi và trước tháng 6, 7 gì đó sẽ trở về. Đoán xong ông liền báo cho người hỏi. Quả nhiên, gia đình cháu theo lời đoán của ông đã tìm thấy cháu bé ở tỉnh Sơn Đông vào ngày 30 tháng 8 (tức 19 tháng 7 âm lịch). Việc này nghe ra có vẻ "huyền bí", nhưng phương pháp dự đoán của Thiệu Vĩ Hoa quả thật là từ nghiên cứu "Chu dịch" mà ra.

Quách Mạc Nhược từng nói : "Chu dịch" là một cung điện thần bí. Nó sở dĩ là thần bí vì nó được xây bằng những viên gạch thần bí - đó là bát quái. Do đó cho mãi đến thế kỉ 20 hiện đại, cung điện này vẫn tán phát ra những ánh hào quang thần bí. Vậy Thiệu Vĩ Hoa đã đi vào cung điện thần bí này như thế nào ? Nói ra thì, do đủ mọi nguyên nhân, bảo vật do tổ tiên ta phát minh ra lại thuộc loại "hoa trong tường, thơm ngoài tường". Người nước ngoài nghiên cứu về mặt này đã đi trước chúng ta, còn chúng ta nói ra thêm hử thẹn, trước kia tuy có người nghiên cứu, nhưng cũng chỉ là xuất phát từ quan điểm thuần triết học mà nghiên cứu. Cách đây mấy năm, trên thị trường sách căn bản không thể tìm thấy bóng dáng của cuốn "Chu dịch" này. Thiệu Vĩ Hoa nghiên cứu "Chu dịch" trong điều kiện kinh tế rất khó khăn, ghi chép trên giấy

loại, trên vỏ bao thuốc... Khi ông nghiên cứu, người ta bảo ông đang làm việc mê tín phong kiến, mở hội nghị to, hội nghị nhỏ phê ông, nói ông làm ô nhiễm tinh thần. Năm 1984 chính Đảng, nói cần khai trừ ông khỏi Đảng. Thật là khó khăn chống chọi. Nhưng ông vẫn kiên trì không thay đổi. Tháng 9 năm 1984, ông lần đầu gửi kết quả nghiên cứu của mình cho một tạp chí. Trong một tài liệu lưu hành nội bộ, Phó chủ nhiệm Ủy ban công nghiệp quốc phòng trung ương - Trương Chấn Hoàn đọc thành quả nghiên cứu của ông, do đó, tháng 2 năm 1985 đã gặp riêng ông ở Tây An. Trương Chấn Hoàn cổ vũ ông, mong ông tiếp tục cố gắng. Từ đó ông càng nỗ lực đi sâu nghiên cứu. Tháng 8 năm 1988, ông tham dự hội thảo nghiên cứu "Chu dịch" toàn quốc họp ở tỉnh Quảng Châu, ông được bầu vào Đoàn chủ tịch đoàn tham gia lãnh đạo hội nghị.

Thiệu Vĩ Hoa nghiên cứu "Chu dịch" chủ yếu trên phương diện khoa học tự nhiên như : dự báo khí hậu, động đất, thiên tai, các bệnh dịch, sự cố công nghiệp. Dưới đây cử vài ví dụ :

Ngày 14 tháng 9 năm 1983 Thiệu Vĩ Hoa đoán ngày 16 tháng 9 ở Thượng Hải có mưa, khẳng định Đại hội thể thao toàn quốc không thể khai mạc đúng giờ. Quả nhiên ngày 16 mưa và Đại hội phải hoãn đến ngày 18 mới khai mạc.

Chiều ngày 16 tháng 4 năm 1986, ông Trương Mưu ở đơn vị ông Hoa nói nhà bị mất cắp, nhờ Thiệu Vĩ Hoa đoán xem có thể phá án không, đồ đạc có lấy lại được không. Thiệu Vĩ Hoa bảo : "Thứ nhất, những thứ rất có giá trị, cất ở chỗ cao nhất trong nhà đã bị mất cắp ; thứ hai : Sở công an không tìm ra đường dây nào, và cũng không có ai chỉ giúp ; thứ ba : bọn trộm từ phía đông nam đến ; thứ tư : bọn trộm có ba tên, hai nam một nữ, một nam mặt hơi đen, 1 nam mặt hơi vàng, tên nữ mặc áo đỏ. Tội phạm chính là tên mặt vàng,

người gầy nhỏ, mặc áo lính, đội mũ lính, cao 1m57 ; thứ năm : chúng trộm xông đi đến gốc cây phía tây bắc, sau đó đi theo hướng đông nam ; thứ sáu : khoảng tháng ba âm lịch năm nay sẽ phá án, có thể thu hồi được một phần tài sản". Việc xong xuôi, ông Trương nói : "Bát quái thần kỳ quá, tháng ba đã phá án, tội phạm chính sắc mặt vàng, người gầy nhỏ, mặc áo lính, đội mũ lính, cao 1m57. Những cái khác không sai gì lời ông đoán. Nhưng chúng chỉ thừa nhận có hai nam, không có nữ". Thiệu Vĩ Hoa nói : "Có một nữ là kẻ oa trử, chẳng qua không xuất hiện mà thôi".

Tháng 6 năm 1985, lúc đó ông Hoa ốm nằm viện, ông Thi nằm cùng phòng bệnh với ông Hoa xin bác sĩ xuất viện, Thiệu Vĩ Hoa khuyên ông không nên ra viện, hơn nữa ngày chủ nhật không được đi đâu. Đúng hôm chủ nhật, ông Thi ở nhà không đi đâu nhưng hơn bốn giờ chiều đã khiêng vào viện cấp cứu. Bác sĩ hỏi Thiệu Vĩ Hoa : "Làm sao ông biết bệnh ông ta cấp biến ?" "Tì tính toán ra". Bác sĩ lại yêu cầu ông Hoa đoán xem ông Thi bị bệnh gì, ông Hoa đoán ngay : "Bệnh về máu". Bác sĩ kinh ngạc và ra hiệu phải bí mật. Thiệu Vĩ Hoa còn đề nghị bác sĩ phải chú ý những ngày nào, chỉ có qua được những ngày đó mới bình yên vô sự. Về sau quả đúng như thế.

Ba giờ chiều ngày 31 tháng 12 năm 1985, Trương Mưu yêu cầu Thiệu Vĩ Hoa dự đoán xem kết quả thi đấu của đội bóng chuyển nữ Trung Quốc với liên đội ngôi sao thế giới ở Thượng Hải sẽ ra sao... Ông Hoa đoán là đội Trung Quốc thắng. Đến hiệp năm, liên đội thế giới dẫn đầu 8-2, Trương Mưu nói : "Chú Thiệu lần này đoán sai rồi ! Thử đoán lại xem". Thiệu nói : "Không cần đoán lại đâu, tôi đã viết rõ trên giấy là đội ta chuyển bại thành thắng cơ mà !". Về sau quả đúng như thế.

Ngày 3 tháng 3 năm 1988 Trương Chấn Hoàn gửi thư cho Thiệu Vĩ Hoa nhờ đoán dịch viêm gan ở Thượng Hải bao giờ thì đỡ. Ông Hoa đoán xong gửi thư trả lời : Tháng ba được không chế lại, tháng 4 tháng 5 thì sẽ qua khỏi. Ít lâu sau đó Đài phát thanh Trung ương đưa tin là dịch không phát triển nữa.

Ngày 26 tháng 12 năm 1986 Thiệu Vĩ Hoa đoán đầu năm sau có hạn nên đề nghị tỉnh ủy Thiểm Tây làm thủy lợi và quan tâm sản xuất lương thực. Lãnh đạo tỉnh đã nghe theo và ra sức phòng hạn.

Ở đây có một việc rất đáng nêu lên là tháng 6 năm 1989 ở vòng ngoài tranh cúp bóng đá thế giới, đội Trung Quốc gặp đội Iran, Thiệu Vĩ Hoa đã dự đoán : Cộng hai trận lại đội Trung Quốc nhất định chuyển bại thành thắng. Độc giả ai cũng nóng lòng chờ đợi (Theo tác giả bài báo : Đấu năm 1989 Thiệu Vĩ Hoa đoán thi tháng 3 tác giả công bố tin này trên báo Nam Phong. Ba tháng sau, kết quả thi đấu của hai đội hoàn toàn khớp với dự đoán. Nhân việc đó rất nhiều độc giả đã gửi thư đến chúc mừng Thiệu Vĩ Hoa. Vì Thiệu Vĩ Hoa không thể cảm ơn từng độc giả được nên nhân dịp này Ban biên tập sách chúng tôi thay ông gửi lời cảm ơn đến các độc giả).

Thiệu Vĩ Hoa đã nhiều lần được Trương Chấn Hoàn - Phó chủ nhiệm ủy ban khoa học quốc phòng Trung ương gặp gỡ và quan tâm, được các bộ môn hữu quan của Viện khoa học xã hội Trung Quốc coi trọng. Ông là cố vấn của Hiệp hội công lý, công pháp của tỉnh Thiểm Tây và là phó thư kí Hội nghiên cứu Kinh dịch của tỉnh Quảng Đông, phó văn phòng Hội nghiên cứu Kinh dịch tỉnh Giang Tô, cố vấn Tạp chí Kinh dịch, đã nhiều lần mở lớp học và báo cáo học thuật về Kinh dịch ở Bắc Kinh, Tây An, Nam Kinh, Khai Phong, v.v... Trước

mất đang mở lớp học kỳ II ở trường khí công Báo lâm Quảng Châu và đang chuẩn bị mở học kỳ III. Đầu tháng này (tháng 7-1989) Ông vừa nhận được thư của Hội nghiên cứu Kinh dịch quốc tế, chuẩn bị kết nạp ông làm hội viên (theo tác giả : Năm 1989 ông đã chính thức gia nhập hội này ; năm 1990 ông đến Quảng Châu, Thẩm Quyến giảng bài).

Khi đoàn Đại biểu Nhật Bản đem bát quái - Vương miện của khoa học, do Thiệu Vĩ Hoa thiết kế ra để làm tài liệu dự đoán quay thành phim truyền hình, ông quả thật cảm thấy Kinh dịch là niềm kiêu hãnh của người Trung Quốc, chúng ta cũng đáng lấy đó làm niềm tự hào.

(Nguyên đăng ở báo Nam Phong số 7 tháng 3 - 1989)

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu 7

Phần một

"CHU DỊCH" VỚI KHOA HỌC DỰ ĐOÁN

Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ CHU DỊCH

- I. Tiên thiên bát quái của Phục Hi 13
- II. Hậu thiên bát quái của Văn vương 16
- III. Hà đồ, lạc đồ 21
- IV. Nguồn gốc của bát quái 25
- V. Thời đại Kinh dịch thành sách 27
- VI. Sự hình thành và phát triển của Chu dịch 29

Chương 2. KHÁI QUÁT NGUYÊN LÝ CỦA QUÊ

- I. Sự sắp xếp của 64 quẻ 32
- II. Tượng quẻ 37
- III. Ngôi của quẻ 56
- IV. Tượng hào, số hào 57
- V. Ngôi hào 58
- VI. Số của đại diện 61
- VII. Nguyên, hanh, lợi, trinh 62
- VIII. Cát, lận, lệ, hối, cửu, hung 64

Chương 3. BÁT QUÁI VÀ KHOA HỌC HIỆN ĐẠI	
I. Về vấn đề mê tín phong kiến của bát quái	67
II. Bát quái và khoa học (1)	74
III. Bát quái và khoa học (2)	80
Chương 4. BÁT QUÁI VÀ DỰ DOÁN THÔNG TIN	
I. Cơ thể và thông tin	88
II. Học thuyết âm dương	90
III. Học thuyết ngũ hành	93
IV. Thiên can	97
V. Địa chi	99
VI. Bảng sáu mươi giáp tí và những vấn đề khác	105
VII. Thần, sát	123
VIII. Mối quan hệ giữa âm dương ngũ hành và cơ thể	129
Chương 5. PHƯƠNG PHÁP DỰ DOÁN THEO BÁT QUÁI	
I. Phương pháp dự đoán và quá trình phát triển của nó	143
II. Phương pháp tính toán bát quái	148
III. Phép biến đổi lẫn nhau của quẻ thể và quẻ dụng	155
IV. Ví dụ cổ	187
V. Ví dụ ngày nay	190
VI. 18 việc thường dự đoán	196

Phần hai

PHƯƠNG PHÁP ĐOÁN THEO SÁU HÀO

Chương 6. NẠP GIÁP	
I. Phương pháp gieo quẻ	207
II. Toàn bộ tượng hào của 64 quẻ	209

III. Định cục hỗn thiên giáp tí	217
IV. Phương pháp xác định hào thế, hào ứng	221
V. Trì thế của các hào	222
Chương 7. CÁCH ỨNG DỤNG LỤC THÂN	
I. Cách sắp xếp lục thân	224
II. Cách chọn dùng lục thân	225
III. Lục thân phát động	226
IV. Lục thân biến hóa	227
V. Sáu hào động biến	227
VI. Thập thiên can phối lục thân	228
VII. Lục thân phát động	230
Chương 8. BÀN VỀ CÁC THẦN	
I. Dụng thần	231
II. Nguyên thần, kỵ thần, cứu thần	232
III. Bàn về nguyên thần, kỵ thần	233
IV. Tiến thần, thoái thần	237
V. Phi thần, phụ thần	239
VI. Dụng thần hiện hai lần	243
Chương 9. NGŨ HÀNH SINH KHẮC	
I. Ngũ hành tương sinh của hào	247
II. Ngũ hành tương khắc của hào	249
III. Lục hợp của hào	251
IV. Lục xung của hào	255
V. Sinh, khắc, xung, hợp của hào	258
VI. Tam hợp hóa cục của hào	260
VII. Tam hình của hào	263

Chương 10. ĐỘNG BIẾN

I. Sinh, khác của quê biển	266
II. Sinh, khác của động, tĩnh	267
III. Sinh, khác, xung, hợp của động biến	268
IV. Âm động	269
V. Độc phát, độc tĩnh	270

Chương 11. SINH VƯỢNG CỦA TỬ THỜI

I. Vượng tướng của tử thời	272
II. Sinh, vượng, mộ, tuyệt	273
III. Bàn về nhập mộ	275
IV. Quyển của nguyệt kiến	278
V. Nguyệt phá	279
VI. Lệnh của nhật kiến	281
VII. Tuần không của hào	284

*Chương 12. PHẢN NGÂM, PHỤC NGÂM,
DU HỒN, QUY HỒN VÀ THÂN QUÊ*

I. Phản ngâm của hào, của quê	287
II. Phục ngâm của hào, của quê	290
III. Du hồn, quy hồn	294
IV. Thân quê	295

*Chương 13. ĐOÁN Ý CỦA NGƯỜI ĐẾN ĐOÁN
VÀ CÁCH XÁC ĐỊNH THỜI GIAN ỨNG NGHIỆM*

I. Đoán ý của người đến xin đoán	300
II. Xác định thời gian ứng nghiệm	304

Chương 14. CÁC THÔNG TIN VỀ THẾ GIỚI TỰ NHIÊN

I. Dự đoán thời tiết	311
II. Đoán thời vận trong năm	323

Chương 15. VẬN HẠN CUỘC ĐỜI	
I. Lấy quẻ ngày giờ sinh để đoán cuộc đời	336
II. Đoán vận hạn cuộc đời	339
Chương 16. HỌC TẬP, SỰ NGHIỆP	
I. Đoán về học tập, thi cử	345
II. Đoán công danh	353
Chương 17. HÔN NHÂN	
I. Dự đoán về hôn nhân	366
II. Đoán về phương kết hôn	372
Chương 18. CON CÁI	
I. Đoán có thai	378
II. Đoán về việc sinh đẻ	384
IV. Đoán con tốt hay xấu	387
Chương 19. TÀI VẬN	
I. Dự đoán cầu tài	391
II. Dự đoán về buôn bán, kinh doanh	401
Chương 20. ĐOÁN NGƯỜI ĐI XA	
I. Đoán hướng người đi xa (phần 1)	408
II. Đoán hướng người đi xa (phần 2)	416
III. Đoán xuất hành	423
Chương 21. KIẾN TỤNG	
I. Dự đoán về kiện tụng	429
II. Đoán về mất của	436

Chương 22. DOÁN VỀ BỆNH TẬT, BỊ THƯƠNG

- | | |
|---------------------------------|-----|
| I. Dự đoán bệnh tật (phần 1) | 451 |
| II. Dự đoán bệnh tật (phần 2) | 454 |
| III. Dự đoán tai nạn, bị thương | 468 |

Chương 23. DOÁN VỀ NHÀ CỬA

- | | |
|---|-----|
| I. Các hào luận về cát, hung của nhà cửa | 473 |
| II. Lục thần bàn về cát, hung của nhà ở | 479 |
| III. Căn cứ vào tượng của hào thế, hào ứng
để bàn về cát, hung của nhà ở | 483 |
| IV. Căn cứ lục thần để bàn về cát, hung nhà ở | 486 |
| V. Ví dụ thực tế | 488 |

LỜI NÓI ĐẦU

"Chu dịch" là bộ sách kinh điển lâu đời nhất, có uy quyền nhất, nổi tiếng nhất ở Trung Quốc, là kết tinh trí tuệ thông minh của tổ tiên dân tộc Trung Hoa. Trong dòng lịch sử hàng nghìn năm, nó phải trải qua bao gập ghềnh, thử thách, có khen, có chê, lúc suy lúc thịnh, song quả thật nó đã âm thầm cống hiến to lớn cho nền văn hóa của Trung Quốc và nhân loại.

Bộ "Chu dịch" này nói về lý, tượng, số, chiêm. Về hình thức và phương pháp giống như là tác phẩm chuyên nói về âm dương bát quái. Nhưng thực chất là nói về vấn đề cốt lõi nhất, là vận dụng thuyết "một phân làm hai", phương pháp luận vũ trụ quan đối lập thống nhất và phương pháp duy vật biện chứng, nêu lên những quy luật phát triển và biến hóa của vạn vật, nguyên tắc đối lập thống nhất, đồng thời vận dụng thế giới quan này, vận dụng bát quái để dự đoán các thông tin về tự nhiên, xã hội và thân thể con người. Nội dung của "Chu dịch" rất phong phú, phạm vi đề cập rất rộng, trên nói thiên văn, dưới bàn địa lý, giữa nói đến con người, đề cập từ khoa học tự nhiên đến khoa học xã hội, từ nền sản xuất đến cuộc sống, từ đế vương, tướng lĩnh phải trị nước ra sao đến người dân bình thường sống sao cho phải đạo, tất cả đều nói rất tỉ mỉ, thật là khắp trong trời đất, không gì không nói tới. "Chu dịch" là khởi nguồn và cơ sở của dự đoán học, của khoa học thông tin nước ta. Lời quẻ (quẻ từ) và lời hào

(hào tử) của 64 quẻ trong "Chu dịch" không những đã ghi chép một cách hệ thống khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học nhân thể và y học, phản ánh được những thông tin tiềm tàng trong quá khứ, hiện tại và tương lai mà còn ghi lại phương pháp quý báu về dự đoán thông tin.

Trong "Chu dịch" việc phát minh ra cách vận dụng bát quái để dự đoán thông tin chính là trí thông minh và thế giới quan duy vật của nhân dân Trung Quốc. Trong cuộc sống thường ngày, khi gặp việc khó khăn, họ đã không bó tay chờ may rủi mà dùng phương pháp khoa học, vận dụng bát quái để dự đoán thông tin, dự đoán những tin lành, tin dữ của tự nhiên và con người, cố gắng đến mức tiên lượng được sự việc, thực hiện phương châm có phòng ngừa có đỡ ! Từ đó mà nhận thức xã hội, cải tạo xã hội được nhiều hơn, đẩy xã hội tiến lên phía trước. Cho nên nói 64 quẻ trong "Chu dịch" hàm chứa một kho thông tin rất lớn.

Ngày nay trên thế giới, "Chu dịch" được gọi bằng những tên đẹp đẽ như "đại số học vũ trụ", "hòn ngọc của vương miện khoa học". Nó không phải là "mê tín phong kiến", "chủ nghĩa duy tâm" mà là cội nguồn của chân lý. Chủ tịch Hội Kinh dịch học quốc tế - Ngài Thành Trung Anh nói : "Chu dịch" không những là của Trung Quốc, mà còn là của phương Đông, càng là của thế giới, không những là cổ đại mà còn là hiện đại, càng là của tương lai. "Chu dịch" là khoa học dự đoán, là khoa học quyết sách".

Năm 1984, các nhà dịch học nước ta đã triệu tập cuộc hội thảo học thuật về Chu dịch lần thứ nhất ở Vũ Hán. Năm 1987 ở Tế Nam đã tiến hành Hội thảo quốc tế về học thuật dịch học lần thứ 4. Sau khi "Nhân dân nhật báo" công bố và

tuyên truyền phương châm phát triển "Dịch lý kiêm tượng số nghiên cứu tổng hợp nó vào nhiều môn khoa học , nhiều tầng bậc, nhiều kênh, nhiều góc độ" thì ở nước ta trên nhiều ngành, nhiều bộ môn đã dần dần dấy lên một phong trào học "Chu dịch", nghiên cứu "Chu dịch", kết hợp khoa học hiện đại vào trong nghiên cứu, nhiều công trình, kết quả nghiên cứu tốt đã ra đời. Để tiếp tục phát huy, khai thác di sản văn hóa ưu tú của tổ tiên, ra sức mở rộng và đẩy mạnh công tác nghiên cứu và ứng dụng "Chu dịch", làm giàu thêm sự nghiệp khoa học cho tổ quốc và để thỏa mãn lòng yêu thích "Chu dịch" của mọi người, yêu cầu dự đoán thông tin của học giả, tôi đã dựa trên những hiểu biết có hạn của mình qua nhiều năm học tập và ứng dụng "Chu dịch" để dự đoán thông tin, trên cơ sở các bài giảng các nơi trong toàn quốc, viết ra bộ sách "Chu dịch với dự đoán học" này.

Sách chia làm hai phần. Phần đầu nói về phương pháp dự đoán theo tượng quẻ, bắt đầu từ những kiến thức cơ bản và hệ thống nhất cho đến phương pháp gieo quẻ, phương pháp đoán quẻ. Để khắc phục khuynh hướng giới dịch học nước ta nghiên cứu dịch lý nhưng không hiểu phương pháp dự đoán hoặc nghiên cứu dự đoán thông tin nhưng không biết các tri thức cơ bản của dịch học, ở phần đầu tôi có giới thiệu khái quát về dịch học. Phần hai chủ yếu nói về phương pháp dự đoán theo "sáu hào". Lý luận phần hai so với phần đầu sâu và phức tạp hơn nhiều, nội dung dự đoán rất rộng, sự việc đoán cũng rất cụ thể. Nó là phương pháp dự đoán thường dùng nhất, cũng là phương pháp dự đoán quan trọng nhất trong bát quái.

Tôi viết sách này với thái độ khoa học, thực sự cầu thị, vừa trên cơ sở tôn trọng và kế thừa kinh nghiệm quý báu

của người trước, dùng nguyên tắc chọn lọc những cái tinh túy, những cái có giá trị, sát với thực tế. Đối với những điều chưa thể nói rõ ngay lý lẽ của nó mà tốt thì vẫn đưa vào, những điều qua kiểm nghiệm thực tiễn phát hiện có chỗ sai thì có uốn nắn, chỉnh lại.

Sách này không những tập hợp được kinh nghiệm cổ kim về phương pháp và kinh nghiệm đoán quẻ mà còn chứa đựng kết quả nghiên cứu nhiều năm của bản thân tôi. Ví dụ phương pháp dùng năm, tháng, ngày, giờ sinh của một người để gieo quẻ dự đoán vận hạn tốt xấu của cả đời người, điều đó ngày xưa chưa có. Sự ra đời của phương pháp này đã làm thay đổi cách làm không khoa học trước kia là dùng nhiều chiêm để đoán vận hạn. Ngày xưa đoán động đất chỉ nói chung chung, không nói rõ theo từng chuyên đề, cũng không có phương pháp đoán cụ thể. Tồi căn cứ vào kinh nghiệm của mình, trong sách đưa ra những điều có tính thử thăm dò, mong để mọi người dùng tham khảo. Còn về thiên tai, dịch bệnh, sự cố thương tật trong sản xuất do còn đang trong chỉnh lý nên chưa đưa ra được theo chuyên đề. Tình hình trên, mong mọi người sẽ đi sâu thêm trong quá trình dự đoán.

Các ví dụ trong sách đều có cũ và mới. Trong những ví dụ hiện đại, có cái lấy từ trong nước, có cái từ nước ngoài. Đó là một phần quan trọng trong kinh nghiệm mà tôi đã tích lũy trong mấy năm gần đây qua thực tiễn dự đoán. Đọc sách này, với người có trình độ văn hóa cấp hai trở lên và người mới học sẽ có sự hiểu biết trực quan đối với nguồn gốc và sự phát triển của "Chu dịch". Học tập cách dự đoán của nó không những có thể khiến cho người có chí nghiên cứu dự đoán học nhập môn mà thông qua chịu khó nghiên cứu, đào sâu cũng có thể bước lên đỉnh cao trong dự đoán thông tin.

Trong nghiên cứu, vận dụng "Chu dịch", theo tôi nên chú ý mấy điểm sau :

Đầu tiên, mục đích học "Chu dịch" là để ứng dụng, tức là để xây dựng đất nước. Đặt trọng điểm vào các hạng mục nghiên cứu tức là phải kết hợp nghiên cứu với công việc trong cương vị của mình, hoặc kết hợp với những vấn đề đang tồn tại trong sản xuất và thí nghiệm khoa học. Ví dụ, người làm công tác y tế, có thể dùng bát quái vào y học ; người làm luật học, có thể vận dụng nguyên lý bát quái chỉ đạo nghiên cứu pháp học ; trong quân đội, có thể dùng bát quái để nghiên cứu chiến lược, chiến thuật, v.v...

Thứ hai là nỗ lực học tập, chăm chú vào thực tiễn. Chúng ta không những phải học tập tác phẩm "Chu dịch" mà còn phải học tập các môn triết học khác, như sách y học "Hoàng đế nội kinh", thiên văn, địa lý, pháp học, triết học... Học để dùng, dùng là tập thực hành. Dùng có thể bắt đầu từ chính mình, đến người nhà, người quen, việc quen, dần dần mở rộng đến người khác, việc khác. Cần ghi chép, tích lũy tư liệu, kịp thời tổng kết bài học kinh nghiệm, không ngừng nâng cao trình độ dự đoán.

Thứ ba là chú ý bảo mật. Bất kể là dự đoán cho người hay thiên tai, đều có vấn đề bảo mật, càng không thể đem cái đoán cho người này đi nói với người khác hoặc loan báo cho mọi người, nếu không thì ít ra là gây mất đoàn kết hoặc sẽ dẫn đến thiệt hại lớn hơn như : tính mệnh, kiện tụng. Cho nên mong độc giả phải giữ gìn cẩn thận.

Tôi vào lúc nghiên cứu khó khăn nhất đã được Chủ nhiệm Ủy ban công nghiệp quốc phòng, Trương Chấn Hoàn gặp gỡ và quan tâm, ở đây tôi xin gửi đến ông lời cảm ơn chân

thành nhất. Ngài Mã Trung Tân cũng đã chỉ đạo tôi nhiệt tình, ngài Dương Minh Bang, Hội trưởng Hội nghiên cứu "Chu dịch" Trung Quốc cũng đã viết lời tựa cho cuốn sách, tôi xin gửi đến các ngài lời cảm ơn sâu sắc.

Do trình độ tư tưởng, văn hóa có hạn, quái thuật chưa cao, trong dự đoán thông tin còn có nhiều vấn đề chưa đạt đến ngưỡng cần thiết, nên những sai sót trong sách càng khó mà tránh được, mong được ý kiến uốn nắn của các chuyên gia dịch học và rộng rãi độc giả.

THIỆU VĨ HOA

Quảng Châu, ngày 30 tháng 4 năm 1989

Phần một

"CHU DỊCH" VỚI KHOA HỌC DỰ ĐOÁN

Chương 1

KHÁI QUÁT VỀ CHU DỊCH

I. TIÊN THIÊN CỦA BÁT QUÁI PHỤC HI

Bát quái là phát minh của tổ tiên ta, là báu vật vô song trên thế giới. Vậy bát quái là gì ? Trong "Hệ từ" có nói : "Dịch có thái cực, sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái".

Thái cực là âm dương chưa phân, vũ trụ còn thời kỳ hỗn độn. Gọi là thái cực vì bao la đến vô cùng, vô tận. Đến cực điểm tất sẽ thay đổi, đến thái cực tất sẽ phân hóa thành âm dương, hình thành trời đất, hoặc là bản thân thiên thể có cả âm, dương.

Phân âm dương là thành lưỡng nghi. Lưỡng nghi tức là trời và đất. Lấy Dương (—) thay cho trời, lấy âm (--) thay cho đất. Hào âm, hào dương này chính là ký hiệu cơ bản nhất làm thành bát quái. Con cá âm dương trong hình bát quái, cá màu trắng là dương, màu đen là âm. Có người so sánh hai con cá âm dương là mặt trời và mặt trăng, mặt trời là dương, mặt trăng là âm. Âm dương ôm bọc lấy nhau biểu thị âm dương giao nhau.

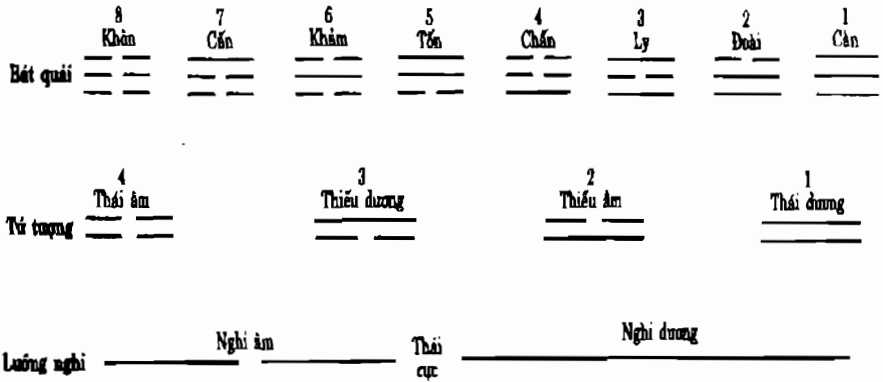
Lưỡng nghi sinh tứ tượng, tức âm dương trùng nhau, âm dương giao nhau mà đưa đến. Ví dụ : hào dương (—) kết hợp với một hào dương (==) là thái dương ; hào dương (—) kết

hợp với hào âm (--) là thiếu âm (==); hào âm với hào dương kết hợp thành thiếu dương (==); hào âm với hào âm kết hợp thành thái âm (==). Cho nên thuận dương là thái dương, thuận âm là thái âm, một âm trên một dương là thiếu âm, một dương trên một âm là thiếu dương. Người xưa lấy bốn tượng tượng trưng cho bốn phương, cũng tượng trưng cho bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông trong một năm, tức là tứ thời.

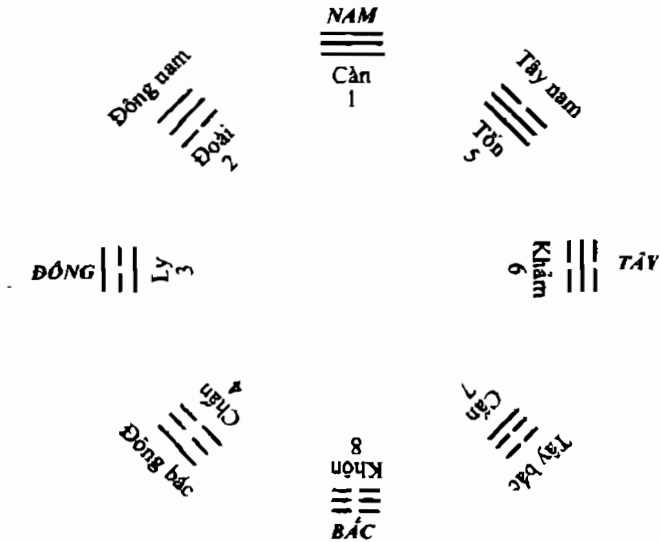
Tứ tượng sinh bát quái, thực tế vẫn là âm dương trùng hợp mà thành. Trong "Chú giải Chu dịch đại truyện" Cao Hanh có nói : "Thiếu dương, lão dương, thiếu âm, lão âm vẫn tượng trưng cho tứ thời, bát quái chính là bốn cái đó tạo thành". Ví dụ : Hào dương của nghi phân biệt kết hợp với thái dương, thiếu âm, thiếu dương, thái âm mà thành bốn quẻ : quẻ càn (☰), quẻ đoài (☶), quẻ ly (☲), quẻ chấn (☳). Hào âm của nghi phân biệt kết hợp với thái dương, thiếu âm, thiếu dương, thái âm mà thành bốn quẻ : quẻ tốn (☱), quẻ khảm (☵), quẻ cấn (☶), quẻ khôn (☴). Cho nên gọi càn 1, đoài 2, ly 3, chấn 4, tốn 5, khảm 6, cấn 7, khôn 8 là "tứ tượng sinh bát quái". Bát quái cũng là tám phương, tám tiết vậy.

Thuyết tiên thiên bát quái là từ triều Tống tạo ra. Trước triều Tống chỉ có bát quái và 64 quẻ. Các học giả đời Tống căn cứ vào "thiên địa định vị, sơn trạch thông khí, lời phong tương bạc, thủy hỏa bất tương xạ" (Trời đất phân rõ, núi sông thông suốt, sấm gió yếu đi, nước lửa ít va chạm) trong "thuyết quái" mà tạo ra "hình tiên thiên bát quái". Cho nên : càn là nam, khôn - bắc, ly - đông, khảm - tây, chấn - đông bắc, tốn - tây nam, cấn - tây bắc, đoài - đông nam (xem hình vẽ).

HÌNH THỨ TỰ BÁT QUÁI PHỤC HY



HÌNH PHƯƠNG VỊ BÁT QUÁI PHỤC HY



(Nhìn từ ngoài vào trong)

Hình tiên thiên bát quái có bốn đặc điểm : 1) Quá trình tuần hoàn của hình tiên thiên bát quái có thuận, nghịch. "Từ một đến bốn, ngược chiều kim đồng hồ thứ tự là bốn quẻ : càn, đoài, ly, chấn. Càn tượng trưng cho trời ở phía trên nhất, cũng tức là phương nam. Từ năm đến tám, thuận chiều kim đồng hồ thứ tự là bốn quẻ : tốn, khảm, cấn, khôn. Khôn tượng trưng cho đất, thấp nhất, tức là phương bắc" (Kinh dịch bạch thoại). 2) Quẻ được vạch thành cặp đối nhau, "càn ba vạch dương, khôn ba vạch âm là một đôi, khảm ở giữa đây và ly ở giữa rỗng là một đôi, chấn vạch đầu dương còn đoài vạch cuối âm là một đôi, vạch đuôi cấn là dương còn vạch đầu tốn là âm". 3) Chủ sinh của bát quái tiên thiên là "mộc của chấn và tốn như nhau, kim của càn sinh thủy của khảm, thổ của cấn sinh kim của đoài, hỏa của ly sinh thổ của khôn". ("Chu dịch thiên thuật"). Chấn, tốn trong ngũ hành đều thuộc mộc, cho nên cùng một khí. Càn là kim, khảm là thủy, cho nên kim của càn sinh thủy của khảm. Cấn là thổ, đoài là kim, nên thổ của cấn sinh kim của đoài. Ly là hỏa, khôn là thổ nên hỏa của ly sinh thổ của khôn. 4) Vế con người thì già với già, trẻ với trẻ thành đôi. Già nam với già nữ thành đôi, trưởng nam với trưởng nữ thành đôi, trung nam với trung nữ, thiếu nam với thiếu nữ.

II. HẬU THIÊN BÁT QUÁI CỦA VĂN VƯƠNG

Thuyết tiên thiên bát quái và hậu thiên bát quái từ sau đời Tống tranh luận mãi không thôi, tức là trước Tống căn bản không tồn tại thuyết tiên thiên. Trước Tống, đời Hán và Đường, không thể chỉ ra được ai là người đề ra "phương vị tiên thiên", đến đời Tống các đạo gia mới đưa ra "Hình tiên thiên". "Hình phương vị bát quái của Phục Hi" là dựa theo hình tiên thiên của Thiệu Ung, gọi là "Phương vị tiên thiên bát quái". Hình phương vị bát quái của Văn vương còn gọi là

"Phương vị hậu thiên bát quái" như sẽ thấy ở "Thuyết quái" phần sau. Cái gọi là hậu thiên bát quái thực tế là dựa theo phương vị của các quẻ trong câu "Đề xuất hồ chấn (1), tế hồ tốn (2), tương kiến hồ ly (3), chí dịch hồ khôn (4), thuyết ngôn hồ đoài (5), chiến hồ càn (6), lao hồ khảm (7), thành ngôn hồ cấn (8)".

Trong tiên thiên bát quái, càn khôn ở nam bắc, ly khảm ở đông tây, còn ở hậu thiên bát quái : ly khảm ở nam bắc, chấn đoài ở đông tây. Cho nên số của hậu thiên bát quái là : khảm (1), khôn (2), chấn (3), tốn (4), trung (5), càn (6), đoài (7), cấn (8), ly (9).

"Quá trình tuần hoàn của hậu thiên bát quái hầu như chỉ là quá trình thuận, tức mô phỏng trời quay sang trái". Tiên thiên bát quái là già với già, trẻ với trẻ thành từng đôi, hậu thiên bát quái trừ khảm và ly ra, những cái khác đều là già thành đôi với trẻ.

Hình tiên thiên bát quái mà ngày nay ta nhìn thấy là từ hình tiên thiên của Thiệu Ung đời Tống mà ra. Còn hình hậu thiên bát quái là từ "Thuyết quái", người đời Tống cho là do Văn Vương tạo ra. Ngày nay rất nhiều học giả đưa ra nhiều cách phỏng đoán, vì sao Văn Vương đã sửa tiên thiên bát quái thành hậu thiên bát quái. Họ cho rằng : thời Nhà Hạ băng tuyết tan, nước biển dâng lên, ngập chìm những khoảng đất lớn, khắp nơi bị ngập nước. Đến đời Nhà Chu, hoàn cảnh tự nhiên thay đổi, vận khí trời đất không còn thống nhất với tiên thiên bát quái nữa, cho nên Chu Văn Vương đã sửa tiên thiên bát quái thành hậu thiên bát quái.

Hậu thiên bát quái lấy càn, khôn làm cha, mẹ ; chấn, khảm, cấn, tốn, ly, đoài làm 6 quẻ con. Vì thế cho nên chấn trưởng nam được hào đầu của càn, khảm trung nam được hào giữa của càn, cấn thiếu nam được hào trên của càn. Tốn trưởng nữ được hào đầu của khôn, ly trung nữ được hào giữa của khôn, đoài thiếu nữ được hào trên của khôn.

Bát quái là do hai hào âm (--) và dương (—) mà hợp thành, dùng hai hào âm dương để biểu thị vạn vật trong trời đất. Âm dương là hai mặt mâu thuẫn của vạn vật, vừa đối lập, vừa thống nhất. Vật gì, việc gì cũng có mâu thuẫn âm dương và có tính đồng nhất. Ví dụ : trời là dương, đất là âm ; nam là dương, nữ là âm ; trong hóa học có ion dương, ion âm ; trong số học có dương và âm ; trong điện có cực dương, cực âm ; tóm lại vạn vật đâu đâu cũng có âm dương.

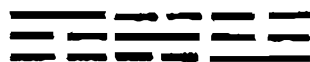
Ký hiệu âm dương không chỉ thể hiện vật gì cũng có hai mặt âm dương mà còn nói rõ quan điểm duy vật biện chứng trong mỗi vật, trong âm có dương, trong dương có âm. Ví dụ nói về con người, nam là dương, nữ là âm ; nói về thân thể : đầu là dương, người là âm ; lưng là dương, ngực là âm ; mu bàn tay là dương, lòng bàn tay là âm... con cá âm dương trong hình bát quái, điểm trắng giống con mắt trong con cá âm là dương, điểm đen trong cá dương là âm, tức thể hiện quan điểm trong một vật trong âm có dương, trong dương có âm.

"Hệ từ" có câu "quẻ dương nhiều âm, quẻ âm nhiều dương là có làm sao vậy" ? Quẻ dương nhiều âm là chỉ các quẻ : Chấn, Khảm, Cấn, một dương mà hai âm ; quẻ âm nhiều dương là : Tốn, Ly, Đoài, một âm mà hai dương. Đối với những trường hợp này, "Hệ từ" đã giải đáp : "Dương một quan hai dân, đó là đạo của quân tử ; Âm hai quan một dân, đó là đạo của tiểu nhân" vậy.

Hình thù tự bát quái của Văn Vương

Khôn mẹ

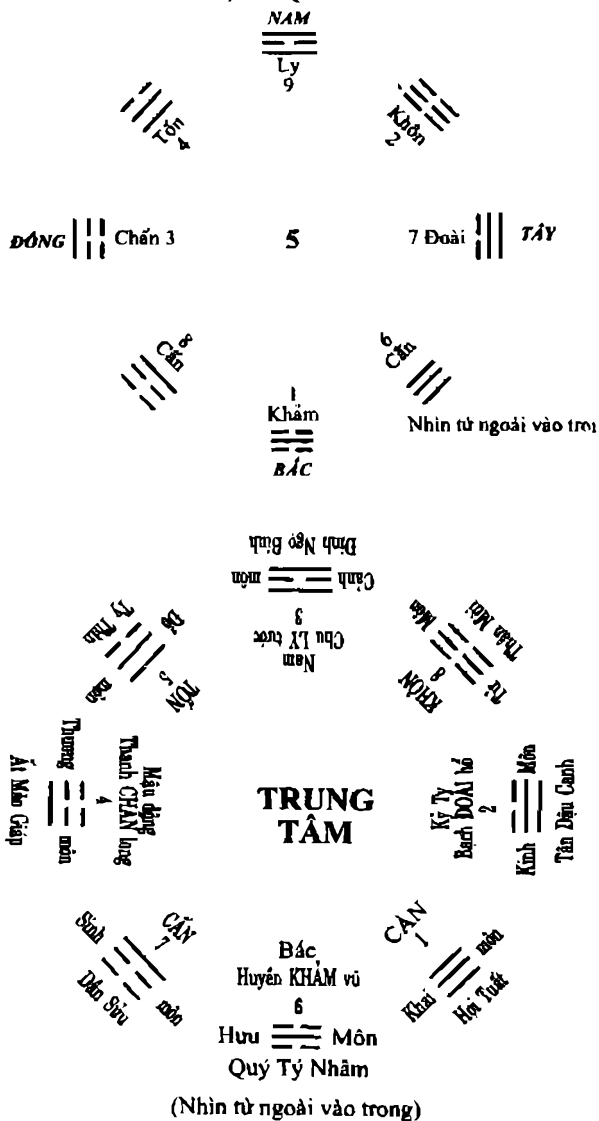
Càn cha



Đoài Ly Tốn
Thiếu Trung Trưởng
nữ nữ nữ

Cấn Khảm Chấn
Thiếu Trung Trưởng
nam nam nam

HÌNH PHƯƠNG VỊ BÁT QUÁI CỦA VẠN VƯƠNG



Thuyết minh :

1. Hình này nghe nói do nhà thiên văn, đại sư bát quái, Thiệu Khang Tiết đời Tống làm ra.

2. Khi dự đoán, Thiệu Khang Tiết dùng hình hậu thiên bát quái, còn số là của tiên thiên bát quái, rất kỳ diệu. Nhưng vì sao Thiệu Khang Tiết lại dùng hình của hậu thiên bát quái và số của tiên thiên ngày nay vẫn chưa rõ nguyên do. Ngày nay khi gieo quẻ theo thời gian và dự đoán theo "sáu hào" thì đều phối hợp hình này với số của tiên thiên.

3. Trong hình, sự sắp xếp của thiên can địa chi vừa là tiêu chí của phương vị thời gian, không gian, vừa là tiêu chí vượng suy và sinh khắc của âm dương ngũ hành.

4. "Tám cửa" và "sáu thần" trong hình là tôi (tác giả) căn cứ vào các sách "Kỳ môn"... mà sắp xếp. Mục đích để độc giả biết được cách sắp xếp "tám cửa", "sáu thần" trên bát quái. Nếu gieo quẻ theo thời gian thì nói chung không dùng "tám cửa" ; "sáu thần" cũng chỉ dùng khi dự đoán theo sáu hào.

5. Khai môn, sinh môn trong "tám cửa" là cát môn.

Hưu môn chủ về nghỉ ngơi, chờ thời cơ. Thương môn chủ về nỗi kinh hoàng do thương tổn, lo sợ. Đỗ môn chủ về trắc trở không thông, không thuận lợi. Cảnh môn chủ về vật hư, già. Tử môn đại xấu, dữ. Kinh môn chủ về những việc nguy hiểm, kinh hoàng.

Chú thích :

1) Để xuất hổ chấn : Vũ trụ vận động bắt đầu từ quẻ chấn. (Quẻ chấn là phương đông, lệnh của tháng 2 mùa xuân, mặt trời phía đông mọc lên, là thời kỳ tỏa chiếu cho vạn vật sinh trường).

2) Té hổ tổn : Vận hành đến quẻ tổn, vạn vật đã đầy đủ, hưng vượng (Quẻ tổn là đông nam, lệnh của tháng 3 tháng 4, mặt trời đã lên cao, chiếu rọi vạn vật rõ ràng).

3) Tương kiến hồ ly : Quê ly là tượng trong ngày, ánh sáng rực rỡ, mọi vật đều thấy rõ (Quê ly là phương nam, lệnh của tháng 5, chính là lúc mặt trời ở trên cao, nhìn rõ mọi vật đang sinh trưởng).

4) Chí dịch hồ khôn : Thiên đế (chỉ vũ trụ) giao cho đất (khôn) trọng trách (dịch) nuôi dưỡng vạn vật. (Quê khôn là phương tây nam, lệnh của tháng 6 tháng 7 ; khôn là đất, nuôi dưỡng vạn vật, thời kỳ vạn vật đã phát triển đầy đủ).

5) Thuyết ngôn hồ đoài : là lúc vạn vật tươi vui (thuyết tức tươi vui) bèn ứng ở quê đoài. (Quê đoài là phương tây lệnh của tháng 8, chính là lúc hoa quả trĩu đầy, lúc mừng được mùa).

6) Chiến hồ càn : Thời khắc tương ứng với quê càn vạn vật mâu thuẫn, đối lập, đấu tranh. (Quê càn là phương tây bắc, lệnh của tháng 9 tháng 10, mặt trời đã xuống chân phía tây, là lúc tối sáng, âm dương đấu tranh lẫn nhau).

7) Lao hồ khảm : Khi vũ trụ đã vận hành đến khảm, mặt trời đã lặn, vạn vật mệt mỏi. (Quê khảm là phương bắc, lệnh của tháng 11. Khảm là nước, không ngừng chảy, nghĩa là lao khổ. Mặt trời ở phương này hoàn toàn không có, vạn vật mệt mỏi, là lúc nên nghỉ).

8) Thành ngôn hồ cấn : Vũ trụ vận hành đến quê cấn là đã hoàn thành một chu kỳ và sắp bước sang một chu kỳ mới. (Quê cấn là phương đông bắc, lệnh của tháng 12 và tháng giêng, tức giao thời của đông và xuân, đen tối sắp qua, ánh sáng sắp tới, vạn vật đến đây đã kết thúc một ngày, cũng là lúc ngày mới sắp bắt đầu).

III. HÀ ĐỒ, LẠC ĐỒ

Từ sau đời Tống, phạm là sách về chú "dịch", luận "dịch" trị "dịch" đều lấy các hình "hà đồ" "lạc đồ" làm một bộ phận

quan trọng của "Chu dịch". Thậm chí có người nói bát quái là căn cứ "hà đồ", "lạc đồ" mà vẽ ra, ban đầu "Chu dịch" dựa theo "đồ" "thư" mà làm ra, chứ không phải "đồ" "thư" theo "dịch" mà làm ra. Vì người ta cho rằng Phục Hi đã dựa theo "hà đồ" mà làm ra bát quái, cho nên trong "Kinh sơn hải" nói : "Phục Hi được hà đồ, người Hạ do đó mà nói rằng "Liên sơn". Nhưng tôi (tác giả) cho rằng bát quái trong sách "Liên sơn" tuy có thể ra đời từ Nhà Hạ, nhưng bát quái không nhất thiết theo "Hà đồ" mà làm ra. Vì trong nguyên văn của "Kinh dịch" không đề cập đến "hà đồ", "lạc đồ".

Về "Hà đồ" "Lạc đồ" có đủ các loại truyền thuyết thần kỳ. Tương truyền ở xã hội nguyên thủy Trung Quốc, các lãnh tụ bộ lạc thời Phục Hi có long mã nổi lên ở sông Hoàng Hà, lưng mang "hà đồ", có rùa thần xuất hiện ở Lạc Thủy, lưng mang "lạc thư". Phục Hi sau khi được đã căn cứ vào các điểm âm dương trên "hà đồ", "lạc đồ" mà vẽ ra bát quái. Về sau Chu Hi đã thần hóa, nói "hà đồ", "lạc đồ" là "dịch của trời đất".

Thuyết "hà đồ", "lạc đồ" trong cuốn "Thượng thư" của Tiên Tần, "Luân ngữ" của Mạnh Tử và trong "Hệ từ" đều có ghi lại. Nhưng "Đồ" và "Thư" thực chất là cái gì, chưa có ai nhìn thấy, càng chưa thấy ai nói đến. Trước đời Tống, không ít "Dịch" gia khi viết về "Dịch" rất ít nói đến "Hà đồ", "Lạc đồ", một vài người có nói đến thì cũng chỉ là lướt qua. Phong trào nói đến "hà đồ", "lạc thư" là vào những năm thái bình hưng quốc (niên hiệu Tống Thái Tôn). Do đó, từ đời Tống về sau, đối với thuyết "hà đồ" "lạc thư" luôn có hai dòng ý kiến khác nhau. Các học giả dịch học đời nhà Thanh như Hồ Vị, Hoàng Tôn Nghĩa đều phản đối cách nói của các nhà nho đời Tống.

Ngày nay, qua nhiều khảo chứng, người ta nói : "Trong "hà đồ" của người Tống có 55 vòng tròn đen trắng phân bố, e rằng nó được bắt nguồn từ "Hệ từ". "Hệ từ" nói : trời 1 ; đất

2 ; trời 3 ; đất 4 ; trời 5 ; đất 6 ; trời 7 ; đất 8 ; trời 9 ; đất 10. Trời có 5 số, đất có 5 số. Năm số của trời cộng lại được 25, năm số của đất cộng lại được 30. Tổng số của trời và đất được 55, cho nên nó biến hóa như quỷ thần vậy". Cách nói này xem ra có lý.

Thế các số của trời đất trong "Hệ từ" là từ đâu mà ra ? Cuộc tranh luận lịch sử này không đi đến kết quả. Tôi (tác giả) cho rằng số của Trời Đất rất có thể là lấy từ thiên can : "Giáp át bình đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý" mà ra. Giáp bình mậu canh nhâm là 5 số dương, tổng là 25 số trời ; át đinh kỷ tân quý là 5 số âm, tổng là 30 số đất. Cả hai tổng số hợp lại là 55. Số của thiên địa là ngũ hành, tuy hợp với ngũ hành và phương vị, còn với thiên can hóa (tức 60) có chênh lệch, nhưng phương pháp hóa hợp với thiên can là giống nhau. Ví dụ : số của thiên địa 1 và 6 hợp với thủy chính là giáp, kỷ hợp thổ ; 2 và 7 hợp với hỏa, là át canh hợp kim ; 3 và 8 hợp với mộc, là bình tân hợp thủy ; 4 và 9 hợp với kim, là đinh nhâm hợp mộc ; 5 và 10 hợp với thổ, là mậu, quý hợp hỏa. Số thiên địa thấy trong "Hệ từ", còn sự ra đời của thập thiên can thì sớm hơn "Hệ từ", đó là điều không có gì nghi ngờ. Cho nên số thiên địa trong "Hệ từ" rất có khả năng được rút ra từ thập thiên can.

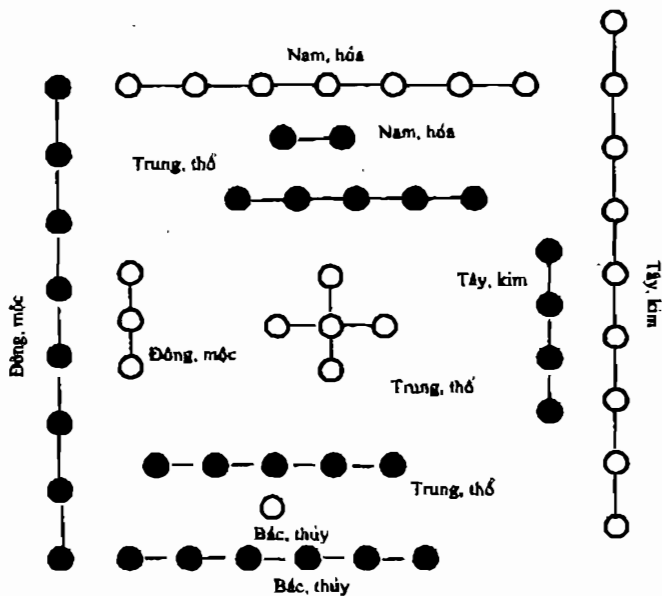
Xuất xứ của 45 vòng đen trắng trong "lạc thư" của người đời Tống tức cái mà gọi là "lạc thư lấy từ mai rùa" không ngoài "độ hăm càn" của Trịnh Huyền đời Tống là "đội 9 dẫm 1, trái 3 phải 7, 2 và 4 làm vai, 6 và 8 làm chân".

Điểm trắng trong "Hà đồ" tượng trưng cho dương, đen tượng trưng cho âm, tức 1, 3, 5, 7, 9 là số lẻ, là dương, gọi là tượng trời ; 2, 4, 6, 8, 10 là số chẵn, là âm, gọi là tượng đất. Các số này của trời đất hợp lại với nhau chính là 55.

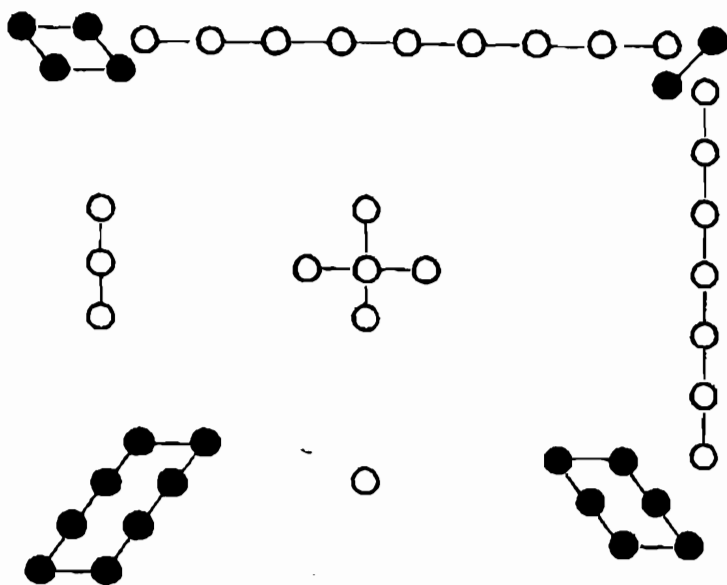
Số 55 của trời đất không những đại diện số của bát quái mà còn hợp với số ngũ hành. Tức 1 và 6 hợp với thủy, 2 và 7 hợp với hỏa, 3 và 8 hợp với mộc, 4 và 9 hợp với kim, 5 và 10 hợp với thổ. Như vậy vạn vật trong trời đất đều thuộc ngũ hành mộc, hỏa, thổ, kim, thủy.

Điểm trắng trong "Lạc thư" là dương, điểm đen là âm. 1, 3, 7, 9 là số lẻ, thuộc dương; 2, 4, 6, 8 là số chẵn thuộc âm. Các số âm, dương ấy cũng gọi là tượng của trời đất. Các số trong hình vẽ: đời 9 dẫm 1, trái 3 phải 7, 2 và 4 làm vai, 6 và 8 làm chân, điều đó phù hợp với hậu thiên bát quái.

"Kinh dịch" ra đời sớm hơn "Truyện dịch" bảy, tám trăm năm, nên bát quái không phải dựa theo "Hà đồ", "Lạc thư" để vẽ. Đó là điều không ai phủ nhận được



HẠ ĐỒ



LẠC THƯ

IV. NGUỒN GỐC CỦA BÁT QUÁI

Từ xưa tới nay, bát quái được gọi là sách trời không có chữ, đó là vì nó là lý luận của một khoa học thần kỳ nhưng bí ảo, chưa hề có một tiền lệ nào trong lịch sử văn hóa thế giới. Về nguồn gốc của nó, tự cổ chí kim, tuy sự nghiên cứu và khảo sát chưa bao giờ dứt đoạn, nhưng cho đến nay vẫn là "bí ảo", mỗi người bàn một cách.

Thứ nhất có người nói nguồn gốc của nó là từ cổ thiên văn. Lý do là chữ "quái" của "bát quái" là "từ chữ khuê(圭), chữ bốc (卜). Thổ khuê tức là đem đất chất đống lên mà thành, dùng để đo bóng mặt trời. Về sau không dùng đất chất đống nữa mà dùng một cái gậy cắm đứng, để bảo đảm gậy đứng thẳng, trên đầu gậy buộc một cái dây, phía dưới dây đeo vật nặng, cho nên hình của nó là chữ (卜). Đó là lý do nói nguồn gốc của bát quái là từ cổ thiên văn.

Thứ hai có người nói nguồn gốc của bát quái là văn tự. Chữ xưa : khôn, khâm, chấn, đoài làm thành bát quái.

Thứ ba có người nói bát quái là phù hiệu tám chức quan của thời Phục Hi. Quan quản trời gọi là cần (☰), quan quản đất gọi là khôn (☷), quan quản sấm gọi là chấn (☳), quan quản nước gọi là khâm (☵), quan quản núi gọi là cần (☶), quan quản gió gọi là tốn (☴), quan quản lửa gọi là ly (☲), quan quản trạch gọi là đoài (☱), cho nên có thuyết nguồn gốc của bát quái là ở tên quan.

Thứ tư có người nói nguồn gốc của bát quái là chiêm bốc; là mô phỏng những dấu hiệu của mai rùa mà ra. Bát quái và 64 quẻ đều là những dấu hiệu tiêu chuẩn. Cho nên có thuyết "nguồn gốc dịch quái là ở quy bốc". Từ xa xưa đã sớm có : chiêm vật tượng, chiêm thiên tượng, chiêm tinh tượng v.v... Nên nói "nguồn gốc của bát quái là chiêm bốc".

Thứ năm có người nói nguồn gốc của bát quái là "Hà đồ", "Lạc thư". Tương truyền ngày xưa có long mã xuất hiện ở Hoàng Hà, lưng mang "Hà đồ" ; có rùa thần nổi ở Lạc Thủy "lưng mang "Lạc thư". Phục Hi sau khi được đá cần cứ vào các điểm âm dương trên "Hà đồ" và "Lạc thư" mà vẽ ra bát quái.

Thứ sáu có người nói nguồn gốc của bát quái là chữ số. Cách ghi số thời cổ là vạch các gạch, số một vẽ một gạch, số hai vẽ 2 gạch, số 3 vẽ 3 gạch.

Còn nguồn gốc ký hiệu âm dương của bát quái thì còn nhiều cách giải thích hơn nữa. Cách thứ nhất nói là lấy theo bộ phận sinh dục của nam nữ ; cách thứ hai nói là ngày xưa dùng từng mắt tre để tính chiêm bốc, một mắt là dương, hai mắt là âm, hoặc không có mắt là dương, có mắt là âm ; cách thứ ba nói : trời một sắc là dương, đất chia làm đất và nước là âm ; cách thứ tư nói trong "Hệ từ" có nói "nút thừng mà trị" là lấy từ phương pháp ghi số nút thừng ngày xưa. Một nút là dương, hai nút là âm. Về sau chiêm vế dùng để biểu thị số của chiêm bốc nên làm thành bát quái. Thời gian xuất hiện của phù hiệu bát quái là vấn đề rất phức tạp, đã có những khảo chứng cho rằng có thể nó xuất hiện cách đây 5000 năm, nhưng ngày nay lại có phát hiện mới "Trên những mảnh gốm cách đây 1 vạn năm đã có những vạch vẽ giống bát quái". ("Kết cấu chữ số của hình dịch").

V. THỜI ĐẠI KINH DỊCH THÀNH SÁCH

Thời gian hình thành bát quái và 64 quẻ khoảng đời Nhà Hạ. Điều đó có "Ngọc Hải" dẫn chứng từ "Sơn hải kinh" như sau : "Phục Hi được Hà đồ, do đó người Hạ nói "Liên Sơn" ; Hoàng đế được Hà đồ, do đó người Thương nói "Quy Tàng". Liệt Sơn thị được Hà đồ, do đó mà người Chu nói "Chu dịch". "Dịch tán", "Dịch luận" của Trịnh Huyền nói : "Hạ viết "Liên Sơn", Ân viết "Quy Tàng", Chu viết "Chu dịch".

Trong "Chu lễ" có ghi : Cung xuân đại bốc "năm cả phép của ba bộ dịch là "liên sơn", "quy tàng", "chu dịch". Quái của các kinh đó đều là 8, quẻ đều là 64". Còn nói : Cuối thời kỳ đồ đồng ở An Dương đã xuất hiện những dấu hiệu bát quái (trang 77 sách "Lịch sử chữ viết trên xương của Trung Quốc"). Do đó có thể thấy thời kỳ hình thành bát quái và 64 quẻ nên vào đời Nhà Hạ. Còn những người đời sau nói Văn Vương

đã làm lại 64 quẻ, điều đó chắc không đúng, tuy nhiên Văn Vương đã sắp xếp lại cho nó hoàn chỉnh hơn thì rất có thể.

Hai quyển sách "Liên sơn", "Quy tàng" đã mất từ lâu, quyển sách người đời sau nhìn thấy chỉ là "Kinh dịch". Nhưng thời kỳ ra đời của Kinh dịch từ xưa tới nay vẫn còn bàn cãi mãi. Căn cứ kết quả khảo cứu của hơn ba mươi năm nay thì có ba loại ý kiến.

1. Kinh dịch ra đời thời Xuân Thu. Quách Mạc Nhược nói : Quan niệm trời đất đối lập xuất hiện rất muộn trong lịch sử tư tưởng Trung Quốc. Những văn tự đời nhà Chu không có vết tích của bát quái, thậm chí không có chữ "địa" ; những chữ như "càn, khôn" trong sách cổ mãi về sau mới xuất hiện... Dù thấy "Kinh dịch" không thể ra đời trước thời Xuân Thu.

2. Kinh dịch ra đời vào đầu thời Tây Chu. Trương Đại Niên căn cứ câu chuyện trong hào từ quẻ như "táng ngư ư dịch", "táng dương ư dịch", "cao tôn phiệt quý phương", "đế át quy muội", "kỳ tử chi minh di" v.v... đều là các câu chuyện của nhà Thương và Tây Chu. Những sách về sau của Chu Thành Vương, không viễn dẫn đến, nên suy ra Kinh dịch thành sách không thể sau thời Thành Vương.

3. Kinh dịch thành sách vào thời kỳ giao thời nhà Ân và nhà Chu. Kim Cảnh Phương v.v.. cho rằng : Kinh dịch là tác phẩm giao thời giữa nhà Ân và nhà Chu. Họ khẳng định "quái xuất ư thi". Thi sử đời xưa dần dần được tổng kết lại qua nhiều bài ghi chép hoạt động của chiêm thi, qua sàng lọc, chỉnh lý mà thành "Kinh dịch". Cổ học giả còn từ tiến trình logic phát triển tư tưởng của Trung Quốc và từ trong mâu thuẫn xã hội các đời nhà Ân, nhà Chu mà nghiên cứu các niên đại thành sách của Kinh dịch, họ cho rằng đó là thời kỳ giao tiếp giữa nhà Ân và nhà Chu.

Kinh dịch chia thành hai kinh thượng và hạ, 64 quẻ. Mỗi quẻ có 6 hào, hai quẻ càn khôn, mỗi quẻ có 7 hào, quẻ càn

dùng 9, que khôn dùng 6, bản thể của nó không phải là hào tuy có tác dụng như hào, chẳng qua để thuận tiện mới gọi là hào, cộng tất cả có 386 hào. Mỗi que đầu tiên lập hình que, sau đó là tên que, rồi mới đến que từ. Mỗi hào đầu tiên để hào sau đó là hào từ. Que từ và hào từ có 450 điều, hơn 4900 chữ. Người đời sau nói : que từ do Văn Vương làm ra, còn hào từ do Chu Công làm.

VI. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CHU DỊCH

Bộ sách "Chu dịch" là do hai bộ sách "Kinh dịch" và "Dịch truyện" hợp thành. "Kinh dịch" là bộ sách về dự đoán thông tin, phân làm thượng, hạ hai quyển. "Dịch truyện" là tác phẩm triết học, nó gồm "Thoán" thượng hạ, "tượng" thượng hạ, "Hệ từ" thượng hạ, "Văn ngôn", "thuyết quái", "tư quái", "tạp quái" tất cả 60 bài hợp thành. Thời gian hình thành sách khoảng từ nhà Ân, Thương, Tây Chu, kéo dài mãi đến Xuân Thu Chiến quốc, cho nên những bài này không phải do một người viết ra mà là nhiều người làm hợp lại.

"Kinh dịch" nguyên ban đầu chỉ có que từ và hào từ của 64 que. Người đời sau trên cơ sở "Kinh dịch" lại viết nên "Truyện dịch", còn gọi là mười dục. Các bài trong "Truyện dịch" ban đầu là những phụ chú sau "Kinh dịch", đều là lời giải thích quanh Kinh dịch. Như vậy "Kinh dịch" và "Truyện dịch" hợp thành bộ "Chu dịch" ngày nay.

Tên "Chu dịch" xuất hiện sớm nhất trong "Tả truyện". Ví dụ : trong "Tả truyện. Trang công năm thứ 22" : "Sử nhà Chu có "Chu dịch", xem Trần Hâu". Những sử liệu khác có nhắc đến tên "Chu dịch" rất nhiều.

Vì sao lại đặt tên sách là "Chu dịch", xưa nay có rất nhiều cách giải thích. Chữ "Chu" là chỉ tên triều đại nhà Chu, chữ "dịch" hàm ý chỉ ngày đêm biến đổi, nên dịch là "biến" vậy.

Tư tưởng triết học của "Truyện dịch" và "Kinh dịch" là trên cơ sở chiêm thi của "Kinh dịch" xây dựng nên, nó giải thích kinh dịch từ thiên văn, địa lý, nhân sự bàn một cách rất toàn diện, hệ thống. Đây là lần đầu tiên dùng tư tưởng khoa học, quan điểm duy vật chỉ rõ tư tưởng triết học và duy vật biện chứng pháp của chiêm bói trong kinh dịch.

Hai bộ sách "Kinh dịch" và "Truyện dịch" này, về nội dung có sự sai khác, về hình thức lại có mối liên hệ rất mật thiết với nhau, kết hợp thành một bộ hoàn chỉnh, điều này đối với lịch sử văn hóa, tư tưởng trong và ngoài nước là một kỳ tích khiến mọi người phải chú ý. "Kinh dịch" ra đời vào giao thời nhà Ân, Thương, Tây Chu, "Truyện dịch" vào thời Chiến quốc. Cả hai bộ sách cách nhau bảy, tám trăm năm lịch sử, nên nay mới nói sách "Chu dịch" ra đời vào giao thời từ nhà Thương, Chu đến Xuân Thu, Chiến quốc là thế. Lịch sử và quá trình phát triển của "Chu dịch" kéo dài và rất phức tạp. Nó trải qua sự sản sinh khái niệm âm dương ; sáng tạo ra bát quái, hình thành quẻ kép, sự ra đời của từ quẻ và "mười dục". Về thời gian nó trải qua các triều Hạ, Thương, Chu, Xuân thu. Trong quá trình hình thành sách, nó bắt đầu từ "Liên sơn", "Quy tàng", "Kinh dịch" sau mới đến "Chu dịch".

"Liên sơn" lấy quẻ cần, tức lấy núi làm khởi điểm của 64 quẻ. Điều đó tuy phản ánh được năng lực tư duy của người Hạ phát triển hơn so với trước đó, nhưng nhận thức về Trời Đất còn rất nông cạn : Hối đó do nước lụt ngập khắp nơi, mặt đất lúc chìm lúc nổi, con người chủ yếu sống trong hang núi, nên cho núi là chủ thể của quả đất ("cần" đại biểu sơn).

"Quy tàng" lấy quẻ khôn, tức lấy đất làm khởi điểm của 64 quẻ. Điều đó không những nói lên tri thức của người Ân đã nâng cao lên một bước so với người Hạ, thế lực của xã hội mẫu hệ còn tồn tại ("khôn" là thái âm, là mẹ) mà về

nhận thức đối với vũ trụ, thế giới tự nhiên đã sơ bộ hình thành thế giới quan thuyết quả đất là trung tâm.

"Kinh dịch" lấy quẻ càn tức lấy trời làm khởi điểm của 64 quẻ. Điều đó nói lên xã hội đã chuyển từ chế độ mẫu hệ sang chế độ phụ hệ (càn là trời, là cha) đồng thời nói lên người Chu đã có những hiểu biết ban đầu về các thiên thể, bắt đầu nghiên cứu sự vận động của các thiên thể đối với quả đất, ảnh hưởng đối với con người, chỉ ra quy luật đối lập thống nhất trong vũ trụ. Cho nên một vũ trụ quan mới đã xuất hiện.

16 ·

Từ lịch sử phát triển lâu dài của "Chu dịch" có thể nhìn thấy tổ tiên ta đã phát minh ra bát quái là một cuộc cách mạng to lớn trong lịch sử dự đoán thông tin của nước ta. Còn có thể thấy năng lực tư duy của con người, khả năng nhận thức của con người về phương diện tự nhiên hay xã hội đều từng bước phát triển từ thấp đến cao, từ cạn đến sâu, từ phiến diện đến tương đối toàn diện.

Chương 2

KHÁI QUÁT NGUYÊN LÝ CỦA QUẾ

I. SỰ SẮP XẾP CỦA 64 QUẾ

Tác giả của "Kinh dịch" và "Truyện dịch" tuy không có ai khảo cứu nhưng các học giả xưa nay đều cho rằng "Kinh" và "Truyện" không phải do một người viết ra mà là tác phẩm của nhiều người. Cho nên thứ tự sắp xếp của 64 quẻ trong Kinh dịch đương nhiên cũng không phải do một người hoàn thành mà là sự điều chỉnh trong một thời gian dài của nhiều người.

Phương pháp và hình thức sắp xếp của 64 quẻ, trừ phương pháp của "Chu dịch" bắt đầu từ "càn, khôn", kết thúc ở "Vị tề" ra, còn có cách xếp hình tròn, hình vuông, hình vuông trong hình tròn, có : 1 - Thái cực, 2 - Lương nghi, 3 - Tứ tượng, 4 - Bát quái, 5 - Sắp xếp 64 quẻ, ngoài ra còn có cách xếp theo tám cung. Các hình vẽ sắp xếp của 64 quẻ phần lớn là do người Tống hoặc bắt nguồn từ đời Tống. Các phái đều có lý luận chuyên môn cho một kiểu hình. Ví dụ cách xếp hình vuông trong hình tròn thì có thuyết "Tròn là trời, là động" "vuông là đất, là tĩnh". Các hình nói chung giống nhau, chỉ có một số khác nhau về chi tiết, tuy nhiên tác dụng của chúng đối với nghiên cứu ứng dụng dự đoán thông tin không quan trọng lắm, cho nên ở đây không thảo luận nhiều về cách xếp hình của 64 quẻ.

Trong "Kinh dịch", 64 quẻ bắt đầu từ "càn, khôn", cho nên tư tưởng chỉ đạo sắp xếp của nó là càn làm trời, khôn làm đất, có trời đất sau đó mới có vạn vật. Thứ tự sắp xếp của 62 quẻ còn lại, tôi cho là lấy tượng quẻ xếp xen lẫn nhau

mà thành. Như "Thủy lôi truân" (☵☳) của quẻ thứ ba, và "Sơn thủy mông" (☶☵) của quẻ thứ tư là hai tượng quẻ, (những tượng quẻ khác cũng như thế) sắp xếp ngược nhau mà thành. Sự sắp xếp của các quẻ khác, ngoài cách xếp ngược tượng quẻ ra, có cái còn theo quy luật phát triển biến hóa của sự vật từ nhỏ đến to, hoặc từ to đến nhỏ mà xếp. Điều này trong "Quẻ từ" đều có nói chi tiết. Như hai quẻ càn khôn là thiên địa, có trời đất rồi sau đó mới có vạn vật. "Đất giữa trời đất chỉ có vạn vật, cho nên đặt làm "truân". "Truân", là thuở mới sinh của vật" (nghĩa là : do quẻ "truân" là vạn vật ở thời kỳ bắt đầu sinh trưởng, nên quẻ "truân" xếp ở thứ ba). Vật sinh thì "mông", cho nên là "mông" (nghĩa là : vạn vật bắt đầu thời kỳ sinh trưởng, trước hết có giai đoạn manh nha, cho nên sau quẻ "truân", tiếp đến là quẻ "mông").

Để tiện lợi cho nhu cầu dự đoán thông tin, tôi theo thứ tự tám cung sắp xếp 64 quẻ như dưới đây. Còn đối với tượng (hình dạng) của tám quẻ đơn, độc giả nên thuộc mới tiện cho nghiên cứu, cho nên trước hết tôi chép lại các "câu vè" để giúp nhớ tám quẻ đơn.

Tượng quẻ : càn ba liên (☰), khôn sáu đoạn (☷), chấn cóc ngựa (☳), cấn úp xuôi (☶), ly giữa khuyết (☲), khảm giữa đầy (☵), đoài trên khuyết (☱), tốn dưới rời (☴).









Cung Càn bát quái thuộc kim

Kiến vi thiên (☶☰), Thiên phong cấu (☳☶), Thiên sơn độn (☶☶),









Thiên địa phù (☰☶), Phong địa quan (☴☶), Sơn địa bác (☶☶)

Hỏa địa tấn (☲☶), Hỏa thiên đại hữu (☶☲).









Cung đoài bát quái thuộc kim

Đoài vi trạch , Trạch thủy khôn , Trạch địa tụy 
Trạch sơn hàm , Thủy sơn kiến , Địa sơn khiêm 
Lôi sơn tiểu quá , Lôi trạch quy muội .









Cung ly bát quái thuộc hỏa

Ly vi hòa , Hỏa sơn lữ , Hỏa phong đỉnh ,
Hỏa thủy vị tể , Sơn thủy mông , Phong thủy hoán ,
Thiên thủy tụng , Thiên hỏa đồng nhân .









Cung chấn bát quái thuộc mộc

Chấn vi lôi , Lôi địa dụ , Lôi thủy giải ,
Lôi phong hằng , Địa phong thăng , Thủy phong tinh ,
Trạch phong đại quá , Trạch lôi tụy .









Cung tốn bát quái thuộc mộc

Tốn vi phong , Phong thiên tiểu súc , Phong hỏa gia nhân ,
Phong lôi ích , Thiên lôi vô vọng , Hỏa lôi phệ hạp ,
Sơn lôi di , Sơn phong cổ .









Cung khâm bát quái thuộc thủy

Khâm vi thủy , Thủy trạch tiết , Thủy lôi truân ,
Thủy hỏa ký tể , Trạch hỏa cách , Lôi hỏa phong ,
Địa hỏa minh di , Địa thủy sư .

Cung cấn bát quái thuộc thổ









Cấn vi sơn , Sơn hòa bôn , Sơn thiên đại súc ,
Sơn trạch tổn , Hòa trạch khuê , Thiên trạch lý 
Phong trạch trung phù , Phong sơn tiệm .



Cung khôn bát quái thuộc thổ

Khôn vi địa , Địa lời phục , Địa trạch lâm ,
Địa thiên thái , Lôi thiên đại tráng , Trạch thiên quài ,
Thủy thiên nhu , Thủy địa tỉ .

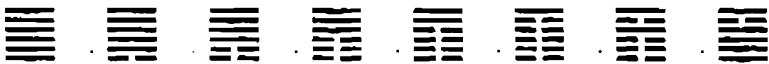
Tám cung ở trên thuộc ngũ hành, xem "Thuyết quái".

Bát quái kép làm thành 64 quẻ, tất cả có tám cung, quẻ thứ nhất của mỗi cung gọi là "quẻ đầu", hoặc gọi là "quẻ thuận".

Quẻ càn , quẻ đoài , quẻ lý , quẻ chấn ,
quẻ tốn , quẻ khâm , quẻ cấn , quẻ khôn .

Bát quái, đơn quái là kinh quái, ví dụ càn , hai quái trùng nhau gọi là biệt quái, ví dụ càn là trời . Tám biệt quái theo ngũ hành chia làm tám cung, tám cung chỉ có tám tượng quẻ, vậy thì 56 tượng quẻ khác sản sinh ra bằng cách nào? Đó là điều mọi người muốn hỏi.

Bát quái là tiêu biểu cho tượng vật, cũng là tiêu chí của hai khí âm dương vượng suy, ngũ hành sinh khắc. Quy luật của âm dương là biến, có thể nói là biến hóa vô cùng, do đó 56 tượng quẻ khác đều do tám quẻ này biến ra cả. Ví dụ cách biến của cung càn như sau :



Đó là cung càn của bát quái, tức là bảy tượng quẻ khác là biến từ trong quẻ càn ☰ mà ra. Cách biến là : dương biến thành âm, âm biến thành dương. Ví dụ quẻ càn sáu hào đều là hào dương, khi biến bắt đầu từ hào dưới nhất (gọi là hào đầu, hào hai, hào ba, hào bốn, hào năm, hào sáu đếm từ dưới lên). Hào đầu của quẻ càn từ dương biến thành âm, tức biến thành quẻ "Thiên phong cấu", quẻ thứ hai. Hào thứ hai của quẻ càn từ dương biến thành âm mà làm ra quẻ "độn" tức quẻ thứ ba. Hào thứ ba của quẻ càn từ dương biến ra âm làm thành quẻ "Thiên địa phủ" tức quẻ thứ tư. Hào thứ tư của quẻ càn từ hào dương biến thành hào âm làm thành quẻ "Phong địa quan", tức quẻ thứ năm. Hào thứ năm dương biến thành âm làm thành quẻ "Sơn địa bác" tức quẻ thứ sáu. Hào thứ tư của quẻ "Sơn địa bác" từ âm biến thành dương biến ra quẻ "Hỏa địa tấn" tức quẻ thứ bảy. Các hào đầu, hào hai, hào ba của "Hỏa địa tấn" đều là âm biến thành dương làm thành quẻ "Hỏa thiên đại hữu" tức quẻ thứ tám. Đến đây tám quẻ của cung càn đều đủ.

Cách biến tám cung đều có một quy luật chung, trong quẻ đầu có hào dương thì biến thành hào âm, còn hào âm biến thành hào dương. Cứ mỗi lần biến một hào sẽ được một tượng quẻ mới. Mỗi cung biến đến hào thứ năm thì ngừng, hào thứ sáu không biến nữa. Quẻ thứ bảy là do biến hào thứ tư của quẻ thứ sáu mà ra. Quẻ thứ tám là do biến cả ba hào : đầu, hai, ba của quẻ thứ bảy mà ra.

Quẻ "Hỏa địa tấn" thứ bảy gọi là quẻ "Du hôn" là vì khi biến không biến hào thứ sáu mà quay trở về biến hào thứ tư. Quẻ "Hỏa thiên đại hữu" thứ tám gọi là quẻ "Quy hôn" vì các hào đầu, hai, ba của quẻ "Hỏa địa tấn" đều biến từ âm

thành dương nên có nghĩa là hoàn nguyên, tức quẻ "Quy hỗn". Cho nên quẻ thứ bảy của mỗi cung là quẻ "du hỗn", quẻ thứ tám là quẻ "Quy hỗn". Hai quẻ "Quy hỗn" và "Du hỗn" phân nhiều để đoán kẻ xuất hành, ví dụ đoán đi khi nào về : gặp quẻ du hỗn tức là đã đi đến nơi, đang nghỉ chưa thể quay về ngay được, nếu gặp quẻ quy hỗn thì người đó đi không xa, sẽ về nhanh.

Trên đây là cách biến tám quẻ của cung cần, các cung khác cách biến cũng theo quy luật đó. Cách biến này do Kinh Phòng, nhà dịch học đời Hán phát minh. Về cách xác định và tác dụng của hào thế, hào ứng của mỗi quẻ sẽ nói kỹ ở phần hai của sách.

II. TƯỢNG QUẺ

Vì sao lại gọi là tượng quẻ ? "Hệ từ" nói : "Dịch đó là tượng vậy". "Thoán nói : lời và hình ở trong tượng vậy". "Lập tượng để định ý, đặt ra quẻ là để định ra các tình tiết", "Bát quái xếp thành hàng, tượng cũng ở trong sự sắp xếp đó". Đời xưa lấy bát quái làm kinh quái, hai quái ghép lại với nhau thành 64 quẻ, gọi đó là biệt quẻ. Hai quái ghép lại thành ra tượng quẻ, tượng quẻ, tượng của vật, tượng có nghĩa là "bấy". Đối với vật hay sự việc, nó không chỉ có ý nghĩa là trùng lặp hoặc hai loại mà còn bao hàm nhiều ý nghĩa, nhiều loại khác nhau. Như trùng hai khám không chỉ có nghĩa là cùng một loại "người" hoặc hai loại trộn lẫn, hoặc hai trung nam gặp gỡ. Dem vật ra mà nói, trong nước sẽ sinh ra hàng trăm vật, trong nước tàng ẩn hàng trăm vật. Với hiện tượng tự nhiên, sáu hào ở trong quẻ có trời, đất, người. Với người thì có cha mẹ, anh em, quan quý, thế tài, con cháu v.v... Tượng quẻ của bát quái không những đại biểu là nhiều vật mà còn là "tượng của tám quẻ" "tượng của lục hoạ", "tượng của tượng hình",

"tượng của ngôi hào", "tượng của phản lại", "tượng của phương vị", "tượng của hổ thê", cho nên có thể gọi tượng là "bây" vậy.

"Thuyết quái" quy nạp tượng của bát quái như sau :

"Càn là mạnh. Khôn là thuận. Chấn là động. Tốn là nhập. Khảm là chìm vào, lún vào. Ly là lệ (tức đẹp). Cấn là ngừng. Đoài là thuyết (tức vui tươi)". "Càn là ngựa. Khôn là trâu. Chấn là rồng. Tốn là gà. Khảm là lợn. Ly là chim công. Cấn là chó. Đoài là dê".

"Càn là đầu. Khôn là bụng. Chấn là chân. Tốn là bắp đùi. Khảm là tai. Ly là mắt. Cấn là tay. Đoài là miệng".

"Càn là trời, nên gọi là cha. Khôn là đất, gọi là mẹ. Chấn là vừa tìm mà được nam nên gọi là trưởng nam. Tốn là vừa tìm mà được nữ nên gọi là trưởng nữ. Khảm là tìm lại mà được nam nên gọi là trung nam. Ly là tìm lại mà được nữ nên gọi là trung nữ. Cấn là tìm ba lần mà được nam nên gọi là thiếu nam. Đoài là tìm ba lần mà được nữ gọi là thiếu nữ".

"Càn là trời, là tròn, là vua, là cha, là ngọc, là vàng, là lạnh, là băng, là đại xích (1), là ngựa tốt, là ngựa già, là gậy, là ngựa đốm, là quả cây".

"Khôn là đất, là mẹ, là vải, là nổi, là tính biển lận, là đếu, là con trâu mẹ, là đại hưng (2), là văn, là chúng, là tay nắm, những cái khác có nghĩa là đen".

"Chấn là sấm, là rồng, là huyện hoàng (3), là bố thí, là đường lớn, là dài, là quyết tháo (4), là tre non, là lau sậy. Nếu là ngựa là kêu giỏi, là ngựa có chân trái sau màu trắng, là ngựa bước nhanh, là ngựa có đám trắng ở trán. Còn nữa là ngũ cốc, là củ. Cuối cùng là mạnh, là tươi thơm".

"Tốn là cây, là gió, là trưởng nữ, là giầy thẳng, là công, là trắng, là dài, cao, là tiến thoái, là không thành quả, là

thối. Nếu là người là ít tóc, là trán rộng, là mắt lòng trắng nhiều, buồn bán phát đạt. Cuối cùng là quẻ táo (tức nóng, gấp).

"Khâm là nước, là mương rãnh, là ấn phục, là nấn day, là xe. Khi là người là thêm lo, là bệnh tim, là đau tai, là quẻ huyết, là đỏ. Nếu là ngựa là sống lưng đẹp, là nóng lòng, là vó chân mỏng, là nước chảy trên mặt đất. Khi là xe là dữ nhiều, là thông suốt, là thán, là ăn cướp. Khi là cây là lõi gỗ cứng.

"Ly là lửa, là ngày, là điện, là trung nữ, là mũ của lính ngày xưa, là binh khí. Khi là người là bụng to, là quẻ càn (ở đây : "quẻ càn" là quẻ có ý khô). Là ba ba, là cua, ngọc trai, là rùa. Khi là cây là cây cành khô".

"Cấn là núi, là đường tắt, là hòn đá nhỏ, là môn khuyết (của thiếu), là loại quả dưa, là người gác cửa, là ngón tay, là chó, là chuột, là thuộc loại mỏ đen. Khi là cây là nhiều mắt cứng".

"Đoài là trạch, là thiếu nữ, là người làm bói toán, làm thuốc, là cãi vạ, là hủy gãy, là rung cây cho quả rơi xuống. Khi là đất thì là kiếm khô cứng. Là thiếp, là dê".

Các tượng quẻ ở trên xem trong "thuyết quái". Trong dự đoán thông tin cần dùng đến, nên phải thuộc lâu.

Chú thích

(1) Quẻ càn trong quẻ đoán về tin tức của mười hai tháng là quẻ thán tư, thán tư mặt trời đỏ rực nên gọi là đại xích.

(2) Khôn là đại hưng, là xe. Cho nên quẻ khôn là xe, có hình xe.

(3) Huyền hoàng tức màu vàng đen.

(4) Quyết tháo là quyết đoán nhanh.

Phụ lục - TƯỢNG LOẠI VẠN VẬT TRONG "MAI HOA DỊCH SỐ"

Tượng loại vạn vật trong "Mai hoa dịch số" là bộ phận quan trọng của tượng chiêm, cũng là phần không thể không nắm vững trong dự đoán thông tin nên ghi ra đây để độc giả ứng dụng. Muốn học dự đoán không thể không nắm vững nội dung phần này.

Những điều nói trong "Tượng loại vạn vật" là tượng vật của quẻ thuận. Rất nhiều độc giả hỏi : khi quẻ thượng và quẻ hạ không giống nhau thì làm thế nào ? (Gặp trường hợp này phải xem quẻ trên là quẻ gì, quẻ dưới là quẻ gì, đoán việc gì, sau đó xem mỗi quẻ chủ tượng gì, thế là được. Ví dụ đoán về ăn uống được quẻ "tụng" (☵☶), quẻ càn của quẻ thượng trong tượng vật của thức ăn là vật gì, quẻ khảm của quẻ hạ trong tượng vật của thức ăn là vật gì, như thế là trong bàn ăn có những món gì sẽ rất rõ ràng. Đối với quẻ hồ, quẻ biến cũng làm như thế. Tượng quẻ khác cũng làm như thế.

TƯỢNG LOẠI VẠN VẬT

Quẻ càn

[Thiên thời] : trời ; băng ; (nước) đá ; cục [nước] đá.

[Địa lý] : phương tây bắc ; kinh đô ; quận lớn ; địa hình hiểm yếu hoặc danh lam thắng cảnh ; vùng đất cao và khô.

[Nhân vật] : vua, quân tử ; cha ; đại nhân ; người già ; bậc trưởng giả ; quan ; danh nhân ; cán bộ.

[Tính cách] : cứng, mạnh, dũng võ ; quả quyết ; hoạt động nhiều.

[Thân thể] : đầu ; xương ; phổi.

[Thời gian] : giao thời, giữa tháng chín và tháng mười ; mùa thu ; chuyển từ tháng hoặc năm tuất sang hội ; giờ, ngày, tháng, năm của ngũ kim (1)

[Động vật] : ngựa ; ngỗng (thiên nga) ; sư tử ; voi.

[Tĩnh vật] : vàng ngọc ; châu báu ; vật tròn ; quả cây ; vật cứng ; mũ ; kính.

[Nhà cửa] : nhà xí công cộng ; lâu đài ; nhà cao to ; lầu ; trạm ; ở hướng tây bắc.

[Nhà ở] : chiếm được vào mùa thu thì hưng thịnh, mùa hạ có họa ; mùa đông thì vắng lạnh ; mùa xuân thì cát lợi.

[Hôn nhân] : người thân quyến của nhà quan ; gia đình có danh tiếng ; vào mùa thu sẽ kết quả ; mùa đông, mùa hạ không lợi.

[Ăn uống] : thịt ngựa quý ngon ; nhiều xương ; gan, phổi ; thịt khô ; quả cây ; thú của các loại vật ; vật tròn ; vật đáng cay.

[Cấu danh] : có danh ; hợp với các chức nội nhiệm, quan tòa, võ chức, nắm quyền, thiên sứ, liên lạc ; nhậm chức về hướng tây bắc.

[Mưu vượng] : thành công ; có lợi trong việc công ; có tiến trong hoạt động ; mùa hạ thì không thành ; mùa đông nhiều mưu ; không được vừa ý.

[Giao dịch] : hàng quý như : vàng, ngọc, châu báu ; dễ thành công ; vào mùa hạ không lợi.

[Cấu lợi] : có của ; lợi về vàng, ngọc ; được của trong cơ quan ; vào mùa thu rất lợi ; mùa hạ tổn tài ; mùa đông không được của.

[Xuất hành] : xuất hành lợi ; hợp với người kinh sư ; lợi đi về phía tây bắc ; mùa hạ không lợi.

[Mong gặp] : lợi gặp được đại nhân ; gặp người có đức ; hợp với gặp người chức cao sang ; có thể gặp.

[Kiện tụng] : thế mạnh ; có quý nhân phù trợ ; vào mùa thu sẽ thắng ; mùa hạ thất lý.

[Bệnh tật] : bệnh ở đầu, mặt ; bệnh phổi ; bệnh gân cốt ; bệnh ở thượng tiêu, mùa hạ không yên ổn.

[Phấn mộ] : hợp hướng tây bắc ; hợp với mạch khí càn sơn ; hợp với thiên huyết ; hợp với chỗ cao ; mùa thu thì quý ; mùa hạ hung dữ.

[Phương đường đi] : tây bắc.

[Ngũ sắc] : màu đỏ mạnh, màu đen huyền.

[Chữ tên họ] : người tên họ có chữ kim (金) bên cạnh ; ngôi hàng 1, 4, 9. (2)

[Chữ số] : 1, 4, 9 (3)

[Ngũ vị] : đắng, cay.

Quẻ khôn

[Thiên thời] : mây đen, mù, sương.

[Địa lý] : diên dã, buổi sáng ban mai ở nông thôn ; bình địa ; phương tây nam.

[Nhân vật] : mẹ già ; mẹ kế ; nông phu ; người nông thôn ; người bình thường ; người phụ nữ già ; người bụng to.

[Tính cách] : biến lộn ; nhu thuận ; nhu nhược ; nhiều người ; tiểu nhân.

[Thân thể] : bụng ; lá lách ; thịt ; dạ dày.

[Thời gian] : tháng : thìn, tuất, sừu, mùi ; giờ, ngày, tháng, năm : mùi thân ; ngày, tháng : tám, năm, mười (4).

[Tĩnh vật] : vật vuông ; vật mềm ; vải, tơ gấm ; ngũ cốc ; binh khí, rìu ; đồ đất.

[Động vật] : trâu bò ; bách cầm ; ngựa bươu.

[Nhà cửa] : phương tây nam ; thôn diêm, lều ngoài đồng ; nhà thấp bé ; đất bậc thang ; nhà kho.

[Nhà ở] : yên ổn, nhiều âm khí ; được vào mùa xuân không yên.

[Ăn uống] : thịt trâu ; món ăn sang và vừa, vị ngọt, vị dân già, vị ngũ cốc ; món ăn mắm măng ; vật thuộc về lòng (ruột, tim, gan...).

[Hôn nhân] : lợi về hôn nhân ; lợi cho nhà chịu thuế, nhà nông thôn hoặc nhà quả phụ ; mùa xuân không lợi.

[Sinh đẻ] : dễ đẻ ; mùa xuân khó đẻ ; tổn thất hoặc bất lợi cho mẹ ; ngổi hợp với phương tây nam.

[Cấu danh] : có danh ; hợp với phương tây nam hoặc hợp với chức thầy giáo, người coi giữ đất, mùa xuân không thành.

[Giao dịch] : lợi trong giao dịch ; hợp với giao dịch về đất, về ngũ cốc, về hàng rẻ tiền, vật nặng, vải vóc ; trong im tĩnh có tiền ; mùa xuân không lợi.

[Cấu lợi] : có lợi, hợp với có lợi trong việc đất đai ; lợi về vật nặng, hàng rẻ tiền, trong tĩnh có tiền, mùa xuân không được tiền, trong nhiều tìm được lợi.

[Mưu vượng] : lợi về cấu mưu ; cấu mưu ở bên cạnh láng giềng ; cấu mưu trong tỉnh ; mùa xuân không thuận hoặc cấu mưu ở phụ nữ.

[Xuất hành] : có thể đi ; hợp với phía tây nam ; hợp với về nông thôn, hợp với đi bộ ; mùa xuân không hợp.

[Mong gặp] : có thể gặp ; lợi về gặp ở thôn quê ; hợp với gặp bạn thân, người âm ; mùa xuân khó gặp.

[Bệnh tật] : bệnh ở bụng ; bệnh tỉ vị ; ăn uống chậm tiêu ; ăn không tiêu.

[Kiện tụng] : thuận về lý ; được lòng mọi người, kiện tụng đang tan cuộc.

[Phần mộ] : hợp với hướng tây nam ; đất bằng phẳng quang dăng. Gắn điện dĩa ; hợp với mai táng chỗ thấp ; mùa xuân không được táng.

[Chữ tên họ] : chữ tên họ có mang chữ thổ, ngôi hàng là tám, năm, mười (tức con thứ tám, hoặc thứ năm, hoặc thứ mười).

[Chữ số] : tám, năm, mười. (có thể tháng tám, tháng năm, tháng mười ; hoặc số 8, 5, 10 ; hoặc 850, tùy vào việc mà đoán).

[Phương đường đi] : tây nam

[Ngũ vị] : ngọt

[Ngũ sắc] : vàng, đen.

Quẻ chấn

[Thiên thời] : sấm

[Địa lý] : phương đông ; cây gỗ ; chợ ồn ào ; đường lớn ; rừng tre ; chỗ cỏ cây rậm rạp.

[Thân thể] : chân ; gan ; tóc ; âm thanh.

[Nhân vật] : trưởng nam.

[Tính cách] : khởi động, giận, hoảng sợ vu vơ, gào hét ; động nhiều tĩnh ít.

[Thời gian] : tháng hai mùa xuân ; giờ ngày tháng năm mao ; ngày tháng tư, ba, tám.

[Tính vật] : gỗ tre ; cây lau ; nhạc khí (bằng tre, gỗ), vật hoa cỏ tươi tốt ; hạt.

[Động vật] : rồng ; rắn ; trăm loại sâu ; ngựa kêu.

[Nhà cửa] : ở phương đông ; chỗ rừng rậm ; lâu các.

[Nhà ở] : có lúc bất thần lo sợ vu vơ trong nhà ; mùa xuân, mùa đông tốt ; mùa thu không lợi.

[Ăn uống] : vớ chân ; thịt ; hương vị sơn lâm ; thịt tươi ; quả chua ; rau ; cá chép.

[Hôn nhân] : có thể, thành công, nhà có thanh danh ; được kết hôn với trường nam ; mùa thu không lợi.

[Cầu lợi] : phát tài về gỗ tre rừng núi ; tìm lợi chỗ động, hoặc gặp lợi về các mặt hàng trà, tre, gỗ, sơn lâm.

[Cầu danh] : được danh ; hợp về nhậm chức ở phương đông ; hợp về chức hô hào, ra lệnh ; quan cai ngục ; không nhậm chức thuế khóa, trà, gỗ, hoặc chức ở chợ ồn ào.

[Sinh đẻ] : sợ vu vơ ; thai động không yên ; thai đầu tiên chắc chắn là trai ; ngồi nên hướng đông ; mùa thu không tốt.

[Bệnh tật] : bệnh chân ; bệnh gan ; kinh hoảng không yên.

[Mưu vượng] : có thể vượng ; có thể cầu ; thích hợp với cầu trong sự hoạt động ; mùa thu không thuận.

[Giao dịch] : lợi về giao dịch ; mùa thu khó thành ; động mới có thể thành ; có lợi về những hàng trà, tre, gỗ, rừng núi.

[Kiện tụng] : thế mạnh ; lo lắng vu vơ ; di động, lập đi lập lại.

[Mong gặp] : có thể gặp ; dễ gặp người rừng núi ; dễ gặp người có thanh danh.

[Xuất hành] : dễ xuất hành ; lợi về phương đông ; lợi người rừng núi ; mùa thu không nên đi, nhưng lo sợ vu vơ.

[Phấn mộ] : lợi về phương đông ; huyết trong rừng sâu ; mùa thu không lợi.

[Chữ tên họ] : có chữ mộc ; ngôi hàng bốn, tám, ba.

[Chữ số] : bốn tám ba.

[Phương đường đi] : đông.

[Ngũ vị] : ngọt, chua.

[Ngũ sắc] : xanh đen ; màu lục bích.

Quẻ tổn

[Thiên thời] : gió

[Địa lý] : đất ở phương đông nam ; chỗ cỏ cây rậm rạp, vườn rau hoa quả.

[Nhân vật] : trường nữ ; tú sĩ ; người quá phụ ; người tiên đạo ở rừng sâu ; tăng đạo.

[Tính cách] : nhu hòa ; bất định ; cố vũ ; buôn bán rất sinh lợi ; tiến thoái không quá quyết.

[Thân thể] : cánh tay, đùi, khí, phong tật.

[Thời gian] : giao thời giữa xuân và hạ ; ngày tháng : hai, năm, tám ; tháng ba ; giờ, ngày, tháng : thìn, tị, tháng tư.

[Tính vật] : mộc hương ; dây ; vật thẳng ; vật dài ; tre gỗ ; đồ thủ công khéo léo, thổi, lông gà ; bướm ; quạt, cối.

[Động vật] : gà, các loại cầm (thú), cầm (thú) trong rừng, sâu bọ, rắn.

[Nhà cửa] : ở hướng đông nam ; lầu đài gác (chuông) trong chùa ; ở trong rừng sâu .

[Nhà ở] : yên ổn, lợi ở chợ ; mùa xuân tốt ; mùa thu không yên ổn.

[Ẩn uống] : thịt gà ; hương vị núi rừng ; vị chua của hoa quả.

[Hôn nhân] : có thể thành ; hợp kết hôn với con gái đầu ; mùa thu không lợi.

[Sinh đẻ] : dễ sinh ; sinh lần đầu sẽ là con gái ; vào mùa thu sẽ có hại cho thai ; hợp với ngôi hướng đông nam.

[Cầu danh] : có danh ; hợp với thế lục chức văn hoặc có phong hiển ; để làm người có phong hiển ; hợp với chức thuế hàng tre, gỗ, trà, hoa quả ; hợp với nhậm chức phía đông nam.

[Cầu lợi] : buôn bán phát đạt, lợi về miền núi ; lợi về hàng tre gỗ ; mùa thu không lợi.

[Giao dịch] : có thể thành công ; tiến thoái bất nhất ; lợi về giao dịch ; giao dịch việc núi rừng ; lợi về hàng trà, gỗ núi rừng.

[Mưu vượng] : có thể mưu vượng ; có tiến có thể thành công ; mùa thu nhiều mưu nhưng không thuận lắm.

[Xuất hành] : có thể đi ; có được có mất ; hợp đi hướng đông nam ; mùa thu không lợi.

[Mong gặp] : có thể gặp ; dễ gặp người miền núi ; dễ gặp văn nhân tú sĩ.

[Bệnh tật] : bệnh đùi, cánh tay ; bệnh phong ; bệnh đường ruột ; trúng phong ; bệnh về tác khí.

[Chữ tên họ] : tên họ có chữ thảo mộc bên cạnh ; ngôi hàng : năm, ba, tám.

[Kiện tụng] : dễ hòa ; sợ gặp phải cái nợ phong kiến.

[Mộ phần] : dễ là hướng đông ; huyệt ở rừng núi ; nhiều cây gỗ ; mùa thu không lợi.

[Chữ số] : năm ba tám.

[Phương đường đi] : đông nam.

[Ngũ vị] : vị chua.

[Ngũ sắc] : xanh lục ; màu bích trắng trong.

Quẻ khảm

[Thiên thời] : trăng ; mưa ; tuyết ; mù ; sương, nước.

[Địa lý] : phương bắc ; sông hồ ; khe suối ; giếng tuyền ; chỗ ẩm ướt ; mương rãnh, ao đầm ; chỗ có nước.

[Nhân vật] : trung nam ; người giang hồ ; người lái dò ; bọn trộm cướp ; phi.

[Tính cách] : chỗ hiểm hóc ; bề ngoài lấy mềm ; bên trong lấy lợi ; phiêu bạt không thành ; theo sóng mà trôi dấn.

[Thân thể] : tai ; máu ; thận.

[Thời gian] : tháng 11 mùa đông ; ngày, tháng, năm : tí ; ngày, tháng : một, sáu.

[Tĩnh vật] : một giải nước ; vật có hạt ; vành cung ; vật thấp mềm, thứ để đựng rượu ; dụng cụ đựng nước ; nhà xưởng ; chua, lê ; cái ách ; muối ; rượu.

[Động vật] : lợn ; cá ; con vật trong nước ; con hổ ly ; loài thủy tộc.

[Nhà cửa] : ở hướng bắc ; gần nước ; lầu trên nước ; lầu trên sông ; nhà ở chỗ hỗn địa.

[Ăn uống] : thịt lợn ; rượu ; thức ăn lạnh ; thức ăn biển ; canh ; vị chua ; thức ăn thường ngày ; cá lẫn huyết ; cất giấu ; vật có hạt ; vật trong nước ; vật nhiều xương.

[Nhà ở] : không yên ; ám muội ; để phòng cướp, phi.

[Hôn nhân] : lợi khi kết hôn với trung nam ; hợp với kết hôn về phía bắc ; không dễ thành hôn ; không nên cưới vào các tháng Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

[Sinh đẻ] : khó đẻ, nguy hiểm ; không phải là lần đầu ; nam ; trung nam ; vào tháng : thìn, tuất, sữu, mùi có tổn thất ; hợp với hướng bắc.

[Câu danh] : khó khăn ; e có tai họa ; dễ gặp ở phương bắc ; được chức kém như quản lý cá, muối, sông bạc ; rượu lẩn dấm.

[Câu lợi] : có cửa để phòng mất ; dễ được cửa ở vùng nước ; e sợ có sự mất mát nguy hiểm ; dễ gặp lợi về các hàng cá, muối, rượu ; để phòng mất mát ; phòng mất cướp.

[Giao dịch] : không lợi ; lo để phòng mất mát ; hợp với giao dịch ở vùng hồ nước ; hợp với hàng cá muối ; hợp với hàng rượu ; hoặc giao dịch với người liên quan với nước.

[Mưu vượng] : không dễ mưu vượng ; không thành công ; mùa thu, đông có thể được.

[Xuất hành] : không nên đi xa ; nên đi thuyền ; nên đi về phương bắc ; để phòng bị cướp ; e sẽ gặp việc hiểm trở.

[Mong gặp] : khó gặp ; nên gặp người giang hồ, hoặc người sống cạnh vùng nước.

[Bệnh tật] : đau tai ; bệnh tim ; cảm nhiễm ; bệnh thận ; dạ dày lạnh ; đi tòng nước ; bệnh về lạnh ; bệnh về máu.

[Kiện tụng] : có âm hiểm ; có mất vì kiện ; mất mát.

[Mộ phần] : nên huyết hướng bắc ; mộ gần nước ; táng không lợi.

[Chữ tên họ] : tên họ viết có chữ thủy bên cạnh.

[Chữ số] : 1, 6.

[Phương đường đi] : phương bắc.

[Ngũ vị] : mặn ; chua.

[Ngũ sắc] : đen.

Qué ly :

[Thiên thời] : ban ngày ; điện ; cầu vồng ; ráng mây màu.

[Địa lý] : phương nam ; chỗ đất gò cao ; chỗ có lò ; đất khô liếm ; mặt đất khô.

[Nhân vật] : trung nữ ; văn nhân ; bụng to ; người mắt có tật ; người đội mũ giáp.

[Tính cách] : nơi văn hóa ; tài học thông minh ; khiêm tốn trong giao tiếp ; làm việc sách vở ; mỹ lệ.

[Thân thể] : mắt, tim, thượng tiêu.

[Thời gian] : tháng năm mùa hạ ; giờ, ngày, tháng, năm ; ngọ hỏa ; ngày ba, hai, bảy.

[Tính vật] : lửa, sách ; văn ; chữ khắc trên mai rùa, xương ; vũ khí ; áo khô ; vật khô.

[Động vật] : chim trĩ, chim công ; rùa ; ba ba ; ốc trai ; cua.

[Nhà cửa] : nhà hướng nam ; nhà sáng, cửa sổ sáng ; nhà ào (hư thất).

[Nhà ở] : yên ổn ; yên lành ; mùa đông không yên ; hỏa hoạn.

[Ăn uống] : thịt chim trĩ, chim công ; hầm xào ; thức ăn kho ; thịt khô ; thịt chín.

[Hôn nhân] : không thành ; lợi về kết hôn với trung nữ ; mùa hè dễ thành ; mùa đông không lợi.

[Sinh đẻ] : dễ sinh, đẻ con gái thứ ; mùa đông có tổn thất ; nên ngồi hướng nam.

[Cầu danh] : có danh ; hợp với chức ở phía nam ; nhậm chức quan văn ; để nhận chức về lò luyện.

[Cầu lợi] : có của thì nên cầu phía nam ; có của về văn thư ; mùa đông có mất mát.

[Giao dịch] : có thể thành ; nên giao dịch về việc văn thư.

[Xuất hành] : có thể đi ; hợp với đi về phía nam ; đi về việc văn thư ; mùa đông không nên đi ; không nên đi thuyền.

[Mong gặp] : có thể gặp người phương nam ; mùa đông không thuận lợi ; mùa thu sẽ gặp được tài sĩ văn thư khảo án.

[Kiện tụng] : dễ tan ; đơn thư hoạt bát, động ; lời kiện rõ ràng.

[Bệnh tật] : bệnh mắt ; bệnh tim ; bệnh ở thượng tiêu (vùng ngực) ; mùa hạ dễ bị bệnh nóng ; bệnh dịch.

[Mộ phần] : mộ hướng nam ; năm không có cây cối ; huyết dương. Mùa hạ sẽ xuất hiện văn nhân ; mùa đông không lợi.

[Chữ tên họ] : tên nhân sĩ có chữ thứ (𠄎) hoặc chữ nhân đứng (亻) bên cạnh ; ngồi hàng 3, 2, 7.

[Chữ số] : 3, 2, 7.

[Phương đường đi] : phương nam.

[Ngũ sắc] : đỏ, tím, hồng.

[Ngũ vị] : đắng.

Quẻ cần

[Thiên thời] : mây ; mù ; mây mù ở thung lũng.

[Địa lý] : đường đất ở trên rừng gần sơn thành ; lăng gò ; mộ mà ; phương đông bắc ; môn khuyết (thiếu, mất cửa).

[Nhân vật] : đàn ông trẻ tuổi ; người rời việc ; người trong núi ; đồng tử.

[Tính cách] : cách trở ; thủ tĩnh (giữ yên tĩnh) ; tiến thoái do dự ; mặt sau ; phán lại ; ngừng lại ; không thấy.

[Thân thể] : ngón tay ; xương ; mũi ; lưng.

[Thời gian] : tháng giữa đông sang xuân ; giờ ngày tháng năm sừu dân của tháng 12 ; ngày tháng 7, 5, 10 ; giờ ngày tháng năm thổ.

[Tính vật] : đất đá ; quả dưa ; vật màu vàng ; vật trong đất ; cửa chùa ; vật do gỗ làm ra ; dưa của loại cây dây leo sinh ra.

[Động vật] : hổ ; chó ; chuột ; các loại súc vật (bách cầm) thuộc loại mỏ đen : hổ, ly.

[Nhà ở] : yên ổn ; nhiều việc có trở ngại ; người nhà không hòa thuận ; mùa xuân không yên.

[Nhà ở] : ở phương đông bắc ; ở núi gần đá ; nhà gần đường.

[Ăn uống] : hương vị của vật ở trong đất, thịt các loại thú ; thuộc măng trúc cạnh mộ ; hương vị dân dã.

[Hôn nhân] : cách trở khó thành ; thành nhưng muộn, chậm ; lợi kết hôn với nam trẻ ; nên kết hôn với người nông thôn ; mùa xuân không lợi.

[Cầu danh] : cách trở vô danh ; nên nhậm chức phía đông bắc ; hợp với chức trông coi đất đai ở vùng núi.

[Sinh đẻ] : khó sinh ; có chỗ hiểm yếu, trắc trở ; nên hướng đông bắc ; mùa xuân có tổn thất.

[Giao dịch] : khó thành ; có việc giao dịch về ruộng đất rừng núi ; mùa xuân có thua thiệt.

[Xuất hành] : không nên đi xa ; có trắc trở ; nên đi đường bộ và gần.

[Mong gặp] : không thể gặp ; có trắc trở ; nên gặp người vùng núi.

[Bệnh tật] : bệnh về ngón tay ; bệnh về tỉ vị.

[Kiện tụng] : quý nhân cản trở làm chậm ; kiện chưa được giải quyết ; có liên quan không dứt được.

[Phần mộ] : huyết hướng đông bắc ; huyết trong núi ; gần bên cạnh đường có đá ; mùa xuân không lợi.

[Tên chữ họ] : chữ viết tên họ bên cạnh có chữ thổ (土) ; ngôi hàng 5, 7, 10.

[Chữ số] : 5, 7, 10.

[Phương đường đi] : phương đông bắc.

[Màu sắc] : vàng.

[Ngũ vị] : ngọt.

Qué đoài

[Thiên thời] : mưa, trăng non, sao.

[Địa lý] : ao đầm ; mép nước ; ao nhỏ ; giếng bỏ đi ; chỗ núi nề sụt lở ; chỗ đất sỏi.

[Nhân vật] : thiếu nữ ; thiếp ; kỹ nữ ; diễn viên ; người phiên dịch ; thấy bói ; con gái đi ở.

[Tính cách] : vui mừng ; cãi vạ (miệng lưỡi) ; nói xấu ; ăn uống.

[Thân thể] : lưỡi ; miệng ; hầu ; phổi ; đờm ; nước bọt.

[Thời gian] : tháng tám mùa thu ; giờ, ngày tháng năm dậu ; ngày tháng năm kim ; ngày tháng 2, 4, 9.

[Tính vật] : kim đao (dao kim loại) ; kim loại ; nhạc khí ; vật phế thải ; vật thiếu các phụ tùng ; vật có miệng ; vật hư gãy.

[Động vật] : dê ; vật trong ao hồ.

[Nhà cửa] : ở hướng tây ; ở gần ao ; nhà tường vách hồng ; nhà có hao tổn.

[Nhà ở] : không yên ; để phòng cãi vạ ; mùa thu thì vui mừng ; mùa hạ được nhà có tai họa.

[Ăn uống] : thịt dê ; vật ở ao hồ ; vị bình thường ; vật đáng cay.

[Hôn nhân] : không thành ; mùa thu không thành ; có hi (vui) ; tốt cho người chủ hôn ; kết hôn với thiếu nữ ; mùa hạ không lợi.

[Sinh đẻ] : không lợi ; e có tổn hại thai hoặc là sinh con gái ; mùa hạ không lợi ; nên ngồi hướng tây.

[Cầu danh] : khó thành ; vì danh mà có tổn thất ; lợi về nhận việc ở phía tây ; nên làm hình quan (quan tòa) ; chức võ ; người diễn viên, người phiên dịch.

[Cầu lợi] : không lợi ; có hại ; tài lợi gây ra cãi vạ ; mùa thu có tin vui, có cửa ; mùa hạ không lợi.

[Xuất hành] : không nên đi xa ; để phòng cãi vạ ; hoặc mất mát ; nên đi phía tây ; mùa thu có lợi nên đi.

[Giao dịch] : khó có lợi ; để phòng cãi vạ ; có cạnh tranh ; mùa thu có lợi do giao dịch ; mùa hạ không lợi.

[Mong gặp] : lợi đi về phía tây ; gặp sẽ có chửi mắng.

[Bệnh tật] : bệnh ở miệng, lưỡi, yết hầu ; bệnh thờ đốc ngược ; ăn uống không được.

[Mộ phần] : nên hướng tây ; phòng trong huyết có nước ; mộ gần ao hồ ; hoặc táng ở huyết đất hoang ; mùa hạ không nên.

[Kiện tụng] : tranh kiện mãi không thôi ; quanh co không dứt khoát ; vì kiện mà bị tổn hại ; để phòng bị hình sự ; mùa thu thắng lý được kiện.

[Chữ viết tên họ] : chữ viết tên họ có chữ khẩu (口), chữ kim (金) bên cạnh. Ngôi hàng 4, 2, 9.

[Chữ số] : 4, 2, 9.

[Phương đường đi] : phương tây.

[Màu sắc] : trắng.

[Ngũ vị] : cay.

Chú thích

(1) Giao thời giữa tháng 9 và tháng 10 mùa thu, chuyển từ tháng, năm : tuất sang Hợi ; giờ ngày tháng năm của ngũ kim nghĩa là tháng 9 là tuất, tháng 10 là Hợi, quẻ cần chính ở ngôi này, cho nên thời gian ứng sự của quẻ này có thể đoán định vào các năm, tháng, ngày, giờ tuất, Hợi. Giờ ngày tháng năm của ngũ kim là : "ngũ kim" là chỉ "kim" trong ngũ hành, tức thời gian ứng sự của quẻ cần, có thể đoán giờ ngày tháng năm kim : canh, tân, thân, dậu mà thành sự (các quẻ khác cách giải thích cũng như thế).

(2) Ngôi hàng 1, 4, 9 : quẻ cần vượng tướng ở tháng một, tháng tư, tháng chín là kim, là chính ngôi của quẻ cần. Ngôi hàng 1, 4, 9 tức người đó là con đầu (một) hoặc thứ tư, hoặc thứ 9. Các quẻ khác cách nói cũng như thế.



(3) Số 1, 4, 9 : có nghĩa là lệnh 9 của tháng giêng, tháng tư ; hoặc số là 1, hoặc 4, hoặc 9 hoặc là 149 : cụ thể là bao nhiêu phải tùy sự việc mà đoán. Các quẻ khác cách nói cũng tương tự.

(4) Tháng Thìn tuất Sửu Mùi, giờ ngày tháng năm : mùi, thân : quẻ khôn ngũ hành thuộc thổ, gặp tháng thổ : Thìn tuất Sửu Mùi thì vượng. Thời gian ứng sự của nó có thể đoán vào tháng năm hoặc ngày giờ Thìn tuất Sửu Mùi. Vị thân là phương vị của quẻ khôn nên còn có thể đoán quẻ khôn vào tháng năm hoặc ngày giờ mùi, thân. Các quẻ khác cách nói cũng tương tự.

III. NGÔI CỦA QUÊ

Sáu mươi tư quê trong "Kinh dịch", trong quê từ và hào từ vốn không nói về ngôi quê. Trong "Hệ từ" tuy nói "bì, cao là trần ; quý, hèn là ngôi". "Tượng" nói về "ngôi" rất nhiều, có "ngôi của cương" "ngôi được" v.v... "Thuyết quái" có "trời đất định vị" "có quân thần sau đó có trên dưới" v.v. .. đều là nói về "ngôi" nhưng chưa bàn về "ngôi quê". Do đó có thể khẳng định thuyết "ngôi quê" là người đời sau căn cứ vào "ngôi" đã nói ở trên và trong ứng dụng dự đoán, trong kinh nghiệm thực tiễn mà tổng kết ra. Những kinh nghiệm này rất quý, rất quan trọng, là phần không thể thiếu được trong dự đoán thông tin. Nó đã cung cấp cho người đời sau một điều kiện đáng tin cậy và có lợi để dự đoán thông tin. Lúc tôi dự đoán thường dùng ngôi quê, ngôi hào để định việc, định người, định vật, thực tiễn chứng minh là rất chính xác. Ví dụ ngày 24 tháng 8 năm 1986 khi dự đoán về quê "vị tế" của "lời kinh thiên địa", động là quê "mông" trong đó đã dùng phương pháp đoán "ngôi", kết quả rất chuẩn.

Ngôi của bát quái chính là ngôi của hai kinh quái ghép với nhau. Ngôi của quê thuộc về tượng quê, tượng quê bao gồm ngôi quê.

Ngôi quê có tất cả bảy loại : 1 - hai quê chống nhau thì có ngôi trên, ngôi dưới hay gọi là quê thượng, quê hạ ; 2- hai quê chống nhau có ngôi trong, ngôi ngoài, còn gọi là quê nội, quê ngoại ; 3 - quê giống nhau chống lên nhau thì có ngôi trước, ngôi sau, tức quê thượng là quê tiến, quê hạ là quê hậu ; 4 - hai quê khác nhau chống lên nhau thì có ngôi âm, ngôi dương, còn gọi là quê âm, quê dương. Như quê  ngoài âm trong dương ; 5 - hai quê chống lên nhau có ngôi cứng, ngôi mềm, như quê  ngoài cứng trong mềm ;

6 - cùng một que chống lên nhau thì có ngôi song song hoặc ngôi trùng nhau ; 7 - hai que chống lên nhau có ngôi xa, ngôi gần, ngôi ngoài là xa, ngôi trong là gần.

Bây loại này khi dùng sẽ thấy mỗi loại có hàm ý khác nhau. Ví dụ khi dự đoán về nạn lụt, que ngoài có nước, que trong không có nước tức là vùng ngoài có thủy tai, vùng trong (vùng bản địa) không có thủy tai, vùng xa có nạn lụt, vùng gần không có, không thể giải là phía trên có lụt, phía dưới không có lụt ; cũng không thể nói ngôi cũng có lụt, ngôi mếm không có. Tóm lại, phương pháp dùng của ngôi que, ngôi hào là căn cứ vào sự việc dự đoán cụ thể mà định, điều đó rất biện chứng, không phải nhất luật như nhau.

IV. TƯỢNG HÀO, SỐ HÀO

Tượng hào

Que có tượng que, hào có tượng hào, đầu tiên có tượng hào sau đó mới có tượng que. "Hệ từ" nói "quan biến ư âm dương nhi lập que" (xem âm dương biến mà lập que) cho nên tượng hào cũng chính là âm dương vậy. Tượng hào chỉ có hai loại tức là hai phù hiệu cơ bản cấu tạo thành bát quái : hào âm (⚋), hào dương (⚊).

Hào dương tượng trưng cho dương, trời, vua, quân tử, đại nhân, cha, đàn ông, số lẻ, vật dương tính, cứng, mạnh, động, v.v...

Hào âm tượng trưng cho đất, người dân, tiểu nhân, mẹ, đàn bà, số chẵn, vật tính âm, mềm, yếu, tĩnh, v.v...

Số hào

Số hào nguồn gốc là từ "số của trời đất cộng lại 55". Lấy số sáu vạch của tượng que mà dùng cho 49 que. Số hào của que là số ngôi của hào trong que đó.

Một quẻ có sáu hào, cách tính số hào là kể từ dưới lên trên. Hào thứ nhất gọi là hào đầu, hào thứ hai là hào hai..., hào thứ sáu là hào thượng.

Để phân biệt âm dương, hào dương dùng số chẵn, hào âm dùng số lẻ. Cho nên hào dương của quẻ dương gọi là "cửu sơ" "cửu nhị"... "cửu ngũ" "cửu thượng". Hào âm của quẻ âm gọi là "lục sơ", "lục nhị"... "lục thượng". Trong một quẻ có hào âm, hào dương thì căn cứ vào ngôi thứ của hào rồi thêm vào phía trước đó một chữ "lục" hay "cửu" là được.

Quẻ cần nhiều hơn một hào "dụng cửu", quẻ khôn nhiều hơn một hào "dụng lục". Hai quẻ này mỗi quẻ có bảy hào. Những quẻ khác đều không có hai hào này. Quẻ cần biến thành khôn phải lấy "từ hào" "dụng cửu" để định cát, hung ; quẻ khôn biến thành cần cũng phải lấy "từ hào" "dụng lục" để định cát hung.

V. NGÔI HÀO

"Thuyết quái" nói : "Đạo lập thiên là âm dương ; đạo lập địa là mềm cứng ; đạo lập nhân là nhân nghĩa. Dù cả tam tài mà chỉ có hai yếu tố, cho nên "biến" sáu vạch mà thành quẻ, chỉ có âm dương, chống lên nhau mà thành cương nhu, nên "biến" cả sáu ngôi mà thành tất cả". Tam tài đó là thiên, địa, nhân vậy.

1. **Ngôi thiên, ngôi nhân, ngôi địa** : một quẻ có sáu hào, hào năm và hào sáu là ngôi thiên, hào ba và hào bốn là ngôi nhân ; hào đầu và hào hai là ngôi địa. Hào năm hào ba, hào đầu là ngôi chính của thiên, nhân, địa.

2. **Ngôi thượng, ngôi trung, ngôi hạ** : hào thượng của một quẻ là ngôi thượng. Hào trung của quẻ thượng và hào trung của quẻ hạ là ngôi trung, hào đầu là ngôi hạ.

3. Ngôi dương, ngôi âm : một quẻ có sáu hào, hào sơ hào ba hào năm là ngôi dương ; hào hai hào bốn hào sáu là ngôi âm.


4. Đổng ngôi : một quẻ có sáu hào, quẻ nội quẻ ngoại đều có các ngôi hào thượng trung hạ. Hào sơ phía dưới quẻ nội, hào bốn ở phía dưới của quẻ ngoại là đổng ngôi ; hào hai ở giữa quẻ nội, hào năm ở giữa quẻ ngoại là cùng ngôi giữa ; hào ba ở phía trên quẻ nội, hào thượng về phía trên quẻ ngoại cùng ở ngôi thượng.

5. Ngôi sang và hèn : "Hệ từ" nói : "thiên tôn địa bí, cần khôn định", "bí cao dĩ trấn quý, tiện" (trời sang đất hèn, cần khôn đã định). Ngu Phan nói : "cần cao quý ngũ, khôn bí tiện nhị" (cần cao quý năm, khôn bí hèn hai) ("Chu dịch tập giải"). Rõ ràng hào năm là ngôi sang của thiên từ, cái hèn của hào hai là hèn của tiểu nhân.

6. Cương nhu ở ngôi tôn quý : hào năm của mỗi quẻ là ngôi trời, ngôi vua, ngôi tôn quý. Dương ở hào năm là dương ở ngôi tôn quý. Âm ở hào năm là âm tôn quý. Ở ngôi tôn quý như người ở ngôi đế vương.


7. Âm dương được ngôi và không được ngôi : các hào đầu, hào ba, hào năm của một quẻ ở ngôi dương ; hào hai, hào bốn, hào sáu ở ngôi âm. Dương ở ngôi dương, âm ở ngôi âm là được ngôi hay gọi là xứng ngôi, chính ngôi, chính vị, tại vị. Nếu hào âm ở ngôi dương, hào dương ở ngôi âm là không được ngôi, mất ngôi chưa xứng vị. Được ngôi giống như người ở địa vị đáng được, ở hoàn cảnh có lợi, hoặc tài đức tương xứng với chức vụ, hoặc việc làm tương xứng với chức vụ, nếu không thì không tương xứng, không lợi. Được ngôi thì thuận lợi, không được ngôi tượng trưng cho bất lợi.

8. Cương, nhu cùng thắng : Một quẻ có sáu hào, năm hào ở dưới là cương, hào trên cùng là nhu. Cương thắng nhu là cương chế được nhu. Ngược lại năm hào dưới là nhu, hào trên cùng là cương. Nhu thắng cương là nhu chế được cương.



Ví dụ :  là cương chế nhu.

9. **Nhu phục tùng cương.** Hào âm dưới hào dương là hình tượng nhu thuận theo cương, như thần dân thuận theo vua chúa, phụ nữ thuận theo đàn ông, nhu thuận theo cương.

Ví dụ .

10. **Nhu vượt cương.** Hào âm ở trên hào dương là hình tượng giả dối, như thần dối vua, nữ lừa nam vậy. Ví dụ  hào hai là nhu ở trên hào đầu nên là nhu vượt cương.

11. **Cương nhu tương ứng.** Năm nhu ứng một cương, một quẻ sáu hào, chỉ cần một trong bốn hào ở giữa là hào dương tức là cương, những hào còn lại đều là âm, là nhu.

Cứ năm nhu ứng một cương là thuận, ví dụ  là dân theo vua. Ngược lại, nếu năm cương ứng với một nhu, ví dụ :  ("tiểu súc") là vua theo tiểu nhân.

12. **Tương ứng.** Một quẻ có sáu hào, còn có hào tương ứng với hào nữa. Thứ tự tương ứng là hào đầu tương ứng với hào tư, hào hai tương ứng với hào năm, hào ba tương ứng với hào sáu. Tương ứng là tương ứng âm dương, hòa âm dương ; dương với dương, âm với âm, là không tương ứng, là âm dương bất hòa.

13. **Ngôi hào cát hung.** "Hệ từ" nói : "Hai và bốn đồng công nhưng khác ngôi", tức là hào hai và hào bốn đều là số chẵn, âm, nhu, nên lấy nhu để vâng mệnh, cho nên nói : "hai và bốn đồng công". Nhưng hào hai thuộc quẻ nội, hào bốn thuộc quẻ ngoại, do đó chúng khác ngôi.

"Hai thì vinh dự, bốn thì sợ hãi", tức theo từ hào, hào hai nhiều vinh dự, hào bốn nhiều lo sợ, vì trong ngôi có chia ra

xa và gần. Hào hai ở giữa quẻ trong tức chỗ gần, nhiều vinh dự. Hào bốn ở quẻ ngoài, chỗ xa, nên nhiều lo sợ.

"Ba nhiều hung, năm nhiều công, nên khác nhau về cấp sang hèn". Trong hào từ, hào ba nhiều hung là vì nó ở cực của quẻ hạ, chỗ bí hèn. Hào năm nhiều công là vì nó ở giữa quẻ thượng, chỗ tôn quý. Hai hào này khác nhau về công và hung, nên phân ra là sang, hèn vậy.

VI. SỐ CỦA ĐẠI DIỆN

Trong "Hệ từ", "số của đại diện là năm mươi, nhưng dùng có bốn mươi chín". Số này dùng để gieo quẻ. Nhưng số này nói cho cùng là từ đâu đến ? Từ xưa đến nay đều đang tìm lời giải đáp. "Chu dịch tập giải" đã chú thích về số này như sau : "Trời cao bắt đầu từ ba trở đi đếm tiếp 5, 7, 9, không lấy 1. Đất bắt đầu từ 2 nhưng đếm ngược lại từ 10, 8, 6, không lấy 4". Vì thế mới xuất hiện số dương là 3, 5, 7, 9 ; số âm là 2, 10, 8, 6, cộng tất cả gồm tám số. Tám số này theo bát quái cùng phối lại.

Cấn là thiếu dương, số của nó là 3. Khảm là trung dương, số của nó là 5. Chấn là trường dương, số là 7. Càn là lão dương số 9. Đoài là thiếu âm, số 2. Ly là trung âm, số 10. Tốn là trường âm, số 8. Khôn là lão âm, số 6. Như vậy tổng số của bát quái là 50, nên gọi là "số của đại diện". Vì số 1 và số 4 không ở trong bát quái nên số đại diện không dùng. Còn vì 1 là thái cực, bỏ đi không dùng do đó 50. bỏ đi 1, còn lại 49, nên chỉ dùng 49.

Số của đại diện là 50, vốn là số của trời đất bỏ đi 5. Để tìm ra lai lịch số 49, cổ nhân đã dựa theo số của trời đất để diễn quẻ. Ví dụ : trời 1, đất 2, trời 3, đất 4, trời 5, đất 6, trời 7, đất 8, trời 9 đất 10. "Số trời năm, số đất cũng năm",

tức 1, 3, 5, 7, 9 là số trời, 2, 4, 6, 8, 10 là số đất. "Số trời là 25, số đất 30, tổng lại là 55". Cho nên Đào Tín xưa nói : "Số của trời đất là 55. Số 6 là số 6 mặt, cho nên giảm đi còn 49". Cách nói này tuy chưa chắc đã đúng với ý ban đầu, nhưng có thể nói rõ vấn đề, tức là do kết quả 55 trừ đi 6.

Nguồn gốc số của đại diện, vì sao phải bỏ đi một cây cỏ thì không dùng mà chỉ dùng 49 cây ? Vấn đề này, ngày nay vẫn đang mò mẫm tìm lời giải đáp.

Về việc bát quái là số của vạn vật, cũng là thông qua số đại diện để lấy quẻ (bói cỏ thi) mà ra. Cũng tức là cổ nhân đã dùng phương pháp chiêm bói cỏ thi. Đây là phương pháp cổ nhất, hoàn chỉnh nhất còn lưu lại đến ngày nay. Nhưng cách tính của nó vô cùng phức tạp.

Sáu mươi tư quẻ, tất cả có 384 hào. Số hào dương có 192, hào âm cũng 192. Càn là lão dương, mỗi hào có 36 sách ; khôn là lão âm, mỗi hào 24 sách.

Nên $36 \text{ sách} \times 192 \text{ hào} = 6912 \text{ sách (càn)}$

$24 \text{ sách} \times 192 \text{ hào} = 4608 \text{ sách (khôn)}$

Cả hai số cộng lại ($6912 + 4608$) là 11520 sách. Người xưa đã dùng số sách này đại diện để nói lên số của thế giới vạn vật biến hóa thành.

VII. NGUYÊN, HANH, LỢI, TRINH

Trong từ quẻ và từ hào của "Chu dịch" bốn chữ : nguyên, hanh, lợi, trinh xuất hiện rất nhiều lần. Nếu không hiểu nghĩa bốn từ này thì khó mà hiểu được lời văn của quái lý.

Bốn chữ nguyên, hanh, lợi, trinh có rất nhiều người chú giải. Gần đây ngài Cao Hanh đã chú giải bốn chữ này rất tỉ

mỉ. Vì nội dung nhiều nên ở đây chỉ dựa theo "Chu dịch cổ kinh kim chú" những chương có liên quan để giới thiệu vắn tắt cho mọi người tham khảo.

"Nguyên, hanh, lợi, trinh" là bốn đức tính của con người.

Nguyên : lấy nhân làm gốc, hanh : lấy lễ làm lẽ bản, lợi : lấy nghĩa làm cốt lõi, trinh : lấy sự chắc chắn, cố định làm chất". "Ý nghĩa đầu tiên của nguyên, hanh, lợi, trinh là : nguyên là to, hanh là hanh lẽ, lợi là lợi ích, trinh là chữ trinh trong trinh bosc".

1. Nguyên

- 1) Nguyên cát : nguyên cát là đại cát.
- 2) Nguyên hanh : nguyên hanh là đại hanh.
- 3) Nguyên phu : nguyên phu có tên là nguyên lão, nguyên hầu, nguyên nữ, đại phu.

2. Hanh

- 1) Hanh : hanh lợi, hanh cát, hanh trinh.
- 2) Tiểu hanh : tiểu hanh là người xưa cử hành tiểu hanh lễ.
- 3) Nguyên hanh : nguyên hanh tức là đại hanh.

3. Lợi

- 1) Không có cái gì không lợi : bói cò thi được quẻ này hoặc hào này thì việc đã làm rất có lợi.
- 2) Cái gì cũng có lợi : bói cò thi được quẻ này hoặc hào này thì việc gì cũng có lợi.
- 3) Lợi một mặt nào đó hoặc không lợi mặt nào đó hoặc đối với ai đó không có lợi.
- 4) Lợi trinh : việc đã làm là có lợi.

4. Trình

1) Trình cát : việc định bói là việc tốt, việc nào đó hoặc người nào đó tốt.

2) Trình hung : đều chỉ việc định bói là xấu, việc nào đó hoặc người nào đó xấu.

3) Trình lịch : lịch là nguy. Việc định bói nguy hiểm.

4) Khả trình : Việc định bói là có thể làm hoặc không thể làm được.

5) Lợi trình : Việc này có lợi, quẻ này có lợi.

VIII. CÁT, LẠN, LỆ, HỐI, CỨU, HUNG

Trong "Chu dịch" có các từ "cát, lận, lệ, hối, cứu, hung", không những là tiêu chí cát hung của từ hào, từ quẻ mà cũng là mức độ khác biệt nặng nhẹ của cát hung. Chỉ có hiểu và nắm vững tiêu chí nặng, nhẹ của cát hung mới có thể dự đoán được chính xác. Dưới đây đưa ra một số giải thích theo lời bàn của ngài Cao Hanh trong "Kinh dịch cổ kinh kim chú".

1. Cát

1) Cát là thiện. Việc ấy có kết quả thiện là cát, là tường phúc.

2) Sơ cát : Cát phân thành sơ cát, trung cát, chung (cuối) cát, là ba giai đoạn của sự việc.

3) Trình cát : là chiêm cát, là được quẻ đoán cát.

4) Đại cát : Phúc tường rất to.

5) Nguyên cát : Nguyên cát cũng to giống đại cát.

2. Lận

1) Chữ lận trong "Chu dịch" là mượn chữ "lân". "Thuyết văn" nói : lân là khó làm, lân là khó. Lận là chỉ việc khó làm, hoặc gặp việc gian nan.

2) Tiểu lận : gặp phải tiểu nhân, khó khăn.

3) Chung lận : cuối cùng khó khăn, tận cùng vẫn khó.

4) Trinh lận : là chiêm lận, sẽ gặp khó khăn.

3. Lệ

1) Chữ lệ trong "Chu dịch" là nguy, nguy hiểm.

2) Hữu lệ : có nguy hiểm.

3) Trinh lệ : là trong quẻ việc có nguy hiểm.

4. Hối

1) Hối : hối hận về sau, ở vào thế khó khăn quần bức, lo lắng.

2) Hữu hối : thế khó khăn.

3) Hối hữu hối : do việc khó khăn dẫn đến khó khăn.

4) Vô hối : không khó khăn.

5) Hối vong : trước đây có hối, nay đã mất.

5. Cửu

Trong "Chu dịch", cửu nặng hơn hối nhưng nhẹ hơn hung. Hối là thế khó khăn nhỏ, nhẹ hơn, còn hung là tai ương to lớn, cửu là tai họa nhẹ.

1) Vi cửu : sẽ thành tai họa.

2) Phi cửu : "Phi" hàm ý "phi", phi cửu là không có tai họa.

3) Hà cữu : không đến nỗi tai hoạ.

4) Vô cữu : là không có tai hoạ.

6. Hung

Hung là ác, việc đó có kết quả là hung, là tai hoạ.

1) Hung : quẻ bói này hung, xấu.

2) Chung hung : việc ấy kết quả cuối cùng là hung.

3) Hữu hung : có tai ương.

4) Trình hung : nói quẻ bói này hung.

Cát, lận, lệ, hối, cữu, hung có nghĩa là : cát thì phúc tường ; lận là gian khó ; lệ là nguy hiểm ; hối là thế khó khăn ; cữu là tai hoạ ; hung là tai hoạ.

Chương 3

BÁT QUÁI VỚI KHOA HỌC HIỆN ĐẠI

"Chu dịch", đó là bộ sách bàn về lý, tượng, số, chiêm. Về hình thức và phương pháp giống như là một tác phẩm chuyên luận về Âm dương bát quái. Nhưng thực chất là dùng phương pháp bát quái để dự đoán thông tin. Vấn đề cơ bản nhất của nó là dùng vũ trụ quan một phần làm hai và quy luật đối lập thống nhất, là dùng phương pháp duy vật biện chứng, chỉ rõ quy luật tự nhiên của quá trình phát triển, biến hóa giữa các sự vật trong vũ trụ. Nội dung của nó vô cùng phong phú, phạm vi đề cập rất rộng, trên bàn thiên văn, dưới bàn địa lý, giữa bàn việc đời và con người, từ khoa học tự nhiên đến khoa học xã hội, từ sản xuất đến cuộc sống, từ bậc đế vương trị quốc ra sao cho đến người dân phải làm người thế nào. Tất cả đều được bàn một cách tỉ mỉ, thật là bao gồm khắp hết, không đâu không bàn đến. Ở chương này chủ yếu sẽ nói rõ vì sao sách "Chu dịch" bị quy là mê tín phong kiến, mối quan hệ của nó với khoa học là ở đâu và nó đã cống hiến cho nhân loại những gì.

I. VỀ VẤN ĐỀ MÊ TÍN PHONG KIẾN CỦA BÁT QUÁI

Xưa nay vẫn tồn tại hai cách nhìn khác nhau đối với bộ sách "Chu dịch". Loại ý kiến thứ nhất cho là bộ sách này, dù từ dịch lý hay tượng số đều có giá trị quý báu về khoa học, là bảo vật của dân tộc Trung Hoa. Loại ý kiến thứ hai lại cho rằng bộ sách này xét về tổng thể mang màu sắc thần học, quý thần, tuy về quan điểm triết học và lịch sử, nó có

giá trị thực tế nhất định. Họ cho rằng bát quái trong "Chu dịch" là một thứ "mê tín phong kiến", "duy tâm", "siêu hình". Cho nên trong lịch sử cũng xuất hiện cuộc tranh luận của "phái dịch lý" và "phái tượng số" với hai quan điểm khác nhau. Nhưng từ năm 1949 trở về trước xa xưa, người làm dịch lý chỉ bàn về phương diện lý luận, người nghiên cứu dịch số (ứng dụng) thì từ dịch số mà mò mẫm theo thực tiễn. Từ sau đời Hán, nghiên cứu tượng số khá thịnh hành, đến đời Tống tượng số rất hưng vượng đã có cống hiến to lớn cho dự đoán học của nước ta. Những nhân vật tiêu biểu cho thời kỳ này có Trần Bác, Chu Hi, Thiệu Khang Tiết, v.v...

Từ sau 1949, việc nghiên cứu "Chu dịch" của nước ta tuy bị ngừng lại nhưng ngoài những tham luận có liên quan với kinh dịch ra, phần nhiều đều nghiên cứu về mặt lịch sử và triết học. Còn đối với bát quái thì cho rằng nó thuần là "mê tín phong kiến", "duy tâm, siêu hình", thành loại tư tưởng bị cấm, nhất là dùng bát quái để dự đoán thông tin về tự nhiên và con người, càng bị cấm, không ai dám nói đến.

Sau năm 1984 việc nghiên cứu "Chu dịch" của nước ta, đặc biệt là nghiên cứu tượng số cơ bản đã thay đổi. Mười năm lại đây tuy đã tốt hơn nhiều nhưng vẫn chưa được coi trọng đầy đủ, cho nên ngày 11 tháng 12 năm 1987 Nhân dân nhật báo đã đưa tin về cuộc Hội thảo học thuật "Chu dịch" quốc tế. Trong tin đó nói : "Việc nghiên cứu tổng hợp dịch lý và tượng số đã giành được những bước tiến to lớn trong khoa học đa ngành, trong nhiều tầng lớp, nhiều kênh, nhiều góc độ, nhất là xu thế nổi bật trong nghiên cứu khoa học đa ngành". Điều đó làm cho cuộc tranh luận giữa hai phái "dịch lý" và "dịch số" trong nghiên cứu "Chu dịch" trên hai nghìn năm ở nước ta và mấy thế kỷ gần đây của thế giới được giải quyết một cách tương đối tốt.

Nguyên nhân nói "Chu dịch" là "mê tín phong kiến", là "duy tâm, siêu hình" là ở mấy điểm sau :

1. Vì trong sách "Chu dịch" có các chữ "thần", "quỷ", "tế lễ", "thiên hữu". Hơn hai nghìn năm về trước sách "Chu dịch" đã ra đời, nếu yêu cầu tác giả lúc đó không có quan niệm thần quỷ là không khách quan. Cho nên, chúng ta đối với bộ sách này cũng nên như thế. Chúng ta không nên vì trong sách có các chữ "quỷ", "thần" mà đã vội cho là nó tuyên truyền "mê tín", không đi sâu phân tích, đó không phải là thái độ khoa học. Ví dụ trong kho tàng y học của nước ta, trong nhiều chương của "Hoàng đế nội kinh" đều đề cập đến các từ của chuyện quỷ thần, nhưng giới y học vẫn không cho rằng đó là mê tín phong kiến mà với thái độ khoa học sàng lọc nên đã góp phần thúc đẩy y học nước ta phát triển nhanh chóng. Số từ quỷ thần ghi trong "Chu dịch" so với "Hoàng đế nội kinh" còn ít hơn rất nhiều.

Các từ quỷ thần trong "Chu dịch" qua khảo sát, thống kê thì thấy : "Kinh Chu", tức, từ quẻ từ hào của 64 quẻ không có chữ "thần", có ba chữ "quỷ", bảy chữ "tế lễ", "tự thiên hữu" có một chỗ. Trong "tượng" bốn chỗ có chữ "thần", sáu chỗ có chữ "tế", "tự thiên hữu" và "thượng hữu" mỗi chữ có một chỗ. Trong "văn ngôn" hai chỗ có chữ "thần". Trong "Hệ từ" hai mươi chỗ có chữ "thần", hai chỗ có chữ "quỷ", hai chỗ có chữ "tự thiên hữu". Trong "thuyết quái" hai chỗ có chữ "thần". Toàn sách hai mươi chỗ có chữ "thần", mười ba chỗ có chữ "tế lễ", năm chỗ có chữ "quỷ", "tự thiên hữu" và "tự thượng hữu" mỗi chữ có năm chỗ. Đó là toàn bộ "tội chứng" "mê tín phong kiến" của bát quái. Bây giờ ta thử xem qua các chữ "thần", "quỷ" trong "Chu dịch" thực chất là thế nào.

1) Các chữ thần, quỷ trong "Chu dịch" nguồn gốc là ở chú thích của người đời sau. Sáu mươi tư quẻ trong "Chu dịch",

bất kể là trong "quê từ" hay "hào từ", đều không có chữ thân nào, tuy có ba chữ "quý" trong các câu "tài quý nhất xa", "Cao Tông phiệt quý phương" và "Chấn dụng phiệt quý phương" nhưng câu đầu chữ "quý" là hình dung từ, câu sau chữ "quý" là tên của một tộc (theo Thiệu Vĩ Hoa : quý phương là một dân tộc ở biên giới đời nhà Ân, hoặc "quý phương" tức là một tộc thời Ân Cao Tông đã kịch chiến với nhà Ân. Nói một cách khác, sau này gọi quý phương là hung nô). Cho nên sáu mươi tư quê căn bản không phải là cái gì nói về thân, quý, hoặc là việc cầu thân hỏi quý.

Các từ "quý, thân" trong "Chu dịch" nguồn gốc là từ sách "Thập lục" của người xưa. Nhưng các nhà chú giải "Dịch" ở các triều đại khi giải thích "quý thân" tuy có hai loại quan điểm khác nhau, nhưng đa số đều lấy "quý thân" để so sánh với sự biến hóa của hai khí âm dương.

Như trong câu "Cố tri quý thân chi tình trạng" của "Hệ từ", chữ "quý" trong câu là chữ "quy", chữ "thần" là chữ "thân". "Thần vô phương, "dịch" vô thể", ý của câu này là nói quy luật biến hóa vô cùng thần diệu, cho nên chữ "thần" này không phải là quý thân.

Trong sáu mươi tư quê, có bảy chữ "tế lễ", trong đó có bốn chữ là nói đến việc tế lễ, nhưng không phải là của quê từ mà là hào từ, và cũng không phải là từ chính. Ví dụ "Hổ nại lợi dụng được" tức là vạch trần tội ác chủ nô ngày xưa dùng tù binh để làm tế vật.

Trong sách có một số việc "tế lễ", phần nhiều là cổ nhân gán cho bát quái. Như trong quê từ của "quê chấn" vốn không có từ tế lễ, nhưng trong "tượng" khi giải thích đã thêm vào câu : "khả dị thù tôn miếu xã tắc, dị vi tế chủ dạ" (có thể giữ tôn miếu xã tắc, lấy làm tế chủ vậy). Những trường hợp

đại loại như thế quả thực đã làm căn cứ cho một số người đời nay phủ nhận bát quái là một khoa học.

2) Có nhiều "lý do" làm cho người đời nay gán cho "bát quái là mê tín". Kỳ quái nhất là người xưa và người nước ngoài đều thừa nhận bát quái là khoa học thì ngược lại tự chúng ta có một số người lại kịch liệt phản đối. Biện pháp có hiệu quả nhất của họ là lợi dụng dịp chú thích để tìm cách phủ lên cho bát quái một lớp màu sắc quý thần. Ví dụ trong "tượng truyện" của quẻ "khiêm" có một câu "thần quý hại doanh nhi phúc liêm", Trình Di, nhà lý học nổi tiếng ngày xưa đã giải thích là "tạo hóa chi tích", Ngô Phán theo quẻ tượng giải thích là "quý vị tứ, thần vị tam (chỉ hào ba, hào bốn) khôn vi quý hại, kiên vi thần phúc". Trần Địa Kinh triều Thanh làm "mạn chiêu tổn, khiêm thụ ích", đều không phải chỉ việc của quý thần mà gán đây có người chú là "thần đạo của câu này nói rõ khiêm thì hanh, không khiêm không hanh".

Lại còn hào từ chín mươi lăm của quẻ "kỳ tế" có nói "đông lân sát ngư, bất như tây lân chi (được) tế, thực thụ kỳ phúc", cổ nhân phần nhiều đều từ quẻ tượng mà giải thích. "Chu dịch tập giải" cho rằng : chín mươi lăm là đông, sáu mươi hai là tây, khảm là thủy, ly là ngư, thủy diệt hỏa vì sát ngư. Đông chỉ triều Ân, Tây chỉ triều Chu. Cho nên hào từ của hào này ý nói vương triều Ân phải diệt vong, dùng sát ngư để tế lễ quý thần cũng vô ích, triều Chu thuận với sự phát triển của lịch sử, được lòng người, dù không sát ngư tế quý thần cũng vẫn hưng khởi. Cách dùng chữ "sát ngư" ở đây không những là tỉ dụ mà còn nói lên một cách đầy đủ tư tưởng duy vật đơn giản của người xưa. Nhưng người đời nay khi chú giải lại gán cho người xưa là gây mê tín, câu thần bảo hộ.

Hay như hào từ chín mươi lăm của "quẻ độn" nói : "Phi độn vô bất lợi". Ở đây chữ "phi", ngày xưa là chữ "phì", cho

nên "phì độn" có nghĩa là "cao chạy xa bay". Thế nhưng người ngày nay cưỡng gán cho "phì độn" là "phì đốn" (lợn béo) để nói thành ý tế thần.

2. Lý do thứ hai nói bát quái là phong kiến mê tín vì : khi bói quẻ phải cầu thần dâng hương, tâm cố thành mới linh ứng.

Trong lời nói đầu của "Chu dịch thông nghĩa" nói : "Cổ nhân mê tín, gặp việc hồ nghi vẫn hay cầu thần". Trong một số chú giải của "Chu dịch" có ghi cổ nhân khi bói cỏ thi, thì dâng cỏ lên làm nghi thức. Sau triều Tống, có một số sách bàn về bói toán cũng nói đến trước khi bói phải đốt hương cầu quẻ. Tội cho rằng những cách làm này vừa không phải là bản thân "Chu dịch" vốn có, càng không phải là "tôn chỉ" của "kinh dịch", mà là cách làm huyền ảo của những người bói toán dẫn đến, không thể cưỡng gán cho sáu mươi tư quẻ của "Chu dịch".

Trong hào từ quẻ "mông" có câu : "sơ phê cáo, tái tam độc, độc tác bất cát. Lợi trinh". Xã hội ngày nay khi tiến hành dự đoán cũng chỉ có thể làm theo nguyên tắc này.

Vì sao khi đoán chỉ có thể lắc một lần quẻ mà không thể lắc lần thứ hai, lần thứ ba ? Đó là vì khi ta lắc quẻ, lấy ba đồng tiền lắc, tiền là kim loại có từ tính, thân thể người ta cũng có từ trường, thông qua từ trường mà những thông tin cần dự đoán phản hồi vào đồng tiền để ứng vào quẻ. Nếu lắc lại lần thứ hai, thứ ba thì do ý niệm của mình mỗi lần khác nhau nên lắc mạnh nhẹ khác nhau, làm cho thông tin phản hồi khác nhau. Do đó kết quả của các lần lắc khác mà giống nhau được. Như vậy tức là ba lần lắc là ba tượng quẻ, hào động của mỗi quẻ khác nhau, chủ sự việc khác nhau, cuối cùng lấy tượng quẻ nào làm chủ, người gieo quẻ không định đoạt được, cho nên người xưa căn cứ kinh nghiệm lấy quẻ đầu làm chủ và không lắc lần thứ hai, thứ ba nữa. Đó vốn

là vấn đề nguyên tắc hoặc là phương pháp lấy quẻ, nhưng có một số nhà dịch học không hiểu được phương pháp lấy quẻ này đã giải thích "so thi cáo, tái tam độc, độc thì không cáo" là : "nếu người bói cho rằng cỏ thì không chuẩn, lại lác lại, tức là phạm đến quý thần, quý thần sẽ không mách báo nữa". Nói thế tức đã hoàn toàn hiểu sai. Sự hiểu nhầm này tất nhiên sẽ dẫn đến nhận thức sai.

Về cách nói "tâm thành tác linh" trong một số sách cổ chính là cường điệu người xin quẻ lòng phải thành, lòng thành mới có thể đoán được đúng. Cách nói ấy cũng làm cho bát quái trở thành cái cố mê tín.

"Tâm thành thì ứng nghiệm" thật ra không thuộc vấn đề mê tín. "Tâm thành" nói theo cách hiện nay là "ý nghĩ phải tập trung", tức là người đến hỏi việc phải tập trung sức chú ý vào việc muốn hỏi, từ đó thông qua tác dụng của từ trường thân thể mình, chuyển tin tức đến đồng tiến qua tay, như vậy mới phản ánh chính xác vào quẻ được. Nếu "ý niệm" của người xin quẻ không mạnh, tinh lực không tập trung, suy nghĩ lung tung, thông tin sẽ bị nhiễu, không phản ánh chính xác vào tượng quẻ nên đoán sẽ không chuẩn. Điều này cũng giống như ta luyện khí công, khi "ý nghĩ" không tập trung việc tập sẽ không đưa lại hiệu quả. Ngày xưa còn nêu ra : không có việc không xem quẻ, không bị ảnh hưởng không xem quẻ, không động không xem quẻ, không cần không xem quẻ, không khác thường không xem quẻ v.v... tất cả những cái đó đều thuộc phạm trù "ý nghĩ" và là vấn đề nguyên tắc trong dự đoán.

3. Không ít người cho rằng : "Bát quái dự đoán cát hung là duy tâm, siêu hình". Những kẻ đó không hiểu biết khoa học về con người, họ phủ nhận cách nói con người có cát hung, họa phúc, cho nên họ mới nói bát quái đoán được cát hung, họa phúc của con người là duy tâm, là siêu hình".

Trong "Hệ từ" có nói : "Bát quái định cát hung, cát hung sinh đại nghiệp". Cát hung, họa phúc ở đây thực tế là vấn đề được và mất, thắng và bại.

Trời đất có sinh sát, vạn vật có bắt đầu và kết thúc, đế vương có hưng suy, nhân sự có cát hung. Đó là quy luật phổ biến của thế giới. Vũ trụ là một đại thiên thể, con người là một tiểu thiên thể. Âm dương ngũ hành vận động trong vũ trụ dẫn đến sinh khắc biến hóa, tự nhiên sẽ ảnh hưởng đến con người. Cho nên trong "Linh xu âm dương nhị thập ngũ luận" nói : "thiên địa chi hợp, lục hợp chi nội, bát ly u ngũ, nhân tác ứng chi" (hợp thiên địa, trong lục hợp không khởi có năm, người nữa là sáu). Do đó, người tất nhiên sẽ có cát hung, phúc họa. Nói tóm lại "thuận theo âm dương sẽ sống, ngược lại thì chết ; thuận thì trị, nghịch thì loạn" (Chương ba của tứ khí điều thần). Điều này đối với một người hay cả xã hội đều như thế cả.

Còn một số vấn đề chưa làm rõ trong bát quái, hoặc là những nguyên nhân gây ra cát hung cho con người mà chưa được làm sáng tỏ, chúng ta chỉ có thể dùng thái độ khoa học, nghiên cứu sâu hơn chứ không thể dễ dãi cho rằng đó là "mê tín, siêu hình". Vì đó không phải là thái độ của người duy vật và người khoa học cần có. Cuộc bàn luận về những chuyện quý thân, chúng tôi tin là cùng với nhận thức ngày càng sâu sắc và nâng cao của con người, sẽ được nhận thức lại một cách đúng đắn.

II. BÁT QUÁI VÀ KHOA HỌC(1)

Bát quái dùng làm gì ? "Hệ từ" nói rõ : "Bát quái định cát hung", "đế định nghiệp thiên hạ". Cho nên bát quái, về văn có

thể trị nước, võ có thể yên dân, trên có thể báo quốc, dưới có tác dụng giúp dân, giá trị khoa học của nó rất quý báu.

Trong bát quái càn là trời, khôn là đất, khảm là nước, ly là hỏa, chấn là sấm, tốn là gió,坎 là núi, đoài là ao hồ, vốn là tám loại vật chất trong vũ trụ. Đem tất cả vật chất trong vũ trụ quy nạp thành bát quái, điều đó tiêu biểu cho nhận thức của nhân loại về thế giới tự nhiên. Những điều dự đoán của sáu mươi tư quẻ cơ bản chia làm ba loại :

Sản xuất vật chất, cuộc sống xã hội và nhận thức khoa học. Phạm vi bát quái ứng dụng trong khoa học rất rộng : nông nghiệp, thiên văn, địa lý, số học, hóa học, quân sự, ngoại giao, nhân thể học, y học, sinh học, chính trị, kinh tế, triết học, văn học, luật học, dự đoán học, chọn giống, di truyền, khí công, sử học, truyền tin. Tất cả đều có những mối quan hệ khăng khít và đã thu được thành tựu to lớn trong ứng dụng bát quái. Để nói rõ tính khoa học của bát quái, dưới đây chúng tôi xin nêu vấn đề một số sự việc.

1. **Bát quái với sử học** : Mọi người đều biết, giới sử học đối với lịch sử và tình trạng xã hội từ đời Chu về trước, trong một thời gian dài do thiếu các tư liệu văn bản và chứng vật nên không có cách gì làm rõ được. Về sau nhờ phát hiện được nhiều di chỉ và mộ cổ ở cố đô, đào được hàng vạn giáp cốt. Trên những giáp cốt này, chữ khắc rất rõ ghi lại một lượng lớn chi tiết ở đời Chu và đời Chu về trước. Trên cơ sở đó mà các nhà khảo cổ học, sử học mới dần dần làm rõ tình trạng lịch sử xã hội đời Chu. Từ đó thấy rõ, bởi đó đã dùng bát quái để ghi lại sự thật lịch sử thật quý giá và chân thực biết bao. Đồng thời, cũng chứng minh đầy đủ kỹ thuật, dự đoán bát quái hồi đó rất cao, kết quả chuẩn xác, cũng là điều hiếm thấy trong lịch sử đoán thông tin của thế giới.

2. **Bát quái với số học** : Ở Trung Quốc muốn khảo chứng nguồn gốc của con số thì không thể nào bỏ qua được sách

hiệu của bát quái là chữ cổ của Trung Quốc. Điểm này đã được ghi lại tường tận trong "lịch sử giáp cốt học".

3. Bát quái với y học : Ở Trung Quốc từ xa xưa đã có câu nói : "y dịch tương thông" (y học và dịch học liên quan nhau), tức là những người nghiên cứu dịch học của Trung Quốc đều lấy sách y học "Hoàng đế nội kinh" làm sách tham khảo chính. Ngược lại, những người nghiên cứu y học luôn lấy "Dịch học" làm nguồn gốc của lý luận. Cho nên nguyên lý của bát quái đã sớm được dùng vào các lĩnh vực của y học. Nó đã cung cấp những luận cứ đầy tin cậy cho dự đoán bệnh, chẩn đoán, dự phòng và điều trị. Bây giờ ta thử điểm qua bát quái phối với giải phẫu cơ thể người ra sao thì sẽ thấy rõ.

Bát quái và nhân thể :

Ngoại ngũ hành : can là đầu, ly là mắt, khâm là tai, đoài là miệng, khôn là bụng, cấn là tay, chấn là chân, tốn là đùi.

Nội ngũ hành tức bát quái phối với ngũ tạng : can, đoài là phổi, ly là tim, tốn là mật, chấn là gan, cấn là lá lách, khôn là dạ dày, khâm là thận.

4. Bát quái với sinh vật : Sáu mươi tư quẻ trong bát quái rất thống nhất với cấu tạo gen di truyền đã được phát hiện trong nghiên cứu mật mã di truyền của sinh vật. Quyết định phân tử của cơ chế di truyền có hai loại : gọi tắt là DNA và RNA. Hai loại này có kết cấu giống nhau, đều có gốc axit photphoric và gốc kiem cấu thành. Gốc axit photphoric của DNA và RNA giống nhau, đều cùng một loại, nhưng gốc kiem có hai loại, mỗi loại lại nối với bốn gốc kiem khác, nên hai loại nối với tám gốc kiem.

Như vậy cứ mỗi nhóm ba DNA và RNA làm thành một mật mã di truyền, tám loại gốc kiem mỗi lần lấy ba, trùng

hợp lại sẽ thành 64 loại. Nó so với kết cấu của bát quái để hình thành 64 quẻ rất giống nhau.

Gốc axit + đường	{	Hạt nhân đường + Gốc kiềm thoát ôxy	C ₄ H ₄ N ₂ dòn T
		Hạt nhân đường + Gốc kiềm không thoát ôxy	C ₄ H ₄ N ₂ bào C
			C ₅ H ₄ N ₄ đen G
			C ₅ H ₄ N ₄ tuyến A
			C ₄ H ₄ N ₂ amôniac U
			C ₄ H ₄ N ₂ bào C
			C ₅ H ₄ N ₄ đen G
			C ₅ H ₄ N ₄ tuyến A

5. Bát quái cũng có mối quan hệ với giáo dục tư tưởng phẩm chất. Ví dụ : quẻ "khiêm" có đưa ra đức khiêm tốn, cho rằng tính khiêm nhường phải lấy trí tuệ, siêng năng, nỗ lực làm tiền đề, không thể gán khiêm nhường với hồ đồ, lười biếng, nhu nhược được. Đồng thời quẻ đó cũng nói "Khiêm tốn sẽ tiếp thu những điều có ích, ngạo mạn sẽ nhận được sự tổn thất". Đó chính là điều mà chúng ta vẫn tuân theo xưa nay.

6. Bát quái với luật pháp : Từ tượng quẻ của bát quái cũng như các điều dự đoán đã ghi chép lại từ xa xưa, một mặt cho ta thấy Trung Quốc từ rất sớm đã có hình pháp, mặt khác bọn chủ nô, những người thống trị đã thao túng quyền sinh quyền sát, thiết lập những trại giam tàn khốc. Thí dụ như các quẻ : "khốn", "cách", "thiên lôi vô vọng", "thiên thủy tụng" đều bàn về pháp luật, giam cầm. Hình pháp ngày xưa có đánh đập, dấu tổ trước quần chúng, cắt mũi, thích dấu lên trán, nhốt ngục, chặt đầu v.v...

Trong quá trình bọn thống trị xây dựng pháp luật cũng chú ý giáo dục yêu cầu mọi người tôn trọng pháp luật, chỉ

rõ phạm pháp là do manh động ; dạy mọi người làm việc tốt, lánh xa việc xấu. Như trong tượng quẻ, tượng từ có nói : "tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương" (làm điều thiện sẽ có điều vui, làm điều ác sẽ gặp tai ương), "thiện bất tích, bất túc dĩ thành danh, ác bất tích bất túc dĩ diệt thân" (không làm điều thiện thì không đủ để thành danh, không làm điều ác sẽ không đến nỗi bị tiêu diệt), "tội đại nhi bất khả giải" (tội lớn khó mà thoát được). Những điều trên là những lời dạy hay về pháp luật.

Trong thẩm vấn, để khỏi oan người tốt, bỏ qua kẻ xấu "Hệ từ" có câu : kẻ có tội, lời nói tỏ ra lo lắng. Người vong ơn bội nghĩa, lời nói hành động sẽ trái với thực tế, kẻ nói sai sự thật thường sợ người khác vạch trần. Cho nên khi nói năng lời nói của chúng tỏ ra lo lắng. Ngược lại, người thật thì lương thiện "người lành lời ít". Cách xem đoán người qua bề ngoài, qua ngôn ngữ này thường vẫn rất có giá trị.

Bát quái không chỉ có tượng quẻ về hình pháp mà trong nghiên cứu hiện đại về kinh dịch, còn có thể dùng bát quái để dự đoán thông tin về tội phạm và quan toà. Phát hiện này dùng để dự đoán về bị giam cầm, dự đoán về tội phạm và giảm thấp tội phạm đối với công cuộc xây dựng đất nước có một ý nghĩa rất to lớn.

7. Bát quái với khí tượng : Trong kinh dịch bàn rất nhiều đến dùng bát quái để đoán khí hậu thời tiết. Ví dụ quẻ khôn, quẻ truân, quẻ trung phù..., cả thầy có 16 quẻ chuyên nói đến các thông tin về khí tượng. Nước ta dùng bát quái để đoán thời tiết đã được ghi lại rất nhiều trong giáp cốt văn. Trong "Ân khư khiết tiến tiên" có nói : "kỳ sử bốc, canh vũ", "ất dục bốc, mao bình vũ". Chúng tôi đã dùng bát quái để dự đoán thời tiết vùng Tây An bốn mươi sáu tháng, độ chính xác đạt 68,16%, so với đài khí tượng Thiểm Tây là hơi thấp, nhưng

so với đài trung ương lại cao hơn. Nhưng Đài trung ương và Đài Thiểm tây là hôm nay dự báo cho ngày mai, còn chúng tôi là dự báo trước một tháng.

Cống hiến của bát quái về phương diện thiên văn cũng rất lớn. Ngài Lưu Tử Hoa khi còn lưu học ở Pháp năm 1940 đã từng dùng bát quái để dự đoán khối lượng, tốc độ và quỹ đạo của ngôi sao thứ mười trong thái dương hệ nên đã giải quyết được một vấn đề làm chấn động cả thế giới mà hồi đó các nhà thiên văn học rất khó giải quyết.

III. BÁT QUÁI VÀ KHOA HỌC (2)

8. **Bát quái với quân sự** : Từ xưa đến nay, bát quái luôn được các nhà quân sự coi trọng và đã trở thành sách giáo khoa không thể thiếu được trong xây dựng và quản lý quân đội, trong chỉ đạo chiến tranh. Trong sáu mươi tư quẻ cũng bàn luận rất nhiều về quân sự. Ví dụ quẻ "sư", quẻ "đồng nhân", bàn về chuẩn bị chiến tranh, đầu tiên nhấn mạnh cần phải có người chỉ huy tài đức kiêm toàn, thông minh, tháo vát, nhấn mạnh quân đội phải có tổ chức và kỷ luật chặt chẽ mới có thể đánh thắng. Đối với thắng bại trong chiến tranh cũng phân tích rất tỉ mỉ. Quẻ "phục" nói quân đội phải quen thuộc địa lý, địa hình, nếu không sẽ mất phương hướng. Quẻ "ly" bàn về cảnh giác với mọi người và để phòng bọn địch giăng bẫy. Quẻ "tấn" bàn về chiến thuật chiến tranh, các quẻ khác bàn về chiến thuật phục kích, công đồn, phòng ngự, tiến công, tao ngộ chiến, đặc biệt chú ý cảnh giới, đề cao cảnh giác, phòng ngự liên hoàn, chủ trương hòa bình, phản đối xâm lược v.v... kiến thức quân sự rất phong phú.

Các nhà quân sự cổ đại như Tôn Tử, Gia Cát Lượng v.v... đã vận dụng quân sự trong bát quái vào chỉ đạo chiến tranh

và thu được nhiều thành tích to lớn. Cuốn "Trung Quốc thông sử biên niên" của Phạm Văn Lan đã ghi lại chuyện đế Gia Cát Lượng dùng bát quái để trị quân như sau : "Gia Cát Lượng trị quân đặc biệt coi trọng giáo dục kỷ luật. Trong đó nổi tiếng nhất có Bát trận đồ. Hành quân phải theo đội ngũ, chú ý chỗ đóng quân, đón lữ, giếng bếp, chỗ vệ sinh, hàng rào đều phải xây dựng theo quy định, trên đường hành quân cũng phải sẵn sàng chuyển sang tấn công hoặc phòng thủ ngay.

Trước Gia Cát Lượng, Đỗ Hiến cũng đã dùng bát trận pháp đánh tan Bắc hưng nô, về sau Gia Cát Lượng cải tiến thêm thành ra một hình thức mới. Mã Long đời Tây Tấn dùng bát trận pháp thu hồi Lương Châu. Diêu Ung Thanh đời Bắc Ngụy đã dùng bát trận pháp của Gia Cát Lượng để chống lại Nhu Nhiên. Lý Tĩnh nói với Đường Thái Tôn : "Lục hoa trận pháp nguyên là từ bát trận pháp. Gia Cát Lượng là người có công hiển cho nền quân sự cổ xưa". Bát trận pháp, bát trận đồ nói ở đây chính là lấy bát môn cứu cung của bát quái vận dụng vào các trường hợp quân sự điển hình.

Ngày xưa vận dụng bát quái vào quân sự, vào chiến tranh, ngày nay cũng có thể làm điều đó. Nước Mỹ đã vận dụng bát quái vào chiến lược, chiến thuật tên lửa hạt nhân. Cũng có thể lấy từ quẻ "sư" của bát quái dùng vào việc xây dựng kỷ luật quân đội. Tóm lại, bát quái đã góp phần phát triển xây dựng quân đội nước ta, đó là công hiến vĩ đại không thể phai mờ được.

Đ. Bát quái với khí công : Trong "Hệ từ" có câu : "Nhất âm nhất dương chi vị đạo" bàn về quy luật vận động của hai khí Âm dương, chỉ rõ quy luật phổ biến về sự vận động của sự vật. Trên kia đã nói : trời có âm dương, đất có âm dương,

người có âm dương, trời đất vạn vật đều có âm dương, hai khí âm dương vận động trong vũ trụ quyết định sự sinh trưởng biến hóa của vạn vật, phát triển và thúc đẩy sự vật tiến lên. Vũ trụ là đại thiên thể, con người là tiểu thiên thể. Do đó sự vận động của các thiên thể và nhân thể có mối quan hệ mật thiết với nhau và đều chịu ảnh hưởng chung của đại thiên thể vũ trụ này.

"Bảo mệnh toàn hình luận" nói : "Nhân sinh hữu hình, bất ly âm dương" (con người không tách khỏi âm dương) "Chu dịch tập giải" có câu : "Ban đầu âm dương giao hợp, cuối cùng âm dương chia thành vạn vật, hợp thì sinh, tách ra thì tử". Y học hiện đại đã chứng minh, do sự vận động của khí đã đưa lại sự hoạt động của lục phủ ngũ tạng. Khí trong cơ thể người có âm, dương là một loại vật chất tinh vi có sức hoạt động rất mạnh. Nó lưu hành trong toàn thân, chỗ nào cũng có. Có sự sống hoạt động, về căn bản mà nói là có sự thăng, giáng, xuất, nhập của khí. Hoạt động của khí ngừng thì sự sống cũng dừng. Rất rõ ràng là, người sơ dĩ bị bệnh là do mất cân bằng âm dương. Ta luyện khí công là để thứ nhất hấp thụ khí của trời đất bổ sung cho mình, thứ hai là để tăng cường, duy trì trạng thái cân bằng hai khí âm dương trong cơ thể. Bộ sách "Chu dịch tham đồng khiết", đã bao đời được tôn là "Vạn thế đan kinh vương" chính là căn cứ vào "Chu dịch" để viết ra sách luyện công. Do đó thuyết âm dương trong bát quái là sách giáo khoa chỉ đạo luyện công.

Bây giờ lấy quẻ "thủy hỏa ký tễ" để bàn : khâm là thủy, là thận ; ly là hỏa, là tim. Sự thăng giáng của thận thủy và tim hỏa của cơ thể cũng giống sự thăng giáng hai khí âm dương của tự nhiên, vừa chế ước nhau lại vừa thống nhất với nhau. Thủy tính hàn, hỏa tính nhiệt, về sinh lý tâm hỏa giáng

sẽ ôn thân thủy, phòng được thận hàn. Thận thủy thăng sẽ chế tâm hỏa, tâm quá nhiệt sẽ làm khô tạng phủ. Cứ thế quá trình hỗ trợ lẫn nhau của thủy hỏa gọi là tâm thận tương giao hay "thủy hỏa ký tế", cũng tức là cân bằng âm dương. Âm dương cân bằng là sự sống ở trạng thái tốt nhất, tức "trạng thái khí công". Cho nên luyện công, vừa phòng bệnh, tăng sức khỏe vừa kéo dài tuổi thọ, thậm chí có thể đạt được những công năng đặc biệt.

10. Bát quái với hôn nhân : Trong bát quái không những đã ghi lại những phong tục hôn nhân của xã hội nguyên thủy, những cuộc ngẫu hôn và cướp hôn, mà còn có phương pháp dự đoán và bàn về cát hung của hôn nhân. Ví dụ quẻ "hàm" nói về nam nữ phối hôn chính thức, quẻ "Phong thiên tiểu súc" nói về "vợ chồng không hòa thuận", quẻ "cấn" nói về "người đàn bà không nên lấy" vì người đó không đứng đắn. Quẻ "truân" nói về cầu hôn, quẻ "khue" là đính hôn, quẻ "bôn" là ghênh hôn. Tóm lại, dự đoán thông tin về hôn nhân, giúp cho xây dựng một gia đình hòa thuận, vừa có lợi cho mình, vừa có lợi cho xã hội, đặc biệt để giáo dục bồi dưỡng đời sau rất có ý nghĩa.

11. Bát quái với phật giáo, đạo giáo. Phật giáo và các đạo giáo nước ta rất coi trọng nghiên cứu "Chu dịch". Vì trong các phù hiệu âm dương của bát quái, gọi dương là trời là thần, âm là đất là quý. Phật giáo và đạo giáo cho rằng : dương là thần, âm là quý, người ở giữa âm dương nên vừa có thể là thần, vừa có thể là quý. Nhưng thành thần hay thành quý đều có điều kiện, đó chính là điều mà đạo phật yêu cầu con người làm nhiều việc tốt, làm nhiều việc thiện. Người làm việc tốt, sau khi chết biến thành thuận dương thăng lên trời làm thần ; người làm việc xấu, việc ác, hại

người ích mình, sau khi chết biến thành thuận âm xuống địa ngục làm quỷ. Tôi cho rằng các đạo muốn cho con người tốt, không làm việc xấu, không những có lợi cho xã hội, cho nhân dân mà còn phù hợp với đường lối chính trị của ta là muốn phục vụ nhân dân, muốn làm việc tốt cho nhân dân. Cho nên chúng ta ủng hộ phật giáo và các sự nghiệp đạo giáo chân chính khác.

12. Bát quái với triết học : Phạm là người nghiên cứu triết học, không ai không cho rằng triết học bắt nguồn từ bát quái. Lý luận uyên thâm sâu xa của bát quái chính là bộ giáo khoa triết học sinh động, thực tế và là sách triết học kinh điển.

Các danh từ triết học "âm dương", "mâu thuẫn" chính là những tên hào cơ bản của bát quái. "Một chia thành hai" là "thái cực sinh lưỡng nghi" của bát quái. Cho đến quy luật phát triển biến hóa của sự vật, quy tắc đối lập thống nhất của mâu thuẫn, duy vật biện chứng pháp, tư duy logic, phương thức tư duy nhiều tầng, siêu hình và lý thuyết tương đối của Anh-Stanh đều xuất phát từ bát quái hoặc có liên quan với bát quái. Do đó bát quái đối với triết học cổ điển hay triết học hiện đại của nước ta đều có những đóng góp vĩ đại.

13. Bát quái với văn học : Từ quê, từ hào của bát quái đều có tư tưởng văn học và giá trị nghệ thuật cao sâu, đồng thời là bông hoa hồng quý báu trong kho tàng văn học của nước ta.

Từ hào và từ quê của bát quái về mặt thủ pháp văn chương và ngôn từ đều có một phong cách độc đáo. Chủ yếu thể hiện ở ba đặc điểm dưới đây.

Dùng phương pháp tỉ dụ, đó là đặc điểm thứ nhất của sáu mươi tư quê. Hào từ, hào quê đều dùng phương thức tỉ dụ để

chỉ cát hung, họa, phúc. Đặc điểm thứ hai là hào từ, hào quẻ đều thể hiện phong cách thơ ca, đoản ca, dân ca, ngụ ngôn một cách đậm đà, nội dung phong phú, màu sắc câu chuyện cô đọng. Đặc điểm thứ ba là câu ngắn gọn, điều luyện, từ vựng phong phú, miêu tả các nhân vật, sự vật rất sinh động, hình tượng xác thực, làm cho người đọc có cảm giác chân thực. Xưa nay những nhà văn, nhà thơ, tác gia, nhà viết kịch và những nhà báo nổi tiếng, trong tác phẩm của mình bao giờ cũng thấm đậm tư tưởng văn học của bát quái. Ví dụ chúng ta thường nói "đội trời đạp đất", đó chính là "hào thượng, hào năm là trời, hào bốn hào ba là người, hào hai hào đầu là đất". người ở giữa trời đất, trên đội trời dưới đạp đất, cho nên gọi là "đội trời đạp đất". Không ít tác phẩm của nước ta như tiểu thuyết, thơ ca, kịch đều đưa độc giả đến những chương tiết bát quái đẹp đẽ và sinh động.

14. "Chu dịch" là đạo trị quốc. "Chu dịch" bàn về đạo trời, đạo đất, đạo con người và cũng bàn cả đạo trị quốc. Từ tư tưởng đến chính trị, từ kinh tế đến quân sự, từ công nghiệp đến nông nghiệp, từ văn hóa đến khoa học kỹ thuật, từ giáo dục đến pháp luật... nó đều bàn đến. Do đó "Chu dịch" trở thành cái gốc trị quốc của các triều đại nước ta, được nhà vua coi trọng. Trong lịch sử những nhà vua có công với đất nước, không chỉ bản thân thuộc "Chu dịch" mà còn dùng những người uyên thâm dịch lý, quái thuật cao siêu làm quân sư.

Chu Văn Vương tự giam mình trong phòng để diễn "Chu dịch", tôn Khương Tử Nha, người tinh thông dịch đạo làm quân sư ; Tấn Thủy Hoàng biết "Chu dịch" là sách trời nên không đốt ; Lưu Bang xây dựng nhà Hán lấy Trương Lương, người thông hiểu "Chu dịch" làm quân sư, Đường Thái Tông

xây dựng được nhà Đại Đường là nhờ quân sư Từ Mậu Công. Gia Cát Lượng thời kỳ Tam Quốc, Lưu Bá Ôn đời Minh, đều là những người tinh thông dịch đạo, quái thuật cao siêu. Song cũng có những nhà vua không hiểu dịch lý, không có cách trị quốc, có nhà vua không nghe lời quân sư nên đưa đất nước đến suy bại, cách mạng bị tổn thất. Ví dụ Lý Sấm Vương không nghe lời Tống Hiến Sách cách mạng giữa đường bỏ cuộc, biến thành bi kịch lịch sử.

"Chu dịch" đã có những cống hiến to lớn cho nền khoa học hiện đại của nước ta. Khoa học tự nhiên phát triển từ đầu đời nhà Tần đến nay có thể chia làm ba giai đoạn lớn, cũng gọi là ba đợt sóng triều phát triển của khoa học tự nhiên. Đợt thứ nhất lấy tượng số kết hợp với quan niệm chính thể của "Chu dịch" làm đại biểu, đợt thứ hai lấy Galilê, Niuton, Anh-Stanh làm đại biểu, lấy các máy đo và phân tích số hiệu làm đặc trưng ; đợt thứ ba từ năm 1960 lại đây, được mở đầu bằng khoa học hệ thống, tiếp sau đó là sự ra đời của lý luận cơ cấu hao tán, lý thuyết hỗn độn, hình học tán xạ, số học nhất nguyên hàm phân tích vật nguyên. Những lý luận học thuật và phương pháp này đều gắn bó mật thiết với tượng số của "Chu dịch" hoặc có những đặc điểm chung. Từ năm 1960 lại đây, có tất cả mười bốn kết quả nghiên cứu khoa học quan trọng nhất làm chấn động thế giới, trong đó có mười hai kết quả đạt được từ sau năm 1980. Điều vui mừng nhất là trong mười bốn thành tựu đó có chín mục do các nhà khoa học Trung Quốc đạt được từ sau năm 1980. Trong những thành quả này có nhất nguyên hàm ; phân tích vật nguyên, lý thuyết hỗn độn, thứ tự sinh ngẫu thiên địa, tuyến Luxtoxur cấu tạo địa chấn toàn cầu, cấu tạo huyết kinh lạc địa cầu,

nhịp địa chấn tự nhiên, chu kỳ tự nhiên, nhịp sinh học. Cơ sở lý luận của những vấn đề đó đều bắt nguồn từ tượng số hoặc liên quan mật thiết với tượng số, có những cái hoàn toàn thống nhất với lý luận trong "Chu dịch". Ví dụ tư tưởng huyết kinh lạc của địa cầu, ăn khớp một cách kinh ngạc với lý luận "Viện thủ chư thân, cận thủ chư vật" trong bát quái. (mời tham khảo "Tự nhiên khoa học đệ tam lăng triều điều điều đạo lộ thông tượng số" (Đợt ba ngọn triều khoa học tự nhiên từng điều một có quan hệ với tượng số) của Lý Thụ Thanh).

Từ đó ta có thể thấy rõ, "Chu dịch" không phải là phong kiến mê tín, không phải là duy tâm, siêu hình mà là nguồn gốc và cơ sở của mọi khoa học.

Chương 4

BÁT QUÁI VÀ DỰ ĐOÁN THÔNG TIN

Bát quái bao la vạn tượng, không gì không có trong đó, là kho tin của nhân loại. Nó nhìn lên bàn thiên văn, nhìn xuống xét địa lý, ở giữa việc nhân sự, xét cát hung tai họa cho người. Vậy đoán cát hung, tai họa trời đất và con người như thế nào ? Hệ từ nói : "Đế định cát hung cho thiên hạ, không có gì khác ngoài cỏ thi và mai rùa". Người đời xưa dùng hai phương pháp và công cụ này để dự đoán thông tin. Nó báo cho mọi người muốn biết cát hung, có thể dùng phương pháp dự đoán.

Người xưa coi trọng dự đoán, đó là vì "bát quái định được cát hung, cát hung sinh đại nghiệp". Như trên kia đã nói, cát hung chính là vấn đề được mất, thắng bại mà thôi.

Người ta có thói quen thế này, bất kỳ làm việc gì, nhiệm vụ gì, đầu tiên phải nắm tin tức. Ví dụ muốn mở nhà máy, cửa hàng, đầu tiên phải tổ chức điều tra, nghiên cứu, sau đó mới căn cứ tình hình điều tra để quyết định làm hay không. Tất cả những cái này đều thuộc vấn đề dự đoán thông tin. Do đó dự đoán thông tin là cơ sở của vấn đề, là bước đầu tiên của mọi công việc, cũng là sự bảo đảm cho công việc thắng lợi. Chương này chủ yếu bàn về vấn đề liên quan đến dự đoán thông tin và phương pháp gieo quẻ.

I . CƠ THỂ VÀ THÔNG TIN

Trên đây đã nói về tầm quan trọng của thông tin, bây giờ giới thiệu mối quan hệ giữa cơ thể với thông tin và phương

pháp đang được dùng để dự đoán. Cơ thể tự nó đã là bộ cảm ứng tin tức. Nó không những có công dụng dự đoán thông tin mà còn liên quan đến thông tin một cách tinh vi chặt chẽ. Ví dụ lấy cơ thể con người ra mà xét, da thịt phản ánh những thông tin như : đau, ngứa, nóng, lạnh, có gió, không có gió ; mắt phản ánh các thông tin như xa, gần, to, nhỏ, màu sắc, xấu đẹp ; mũi phản ánh thơm thối, các mùi khác ; miệng phản ánh vị ; tai nghe âm thanh to nhỏ, âm thanh gì, tóm lại là các thông tin bên ngoài, bên mặt, cảm giác được, thấy được, các thông tin trong một phạm vi nào đó. Còn đối với những thông tin tinh vi, tiềm tàng, phức tạp, vượt quá phạm vi bên ngoài thì da thịt trở thành bất lực, không cảm giác được.

Để tồn tại, loài người xuất phát từ những cảm ứng của thân thể, đã chế tạo ra các loại công cụ để đo thông tin, từ đó mới thu được những tin tức cần thiết để bảo tồn mình. Ví dụ con người biết được thông tin đói rét nên mới mặc quần áo, ăn cơm, cho nên nông nghiệp mới ra đời. Có những vật xa quá, nhỏ quá, mắt thường nhìn không thấy nên đã phát minh ra kính viễn vọng, kính hiển vi, có những tin tức cần truyền gấp, địa điểm cần truyền đến lại rất xa nên đã phát minh ra điện báo, điện thoại, truyền tin qua vệ tinh nhân tạo v.v... Tóm lại những công cụ dùng để dự đoán thông tin hoặc truyền tin ngày nay đang dùng đều bắt nguồn từ cảm ứng tin của cơ thể. Do đó Lenin nói : "Giả thiết cảm giác không làm cho con người có được một quan niệm chính xác đối với hoàn cảnh khách quan, thì người đó sẽ không thể thích nghi với hoàn cảnh được" (Lenin tuyển tập, trang 139 tập 14).

Phương pháp thu được thông tin ngày nay rất nhiều, đại để có :

- Thông qua giao tiếp như : cử người điều tra, trình sát, thăm dò.

- Thông qua báo chí ; phát thanh, vô tuyến truyền hình, vệ tinh nhân tạo.

Những tin tức thu được qua các công cụ này tuy rất tiên tiến, có thể là vĩ mô, có thể là vi mô, nhưng không phải là vạn năng. Vì bản thân điều kiện có hạn nên có những tin nó không thể thu được. Còn bát quái thì không cần mất tiền, cách xa hàng nghìn dặm vẫn có thể rất nhanh đoán ra. Cho nên tổ tiên ta mấy nghìn năm trước đây đã phát minh ra bát quái để dự đoán thông tin thì quả là rất giỏi. Ngày xưa đã dùng bát quái đoán tin, thời đại thông tin ngày nay càng không thể thiếu được bát quái.

II. HỌC THUYẾT ÂM DƯƠNG

Học thuyết âm dương là nhân dân lao động Trung Quốc, thông qua quan sát các sự vật và hiện tượng mà chia mọi vật trong vũ trụ thành hai loại âm, dương. Từ đó xây dựng nên tư tưởng duy vật và biện chứng pháp sơ lược. Học thuyết âm dương cho rằng, tất cả mọi vật hình thành, biến hóa và phát triển đều do sự vận động của hai khí âm dương mà thành. Nó tổng kết quy luật biến hóa âm dương của giới tự nhiên là thống nhất với tư tưởng triết học đối lập thống nhất. Học thuyết âm dương không những ứng dụng vào các lĩnh vực khoa học mà còn trở thành cơ sở lý luận thế giới quan duy vật biện chứng của khoa học tự nhiên nước ta.

1. Khởi nguồn của học thuyết âm dương

Học thuyết âm dương đã sớm hình thành từ đời nhà Hạ. Điều này có thể chứng minh bằng sự xuất hiện hào âm dương bát quái trong Kinh dịch. Trong bát quái, hào âm (— —) và hào

dương (一) xuất hiện trong sách cổ "Liên sơn" đời Hạ ; nên trong "Kinh sơn hải" có câu "Phục Hi được hà đồ, do đó người Hạ gọi "Liên sơn" ; Hoàng đế được hà đồ, nên người Thương gọi "Quy tàng" ; Liệt sơn được Hà đồ do đó người Chu gọi "Chu dịch". Tức là nói, đời Hạ có sách bát quái "Liên sơn", mà bát quái là do hai hào âm dương cơ bản nhất cấu thành. Cho nên học thuyết âm dương ra đời vào đời nhà Hạ là điều chắc chắn.

2. Âm dương đối lập

Âm dương đối lập là nói vạn vật trong tự nhiên, bên trong nó đồng thời tồn tại hai thuộc tính ngược nhau, tức tồn tại hai mặt âm dương. Ví dụ bát quái là do hai loại ký hiệu đối lập âm dương hợp thành, cũng tức do bốn loại ký hiệu đối lập tổ hợp thành bát quái, do ba mươi hai loại ký hiệu tổ thành sáu mươi tư quẻ. Cho nên "Chu dịch cần tạc đồ" nói rằng : "Cần khôn là căn bản của âm dương, là tổ tông của vạn vật". Quẻ cần thuận dương, quẻ khôn thuận âm, cho nên nói âm dương là hai loại mâu thuẫn đối lập, là mâu thuẫn căn bản của tất cả mọi sự vật. Song, tuy mâu thuẫn đối lập nhưng cần khôn lại thống nhất với nhau. Nhờ có sự thống nhất này nên mới có sự biến hóa sinh thành vạn vật. Cho nên sự đối lập và thống nhất của âm dương là có từ đầu chí cuối trong tất cả mọi sự vật.

3. Thuộc tính âm dương

Âm dương không những thống soái hai mặt đối lập của vạn vật mà còn có thuộc tính khác ngược nhau. Trong bản chất và hiện tượng đều tồn tại hai mặt đối lập hàm chứa thuộc tính âm dương, vừa không thể tùy ý áp đặt, vừa không thể đổi cho nhau mà phải theo quy luật nhất định. Vậy dùng tiêu chuẩn nào để phân chia thuộc tính âm dương của sự vật và hiện tượng ? "Hệ từ" nói : "Cần đạo thành nam, khôn đạo

thành nữ". Càn là cha, khôn là mẹ, sinh ra chấn, cấn, khâm, tốn, ly, đoài sáu con, sáu con lại chia thành trai gái, tức trời đất sinh vạn vật, không có vật nào mà không mang hai thuộc tính.

"Hệ từ" còn nói : "Thiên tôn địa bị" (trời sang đất hèn), "Càn là vật dương, khôn là vật âm" và "quẻ dương lẻ, quẻ âm chẵn". Phàm là giống nam, cao và lẻ đều thuộc phạm trù dương, phàm là giống nữ, thấp và chẵn đều thuộc phạm trù âm.

4. Âm dương là gốc của nhau

Âm dương là gốc của nhau có nghĩa là trong sự vật hoặc hiện tượng hai mặt đó vừa đối lập nhau, vừa dựa vào nhau để tồn tại, có mối liên hệ lợi dụng lẫn nhau. Âm và dương, cái này dùng cái kia làm tiến để tồn tại của mình, tức là không có âm, dương không thể tồn tại, không có dương âm cũng không thể tồn tại. Đúng như không có càn thì không có khôn, không có trời, không có đất. "Tổ vấn âm dương ứng tượng đại luận" nói : "âm ở trong, dương giữ lấy, dương ở ngoài khiến âm vậy". Do đó âm dương dựa vào nhau tồn tại, tác dụng lẫn nhau.

5. Âm dương tiêu trưởng

Âm dương tiêu trưởng là nói trong sự vật và hiện tượng hai mặt đối lập nhau vận động biến hóa. Sự vận động của nó diễn ra dưới hình thức cái này yếu xuống thì cái kia mạnh lên. Do hai mặt âm dương đối lập nên từ đầu chí cuối ở vào thế cái này yếu thì cái kia mạnh lên, nó luôn nằm trong trạng thái cân bằng động như thế mới duy trì được sự phát triển biến hóa bình thường của sự vật. "Hệ từ" nói : "mặt trời lặn mặt trăng lên, trăng lặn mặt trời lại mọc, cứ thế mà thay

nhau. Lạnh đi nóng lại đến, hàn, thử cứ thế thay nhau theo năm tháng". Cái gọi là đi và đến chính là yếu đi và mạnh lên. Nếu sự biến hóa này phát sinh khác thường cũng tức là phản ứng khác thường của sự tiêu trường âm dương.

8. Âm dương chuyển hóa

Âm dương chuyển hóa tức là âm dương biến hóa, nó là hai loại thuộc tính khác nhau của âm dương trong sự vật. Dưới điều kiện nhất định cái này sẽ chuyển hóa sang phía đối lập bên kia. "Hệ từ" nói : "Âm dương hợp đức thì cương nhu có hình". Âm và dương đối lập nhưng lại dựa vào nhau, chỉ có âm dương thống nhất lại mới có thể thúc đẩy sự vật biến hóa và phát triển, như vậy âm dương mới có thể cùng tồn tại lâu dài...

Âm và dương tuy đều có hai loại thuộc tính khác nhau, nhưng lại có thể chuyển hóa lẫn nhau. "Luôn luôn sinh ra gọi là biến" "đạo có biến động nên gọi là hào". "Dịch" tức là âm dương cùng biến, tức là âm cực sinh dương, dương cực sinh âm, cho nên căn cứ âm biến thành dương, dương biến thành âm mà dương trong cửu sơ của càn ở dưới, âm trong lục sơ của khôn bắt đầu thay đổi. Điều đó nói lên hai quẻ càn khôn đại diện cho sự mâu thuẫn âm dương lại thống nhất làm một. Hào sơ của hai quẻ là âm dương kết hợp, âm dương bắt đầu chuyển hóa. Âm dương chuyển hóa lẫn nhau là quy luật phát triển tất yếu của sự vật. Chỉ cần sự vật phát triển thuận theo quy luật âm dương biến hóa thì cuối cùng sẽ đạt được mục đích sự vật chuyển hóa lẫn nhau.

III. HỌC THUYẾT NGŨ HÀNH

Học thuyết ngũ hành cũng là sáng tạo độc đáo của nước ta. Tư tưởng triết học huy hoàng của nó đã có tác dụng quan

trọng thúc đẩy sự phát triển của sự nghiệp khoa học. Học thuyết ngũ hành cho rằng thế giới là do năm loại vật chất cơ bản nhất : mộc, thổ, hỏa, kim, thủy cấu tạo nên. Sự phát triển biến hóa của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên (bao gồm cả con người) đều là kết quả của năm loại vật chất này không ngừng vận động và tác dụng lẫn nhau. Phát hiện này đã tìm ra quy luật và nguyên nhân sinh diệt diệt của vạn vật trong vũ trụ. Cho nên học thuyết ngũ hành cũng là chủ nghĩa duy vật và biện chứng pháp đơn giản. Học thuyết ngũ hành có công dụng rất rộng trên mọi lĩnh vực khoa học.

1. Khởi nguồn của học thuyết ngũ hành

Sự ra đời của học thuyết ngũ hành, trong giới học thuật vẫn còn là một vấn đề chưa được làm sáng tỏ. Ba loại ý kiến rất đối lập nhau như sau :

Giới dịch học cho rằng sự ra đời của học thuyết ngũ hành rất có khả năng đồng thời với học thuyết âm dương. Nhưng giới sử học lại cho rằng người đầu tiên sáng lập ra học thuyết ngũ hành là Mạnh Tử. Trong cuốn "Trung Quốc thông sử giản biên" của Phạm Văn Lan đã nói : "Mạnh Tử là người đầu tiên sáng lập ra học thuyết ngũ hành, Mạnh Tử nói năm trăm năm tất có Vương Giả Hưng, từ Nghiêu Thuấn đến Vu Thang là hơn năm trăm năm ... Từ Văn Vương đến Khổng Tử lại hơn năm trăm năm... hầu như đã có cách nói tính toán về ngũ hành. Sau Mạnh Tử một ít, Trâu Diễn đã mở rộng thuyết ngũ hành trở thành nhà âm dương ngũ hành". Nói học thuyết ngũ hành do Mạnh Tử phát minh là không có chứng cứ xác thực. Điều này chính Phạm Văn Lan đã tự phủ định mình. Trong cùng một chương của cuốn sách trên ông đã nói : "Mặc Tử không tin ngũ hành, bác bỏ thuật chiêm bói dùng ngũ sắc thanh long để định cát hung, điều đó đủ thấy thời Đông

Chu thuyết ngũ hành đã thông dụng rồi, đến Trâu Diên đặc biệt phát huy". Mạnh Tử là người nước Lỗ thời Chiến quốc mà thời Đông Chu đã có ngũ hành rồi, rõ ràng không phải là Mạnh Tử phát minh ra ngũ hành. Có những sách sử nói, học thuyết âm dương ngũ hành là Đổng Trọng Thư đời Hán sáng lập ra, điều đó càng không đúng.

Giới triết học như Vu Bạch Huệ, Vương Dung thì cho rằng : "Văn bản công khai của ngũ hành có thể thấy trong sách "Thượng thư" của Hồng Phạm (tương truyền văn tự những năm đầu thời Tây Chu, theo những khảo chứng của người cận đại có thể là thời chiến quốc). Ngũ hành, một thủy, hai hỏa, ba mộc, bốn kim, năm thổ ; thủy nhuận dưới, hỏa nóng trên, mộc cong thẳng, kim là cát đứt, thổ là nông gia trồng trọt" (xem "Ảnh hưởng của học thuyết âm dương ngũ hành với khoa học truyền thống Trung Quốc"). Qua đó có thể thấy vấn đề nguồn gốc học thuyết ngũ hành vẫn là điều chưa sáng tỏ.

2. Đặc tính của ngũ hành

"Mộc" có tính sinh sôi, dài thẳng ; "hỏa" rất nóng, hướng lên ; "thổ" là nuôi lớn, hóa đục ; "kim" có tính thanh tịnh, thu sát ; "thủy" là hàn lạnh, hướng xuống.

Học thuyết ngũ hành dùng phương pháp hình tượng để so sánh, lấy sự việc hoặc hiện tượng muốn nói chia làm năm loại, đem những sự việc hoặc hiện tượng tương tự quy về một trong năm ngũ hành và trên cơ sở thuộc tính của ngũ hành, vận dụng quy luật ngũ hành để giải thích, nói rõ mối liên hệ và biến hóa giữa các sự vật, hiện tượng.

3. Ngũ hành sinh khắc

Học thuyết ngũ hành cho rằng, sự vật và giữa các sự vật tồn tại mối liên hệ nhất định, mối liên hệ này thúc đẩy sự

vật tiến hóa phát triển. Giữa ngũ hành tồn tại quy luật tương sinh tương khắc, do đó sinh khắc chính là học thuyết ngũ hành dùng để khái quát và nói rõ quan điểm cơ bản mối quan hệ và sự phát triển biến hóa giữa các sự vật.

Tương sinh có nghĩa là cùng bồi bổ, thúc đẩy, trợ giúp nhau. Tương khắc là chế ngự, khắc lại, khống chế nhau.

Ngũ hành tương sinh : mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc.

Ngũ hành tương khắc : mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc.

Trong tương sinh đều có mối quan hệ hai mặt : cái sinh ra tôi và cái tôi sinh ra. Cái sinh ra tôi là cha mẹ ; cái tôi sinh ra là con cháu ; cái khắc tôi là quan quý ; cái tôi khắc là thế tài ; cái ngang vai với tôi là anh em. Ví dụ ngày sinh thuộc can Canh là kim. Thổ sinh kim nên thổ là cha mẹ của kim ; hỏa khắc kim, hỏa là quan quý ; kim khắc mộc, mộc là thế tài của kim ; kim sinh thủy nên thủy là con cháu của kim ; kim và kim cùng loại nên gọi là ngang vai anh em. Thế tài đối với nam mà nói vừa đại diện cho tiền tài, vừa đại diện vợ ; quan quý đối với nữ mà nói vừa là quan tinh, vừa là chồng.

Tương sinh, tương khắc giống như âm dương, là hai mặt không thể tách rời của sự vật. Không có sinh thì sự vật không phát sinh và trưởng thành được, không có khắc thì không thể duy trì được sự cân bằng và điều hòa trong sự phát triển và biến hóa của sự vật. Cho nên không có tương sinh thì không có tương khắc, không có tương khắc cũng không có tương sinh. Mối quan hệ trong sinh có khắc, trong khắc có sinh, tương phản tương thành, dựa vào nhau này đã duy trì và thúc đẩy sự vật phát triển, sinh trưởng bình thường và không ngừng biến hóa.

4. Ngũ hành quá thừa

Vật thịnh cực là quá mức. Phàm vật cực thịnh thì thừa, mạnh mà có mầm yếu. Đó gọi là thừa. Vật cực thịnh, thái quá luôn luôn dễ gãy, như ngọc cứng dễ vỡ, sắt cứng dễ gãy, đều là lý do này.

5. Phản ngược của ngũ hành

Trong ngũ hành sinh khắc, không chỉ khắc theo chiều thuận như vượng khắc suy, mạnh khắc yếu mà có lúc cũng xuất hiện sự xung khắc ngược lại : suy khắc vượng, yếu khắc mạnh... Như thổ vượng thì mộc suy, mộc bị thổ khắc ; mộc vượng kim suy, kim bị mộc khắc ; thủy suy hỏa vượng, thủy bị hỏa khắc ; thổ suy thủy vượng, thổ bị thủy khắc ; kim vượng hỏa suy, hỏa bị kim khắc. Sự khắc ngược này gọi là phản ngược.

IV. THIÊN CAN

Mười thiên can và mười hai địa chi. "Sử ký" gọi thập can, là mười mẹ, thập nhị chi là mười hai con, còn gọi tắt là can chi.

Xét về lịch sử phát triển, đại thế đầu tiên phát minh ra thập can, sau đó là thập nhị chi, rồi tiếp nữa mới đến phát minh ra giáp, tí. Từ 1600 đến 1562 trước công nguyên thời kỳ nhà Thương, Ân đã có can chi giáp tí. Thập can đầu tiên được dùng vào để hiệu thế hệ vương triều nhà Thương, như Thành Thang có tên Thiên Ất, con của ông gọi là đại Đinh, trung Bính, trung Nhâm, cháu có tên là đại Giáp... "Đại Nhiều bắt đầu lấy giáp ất làm tên ngày, gọi là can lấy tí sừu làm tên tháng, gọi là chi" (Xem "Học thuyết vận khí"). Điều đó nói lên sự ra đời của can chi có quan hệ mật thiết với lịch

pháp. Ví dụ que từ bốn mươi bốn quyển bày của sách "Ân hu thư khiết tiến biên" nói "ất mạo bốc, đục bính vũ", "tân hội bốc phục, đục nhâm vũ" đều nói lên thập can là ghi ngày.

1. Thập thiên can

Giáp, ất, bính, đinh, mậu, kỷ, canh, tân, nhâm, quý.

2. Cách chia âm dương của thập thiên can

"Tổ vấn nhập thức vận khí luận áo, luận thập can" nói : "Giáp, bính, mậu, canh, nhâm là dương, ất, đinh, kỷ, tân, quý là âm, ngũ hành cách một âm lại một dương, nên gọi là 10 ngày".

Giáp vì sao lại thuộc dương, ất vì sao thuộc âm (những can khác cũng thế) ? Một là vì cái đọc trước là cứng là dương, hai là số lẻ là dương, nên giáp là dương. Giáp ở trước, ất ở sau, giáp số lẻ, ất số chẵn nên ất là âm.

3. Ngũ hành của thiên can

Giáp ất đồng thuộc mộc, giáp là dương mộc, ất là âm mộc ; Bính đinh đồng thuộc hỏa, bính là dương hỏa, đinh là âm hỏa ; Mậu kỷ đồng thuộc thổ, mậu là dương thổ, kỷ là âm thổ ; Canh tân đồng thuộc kim, canh là dương kim, tân là âm kim ; Nhâm quý đồng thuộc thủy, nhâm là dương thủy, quý là âm thủy.

4. Phương vị của thiên can

Giáp ất phương đông mộc, bính đinh phương nam hỏa, mậu kỷ trung ương thổ, canh tân phương tây kim, nhâm quý phương bắc thủy.

5. Thập can phối năm mùa

Giáp ất thuộc xuân, bính đinh thuộc hạ, mậu kỷ trường hạ, canh tân thuộc thu, nhâm quý thuộc đông.

6. Thập can phối ngoại ngũ hành, nội ngũ hành

1) *Thập can phối thân thể* : Giáp là đầu, Ất là vai, bính là trán, đinh là răng lưởi, mậu kỷ là mũi mặt, canh là gan, tân là ngực, nhâm là cổ, quý là chân.

2) *Thập can phối tạng phủ* :

Giáp là mật, Ất là gan, bính ruột non, đinh tim, mậu dạ dày, kỷ lá lách, canh ruột già, tân phổi, nhâm bàng quang, quý thận. Số lẻ là phủ, số chẵn là tạng.

7. Thập can hóa hợp

Giáp và kỷ hợp hóa thổ, Ất và canh hợp hóa kim, bính và tân hợp hóa thủy, đinh và nhâm hợp hóa mộc, mậu và quý hợp hóa hỏa.

Thập can hóa hợp là đo phương vị của hai mươi tám thiên thể quyết định. Ví dụ "khí đen của trời là đi qua sao Vĩ, kỷ chia thành" tức khí thổ của ngũ hành trên thiên thể khi đi qua bốn trạm tâm, vĩ, giác, chấn, trong thập can tương ứng với phương vị giáp kỷ, do đó gặp năm giáp, năm kỷ thì khí tượng thuộc thổ làm chủ sự vận hành. (Những cái khác xin xem trong "vận khí học thuyết"). Trong tứ trụ nếu gặp thiên can giáp, kỷ thì là hóa thổ. Sự hóa hợp cát hung của nó giống như tam hợp của thập nhị chi.

V. ĐỊA CHI

Mười hai địa chi là tên của tháng, cho nên trong "Nhĩ nha, thích thiên" có câu : "Năm âm : tí Sửu dẫn mao thìn tị ngo vị thân dậu tuất Hợi".

1. Âm dương của mười hai chi

Tí, dần, thìn, ngo, thân, tuất là dương.

Sửu, mao, tị, mùi, dậu, Hợi là âm.

2. Thập nhị chi phối ngũ hành

Dần mao thuộc mộc, dần là dương mộc, mao là âm mộc ;

Tị ngọ thuộc hỏa, ngọ là dương hỏa, tị là âm hỏa ;

Thân dậu thuộc kim, thân là dương kim, dậu là âm kim ;

Tí hợi thuộc thủy, tí là dương thủy, hợi là âm thủy.

Thìn tuất sừu mùi thuộc thổ, thìn tuất là dương thổ, sừu mùi là âm thổ.

3. Thập nhị chi phối phương vị

Dần mao phương đông mộc, tị ngọ phương nam hỏa, thân dậu phương tây kim, hợi tí phương bắc thủy, thìn tuất sừu mùi bốn mùa thổ. Thìn tuất sừu mùi ở tháng cuối của mỗi quý cho nên là bốn mùa thổ.

4. Mười hai chi phối bốn mùa

Dần mao thìn là xuân, tị ngọ mùi là hạ, thân dậu tuất là thu, hợi tí sừu là đông.

5. Mười hai chi phối tạng phủ

Dần là mật, mao là gan, tị là tim, ngọ ruột non, tuất thìn dạ dày, sừu mùi lá lách, thân ruột già, dậu phổi, hợi thận, tí bàng quang.

6. Lục hợp hóa hợp của thập nhị chi

Tí và sừu hợp hóa thành thổ, dần và hợi hợp hóa thành mộc, mao và tuất hợp hóa thành hỏa, thìn và dậu hợp hóa thành kim, tị và thân hợp hóa thành thủy, ngọ và mùi hợp, ngọ thành thái dương, mùi là thái âm, hợp với nhau thành thổ.

Sự vận dụng lục hợp của mười hai chi, thứ nhất là dùng trong tứ trụ, tức năm tháng ngày giờ sinh sắp xếp trong thiên can địa chi. Ví dụ năm tháng ngày giờ sinh trong địa chi có tí và sừu, tức là tí và sừu hợp, có hai chi dân và hợi tức là dân và hợi hợp. Cái tương hợp với nhau là tốt.

Tương hợp lại chia ra : trong hợp có khác, trong hợp có sinh. Trong hợp có khác thì trước tốt sau xấu, trước nóng sau lạnh, trước hợp sau phân. Có cặp vợ chồng hoặc bạn hữu, bạn đấu rất tốt, về sau cãi nhau ly hôn, hoặc quan hệ bạn bè tan vỡ, chính là vì trong tứ trụ đã có những tiêu chí thông tin trong hợp có khác. Như tí hợp với sừu, mao hợp với tuất, tị hợp với thân, tí là thủy, sừu là thổ, thổ khác thủy ; mao là mộc, tuất là thổ, mộc khác thổ ; tị là hỏa, thân là kim, hỏa khác kim. Như thế gọi là trong hợp có khác.

Trong hợp có sinh là cho dù quan hệ vợ chồng hay giữa người với người, càng hợp càng tốt, ngày càng tốt. Đó cũng là trong tứ trụ đã có những tiêu chí thông tin trong hợp có sinh. Ví dụ dân hợp với hợi, thìn hợp với dậu, ngọ hợp với mùi, Dân là mộc, hợi là thủy, thủy sinh mộc, thìn là thổ, dậu là kim, thổ sinh kim ; ngọ là hỏa, mùi là thổ, hỏa sinh thổ. Cho nên gọi là trong hợp có sinh.

Sự vận dụng lục hợp của mười hai chi, thứ hai là dùng vào trong sáu hào của bát quái. Cách dùng của nó giống như trên, ở các chương 7, 8, 9, 10 của phần hai sách này sẽ bàn đến.

7. Mười hai chi tam hợp cục

Thân tí thìn hợp thành thủy cục, hợi mao mùi hợp thành mộc cục, Dân ngọ tuất hợp thành hỏa cục, tị dậu sừu hợp thành kim cục. Tam hợp hóa cục có cát có hung. Cái hóa

sinh thành cát, cái hóa khắc thành hung. Dưới đây cử vài ví dụ :

Hóa sinh : Giả thiết có một người sinh năm canh thân, tháng ất dậu, ngày giáp thìn giờ giáp tí. Trong tứ trụ kim vượng, mộc nằm ở tử địa, chi ngày là thìn thổ lại khắc giờ tý là thủy, can ngày là giáp mộc và can tháng là ất mộc, can giờ là giáp mộc lại khắc chữ không có sinh nên là hung. Nhưng trong tứ trụ có thân tí thìn hợp thành thủy cục, lại được năm canh là kim, tháng dậu là kim sinh thủy, nên có điều mừng là thủy sinh mộc, tức tuy bị khắc nhưng được cứu. Điều đó gọi là thân tí thìn hợp thủy cục hóa sinh là cát.

Hóa khắc : Giả thiết có người sinh năm canh thân, tháng mậu tí, ngày bính ngọ, giờ nhâm thìn. Trong tứ trụ thủy vượng, can ngày là bính hỏa ở tử địa, lại còn bị thủy vượng trong tứ trụ khắc nên trở thành đại hung. Hơn nữa trong tứ trụ lại còn có thân tí thìn hợp thành thủy cục nên lại càng khắc mạnh thêm can ngày bính hỏa (ngọ cũng thế). Bính hỏa có khắc vô sinh, bị khắc không được cứu, tức là đã hung càng thêm hung. Đó gọi là tam hợp hóa khắc trở thành hóa hung cục.

8. Mười hai chi tương xung

Tí ngọ tương xung, sửu mùi tương xung, dần thân tương xung, mao dậu tương xung, thìn tuất tương xung, tị Hợi tương xung. Tương xung thực chất là xung khắc nhau. Như trên hình bát quái có thể thấy rõ, mao là mộc ở phương đông, dậu là kim ở tây, ngọ là hỏa ở nam, tí là thủy ở bắc, các chi khác cũng thế, đều ở trên những phương đối nhau, cho nên là đối xung. Tương xung nghĩa là tương khắc. Nếu trong tứ trụ mà gặp xung thì không cát. Trong sáu hào gặp xung có cát có hung. Cái mà xung mất thần phúc là hung, cái mà xung mất thần khắc là cát.

Giả thiết có người sinh năm bính ngọ, tháng canh tí, ngày đinh mão, giờ kỷ dậu. Trong tứ trụ có tí ngọ tương xung, mao dậu tương xung ; đó là tượng không tốt. Tương xung có gần kề mà xung, lại có cách ngôi mà xung. Gần kề mà xung thì đại hại, cách ngôi mà xung thì hại nhẹ. Như thế là vì gần kề xung lực mạnh, cách ngôi xung lực nhẹ.

9. Mười hai tương hại

Tí mùi tương hại, sừu ngọ tương hại, dần tị tương hại, mão thìn tương hại, thân hợi tương hại, dậu tuất tương hại.

Tương hại là chịu hại, bị hại tức là tương khắc. Giả thiết có người sinh năm bính thân, tháng ất mùi, ngày mậu tí, giờ đinh tị. Như vậy trong tứ trụ có tí mùi tương hại. Tương hại đương nhiên không tốt nhưng còn chia ra có chế và không chế. Có chế thì không phương hại gì, không chế sẽ bất lợi.

10. Mười hai chi tương hình (phạt)

Tí phạt mao, mao phạt tí, đó là hình phạt vô lễ ; dần phạt tị, tị phạt thân, thân phạt dần, đó là hình phạt đặc thể (tức do có quyền thế mà bị phạt) ; sừu phạt mùi, mùi phạt tuất, tuất phạt sừu, vì vô ân mà bị phạt. Thìn ngọ dậu hợi là tự phạt.

Hình là hình phạt vậy. Phần nhiều chủ về việc hình sự phạm pháp, cũng chủ về bị thương, bệnh tật. Phạm người trong tứ trụ thấy không cát thì bản thân sống có kỷ luật, tôn trọng pháp luật, không làm việc xấu cũng thoát được cái nạn của hình dịch, thậm chí dù bệnh nhiều mà cố gắng để phòng, kiên trì tập luyện có thể giảm được nỗi lo về bệnh.

Phạm trong tứ trụ có hai chi tí mao (cái khác cũng thế) là "hình phạt của vô lễ" tức do vô lễ mà tạo thành phạm pháp hoặc sinh tai họa. "Hình phạt đặc thể" là vì nắm quyền

bính, có thể lực, làm ấu làm bậy, ức hiếp người khác mà dẫn đến phạm pháp hoặc tai họa. "Vô ân mà bị phạt" là chịu ơn nhưng không báo đáp, ngược lại còn làm hại ân nhân hoặc sát hại ân nhân nên bị tù tội. "Tự phạt" là tự mình muốn đạt âm mưu nào đó nên gây ra tội phạm.

11. Ngũ hành trường sinh đế vượng

Mộc trường sinh ở hợi, đế vượng ở mao, tử ở ngọ, mộ ở mùi.

Hỏa trường sinh ở dần, đế vượng ở ngọ, tử ở dậu, mộ ở tuất.

Kim trường sinh ở tị, đế vượng ở dậu, tử ở tí, mộ ở sửu.

Thủy thổ trường sinh ở thân, đế vượng ở tí, tử ở mao, mộ ở thìn.

Khi vận đến được đất trường sinh đế vượng, chủ nhân có sáng tạo, có tin vui như được thêm tiền, sinh con hoặc thăng chức. Khi vận đến tử mộ thì chủ nhân cốt nhục phân ly, hoặc tai họa. Trường sinh đế vượng này là căn cứ tượng quẻ mà đoán.

12. Tứ phế

Xuân : canh thân, tân dậu ; hạ : nhâm tí, quý hợi.

Thu : giáp dần, ất mao ; đông : bính ngọ, đinh tị.

Đây là chỉ hào, quẻ của tứ trụ mà nói.

13. Vượng, tướng, hưu, tù của ngũ hành

Xuân mộc vượng, hỏa tướng, thổ tử, kim tù, thủy hưu.

Hạ hỏa vượng, thổ tướng, kim tử, thủy tù, mộc hưu.

Thu kim vượng, thủy tướng, mộc tử, hỏa tù, thổ hưu.

Đông thủy vượng, mộc tướng, hỏa tử, thổ tù, kim hưu.

Phàm đã gặp quẻ đều như thế. Ví dụ mùa xuân gieo được quẻ chấn, chấn là mộc tức quẻ vương, cát ; nếu gieo được quẻ khôn, khôn là thổ, là tử địa, không cát.

14. Mười hai chi phối nguyệt kiến

Tháng giêng kiến dần, tháng hai kiến mạo, tháng ba kiến thìn, tháng tư kiến tị, tháng năm kiến ngọ, tháng sáu kiến mùi, tháng bảy kiến thân, tháng tám kiến dậu, tháng chín kiến tuất, tháng mười kiến hợi, tháng mười một kiến tí, tháng mười hai kiến sửu. Cho nên một, hai là mộc ; bốn năm là hỏa ; bảy tám là kim ; mười, mười một là thủy ; ba, sáu, chín mười hai là thổ. Tháng giêng kiến dần là vì tháng giêng là tháng dần, là chuỗi sao bắc đẩu chỉ ở ngôi dần.

15. Mười hai chi phối với mười hai giờ

Giờ	Tí	Sửu	Dần	Mạo	Thìn	Tị
Thời gian	23 - 1	1 - 3	3 - 5	5 - 7	7 - 9	9 - 11
Giờ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Thời gian	11 - 13	13 - 15	15 - 17	17 - 19	19 - 21	21 - 23

16. Mười hai chi phối với mười hai loại động vật và số chi

Tí	Sửu	Dần	Mạo	Thìn	Tị	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Chuột	Trâu	Hổ	Mèo	Rồng	Rắn	Ngựa	Đê	Khỉ	Gà	Chó	Lợn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

VI. BẢNG SÁU MƯƠI GIÁP TÍ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

1. Bảng nạp âm sáu mươi giáp tí

Trong khoa học nhân thể, đối với việc dự đoán thông tin của người, nhất là dự đoán vận mệnh tốt xấu, cho dù dùng

phương pháp tử trụ hay phương pháp bát quái đều lấy nguyên lý âm dương biến hóa, ngũ hành sinh khắc chế hóa làm quy tắc.

Khí âm dương ngũ hành là loại vật chất cực kỳ tinh vi, nói chung ta không nhìn thấy hay sờ mó được, hiện nay chưa có cách gì đo được nó. Cho cả đến khí âm dương ngũ hành trong cơ thể, nó phân bố, cấu tạo, sắp xếp và phát sinh ngũ hành sinh khắc ra sao, làm thế nào để phân biệt được và thời gian nào nó ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của con người, khoa học hiện đại vẫn chưa biết được tí gì, cho nên không có cách gì để phòng tránh, để hướng về điều tốt, xa điều dữ.

Tổ tiên ta, để giải quyết điều nan giải ở trên, đã phát minh ra thiên can địa chi để làm tiêu chí cụ thể về các loại tin tức âm dương ngũ hành trên cơ thể con người. Như vậy, người ta rất dễ xem được sự phân bố, cấu tạo tổ hợp sắp xếp khí âm dương trong nhân thể và thời gian ngũ hành sinh khác cũng như ảnh hưởng của nó đối với vận mệnh con người. Do đó bản sáu mươi giáp tí vừa là khí âm dương ngũ hành trong nhân thể, còn là tiêu chí tin tức thời gian, phương vị không gian, vừa là sự vượng suy của khí âm dương trong cơ thể, còn là tiêu chí tin tức âm dương ngũ hành phát sinh, sinh khác, chế hóa. Tóm lại, trong đời người ta, các loại thông tin đều chứa trong thiên can địa chi của thời điểm sinh ra. Cho nên sự sắp xếp thiên can địa chi ở thời điểm sinh ra của con người, không những là thời gian biểu suốt đời của người đó mà còn là một cái bảng, cái hồ sơ có nội dung phong phú,, có tính kịch rất cao.

Bảng sáu mươi giáp tí có công dụng rất rộng. Sự sắp xếp của thiên can địa chi trong năm tháng ngày giờ sinh có thể tra trong bảng này. Trong bảng chia ra kim, mộc, thủy, hỏa, thổ tức là đem sáu mươi năm đầu của người mới sinh theo

kim mộc thủy hỏa thổ chia thành năm loại mệnh. Trong bảng cứ hai năm là một hàng, làm thành một năm mệnh. Người sinh năm kim là mệnh kim, sinh năm hỏa là mệnh hỏa. Ví dụ : người sinh năm 1924, năm 1984 (năm giáp tí), năm 1925, năm 1985 (là năm ất sửu) đều thuộc mệnh "hải trung kim", gọi tắt là người "mệnh kim". Những mệnh khác trong bảng đã ghi rõ, mỗi vòng 60 năm lại lặp lại. Bảng ngũ hành nạp âm sáu mươi giáp tí, cụ thể là căn cứ nguyên tắc nào để lập nên ? Người xưa tuy có bàn đến nhưng chưa có căn cứ, nói chưa rõ. Do đó huyền bí khó giải. Sự biến hóa vô cùng của bảng đối với giới học thuật của nước ta vẫn còn là "câu đố".

Trong bảng, đem người ta chia làm năm loại mệnh : kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Năm loại mệnh này tồn tại và phát triển theo quan hệ sinh khắc giữa ngũ hành, đặc biệt quan hệ tương khắc, nhất định ta phải phân tích cụ thể, xử lý cụ thể, làm rõ tính khác. Ví dụ hỏa khắc kim, nhưng kim ở "hải trung kim" là dưới đáy biển, kim ở "sa trung kim" là ở trong cát, nên hỏa không dễ khắc kim. Có loại kim không những không sợ hỏa khắc mà còn mừng vì có hỏa. Ví dụ "kiếm phong kim" mừng có lửa luyện, vì nó chỉ nhờ có lửa luyện mới thành kiếm sắc. "Bạch lập kim" là kim trên cây nến, rất dễ bị hỏa khắc. "Hải trung kim", "sa trung kim" tuy khó mà bị hỏa khắc nhưng nó cũng sợ "hỏa thu lôi" vì "hỏa thu lôi" có thể đánh xuống đáy biển, đánh xuống tận tầng đất sâu.

Kim có thể khắc mộc, nhưng gỗ trong cột phân nhiều lại mừng có kim để chế ngự lại, nên suy kim không thể khắc mộc vượng. Trừ khi mộc yếu gặp kim vượng thì bất lợi. Nói chung trong điều kiện bình thường thì "đại lâm mộc", "bình địa mộc" không dễ bị kim khắc. Nhưng mộc sợ nhất là "kiếm phong kim" vì nó là kim của vũ khí.

BẢNG NẠP ÂM SÁU MƯỜI HOA GIÁP TỶ

Năm	Mệnh	Năm	Mệnh	Năm	Mệnh	Năm	Mệnh	Năm	Mệnh	Năm	Mệnh	Năm	Mệnh
Giáp tỵ	Hải trung kim	Bính tí	Thủy dưới khe	Mậu tí	Hỏa thu lời	Canh tí	Thổ trên vương	Nham tí	Thổ trên vương	Quý sũu	Quý sũu	Nham tí	Mộc đầu rừng
Ất sũu		Dinh sũu		Kỷ sũu		Tân sũu		Kỷ sũu		Quý sũu		Ất mạo	
Bính dần	Hỏa trong lò	Mậu dần	Thổ tướng hành	Canh dần	Mộc rừng bách	Nham dần	Kim vàng dát mỏng	Canh dần	Kim vàng dát mỏng	Quý mạo	Quý mạo	Giáp dần	Thủy ở khe lớn
Đinh mạo		Kỷ mạo		Tân mạo		Quý mạo		Quý mạo				Ất mạo	
Mậu thìn	Mộc rừng xanh	Canh thìn	Kim trong nền	Nham thìn	Thủy trường lưu	Giáp thìn	Hỏa đèn thờ	Nham thìn	Hỏa đèn thờ	Quý tỵ	Quý tỵ	Bính thìn	Thổ trong cát
Kỷ tỵ		Tân tỵ		Quý tỵ		Ất tỵ		Quý tỵ				Đinh tỵ	
Canh ngọ	Thổ bên đường	Nham ngọ	Mộc đường liễu	Giáp ngọ	Kim trong cát	Bính ngọ	Thủy thiên hà	Giáp ngọ	Thủy thiên hà	Quý mùi	Quý mùi	Mậu ngọ	Hỏa trên trời
Tân mùi		Quý mùi		Ất mùi		Đinh mùi		Đinh mùi				Kỷ mùi	
Nham thân	Kim mũi kiếm	Giáp thân	Thủy trong suối	Bính thân	Hỏa dưới núi	Mậu thân	Thổ ở bãi rộng	Mậu thân	Thổ ở bãi rộng	Kỷ dậu	Kỷ dậu	Canh thân	Mộc thạch lựu
Quý dậu		Ất dậu		Dinh dậu		Kỷ dậu		Kỷ dậu				Tân dậu	
Giáp tuất	Hỏa đầu núi	Bính tuất	Thổ nền nhà	Mậu tuất	Mộc bình địa	Canh tuất	Kim ở trầm thoa	Canh tuất	Kim ở trầm thoa	Quý hợi	Quý hợi	Nham tuất	Thủy đại hải
Ất hợi		Dinh hợi		Kỷ hợi		Tân hợi		Tân hợi				Quý hợi	

Mộc có thể khắc thổ, thổ trong đồng phần nhiều thổ vượng, mừng cây thưa nếu không thì không nuôi được mùa màng. Mộc suy thổ vượng, mộc không khắc được thổ, mộc vượng thổ suy, tất sẽ bị khắc. Nói chung "thổ trên tường", "thổ ở bãi ruộng" không dễ bị mộc khắc. Nhưng thổ sợ nhất là "đại lâm mộc", "bình địa mộc" khắc.

Thổ có thể khắc thủy. Thủy nhiều, thủy vượng bao vây thổ, có thể tưới ruộng, tưới nhuận vạn vật, nên suy thổ thì không khắc được vượng thủy. Nếu thủy suy thổ vượng, tất sẽ bị khắc. Thủy sợ thổ khắc. Nhưng "thiên hà thủy", "đại hải thủy" không những không sợ thổ khắc, mà nó còn khắc lại thổ. Vì thiên hà thủy ở trên trời, thổ ở dưới đất, "đại hải thủy" nước to mà mạnh, thổ khó mà khắc được, nên đành chờ hai thủy tinh thoái vị thì thổ tinh lúc trực ban mới chế ngự được.

Thủy có thể khắc hỏa. Hỏa nhiều, hỏa vượng mừng có thủy chế. Hỏa vượng thủy suy thì không sợ thủy khắc. Thủy vượng hỏa suy, tất sẽ bị nó khắc. Nói chung "thiên thượng hỏa", "thu lôi hỏa" không dễ bị thủy khắc. Có thể nói "thu lôi hỏa" không những không sợ bị thủy khắc, ngược lại trời mưa càng to còn có thể chui xuống đáy biển để khắc thủy.

Âm dương ngũ hành tương sinh tương khắc, đương nhiên có ảnh hưởng quyết định đối với cả cuộc đời con người. Tương sinh nhiều là cát, tương khắc nhiều không lợi. Nhưng trong xử lý mối quan hệ giữa con người với nhau, đặc biệt là quan hệ vợ chồng, tất nhiên là năm mệnh tương sinh là tốt nhất. Khi năm mệnh hai người tương khắc, vừa phải xem nó khắc nhiều hay ít và có thể khắc được không, còn phải xem sự sắp xếp, tổ hợp tứ trụ của hai bên có tương sinh, tương chế và tương hợp không, không thể vừa thấy tương khắc liền cho là không cát, như thế xem xét không toàn diện.

Ngũ hành mỗi cái chủ một việc, đặc điểm rất khác nhau. Về mặt tính cách con người, nói chung người mệnh kim thì nghĩa khí, kim trong cột phần nhiều là kim vượng, tính chất cứng, nhưng dễ gãy. Người có mệnh hỏa chủ về lễ. Trong xử sự thường có lễ, gặp việc thường lấy lý luận để xét. Nhưng hỏa nhiều, hỏa vượng, tính nóng này dễ làm hỏng việc. Người mệnh thổ giữ chữ tín, nói một là một, hai là hai, nói đến đâu làm được đến đó. Nhưng thổ vượng thì thích tĩnh, không thích động do đó dễ mất thời cơ. Người mệnh mộc hiền từ tấm lòng tốt. Nhưng mộc vượng thì tính cách không khuất phục, đặc biệt là người "tang tùm mộc" (gỗ dàu, gỗ thông) thà chết đứng chứ không chịu sống quỳ. Loại người này rất hợp với binh ngũ, làm trinh sát viên hay nhân viên đặc biệt. Người mệnh thủy mưu trí, thông minh, ham học, nhưng mệnh thủy gặp khúc nhiều, khi nước từ Côn Lôn chảy ra biển Đông, phải qua nhiều gian khổ. Nếu thủy vượng thì tính tình gặp nóng, hung bạo, dễ gây ra tai họa.

Bảng sáu mươi giáp tí không những là tiêu chí tin tức của nhân thể mà cũng là tiêu chí tin tức hưng vượng, suy vong của muôn vật, muôn việc trong tự nhiên. Đối với một đất nước cũng như thế. Nếu có thời mưa thuận gió hòa, nông nghiệp được mùa, mọi mặt tốt đẹp thì cũng có thời thiên tai hạn hán hoặc lụt lội khắp nơi, hoặc động đất, tai họa tự nhiên xảy ra liên tiếp làm cho nhân tài vật lực tổn thất liên miên. Gây nên những nguyên nhân này, đặc biệt là gây nên thiên tai, đều có liên quan với âm dương ngũ hành sinh khắc chế hóa. Để nói rõ vấn đề, ta chỉ lấy năm 1988 làm ví dụ.

Năm 1988 là năm "đại lâm mộc", năm mệnh là mệnh mộc. Can chi mậu thìn của năm là thổ, mộc khắc thổ. Đó là mệnh của năm tự hành tương khắc, cho nên năm 1988 các loại thiên tai nhân họa rất nhiều.

1. Ở Thượng Hải có dịch viêm gan siêu vi trùng. Thượng Hải nằm về phương Đông (cổ đại bát quái lấy Thiểm tây Tây an làm trung tâm). Phương Đông là mộc, mệnh năm lại là mộc chững, tháng hai là mùa mộc vượng, Thượng Hải lại ở bên nước, mộc được thủy sinh là vượng tăng thêm vượng. Vượng quá tức thái quá, thái quá tất có hại, vì mộc là gan nên bị bệnh gan.

2. Nạn lụt nhiều. Năm 1988 lụt rất nhiều, chủ yếu vì mộc khắc thổ, thổ bị thương mà không sức nào chữa được, do đó tạo thành lụt.

3. Mất mùa. Thổ là mẹ nuôi vạn vật. 1988 là năm mệnh mộc, thổ tự khắc mậu thìn thái tuế, thổ bị thương, giống như người mẹ bị bệnh không thể sinh sản nuôi dưỡng được. Thổ đã bị thương, thủy lại mạnh do đó mà mùa màng xấu, hoặc mất lụt.

Năm nay (sách này viết đầu năm 1989), mệnh năm vẫn là năm khắc thổ. Do đó toàn cảnh năm 1989 vẫn không tốt, thiên tai so với năm 1988 còn nghiêm trọng hơn.

Vạn hội của đất nước cũng giống như một người, có tốt có xấu, có quy luật nhất định. Về thời gian mà nói : 1926, 1927, 1928, 1929 ; 1936, 1937, 1938, 1939 ; 1946, 1947, 1948, 1949 ; 1956, 1957, 1958, 1959 ; 1966, 1967, 1968, 1969 ; 1976, 1977, 1978, 1979 ; 1986, 1987, 1988, 1989 v.v... Trung Quốc đều có những tai họa, biến động lớn. Ví dụ năm 1928 Thượng Hải bị nạn bắt bớ tàn sát. Năm 1988 Thượng Hải bị dịch viêm gan siêu vi trùng nặng, tai họa cho con người. Tuy tính chất tai họa không giống nhau, nhưng con người đều gặp nạn. Căn cứ "Địa mẩu kinh" đã chép :

Quốc vận tốt xấu cũng có quy luật tuần hoàn. Có một số nạn dịch đến thời gian sẽ lặp lại, chẳng qua tính chất khác

nhau mà thôi. Cho nên Trung Quốc phạm những năm có chữ số cuối là 6, 7, 8, 9 thường không thuận. Đặc biệt năm có số 9 là động quân đội, có chiến tranh, có máu chảy. Năm 1929 bọn quân phiệt cát cứ tàn sát lẫn nhau. Năm 1939 cuộc kháng Nhật phát triển toàn diện, năm 1949 là chiến tranh giải phóng ; 1959 là chiến tranh Trung Ấn kịch liệt, 1969 là chiến tranh biên giới Trung - Xô chấn động toàn cầu, 1979 là chiến tranh với Việt Nam, cho nên năm 1989 cũng sẽ không yên lặng.

Căn cứ tình hình trên, nếu ta nghiên cứu sâu và chi tiết vào bảng sáu mươi giáp tí, đặc biệt là đoán trước thiên tai mỗi năm, nếu có lụt thì làm tốt công tác phòng bị, có hạn thì xây hồ chứa nước trước, có dịch bệnh thì để phòng trước, có động đất thì chuẩn bị trước... chắc sẽ giảm được rất nhiều tổn thất về nhân lực và vật lực. Do đó, bảng sáu mươi giáp tí là tổng tiêu chí tin tức của vũ trụ.

2. Cách lấy tháng theo năm

Năm giáp, kỳ lấy bính làm đầu, năm ất canh lấy mậu làm đầu. Năm bính tân tìm canh dần, năm đinh nhâm, từ nhâm dần kế tiếp. Năm mậu quý lấy giáp dần khởi điểm.

Phép lấy tháng theo năm là tra mười hai tháng của năm xem (can chi) tên gì. Biết được tên của tháng sẽ biết được lệnh của tháng. Đó là cách lấy tháng trong tứ trụ và trong dự đoán bát quái.

Năm giáp, kỳ lấy bính làm đầu tức là khi gặp năm giáp và năm kỷ, can chi của tháng giêng là "Bính dần", tháng hai là "Đinh mậu", cứ thế lần lượt lấy cho đến tháng mười hai

BẢNG LẤY TIANG THEO NĂM

Năm Tháng	Giáp, kỷ	Ất, canh	Bính, tân	Đinh, nhâm	Mậu, quý
Th. giêng	Bính dần	Mậu dần	Canh dần	Nhâm dần	Giáp dần
Th. hai	Đinh mao	Kỷ mao	Tân mao	Quý mao	Ất mao
Th. ba	Mậu thìn	Canh thìn	Nhâm thìn	Giáp thìn	Bính thìn
Th. tư	Kỷ tỵ	Tân tỵ	Quý tỵ	Ất tỵ	Đinh tỵ
Th. năm	Canh ngọ	Nhâm ngọ	Giáp ngọ	Bính ngọ	Mậu ngọ
Th. sáu	Tân mùi	Quý mùi	Ất mùi	Đinh mùi	Kỷ mùi
Th. bảy	Nhâm thân	Giáp thân	Bính thân	Mậu thân	Canh thân
Th. tám	Quý dậu	Ất dậu	Đinh dậu	Kỷ dậu	Tân dậu
Th. chín	Giáp tuất	Bính tuất	Mậu tuất	Canh tuất	Nhâm tuất
Th. mười	Ất Hợi	Đinh Hợi	Kỷ Hợi	Tân Hợi	Quý Hợi
Th. mười một	Bính tí	Mậu tí	Canh tí	Nhâm tí	Giáp tí
Th. mười hai	Đinh Sửu	Kỷ Sửu	Tân Sửu	Quý Sửu	Ất Sửu

(xem bảng lấy tháng theo năm). Ví dụ 1984 là năm Giáp tí, 1989 là năm Kỷ tị, can năm là giáp và kỷ, cho nên tháng giêng hai năm đó đều là tháng bính dần.

Năm Ất Canh lấy mậu làm đầu là can chi của tháng giêng năm ất và năm canh là "mậu dần", tháng hai là "kỷ mạo". Ví dụ : 1980 là năm canh thân, 1985 là năm ất Sửu, can năm là "canh" và "ất", cho nên tháng giêng của hai năm đều là "mậu dần", tháng hai là "kỷ mạo".

Năm bính tân tìm canh dần cách tìm cũng như trên. Ví dụ năm 1981 là năm tân dậu, năm 1986 là năm bính dần, can năm là bính và tân nên tháng giêng đều là "canh dần", tháng hai là "tân mạo".

Năm đinh, nhâm từ nhâm dần kế tiếp. Ví dụ 1982 là nhâm Tuất, 1987 là đinh mạo, hai năm này tháng giêng đều là "nhâm dần", tháng hai là "quý mạo".

Năm mậu, quý lấy giáp dần khởi điểm. Ví dụ 1983 là năm quý Hợi, 1988 là năm mậu Thìn, nên tháng giêng hai năm đó đều là "giáp dần", tháng hai "ất mạo".

Ví dụ :	Giờ Ngọ	ngày 14	tháng ba	năm 1989
	Canh Ngọ	kỷ Dậu	mậu Thìn	kỷ tị

1989 là năm kỷ tị, theo năm giáp, năm kỷ tháng giêng là bính dần nên tháng ba là "mậu Thìn". Các tháng khác cũng tính như thế.

3. Cách lấy giờ theo ngày

Giáp kỷ còn thêm giáp, Ất canh : bính làm đầu.

Bính tân : khởi đầu từ mậu, đinh nhâm ở canh tí.

Mậu quý : nhâm tí bắt đầu

BẢNG LẤY GIỜ THEO NGÀY

Ngày Giờ	Giáp kỷ	Ất canh	Bính tân	Đinh nhâm	Mậu quý
Tí	Giáp tí	Bính tí	Mậu tí	Canh tí	Nhâm tí
Sửu	Ất sửu	Đinh sửu	Kỷ sửu	Tân sửu	Quý sửu
Dần	Bính dần	Mậu dần	Canh dần	Nhâm dần	Giáp dần
Mẹo	Đinh mẹo	Kỷ mẹo	Tân mẹo	Quý mẹo	Ất mẹo
Thìn	Mậu thìn	Canh thìn	Nhâm thìn	Giáp thìn	Bính thìn
Tỵ	Kỷ tỵ	Tân tỵ	Quý tỵ	Ất tỵ	Đinh tỵ
Ngo	Canh ngo	Nhâm ngo	Giáp ngo	Bính ngo	Mậu ngo
Mùi	Tân mùi	Quý mùi	Ất mùi	Đinh mùi	Kỷ mùi
Thân	Nhâm thân	Giáp thân	Bính thân	Mậu thân	Canh thân
Dậu	Quý Dậu	Ất Dậu	Đinh Dậu	Kỷ Dậu	Tân Dậu
Tuất	Giáp tuất	Bính tuất	Mậu tuất	Canh tuất	Nhâm tuất
Hợi	Ất Hợi	Đinh Hợi	Kỷ Hợi	Tân Hợi	Quý Hợi

Giáp, kỳ còn thêm giáp là giờ tí của ngày giáp, ngày kỳ bắt đầu giờ "giáp tí". "Giáp tí" này là tên gọi can chi giờ tí của ngày giáp, ngày kỳ. Cách lấy giờ tiếp theo cũng giống cách lấy tháng theo năm. Còn tên can chi của ngày giáp, ngày kỳ là tra tìm trong lịch vạn niên. Sau khi tìm được tên can chi của ngày rồi thì theo bảng trên tìm giờ. Như vậy chỉ cần biết được tên can chi của giờ tí mỗi ngày là có thể tra bảng trên tìm ra tên các giờ tiếp theo.

Giáp, kỳ còn thêm giáp là tên gọi giờ tí của "ngày giáp, ngày kỳ" lấy là "giáp tí", giờ sừu là "ất sừu".

Ất, canh, bình làm đầu là giờ tí của "ngày ất, ngày canh" lấy tên "bình tí", giờ sừu là "đinh sừu".

Bình tân khởi đầu từ mậu là giờ tí của "ngày bình, ngày tân" lấy tên là "mậu tí", giờ sừu là "kỳ sừu".

Đinh nhâm ở canh tí là giờ tí của "ngày đinh, ngày nhâm" lấy tên "canh tí", giờ sừu là "tân sừu".

Mậu, quý, nhâm tí bắt đầu là giờ tí của "ngày mậu, ngày quý" lấy tên là "nhâm tí", giờ sừu là "quý sừu".

Ví dụ : Giờ tí ngày 13 tháng 3 năm 1989

 Nhâm tí Mậu thân Mậu thìn Kì tí

Căn cứ năm kỳ tra ra tháng ba là "Mậu thìn", căn cứ "lịch vạn niên" tra tháng 3 ngày 13 là ngày "mậu thân", lai căn cứ "can ngày mậu" tra được giờ tí là "nhâm tí".

Ví dụ : Giờ tí ngày 14 tháng 3 năm 1989

Tra bảng được : giáp tí kỷ dậu mậu thìn kỳ tí

Bảng sáu mươi giáp tí khi lập tứ trụ không thể thiếu được.

Sự sắp xếp thiên can địa chi trong năm, tháng, ngày, giờ sinh của một người là tiêu chí thông tin vận mệnh suốt cuộc đời người đó. Như cha mẹ, anh chị em, vợ chồng, con cái,

sức khỏe cho đến vận mệnh tốt xấu, tất cả đều ở trong đó. Đó chính là căn cứ để dự đoán vận mệnh tốt xấu, cát hung, phúc họa của người ấy.

Để sắp xếp cha mẹ, anh chị em, vợ chồng, con cái theo năm tháng ngày giờ sinh của một người, người xưa có hai cách :

Cách thứ nhất là : năm là tổ tiên ông bà, tháng là cha mẹ, ngày là anh em và mình, giờ là ngôi con cái.

Cách thứ hai thường dùng hơn, thấy chép trong "Kỳ môn tuần giáp thông tôn đại toàn" như sau : Can năm là cha, chi năm là mẹ ; can tháng là anh em, chi tháng là chị em ; can ngày là mình, chi ngày là vợ (hoặc chồng) ; can giờ là con trai, chi giờ là con gái. Căn cứ thực tiễn, cách thứ hai phù hợp với thực tế. Xin ghi lại thành bảng sau.

Nam : sinh giờ tị ngày 15 tháng 3 năm 1989

Kỳ	Tị	Màu	Thìn	Canh	Tuất	Tân	Tị
Cha	mẹ	anh em	chị em	Mình	vợ (chồng)	Con trai	con gái

Phụ nữ lấy can tháng là chị em gái, chi tháng là anh em trai, những mục khác như nam giới.

Dùng tứ trụ đoán không những độ chính xác cao mà diện tương đối rộng và cụ thể, nhưng phương pháp rất phức tạp và cao sâu, ở đây không bàn sâu hơn được. Ở đây chỉ giới thiệu cách xếp thiên can, địa chi của năm, tháng, ngày, giờ sinh, chủ yếu là để khi đoán theo bát quái lấy lệnh tháng, lệnh ngày làm tiêu chuẩn, để định sự vượng suy của quẻ, đặc biệt là lệnh tháng, nó có quyền lực làm chủ sinh sát, cho nên lệnh tháng rất quan trọng. Không biết được lệnh tháng thì không thể nào ước lượng được sự vượng suy của quẻ, cũng tức là không nắm chắc được sự thành công hay thất bại. cát

hung của dự đoán. Ví dụ tháng giêng, tháng hai mộc vượng, gieo được quẻ thổ của "khôn", "cấn", vì quẻ gặp tử địa, mọi việc đều hỏng ; mùa thu kim vượng, gieo được quẻ mộc của "chấn", "tốn", vì quẻ gặp tử địa, không cát. Những cái khác trong "vượng, tướng, hưu, tù của ngũ hành" đã nói rõ.

4. Bảng sinh, vượng, tù, tuyệt của thập thiên can

Bảng này dùng để lấy thời lệnh vượng suy của thập can, từ đó nói rõ toàn bộ quá trình phát triển, biến hóa của sự vật từ sinh trường, hưng vượng, đến suy, đến bệnh chết. Quá trình này là quy luật phát triển tất yếu của sự vật.

Thập thiên can được đưa vào nhân thể học để tiến hành dự đoán đã trải qua lịch sử mấy nghìn năm. Thực tiễn chứng minh nó là khoa học, vì từ sự sắp xếp thập thiên can trong năm tháng ngày giờ sinh của con người, có thể dựa vào tiêu chí thông tin lệnh vượng suy của thập thiên can để thấy được và dự đoán sự vượng suy của người đó và các thông tin vượng suy của sự vật. Vấn đề này từ xưa đến nay đều không thể phủ nhận. Nhưng do khoa học hiện đại còn chưa giải thích được cơ sở cao sâu của nó nên mới có người nói nó là duy tâm.

Trong bảng, chữ "trường sinh" ví như người vừa sinh ra, hoặc giai đoạn thịnh vượng. "Mộc dục" là hài nhi sau khi sinh ra được tắm rửa. "Quan đái" là trẻ em đã biết tự mặc áo, đội mũ. "Lâm quan" cũng gọi là "tiến lộc" và "đế vượng" đều là giai đoạn thân vượng, vận khí vượng. Sự vật đã vượng tất đến suy, cho nên suy đến tuyệt đều là đất chết. "Thai", "dưỡng" về phương diện vận khí mà nói, đều gọi là "bình vận", vì "thai" là mang thai, "dưỡng" gọi là "hưu dưỡng". Các trạng thái được kê ra trong bảng, từ quy luật phát triển, biến hóa của sự vật mà nói chính là sự vật từ sinh đến trưởng thành, lớn mạnh đến suy bại tử vong, sau đó lại đến vòng tuần hoàn khác cũng qua quá trình sinh tử như thế.

BẢNG SINH VƯỢNG TỬ TUYỆT CỦA MƯỜI THIÊN CAN

Ngũ hành Thời Trạng / lệnh thái	Can ngũ dương						Can ngũ âm				
	Giáp mộc	Bính Hỏa	Mậu thổ	Canh kim	Nham thủy	Ác mộc	Dinh hỏa	Kỷ thổ	Tân kim	Quý thủy	
Trường sinh	Hợi	Dần	Dần	Tỵ	Thân	Ngo	Dậu	Ngo	Tỵ	Mao	
Mộc dục	Tỵ	Mạo	Mạo	Ngo	Dậu	Tỵ	Thân	Hợi	Dần	Sửu	
Quan đới	Sửu	Thìn	Thìn	Mùi	Tuất	Thìn	Mùi	Tuất	Sửu	Tỵ	
Lâm quan	Dần	Tỵ	Tỵ	Thân	Hợi	Mao	Ngo	Dậu	Tỵ	Hợi	
Đế vượng	Mạo	Ngo	Ngo	Dậu	Tỵ	Dần	Tỵ	Thân	Thân	Tuất	
Suy	Thìn	Mùi	Mùi	Tuất	Sửu	Sửu	Thìn	Mùi	Thìn	Tuất	
Bệnh	Tỵ	Thân	Thân	Hợi	Dần	Tỵ	Mao	Ngo	Dậu	Thân	
Tử	Ngo	Dậu	Dậu	Tỵ	Mạo	Hợi	Dần	Tỵ	Thân	Mùi	
Mộ	Mùi	Tuất	Tuất	Sửu	Thìn	Tuất	Sửu	Thìn	Thìn	Mùi	
Tuyệt	Thân	Hợi	Hợi	Dần	Tỵ	Dậu	Tỵ	Mao	Ngo	Tỵ	
Thai	Dậu	Tỵ	Tỵ	Mạo	Ngo	Thân	Hợi	Dần	Tỵ	Sửu	
Dưỡng	Tuất	Sửu	Sửu	Thìn	Mùi	Mùi	Tuất	Sửu	Sửu	Thìn	

Trong bảng, thập can là chỉ can ngày sinh làm chính. Ví dụ giáp mộc gặp Hợi là sinh trưởng, gặp Tí là mộc đục, gặp Sửu là quan đái... Gặp Thìn là suy, gặp Tị là bệnh... tức là nói : giáp mộc gặp năm Hợi, hoặc tháng Hợi, ngày Hợi, giờ Hợi đều là gặp sự "sinh trưởng". Ngược lại, giáp mộc gặp năm giáp Ngọ, hoặc tháng Ngọ, ngày Ngọ, giờ Ngọ đều là gặp tử địa. Gặp tử địa không nhất thiết là phải chết. Tử địa phần nhiều chủ vận khí không thuận hoặc già có tai nạn. Cho nên người sinh giáp mộc nếu năm tháng ngày sinh đều là Ngọ, hoặc gặp trường hợp không biết tử trụ của mình thì khi dự đoán phải cẩn thận, không thì dễ sai.

Trong bảng, từ trường sinh đến đế vượng là lợi, từ suy đến tuyệt là bất lợi, thai thường chủ chung chung. Địa chi trong bảng dùng để đoán cát hung, để biết được thời kỳ có lợi hay không lợi và cho biết phương vị. Ví dụ giáp đế vượng ở mao, mao ở đây là năm mao, tháng mao, ngày mao. Phương vị là phương đông, tức chỉ phương đông so với nơi mình sinh ra.

Giáp mộc mộ tại mùi. Mộ là nhập mộ, đương nhiên là không cát. Mùi ở đây là năm mùi, tháng mùi, ngày mùi, giờ mùi, phương vị là tây nam. Cho nên việc có lợi phải ở thời gian có lợi, đến phương vị có lợi mà làm. Việc không có lợi vào thời gian không lợi thì không làm, không đi theo phương không lợi thì có thể tránh được những thiệt hại bất ngờ. Cho nên bảng sinh vượng tử tuyệt của mười thiên can là tiêu chí thông tin và thời gian biểu để hướng vào việc tốt, tránh được việc xấu.

5. Mười hai tiết lệnh

Tháng giêng lập xuân, tháng hai kinh trập, tháng ba thanh minh, tháng tư lập hạ, tháng năm mang chủng, tháng sáu

tiểu thử, tháng bảy lập thu, tháng tám bạch lộ, tháng chín hàn lộ, tháng mười lập đông, tháng mười một đại tuyết, tháng mười hai tiểu hàn.

Mười hai tiết lệnh còn gọi là mười hai lệnh tháng. Lệnh tháng nắm quyền sinh sát của một tháng, là đế cương của vạn vật. Lệnh tháng không chỉ là đường phân giới của một năm, một tháng, là tiêu chuẩn duy nhất để đo sự vượng suy của một quẻ mà cũng là tiêu chuẩn vượng suy của can chi trong tứ trụ. Cho nên lệnh tháng vô cùng quan trọng trong việc dự đoán thông tin nhân thế.

1) Cách xếp tứ trụ trước khi lập xuân và sau khi lập xuân trong năm

1 - Ví dụ : Cách xếp tứ trụ năm trước lập xuân.

Giả thiết 3^h30 ngày 17 tháng 12 năm 1987 âm lịch lập xuân, người sinh giờ dần thì xếp tứ trụ như sau :

Năm đinh mao, tháng quý sửu, ngày kỷ sửu, giờ bính dần (đây là tứ trụ của người sinh trước 3^h30).

Nếu âm lịch năm 1987, tháng 12, ngày 17, sinh sau 3^h30 phút thì tính như sau :

Âm lịch năm 1988, tháng giêng, ngày 17, sinh giờ dần, tứ trụ sẽ là : năm mậu thìn, tháng giáp dần, ngày kỷ sửu, giờ bính dần. Vì sau 3^h30 tức sinh sau lập xuân nên là tháng giêng năm 1988, còn ngày giờ vẫn là ngày kỷ sửu, giờ Bính dần.

2 - Ví dụ : Cách xếp tứ trụ năm sau lập xuân.

Âm lịch năm 1987, tháng giêng ngày mồng 7 (giả thiết 10^h04 lập xuân) : âm lịch năm 1986 tháng 12 ngày mồng 7 giờ tị.

Năm bính dần tháng tân sừu ngày giáp thân giờ kỷ tị, đó là người sinh trước giờ lập xuân.

Âm lịch năm 1987 tháng giêng mồng 7, 10^h4 phút, người sinh sau lập xuân có tứ trụ là :

Năm đinh mao, tháng nhâm dần, ngày giáp thân, giờ kỷ tị.

2) Cách xếp giao tiết lệnh tháng. Giống như lệnh năm, người sinh trước giao tiết lệnh tháng thì xếp theo can chi lệnh của tháng trước ; người sinh sau giao tiết thì xếp theo can chi lệnh của tháng sau, tức là người sinh trước lệnh thì tính theo lệnh của tháng trước, người sinh sau lệnh thì tính theo lệnh tháng sau. Dưới đây, lấy ví dụ về tháng nhuận.

1987 nhuận tháng sáu, ngày 14, 10^h4 phút lập thu. Người sinh trước lập thu có tứ trụ là :

Năm Đinh mao, tháng đinh mùi, ngày kỉ sừu, giờ kỉ tị.
Năm 1987 nhuận tháng 6, ngày 14, sinh sau 10^h4 một giây thì phải tính là :

1987 tháng 7 ngày 14 giờ tị Tứ trụ là :

Đinh mao mậu thân kỉ sừu kỉ tị

Trên đây đã giới thiệu về cách xếp tứ trụ cho người sinh trước và sau lệnh tháng. Cách xếp này của tôi không phải chuyên để tính tứ trụ mà là chỉ để dùng lệnh tháng, lệnh ngày do sự vượng suy của quẻ. Nếu dùng bát quái để đoán mà không biết cách xếp tứ trụ của mỗi ngày thì không thể nào dùng bát quái để đoán được.

Tháng sáu là đinh mùi, thổ, là tháng lệnh. Nếu gieo được quẻ "khâm" là thủy, mùi thổ sẽ khắc "khâm" thủy rất bất lợi. Sau lệnh tháng sáu là tháng mậu thân, nếu gieo được quẻ khâm thì kim của tháng thân sẽ sinh ra thủy của "khâm" đó là tượng lợi đấy.

VII. THẦN, SÁT

Thần là cát, còn nếu sát là hung.

1. Thiên ất là có quý nhân

Thiên ất quý nhân là trong tứ trụ của người sinh có thiên ất là có quý nhân. Quý nhân là cát tinh, sao cứu trợ. Trong tứ trụ có cát tinh thì khi gặp việc, có người giúp đỡ, gặp nạn có người cứu, đó là sao gặp hung nhưng hóa thành cát.

Giáp, mậu đi với trâu, dê ; ất, kỷ đi với chuột, khí ;

Bính, đinh đi với lợn, gà ; nhâm quý đi với thỏ, rắn ;

Canh, tân đi với hổ, ngựa ; đó là có quý nhân.

Giáp, mậu đi với trâu dê là : sinh năm giáp, hoặc năm mậu, trong tứ trụ lại có Sửu, Mùi (tức trâu, dê) là tứ trụ có quý nhân. Nếu có cả Sửu và Mùi là có hai quý nhân, chỉ có một Sửu (hoặc Mùi) là có một quý nhân.

Có sách lấy Giáp, Mậu làm can năm, có sách lấy Giáp, Mậu làm can ngày. Theo kinh nghiệm thực tiễn, Giáp, Mậu vừa có thể làm can năm, vừa có thể làm can ngày để tra quý nhân. Quý nhân của can năm to hơn quý nhân can ngày.

Ví dụ : Người sinh : giờ Sửu - ngày 13, tháng 6 năm 1984.

giờ Kỷ Sửu - Bính Ngọ - Tân Mùi - Giáp Tý.

Trong tứ trụ này, Mùi và Sửu là quý nhân, tức có 2 quý nhân.

Ví dụ : Người sinh : giờ Dậu - ngày 12, tháng 5 - 1984.

Đinh Dậu - Bính Tý, Canh Ngọ - Giáp Tý.

Trong tứ trụ này, theo can Giáp để tra quý nhân, trong tứ trụ không có 2 chữ Sửu, Mùi, nên không có quý nhân. Chữ Giáp can năm không có quý nhân thì lấy chữ Bính can ngày để tra quý nhân. Căn cứ "Bính, Đinh với lợn gà", giờ

trong tứ trụ có chữ Dậu là gà, nên chữ Bính can ngày của tứ trụ có quý nhân.

Ví dụ : Người sinh : giờ Ngọ - mồng 3 - tháng 6 - 1986.

Canh Ngọ - Giáp Dần - Ất Mùi - Bính Dần.

Theo chữ Bính can năm để tra quý nhân, trong tứ trụ không có 2 chữ Hợi, Dậu, nên chữ Bính không có quý nhân. Tuy nhiên chữ Giáp của can ngày trong tứ trụ có chữ Mùi, Mùi là dê. Vậy can ngày có quý nhân. Cách tra quý nhân theo hào của quẻ thì lấy can ngày làm chủ.

2. Sao Mã

Sao Mã là ngựa, chủ về chạy khỏe, tượng của chạy động. Người trong tứ trụ có sao Mã, trong hào quẻ có sao Mã chủ về tượng ham chạy. Sao Mã trong tứ trụ, nếu rơi vào giờ sinh là Mã gặp đốn trại ; người lính và những người hay đi công tác phần nhiều có sao Mã. Tướng sĩ trấn ải ở biên cương sao Mã của họ phần nhiều rơi vào giờ. Sao Mã không được nhiều, vì nếu nhiều là tượng của bồn ba, lao khổ. Người phụ nữ có sao Mã nhiều càng không yên tâm, bất ổn, ở không ổn định, là tượng bất lợi.

Thân, Tí, Thìn mã ở Dần. Dần, Ngọ, Tuất, mã ở Thân.

Tị, Dậu, Sửu mã ở Hợi. Hợi, Mão, Mùi, mã ở Tị.

Thân, Tí, Thìn Mã ở Dần : thứ nhất có nghĩa người sinh năm Thân, năm Tý, năm Thìn trong tứ trụ thấy chữ Dần tức là có sao Mã, thứ hai là chỉ người sinh trong 3 ngày : Thân, Tý, Thìn, trong tứ trụ nếu có chữ Dần cũng là có sao Mã. Thực tiễn vận dụng thấy đều đúng cả.

Ví dụ : Người sinh : giờ Ngọ - ngày 16 - tháng 3 - 1989

Giáp Ngọ - Tân Hợi - Mậu Thìn - Kỷ Tị.

Theo Tị, Dậu, Sửu để tra sao Mã trong tứ trụ này. Nay lấy chi năm làm chuẩn, trong tứ trụ có chữ Hợi, nên Hợi là sao Mã.

Ví dụ : Người sinh giờ Dần - ngày 17 - tháng 3 - 1989

Nhâm Dần - Nhâm Tị - Mậu Thìn - Kỷ Tị

Lấy chi năm là Tị tra trong tứ trụ không có chữ Hợi nên không có sao Mã. Chi ngày là Tý, căn cứ "Thân, Tý, Thìn, Mã tại Dần", tra trong tứ trụ được chữ Dần, nên gọi là chi ngày có sao Mã.

Những trường hợp khác cũng dùng cách tra tương tự.

Sao Mã trong tứ trụ lại chia làm 2 loại : hợp và xung.

Người sao Mã bị hợp là Mã bị trói chặt, không chạy, không đi được. Đó gọi là sao Mã có mà như không. Sao Mã nếu bị xung, Mã chạy càng nhanh ; càng sợ, càng chạy nhanh. Như người bị xung, bị đâm, chưa kịp chào đã chạy. Xung là : Tị, Hợi tương xung. Hợp là Dần hợp với Hợi. Hào qué lấy ngày làm chủ.

3. Hàm trì (Còn gọi là Đào hoa sát)

Đào hoa chủ về người đẹp, thông minh, ham học, khẳng khái, hào phóng, phong lưu.

Dần, Ngọ, Tuất kiến Mão ; Tị, Dậu, Sửu kiến Ngọ,

Thân, Tý, Thìn kiến Dậu ; Hợi, Mão, Mùi kiến Tý.

Dần, Ngọ, Tuất là người sinh trong 3 năm : Dần, Ngọ, Tuất : trong tứ trụ thấy có chữ Mão là có Đào hoa. Cũng có thể người sinh trong 3 ngày : Dần, Ngọ, Tuất, trong tứ trụ thấy có chữ Mão tức cũng có Đào hoa.

Ví dụ : Người sinh : giờ Tị - ngày 11 - tháng 2 - 1986

Đinh Tị - Quý Hợi - Tân Mão - Bính Dần

Trong tứ trụ này lấy chi năm là Dần để tra Đào hoa, trong tứ trụ có chữ Mão, nên có Đào hoa.

Ví dụ : Người sinh : giờ Dậu - mồng 4 - tháng 4 - 1986

Đinh Dậu - Bính Thìn - Quý Tị - Bính Dần

Chữ Dần chi năm của tứ trụ này không có chữ Mão, nên không có Đào hoa. Nhưng có "Thân, Tý, Thìn kiến Dậu" là có Đào hoa. Nay lấy chữ Thìn chi ngày, giờ của tứ trụ có chữ Dậu cho nên vẫn có Đào hoa. Đó gọi là trên chi ngày tìm thấy Đào hoa.

Đào hoa lại chia làm : Hoa trong tường và hoa ngoài tường. (trên giờ thấy Đào hoa là Hoa ngoài tường ; nhưng trường hợp khác là Hoa trong tường). Hoa trong tường không dễ bị bẻ, Hoa ngoài tường dễ bị người đi qua bẻ. Nên hoa trong tường ít bị thị phi, mang tiếng cãi cọ ; Hoa ngoài tường dễ bị thị phi. Cách tra cũng giống như trên, lấy chi ngày làm chủ để tra.

4. Sống dê

Người sống dê là kiếp sát. Có hỉ, có kỵ. Sống dê kiếp sát phần nhiều chủ việc có hại như được ấn (được chức quyền) sinh ra sống dê tức nắm quyền cao chức trọng, nên gọi là hỉ.

Giáp sống dê tại Mão. Ất sống dê tại Dần. Bính, Mậu sống dê tại Ngọ. Đinh, Kỷ sống dê tại Tị. Canh sống dê tại Dậu. Tân sống Dê tại Thân. Nhâm sống dê tại Tý. Quý sống dê tại Hợi.

Luận thuyết về sống dê lấy can ngày làm chủ, như người sinh ngày Giáp trong tứ trụ có chữ Mão, là sống dê.

Ví dụ : sinh giờ Mão - ngày 19 - tháng 3 - 1989

Đinh Mão - Giáp Dần - Mậu Thìn - Kỷ Tị

Ngày Giáp trong tứ trụ này có chữ Mão nên có sống dê. Tứ trụ gặp ngày Giáp thì cho dù Mão ở ngôi năm, hay tháng, hay giờ đều tính là sống dê.

5. Lộc của thập Can

Giáp lộc tại Dần ; Ất lộc tại Mão ; Bính, Mậu lộc tại Tị ; Đinh, Kỷ lộc tại Ngọ ; Canh lộc tại Thân ; Tân lộc tại Dậu ; Nhâm lộc tại Hợi ; Quý lộc tại Tý.

Lộc là phúc lộc, hưởng lộc. Lộc đặc trưng cho phúc. Lộc lấy can ngày làm chủ. Cách tra : giống cách tra sống dê.

6. Sao Hoa cái

"Sao Hoa cái" chủ về thông minh, hiểu học, nhiều tài nghệ, kiêu ngạo, tính cô độc. Chủ về xuất gia (tổ hợp tứ trụ không tốt), hoặc là tin Thánh, Phật, tin Đạo giáo, hoặc ham bói toán, tướng số.

Dần, Ngọ, Tuất kiến Tuất ; Tị, Dậu, Sửu kiến Sửu ;

Thân, Tý, Thìn kiến Thìn ; Hợi, Mão, Mùi kiến Mùi.

Dần, Ngọ, Tuất kiến Tuất tức là người sinh trong 3 năm : Dần, Ngọ, Tuất mà trong tứ trụ thấy chữ Tuất là có sao Hoa cái. Hoặc người sinh trong ba ngày Dần, Ngọ, Tuất mà trong tứ trụ thấy chữ Tuất cũng là có sao Hoa cái.

Ví dụ : sinh giờ Tuất - mồng 1 - tháng 9 - 1982

Nhâm Tuất - Quý Dậu - Canh Tuất - Nhâm Tuất.

Trong tứ trụ này trên tháng có chữ Tuất, là có sao Hoa cái.

Ví dụ : sinh giờ Ngọ - ngày 12 - tháng 12 - 1982

Mậu Ngọ - Quý Sửu - Quý sừu - Nhâm Tuất.

Trong ví dụ này chi năm là Tuất, nhưng trong tứ trụ không có Tuất nên không có sao Hoa cái. Nhưng trên ngày là Sửu, căn cứ "Tị, Dậu, Sửu kiến Sửu", thì sao Hoa cái của Sửu trong tứ trụ có thấy chữ Sửu, nên Sửu của tháng là sao Hoa cái.

7. Thiên la, địa vông

Thiên la, địa vông phần nhiều chủ về phạm hình pháp, nên trong tứ trụ có Thiên la, địa vông thì nên tôn trọng pháp luật là tốt nhất, đừng làm liều, làm bậy, nếu không sẽ khó tránh khỏi bị lao tù.

Thiên la, địa vông lại còn chủ về bị thương, đau ốm. Chi cần khổ công rèn luyện thì có thể tránh được tai họa, bệnh tật.

Thìn là Thiên la, Tuất là Địa vông.

Người có Thìn thấy Tị, người Tị thấy Thìn là Thiên la.

Người Tuất thấy Hợi, người Hợi thấy Tuất là Địa vông.

Người mệnh Hỏa gặp Tuất, Hợi là Thiên la.

Người mệnh Thủy gặp Thìn, Tị là Địa vông.

Nam kỵ Thiên la ; Nữ kỵ Địa vông.

Về thuyết Thiên la, Địa vông, người xưa lấy chi năm làm chủ, cũng có người lấy chi ngày làm chủ. Trong thực tế, trong chi ngày, chi năm mà có thì đều không tốt, chỉ khác nhau ở mức độ mà thôi. Cách tra : giống như cách tra quý nhân phù trợ.

Ngày Tân Hợi là trong tuần Giáp Thìn, theo câu : "trong tuần Giáp Thìn thì Dần, Mão không". Trong tứ trụ chữ Dần là Tuần không, cũng gọi là rơi vào chỗ không. Ví dụ : hôm nay lấy quẻ để đoán cầu tài, trong hào của quẻ lấy "Dần mộc là hào tài", vậy cái tài này chỉ chờ đến ngày Giáp dần (tức

ngày 19/3) hoặc ngày Ất mao (ngày 12/3) mới đến tay ; cái đó gọi là xuất không bất không, cho nên thành sự.

VIII. MỐI QUAN HỆ GIỮA ÂM DƯƠNG, NGŨ HÀNH VÀ CƠ THỂ

Học thuyết âm dương, ngũ hành và thiên can, địa chi tương truyền là Đồng Trọng Thu đời Hán sáng tạo ra và đưa vào mệnh học. Cách nói này tuy không đủ để tin, nhưng Đồng Trọng Thu về mặt này tối thiểu cũng đã có sự phát triển to lớn. Ngày nay chúng ta từ hai phương diện : y học và vận hạn con người sẽ bàn một cách thiết thực về sự ảnh hưởng của âm dương ngũ hành và thiên can địa chi đối với con người.

1. Từ bệnh tật để xem xét ảnh hưởng của âm dương, ngũ hành thiên can, địa chi

Âm dương, ngũ hành là một danh từ triết học trừu tượng. Muốn nói rõ tác dụng và mối quan hệ của nó với nhân thể trong lĩnh vực khoa học thì không thể tách rời khỏi bát quái, thiên can, địa chi. Vì trong bát quái, thiên can, địa chi chỉ ra một cách rõ ràng các thuộc tính của âm dương, ngũ hành mà những thuộc tính này lại là tiêu chí cụ thể về các thông tin của nhân thể. Cho nên âm dương, ngũ hành, thiên can, địa chi không những nói rõ sinh lý, bệnh lý và sự biến hóa của khí hậu có ảnh hưởng lớn đối với nhân thể mà còn nói rõ nhân thể với hoàn cảnh bên ngoài là một chỉnh thể thống nhất : thiên, nhân tương ứng.

Đầu tiên nói về hai khí âm, dương. Trong sách "Âm dương ứng tượng đại luận" nói : "Âm thắng thì Dương bệnh, Dương thắng thì Âm bệnh". Hai khí âm dương trong cơ thể cân bằng lẫn nhau. Nếu khí dương lệch về thắng, khí âm tất sẽ hư

tồn ; khí âm thiên về thắng, khí dương cũng hư tổn. Như vậy người sẽ bị bệnh, thậm chí bị chết. Trong "Mạch giải thiên", đối với nguyên nhân phát sinh một số bệnh đã giải thích rất cụ thể : "Người bị tai ù là do dương khí của vạn vật thịnh vượt quá nên tai ù, nếu bị nặng thì có thể điếc. Dương ở trên, mà âm khí ở dưới, dưới hư trên thực, cho nên bị điếc". Do đó trăm bệnh sinh ra đều do khí.

Lại từ ngũ hành để xem xét, "Tổ vấn trạch thích" có nói : "Hợp nhân hình thì lấy phép tứ thời của ngũ hành mà trị... Ngũ hành đó là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ rất lợi hại. Qua nó biết được sống hay chết, thành hay bại, nặng hay nhẹ, khi nào thì chết. Nhân thể là một thể âm dương đối lập cực kỳ phức tạp. Trong y học đã sớm căn cứ vào âm dương ngũ hành, thiên can, địa chi để sắp xếp các bộ vị, các tổ chức khí quan trong cơ thể, định ra người thịnh hay suy, chẩn đoán và chữa trị bệnh tật. Cho nên âm dương, ngũ hành, thiên can, địa chi không những để nói rõ công năng sinh lý, bệnh tật biến hóa của cơ thể mà còn để chỉ đạo việc chẩn đoán và chữa bệnh. Để nói rõ vấn đề này chúng ta lập ra bảng âm dương ngũ hành, thiên can, địa chi phối với các tạng, phủ dưới đây.

Ngũ hành	Mộc		Hỏa		Thổ		Kim		Thủy	
	Dương giáp	Âm át	Dương bính	Âm đinh	Dương mậu	Âm kỷ	Dương canh	Âm tân	Dương nhâm	Âm quý
Địa chi	Dần	Mão	Ngọ	Tỵ	Thìn, Tuất	Sửu, Mùi	Thân	Dậu	Ti	Hợi
Tạng		Gan		Tim		Lá lách		Phổi		Thận
Phủ	Mật		Ruột non		Dạ dày		Ruột già		Bàng quang	

Thiên can, địa chi phối với tạng phủ, căn cứ vào sự vượng suy của bốn mùa và chủ mệnh của mỗi năm, là có thể biết được thời gian nào thì lưu hành bệnh gì. Trong sách "Khí giao biến đại luận" có nói : "Năm mộc thái quá, gặp gió nhiều thì tỳ thổ bị bệnh. Hỏa thái quá, nhiệt lưu hành, kim phế bị bệnh. Năm thổ thái quá phong thấp lưu hành, thận thủy bị bệnh. Năm kim thái quá, táo nóng lưu hành, can mộc bị bệnh. Năm thủy thái quá, hàn lưu hành, bệnh hại tâm hỏa". Trong sách "Tàng khí pháp thời luận" có nói : "Bệnh tại can khởi vào mùa hạ, hạ không khởi sẽ nặng vào mùa thu, thu không chết kéo dài vào đông, lại khởi bệnh từ mùa xuân. Người bệnh gan khởi ở Bính đinh, Bính đinh không khởi sẽ nặng thêm ở Canh tân, Canh tân không chết sẽ kéo dài đến Nhâm quý. Lại khởi đầu ở Giáp át..." Thuộc tính âm dương, ngũ hành của tạng phủ con người cũng giống như âm dương, ngũ hành trong thiên can địa chi, mà kim, mộc, thủy, hỏa, thổ lại khác nhau 4 thời vượng suy, cho nên Mộc vượng quá tỳ vị sẽ bị khắc, do đó tỳ vị bị bệnh. Hoạc là nói ở thời điểm sinh của một người, Mộc nhiều hoạc Mộc vượng mà Thổ suy, tỳ vị của người đó nhất định sẽ có tật. Do đó làm rõ mối quan hệ sinh khắc giữa thiên can địa chi và cơ thể là rất quan trọng, từ đó có thể để phòng bệnh tật một cách có hiệu quả và biết được bệnh nặng, nhẹ, cát, hung.

2. Từ vận khí tốt xấu của con người để thấy được ảnh hưởng của can chi

Học thuyết vận khí là một môn khoa học để tìm ra quy luật vận động của khí tượng trong y học cổ đại của Trung Quốc, sau đó phát triển thành thiên văn vận khí học, hải dương vận khí học, khí tượng vận khí học, y học vận khí học, v.v... Tóm lại vận khí đối với vạn vật mà nói là khách quan tồn tại. Cho nên vạn vật có thủy, có chung ; đế vương có

hung có suy ; con người có cát, có hung, tất cả đều nằm trong ngũ vận.

Con người đối với trời đất, đối với sự biến hóa nóng lạnh giao thời của thời tiết đều có những hiểu biết nhất định. Đối với các lĩnh vực khác, khoa học đều thừa nhận có vận khí, vậy con người cũng có vận khí là điều đương nhiên. Vì con người cũng là một loài trong vạn vật, nó cũng bị ảnh hưởng do sự vận động của các thiên thể, cũng bị tác động tốt và xấu của vận khí.

Cái gì gọi là vận ? Cái gì gọi là khí ? Tôi cho rằng vận là hành, khí là khí của âm dương. Sự vận động của hai khí âm dương tồn tại hai trạng thái : cân bằng và không cân bằng. Khi không cân bằng thì sự vật sẽ không có một quy định rõ ràng về chất ; khi cân bằng, sự thống nhất của mâu thuẫn sẽ không bị phá vỡ, cho nên sự vật này không thể chuyển hóa thành sự vật khác. Mà sự cân bằng và không cân bằng này, sự phá hoại và trưởng thành đều phát sinh dưới điều kiện nhất định và tại thời điểm điểm nhất định. Thời điểm và điều kiện này chính là toàn bộ quá trình phát triển và biến hóa của sự vật. Trong quá trình này gặp được khí tương sinh là lợi ; gặp khí tương khắc là hại. Cho nên sự vật trong quá trình vận hành gặp được khí tương sinh hay tương khắc đều gọi chung là vận khí.

Mùa xuân cỏ cây vượng, đến mùa thu lại khô đi, sự thay đổi của mùa tiết đối với con người cũng như thế. Do đó trong "Thiên nguyên kỷ đại luận" có nói : "Trời có 5 hành ngự ở 5 ngôi để sinh ra hàn, nhiệt, táo, thấp, phong ; người có 5 tạng hóa thành 5 khí để sinh ra : mừng, giận, suy nghĩ, lo lắng, sợ hãi".

Trên đây đã nói thiên can địa chi phối với tạng phủ để đoán bệnh tật, bây giờ nói đến giờ sinh, sự sắp xếp của thiên

can địa chi và vượng suy ảnh hưởng đến khí vận của con người.

Lấy thời gian sinh của con người theo năm, tháng, ngày, giờ phối với thiên can địa chi để đoán, phương pháp này đã trải qua hai giai đoạn lịch sử : Ban đầu là Lý Hu Trung của đời Đường. Ông đã dựa theo tháng, năm, ngày sinh để phối với thiên can, địa chi đưa đến cách đoán thông tin. Đến đời Tống, Từ Tử Bình phát triển thành theo năm, tháng, ngày, giờ sinh để phối với thiên can địa chi. Cách phối này chính là 8 chữ, nên gọi là "8 chữ". Sau phát minh "8 chữ", lại phát minh ra cách sắp xếp vận khí của người. Do đó đã dùng thiên can, địa chi của thời điểm sinh để sắp xếp "vận khí". Việc đưa thiên can, địa chi của năm tháng ngày giờ sinh vào dự đoán tin tức lại là 1 lần phát minh lớn của nhân dân nước ta trong dự đoán thông tin. Phát minh này có thể đoán được cát hung, họa phúc của cả đời người, đó là sự dự đoán khá toàn diện tuy rất khó nắm bắt, nhưng độ chuẩn xác lại rất cao.

Thiên can địa chi trong giờ sinh của một người không chỉ là tiêu chí thông tin về trạng thái và bệnh tật của người đó mà cũng là tiêu chí thông tin tốt xấu của cả đời. Dùng phương pháp thiên can địa chi để đoán cũng là lấy nguyên lý âm dương biến hóa, lấy ngũ hành vượng suy, sinh khắc chế hóa làm quy tắc. Ví dụ nói : ngày sinh của mình là mộc lại bị năm sinh khắc, hoặc giả trong tứ trụ Kim nhiều, chắc chắn cả cuộc đời sẽ không thuận lợi. Nếu ngày sinh là Mộc, trong tứ trụ có Thủy tư dưỡng, ngũ hành bình thường, như thế vừa đắc thời vừa đắc địa, cả cuộc đời nhất định thuận lợi. Để nói rõ vấn đề này, dưới đây xin cử ví dụ.

1. Quý Mùi - Ất Mão - Giáp Tý - Kỷ Tị.

Đây là tứ trụ tháng Giêng năm 1987 có hai người khi đến thăm tôi tặng tôi lễ vật và nhờ tôi đoán. Tôi xem trong tứ trụ chỉ có can chi của năm mà không có những thời điểm khác. Trong 60 năm chỉ có 1 năm Quý Mùi, trong 600 năm chỉ có 10 năm Quý Mùi 6000 năm có 100 Quý Mùi. Tôi hỏi hai người đó : Quý Mùi của năm nào ? Khách trả lời : Xin ông đừng hỏi cụ thể tùy ông đoán.

Một tứ trụ mà không có năm cụ thể như thế, đây là lần đầu tôi gặp, nên đành dùng phương pháp tính tứ trụ và gieo quẻ để đoán. Tôi nói : Tứ trụ này là nam, người cao, dáng đẹp, vợ của ông ta cũng khá đẹp, quan hệ vợ chồng rất tốt. Tử tức (con) đầu nếu là nam thì khó mà thành người ; nếu là nữ có thể lớn bình thường được. Khách nói : mấy điểm ông đoán đều đúng, bây giờ nhờ đoán thêm là làm gì ? Là nông dân, công nhân, cán bộ hay thầy giáo hoặc là nhà doanh nghiệp ?

Tôi khẳng định nói : chẳng là gì cả, là tướng soái cầm quân đánh giặc. Khách nói : Đúng ! ông xem năm 39 tuổi vận khí người đó thế nào ? Tôi tính toán đại vận là Tân Hợi, tiểu vận là Canh Dần, lưu niên là Tân Dậu. Trong giờ lại ẩn chứa Thất sát canh kim. Mà can này là Giáp mộc là gặp Canh tân kim quan sát, rất hỗn tạp, ngũ kim (5 kim) vậy, khắc 1 giáp mộc, giáp mộc bị khắc vô sinh cho nên nhất định phải chết. Tôi nói : Năm 39 tuổi, nửa năm đầu có công, nửa năm sau nhất định gặp tai họa lớn. Hai người khách kinh ngạc, cùng nói to : Hoàn toàn đúng, đây là tứ trụ của anh hùng dân tộc Nhạc Phi.

2. Tháng 12 - 1986, tôi đoán vận cho bà X. Căn cứ ngày giờ sinh của bà ấy, tôi sắp xếp đại, tiểu vận, lưu niên, đoán năm 1987 bà bị nạn nát thân, thời gian nửa năm đầu, đặc biệt dạn dò rất kỹ tháng 3, tháng 4 dương lịch không được

đi công tác về phía tây bắc và dặn cho phương pháp giải hạn. Bà ấy không những không làm theo mà ngày 14/4/1987 lại còn đi công tác hướng Tây bắc, trên đường trở về bị tai nạn ô tô nên ngực bị dập nát mà chết, đúng là nạn nát thân, vào dịp tháng 3 âm lịch.

Bây giờ ta xem lại tứ trụ và đại tiểu vận của bà đó.

Sinh giờ Mão, mồng 7 tháng 3 năm 1964.

Quý Mão - Đinh Dậu - Mậu Thìn - Giáp Thìn.

Đại vận : Bình dân 15 đến 24 tuổi gặp tử địa.

Tiểu vận : Kỳ Mão, Dậu kim xung khắc với Thái tuế mao mộc.

Lưu niên : Đinh Mão. Mão mộc là thái tuế không thể xem thường được.

1) Vì sao đoán năm 1987 (năm Đinh Mão) bà ta bị nạn nát thân ?

Vì trong tứ trụ ngày là Đinh dậu, giờ là Quý Mão đúng là thiên khắc, địa xung. Chi ngày là Dậu (kim) gặp đúng Thái tuế năm Mão. Mão - Dậu cùng xung khắc tất bị phá, lại xung khắc Thái tuế nên là đại hung.

2) Tiểu vận : Kỳ mao, lưu niên Thái tuế là Đinh Mão, giờ là Quý mao, trong tứ trụ có Dậu - (kim), vừa đúng tạo thành 1 Dậu xung 3 Mão hay 3 Mão xung 1 Dậu, đó là đại hung.

3) Vì sao lại đoán tháng 3, tháng 4 dương lịch không được đi phương Tây bắc ?

Vì thời gian này đúng là tháng 3 âm lịch. Trong tứ trụ của bà ấy là Giáp Thìn, tháng là Mậu Thìn, tức đã có hai Thìn (Thổ), tháng 3 năm 1987 cũng là Giáp Thìn, phương Tây bắc là Tuất như thế sẽ tạo thành 3 Thìn xung 1 Tuất, đó cũng là đại hung.

4) Đại vận gặp tử địa là điềm hung.

Tôi căn cứ những thông tin đã đoán ở trên đoán năm 1987 bà ấy gặp nạn nát thân, tháng 3, tháng 4 không được đi phía Tây bắc, nếu không hậu quả rất nghiêm trọng. Kết quả hai ô tô đâm nhau (vì cùng xung khác) ngược đập nát nên chết. Như vậy thời gian và phương hướng đều ứng nghiệm cả.

3. Tháng 2 - 1989, lúc đó tôi đang giảng bài ở Quảng Châu gặp một người có án bị hung sát, chết. Nghiên cứu vì sao chết năm 1988, tìm giờ sinh để sắp xếp tứ trụ và đại tiểu vận tìm ra nguyên nhân chết.

Sinh giờ Dân - ngày 15 - tháng 8 - 1952

Nhâm Dân - Nhâm Ngọ - Kỳ Dậu - Nhâm Thìn.

Đại vận : Quý Sửu : suy địa.

Tiểu vận : Canh Thìn : Thìn là kho nước, mộ địa.

Lưu niên : Mậu Thìn. Thìn là kho nước, mộ địa.

1) Trong tứ trụ "Thìn, Dậu, Ngọ là tự hình".

2) Trong tứ trụ tam Nhâm là kiếp tài ngang hòa, vì của hoặc do quan hệ nam nữ mà gặp họa kiếp sát (thực tế là vì của mà chết).

3) Can ngày là Nhâm (thủy) sợ Thổ khác ; đại vận, tiểu vận, lưu niên là 3 Thổ chống chất khác thân thể, có khác mà không có sinh nên chết.

4) Trong tứ trụ chỉ năm có 1 Thìn (thổ), lại gặp tiểu vận, lưu niên có hai Thìn (thổ). Tứ trụ lại là 3 Nhâm (thủy) nên vừa đúng hợp thành 3 Thìn (thổ) khác 3 Nhâm (thủy), tức là tam mộ thu vào 3 nhâm nên gặp nạn hung tử. "Hoàng đế nội kinh" nói : "Giữa trời đất, trong lục hợp, khí của nó 9 châu, 9 khiếu, 5 tạng, 12 tiết đều là thông với khí trời". Thiên can địa chi trong giờ, ngày, tháng, năm sinh của người ta đều là những tiêu chí cụ thể của khí âm dương ngũ hành trong cơ thể, cũng là tiêu chí thông tin vận mệnh tốt xấu

của cả một đời. Nhân thể là sản phẩm âm dương ngũ hành, tương sinh tương khắc diễn biến trong tự nhiên, cho nên nhân thể thông thương với tự nhiên. Nhân thể và thiên thể sở dĩ cùng cảm ứng lẫn nhau được để trở thành 1 thể thống nhất đó là vì nhân khí và thiên khí thông nhau, cho nên âm dương ngũ hành của thiên thể tương sinh tương khắc gây ra mọi sự biến hóa. Đối với cơ thể con người, vận mệnh con người đều có ảnh hưởng rất quyết định vì sinh mệnh của cuộc sống con người cũng diễn ra theo quy luật đối lập thống nhất của âm dương ngũ hành, tương sinh tương khắc. Do đó vận mệnh con người không thể đi ngược lại quy luật này.

Ba ví dụ chết người ở trên không những nói rõ sự sắp xếp của thiên can địa chi trong tứ trụ là tiêu chí nói lên ảnh hưởng của âm dương ngũ hành, tương sinh tương khắc đối với con người mà cũng nói lên con người giống như vạn vật đều có quá trình phát triển hưng suy tử vong. Quá trình này chính là vận khí mà ta hay nói.

Người xưa lấy sự sắp xếp thiên can địa chi trong tứ trụ gọi là "mệnh", lấy các giai đoạn trải qua của 1 cuộc đời gọi là "vận", hai cái kết hợp lại gọi là "vận mệnh". Đoán vận mệnh tốt xấu của một người vừa phải xem sự sắp xếp tốt của tứ trụ, vừa phải biết tính toán tốt. Sắp xếp tứ trụ tốt, tính toán tốt là tốt nhất. Sắp xếp tứ trụ tốt mà tính toán không tốt thì những khó khăn gặp phải là tạm thời. Tứ trụ sắp xếp không tốt, lại gặp vận không tốt đương nhiên là "đã tuyết còn thêm sương" (đã xấu lại xấu thêm). "Dở nhà lại gặp mưa dầm". Tứ trụ sắp xếp không tốt mà gặp vận tốt thì cái tốt này không bền. Mệnh và Vận nếu đem so sánh đương nhiên là tứ trụ tốt là tốt nhất (Mệnh tốt hơn vận tốt).

Vận mệnh của mình tự mình nắm vững, đó là đúng. Nhưng không hiểu vận mệnh của mình thì không có cách gì nắm

vững được mệnh của mình. Giống như anh không hiểu phương pháp và quy luật lái xe thì không có phương hướng để nắm vững xe và lái tốt được. Cho nên người ta muốn nắm vững mệnh vận của mình thì đầu tiên phải hiểu được mệnh vận đó, muốn hiểu được mệnh vận của mình biện pháp duy nhất là phải thông qua dự đoán toàn diện đối với mình, biết được cát hung, nắm vững thời cơ có lợi để làm những việc nên làm, đối với việc xấu phải chú ý để phòng, cố hướng về phía cát tránh phía hung, chỉ có như thế mới có thể thực hiện được tự mình nắm vững vận mệnh mình. Nếu không sẽ là nói suông. Một nước có mệnh vận tốt xấu của nước đó, con người cũng thế, từ hoàng đế đến dân thường đều có vận mệnh riêng.

Về "mệnh vận" là "trời" định, tôi cho rằng không thể nói như thế được. "Mệnh vận" là sản phẩm của âm dương ngũ hành tự nhiên tương sinh tương khắc mà thành, các sự vật khác cũng giống tự nhiên đều là sự vận động của các thiên thể gây nên, không chịu một ý chí thiên mệnh nào quyết định cả.

3. Những người cùng giờ sinh, mệnh vận có giống nhau không ?

Có người bạn nói chuyện với tôi về mệnh vận. Anh ta nói : tôi cực lực phản đối thuyết con người có mệnh vận và nêu ra một số lý do để chứng minh quan điểm của mình là đúng. Ví dụ, nếu có người nói con người có mệnh vận, thế thì những người sinh cùng năm, tháng, ngày, giờ, phút, giây vì sao chỉ có một người làm vua. Nước ta có rất nhiều người giờ sinh như nhau, mệnh vận của họ nên giống nhau mới đúng, tại sao lại không giống ? Luận điểm của anh ta rất rõ ràng, chỉ

cần cùng thời gian sinh thì mệnh vận sẽ như nhau, không thể khác nhau tí nào hoặc phân thành suy vượng được. Tôi hỏi anh ta : ngày cùng là ngày cả thế tại sao còn có xuân hạ thu đông, có nóng lạnh khác nhau ? Đất cũng là cùng một quả đất, vì sao có chỗ nước, chỗ khô, chỗ cao, chỗ thấp ? Cùng một mảnh đất, cùng một hạt lúa, cùng trồng sáu tháng vì sao có cây cao, cây thấp ? Cùng một cành cây, tại sao có quả to, quả nhỏ. Nhân thể là một khối thông nhất, tại sao công năng của lục phủ, ngũ tạng lại có cái mạnh, cái yếu, có cái tốt, cái xấu ? Vì sao có người chỉ có gan mộc khối u, còn các phủ tạng khác thì lại tốt ? Tôi lại nói cơ thể con người là thống nhất, lục phủ ngũ tạng ở trong mình là tự người mẹ sinh ra, tất cả cùng giờ sinh thế mà chỉ có gan mộc khối u còn những tạng phủ khác thì không bị. Vậy giữa chúng quả thực có sự khác nhau rất lớn.

Ông bạn ấy nghe tôi nói đã hiểu được vấn đề và nói lại là : "Ừ, đúng nhỉ ! Lục phủ ngũ tạng đều cùng một giờ sinh, thế mà lại khác nhau rất lớn, thật đáng nghiên cứu...". Tôi nói với anh ta : "Tổ tiên chúng ta từ lâu đã nghiên cứu ra rồi, đó là lục phủ ngũ tạng đều có âm dương, có ngũ hành tương sinh tương khắc, mỗi cái chủ suy vượng của 4 mùa, cho nên cùng một giờ sinh, nhưng khác nhau rất lớn".

Những người cùng giờ sinh, vì sao mệnh lại không giống nhau ? Nguyên nhân rất nhiều, không có cách nào để giải thích cho rõ ràng, tí mỉ được. Tôi chỉ nói vắn tắt như sau :

1) Phương vị khác nhau, như phương nam là hỏa, phương đông là mộc, phương bắc là thủy, phương tây là kim. Người mệnh hỏa nhưng sinh ở phương nam hay phương bắc sẽ khác nhau. Phương nam là đất hỏa vượng, phương bắc bị thủy khắc cho nên không như người sinh ở phương nam.

- 2) Năm mệnh của phụ mẫu khác nhau.
- 3) Năm mệnh của anh chị em khác nhau.
- 4) Năm mệnh hôn nhân khác nhau.
- 5) Năm mệnh của con cái và số con đều khác nhau.

Vì năm mệnh của những người trong gia đình khác nhau, mức độ ngũ hành sinh khắc sẽ khác nhau, do đó ảnh hưởng đối với con người cũng sẽ khác nhau. Ví dụ có một người mệnh Mộc, cha mẹ đều là mệnh Kim, đều khắc anh ta. Có người tuy cũng là mệnh Mộc, nhưng cha mẹ đều là mệnh Thủy, thủy sinh mộc. Người bị khắc cuộc sống sẽ không thuận, người được tương sinh cuộc sống sẽ thuận.

6) Nam nữ khác nhau, do đó mà có sự vận hành thuận, nghịch khác nhau.

7) Tướng mặt, vân tay không giống nhau cho nên việc nó làm chủ cũng khác nhau.

8) Cốt tướng của người khác nhau.

9) Mộ tổ, nhà ở khác nhau, phương vị khác nhau. Ngày xưa đã có câu "Nhất mộ, nhì phòng (nhà ở), tam bát tự", tức là nói mệnh vận tốt, xấu của một người, thứ nhất quyết định ở phong thủy phần mộ ông cha tốt hay xấu ; thứ hai quyết định ở phong thủy của nhà ở ; thứ ba quyết định ở sự sắp xếp tổ hợp của tứ trụ. Cho nên, cho dù ngày giờ sinh giống nhau, nhưng phần mộ tổ tiên và nhà ở không hoàn toàn giống nhau được.

10) Gen di truyền của mỗi người khác nhau.

11) Hoàn cảnh, điều kiện gia đình của mỗi người khác nhau.

12) Điểm sáng của sao chỉ có một. Tuy có hàng nghìn, hàng vạn người cùng giờ sinh, nhưng điểm sáng của sao trực

ban quyết không phải người nào cũng nhận được. Nếu điểm sáng này chiếu đúng vào nhà một người nào đó, hoặc đúng lúc người mang thai đang sinh, người đó có thể sẽ là hoàng đế, còn những người khác thì không làm nổi hoàng đế. Nếu có một tạp chí nào đấy đã thông báo : bố mẹ Mao Trạch Đông đều đồng thời nhìn thấy một vầng đỏ phía đông phòng họ rồi sau đó mang thai Mao Trạch Đông, đương nhiên vầng đỏ này không phải là tất cả các bậc bố mẹ của những người cùng giờ sinh đều thấy được.

Có một câu chuyện như sau :

Chu Nguyên Chương đời Minh sau khi đã làm Hoàng đế nghĩ rằng, mình đã làm vua và những người cùng giờ sinh với mình cũng là "mệnh Hoàng đế" cả, nếu không giết hết họ sau này sẽ có người tranh ngôi. Do đó ông đã ra lệnh giết, giết loạn mà không thương tiếc. Khi giết đến nửa chừng, Chu Nguyên Chương lại nghĩ nên bắt mấy người cùng giờ sinh với ông đến để hỏi xem họ làm nghề gì, sau đó giết cũng chưa muộn. Chu Nguyên Chương hỏi một người trong số đó : "Ông làm gì ?" - "Nuôi ong" - "Nuôi bao nhiêu ong ?" "Nuôi 9 tổ", tất cả mấy vạn con"...

Chu Nguyên Chương sau khi nghe, vừa sợ vừa mừng : mình làm Hoàng đế thống trị cả 9 châu, 9 chư hầu. Ông ấy nuôi 9 tổ ong, có 9 ong chúa. Số ong của ông ấy nuôi và số người của mình cai trị đại thể giống nhau. Xem ra mình và ông ta không đều là Hoàng đế của người cả, làm hoàng đế của người chỉ có một mình, còn người khác, có người làm vua của ong, có người làm vua của tằm, có người làm vua của cá... Do đó Chu Nguyên Chương cảm thấy yên tâm và ngừng lệnh giết những người cùng ngày sinh.

Về vấn đề mệnh vận của những người sinh đôi có giống nhau hay không, có thể nói không hoàn toàn khác nhau. Vì

cho dù cùng sinh trong một giờ, nhưng có trước có sau. Nếu không cùng sinh trong một giờ thì khác biệt còn rõ hơn nữa. Tôi đã sơ bộ điều tra thấy rõ, những người sinh đôi sau khi kết hôn thì sai lệch rất rõ, nguyên nhân là vì những người bạn đời họ chọn ít khi đều cùng một năm mệnh, cũng không thể cùng giờ sinh. Như vậy các thành viên tổ thành gia đình này phát sinh ra biến hóa, ngũ hành sinh khắc cũng đồng thời phát sinh biến hóa, cho nên mệnh vận của hai người sẽ khác nhau.

Vận vật trong tự nhiên, thậm chí là trong cùng một sự vật, sự phát triển biến hóa còn không đồng đều, huống hồ những người cùng một ngày sinh làm sao mệnh vận lại giống nhau được.

Do đó sự tổ hợp thiên can địa chi trong năm, tháng, ngày, giờ sinh của mỗi người là nhân tố nội tại của mệnh vận tốt hay xấu, là căn cứ của sự biến hóa, nhân tố bên ngoài chỉ là điều kiện để biến hóa. Sự sắp xếp của thiên can địa chi, khí âm dương ngũ hành có mối quan hệ rất mật thiết với con người, đương nhiên chúng ta không phủ định sự nỗ lực chủ quan. Ví dụ trong tứ trụ có tiêu chí thông tin học đến đại học, nhưng không đọc sách, không nỗ lực học tập, chắc chắn là không tốt nghiệp đại học. Do đó muốn đạt được mục đích dự tính, ngoài nhân tố tiên thiên còn phải cộng thêm sự nỗ lực của hậu thiên.

Chương 5

PHƯƠNG PHÁP DỰ ĐOÁN THEO BÁT QUÁI

I. PHƯƠNG PHÁP DỰ ĐOÁN VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA NÓ

Ở nước ta dùng phương pháp dự đoán thông tin vào nhân thể có rất nhiều : Bát quái, tứ trụ, xem tướng mặt, tướng tay, đại lục nhâm, tiểu lục nhâm, tử vi dẫu số, xem tướng sao, thiết bản thần số, đoán chữ, lưu tinh theo tháng v.v... Những phương pháp này đều là khoa học, có lý luận khoa học rất sâu, nên ra sức phát triển.

Phương pháp dự đoán thông tin theo bát quái không những đã trải qua một thời gian dài mà còn chia thành nhiều phái, nhiều phương pháp. Thường thấy có "phương pháp lấy đồng tiến thay bói cỏ thi" tức là phương pháp đoán "sáu hào". Phương pháp lấy quẻ theo giờ, lấy quẻ theo phương vị, viết chữ, lấy quẻ theo số chữ, "kỳ môn dộn giáp" (là phương pháp đoán ở tầng, thứ cao, nó có ứng dụng rất quan trọng trong quân sự). Sách này chủ yếu chỉ bàn về hai phương pháp "lấy quẻ theo thời gian" và gieo quẻ theo "sáu hào".

Đến nay những sách chú giải về "Chu dịch" có hơn 3000 loại, những tác phẩm bàn về phương pháp dự đoán theo bát quái cũng không đếm xuể. Từ sau Xuân Thu trở đi hầu như triều đại nào cũng có những tác phẩm nổi tiếng về mặt này. Những sách đó đã phát triển và tích lũy nhiều kinh nghiệm quý báu cho cách đoán thông tin theo bát quái của nước ta.

Tổ tiên ta rất sớm đã phát minh ra phương pháp dự đoán thông tin. Căn cứ những điều đã ghi trong sách "Sơn hải

kinh" thì có cách : nhìn tượng lấy quẻ. Nếu theo thời gian truy ngược xa hơn thời kỳ "Chu dịch" ra đời thì từ đời Đường Vu hoặc Trọng Lê, lúc đó phương pháp xem tượng động vật, thực vật, thiên tượng để đoán là rất nhiều. Hãy lấy phương pháp xem tượng động vật mà nói : khi người ta gặp việc khó khăn thì giết động vật để đoán cái hung, cho nên xuất hiện các phương pháp : Cốt tượng chiêm (đoán theo xương), huyết tượng chiêm (đoán theo máu) ; đờm dịch chiêm (đoán theo mật) v.v... Trong sách "Hậu hán thư, đông di truyện" có ghi "giết trâu lấy bàn chân xem cát hung". Trong "Luận hàng" có nói : "Vai lợn, ngực dê có thể xem quẻ". Còn có cách giết gà để bói quẻ cát hung, như xem màu máu đẹp, tươi, dịch mật sáng mà đây là điểm cát, nếu không là điểm hung. Do đó quẻ từ, hào từ của "Chu dịch" không ít hình tượng đều bắt nguồn từ chiêm tượng của ngày xưa.

Do năng lực tư duy của con người ngày càng phát triển, cũng do phương pháp dự đoán theo cách giết súc vật trước đây vừa phiền phức vừa không đủ chính xác, nên ngày nay đã xuất hiện phương pháp đốt mai rùa để xem quẻ cát hung. Phương pháp này chính là xem mức độ các đường nứt trên mai rùa sau khi đốt để đoán ra các sự việc cát hung. Do đó trong sách "Bạch hổ thông nghĩa" có ghi : "Rùa nghìn năm mà thiêng, cò thì trăm năm mà thần, lấy sự lâu dài của nó để phân biệt cát hung". Trong lịch sử gọi giai đoạn trên là thời kỳ gieo quẻ mai rùa.

Sự phát minh bát quái là một tiến bộ rất lớn trong lịch sử khoa học tin tức, nó không những là sự phát minh ra phương pháp mà còn đặt cơ sở lý luận hoàn chỉnh cho khoa học thông tin.

Phương pháp dự đoán thông tin theo bát quái, cho đến nay là phương pháp được bảo tồn lâu nhất, hoàn chỉnh nhất là

phương pháp bói cò thi ghi trong hệ từ của "Chu dịch" "50 số đại diện, dùng 49 số". Khi bói theo cò thi, dùng 49 cây cò. Sau khi đã qua "mười cây, tám lần biến mà thành quẻ", theo tượng quẻ đã lập được căn cứ tượng quẻ, lý quẻ, từ quẻ, từ hào động v.v... để đoán ra sự cát hung, thành bại của sự việc.

Học thuyết âm dương ngũ hành tức kim, mộc, thủy, hỏa, thổ dùng vào bát quái để dự đoán, đó là phát minh to lớn trong lịch sử khoa học thông tin. Có người nói học thuyết âm dương, ngũ hành dùng vào quái thuật được phát minh từ đời Hán, thực ra trước đó từ thời Đông Chu đã bắt đầu vận dụng học thuyết này rồi.

Thời Tây Hán, dịch học dù về mặt lý luận hay phương pháp "bói cò thi" đều có một sự phát triển rất lớn, nó chiếm địa vị trọng yếu trong lịch sử dịch học của Trung hoa. Về phương diện cải tiến cách bói cò thi thì nhà Kinh học Đồng Trọng Thư đời Hán là người đầu tiên ra sức phát triển thuyết âm dương ngũ hành. Trong chương 2 cuốn sách "Trung Quốc thông sử giản biên" có chép : "Đồng Trọng Thư dùng âm dương ngũ hành để suy đoán thiên tai, biết được cát hung". Cho nên cần phải nói là ở thời Tây Hán cách độn toán đã được cải tiến lần thứ nhất.

Đời Tây Hán cải tiến lần thứ 2, do nhà đại dịch học Kinh Phòng. Trên cơ sở thuyết âm dương ngũ hành của Đồng Trọng Thư, ông đã phát minh ra phương pháp phối hợp bói cò thi với chiêm bốc : "nạp giáp".

Gọi là "nạp giáp" tức là lấy 64 quẻ sắp xếp theo 8 cung, mỗi cung có 8 quẻ do quẻ Kinh làm đầu. Mỗi quẻ của 8 cung lại có "hào thể" và "hào ứng". Lại lấy thiên can địa chi theo một quy luật nhất định sắp xếp với 6 hào của bát quái để được những quẻ thuộc các địa chi của ngũ hành. Căn cứ vào bản cung của quẻ thuộc ngũ hành sinh khác mà định ra lục

thân, tức : phu mẫu, huynh đệ, thê tài, tử tôn, quan quý. Ngoài ra còn có "lục thần", tức : thanh long, chu tước, câu trăn, phi xà, bạch hổ, huyền vũ. Lấy lục thần và thiên can địa chi thuộc ngũ hành sinh khắc và thời gian gieo quẻ để đoán ra cát hung của sự việc. "Hào thế" và "hào ứng" là chủ của quẻ. Khi đoán phải dựa chính vào hai hào này.

Phương pháp " nạp giáp" của Kinh Phòng không những là sự cải tiến phương pháp mà về mặt nội dung còn có công dụng rất rộng rãi là đoán sự việc cụ thể, độ chính xác cao. Đó lại là một lần sáng tạo mới quan trọng của phương pháp dự đoán theo bát quái. Ảnh hưởng rất lớn, nguyên lý rất sâu xa còn lưu truyền đến ngày nay, quả thực có một giá trị đáng được nghiên cứu sâu hơn.

Đến thời kỳ nhà Đường về mặt chiêm pháp lại phát minh ra lấy tiến thay cò thi. Điều đó đã thay đổi phương pháp phức tạp gieo quẻ bằng cò thi đã kéo dài hơn 3000 năm. Phương pháp lấy tiến thay cò thi tức là dùng 3 đồng tiền bỏ vào tay, úp hai bàn tay lại để lắc. Mỗi lần lắc xong, bỏ tiền lên bàn hoặc mặt đất sau đó ghi thành các vạch hào âm dương từ dưới lên trên, tất cả 6 lần lắc được 6 hào thành một quẻ. Bát quái là căn cứ vào tượng quẻ phối hợp với " nạp giáp", " thế, ứng", hoặc lấy " dụng thần", hoặc lấy " hào động" của ngũ hành sinh khắc và tham khảo quẻ từ, hào từ để đoán cát hung. Phương pháp lấy tiến thay cò thi đã tổng hợp được ưu điểm của tất cả các phương pháp. Nó không những là phương pháp tổng hợp có uy quyền nhất hiện nay của nước ta, mà không ít nước phương tây cũng rất coi trọng phương pháp này trong ứng dụng và nghiên cứu.

Nhà thiên văn, dịch học, bát quái đại sư Thiệu Khang Tiết đời Tống đối với việc nghiên cứu và phát triển dịch học của

Trung Quốc đã có những công hiến to lớn, đặc biệt là dùng bát quái để dự đoán thông tin đã có nhiều phát minh và sáng tạo. Trong đó cách gieo quẻ theo năm, tháng, ngày, giờ chính là phát minh của ông. Ông lấy số của năm, tháng, ngày, giờ, dùng phương pháp cộng trừ, nhân, chia để đưa vào trong quẻ, từ đó lập ra tượng quẻ, tìm ra hào động, căn cứ sự sắp xếp của âm dương ngũ hành bát quái, dùng phương pháp sinh khắc của "thể, dụng" kiêm dùng chiêm từ của "Chu dịch" để đoán ra hung cát. Thiệu Khang Tiết phát minh ra phương pháp gieo quẻ này đã có một ảnh hưởng to lớn đến hậu thế. Đó là một trong những phương pháp quan trọng được ứng dụng rộng rãi hiện nay ở nước ta, cũng như được các nhà dịch học nước ngoài rất coi trọng. Nhật Bản rất coi trọng nghiên cứu phương pháp này. Trong cuốn sách "Mai hoa bí truyền" mới xuất bản gần đây thực tế là lấy cơ sở "Mai hoa dịch số" của Thiệu Khang Tiết mà viết ra.

Phương pháp lấy tiến thay cô thi tuy là phương pháp tổng hợp của nước ta nhưng vẫn còn có 1 chỗ chưa hoàn thiện, đó là : người muốn đoán phải tự mình gieo quẻ mới dự đoán được, và mới đoán chuẩn. Còn người ở xa không thể đến thì không có cách gì đoán được. Phương pháp gieo quẻ theo thời gian của Thiệu Khang Tiết đã bổ cứu được nhược điểm đó. Cho dù rất xa, trong hay ngoài nước, chỉ cần lấy chính xác thời gian xảy ra sự việc, hoặc một việc nào đó chuẩn bị sau này mới làm, chỉ cần gửi thư đến ghi rõ ngày tháng là có thể đoán được qua gieo quẻ. Kết quả vẫn rất chính xác.

Các phương pháp trên đây, cho dù là phương pháp cô thi hay phương pháp gieo tiến, hay phương pháp gieo quẻ theo thời gian đều là lấy "số" làm căn cứ để lập quẻ. Cho nên có "số" là lập được quẻ, có quẻ sẽ có tượng, có tượng thì có lý.

Do đó bát quái là biểu hiện và ứng dụng của chữ số, là tượng trưng của tượng.

". . Một môn khoa học chỉ khi nào nó dùng chữ số để biểu thị thì cuối cùng nó mới được gọi là khoa học". Tổ tiên ta đã phát minh ra dùng bát quái để dự đoán thông tin không phải là mê tín phong kiến mà hoàn toàn ngược lại đã phủ định thiên mệnh luận, phủ định mê tín phong kiến, đồng thời biểu hiện nhân dân ta yêu khoa học, tin khoa học, dùng tư tưởng tiên tiến của khoa học. Đó là điều không ai chối cãi được.

II. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN BÁT QUÁI

Chương này sẽ nói về cách gieo quẻ. Ngoài cách lắc tiền gieo quẻ do Thiệu Khang Tiết người Tống phát minh ra, ở đây sẽ bàn về "Mai hoa dịch số".

Phương pháp gieo quẻ bát quái có :

1. Gieo quẻ theo năm, tháng, ngày, giờ.
2. Dùng 3 đồng tiền để gieo quẻ.
3. Căn cứ phương vị của người đến để gieo quẻ.
4. Gieo quẻ theo nét chữ và số chữ.
5. Gieo quẻ theo thanh âm (tiếng).
6. Gieo quẻ theo màu sắc, v.v...

Phương pháp lắc tiền gieo quẻ sẽ chuyên bàn ở một chương sau. Ở đây trước hết bàn về 6 cách gieo quẻ thường dùng nhất.

1. Gieo quẻ theo năm, tháng, ngày, giờ

Lấy năm, tháng, ngày, làm quẻ thượng ; năm tháng ngày thêm giờ làm quẻ hạ. Lại lấy tổng số của năm tháng ngày

giờ để tìm hào động. Ví dụ : năm Tý là số 1, năm Sửu số 2, đến năm Hợi là số 12 ; Tháng giêng là số 1, đến tháng 12 là số 12 ; ngày mồng 1 là số 1, đến ngày 30 là số 30. Lấy số của năm tháng ngày cộng lại chia cho 8, lấy số dư làm quẻ thượng. Giờ, ví dụ Tý là số 1 đếm đến giờ Hợi là số 12, đem số của năm tháng ngày cộng thêm với giờ sau đó chia 8, số dư là quẻ hạ. Tổng số của năm tháng ngày giờ chia cho 6, lấy số dư làm hào động.

Phàm khi gieo quẻ, lấy số 8 làm quẻ, số quá số 8 thì chia cho 8 lấy số dư làm quẻ.

Muốn tìm hào thì chia cho 6 ; lấy tổng số của năm tháng ngày giờ chia cho 6, số dư là số của hào.

Vì sao muốn tính quẻ phải chia cho 8 ? Hào thì chia cho 6 ? Vì quẻ có 8 phương, nên phải chia 8 ; quẻ có 6 hào, nên phải chia 6.

Gieo quẻ : Sau khi chia 8 lấy số dư làm quẻ. Dư 3 tức là quẻ Ly, dư 7 làm quẻ Cấn, dư 0 thì lấy số 8 làm quẻ tức là quẻ Khôn. Số nhỏ hơn 8 tức không đủ chia cho 8 thì lấy luôn số đó làm quẻ. Nếu số đó là 4 là quẻ Chấn, 6 là quẻ Khảm... (theo tác giả : đây là theo cách gieo quẻ số tiên thiên của Phục Hy. Xem số đó tương ứng với quẻ nào, xin xem ở hình vẽ thứ tự bát quái của Phục Hy. Tức là : Càn - 1, Đoài - 2, Ly - 3, Chấn - 4, Tốn - 5, Khảm - 6, Cấn - 7, Khôn - 8.


Cách tìm hào động : Sau khi chia 6 số dư là hào động. Dư 1 là hào một động, dư 2 là hào 2 động, 4 là hào 4 động, 5 là hào 5 động. Nếu chia 6 vừa hết vẫn lấy 6 là hào động. Trường hợp số nhỏ hơn 6 thì lấy số đó làm hào động. Số 4 là hào 4 động.

Ví dụ : Năm 1985, tháng 12, ngày 28, 3 giờ 35' chiều có người đến hỏi : "7 giờ rưỡi tối nay đội Bóng chuyên nữ Trung


Quốc đấu với Liên đội nữ ngôi sao thế giới ở Bắc Kinh, ai thắng ai thua ?”.

Theo âm lịch là năm Ất Sửu, tháng 11 ngày 17 giờ Thân, tức : Ất Sửu, Mậu Tý, Tân Sửu, Bính Thân.

Cách tính quẻ như sau : $2 + 11 + 17 = 30$; 30 chia 8 dư 6. 6 là quẻ thượng. $30 + 9$ (giờ Thân) = 39 ; 39 chia 8 dư 7, 7 là quẻ Hạ.

39 chia 6 dư 3 - tức là hào 3 động. Tượng quẻ là "thủy sơn kiến" . Quẻ thượng là Khâm, là thủy, là đội bóng nữ của ta, quẻ hạ là Cấn, Cấn là Thổ, là đội ngôi sao thế giới. Nhưng mùa đông là mùa thủy vượng, Khâm thủy làm nguyệt kiến, nên lực mạnh. Đội thế giới tuy ở ngôi Thổ, nhưng là ở đất hưu tù vô lực nên không khác Thủy vượng được. Do đó đội nữ ta nhất định thắng. Kết quả cuối cùng đúng như dự đoán.



2. Gieo quẻ theo phương của người đến


Ví dụ : ngày Kỷ Sửu, giờ Mão có 1 ông già từ phương Tốn đến, sắc mặt lo lắng, hỏi "Vì sao mà ông lo ?". Ông không nói gì cả. Lạ quá nên phải đoán ! Lấy chỗ ông già ở là Kiến làm quẻ thượng. Phương đi đến (phương Tốn) là quẻ hạ, là quẻ "thiên phong cấu". Lại lấy số còn 1, Tốn 5 cộng thêm với số 4 là giờ Mão, được tổng số là 10, chia 6 dư 4, hào 4 là hào động. Tượng quẻ như sau "thiên phong cấu" . Hào 4 động.

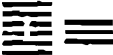
3. Gieo quẻ theo số nét chữ và số chữ






Quẻ 1 chữ : Quẻ một chữ rất khó đoán, nếu chữ viết ngoáy không rõ thì không dùng được. Nếu chữ viết rõ thì lấy số nét của nó. Lấy phần bên trái là dương, phần bên phải là âm ; hoặc phần trên là dương, phần dưới là âm. Xem phần bên


trái mấy nét, phần bên phải mấy nét, hoặc phần trên, phần dưới mỗi phần mấy nét. Lấy phần trái làm quẻ thượng, phần phải làm quẻ hạ. Tương tự : phần trên quẻ thượng, phần dưới quẻ hạ. Lấy tổng số nét cả chữ chia cho 6 để tìm hào động.

Ví dụ : 1 người viết chữ "Tín - 信" . Bên trái là quẻ thượng có 2 nét, là quẻ Đoài ; bên phải là quẻ Hạ có 7 nét là Cấn. Tổng số nét là 9, chia cho 6 dư 3, nên hào 3 là hào động. Ta được quẻ "trạch sơn hàm" .


Ví dụ : chữ "Nam - 男" . Phần trên là quẻ thượng, là chữ Diên (田), 5 nét, là Tốn, phần dưới là chữ Lực (力) 2 nét là Đoài, tổng số nét là 7, chia 6 dư 1, nên hào 1 là hào động.

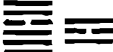
Tượng quẻ như sau : 

Nếu những quẻ bên cạnh có : , , , , đó đều là tiêu chí hào động của 1 quẻ. Ví dụ :  là hào 4 động

 là hào 3 động

  là hào 1 động

Quẻ 2 chữ : chia ra 2 phần, lấy số nét của 1 chữ chia 8 số dư là quẻ Thượng, số nét của chữ thứ 2 chia 8, số dư là quẻ Hạ. Lấy tổng số nét của hai chữ chia 6 để tìm hào động. Ví dụ : hai chữ "Tín - nam : 信男", chữ Tín : 9 nét chia 8 dư 1 là Càn, nên quẻ thượng là Càn. Chữ Nam 7 nét là Cấn, quẻ Hạ là Cấn. Tổng số nét của hai chữ là 16 chia 6 dư 4, hào 4 là hào động. Đó là quẻ "Thiên sơn độn" 

Quẻ 3 chữ : Số nét chữ đầu là quẻ thượng, hai chữ sau là quẻ Hạ. Lấy cả 3 chữ là hào động. Quẻ Thượng là Càn, quẻ Hạ là Đoài, là quẻ "thiên trạch lý" 

Gieo quẻ theo họ và tên : Lấy số nét của họ làm quẻ thượng số nét của tên làm quẻ hạ. Lấy tổng số nét của họ và tên chia 6 số dư làm hào động.

Trường hợp 4 chữ : Số nét 2 chữ đầu là quẻ thượng, 2 chữ sau là quẻ hạ.

- 5 chữ : 2 chữ đầu là quẻ thượng, 3 chữ sau là quẻ hạ.
- 6 chữ : 3 chữ đầu là quẻ thượng, 3 chữ sau là quẻ hạ.
- 7 chữ : 3 chữ đầu là quẻ thượng, 4 chữ sau là quẻ hạ.
- 8 chữ : 4 chữ đầu là quẻ thượng, 4 chữ sau là quẻ hạ.
- 9 chữ : 4 chữ đầu là quẻ thượng, 5 chữ sau là quẻ hạ.
- 10 chữ : 5 chữ đầu là quẻ thượng, 5 chữ sau là quẻ hạ.

Cách lấy hào động : giống trường hợp lấy cho 3 chữ.

Từ 11 chữ đến 100 chữ đều có thể gieo quẻ được, cứ theo nguyên tắc : nửa đầu là quẻ thượng, nửa sau là quẻ hạ. Lấy tổng số chữ của nó chia cho 6 để tìm hào động của nó.

Cách gieo quẻ theo chữ cho dù là phồn thể hay giản thể đều phải viết rõ ràng chuẩn xác, nét bút không rõ không dùng được.

4. Gieo quẻ theo âm thanh

Phàm nghe tiếng kêu, đếm được mấy số thì lấy đó làm quẻ thượng, thêm thời gian phối số làm quẻ hạ. Lấy tổng số trừ 6, số dư là hào động. Nếu tiếng kêu của động vật thì kêu mấy tiếng, hoặc nghe người đánh máy tiếng trống đều có thể gieo quẻ.

Ở quẻ động vật : thấy bầy vật đang chuyển động thì không thể lấy quẻ. Nếu thấy một ít vật thì có thể gieo quẻ được. Động vật là quẻ thượng, phương từ đó đi đến là quẻ hạ. Ví dụ : có tiếng bò rống ở phương Khâm, bò thuộc Khôn là quẻ thượng, phương Khâm là quẻ hạ. Khôn cộng với Khâm thêm giờ, số của nó chia cho 6 số dư là hào động.

5. Gieo quẻ theo kích thước :

Vật có kích thước, lấy số trưng làm quẻ thượng, lấy số xích làm quẻ hạ. Tổng số của trưng và xích làm hào động. Số lẻ thốn (tắc) không kể. Quẻ xích thốn thì lấy số xích làm quẻ thượng, số thốn làm quẻ hạ, tổng số xích và số thốn để tìm hào động. Số phân bỏ qua.

6. Gieo quẻ theo cách gia số

Cách gieo quẻ theo năm tháng ngày giờ, cùng trong 1 giờ chỉ có 1 quẻ. Nhưng trong cùng một giờ lại có nhiều người đến lấy quẻ thì không thể lấy cùng 1 quẻ ra mà đoán được. Hoặc giả có nhiều người cùng đến không thể từ 1 quẻ mà đoán cho nhiều người. Để giải quyết vấn đề này, có thể dùng cách cộng thêm số nét của tên họ để quyết định quẻ.

Ví dụ : có 3 người họ : Vương, Diên, Hàn đồng thời đến hỏi về việc làm nhà. Có thể phân biệt lấy quẻ như sau : năm, tháng, ngày làm quẻ thượng : năm, tháng ngày giờ thêm số nét của tên họ làm quẻ hạ. Lấy tổng số chia 6 lấy số dư làm hào động. Sau đó căn cứ vào quẻ của 3 người khác nhau để đoán cát hung.

Gặp việc hôn nhân, mai táng cũng có thể dùng cách này. Người có tang thì thêm họ, người có hôn thì thêm số nét của chữ nam hoặc nữ để gieo quẻ.

Phương pháp gieo quẻ theo năm tháng ngày giờ, trong 1 giờ chỉ có 1 tượng quẻ, như giờ Giáp lấy quẻ được quẻ Khảm, những thông tin của quẻ Khảm thuộc về anh A, anh B không thể dùng. Anh B muốn đoán, phải theo phương pháp "gieo quẻ theo phương vị", hoặc bảo anh ta viết chữ để gieo quẻ, như thế cũng sẽ tìm được những thông tin anh ta cần biết.

7. Hào động

Những phương pháp gieo quẻ trên đây đều có hào động, hơn nữa trong quẻ chỉ có 1 hào động. Như vậy trọng điểm của quẻ đã lộ ra, có lợi cho dự đoán.

Hào động của quẻ là sau khi chia cho 6 được số dư, số đó là số của hào động. Tác dụng của hào động là :

1) Hào động là tiêu chí chủ yếu dùng để phân biệt quẻ Thể và quẻ Dụng. Một quẻ chia thành quẻ thượng và quẻ hạ, quẻ nào có hào động là quẻ dụng, không có hào động là quẻ Thể. Hào động ở quẻ Hạ thì quẻ Hạ là quẻ dụng, quẻ thượng là quẻ Thể, và ngược lại. Quẻ Thể là mình, quẻ Dụng là người khác hay việc muốn đoán.

2. Hào động là tiêu chí chủ yếu của quẻ Biến. Có động thì có biến, hào dương động biến thành hào âm và ngược lại. Hào biến thì quẻ cũng biến. Ví dụ : hào chín đầu của quẻ Càn động là từ hào dương biến thành hào âm, nên quẻ Càn biến thành quẻ "Thiên phong cấu".

3. Hào động là tiêu chí để đoán cát hung của sự việc cần đoán. Sau khi thành quẻ, tuy dùng ngũ hành và quẻ thể, quẻ dụng tương sinh tương khắc để đoán cát hung, nhưng phải tham khảo thêm hào từ trong quẻ đó. Ví dụ : hào đầu động thì xem từ của hào đầu. Hào 5 động thì xem từ của hào 5 để biết nó chủ về gì. Ví dụ : được quẻ Càn, hào chín đầu động hào từ của nó nói : "Tiếm long vật dụng" thì có thể đoán là : thời cơ của sự việc chưa đến, trước mắt không nên tham lam.

4. Hào động là sự việc biến thành tốt hay xấu, tức là tiêu chí chủ yếu để phân biệt biến sinh, biến khác, biến ngang nhau, và biến xấu đi. Ví dụ : gieo được quẻ Càn, hào chín hai động, sẽ biến thành quẻ "Thiên hỏa đồng nhân". Quẻ thượng là càn, là quẻ thể, là kim ; quẻ hạ là ly, là quẻ dụng, là hỏa ; hỏa khắc kim tức quẻ dụng khác quẻ Thể, nên có thể đoán là : việc này trước lành sau dữ.

5. Hào động cũng là tiêu chí chủ yếu của hướng người ra đi và phương hướng biến hóa. Ví dụ : gieo được quẻ "thiên

phong cấu", hào chín ba động. Quẻ hạ là Tốn, là quẻ dụng, là người đi xa, là hướng đông nam. Vì hào chín ba động, tốn biến thành quẻ khâm, khâm là phương bắc nên có thể đoán người ấy ban đầu đi hướng đông nam sau đó đi lên phương bắc.

III. PHÉP BIẾN ĐỔI LẤN NHAU CỦA QUẺ THỂ VÀ QUẺ DỤNG

Sau khi đã thành quẻ, chia ra quẻ chủ, quẻ hổ, quẻ biến. Quẻ chủ là giai đoạn đầu, quẻ hổ là giai đoạn giữa và quẻ biến là giai đoạn cuối của sự việc. Quẻ Thể là mình, quẻ dụng là người khác hay sự việc. Vì vậy quẻ thể nên khác quẻ dụng, không nên quẻ dụng khác quẻ thể. Nên quẻ dụng sinh quẻ thể, không nên ngược lại. Dụng khác thể thì không tốt, thể sinh dụng mình sẽ bị hao tổn, thể ngang với dụng thì tốt. Quẻ ngang nhau thì thuộc tính của ngũ hành quẻ thượng và quẻ hạ giống nhau. Quẻ ngang nhau có tất cả 14 quẻ : Càn, khâm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài, lý, quái, khiêm, bók, hàng, ích.


1. Quẻ hổ


Quẻ hổ là lấy quẻ chủ bỏ đi hào trên cùng và hào dưới cùng, chỉ giữ lại 4 hào rồi chia thành quẻ thượng và quẻ hạ. Ví dụ : quẻ "thủy sơn kiến", quẻ chủ là thượng khâm hạ cấn



. Bỏ hai hào trên dưới của quẻ chủ thành



. Lại đem 4 hào này chia thành quẻ thượng và quẻ hạ. Ví dụ :  là lấy 3 hào trên làm quẻ thượng, 3 hào dưới làm quẻ hạ , như

vậy đã thành quẻ hổ là "hỏa thủy vị tế"  , quẻ thượng là ly, quẻ hạ làm khâm. Quẻ hổ còn phân ra quẻ hổ của thể và quẻ hổ của dụng. Nếu quẻ thể ở trên thì quẻ hổ của thể ở trên, hoặc ngược lại quẻ thể ở dưới thì quẻ hổ của thể ở dưới. Hai quẻ càn, khôn không có quẻ hổ.

2. Tương sinh tương khắc của quẻ thể, quẻ dụng




Mọi việc trong trời đất có cát có hung, muốn biết cát hung cần phải đoán rõ thiên cơ của nó. Cho nên sau khi thành quẻ, thứ nhất phải xem lời bàn của hào từ trong "Chu dịch", thứ hai phải xem tượng quẻ và cái lý ngũ hành, sinh khắc, vượng suy để đoán cát hung. Ví dụ quẻ Càn, hào chín đầu là "Tiếm long vật dụng" tức việc chưa thể làm thì nên ẩn phục đã.



Quẻ thể khắc quẻ dụng là cát, quẻ dụng khắc quẻ thể là hung. Thể sinh dụng thì có hao tổn, dụng sinh thể thì có tin mừng. Thể và dụng ngang nhau thì trăm việc thuận lợi. Thể được sinh nhiều thì cát nhiều ; thể bị khắc nhiều thì càng hung. Quẻ dụng cát biến thành hung là trước cát sau hung. Quẻ dụng hung biến thành cát là trước hung sau cát. Bị khắc chỗ này thì được sinh chỗ khác, hoặc ngược lại, tức là trong sinh lại gặp khắc. Bị khắc mà gặp sinh là trong khó khăn được cứu giúp, bị khắc vô sinh là khó khăn nhưng không có ai giúp.

Trước cát sau hung là ban đầu tốt sau xấu. Ví dụ quẻ "độn" : quẻ thượng là Càn, là kim, là thể ; quẻ hạ là Cấn là thổ, là dụng. Thổ của quẻ dụng sinh kim của quẻ thể là tốt. Nhưng quẻ Cấn hào sáu đầu lại động biến thành quẻ "thiên hỏa đồng nhân", quẻ thượng là Càn, là thể, là kim, bị quẻ hạ là Ly là dụng, là hỏa khắc, cho nên trước cát sau hung

 biến ra 

Trước hung sau cát là ban đầu xấu sau tốt. Ví dụ quẻ "thiên hỏa đồng nhân", quẻ thượng là Càn, là kim, là thể ; quẻ Hạ là Ly là hỏa là dụng. Hỏa của Ly khắc kim của Càn, tức dụng khắc thể, không tốt. Nhưng hào chín đầu của quẻ Ly lại động, biến thành quẻ "độn", Kim của quẻ thượng là

Cần là thể được thổ của quẻ hạ là Cần, là dụng tương sinh, nên gọi là trước hung sau cát   biến ra .

Quẻ có quẻ thể, quẻ dụng, lại chia thành đảng của quẻ thể và đảng của quẻ dụng. Đảng là cùng loại với quẻ thể, ví dụ quẻ thể là kim, quẻ hổ của quẻ thể, quẻ biến của quẻ thể là kim tức là quẻ thể đảng nhiều. Quẻ dụng là kim ; quẻ hổ của quẻ dụng và quẻ biến của quẻ dụng đều là kim tức là quẻ dụng đảng nhiều. Quẻ thể đảng nhiều thì thể của quẻ thể thịnh ; quẻ dụng đảng nhiều thì thể của quẻ thể suy. Ví dụ : quẻ "tráng"  quẻ hổ là quẻ "quải"  (vì hào năm quẻ "tráng" động). Quẻ tráng này có quẻ thể là cần, kim ; quẻ dụng là chấn, mộc. Nay các quẻ biến của quẻ hổ đều là kim, nên đảng của quẻ thể nhiều, thể quẻ thể thịnh, còn quẻ dụng suy.

3. Thời gian ứng nghiệm của quẻ

Sau khi thành quẻ, cát hung đã rõ. Nhưng thời gian ứng nghiệm của cát hung vô cùng quan trọng, nó liên quan đến kết quả thành bại của dự đoán. Ứng nghiệm chính xác sẽ tạo phúc cho nhân dân, lợi cho sự phát triển đất nước ; không chính xác thì phải chịu trách nhiệm sai lầm với nhân dân và đất nước.

Thời gian ứng nghiệm : xưa nay đều rất coi trọng nên được bàn luận rất nhiều. Có người lấy tượng quẻ để xác định thời gian ứng nghiệm, có người lấy số của quẻ, có người lấy hào của quẻ để xác định. Dưới đây tôi xin đưa ra các phương pháp thường thấy và thường dùng để mọi người tham khảo.

1) Căn cứ tượng quẻ để xác định thời gian ứng nghiệm.

Quẻ Cần, Đoài thì ứng nghiệm ở Canh, Tân và ngày Kim, hoặc Cần ứng ở năm tháng ngày giờ : Tuất, Hợi ; Đoài ứng

ở ngày, giờ Dậu. Chấn, Tốn ứng ở Giáp, Ất và ngày Mộc hoặc Chấn lấy Mão, Tốn lấy Thìn. Khôn, Cấn thì ứng vào Mậu, Kỷ và ngày Thổ, Khôn lấy Thìn, Tuất ; Cấn lấy Sửu, Mùi. Khâm ứng ở Nhâm, Quý và ngày Thủy, lấy Hợi, Tý. Ly ứng ở Bính, Đinh và ngày Hỏa lấy Tị, Ngọ.

Quẻ Càn, Đoài thuộc Kim nên thành sự ở "Canh Tân và ngày Kim". Ngày kim là chỉ Kim trong ngũ hành. Ví dụ : như Canh, Tân, Thân, Dậu trong ngũ hành đều thuộc Kim, nên sự thành công và thời điểm ứng sự của hai quẻ Càn Đoài có thể đoán là ngày Canh, Tân, Thân, Dậu hoặc năm Canh, Tân, Thân, Dậu, hoặc các tháng có tên đó. Vì vị trí của Tuất, Hợi ở cung Càn, nên quẻ Càn ngoài các ngày tháng năm như trên còn có thể ứng vào giờ, ngày, tháng năm : Tuất, Hợi.

Hai quẻ Chấn, Tốn thuộc Mộc nên ứng sự, thành sự ở năm, tháng, ngày giờ : Giáp, Ất, Dần, Mão. Chấn còn có thể ứng ở Mão, Tốn có thể ứng ở năm, tháng, ngày, giờ Thìn.

Hai quẻ Khôn, Cấn thuộc Thổ, nên thời gian ứng sự và thành sự theo năm, tháng, ngày giờ : Mậu, Kỷ, Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, hoặc Khôn ứng ở Thìn, Tuất ; Cấn ứng ở Sửu, Mùi.

Quẻ Khâm thuộc Thủy, nên thời gian ứng sự và thành sự thuộc năm, tháng, ngày, giờ : Nhâm, Quý, Hợi, Tý.

Quẻ Ly thuộc Hỏa, nên thời gian ứng sự và thành sự thuộc năm, tháng, ngày, giờ : Bính, Đinh, Tị, Ngọ.

2) Căn cứ số quẻ để định thời gian ứng nghiệm.

Chính ứng : là lấy số của hai quẻ thể và quẻ dụng để xác định thời gian ứng nghiệm. Ví dụ quẻ thượng là Càn, quẻ hạ là Khâm : Càn 1, khâm 6 cộng lại là 7, có thể đoán 7 năm, 7 tháng, 7 ngày, hay 7 giờ.

Căn cứ số của ba quẻ : quẻ chủ, quẻ hỗ, quẻ biến để định thời gian : Ví dụ : quẻ chủ là "tụng" là số 7, quẻ "hỗ" là

"gia nhân" là số 8, quẻ biến là "phù" là số 9. Tổng ba quẻ cộng lại là 24 có thể đoán trong 24 năm, 24 tháng, 24 ngày, hoặc 24 giờ.

3) *Xác định thời gian theo quẻ sinh của quẻ thể.*

Có sinh quẻ thể thì cát, sự việc xảy ra nhanh. Nên phải xem số của quẻ và thời gian của quẻ sinh quẻ thể để quyết định thời gian ứng nghiệm. Ví dụ : Khảm là quẻ dụng sinh thể, khảm là số 6 nên có thể đoán : 6 năm, 6 tháng, 6 ngày, 6 giờ. Nếu quẻ hổ sinh quẻ thể thì việc xảy ra từ từ ; quẻ biến sinh quẻ thể thì chậm hơn. Nếu quẻ sinh thể lại biến thành quẻ khác thể thì việc có trở ngại, không đủ thuận lợi. Ví dụ có quẻ khác thể, không có quẻ sinh thể thì việc không thành. Có quẻ sinh thể, không có quẻ khác thể thì việc tốt.

4) *Xem động tĩnh để đoán thời gian ứng nghiệm*

Khi đoán thời gian khác hay ứng cần xem người đoán quẻ động hay tĩnh để quyết định thời gian chậm hay nhanh. Người đến đoán quẻ luôn đi lại thì ứng nhanh, lấy số của quẻ chia đôi lấy 1/2. Như được quẻ Tốn là số 10, chia cho 2 thì được 5.

Người đến đoán quẻ đứng thì thời gian ứng nghiệm là nửa chậm, nửa nhanh. Ví dụ quẻ Tốn là 10, thì nửa chậm là 12,5 ngày, nửa nhanh là 7,5 ngày.

Người đến hỏi quẻ ngồi, thì lấy số quẻ mà định. Ví dụ được quẻ Tốn là 10 thì thời gian ứng nghiệm là 10.

Người hỏi quẻ nằm thì càng chậm, nhân đôi số của quẻ lên. Ví dụ quẻ Tốn - 10 có thể đoán thời gian ứng nghiệm là 20.

Người động và cát thì ứng cát nhanh, tức là trong động có tin mừng. Người động mà hung thì ứng hung cũng nhanh,

tức có ý trong động có sự xấu. Người không động, cát hung khó thấy. Ví dụ người đến hỏi quẻ không có biểu hiện vui buồn, từ bề ngoài không thấy hỏi việc lành hay dữ, thì phải lập quẻ xong mới biết được.

Bát quái to vô cùng, nhỏ cũng vô cùng. Xa thì bao gồm hết vạn vật, gần thì chỉ có bản thân nó, nên thời gian ứng nghiệm xa là năm, tháng, gần là ngày, giờ. Nên khi đoán thời gian ứng nghiệm cần căn cứ vào tình hình thực tế, không phân biệt việc lớn, nhỏ ; vật ngắn, dài mà nói một cách đại khái thì nhất định sẽ sai lệch.

4. Mấy phương pháp đoán quẻ

Trên đời có muôn vật, người có muôn việc ; muôn vật, muôn việc đều có chữ "lý". Trong quái tượng của Bát quái có âm dương biến hóa, âm dương tăng giảm, có sự phát triển biến hóa của sự việc, có cái "lý" đối lập và thống nhất, có cái "lý" âm dương ngũ hành, tương sinh tương khắc, có cái "lý" vua trị nước ra sao, người dân làm người như thế nào. Tóm lại cái "lý" của trời đất, sinh vật, vạn vật, vạn sự đều trong bát quái cả. Nên "Hệ từ" có câu : "Bát quái lấy tượng quẻ, tượng hào để nói", tức là nói : việc anh định đoán, trong hào từ và tượng quẻ của bát quái đều đã viết rất rõ ràng, anh xem sẽ biết, cho nên "biết được tượng tức là lý đã ở trong đó."

"Lý" không những là nguyên tắc để "giải thích" và "chú thích kinh" phải tuân theo, mà cũng là kim chỉ nam để chỉ đạo sự dự đoán. Nhất là khi quyết định kết quả dự đoán, "lý" đặc biệt quan trọng, vận dụng tốt thì bách phát bách trúng, vận dụng không tốt thì sai từ đầu đến cuối.

Vì phương pháp gieo quẻ và nội dung của bát quái không ngừng được cải tiến và đổi mới nên phương pháp đoán quẻ

ngày càng hoàn thiện, càng khoa học, tính chuẩn xác ngày càng cao, nhưng cũng ngày càng phức tạp, độ khó của kỹ thuật rất cao, rất khó nắm vững. Dưới đây đưa ra mấy phương pháp đoán quẻ khác nhau kết hợp các cách đoán xưa nay để so sánh, cung cấp cho mọi người nghiên cứu, tham khảo.

1) Có 1 hào động.


Phương pháp gieo quẻ xưa kia bằng cỏ thi, và lấy đồng tiến thay cỏ thi, trong 1 quẻ có lúc chỉ có 1 hào động, có lúc có nhiều hào động, thậm chí cả 6 hào đều động, nhưng cũng có lúc trong quẻ không có hào động nào. Quẻ có hào động là quẻ biến, ngược lại là quẻ không biến. Khi quẻ có hào động thì lấy hào từ của hào động để đoán, không có hào động thì lấy tượng quẻ để đoán. Cho nên trong "Hệ từ" có câu : "Động thì xem sự biến của nó để đoán !".

Quẻ có 1 hào động là chỉ chuyên về một việc, nhiều hào động là sự việc lập đi lập lại, cho nên xưa kia thường lấy hào động làm chủ để đoán. Điều này trong các sử liệu như "Tà truyện", "Quốc ngữ" đều có chép.

1. Ví dụ cổ :


(1) "Tà truyện, Tuyên công năm thứ 20" : Quân sư nhà Tấn đi cầu nhà Trịnh, đi đến giữa đường được tin Trịnh và Sở đã giảng hòa. Chủ soái là Tuấn Lâm Phủ cho rằng không nên tiến quân nữa. Nhưng phó tướng là Tiên Cốc Cang Phục hiếu chiến, không nghe chỉ huy, tiếp tục tiến quân. Tri Trang Tử (theo tác giả : Tri Trang Tử tức là Tuấn Thú, là người cùng họ với Tuấn Lâm Phủ) đã gieo được quẻ "lâm" của quẻ "sư", chỉ ra rằng : hào sơ của quẻ "sư" nói : "Sư xuất dị luật, phủ tàng hung" (theo tác giả, câu này có nghĩa : quân đội xuất binh phải có kỷ luật, nếu vô quân kỷ thì cho dù thắng hay bại đều là hung). "Phủ" là ác, là bại ; "tàng" là thiện, là thắng. Từ tượng của hào này là : "sư xuất dị luật, thất luật

hung dã". Nên báo Tiên Cốc : không phục tùng chỉ huy, vi phạm quân kỷ, tất sẽ chuốc lấy thất bại. Về sau quả nhiên quân Tấn đại bại ở nước Sở.

(2) "Tà truyện, Ai công năm thứ 9" : Tống công đi chinh phạt Trịnh, Tấn Triệu Anh cứu Trịnh. Dương Hồ dã dùng Kinh dịch gieo được quẻ "nhu"  của quẻ "thái". Từ hào 5 của "thái" nói : "đế ất qui muội, dị chỉ, nguyên cát", Dương Hồ đoán : việc chinh phạt nhà Tống không tốt, kết quả đúng như thế !

2. Ví dụ ngày nay :

(1) Ngày 9/8/1984, đồng sự của tôi có việc nhờ tôi đoán.

Được quẻ "tụng" của quẻ Khốn  . Hào từ của hào 6 quẻ "khốn" nói : Khó khăn ở trong sự ràng buộc, lòng luôn lo lắng không yên, động hối, hữu hối. Chứng cát". Như thế có nghĩa là : tuy khó hối hận, nhưng hối hận được thì sẽ tốt. Tôi nói với anh ta : "Anh vì có quan hệ nam nữ bất chính nên cảm thấy hối hận không kịp". Anh ta nói : "đúng, có một quả phụ cứ bám chặt lấy tôi, tôi không thể thoát ra được, trong lòng luôn lo lắng, sợ tiếp tục phát triển sẽ xảy ra không tốt, làm sao bây giờ ?". Tôi căn cứ quan hệ tương sinh, tương khắc khuyên anh ta ôn hòa giải quyết, nếu không thì tai nạn đang chờ. Anh ta nghe lời tôi và về sau bình an vô sự.

(2) Ngày 27/7/1986, Ngô Hán Thu, người công ty tôi đã dẫn sự phụ Hầu đến nhà tôi nói muốn đi công tác, nhờ đoán xem có an toàn không ? Tôi gieo được quẻ "tiệm" của quẻ "gia nhân". Từ hào đầu quẻ "gia nhân" nói : "nhân hựu gia, hối chi". "Nhân là phòng, tức để phòng việc bị cướp". "Chu dịch Gia nhân" nói : "lấy" hào sáu mà đoán : trên cùng là cha, hào đầu là con, hào 5 và 3 là chồng, hào 4 và 2 là vợ, đây là tượng ngũ huynh tam đệ, là người nhà".


Căn cứ khí quẻ và hào tử sơ là hào động, nên tôi đoán : Căn bản không phải là đi công tác mà là con trai của ông phạm pháp về việc cướp giết. Ông ta nói : "đúng, đúng ! Chính là con tôi vì cướp giết mà bị bắt. Ông xem có cách gì cứu giải được không ? " Tôi nói : "Con ông có 2 lần bị họa phải giam, ông nên chịu giam chứ đừng chịu phạt. Lần này nhiều nhất là giam 1 năm, để cho nó nếm mùi gian khổ, giáo dục, thì lần sau may ra có thể tránh khỏi, nếu không sẽ phạm nặng hơn". Nhưng rất đáng thương cho tấm lòng của cha mẹ, sư phụ Hấu đã chịu phạt tiền để cứu con về. Hậu quả là năm 1987 con ông lại phạm tội cướp giết bị giam 7 năm. Sư phụ Hấu hối hận vì đã không nghe lời tôi nên nay đã rơi vào cảnh tay trắng nhà không (theo tác giả trong thời gian bị giam con ông lại phạm tội lần nữa, nên bị tăng thêm 3 năm).

2) Tượng quẻ.


Bát quái bao la vạn tượng, bao hết mọi vạn vật trong đó. Lấy tượng quẻ mà đoán việc cho rõ, có tượng là đã rõ được sự việc. Cho nên căn cứ tượng quẻ đoán cát hung là một trong những phương pháp đoán quẻ thường dùng nhất.

1. Ví dụ cổ :

(1) "Quốc ngữ, Tấn ngữ". Trọng Nhĩ là công tử nước Tấn bị đuổi ra khỏi Tấn 19 năm. Thái Mục Công quyết tâm đem binh lực giúp Trọng Nhĩ trở về chiếm lại quyền hành. Để dự đoán lành dữ Đồng Nhân đã lấy quẻ cho Trọng Nhĩ được quẻ


"Thái"  Đồng Nhân căn cứ tượng quẻ nói rằng : "là thiên địa phối". Thái là địa ở trên, thiên ở dưới, có thiên khí giáng xuống, địa khí thăng lên, có thiên địa thông nhau đó là tượng sinh vạn vật, là thời cơ tốt để được nước, được dân. Về sau Trọng Nhĩ quả giành được chính quyền xưng là vua nhà Tấn, tức là Tấn Văn Công, một trong những ngũ bá thời Xuân Thu.

(2) "Quốc ngữ, Chu Ngữ". Tấn Thành Công lưu vong ở Chu, Tấn Triệu Xuyên đón Thành Công về làm vua nhà Tấn. Trước khi lên đường người Tấn đã đoán quẻ : được quẻ "phủ" của

Càn  . Người Tấn căn cứ tượng quẻ của hai quẻ "phủ, càn" nói : "Càn là trời, là vua", trời trên vua dưới, có được tượng vua phối với trời, nhưng quẻ hạ cũng là quẻ càn, từ càn biến thành khôn, quân biến thành thân, là "phối mà không chấm dứt". Đó là lấy tượng quẻ của quẻ chủ và quẻ biến để đoán cát hung.

2. Ví dụ ngày nay :

(1) Ngày 4/5/1987 khi tôi ở Bắc Kinh, Đinh Tiêu Tiêu và mẹ ông cầm tờ Bắc Kinh nhật báo đến hỏi tôi. Trên báo nói : năm nay ở Bắc Kinh vào giao thời mùa hạ mùa thu có nạn lụt, yêu cầu tăng cường để phòng. Muốn tôi đoán xem có đúng hay

không. Lúc đó tôi đoán được quẻ khôn của quẻ cấn  . Tôi xem cả hai quẻ thấy có thổ vượng nên nói : Bắc Kinh năm nay quyết không có lụt. Về sau quả đúng như thế.

(2) Chiều 28/2/1985 ngài Thái Ngọc Quý đến nói : có 1 đồng sự ở cơ quan ông ta ngày 24 nhận được điện báo của vợ nói ngày 26 vợ đến Tây An. Hôm nay đã là 28 rồi mà không thấy đến, không hiểu trên đường vợ con có xảy ra việc gì không, rất lo lắng. Tôi đoán được quẻ "Dự" của quẻ "Khôn". Vì khôn là đại dự, là nhiều người, dự cũng là xe, cũng là cánh của nhiều người. Khôn thổ có nghĩa là : nằm im. Tôi nói : Bình yên vô sự, chẳng qua vì người đông xe chật, nên không đi được. Ngày 1/3 có thể đến. Quả nhiên vì nhiều người xe ít, nên mong 1 tháng 3 vợ con mới đến được Tây An.

3) Nghĩa lý.

Căn cứ vào nghĩa lý của quẻ mà đoán là một trong những phương pháp phổ biến xưa nay đều dùng. "Nghĩa lý" tức là hàm nghĩa của từ quẻ, từ hào, tượng quẻ kết hợp với tình

hình thực tế cụ thể để đoán cát hung. Đó chính là lý luận liên hệ thực tế, bản tên có đích. Phương pháp này rất khó, không dễ nắm vững, nhưng người xưa vô cùng coi trọng. Thiệu Khang Tiết nói : Số muốn nói được đúng cần phải có lý luận kèm theo. Chỉ dựa vào số mà không dựa vào lý thì chỉ thấy vấn đề mà không nghiệm được vấn đề. Ví dụ như đoán về việc ăn uống được quẻ Chấn, chấn là long. Theo lý luận mà nói không thể bắt được rồng, cho nên nói về ăn uống phải lấy cá chép mà thay vậy. Lại ví dụ đoán về thời tiết mà được quẻ Chấn tức là có tiếng sấm. Nếu các tháng mùa đông bói được quẻ Chấn, theo lý luận mùa đông không có sấm... đó tức là căn cứ vào tình hình thực tế, tức là phóng tên có đích, nếu không sẽ phạm phải chủ nghĩa giáo điều hoặc kinh nghiệm chủ nghĩa.


1. Ví dụ cổ :

(1) "Tả truyện, Chiêu công năm thứ 12" : Nam San là Lộ Quý, một viên quan ở nước Lỗ, ông ta muốn phân bội nhà Lỗ đầu hàng nước Tề. Trước khi hành sự đã gieo quẻ, được quẻ "tì" của quẻ "khôn". Lời từ hào 5 của quẻ khôn nói : "Hoàn thường nguyên cát", ông ta phấn khởi cho rằng đó là tượng đại cát, liền đưa quẻ cho 1 chuyên gia dịch học Từ Phục Huệ Bá xem. Nam San nói, tôi có việc, ông xem nó sẽ thế nào ? Huệ Bá nói : nếu là việc của quẻ trung tín thì có thể được, còn nếu là việc xấu thì không thành, tất bại. Huệ Bá đem câu "hoàn thường, nguyên cát" giải thích cho Nam San nghe : Hoàn là sắc ở trong, thường là trang sức, nguyên là trường của thiện. Bên trong không trung thành, thì không được sắc của nó..., tức là nói không đầy đủ những phẩm chất cao thượng, không có lòng trung thiện thì việc trong quẻ là xấu, tức là dù có được quẻ tốt cũng xấu. Nam San không nghe lời khuyên của Huệ Bá, quả nhiên thất bại !

Ngài Lý Kính Trì cho rằng : Huệ Bá sở dĩ đoán đúng là vì còn có một nguyên nhân khác, đó là Huệ Bá thấy Nam

San áp a áp ứng nên biết đó không phải là điều ngay thẳng (theo "Chu dịch tham nguyên"). Điều đó phù hợp với "hệ từ" là : theo người được đoán lo lắng mà đoán. Nhưng tôi (tác giả) cho rằng cần phải chú ý một nguyên nhân nữa : Huệ Bá đoán đúng là vì hào 5 của quẻ Khôn tuy ở giữa nhưng không được ngôi. Hào 5 là ngôi dương, nay ngôi âm lại chiếm, tức là không được chính ngôi, không chính tất nhiên là việc ác. Hơn nữa khôn là thổ cố nghĩa là bất động, nếu manh động tất sẽ thất bại. Nên Huệ Bá nói "bên trong không trung thì không được sắc của nó". Không trung chính thì không được sắc chân chính của hoàng bào.

(2) "Luận Hằng. Chiêm bốc thiên" : Tướng nước Lỗ chinh phạt nước Việt. Tử Cống đoán được quẻ "cố" của quẻ "đỉnh". Hào 4 động, lời từ của nó nói : đỉnh gãy chân, hung. Tử Cống nói : đi thì phải dùng chân, nay chân đã gãy là hung vậy. Khổng Tử lại nói là cát vì : "người Việt ở dưới nước, lúc đi dùng thuyền, không dùng chân, cho nên gọi là cát. Nước Lỗ đánh nước Việt quá nhiên thắng". Tiêu chuẩn chân lý chỉ có thể là tục tiến của xã hội. Khổng Tử đã căn cứ vào nước Lỗ đánh nước Việt là tiến công từ đường thủy chứ không từ phía lục địa, nên dùng thuyền mà không dùng chân đó là căn cứ vào thực tế mà đoán. Nên quái thuật của Không tử cao hơn.

(3) "Mai hoa dịch số" : Tích vé Lý Hanh Phong đoán vé hai con ngựa đen và đỏ rơi xuống sông, có người hỏi con nào sẽ lên trước ? Có người bốc được quẻ "ly"  nói : "Ly là lửa, lửa màu đỏ, nên ngựa đỏ lên trước". Nhưng ông Lý nói : "Lửa chưa bùng đã bốc khói, nên ngựa đen lên trước". Quả nhiên như thế. Đó là Lý Hanh Thông đã căn cứ khí lửa cháy, đầu tiên thấy khói, sau đó mới thấy lửa để đoán, nên đúng.

4) "Mai hoa dịch số" : Giờ Dậu tháng 11, Thiệu Thang Tiết và con ông nhóm lò, có người gõ cửa, lần đầu 1 tiếng rồi thôi, sau đó lại gõ 5 tiếng hỏi mượn cái gì đó. Khang Tiết bảo con ông gieo 1 quẻ thử đoán xem họ mượn cái gì. Được quẻ "Tốn" của quẻ "Cấn". Con ông nói : "Kim đoán mộc trường, đó là dụng cụ, chắc là mượn cuốc". Khang Tiết nói : "Không phải đâu, chắc là mượn rìu". Liền mở cửa hỏi, quả nhiên là mượn rìu ! Con ông hỏi vì sao lại đoán thế ? Ông Tiết nói : "Đoán quẻ phải rõ lý. Theo quẻ mà đoán thì rìu cũng đúng mà cuốc cũng đúng, nhưng lấy lý mà suy đã chiều tới rồi thì mượn cuốc làm gì, chắc là mượn rìu để bở củi. Cho nên căn cứ số của quẻ mà đoán, còn cần phải rõ lý nữa, đó là điều rất cần thiết khi đoán quẻ".

(5) "Chu dịch, Cổ phệ khảo". Kỳ Hiếu Phương người nhà Thanh trước khi đi thi bói được quẻ "Khốn", hào 6 động : "Khốn ư thạch, cử ư tật lê, nhân ư kỳ cung, bất kiến kỳ thể, hung". Thấy bói xem xong nói là không tốt, Kỳ lại cho rằng mình chưa lấy vợ làm sao có thể nói : "Bất kiến kỳ thể, hung" ? Anh ta lại nói : "khốn ư thạch" có thể là người đứng tên thứ nhất họ Thạch hoặc tên họ anh ta có chữ Thạch bên cạnh, còn tôi có thể là người đồ thứ hai. Về sau quả đúng như thế ! Lại còn có người nói, nếu bói được hào phụ mẫu hung, nhưng bố mẹ anh ta đã mất từ lâu thì còn phụ mẫu hung gì nữa. Chính là Kỳ Hiếu Phương đã căn cứ vào tình hình thực tế của mình là chưa lấy vợ mà đoán nên kết luận chính xác. Từ cách dùng thần của quẻ khốn thì thấy thần phúc sinh thế, lại có quan thế tương sinh, đó là tượng được công danh, cho nên thi đỗ.

2. Ví dụ ngày nay :

Ngày 23/7/1986, ngài Lương Kiến mang một quẻ mà ông ta đoán cho 1 người phụ nữ vào ngày Canh Thân tháng 4 trước đó, được quẻ "đoài" của quẻ "Tùy". Hào từ sáu hai của quẻ đó nói : "Hãy còn nhỏ, mất chồng". Nhờ tôi giải quẻ này xem là việc gì và lành hay dữ ? Tôi xem hào động của quẻ này và quẻ hóa khác trở lại, nên nói : "người phụ nữ này đoán về việc em gái của bà ta bị chết, bây giờ xem kiện tụng có thắng được hay không". Ngay tại trận ông Lương kinh ngạc nói : "Đúng ! Em gái bà ta vì bị tai nạn trong nhà máy mà chết và đang đi kiện. Nhưng hào từ rõ ràng nói là : "hãy còn nhỏ, mất chồng", vậy nên đoán là việc của chồng bà ta mới đúng, sao ông lại đoán là việc của cô em gái ? Tôi nói : điều này rất đơn giản, hào buynh đệ sáu hai ở ngôi âm là chính ngôi lại hóa thành quẻ "đoài", đoài là thiếu nữ nên nhất định là em bà ta ! Trong quẻ đoài nhiều, đoài là cãi vã nên là việc kiện tụng.

4. Lý số

Quẻ thì có số, đoán quẻ cũng có số. "Số" ở trong quẻ thì có số quẻ, số hào đều tiêu biểu cho cự ly, số lượng, trọng lượng, độ cao, độ sâu, độ rộng, thời gian... Lấy số để đoán sự ứng nghiệm của quẻ gọi là "Lý số". Cho nên "Chu dịch tiên thuật" có câu : "Biết được tượng thì lý số của nó đã ở trong đó".

Dùng số để đoán quẻ trong sử liệu của các sách "Tà truyện" "Quốc ngữ" chưa thấy có, nhưng từ sau triều Tống thì đã có. Tôi trong khi đoán cũng thường căn cứ số để dự đoán kết quả và thấy rất thích hợp.

1. Ví dụ cổ :

(1) "Mai hoa dịch số" : Thiệu Khang Tiết giờ Mão ngày Kỳ Sửu gặp 1 ông già đi từ phương Tốn lại, sắc thái lo âu, hỏi ông vì sao mà lo ? Ông già nói : Không. Thiệu Khang Tiết lấy làm lạ liền gieo được quẻ "Cầu" có hào chín bốn động, lời từ của nó nói : "Bao vô ngư, hung". Khang Tiết nói với ông già : trong vòng 5 ngày ông ra vào phải cẩn thận, e có đại họa. Quả nhiên đúng ngày thứ 5, ông già đi ăn cỗ bị hóc xương cá mà chết !

Nguồn gốc số 5 của quẻ này là : Càn 1, Tốn 5, giờ Mão là 4 chia cho 2 mà ra. $(1 + 5 + 4 \text{ chia cho } 2 = 5)$. Khang Tiết nói : Nếu hành động thì ứng nhanh, nên phải lấy số của quẻ chia đôi lấy 1 nửa. Nên đoán trong vòng 5 ngày là vì thế.

(2) Sách "Chu dịch cổ phệ khảo" - Hồ Phấn và Viên Kỳ Sơn đời nhà Minh, hai người đi chơi Kim Lăng để thăm quan chủ. Quan chủ vì mất một cái cốc bằng vàng nên nghi cho người ở ăn cắp, đánh đập tra khảo. Hai người thấy thế liền bói được quẻ "Di" của quẻ "Bốc". Hai người báo với quan chủ là chén vàng không mất, nó ở phía Tây nam góc tường của ông, đào sâu 5 tấc thì sẽ tìm được. Quả đúng như quẻ bói. Nguồn gốc của số 5 là như sau : trong 8 cung của phép nạp giáp Khôn ở cung thứ 5, nên mới nói đào 5 tấc. Nhưng theo kinh nghiệm thực tế của tôi còn có 2 chỗ có thể giải thích như thế : một là "hành động thì ứng nhanh". Lúc đó quan chủ đánh người ở có lẽ là vì truy bắt, nên nhanh lại nhanh quá. "Bốc" chính là số 15, chia 3 được 5 ; thứ hai là số của "bốc" trừ đi số của "di" cũng được 5. $(7 + 8 + 1) - (7 + 4) = 5$. "Mai hoa dịch số" có nói : "Quẻ thế và quẻ dụng ngang nhau thì vật không mất". "Cấn" là thổ là sơn, có nghĩa là bất động, nên chén vàng không mất.

2. Ví dụ ngày nay :

(1) Giờ Thân, ngày 19 tháng 10 - 1983, sư phụ Mạnh ở phân xưởng 32 của nhà máy tôi nói là vợ ông ta đi ra ngoài buôn bán đã hơn 1 tháng mà biệt vô âm tín, nhờ đoán xem có an toàn không và khi nào về. Tôi gieo được quẻ "vô vọng" của quẻ "lý". Tôi an ủi ông ta và nói : vợ ông ở phía tây nam, bình yên, có cái vã, nhưng vẫn vô sự. Trong vòng 5 ngày, nếu chưa về thì sẽ có thư, nếu không có thư thì nhất định phải về. Đến chiều ngày thứ 5 ông Mạnh báo : vợ vẫn chưa về, cũng chẳng có thư xin nhờ đoán lại. Tôi bảo : không cần, ông cứ về chờ tin tức. Khoảng hơn 3 giờ chiều, ông nói là đã nhận được điện báo của vợ từ Thành đô báo về dặn hôm sau ra ga đón. Vé sau hỏi quả đúng như đoán !

Tôi đoán : 5 ngày thì trở về là vì lấy số của quẻ để đoán cụ thể là : $1 + 2 + 2 = 5$, tức Càn 1, Đoài 2, hào động 2.

(2) Tháng 4/1987 khi tôi đang ở Bắc Kinh để giảng bài cho lớp nghiên cứu Kinh Dịch lần thứ 4 tổ chức trong toàn quốc, chiều ngày 13 tháng 4 giữa giờ giải lao, nữ học viên Trương Lập Mẫn nói : Thấy Thiệu, tôi có 1 đồng sự sắp đi công tác nhờ đoán xem khi nào có thể đi được. Tôi gieo được quẻ "Cấn" hào đầu động.

"Cấn" là sơn là thổ, là tượng bất động. Cấn là số 7, hào sơ là 1, cho nên $(7 + 7 + 1) : 2 = 7,5$. Tôi nói : "Trong vòng 7,5 ngày không đi nổi". Bà ta nói : "Đúng ! ông ta chuẩn bị sau ngày 20 thì đi. Mọi người ở đó vô cùng kinh ngạc.

5. Âm dương ngũ hành sinh khắc

Học thuyết âm dương ngũ hành là kinh nghiệm quý báu của nhân dân lao động nước ta qua thực tiễn xã hội lâu dài mà tổng kết ra. Người xưa đã lấy vạn vật trong thế gian chia

thành âm dương, còn kim, mộc, thủy, hỏa, thổ là những chất cơ bản cấu tạo thành thế giới. Lý luận âm dương ngũ hành sinh khắc, chế hóa không những đã thúc đẩy các lĩnh vực khoa học như thông tin, triết học, quân sự, hóa học, vật lý, nhân thể học, trung y, thiên văn học phát triển mà cho đến nay vẫn còn có tác dụng chỉ đạo to lớn sự nghiệp phát triển khoa học của nước ta. Dem lý luận âm dương, ngũ hành, sinh khắc, chế hóa đưa vào bát quái, dùng để dự đoán thông tin nhân thể là phù hợp với luận điểm nổi tiếng của "hệ từ" : "Quảng đại phối thiên địa, biến thông phối tứ thời, nghĩa âm dương phối nhật nguyệt" (âm dương có khắp mọi nơi, khắp mọi lúc).

Vạn vật trong trời đất đều thống nhất ở âm dương ngũ hành. Người cũng là một loài trong đó, dương nhiên cũng chịu sự chi phối và chế ngự của nó. Nên "tứ thời âm dương, là căn bản của vạn vật" "Hợp nhân hình thì lấy phép tứ thời ngũ hành mà trị, ngũ hành là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, vừa tầm thường vừa cao quý, lấy biết sinh, tử để quyết đoán sự thành bại". ("Tổ vấn"). Âm dương ngũ hành có quyền chủ tế sinh sát vạn vật. "Ngũ vận âm dương, thiên địa hợp sự kỳ cương của vạn vật là phụ mẫu của sự biến hóa, là nguồn gốc của sự sinh sát, là trung tâm của thần linh, điều đó không thể không biết". Sách còn nói : "Sự hòa hợp của thiên địa, trong lục hợp không thoát khỏi ngũ hành và con người". ("Tổ vấn"). Như thế rất rõ : sự vận động của âm dương, ngũ hành trong vũ trụ đã dẫn đến sự biến hóa, không những có ảnh hưởng đối với con người mà còn quyết định sự tồn vong, sinh tử của con người. Cho nên nói : lấy âm dương ngũ hành lồng vào bát quái, thông qua tính toán, có thể đoán được tình hình âm dương ngũ hành sinh khắc chế hóa trong các thông tin để quyết định sự thành bại của sự việc.

Dùng nguyên lý âm dương ngũ hành sinh khắc chế hóa để đoán quẻ đã có lịch sử hơn ba nghìn năm, thực tiễn chứng minh là chính xác. Cơ sở khoa học của nó rất sâu. Theo nguyên lý này mà đoán quẻ thì cả 64 quẻ, không thể nói quẻ nào là tốt, quẻ nào là xấu, mà là căn cứ theo ngũ hành sinh, vượng, tử mộ của khí quẻ và tượng hào làm chủ. Khí quẻ vượng, tượng hào vượng, dụng thần, hào thế, hào ứng vượng mà tương sinh là tốt, nếu rơi vào tử địa mà bị khắc thì không tốt. Nếu quẻ tốt, khí quẻ, tượng hào, thế, ứng, dụng thần lại vượng thì rõ ràng là trên gấm còn thêu hoa.

1. Ví dụ cổ.

(1) "Tà truyện - Tương công năm thứ 9". Mẹ của Lỗ Thành Công là Mục Khương và quan đại phu Kiêu Như thông gian, cùng âm mưu phế bỏ ngôi của Thành Công. Kết quả bị bại lộ, Mục Khương bị nhốt vào lãnh cung. Bà muốn biết vận mệnh mình ra sao nên đã bói được quẻ "tùy" của quẻ "cấn". Quan lại bỏ quẻ chủ (là quẻ "cấn") không dùng mà chỉ dùng quẻ "tùy", trong đó có câu "tùy, vô cố vạ". Ông nói với Mục Khương phải mau trốn thoát. Mục Khương lấy quẻ "tùy" có câu : "nguyên hanh lợi trinh, vô cữu" tức là tôi không đủ cái đức của nguyên hanh lợi trinh. Tôi là một phụ nữ, tự chước lấy tội ác, làm việc có hại đến mình, loạn quốc hại dân, làm sao lại không có tai họa được, nên đành chết ở đây, sao có thể trốn thoát được. Về sau đúng như thế ! Bây giờ ta hãy lấy quẻ đó để kiểm nghiệm lại bằng phép 6 hào ngũ hành sinh khắc thì sẽ biết Mục Khương chạy không nổi, tất sẽ chết ở đó.

QUẺ CHỦ : "CẤN"

QUẺ BIẾN : "TÙY"

Quan quý dẫn mộc ○ thế

Huynh đệ mùi thổ.. ứng

Thê tài tý thủy ×

Tử tôn dậu kim.

Huynh đệ tuất thổ ×	Thê tài hợi thủy.
Tử tôn thân kim ○ ứng	Huynh đệ thìn, thổ.. thê
Phụ mẫu ngộ hỏa..	Quan quý dân mộc..
Huynh đệ thìn thổ ×	Thê tài tý thủy.

1. "Cấn" là sơn, là đỉnh chỉ, là thổ, là tượng bất động, cho nên chạy không nổi.

2. Trong quẻ "chủ" có 5 hào động, nội ngoại đều động, hào động nhiều là chủ về việc không thuận.

3. Mục Khương là nữ nên âm phải ở ngôi âm, nay hào thế hào dương động ở ngôi âm, nên không trung, ngôi lại bất chính. Không trung, không chính đó là người có mầm ác. Ngôi của hào thế lại ở cực địa, ngôi đã cực thì tất sẽ đi xuống.

4. Hào thế dẫn mộc là Mục Khương, hào ứng thân kim là con bà (Thành Công) đúng là con khác mẹ, con hình phạt mẹ nên con của bà nhốt bà vào lãnh cung.

5. Hào thế dẫn mộc hóa mùi thổ, mùi thổ là mộ địa của mộc. Mộ là lao ngục, cho nên Mục Khương bị tù và phải chết ở đó.

Trong cách sắp xếp 6 hào ban đầu của ví dụ này, lục thân của quẻ biến như phụ mẫu, huynh đệ, v.v... đều nên theo ngũ hành của quẻ chủ để biến.

(2). "Tà truyện - Tương Công năm thứ 25" : Tề Đường Công sau khi chết, Thôi Vũ Tử đi diếu, nhìn thấy vợ của Đường Công rất đẹp, muốn lấy làm vợ. Dùng Chu dịch để bói, gieo được quẻ "đại quá" của quẻ "khốn". Người bói nói : cát. Trần Văn Tử (theo tác giả tức Trần Tu Vô, sĩ tề tráng công là quan đại phu, có công, lấy Thụy là Văn Tử). Nói là không "cát". Thôi Vũ không nghe vấn cưới vợ Đường Công làm vợ. Dương nhiên là người bói đoán về quẻ này sai.

QUÊ CHỦ "KHỐN"

Phụ mẫu mùi thổ..

Huynh đệ dậu kim.

Tử tôn hợi thủy. ứng

Quan quý ngọc hòa ×

Phụ mẫu Thìn thổ.

Thê tài dân mộc.. thê

QUÊ BIẾN "ĐẠI QUÁ"

Phụ mẫu mùi thổ..

Huynh đệ dậu kim.

Tử tôn hợi thủy. thê

Huynh đệ dậu kim.

Tử tôn hợi thủy.

Phụ mẫu Sửu thổ.. ứng.


1) Quê ngoại của khôn là đoài, là thiếu phụ. Quê nội là khám, là trung nam thì không phải là chính phối (thiếu nam thiếu nữ là chính phối), không chính phối thì không cát, lại "đại quá" hóa khác, hào thế hào ứng cũng khác nên không tốt.

2) Hào thế dân mộc là Thời Vũ, hào ứng là Đường thê (vợ Đường công), ứng và thế tương sinh và tương hợp, nên tuy có thể thành hôn nhưng là điểm hung.

Những ví dụ trên đều có thể dùng âm dương ngũ hành và phép " nạp giáp" để kiểm tra, kết quả của chúng đều là như thế cả. Từ hai thí dụ trên có thể thấy rõ : từ thời Xuân Thu đến đời Hán kéo dài hơn 4000 năm, ta thấy cách lấy quê là giống nhau, nhưng cách đoán quê thì khác nhau, song kết quả lại như nhau, đó không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên, mà nó chứng tỏ dùng âm dương ngũ hành để đoán quê là thiết thực và có thể được.


2. Ví dụ ngày nay :


(1) Ngày 2 tháng 1 năm 1984, Ngô Hán Thu ở nhà máy tôi đưa vợ của Ngưu Thuận Phù đến nói từ 2 giờ rưỡi chiều hôm qua, sau khi tan ca thì con đi đâu mãi bây giờ chưa thấy về, muốn hỏi xem khi nào trở về ? Gieo quẻ được quẻ

"đoài"  . Tôi nói : đây là con gái, hỏi còn nhỏ bị mắc

bệnh để di chứng đến nay, cháu đi về phương nam. Vì quê thể và quê dụng ngang nhau nên tôi lại nói : "Trước 8g30 tối nay nhất định cháu sẽ về".

.. Đến tối 7g45' ông Ngô lại đưa vợ chồng Thuận Phú đến tôi nói là con chưa về và nhờ đoán lại. Tôi nói : chưa đến 8g30', nếu không về thì tôi xem lại cũng chưa muộn. Đến 8g15', tôi nói : các anh chị về xem sao. Hai vợ chồng họ vừa xuống hết cầu thang thì có người nhà đến báo tin : là con gái đã về nhà lúc 8g10'.


(2) Cô Triệu Thế Lan ở xưởng tôi trước đây có việc đã nhờ tôi đoán 5 lần đều đúng cả. Lần này khoảng hơn 1 giờ chiều ngày 23/3/1988 đến nhà tôi. Nhìn thấy dáng vội vàng hấp tấp của chị tôi biết lại có việc tìm tôi. Cô ấy nói : "Trưa nay tôi và chồng tôi mời khách ăn cơm ở khách sạn, lúc đó cái áo dạ mới của chồng tôi để trên ghế, ăn cơm xong đi rửa tay, quay trở lại thì không thấy nữa. Tìm khắp nơi vẫn không thấy. Tôi phải tiết kiệm lâu lắm mới mua được cái áo đó, thế mà bây giờ lại mất, thật rui ro quá?". Tôi gieo được quẻ "tốn" . Quẻ thể và quẻ dụng ngang nhau, tức là "vật không mất". Tôi an ủi nói : "Thời đừng buồn nữa, trước 7g tối hôm nay sẽ thấy áo. Nếu không thấy thì hãy khóc cũng chưa muộn". Cô Triệu thất vọng nói : "Thời buổi bây giờ bọn cướp ngày đây rầy, áo mất rồi lại còn mong được lại, làm gì có chuyện ấy". Kết quả 6g30 tối một vị giám đốc nhật được áo này đã đưa đến trả.

(3) Ông Vương Song Ngân xưởng tôi nói : giờ Mão ngày 10 tháng 11/1987 xe đạp bị mất cắp, hỏi có thể tìm lại được không ? Gieo được quẻ "câu" . Quẻ này dụng khác quẻ thể, tôi nói : không tìm được đâu. Sau quả đúng như thế.

(4) Ngày 1/6/1984, tôi ra phố có việc, trên đường gặp một cụ già, tay cầm 5đ gơ cao, vừa đi vừa nói to : "Tôi có việc

nhờ đoán, ai đoán được sẽ trả tiền đây". Có 2 người xem quẻ nói với cụ già : "chúng tôi đoán được". Cụ già rất phấn khởi.

Hai tiếng đồng hồ sau, tôi làm xong việc trở về, thấy ông già vẫn cầm 5đ trong tay. Tôi đoán là chưa ai đoán đúng. Tôi định đi, nhưng Viên Đôn Kiệt - bạn tôi, nói với cụ già : "Ông nhờ thầy Thiệu đây đoán xem". Cụ già nghe lời xin tôi đoán. Tôi nói : "Họ đoán cho cụ không sai, vì sao cụ chưa vừa lòng ?" - "Hai người đó đều đoán rất tốt, nhưng việc chính hôm nay của tôi thì họ lại không đoán được câu gì !".

Tôi nói : "để tôi thử xem". Gieo được quẻ "khiêm"  .

QUẺ CHỦ "KHIÊM"	QUẺ BIẾN "KHÔN"	LỤC THẦN
Huynh đệ dậu kim..	Huynh đệ dậu kim.. thế	Huyền vũ
Tử tôn hợi thủy.. thế	Tử tôn hợi thủy..	Bạch hổ
Phụ mẫu sửu thổ..	Phụ mẫu sửu thổ..	Phi xà
Huynh đệ thân kim.	Thê tài mao mộc.. ứng	Câu trăn
Quan quý ngọ hỏa. ứng	Quan quý tị hỏa..	Chu tước
Phụ mẫu thìn thổ.	Phụ mẫu mùi thổ..	Thanh long

Tôi xem quẻ kinh ngạc nói : "Thưa cụ, con trai cụ phạm pháp, đang bị giam là diêm tội chết. Nhưng không sợ, đang có anh nớ cứu, không chết được đâu. Cụ phải mất trên dưới 1000 đồng". Cụ già nghe xong vừa kinh sợ vừa mừng : "Thầy Thiệu ạ, thầy đoán rất đúng, con trai tôi kẹp chết 1 bà già bên cạnh, phí an táng mất 960đ. Bây giờ cả nhà đương lo nó có bị tử hình hay không, nên tôi muốn đoán quẻ này. Nghe thầy nói có người cứu không chết, tôi rất mừng. Hiện nay hai anh của cháu đang khiếu nại với toà án. Tên tôi là Vương Vĩnh Sơn, người thành phố này, rất muốn mời thầy đến nhà dự bữa cơm thân mật" Nói xong cụ già nhét vào túi tôi 5đ. Tôi nói : tôi không đoán để lấy tiền, cụ cứ cầm lại tiền đi !

Về sau báo toà án thành phố Tây An đã đăng tin này, bản án hoãn tử hình 2 năm để tra cứu, xem xét tiếp.

1/ Hào thế hợi thủy, hào ứng ngộ hỏa là quan quĩ tương khắc. Quan quĩ ngộ hỏa đắc địa, làm nhật kiến, còn hợi thủy tử tôn lại ở vào đất hưu tù, vô lực. Ngược lại còn bị quan quĩ ngộ hỏa khắc nên là tai nạn về việc kiện tụng.

2/ Các sách đều nói : "Thủy tù ở tháng thìn, tuất, sửu, mùi". Nay hào thế tử tôn hợi thủy tù ở nguyệt kiến mùi thổ, vì là nào tử tôn, do đó con trai bị giam.

3/ Câu trần động khắc hào thế hợi thủy, nên nó chủ về tai họa lao ngục.

4/ Hai quẻ đều là thổ, làm nguyệt kiến, nhật sinh, trùng khắc tử tôn hợi thủy nên là điềm chết.

5/ Hào huỳnh đệ thân kim ở "quán đái" lại làm hào động, sinh thế hợi thủy nên là có tượng cứu giúp.

(5). 3 giờ chiều ngày 31/12/1985, Trương Thành biết tôi đã từng đoán đúng ngày 28/12 đội nữ bóng chuyền của ta thắng liên đội Ngôi sao thế giới, nói : "Thầy Thiệu, hôm nay ở Thượng Hải đội nữ bóng chuyền của ta lại đấu với đội nữ bóng chuyền thế giới, Thầy thử đoán xem ai thắng ?". Tôi gieo được quẻ "đoài" của quẻ "lý".

QUẺ CHỦ "LÝ"

Huỳnh đệ tuất thổ.

Tử tôn thân kim. thế

Phụ mẫu ngộ hỏa.

Huỳnh đệ sửu thổ..

Quan quĩ mảo mộc. ứng

Phụ mẫu tị hỏa.

QUẺ BIẾN "ĐOÀI"

Huỳnh đệ mùi thổ.. thế

Tử tôn dậu kim.

Thế tài hợi thủy.

Huỳnh đệ sửu thổ.. ứng

Quan quĩ mảo mộc.

Phụ mẫu tị hỏa.

1/ Hào thế tử tôn thân kim là đội nữ của ta, ngôi 5 ở ngôi vua được chính, được trung. Tuy nhiên tử ở tý thủy của nguyệt kiến là tượng không lợi. Nhưng được nhật thìn và hào cừu thương tuất thổ động để sinh thế, nên đã chuyển bại thành thắng.

2/ Hào ứng quan quý mao mộc là đội Ngôi sao TG, được sự trợ giúp của Tý thủy nguyệt kiến là tượng có lực mạnh. Cho nên hôm nay so với trận ngày 28 sẽ càng ngoan cường hơn, nhưng là thế trước thắng sau bại.

3/ Mão mộc của đội Ngôi sao tuy lâm nguyệt kiến nhưng lại ở đất tuấn không nên việc không thành, lại bị hào thế thân kim thần phúc khác nên thất bại là chắc chắn. Do đó đội ta sẽ chuyển bại thành thắng.

Khi séc thứ 5 đội Ngôi sao đã dẫn đầu 8/2, Trương Thành nói với tôi : "Thấy Thiệu a, lần này thì thấy sai rồi, đoán lại xem sao !". Tôi nói : "Không cần đoán. Tôi đã viết những điều này lên giấy rồi, đội ta nhất định sẽ chuyển bại thành thắng". Cuối cùng quả đúng như vậy !

(6) Ngày 23/01/1987, ngài Trương Trung Thành cùng quê tôi đến xin đoán hậu vận. Căn cứ vào ngày sinh tháng đẻ, tính được quê "lý" của quê "vô vọng".

QUÊ CHỦ "VÔ VỌNG"	QUÊ BIẾN "LÝ"	LỤC THẦN
Thế tài tuất thổ.	Thế tài tuất thổ.	Phi xà
Quan quý thân kim.	Quan quý thân kim. thế.	Cau trăn
Tử tôn ngộ hóa. thế	Tử tôn ngộ hóa.	Chu tước
Thế tài thìn thổ.	Thế tài sừu thổ.	Thanh long
Huỳnh đệ dân mộc ×	Huỳnh đệ mao mộc. ứng	Huyền vũ
Phụ mẫu tý thủy. ứng	Tử tôn tị hỏa.	Bạch hổ

Tôi xem quẻ đầu tiên nói : "Hôn nhân của ông không thuận, đã ly hôn 1 lần, năm nay lại phải ly hôn nữa, thời gian khoảng tháng 2, tháng 3". Ông Trương nói : "quả thực không hợp với người vợ hiện tại nên có lẽ ly hôn lần thứ hai khó tránh khỏi". Về sau đúng ly hôn vào tháng 3 !.

1/ Càn là kim là quẻ thế ở vương địa, chấn mộc là vợ lại ở tử địa, lại hóa đoài kim khắc trở lại, nên trong hôn nhân có khắc trở ; lại thanh long là mộc lâm hào thế tài chủ về việc khắc vợ.

2/ Hào thế hào ứng xung khác lẫn nhau, đó là chủ về tượng hôn nhân không tốt.

3/ Huỳnh đệ dẫn mộc động, mà hóa tiến là mao mộc cũng là điểm kiếp thế khắc vợ. Lại mao mộc lâm thái tuế khắc vợ, nên năm nay tất ly hôn.

(7). Ngày 8/12/1986 nữ sĩ Khoan Hồng ở nhà máy tôi đến xin đoán về thai nghén, gieo được quẻ "khôn" của quẻ "cấu".

QUẺ CHỦ "CẤU"	QUẺ BIẾN "KHÔN"	LỤC THẦN
Phụ mẫu tuất thổ ○	Huỳnh đệ dậu kim.. thế	Thanh long
Huỳnh đệ thân kim ○	Tử tôn hợi thủy..	Huyền vũ
Quan quý ngọc hỏa ○ ứng	Phụ mẫu sừu thổ..	Bạch hổ
Huỳnh đệ dậu kim ○	Thế tài mao mộc.. ứng	Phi xà
Tử tôn hợi thủy ○	Quan quý tị hỏa..	Câu trăn
Phụ mẫu sừu thổ.. thế	Phụ mẫu mùi thổ..	Chu tước

1/ Trong quẻ chủ năm hào đều động chủ sự không thuận.

2/ Hào thế phụ mẫu sừu thổ không hợp, tử tôn hợi thủy lại bị nguyệt kiến khắc, là chưa có thai.

3/ Hào tử tôn hợi thủy tù ở nguyệt kiến, mộ ở nhật thìn, lại hóa thành tị hỏa là tuyết địa, câu trăn động khắc tử tôn là tượng khôn tốt.

4/ Hào thế phụ mẫu sừ thổ hóa mùi thổ, là hóa xung. Thai bị xung cũng là tượng không tốt. Tháng giêng năm 1987 mà có thai thì sợ rằng khó qua cửa ải tháng 6.

Căn cứ tình hình trên, tôi nói với cô ta : "năm 1987 tốt nhất là không có thai". Về sau cô ta lại gặp được người ông của chồng nói là : vợ chồng các con năm nay không có thai thì tốt, nếu có rất khó giữ. Hậu quả là tháng giêng đã có thai và tháng 6 đẻ non con chết !

(8) Ngày 23/7/1987, tôi về thăm quê ở Hồ Bắc, em gái họ tên là Bình Hóa muốn tôi đoán về vận hạn. Gieo được quẻ "độn" của quẻ "lữ".

QUÊ CHỦ "LỮ"

Huỳnh đệ tị hỏa.

Tử tôn mùi thổ ×

Thê tài dậu kim. ứng

Thê tài thân kim.

Huỳnh đệ ngọ hỏa..

Tử tôn thìn thổ.. thê

QUÊ BIẾN "ĐỘN"

Tử tôn tuất thổ.

Thê tài thân kim. ứng

Huỳnh đệ ngọ hỏa.

Thê tài thân kim.

Huỳnh đệ ngọ hỏa.. thê

Tử tôn thìn thổ..

1/ Hào thế thìn thổ bị năm thái tuế mao khác, năm nay nhất định có tai họa.

2/ Quẻ nội huỳnh đệ ngọ hỏa hóa tiến lại là ngọ hỏa nên nhất định bị thương ở chân tay.

3/ Hào thế thìn thổ lâm cung hỏa, lại hóa ra hào thế ngọ hỏa cả 1 vùng hỏa địa là sinh thân thái quá, hiện nay nguyệt kiến dinh hỏa vượng, sách nói : "vượng thái quá tức là họa vậy".

4/ Hào tử của hào thế nói đại ý là : "rời khỏi chỗ ở thì sẽ chước lấy tai nạn".

Căn cứ tình hình trên tôi nói với cô em họ : "những ngày gần đây cô đừng đi xa thì tốt, đặc biệt đừng đi về phía nam

nhà ở, sợ gặp tai họa bị thương". Quả đúng cuối tháng 7 đi chợ Hoàng Thạch ở phía nam để mua dưa nên chân bị ôtô cán bị thương, phải nằm viện.

(9) Ngày 29/10/1987, cô Lưu Hoa Hương nói : bà mẹ năm nay tuổi đã cao lại bị bệnh nặng. Cụ bảo khó mà qua khỏi được. Chị em nghe xong rất lo lắng, nên nhờ tôi đoán cho một quẻ. Gieo được quẻ "lý" của quẻ "càn".

QUẺ CHỦ "CÀN"

Phụ mẫu tuất thổ. thế

Huynh đệ thân kim.

Quan qui ngộ hỏa.

Phụ mẫu thìn thổ. ứng

Thê tài dần mộc.

Tử tôn tý thủy.

1/ Quả gặp ngang nhau, nên không cần thuốc cũng có tin mừng.

2/ Dây là quẻ lục xung, mới bị bệnh gặp xung thì khỏi.

3/ Hôm nay ngày dần đoán được quẻ "càn", hào ứng phụ mẫu thìn thổ tuần không, hôm sau ra khỏi tuần không là khỏi.

Tôi an ủi nói với cô Lưu : Đừng lo, không những không chết mà hôm sau sẽ khỏi. Quả đúng như thần, sáng ngày thìn bệnh nhân thấy khỏe và xuống giường được, tối còn ăn được bát mỳ.

10) Ngày 3/3/1988 ông Trương Chấn Hoàn là Tổng thư ký của Hội nghiên cứu khoa học khí công Trung quốc gửi thư cho tôi nhờ đoán xem bệnh viêm gan truyền nhiễm ở Thượng Hải khi nào thì có chuyển biến tốt ? Gieo quẻ được quẻ "độn" của quẻ "đồng nhân".

QUÉ CHỦ "ĐỒNG NHÂN"

Tử tôn tuất thổ. ứng

Thê tài thân kim.

Huynh đệ ngộ hỏa.

Quan quí hội thủy. thê

Tử tôn sữu thổ..

Phụ mẫu mảo mộc.

QUÉ BIẾN "ĐÓN"

Tử tôn tuất thổ.

Thê tài thân kim. ứng

Huynh đệ ngộ hỏa.

Thê tài thân kim.

Huynh đệ ngộ hỏa.. thê

Tử tôn thìn thổ..

"Đoán bệnh thì hào quan quí là hào dụng" ("Hoàng kim sách").

Quan quí hội thủy ở tử địa lại bị phúc thân của tuất thổ tử tôn khắc, nay mảo và tuất hợp, quan quí không chế ngự, tháng 3 thìn thổ xung tuất thổ, tất khắc được quan quí. Lại tháng thìn là mộ địa của quí, tức thủy quí nhập mộ. Quí nhập mộ thì vô hại, tháng 4 ở tuyết địa. Do đó tôi liền viết thư trả lời như sau : "Tháng 3 bệnh dịch sẽ được không chế, tháng 4, tháng 5 nhất định sẽ qua". Không lâu sau Đài phát thanh Trung ương đưa tin dịch viêm gan ở Thượng Hải đã bị ngăn chặn.

11) Ngày 10/6/1988 cô Nhâm Kính Tiên ở nhà máy tôi nhờ tôi đoán cho con thì tay nghề có được hay không ? Được qué "di" của qué "phệ hạp".

QUÉ CHỦ "PHỆ HẠP"

Tử tôn tị hỏa.

Thê tài mùi thổ.. thê

Quan quí Dậu kim.

Thê tài thìn thổ..

Huynh đệ dẫn mộc.. ứng

Phụ mẫu tý thủy..

QUÉ BIẾN "DI"

Huynh đệ dẫn mộc.

Phụ mẫu tý thủy..

Thê tài tuất thổ. thê


Thê tài thìn thổ..

Huynh đệ dẫn mộc..

Phụ mẫu tý thủy. ứng

1/ Lấy quan quí dậu kim làm dụng thần, nay dụng thần được hào thế mùi thổ tương sinh, dụng thần làm trường sinh nguyệt kiến đã cát lại thêm cát.

2/ Dụng thần hóa thành hào tài tuất thổ sinh trở lại là tượng đắc lợi. Cho nên nhất định sẽ thi đỗ. Quả thực về sau đã đỗ.

12). Bà Thường Lan có con gái đi công tác xa, dặn 10 hôm sẽ về, nay nửa tháng chưa thấy về, nên nhờ đoán. Gieo được quẻ "thái"  Tử tôn dậu kim là dụng thần.

QUẺ CHỦ "THÁI"

Tử tôn dậu kim.. ứng

Thê tài hợi thủy..

Huynh đệ sửu thổ..

Huynh đệ thìn thổ. thế

Quan quí dân mộc.

Thê tài tý thủy.

Hào thế hào ứng tương hợp nên vốn định hôm nay trở về, nhưng vì công việc ràng buộc, phải ngày tuất là ngày mai, chờ tuất thổ xung khai thìn thổ thì sẽ về. Quả đúng như vậy.

Phương pháp đoán quẻ theo bát quái rất nhiều, còn có quẻ "hố", quẻ "biến", thân quẻ.. Ở đây không nêu ra nữa.

Bát quái vốn là công cụ dùng để dự đoán thông tin, giống như điện thoại công cộng, người tốt, người xấu đều dùng. Căn bản không có chuyện : "người tốt thì đoán quẻ xấu thành tốt, người xấu đoán quẻ tốt thành quẻ xấu". Mà là người đoán cần đoán việc gì, có phù hợp với điều kiện khách quan hay không, có thuận với lý âm dương không ? Còn vấn đề nữa là bản thân tiềm chứa những thông tin gì thì sẽ được thông tin về dạng đó. Điều này trong sự sắp xếp thiên can địa chi

của giờ sinh đã có thể xem ra. Giống như bác sĩ dùng X quang để chiếu phát hiện bộ phận nào của anh "tiên thiên bất túc", nên đến thời kỳ nào đó nhất định phát triển thành bệnh gì. Dùng bát quái để đoán thông tin cũng giống như việc chẩn đoán bệnh : việc tốt thì làm, việc xấu thì bỏ, không làm tự nhiên sẽ không bị hại. Việc mà bát quái đoán, chỉ cần tài đoán cao đều có thể bách phát bách trúng, còn vì sao lại đúng đến thế thì trong "bát quái và thông tin" tôi đã nói rõ : đó là sự bí mật thiên cổ.

"Chu dịch" lấy bát quái làm chủ thể, lấy 64 quẻ để viết thành sách, lấy dự đoán thông tin mà nổi tiếng, do đó giá trị khoa học quý báu của nó còn lưu truyền đến ngày nay. Do lý luận uyên thâm, thần kỳ mà được người đời coi trọng, do đó cống hiến to lớn cho nhân loại mà được người đời khâm phục, sùng bái... Đó là niềm tự hào của dân tộc Trung hoa. Nhưng thật không may, phương pháp dùng bát quái để dự đoán thông tin cũng gặp rủi ro giống như 4 phát minh lớn của nước ta đều là "hoa nở trong tường ngoài tường thơm". Người nước ngoài xem nó là bảo bối, gọi nó là viên ngọc sáng trên vương miện của khoa học, còn chúng ta, ngược lại khoác cho nó cái tên "mê tín phong kiến, duy tâm chủ nghĩa", bỏ xó lâu dài, hàng chục năm nay không ai dám nhìn đến, càng không dám nghiên cứu, tuyên truyền. Có một số người nghiên cứu bát quái, nhẹ ra là bị phê phán đấu tranh, nặng ra bị ghép thành tội phản cách mạng bất giam. Bị kịch mình không tin mình, không tôn trọng mình, không tôn trọng sự thật, không tôn trọng khoa học này thật có lỗi với tổ tiên. Đâu còn dám nói đến phương châm "trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng".

Về việc "tượng quẻ sinh khắc làm chủ" trong "Mai hoa dịch số" có bàn đến, xin đưa vào tiết này để khi đoán mọi người ứng dụng. Thực tế đã chứng minh nó là đúng.

6. Tượng quẻ sinh khác làm chủ sự việc

1) Quẻ có thể sinh, thể khác.

Thể sinh của quẻ Càn : chủ ở trong công môn thì có ích, hoặc trong công danh thì có hi, hoặc vì việc quan mà có của, hoặc vì kiện tụng mà thắng lý, hoặc được của quý, hoặc người già tiến tài, hoặc có tin mừng thăng quan tiến chức.

Thể sinh của quẻ Khôn : chủ về việc hi của diên thổ, hoặc nhờ diên thổ mà tiến tài, hoặc được lợi cho người thân hoặc làm lợi cho người chết, hoặc có lợi về lương thực, hoặc có tin mừng về vải vóc.

Thể sinh của quẻ Chấn : chủ về việc được lợi về sơn lâm, hoặc nhờ sơn lâm mà được của, hoặc được của phía đông, hoặc nhờ hoạt động mà có tin mừng, hoặc được lợi trong việc giao dịch đồ gỗ, hoặc vui lòng nhờ được gặp người trong tên họ có chữ thảo, mộc.

Thể sinh của quẻ Tốn : chủ về sự có ích do sơn lâm hoặc nhờ sơn lâm mà được tài, hoặc được của ở phía đông nam, hoặc có lợi nhờ người làm thảo mộc, hoặc có lợi về trà, hoa quả, hoặc những tin mừng do trà, rau quả... đưa đến

Thể sinh của quẻ Khảm : có tin mừng từ phương bắc, hoặc được của từ phương bắc, hoặc tiến tài nhờ người ở gần chỗ có nước, hoặc được lợi nhờ giao dịch về các việc : văn thư, hàng rượu, cá, muối hoặc được tặng : cá, muối, rượu.

Thể sinh của quẻ Ly : chủ về việc được tiến ở phương nam, hoặc tin mừng về văn thư, hoặc có lợi nhờ các lò nấu luyện, hoặc nhờ người trong tên họ có chữ Hỏa mà được của.

Thể sinh của quẻ Cấn : được của về phía đông bắc, hoặc có tin mừng về ruộng vườn trên núi, hoặc được của nhờ sơn lâm diên thổ, hoặc được của nhờ người tên có chữ Thổ, của cái ổn định, việc có đầu có đuôi.

Thế sinh của quẻ Đoài : có cửa ở phương tây, hoặc có tin mừng hoặc có nguồn lợi của quý về hàng thực phẩm, là người có giọng quý hay, hoặc niềm vui giữa chủ và khách, hoặc niềm vui trong bè bạn.

2) Quẻ có thể khắc :

+ Thế khắc của quẻ Càn : chủ về nỗi lo âu việc công, việc gia đình, hoặc mất của quý, hoặc tổn thất về vàng bạc lương thực, hoặc tức giận vì bị xúc phạm, hoặc bị phạm tội với quý nhân.

+ Thế khắc của quẻ Khôn : chủ về những nỗi lo điển thổ, hoặc ruộng vườn mất mát, hoặc bị tiểu nhân làm hại, hoặc người chết bị xâm phạm, hoặc mất vải vóc, lương thực.

+ Thế khắc của quẻ Chấn : chủ về những việc kinh hoàng chấn động, thường lo sợ nhiều, hoặc trong lòng không thể yên tĩnh, hoặc nhà cửa bị tai họa, hoặc bị người tên họ có chữ Mộc xâm phạm, hoặc bị mất mát về sơn lâm.

+ Thế khắc của quẻ Tốn : có thể bị người tên họ có chữ thảo, mộc làm hại, hoặc lo lắng về việc sơn lâm, hoặc mưu sự với người ở phương đông nam, kiêng kỵ bị chống làm hại (nữ nhân), cãi vã nhau.

+ Thế khắc của quẻ Khảm : chủ về những việc ngấm có hại hoặc lo về trộm cướp, hoặc làm mất lòng người ở gần nước, hoặc gặp điều có hại ở quán rượu, hoặc người phương bắc gặp tai ương.

+ Thế khắc của quẻ Ly : chủ những nỗi lo về văn thư, hoặc nỗi lo về hòa hoãn, hoặc có những mối lo ở phương nam, hoặc bị hại do lửa và người khác.

+ Thế khắc của quẻ Cấn : hay gặp sự việc ngược lại, việc gì cũng trắc trở, hoặc có sự mất mát về sơn lâm điển thổ, hoặc người tên họ có chữ thổ xâm phạm, để phòng những tai họa do người ở phía đông bắc gây ra, hoặc do về mô mã không yên ổn.

+ Thế khác của quẻ Đoài : không gặp lợi về phương tây, bị chia rẽ nhau do cãi vã, hoặc bị người trong tên họ mang chữ khẩu lừa dối, hoặc gặp tai họa bị hủy nát, hoặc do ăn uống mà sinh lo.



IV. VÍ DỤ CỔ

Những ví dụ vận dụng bát quái để đoán tin tức ngày xưa đã ghi lại rất nhiều, nó không những là tư liệu thông tin quý báu mà cũng là những điều khó tìm thấy trong sử liệu. Từ những tư liệu ghi chép để lại, chúng ta có thể thấy rõ, người xưa khi giải quẻ : có người dùng quẻ từ để định cát hung ; có người căn cứ tượng quẻ định cát hung ; có người lại dựa theo lý của quẻ để định cát hung, có người lấy từ của hào biến của quẻ để định cát hung, có người còn dùng những lời văn chứa trong hai quẻ để định cát hung ; lại có người kết hợp tình hình thực tế để định cát hung.

Kính Phòng đời Hán dùng phương pháp lấy dụng thân, theo ngũ hành sinh khắc để định cát hung. Thiệu Khang Tiết đời Tống theo tượng quẻ ngũ hành sinh khắc để định cát hung. Qua những điều đã nói ở trên, ta thấy, do sự cải tiến phương pháp gieo quẻ, phương pháp đoán quẻ cũng cải tiến theo. Đó là xã hội không ngừng phát triển, khoa học kỹ thuật không ngừng tiến bộ, năng lực tư duy của con người không ngừng nâng cao mà đạt được.

Những sử sách ghi lại về mặt chiêm bốc ở nước ta rất nhiều, như : "Tà truyện", "Chu ngũ", "Ân hư khế tiên biên", "Chu dịch tập văn phủ phệ tôn"... Đối với những ví dụ quẻ báu và thực tế lịch sử này, các học giả xưa nay đều rất coi trọng nghiên cứu nó và đều rất ngạc nhiên về sự linh nghiệm của các quẻ đó. Như ngài Lý Kính Trì, nhà dịch học của nước ta trong tác phẩm "Chu dịch tham nguyên" của mình có nói :

"dòng quan bốc ở thời đại Xuân Thu, đoán rất ứng nghiệm, lẽ nào họ cứ mở miệng là nói, rồi gặp may mà đúng. Thực tế không phải như thế, mà chính là vận dụng đúng". Bất quá trước đây đã đoán đúng, bây giờ chắc chắn vẫn đoán đúng, ngày xưa có thể dùng, thì ngày nay vẫn có giá trị ứng dụng. Để giúp mọi người hiểu được tri thức về mặt đoán quẻ, dưới đây xin giới thiệu một số ví dụ cổ để mọi người nghiên cứu.

1) "Quốc ngữ, Chu ngữ" : Tấn Thành Công lưu vong ở Chu. Khi Thành Công từ Chu trở về Tấn, người Tấn đã bốc xem lành dữ ra sao. Được quẻ "phủ"  của quẻ "càn".  . Vì từ quẻ của quẻ "càn" là : "nguyên, hanh, lợi, trinh", từ quẻ của quẻ phủ là : "phủ vạn phí nhân, bất lợi quân tử trinh, đại vãng, tiểu lai". Cho nên người Tấn theo tượng quẻ của hai quẻ "phủ" và "càn" đoán là : tương xứng nhưng việc bất thành, lại phải ra khỏi chỗ đó.

Càn là trời là quân, càn của quẻ thượng là trời, càn của quẻ hạ là vua, tức là tượng của vua phối với trời, đây là cát. Nhưng quẻ hạ của càn là từ càn thành khôn, tức là quân biến thành thân, nên "phối mà không kết quả". Ba hào dương của quẻ hạ biến thành ba hào âm, nên vua phải 3 lần xuất.

2) "Quốc ngữ, Tấn ngữ" : Trọng Nhĩ (Tấn Văn Công) muốn về nước làm vua, tự mình dùng Chu dịch bốc một quẻ, được quẻ "truân" của quẻ "dự". Từ quẻ của quẻ truân là : "nguyên hanh lợi trinh, vật dụng, hữu du vãng, lợi kiến hầu". Từ quẻ của quẻ dự là : "lợi kiến hầu hành sư". Thấy đoán quẻ nói : "không tốt. "Bế nhi bất thông". Nguyên nhân là vì quẻ "truân" có chấn ở phía dưới khâm, chấn là xe, khâm là đường nứt, đó là tượng di không thông. Còn Tư Không Quý Từ lại nói là cát. Vì sao vậy ? Vì trong "Chu dịch" nói : "lợi kiến hầu" là "việc được nước". Nên ông ta cho Trọng Nhĩ được làm vua. Lịch sử chứng minh là ông ta đúng.

3) "Tà truyện, Chiêu Công nguyên niên" : Vua nước Tấn mời thầy thuốc nước Tấn, Tấn Bá Hưu xem xong nói : "không thể chữa được vì gân nữ, bệnh nhiều". Triệu Mạnh nói : "Sao lại gọi là bệnh nhiều ? " Tấn Bá Hưu trả lời lại : "Vì chìm đắm trong dâm dục mà rối loạn, sinh bệnh... "Chu dịch" nói : "nữ mê hoặc nam như gió xô cây đổ". Đây là thầy thuốc dùng quẻ "cổ" để giải thích bệnh tật. Quẻ "cổ" là坎, là thiếu nam, tổn là trưởng nữ, là tượng nữ mê hoặc nam. Cấn là sơn, tổn là phong, là gió thổi cây trên rừng. Do đó đoán bệnh của Tấn Hưu là do quan hệ nam nữ gây ra. Để chứng minh lời thầy thuốc đúng, ta hãy dùng sáu hào để xem bệnh ra sao.

QUẺ "CỔ"

LỤC THẦN

Huỳnh đệ dẫn mộc. ứng

Phi xà

Phụ mẫu tí thủy..

Câu trăn

Thê tài tuất thổ..

Chu tước

Quan quý dậu kim. thể

Thanh long

Phụ mẫu hợi thủy.

Huyền vũ

Thê tài sửu thổ..

Bạch hổ.

Trong quẻ dậu kim là mình, tuất thổ, sửu thổ là vợ, đều tương hợp với dậu kim, một nam hai nữ. Thanh long lại lâm quĩ, vì tham sắc quá độ, nên thầy thuốc dùng quẻ "cổ" để đoán bệnh cho Tấn Hưu là đúng.

4) Trong thí dụ trước "Tà truyện, Tương công năm thứ 9" :

Mẹ của Lỗ Thành Công là Mục Khương và quan đại phu Kiếu Như thông gian mưu cướp ngôi Thành Công là nói về quẻ ứng nghiệm âm dương không được ngôi.

Bây giờ ta hãy lấy tượng quẻ để bàn : cấn là sơn, là thổ, là tượng bất động, nên chạy thoát không được, đó là lẽ thứ nhất, thứ hai là trong một quẻ, năm hào đều động, hào động

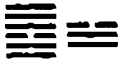
hiều thì bản thân chủ sự không lợi, thứ ba là : quẻ ngoại "tùy" là đoài kim, là quẻ dụng, quẻ nội là chấn mộc, là quẻ thể. Quẻ dụng khác quẻ thể nên hung.

5. Trong "Luận hàng, bốc phê biên" ghi : Nước Lỗ đánh nước Việt, Khổng Tử cho là cát, vì ông đoán theo lời từ của hào cửu tứ quẻ "Đỉnh". Theo quẻ này mà nói : quẻ "đỉnh" quẻ cần là quẻ dụng, quẻ tổn là quẻ thể, thể sinh dụng, có tổn thất nhưng biến thành quẻ "cổ", cần thổ là quẻ dụng, tổn mộc là quẻ thể, là thể khác dụng, là Lỗ thắng. Qua đó ta thấy rõ quái thuật của Khổng Tử thật là cao siêu.

V. THÍ DỤ NGÀY NAY



Trong quá trình dùng bát quái để dự đoán thông tin, tôi đã tích lũy được một số thí dụ thực tế. Nay xin giới thiệu một số ví dụ để cung cấp cho học viên tham khảo.

1. Đoán người đi xa

1) Giờ thân ngày 19 tháng 10 năm 1983, ông Mạnh nhà máy tôi nói vợ ông đi đã hơn một tháng nay mà bật vô âm tín, nhờ đoán xem có rắc rối gì không và khi nào về. Lấy được quẻ lý . Tôi nói với ông Mạnh : "Vợ ông đi về phía tây nam, có gặp chuyện cãi vã, nhưng không can gì. Nếu từ nay đến ngày thứ năm không về thì sẽ có thư, sẽ về".



Hai giờ chiều ngày thứ năm ông Mạnh lại đến tìm tôi nói vợ chưa về, mà thư cũng không thấy. Tôi nói đừng nôn nóng, chờ cho hết ngày xem. Khoảng ba giờ chiều hôm đó ông nhận được điện báo của vợ từ Thành đô gửi về, báo ngày mai ra ga đón. Vợ ông Mạnh về nói, vì có chuyện cãi nhau nên về muộn một ngày.

Giải : Tây nam : Quẻ dụng là đoài, đoài là tây, trong quẻ hồ có ly, ly là nam, nên tây nam. Gặp chuyện cái cọ : đoài là cái vĩa. Bình yên : quẻ ngang hòa. Năm ngày : cần một, đoài hai, quẻ động 2 : $1 + 2 + 2 = 5$. Có tin thư : ly là điện, có nghĩa là "tin".

2) Tháng 4 năm 1987, tôi ở Bắc Kinh đang giảng bài cho lớp nghiên cứu "Kinh dịch" đợt thứ tư của toàn quốc. Giữa giờ giải lao chiều ngày 13 tháng 4, học viên Trương Lập Mẫn nói : "Thầy Thiệu, tôi có một người bạn muốn đi công tác, nhờ thầy xem khi nào có thể đi được ? " Được quẻ Cấn  . Tôi nói với chị ấy : "Trong bảy ngày rưỡi tới vẫn chưa đi được". Cô ấy nói : "Đúng ! Ông ấy chuẩn bị ngày 20 mới đi". Mọi người có mặt tại đó đều kinh ngạc.


Giải : Cấn là sơn, là thổ, là đỉnh chỉ, là tượng bất động. Cấn là 7, hào đầu là 1 ($7 + 7 + 1$) : $2 = 7,5$ nên trong bảy ngày rưỡi chưa đi được.

2. Đoán mất của

1) Ngày 30 tháng 12 năm 1983, ngài Nhiên Đức Điển mất chiếc xe đạp ngoài chợ, đến hỏi xem có thể tìm lại được không ? Gieo được quẻ "Khảm"  . Căn cứ tượng quẻ, rất có khả năng là người khác cưỡi nhầm xe. Tôi nói : "Xe không mất đâu. Trước 9h tối hôm nay sẽ tìm được". Ông ta nghĩ, năm hết tết đến rồi, bảo vệ thì đã nghỉ phép, kẻ cắp đã lấy mất xe, còn ai giúp tìm được nữa. Kết quả trước 9h tối, có người lấy nhầm xe đến trả.


Giải : Khảm là tàu, là xe. Hai khảm trùng nhau là tượng hai xe giống nhau. Nên có sự nhầm, không mất được. Quẻ gặp ngang hòa là không mất. Tối trước 9h là vị : khảm 6, động 2, tức : $(6 + 6 + 2) : 2 = 7$ là từ hai giờ chiều đến 9 giờ tối.

2) Giờ mao ngày 10/11/1987 ông Vương Song Ngân nói xe đạp dựng trước cửa bị mất cắp. Hỏi có thể tìm lại được


không ? Gieo được quẻ "Cấu" . Vì quẻ dụng khác quẻ thể nên tôi nói không tìm được. Quả là đến nay vẫn mất.

Giải : Quẻ dụng là càn kim, quẻ thể là tốn mộc nên "dụng khắc thể, vật bị mất".

3. Đoán bệnh tật


1) Giờ Hợi tháng 7/1984 cô Phạm hỏi mẹ cô bị bệnh gì, lành hay dữ. Được quẻ "Cấu" . Tôi nói với cô ta : "Bệnh ở vùng bụng, khó qua được tháng 8". Về sau đúng là do khối u tử cung nên mất vào tháng 8.

Giải : Tốn là mộc là quẻ thể, là bệnh nên bệnh ở vùng bụng ; càn là quẻ dụng là kim, kim vượng ở nguyệt kiến. Mộc ở tử địa còn bị khắc, kim vượng ở tháng 7, tháng 8, nên chết vào tháng 8.

2) Ngày 29/10/1987 Lưu Cúc Hương đến nói : Mẹ cô ấy tuổi đã cao, gần đây lại bị bệnh nặng. Cụ nói gay go lắm rồi, muốn con cháu rửa chân cho để đi, mấy chị em nghe xong rất lo lắng. Xin nhờ đoán xem sao. Được quẻ "càn" . Tôi xem tượng quẻ xong, nói : "Đừng lo, không những không chết mà hôm sau nữa sẽ khỏi". Quả không sai, sáng ngày thình bệnh đỡ, còn xuống giường được, tối ăn được một bát mì.

Giải : Quẻ "ngang hòa là có tin vui bất ngờ". Đây ứng quẻ lục xung "Mới bị bệnh mà gặp xung thì khỏi, lại còn "càn" cừ tam nhật... vạn, vô cửu". Vô cửu là không nguy hiểm.


4. Đoán về bị thương, bị tai nạn

1) Quẻ xem canh mai : "Giờ thân ngày 17 tháng 12 năm thìn. ngài Thiệu Khang Tiết tỉnh cờ ngắm canh mai thấy có hai con chim vì tranh nhau mà rơi xuống đất. Ngài gieo quẻ được quẻ "hàm" của quẻ "cách" . Xem quẻ hổ càn và tốn


xong, đoán tối mai sẽ có cô gái bê hoa. Vì có người đuổi nên hoảng hốt ngã xuống đất, bị thương ở đùi nhưng không đến nỗi nguy hiểm. Về sau quả có việc ấy xảy ra.

Giải : Đoài là kim là thể, ly là hỏa là dụng khác đoài, quẻ hồ là tổn mộc sinh ly hỏa, khác khí thịnh của quẻ thể. Đoài là thiếu nữ, nên biết là có cô gái bị thương. Trong quẻ hồ còn là kim là người già, tổn là đùi nên do cụ già đuổi mà cô gái ngã bị thương ở đùi. Nhưng may có ly biến thành坎 thổ sinh đoài kim nên không đến nỗi nguy hiểm.

2) Cô Lô Tấn ở Đài truyền hình Thiểm tây là người mà tôi quen trong buổi gặp Đoàn đại biểu Nhật Bản ngày 13 tháng 12 năm 1986. Hôm đó cô ấy nhờ tôi đoán vận hạn

được quẻ "tổn" của quẻ "khôn" , và căn cứ tứ trụ của cô nhiều thổ nên tôi nói : năm 1987 cô có nạn nát thân, thời gian ở nửa đầu năm, đặc biệt là tháng 3 tháng 4 (âm lịch là tháng 3) không được đi về phương tây bắc, nếu không thì hậu quả khôn lường. Về sau tháng 3/1987 cô ấy đi công tác phía tây bắc, bị tai nạn ôtô chết không cứu được.

Giải : Quẻ khôn là thổ, hóa tổn mộc khác trở lại là chỉ về việc xấu. Lời từ của hào thế sáu trên của quẻ khôn nói : "... huyết huyền hoàng" tức máu chảy nhiều, điếm xấu. Hào thế dậu kim lại lâm mao nhật là nhật phá, lại hóa thành mao mộc, do đó năm 1987 có nạn nát thân. Căn cứ tứ trụ thổ nhiều mà tháng 3 lại là tháng thổ vượng, đi tây bắc là có đế thìn tuất tương xung nên dọc đường bị tai nạn xe mà chết.


3) Ngày 17/3/1986 ông Mã nhà máy tôi nhờ đoán vận hạn, được quẻ "tùy" của quẻ "vô vọng" . Tôi nói : "Tháng 9 năm nay ông phải đề phòng tai nạn, đặc biệt chú ý đề phòng bị thương". Kết quả tháng 9 do cưỡi xe máy bị lật, bị thương nặng đi nằm viện.

Giải : Quẻ "vô vọng" có nghĩa là phải cẩn thận, nếu manh động sẽ có hại. Ví dụ : "hào chín trên là không nên đi xa, không có lợi". Ông Mã sau khi mua được xe mới, do phấn khởi, hăng đi mà bị thương. Thứ hai là quẻ chủ và quẻ động đều là quẻ dụng kim khắc quẻ thể chấn mộc. Tháng 9 là tháng kim vượng mộc suy. Thứ ba là theo sáu hào trong quẻ quý hóa quý, huynh hóa huynh nên tất bị thương. Hơn nữa ngũ hỏa tri thể, hỏa mộ ở tuất, nên tháng 9 có chuyện bị thương.

Dùng bát quái để dự đoán về bị thương, thứ nhất phải xem những quẻ trong "chu dịch" bàn về bị thương như quẻ "quái" "hàm", "phong" "tráng", "minh di". Ví dụ quẻ "minh di" nói : đi là bị thương vậy. Hào chín ba của quẻ "phong" nói : ... Gãy đùi phải, vô cứu. Thứ hai là xem có quẻ dụng khắc quẻ thể không và quẻ hóa thành khác ngược lại không. Thứ ba là xem trong sáu hào nếu có quý hóa quý, quý hóa huynh, huynh hóa huynh, huynh hóa quý thì đều bị thương chân tay. Trong dự đoán tai nạn bị thương tôi đều lấy sáu hào làm chủ.

Dùng bát quái để đoán tin tức phạm vi rất rộng, dùng 6 hào để đoán sự việc rất chi tiết và cụ thể. Ví dụ : đoán về thiên tai thì 6 hào nói rất rộng. Vấn đề này trong bài luận văn "Bát quái và tin tức" báo cáo ở Hội thảo học thuật Chu dịch quốc tế tháng 2/87 tôi đã đưa ra 10 ví dụ. Trong đó có ví dụ về đoán thiên tai, 6 hào được sắp xếp như sau :

9 giờ 30' sáng ngày 19 tháng 12 năm 1986, phía đông nam thành phố Tây an xuất hiện 5 mặt trời. Lúc đó đoán được

quẻ "Khôn" của quẻ "Su"  .

QUÊ CHỦ "SƯ"	QUÊ ĐỘNG "KHÔN"	LỤC THẦN
Phụ mẫu dậu kim --	Tử tôn dậu kim -- thế	Thanh long
Huynh đệ hợp thủy --	Thê tài hợp thủy --	Huyền vũ
Quan quí Sửu thổ --	Huynh đệ Sửu thổ --	Bạch hổ
Thê tài Ngọ hỏa --	Quan quí Mão mộc -- ứng	Phỉ xà
Quan quí Thìn thổ --	Phụ mẫu Tị hỏa --	Câu trăn
Tử tôn Dần mộc --	Huynh đệ Mùi thổ --	Chu tước

Lúc đó tôi căn cứ vào tượng quẻ và tượng hào đoán : Năm 1987 Trung quốc có những tai nạn sau :

1) Quẻ sư : "Dị nhất dương thống ngũ âm, hữu đại tướng soái sư chỉ tượng" ("Chu dịch tiên thuật") (1 hào dương thống lĩnh 5 hào âm, đó là tượng của tướng soái). Hơn nữa quẻ soái lại chủ về việc chiến tranh. Do đó năm 1987, Trung quốc sẽ có nạn tranh giành đất đai. Khôn là tây nam, bên ngoài biên giới, ở tây nam còn có cuộc chiến tranh mới. Đúng là năm đó Trung quốc đánh Việt nam, nội bộ Ấn độ cũng có chiến tranh.



2) Hào 5 là huynh đệ hợp thủy. Huynh là thần của kiếp tài, nên năm 1987 có nạn tổn hao của cái, thời gian vào khoảng tháng 4, tháng 5. Đúng năm đó cháy rừng ở phía đông bắc.

3) Hào hai là quan quí là năm có nhiều nạn. Nên năm 1987 Trung quốc có rất nhiều thiên tai và nhiều tai nạn thiên nhiên khác.

4) Huyền vũ làm thê tài, năm 1987 tội phạm hình sự tăng lên mà không giảm, đặc biệt nạn cướp giết rất điên cuồng.

5) 5 mặt trời là hòa nên dương khí quá thịnh, theo thời tiết mà nói e rằng năm nay hạn hán rất nặng. Quả đúng năm ấy diện tích bị hạn hán rất rộng.

6) Quẻ sư biến thành quẻ khôn lại trùng lặp. Khôn là âm, là tiểu nhân, nên 1987 xảy ra việc bạo loạn ở phương tây nam hoặc có những sự kiện khác gây ra đổ máu. Về sau quả nhiên ngày 2, 3 tháng 10/1987 vùng dân tộc thiểu số Tây Tạng xảy ra bạo loạn đòi tách ra khỏi Trung quốc. Máy bay rơi ở Trùng Khánh. Ở Quý Châu tàu hỏa bị lật.

Về việc máy bay bị rơi và tàu hỏa lật trong quẻ "sư" đã có dấu hiệu. Trong quẻ "sư"  biến thành quẻ phục . Khôn là dự, là xe, là thổ, là quẻ thể; chấn là mộc, là quẻ dụng nên mộc khác khôn thổ, do đó có chuyện xe lật. Chấn là long là bay lên trời nên có tượng của phi (bay). Nay quẻ khôn là thổ lại ở trên, quẻ chấn là mộc ở dưới. Nên có tai nạn máy bay rơi xuống đất. Cho nên các sự kiện ở Tây tạng, máy bay rơi, tàu hỏa lật là những sự kiện lớn, không những đổ máu chết người mà còn liên quan đến các việc kiện tụng.

VI. 18 VIỆC THƯỜNG DỰ ĐOÁN

Phạm vi dự đoán thông tin rất rộng, không thể nói rõ cách giải với từng ví dụ một. Vì vậy, tôi khái quát kinh nghiệm thực tiễn của người xưa vào thành 18 mục dưới đây để bạn đọc tham khảo.

1. Thời tiết

Phạm đoán thời tiết, thì không cần chú ý quẻ thể, quẻ dụng, mà phải quan sát tất cả các quẻ, và liên hệ suy đoán với ngũ hành. Quẻ "Ly" phần nhiều chủ về trời nắng, quẻ khâm chủ về mưa, quẻ Khôn là u ám, quẻ cần chủ về trời sáng, quẻ Chấn chủ về sấm mùa xuân, mùa hạ, quẻ Tốn về gió mạnh của bốn mùa. Quẻ Cấn thì mưa lâu tất phải tạnh, quẻ Đoài không mưa trời cũng vẫn âm u. Mùa hạ được quẻ Ly mà không có quẻ khâm thì sinh hạn hán kéo dài. Mùa

đông được quẻ khâm mà không có quẻ ly thì mưa tuyết liên miên.

Lúc xem các quẻ còn phải chú ý quẻ "hỗ", quẻ "biển". Ngũ hành gọi quẻ Ly thuộc hỏa - chủ về nắng ; quẻ Khâm là thủy chủ về mưa ; quẻ khôn là khí đất chủ về u ám ; quẻ Càn là trời chủ về trong sáng ; Chấn là sấm, Tốn là gió. Mùa thu mùa đông Chấn nhiều không chế ngự được thì sẽ có sấm khác thường. Có tốn thêm vào thì sấm to gió lớn. Cấn là núi, là mây, nếu mưa lâu mà gặp quẻ Cấn thì mưa sẽ ngừng. Cấn chính là "đình chỉ", cũng có nghĩa là thổ khác thủy. Đoài là trạch, nếu không mưa thì cũng âm u. Để đoán được các hiện tượng trong vũ trụ là rất khó, song sự thần diệu của các quẻ cũng rất đáng tin cậy. Lấy càn tượng trưng cho trời trong sáng trong các mùa. Chủ khôn là đất, khí âm đạm. Nếu khôn và càn ngang nhau thì nắng mưa xen kẽ nhau biến đổi. Khôn và cấn hai quẻ ngang nhau thì u ám bất thường. Số quẻ có âm có dương, tượng quẻ có lẻ có chẵn, âm mưa, dương nắng, lẻ chẵn thì u ám. Khôn là cực của lão âm nên nắng lâu tất sẽ mưa, âm khí thì mưa lâu tất nắng. Nếu gặp quẻ trùng khâm hoặc trùng ly, cũng sẽ là lúc mưa, lúc nắng. Khâm là thủy tất mưa, ly là hỏa tất nắng. Kim của càn đoài, mùa thu trời sáng, mùa đông mưa dầm dề. Thổ của khôn đoài, mùa xuân thì mưa lầy, mùa hạ nóng ran. Kinh dịch nói : "mây là từ rồng, gió từ hổ". Lại nói : "Cấn là mây, tốn là gió, cấn tốn trùng phùng thì gió mây tụ tập làm cho cát bay đá chạy, mờ núi, mờ trời". Khâm ở trên cấn thì trời đầy mây mù, khâm ở trên đoài thì mù sương đọng thành tuyết. Càn đoài là sương tuyết tan. Ly là hỏa là ánh cầu vồng. Chấn là sấm, ly là điện, nếu trong quẻ cùng có thì sấm chớp liên hồi. Khâm là mưa, tốn là gió, nếu cùng gặp thì mưa dón gió dập. Hai quẻ chấn chống nhau thì sấm vang trâm dậm. Quẻ khâm chống nhau thì mưa úng rất nhiều.

"Địa thiên thái", "thủy thiên nhu" là tượng mung lung. "Thiên địa phủ", "thủy địa tỉ" là u ám. Bát tuần ly mùa hè tất có hạn, bốn mùa trời trong. Bát tuần khâm, mùa đông tất rét, bốn mùa nhiều mưa. Mưa lâu không nắng, chỉ gặp cần mới tạnh mưa. Nắng lâu không mưa, gặp cần mới mưa. Nếu thủy hỏa ký tế hay hòa thủy vị tế thì bốn mùa không đoán được gió mây. Gặp quẻ "phong trạch trung phù", "trạch phong đại quá" thì mưa suốt mùa đông. Gặp quẻ "Thủy sơn kiến", "Sơn thủy mông" thì đi trăm bước cũng phải che mưa. Gặp quẻ "Địa phong thăng", "Phong địa quan" thì bốn mùa không thể đi thuyền (gió to). Quẻ ly trên cần thì sớm nắng chiều mưa. Ly hồ cần cung thì sớm mưa chiều nắng. Tốn khâm hồ ly thì cầu vồng xuất hiện. Tốn ly hồ khâm thì trời đất như nhau. Muốn đoán bốn mùa thì không thể chỉ theo một nguyên tắc : chấn ly là điện là sấm, ứng vào mùa hè. Cần đoài là sương là tuyết, ứng vào mùa đông. Lý của trời đất là như vậy. Sự kỳ diệu của lý số là vậy. Người biết được đến thế là đáng kính lắm ru !

Đoán thời tiết phải xem quẻ chủ, quẻ hồ, quẻ biến. Trong 3 quẻ ly nhiều là nắng, khâm nhiều là mưa, tốn nhiều là gió. Nước Trung quốc đất rộng bao la, trong 1 ngày có nhiều chỗ mưa, nhiều chỗ nắng, nên lấy 1 quẻ để đoán sự mưa nắng trong toàn quốc là không chuẩn. Do đó khi dự báo thời tiết trong tháng, ngày, năm phải thêm vào số nét của tên địa phương mình đoán làm quẻ "thượng", phải thêm giờ đoán làm quẻ "hạ". Địa danh phải viết đầy đủ nét (không được viết tắt) thì đoán mới đúng. Ví dụ : Quảng châu là số 20, Bắc Kinh là số 13. Như thế thì các địa phương khác nhau mới được quẻ khác nhau, mới có thể đoán đúng cho địa phương đó được.

2. Nhân sự

Khi đoán về nhân sự, phải xem kỹ quẻ thể và quẻ dụng. Quẻ thể là chủ, quẻ dụng là khách (chủ : là người đến xin quẻ, khách : là sự việc hoặc người muốn đoán). Quẻ dụng khác quẻ thể thì không nên, quẻ thể khác quẻ dụng thì mới tốt. Quẻ dụng sinh quẻ thể là có tin mừng, có ích ; quẻ thể sinh quẻ dụng thì có mất mát. Quẻ thể và quẻ dụng ngang nhau thì việc có lợi, tốt. Cần phải xem kỹ quẻ "hỗ" và quẻ "biến" để đoán cát, hung. Phải xem kỹ sự thịnh suy để làm sáng tỏ hư, cửu.

Quẻ về nhân sự thì phải xem toàn thể quẻ thể và quẻ dụng để quyết định mức độ tốt, xấu. Nếu quẻ có sinh thể thì xem bát quái ở chương trước quẻ sinh thể có chỗ nào tốt, lại xem quẻ khác thể có chỗ nào xấu (tức xem quẻ khác thể chương trước). Nếu quẻ không có sinh hoặc khắc thì đành căn cứ vào quẻ gốc mà đoán.

3. Đoán nhà cửa

Phạm đoán về nhà cửa phải lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng là nhà. Nếu thể khắc dụng thì nhà cửa có nhiều điều tốt. Còn dụng khác thể thì có nhiều điều xấu. Thể sinh khác thì thất thoát nhiều, hoặc có nỗi lo để phòng mất cướp. Nếu dụng sinh thể nhiều điều có ích hoặc có tin mừng, được có quà tặng. Nếu thể và dụng ngang nhau, thì nhà cửa yên ổn, nếu quẻ có sinh thể tức là phải xem nhân sự ở chương trước đã nói để đoán quẻ.

4. Nhà ở (mục này nói về việc làm nhà tốt hay xấu)

Phạm đoán về làm nhà lấy quẻ thể làm chủ, lấy quẻ dụng làm nhà. Thể khắc dụng thì nhà đó ở tốt. Dụng khác thể thì ở xấu. Thể sinh dụng thì tài sản bị kém sút dần. Dụng sinh

thế nhà cửa hưng vượng dần. Thế dụng ngang nhau thì bình thường yên ổn.

5. Đoán hôn nhân

Đoán hôn nhân lấy quẻ thế làm chủ, quẻ dụng là việc hôn nhân. Dụng sinh thế : hôn nhân dễ thành, được lợi nhờ hôn nhân. Thế sinh dụng : thì hôn nhân khó thành, hoặc vì hôn nhân mà thua thiệt. Thế khắc dụng : hôn nhân có thể thành nhưng bị chậm, muộn. Dụng khắc thế : hôn nhân không thể thành, nếu thành sẽ có thiệt hại. Thế và dụng ngang nhau thì hôn nhân tốt.

Đoán hôn nhân quẻ thế là nhà đến đoán, quẻ dụng là nhà kia. Quẻ thế vượng thì nhà đó mạnh. Quẻ dụng vượng thì nhà kia giàu có. Dụng sinh thế thì được của nhờ hôn nhân hoặc nhà kia môn đăng hộ đối. Thế sinh dụng thì nhà kia nghèo hoặc mình phải chi của nhiều hơn. Nếu thế, dụng ngang nhau cuộc hôn nhân là được.

Quẻ cần : doan chính và là con trưởng.

- khảm : là người đa tình, da đen, đố kỵ ghen tuông.

- cần : là người sắc vàng, khéo léo.

- chấn : là người đẹp.

Quẻ tổn : là người tóc thưa, xấu, tham lam.

- ly : là người thấp, sắc đỏ, tính không bình thường.

- khôn : dung nhan xấu, bụng to, sắc vàng.

- đoài : là người cao, da trắng, ăn nói vui tươi.

6. Đoán về sinh đẻ

Lấy quẻ thế làm mẹ, quẻ dụng làm việc sinh nở. Thế dụng đều nên thừa vượng, hoặc thừa suy, hoặc tương sinh, không nên tương khắc. Thế khác dụng thì không lợi cho con, dụng

khắc thể thì không lợi cho mẹ. Thể khắc dụng mà quẻ dụng suy thì con dễ chết. Dụng khắc thể mà thể yếu thì mẹ khó toàn. Dụng sinh thể thì dễ dàng cho mẹ. Thể sinh dụng thì dễ cho việc sinh nở. Thể dụng ngang nhau thì việc sinh nhanh và thuận lợi. Muốn đoán nam hay nữ (đứa con được sinh) thì khi xem quẻ trước, quẻ dương hào dương nhiều thì sinh con trai ; quẻ âm hào âm nhiều thì sinh con gái. Quẻ có hào âm và dương bằng nhau thì xem trong số người ngồi quanh đó, người đến bói là số chẵn hay số lẻ để đoán. Muốn đoán ngày sinh thì xem số của quẻ dụng để đoán.

7. Đoán về ăn uống

Phàm đoán về ăn uống lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng làm thức ăn. Dụng sinh thể thì thức ăn phong phú. Thể sinh dụng thì ăn uống có trắc trở. Dụng khắc thể thì không có chuyện ăn uống. Thể và dụng ngang nhau thì thức ăn đầy đủ, phong phú. Trong quẻ có khảm là có rượu, có đoài là có thức ăn. Không có khảm không có đoài thì cả hai thức đều không. Khảm, đoài sinh thân : rượu thịt no say. Muốn biết ăn thức gì thì lấy việc ăn uống mà suy ra. Muốn biết trong bàn ăn có những ai thì căn cứ quẻ hổ mà đoán.

Ăn uống, có những người nào, có những loại gì thì trong bát quái đều đã nói rõ.

8. Đoán cầu mưa

Khi đoán cầu mưa lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng là việc định mưa cầu. Thể khắc dụng thì mưa có thể thành, nhưng chậm. Dụng khắc thể thì mưa không thành, hoặc thành nhưng có hại. Dụng sinh thể thì cầu mà không được. Thể sinh dụng thì mưa nhiều mà thành công ít. Thể dụng ngang nhau thì đạt được như ý.

9. Đoán cầu danh

Khi đoán cầu danh quẻ thể làm chủ, quẻ dụng là danh. Thể khác dụng : danh có thể thành, nhưng chậm. Dụng khác thể : danh không thành. Thể sinh dụng : danh không thành, hoặc nếu thành thì bị tổn thất. Dụng sinh thể : danh dễ thành, hoặc có lợi nhờ danh. Thể, dụng ngang nhau : công danh như ý. Muốn biết ngày đạt được thì xem kỹ khí quẻ của sinh thể. Muốn biết nhậm chức ở đâu thì xem phương của quẻ "biến" mà đoán. Nếu quẻ không có khác thể thì danh dễ thành, xem thời gian của quẻ thể để đoán ngày thành đạt. Nếu đoán về quẻ nhậm chức thì tối kỵ nhất là gặp phải quẻ khác thể. Người có quẻ khác thể thì do làm quan mà bị tai họa, nhẹ thì bị khiển trách, nặng thì bị mất chức. Muốn biết ngày giờ của tai họa đó thì phải xem khí thể của khác quẻ và kết hợp bát quái mà đoán.

10. Đoán cầu tài

Khi đoán cầu tài lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng làm tài. Thể khác dụng là được của ; dụng khác thể là không được của. Thể sinh dụng thì có nỗi lo về hao tổn. Dụng sinh thể thì có tin mừng được lợi. Thể dụng ngang nhau thì tài lợi đều nhanh như ý. Muốn biết ngày được của phải xem khí quẻ sinh thể để đoán. Muốn biết ngày mất của phải xem khí quẻ khác thể để đoán.

Nếu trong quẻ có quẻ thể khác quẻ dụng và quẻ sinh quẻ thể thì được của. Khí của quẻ này tức là ngày được của. Nếu trong quẻ có quẻ khác thể và quẻ thể sinh quẻ dụng tức là mất của, khí của quẻ này là ngày mất của.

11. Đoán giao dịch

Đoán giao dịch lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng ứng vào việc giao dịch. Thể khác dụng thì giao dịch được nhưng chậm.

Dụng khác thể thì việc không thành. Thể sinh dụng thì việc khó thành, nếu giao dịch được cũng bị hao tổn mất mát. Dụng sinh thể tức là thành, tức là có của. Thể dụng ngang hòa nhau là việc giao dịch thuận lợi.

12. Đoán về xuất hành

Đoán xuất hành lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng ứng về việc sắp đi. Thể khác dụng : có thể đi và kết quả như ý. Dụng khác thể : đi ra gặp tai họa ; thể sinh dụng : đi ra bị hao tổn mất mát. Dụng sinh thể : được của bất ngờ khi đi ra. Thể dụng ngang nhau : xuất hành nhanh, thuận lợi.

Phàm đoán xuất hành, quẻ thể nên thừa vượng, các quẻ nên sinh thể. Quẻ thể là cần và chấn thì chủ động ; là khôn, cần là bị động ; tổn là đi thuyền ; ly là đi đường bộ ; khảm là để phòng có sự thất thoát ; quẻ đoài : có sự chia rẽ.

13. Đoán người đi xa

Đoán người đi xa lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng chỉ người đi xa. Thể khác dụng : người đi xa trở về muộn ; dụng khác thể : người đi xa không trở về ; thể sinh dụng : người đi xa chưa quay về ; Dụng sinh thể : người đi xa sẽ về ngay ; Thể dụng hòa nhau : ngày về chưa rõ. Lại lấy sự doanh vượng của người đi xa là quẻ dụng để đoán, nếu gặp sinh là người đi xa đang thuận lợi ; gặp suy bị khác là người đi xa bị tai nạn. Chấn nhiều thì không yên ổn, Cần nhiều là có trở ngại ; Khảm nhiều là có nguy hiểm ; Đoài là có va chạm chia rẽ.

14. Đoán về mong gặp ai đó

Đoán về mong gặp ai thì lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng là người mình định gặp. Thể khác dụng là có thể gặp ; Dụng khác thể : là không thể gặp ; Thể sinh dụng : khó gặp, gặp

được cũng vô ích. Dụng sinh thể : có thể gặp, gặp là được.
Thể dụng ngang nhau : gặp nhau vui vẻ.

15. Đoán về mất đồ vật

Đoán về mất của cái lấy thể làm chủ, dụng làm vật bị mất. Thể khác dụng : có thể tìm nhưng thấy muộn ; Dụng khác thể : không thể tìm được ; Thể sinh dụng : khó tìm lại được. Dụng sinh thể : vật mất dễ tìm. Thể dụng ngang nhau : vật không mất.

Lại lấy quẻ "biến" làm vật bị mất. Nếu quẻ biến là : càn : tìm thấy ở phía tây bắc, hoặc ở nhà vệ sinh công cộng, hoặc ở các lầu gác, hoặc ở bên cạnh các thứ kim loại, đá ; hoặc ở trong những vật hình tròn ; hoặc ở những chỗ đất cao. Quẻ biến là khôn : tìm thấy ở phương tây nam, hoặc nơi đồng ruộng ; hoặc chỗ nhà kho ; hoặc chỗ đồng rơm, đồng rác ; hoặc trong hang, trong hốc đất ; hoặc trong kho đồ đạc. Quẻ biến là chấn : tìm thấy ở phương đông, hoặc nơi rừng núi, nơi lau lách, hoặc bên cạnh quả chuông, cái trống ; hoặc nơi chợ búa ồn ào ; hoặc trên đường cái lớn. Quẻ biến là tốn : sẽ tìm thấy ở phương đông nam, hoặc nơi rừng núi, nơi chùa chiền, vườn rau, hoặc giữa các thuyền bè, hoặc trong các thứ đồ bằng gỗ. Nếu quẻ biến là khâm : tìm thấy ở phương bắc, phần nhiều bên mép nước, hoặc nơi khe giếng, nương rãnh, hoặc bên cạnh nơi có rượu, dấm ; hoặc chỗ muối, cá. Quẻ biến là ly : tìm thấy ở phương Nam, hoặc : trong bếp, trong lò, cạnh lò, bên cửa sổ, nhà bỏ hoang, bên cạnh bàn giấy, hoặc chỗ có khói lửa. Quẻ biến là cấn : tìm thấy ở phương đông bắc, hoặc : trong rừng núi, hoặc bên đường, hoặc cạnh tảng đá, hoặc chôn dưới đất. Quẻ biến là quẻ đoài : thì tìm thấy ở phương Tây, hoặc : ở trên bờ ao, hoặc ở nơi tường xiêu vách nát, hoặc ở giếng cũ hay ao đăm.

16. Đoán về bệnh tật

Đoán về bệnh tật lấy quẻ thể làm bệnh nhân, quẻ dụng là chứng bệnh. Quẻ thể nên vượng không nên suy. Quẻ thể nên hùng sinh, không nên thấy khắc. Quẻ dụng nên sinh thể, không nên khắc thể. Quẻ thể khắc dụng : bệnh dễ khỏi. Thể sinh dụng : bệnh khó khỏi ; Thể khắc dụng : không có thuốc cũng khỏi ; Dụng khắc thể : dù có thuốc cũng không khỏi. Nếu thể gặp khắc mà thừa vượng : thì không đáng lo. Thể gặp khắc mà càng suy : khó sống nổi. Muốn biết trong lúc nguy kịch có được cứu giúp hay không thì xem quẻ có sinh thể không ? Thể sinh dụng : là bệnh kéo dài, khó khỏi ; Dụng sinh thể : bệnh sẽ khỏi. Thể dụng ngang nhau : bệnh sẽ qua khỏi. Nếu ở thời kỳ bệnh đang bình thường thì xem quẻ có sinh thể không để đoán ; nếu bệnh ở thời kỳ nguy kịch thì xem bệnh có khắc thể không để đoán. Muốn xem bệnh đó nên uống thuốc gì thì phải xem quẻ có sinh thể không. Ví dụ gặp quẻ ly sinh thể thì nên uống thuốc nhiệt, gặp quẻ khảm sinh thể thì nên uống thuốc hàn ; gặp quẻ cấn thì uống thuốc ôn bổ ; gặp quẻ càn, đoài nên uống thuốc mát.

17. Đoán về kiện tụng

Lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng là đối phương.

Quẻ thể nên vượng, quẻ dụng nên suy. Thể nên được dụng sinh không nên thể sinh dụng, dụng nên sinh thể, không nên khắc thể. Thể khắc dụng : mình thắng đối phương ; dụng khắc thể : đối phương thắng mình. Thể sinh dụng : mình bị đuối lý hoặc bị quan toà không đồng tình. Dụng sinh thể : mình thắng lý hoặc được kiện. Thể dụng ngang nhau : thì có lợi nhất, không cần có sự hỗ trợ mà vẫn được giải hòa.

18. Đoán về mồ mã

Lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng làm mồ mã. Thể khắc dụng : là mộ tốt ; dụng khắc thể : mộ không tốt. Thể sinh dụng : là xấu. Dụng sinh thể : thì chủ tang sẽ hưng vượng dần, được hưởng âm phúc. Thể dụng ngang nhau : là được nơi đất tốt, nên an táng ở đó, sẽ gặp lành.

Trong cuộc sống hàng ngày, việc cần đoán rất nhiều, ở đây không thể kể hết. Muốn hiểu rõ mục này mời xem thêm "Mai hoa dịch số".

Phần hai

PHƯƠNG PHÁP ĐOÁN THEO SÁU HÀO

Chương 6

NẠP GIÁP

I. PHƯƠNG PHÁP GIEO QUÉ

Ở phần trên đã nói dùng phương pháp bát quái để dự đoán thông tin có rất nhiều cách, trong đó phương pháp đoán theo sáu hào là một trường phái lớn của nước ta. Phương pháp gieo quẻ theo sáu hào, chủ yếu nhất là dùng phương pháp lắc quẻ. Dùng 3 đồng tiền bỏ vào lòng bàn tay, úp hai tay lại, lắc tất cả 6 lần thì thành quẻ.

Khi gieo quẻ, đầu tiên lấy 3 đồng tiền (tốt nhất là đồng Càn Long) đặt vào lòng bàn tay, úp hai tay lại để im trong một phút làm cho từ trường của đồng tiền và từ trường của con người liên thông với nhau. Trong cuộc sống hàng ngày, bất cứ việc gì có liên quan cũng làm ta xúc cảm. Xúc cảm thì sẽ phát ra thông tin, nên chỉ cần ở trong đầu chăm chú nghĩ về việc mình định đoán, đó gọi là tập trung ý niệm, sẽ phát tin tức ra ngoài. Chỉ khi ý niệm của người xin đoán tập trung thì đồng tiền mới thông qua phản hồi thông tin để phản ánh một cách chính xác trung thực qua mặt sấp, mặt ngửa của nó. Lắc tất cả 6 lần và ghi lại hào của từng lần lắc là ta được quẻ.

Phương pháp dùng đồng tiền như sau : mặt có chữ là mặt ngửa, mặt không chữ là mặt sấp. Trong 3 đồng tiền nếu chỉ

có 1 đồng sắp thì ta ghi 1 chấm (.) tức là 1 dương ; nếu có 2 đồng sắp : ghi hai chấm (..) đó là âm ; nếu có 3 đồng sắp : ghi 1 vòng tròn " ○ " là dương ; (3 mặt đều ngửa ta ghi dấu "×" gọi là âm.

Hào có vòng tròn là hào dương động ; hào có dấu "×" gọi là hào âm động. Trong quẻ hào có " ○ " và hào có "×" gọi là hào động. Động thì biến, dương động biến thành âm ; âm động biến thành dương. Trong một quẻ sáu hào toàn động thì toàn biến ; sáu hào đều không động thì không biến. Một chấm là "thiếu dương", 2 chấm là "thiếu âm", vòng tròn là "lão dương" chủ về việc quá khứ ; dấu "×" là "lão âm" chủ về việc tương lai. Vòng tròn là hào động, "×" là hào biến. Dưới đây gieo 1 quẻ làm ví dụ :

Quẻ ngoại	{ . ○	× hào thượng 1 dấu ×	là vạch đứt là âm --	} Doài	
		. hào năm 1 chấm	là đơn là dương —		vi
		○ hào bốn 1 vòng	là 1 chấm là dương —		trạch
Quẻ nội	{ ○	.. hào ba 2 chấm	là vạch đứt là âm --	} Chấn	
		.. hào hai 2 chấm	là vạch đứt là âm --		vi
		○ hào đầu 1 vòng	là 1 chấm là dương —		lôi

Lúc xếp hào thì xếp từ dưới lên trên. Lúc xếp tên quẻ thì lại xếp từ trên xuống dưới. Quẻ này có quẻ nội là chấn, quẻ ngoại là doài, là kim trên, mộc dưới, là quẻ "trạch lôi tùy".

Dưới đây giới thiệu hình tượng quẻ của 8 quẻ đơn :

CÀN ☰ 1 chấm là vạch liền, cả 3 hào là vạch liền

DOÀI ☷ hào đầu, hào hai là vạch liền, hào ba là vạch đứt

LY ☰ hào đầu, hào ba là vạch liền ; hào hai là vạch đứt

CHẤN ☳ hào đầu là vạch liền ; hào hai, hào ba là vạch đứt

TỐN ☶ hào đầu là vạch đứt ; hào hai, hào ba là vạch liền

KHÂM ☱ hào đầu và hào ba là vạch đứt ; hào hai là vạch liền

CẤN ☶ hào đầu và hào hai đều là vạch đứt ; hào ba là vạch liền

KHÔN ☷ cả ba hào đều là vạch đứt

Hai quẻ đơn trên dưới chồng lên nhau thì được một quẻ mới là quẻ kép. Có 64 quẻ. 64 quẻ này lại chia thành 8 nhóm gọi là "8 cung", mỗi cung có 8 quẻ, mỗi quẻ đều có tên riêng.

Người xưa trong thực tiễn dự đoán đã phát hiện bát quái và ngũ hành có quan hệ mật thiết với nhau. Căn cứ vào kinh nghiệm thực tiễn đã tổng kết ra các thuộc tính của các quẻ trong 8 cung, đồng thời phát hiện ra 6 hào của mỗi quẻ lại có thuộc tính với ngũ hành của nó và hàm chứa một thông tin nào đó, gọi là "tượng hào". Để cung cấp cho độc giả học tập, nghiên cứu dưới đây xin giới thiệu tượng hào của 64 quẻ.

II. TOÀN BỘ TƯỢNG HÀO CỦA 64 QUẺ

1. CUNG CÀN BÁT QUÁI THUỘC KIM

CÀN VI THIÊN	THIÊN PHONG CẤU	THIÊN SON ĐỘN
Phụ mẫu tuất thổ. thế	Phụ mẫu tuất thổ.	Phụ mẫu tuất thổ
Huynh đệ thân kim.	Huynh đệ thân kim.	Huynh đệ thân kim. ứng
Quan quý ngo hòa.	Quan quý ngo hòa. ứng	Quan quý ngo hòa.
Phụ mẫu thìn thổ. ứng	Huynh đệ thân kim.	Huynh đệ thân kim.
Thê tài dân mộc.	Tử tôn hợi thủy.	Quan quý ngo hòa.. thế
Tử tôn tí thủy.	Phụ mẫu sừu thổ.. thế	Phụ mẫu thìn thổ..

THIÊN ĐỊA PHŨ	PHONG ĐỊA QUAN	SƠN ĐỊA BỐC
Phụ mẫu tuất thổ. ứng	Thê tài mảo mộc.	Thê tài dân mộc.
Huynh đệ thân kim.	Quan quý tị hỏa.	Tử tôn tị thủy.. thế
Quan quý ngộ hòa.	Phụ mẫu mùi thổ.. thế	Phụ mẫu tuất thổ..
Thê tài mảo mộc.. thế	Thê tài mảo mộc..	Thê tài mảo mộc..
Quan quý tị hỏa..	Quan quý tị hỏa..	Quan quý tị hỏa.. ứng
Phụ mẫu mùi thổ..	Phụ mẫu mùi thổ.. ứng	Phụ mẫu mùi thổ..
HỎA ĐỊA TẤN	HỎA THIÊN ĐẠI HỮU	
Quan quý tị hỏa.	Quan quý tị hỏa. ứng	
Phụ mẫu mùi thổ..	Phụ mẫu mùi thổ..	
Huynh đệ dậu kim. thế	Huynh đệ dậu kim.	
Thê tài mảo mộc..	Phụ mẫu thìn thổ. thế	
Quan quý tị hỏa..	Thê tài dân mộc.	
Phụ mẫu mùi thổ.. ứng	Tử tôn tị thủy.	

2. CUNG DOÀI BÁT QUÁI THUỘC KIM

ĐOÀI VỊ TRẠCH	TRẠCH THỦY KHỐN	TRẠCH ĐỊA TỤY
Phụ mẫu mùi thổ.. thế	Phụ mẫu mùi thổ..	Phụ mẫu mùi thổ..
Huynh đệ dậu kim.	Huynh đệ dậu kim.	Huynh đệ dậu kim. ứng
Tử tôn hội thủy.	Tử tôn hội thủy. ứng	Tử tôn hội thủy.
Phụ mẫu sửu thổ.. ứng	Quan quý ngộ hòa..	Thê tài mảo mộc..
Thê tài mảo mộc.	Phụ mẫu thìn thổ.	Quan quý tị hỏa.. thế
Quan quý tị hỏa.	Thê tài dân mộc.. thế	Phụ mẫu thìn thổ..
TRẠCH SƠN HÀM	THỦY SƠN KIỀM	ĐỊA SƠN KHIÊM
Phụ mẫu mùi thổ.. ứng	Tử tôn tị thủy..	Huynh đệ dậu kim..
Huynh đệ dậu kim.	Phụ mẫu tuất thổ.	Tử tôn hội thủy.. thế

Tử tôn hợi thủy.	Huynh đệ thân kim.. thế	Phụ mẫu sửu thổ..
Huynh đệ thân kim. thế	Huynh đệ thân kim.	Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngọ hỏa..	Quan quý ngọ hỏa..	Quan quý ngọ hỏa.. ứng
Phụ mẫu thìn thổ..	Phụ mẫu thìn thổ.. ứng	Phụ mẫu thìn thổ..

LÔI SƠN TIÊU QUÁ

Phụ mẫu tuất thổ..
 Huynh đệ thân kim..
 Quan quý ngọ hỏa. thế
 Huynh đệ thân kim.
 Quan quý ngọ hỏa..
 Phụ mẫu thìn thổ.. ứng

LÔI TRẠCH QUI MUỘI

Phụ mẫu tuất thổ.. ứng
 Huynh đệ thân kim..
 Quan quý ngọ hỏa.
 Phụ mẫu sửu thổ.. thế
 Thế tài mao mộc.
 Quan quý tị hỏa.

3. CUNG LY BÁT QUÁI THUỘC HÒA

LY VI HÒA

Huynh đệ tị hỏa. thế
 Tử tôn mùi thổ..
 Thế tài dậu kim.
 Quan quý hợi thủy. ứng
 Tử tôn sửu thổ..
 Phụ mẫu mao mộc.

HÒA SƠN LỮ

Huynh đệ tị hỏa.
 Tử tôn mùi thổ..
 Thế tài dậu kim. ứng
 Thế tài thân kim.
 Huynh đệ ngọ hỏa..
 Tử tôn thìn thổ.. thế

HÒA PHONG ĐÌNH

Huynh đệ tị hỏa.
 Tử tôn mùi thổ.. ứng
 Thế tài dậu kim.
 Thế tài dậu kim.
 Quan quý hợi thủy. thế
 Tử tôn sửu thổ..

HÒA THỦY VỊ TẾ

Huynh đệ tị hỏa. ứng
 Tử tôn mùi thổ..
 Thế tài dậu kim.
 Huynh đệ ngọ hỏa.. thế
 Tử tôn thìn thổ.
 Phụ mẫu dấn mộc..

SƠN THỦY MÔNG

Phụ mẫu dấn mộc.
 Quan quý tị thủy..
 Tử tôn tuất thổ.. thế
 Huynh đệ ngọ hỏa..
 Tử tôn thìn thổ.
 Phụ mẫu dấn mộc.. ứng

PHONG THỦY HOÁN

Phụ mẫu mao mộc.
 Huynh đệ tị hỏa. thế
 Tử tôn mùi thổ..
 Huynh đệ ngọ hỏa..
 Tử tôn thìn thổ. ứng
 Phụ mẫu dấn mộc..

THIÊN THỦY TUNG

Tử tôn tuất thổ.

Thê tài thân kim.

Huynh đệ ngộ hòa. thế

Huynh đệ ngộ hòa..

Tử tôn thìn thổ.

Phụ mẫu dân mộc.. ứng

THIÊN HÒA ĐỒNG NHÂN

Tử tôn tuất thổ. ứng

Thê tài thân kim.

Huynh đệ ngộ hòa.

Quan qui hội thủy. thế

Tử tôn sửu thổ..

Phụ mẫu mao mộc.

4. CUNG CHẤN BÁT QUÁI THUỘC MỘC**CHẤN VI LÔI**

Thê tài tuất thổ.. thế

Quan qui thân kim..

Tử tôn ngộ hòa.

Thê tài thìn thổ.. ứng

Huynh đệ dân mộc..

Phụ mẫu tí thủy.

LÔI PHONG HẰNG

Thê tài tuất thổ.. ứng

Quan qui thân kim..

Tử tôn ngộ hòa.

Quan qui dậu kim. thế

Phụ mẫu hội thủy.

Thê tài sửu thổ..

LÔI ĐỊA DỰ

Thê tài tuất thổ..

Quan qui thân kim..

Tử tôn ngộ hòa. ứng

Huynh đệ mao mộc..

Tử tôn tị hòa..

Thê tài mùi thổ.. thế

ĐỊA PHONG THẮNG

Quan qui dậu kim..

Phụ mẫu hội thủy..

Thê tài sửu thổ.. thế

Quan qui dậu kim.

Phụ mẫu hội thủy.

Thê tài sửu thổ.. ứng

LÔI THỦY GIẢI

Thê tài tuất thổ..

Quan qui thân kim.. ứng

Tử tôn ngộ hòa.

Tử tôn ngộ hòa..

Thê tài thìn thổ. thế

Huynh đệ dân mộc..

THỦY PHONG TỈNH

Phụ mẫu tí thủy..

Thê tài tuất thổ. thế

Quan qui thân kim..

Quan qui dậu kim.

Phụ mẫu hội thủy. ứng

Thê tài sửu thổ..

TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ

Thê tài mùi thổ..

Quan qui dậu kim.

Phụ mẫu hội thủy. thế

TRẠCH LÔI TỬ

Thê tài mùi thổ.. ứng

Quan qui dậu kim.

Phụ mẫu hội thủy.

Quan qui dậu kim.	Thê tài thìn thổ.. thê
Phụ mẫu hợi thủy.	Huynh đệ dấn mộc..
Thê tài sừ thổ.. ứng	Phụ mẫu tí thủy.

5. CUNG TỔN BÁT QUÁI THUỘC MỘC

TỔN VI PHONG	PHONG THIÊN	PHONG HÒA GIA NHÂN
	TIÊU SỨC	

Huynh đệ mao mộc. thê	Huynh đệ mao mộc.	Huynh đệ mao mộc.
Tử tôn tị hỏa.	Tử tôn tị hỏa.	Tử tôn tị hỏa. ứng
Thê tài mùi thổ..	Thê tài mùi thổ.. ứng	Thê tài mùi thổ..
Quan qui dậu kim. ứng	Thê tài thìn thổ.	Phụ mẫu hợi thủy.
Phụ mẫu hợi thủy.	Huynh đệ dấn mộc.	Thê tài sừ thổ.. thê
Thê tài sừ thổ..	Phụ mẫu tí thủy. thê	Huynh đệ mao mộc.

PHONG LÔI ÍCH

THIÊN LÔI VÔ VỌNG

HÒA LÔI PHỆ HẠP

Huynh đệ mao mộc. ứng	Thê tài tuất thổ.	Tử tôn tị hỏa.
Tử tôn tị hỏa.	Quan qui thân kim.	Thê tài mùi thổ.. thê
Thê tài mùi thổ..	Tử tôn ngọ hỏa. thê	Quan qui dậu kim.
Thê tài thìn thổ.. thê	Thê tài thìn thổ..	Thê tài thìn thổ..
Huynh đệ dấn mộc..	Huynh đệ dấn mộc..	Huynh đệ dấn mộc.. ứng
Phụ mẫu tí thủy.	Phụ mẫu tí thủy. ứng	Phụ mẫu tí thủy.

SƠN LÔI DI

SƠN PHONG CỒ

Huynh đệ dấn mộc.	Huynh đệ dấn mộc. ứng
Phụ mẫu tí thủy..	Phụ mẫu tí thủy..
Thê tài tuất thổ.. thê	Thê tài tuất thổ..
Thê tài thìn thổ..	Quan qui dậu kim. thê
Huynh đệ dấn mộc..	Phụ mẫu hợi thủy.
Phụ mẫu tí thủy. ứng	Thê tài sừ thổ..

6. CUNG KHÂM BÁT QUÁI THUỘC THỦY

KHÂM VỊ THỦY

Huynh đệ tí thủy.. thế

Quan qui tuất thổ.

Phụ mẫu thân kim..

Thê tài ngộ hòa.. ứng

Quan qui thìn thổ.

Tử tôn dẫn mộc..

THỦY HÒA KÝ TẾ

Huynh đệ tí thủy.. ứng

Quan qui tuất thổ.

Phụ mẫu thân kim..

Huynh đệ hợi thủy. thế

Quan qui sửu thổ..

Tử tôn mao mộc.

THỦY TRẠCH TIẾT

Huynh đệ tí thủy..

Quan qui tuất thổ.

Phụ mẫu thân kim.. ứng

Quan qui sửu thổ..

Tử tôn mao mộc.

Thê tài tị hòa. thế

TRẠCH HÒA CÁCH

Quan qui mùi thổ..

Phụ mẫu dậu kim.

Huynh đệ hợi thủy. thế

Huynh đệ hợi thủy.

Quan qui sửu thổ..

Tử tôn mao mộc. ứng

THỦY LÔI TRUÂN

Huynh đệ tí thủy..

Quan qui tuất thổ. ứng

Phụ mẫu thân kim..

Quan qui thìn thổ..

Tử tôn dẫn mộc.. thế

Huynh đệ tí thủy.

LÔI HÒA PHONG

Quan qui tuất thổ..

Phụ mẫu thân kim.. thế

Thê tài ngộ hòa.

Huynh đệ hợi thủy.

Quan qui sửu thổ.. ứng

Tử tôn mao mộc.

ĐỊA HÒA MINH DI

Phụ mẫu dậu kim..

Huynh đệ hợi thủy..

Quan qui sửu thổ.. thế

Huynh đệ hợi thủy.

Quan qui sửu thổ..

Tử tôn mao mộc. ứng

ĐỊA THỦY SƯ

Phụ mẫu dậu kim.. ứng

Huynh đệ hợi thủy..

Quan qui sửu thổ..

Thê tài ngộ hòa.. thế

Quan qui thìn thổ.

Tử tôn dẫn mộc..

7. CUNG CẤN BÁT QUÁI THUỘC THỔ

CẤN VISON	SƠN HÒA BỒN	SƠN THIÊN ĐẠI SỨC
Quan qui dẫn mộc. thế	Quan qui dẫn mộc.	Quan qui dẫn mộc.
Thê tài tí thủy..	Thê tài tí thủy..	Thê tài tí thủy.. ứng
Huynh đệ tuất thổ..	Huynh đệ tuất thổ.. ứng	Huynh đệ tuất thổ..
Tử tôn thân kim. ứng	Thê tài hợi thủy.	Huynh đệ thìn thổ.
Phụ mẫu ngọ hỏa..	Huynh đệ sữu thổ..	Quan qui dẫn mộc. thế
Huynh đệ thìn thổ..	Quan qui mao mộc. thế	Thê tài tí thủy.
 SƠN TRẠCH TỒN	 HÓA TRẠCH KHUÊ	 THIÊN TRẠCH LÝ
Quan qui dẫn mộc. ứng	Phụ mẫu tị hỏa.	Huynh đệ tuất thổ.
Thê tài tí thủy..	Huynh đệ mùi thổ..	Tử tôn thân kim. thế
Huynh đệ tuất thổ..	Tử tôn dậu kim. thế	Phụ mẫu ngọ hỏa.
Huynh đệ sữu thổ.. thế	Huynh đệ sữu thổ..	Huynh đệ sữu thổ..
Quan qui mao mộc.	Quan qui mao mộc.	Quan qui mao mộc. ứng
Phụ mẫu tị hỏa.	Phụ mẫu tị hỏa. ứng	Phụ mẫu tị hỏa.
 PHONG TRẠCH TRUNG PHỦ	 PHONG SƠN TIỆM	
Quan qui mao mộc.	Quan qui mao mộc. ứng	
Phụ mẫu tị hỏa.	Phụ mẫu tị hỏa.	
Huynh đệ mùi thổ.. thế	Huynh đệ mùi thổ..	
Huynh đệ sữu thổ..	Tử tôn thân kim. thế	
Quan qui mao mộc.	Phụ mẫu ngọ hỏa..	
Phụ mẫu thị hỏa. ứng	Huynh đệ thìn thổ..	

8. CUNG KHÔN BÁT QUÁI THUỘC THỔ

KHÔN VI ĐỊA	ĐỊA LỜI PHỤC	ĐỊA TRẠCH LÂM
Tử tôn dậu kim.. thế	Tử tôn dậu kim..	Tử tôn dậu kim..
Thê tài hợi thủy..	Thê tài hợi thủy..	Thê tài hợi thủy.. ứng
Huynh đệ sửu thổ..	Huynh đệ sửu thổ.. ứng	Huynh đệ sửu thổ..
Quan qui mao mộc.. ứng	Huynh đệ thìn thổ..	Huynh đệ sửu thổ..
Phụ mẫu tị hỏa..	Quan qui dần mộc..	Quan qui mao mộc. thế
Huynh đệ mùi thổ..	Thê tài tị thủy. thế	Phụ mẫu tị hỏa.
ĐỊA THIÊN THÁI	LỜI THIÊN ĐẠI TRÁNG	TRẠCH THIÊN QUÀI
Tử tôn dậu kim.. ứng	Huynh đệ tuất thổ..	Huynh đệ mùi thổ..
Thê tài hợi thủy..	Tử tôn dậu kim..	Tử tôn dậu kim. thế
Huynh đệ sửu thổ..	Phụ mẫu ngọ hỏa. thế	Thê tài hợi thủy.
Huynh đệ thìn thổ. thế	Huynh đệ thìn thổ.	Huynh đệ thìn thổ.
Quan qui dần mộc.	Quan qui dần mộc.	Quan qui dần mộc. ứng
Thê tài tị thủy.	Thê tài tị thủy. ứng	Thê tài tị thủy.
THỦY THIÊN NHU	THỦY ĐỊA TỈ	
Thê tài tị thủy..	Thê tài tị thủy.. ứng	
Huynh đệ tuất thổ.	Huynh đệ tuất thổ.	
Tử tôn thân kim.. thế	Tử tôn thân kim..	
Huynh đệ thìn thổ.	Quan qui mao mộc.. thế	
Quan qui dần mộc.	Phụ mẫu tị hỏa..	
Thê tài tị thủy. ứng	Huynh đệ mùi thổ.	

III. ĐẠI CỤC HỒN THIÊN GIÁP TÝ

Tiết này chủ yếu nói về qui tắc sắp xếp thiên can địa chi của 8 quẻ : Càn, Khâm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Nắm vững được qui tắc sắp xếp này thì có thể nhanh chóng và chính xác để sắp xếp thứ tự thiên can địa chi của mỗi hào trong các quẻ của 64 quẻ.

1. Phương pháp nạp chi của bát quái

Quẻ nội của Càn :	Tí thủy, dẫn mộc, thìn thổ ;
Quẻ nội của Khâm :	Dẫn mộc, thìn thổ, ngọ hỏa ;
Quẻ nội của Cấn :	Thìn thổ, ngọ hỏa, thân kim ;
Quẻ nội của Chấn :	Tí thủy, dẫn mộc, thìn thổ ;
Quẻ nội của Tốn :	Sửu thổ, hợi thủy, dậu kim ;
Quẻ nội của Ly :	Mão mộc, sửu thổ, hợi thủy ;
Quẻ nội của Khôn :	Mùi thổ, tị hỏa, mao mộc ;
Quẻ nội của Đoài :	Tị hỏa, mao mộc, sửu thổ
Quẻ ngoại của Càn :	Ngọ hỏa, thân kim, tuất thổ ;
Quẻ ngoại của Khâm :	Thân kim, tuất thổ, tí thủy ;
Quẻ ngoại của Cấn :	Tuất thổ, tí thủy, dẫn mộc.
Quẻ ngoại của Chấn :	Ngọ hỏa, thân kim, tuất thổ.
Quẻ ngoại của Tốn :	Mùi thổ, tị hỏa, mao mộc.
Quẻ ngoại của Ly :	Dậu kim, mùi thổ, tị hỏa.
Quẻ ngoại của Khôn :	Sửu thổ, hợi thủy, dậu kim.
Quẻ ngoại của Đoài :	Hợi thủy, dậu kim, mùi thổ.

Trong 8 quẻ trên đây cách sắp xếp địa chi trong 6 hào của 2 quẻ Càn, Chấn giống nhau. Cách sắp xếp địa chi trong 6 hào của nó là : sắp cách ngôi từ dưới lên trên. Ví dụ : hào đầu của quẻ càn là tí thủy, hào hai là dẫn mộc, hào ba là

thìn thổ, hào 4 là ngọ hỏa, hào 5 là thân kim, hào 6 là tuất thổ. Những quẻ khác cũng tương tự. Quẻ Càn, Khảm, Cấn, Chấn là các quẻ dương, địa chi của các quẻ dương thì sắp xếp theo chiều thuận. Các quẻ Tốn, Ly, Khôn, Đoài là các quẻ âm, địa chi của các quẻ âm sắp xếp theo chiều ngược, tức là từ hào đầu sắp xếp ngược trở lên. Biết được cách sắp xếp ngũ hành của các hào thì có thể nắm được chính xác qui tắc âm dương ngũ hành, sinh khắc chế hóa, tức là khâu quan trọng nhất để đoán quẻ đúng.

Trong phương pháp nạp chi vì sao quẻ Càn lại nạp : tí, dần, thìn, ngọ, thân, tuất ? Vì sao quẻ Khôn lại nạp : mùi, tị, mao, sừ, hợi, dậu ? Người xưa khi bàn về hào đã lấy 12 hào của hai quẻ "Càn, Khôn" ứng với 12 tháng trong 1 năm. Điều này trong các sách đã nói rất rõ : cái gọi là "hào thời" là chỉ 12 hào trong hai quẻ Càn và Khôn tương đương với 12 thời, lại đem 12 thời này chia làm 12 tháng. Tức hào chín đầu của Càn làm "tí" là tháng 11, hào chín hai làm "dần" là tháng giêng ; hào chín ba làm "thìn" là tháng 3 ; hào chín bốn làm "ngọ" là tháng 5 ; hào chín năm làm "thân" là tháng 7 ; hào chín trên làm "tuất" là tháng 9. Hào sáu đầu của quẻ Khôn làm "mùi" là tháng 6 ; hào sáu hai làm "dậu" là tháng 8 ; hào sáu ba làm "hợi" là tháng 10 ; hào sáu bốn làm "sừ" là tháng 12 ; hào sáu năm làm "mao" là tháng 2 ; hào sáu trên làm "tị" là tháng 4. Căn cứ nguyên tắc thời của 12 hào cho nên hào đầu của Càn lấy là Tí, rồi cách ngôi mà định hào tiếp theo ; Hào đầu của quẻ Khôn bắt đầu từ Mùi, rồi cách ngôi mà định tiếp hào sau. Nhưng cách sắp xếp các hào tiếp theo hào đầu không phù hợp với các sách trước kia đó là vì quẻ Khôn là quẻ âm, cách sắp xếp hào đầu của nó là đi ngược lên.

Đối với 6 quẻ khác : chấn, khảm, tốn, cấn, ly, đoài, thứ tự địa chi các hào của nó cũng được sắp xếp tuần tự theo 1

qui luật nhất định. Vì : chấn, khâm, cần là quẻ dương nên sắp xếp theo chiều thuận. Do đó hào chín đầu của quẻ Chấn bắt đầu từ Tí, hào sáu đầu của quẻ Khâm bắt đầu từ Dần ; hào sáu đầu của quẻ Cần bắt đầu từ Thìn. Theo cách sắp xếp hào đầu của 3 quẻ ấy chính là tí, dần, thìn là của ba hào trong quẻ Càn. Cho nên quẻ Chấn là trưởng nam, lấy hào đầu của Càn làm hào đầu của nó ; quẻ Khâm là trung nam lấy hào hai của Càn làm hào đầu ; Cần là thiếu nam lấy hào ba của Càn làm hào đầu.

Thứ tự sắp xếp hào đầu của 3 quẻ âm Tốn, Ly, Đoài khá phức tạp. Nó không những là đi ngược của cả hào thứ mà thứ tự của ngôi hào và quẻ cũng hoàn toàn ngược lại. Hào đầu của các quẻ ấy thứ tự là : Đoài, ly, tốn. Đoài là thiếu nữ, theo quy tắc đếm ngược của quẻ âm thì lấy hào đầu của quẻ Khôn làm hào trên của quẻ Đoài, nên hào sáu trên của quẻ Đoài bắt đầu ở mũi-thổ ; Ly là trung nữ lấy hào hai của khôn làm hào chín trên của Ly là tị-hỏa ; Tốn là trưởng nữ lấy hào ba của Khôn làm hào chín trên nên hào chín trên của Tốn là mao-mộc. Thứ tự của các hào là từ trên xuống dưới sắp xếp cách ngôi.

2. Phương pháp nạp can của bát quái

Trong 6 hào của bát quái không những có cách sắp xếp của địa chi mà còn có sự sắp xếp của thiên can, nên gọi là phương pháp nạp can. Nạp can tức là đem 10 thiên can lần lượt nạp vào bát quái. Trong "Chu dịch khái luận" có nói : Càn nạp Giáp, Nhâm ; Khôn nạp Ất, Quý ; Cần nạp Bính ; Đoài nạp Đinh ; Khâm nạp Mậu, Ly nạp Kỷ ; Chấn nạp Canh ; Tốn nạp Tân". Càn nạp Giáp, Nhâm nghĩa là : địa chi của 3 hào trong quẻ nội của quẻ càn phối với giáp của thiên can ; địa chi của 3 hào trong quẻ ngoại của quẻ Càn phối với Nhâm của thiên can. Khôn nạp Ất, Quý : tức là địa

chi của 3 hào trong quẻ nội của quẻ Khôn phối với Ất của thiên can ; địa chi của 3 hào trong quẻ ngoại của quẻ Khôn phối với Quý của thiên can. Sáu quẻ khác, sáu hào trong mỗi quẻ chỉ phối với 1 thiên can. Dưới đây giới thiệu bảng về cách phối thiên can địa chi của 8 quẻ.

QUẺ CÀN	QUẺ KHÔN	QUẺ KHÂM	QUẺ CẤN
Nhâm tuất thổ	Quý dậu kim	Mậu tí thủy	Bính dần mộc
Nhâm thân kim	Quý Hợi thủy	Mậu tuất thổ	Bính tí thủy
Nhâm ngọ hỏa	Quý Sửu thổ	Mậu thân kim	Bính tuất thổ
Giáp Thìn thổ	Ất Mão mộc	Mậu ngọ hỏa	Bính thân kim
Giáp dần mộc	Ất tị hỏa	Mậu Thìn thổ	Bính ngọ hỏa
Giáp tí thủy	Ất mùi thổ	Mậu dần mộc	Bính Thìn thổ
QUẺ ĐOÀI	QUẺ LY	QUẺ CHẤN	QUẺ TỐN
Đinh mùi thổ	Kỷ tị hỏa	Canh tuất thổ	Tân Mão mộc
Đinh dậu kim	Kỷ mùi thổ	Canh thân kim	Tân tị hỏa
Đinh Hợi thủy	Kỷ dậu kim	Canh ngọ hỏa	Tân mùi thổ
Đinh Sửu thổ	Kỷ Hợi thủy	Canh Thìn thổ	Tân dậu kim
Đinh Mão mộc	Kỷ Sửu thổ	Canh dần mộc	Tân Hợi thủy
Đinh tị hỏa	Kỷ Mão mộc	Canh tý thủy	Tân Sửu thổ

Cách sắp xếp thiên can địa chi trong 6 hào của Bát quái, đặc biệt là sự sắp xếp của địa chi chỉ cần nhớ : địa chi của hào đầu mỗi quẻ, sau đó sắp xếp cách ngôi, quẻ dương thì theo chiều thuận âm theo chiều ngược là được. Ví dụ : hào đầu của quẻ Càn là tý thủy, hào đầu của quẻ Khôn là mùi thổ ; hào đầu của quẻ Khâm là dần mộc ; hào đầu của quẻ Cấn là Thìn thổ ; hào đầu của quẻ Chấn là tý thủy ; hào đầu của quẻ Tốn là Sửu thổ ; hào đầu của quẻ Ly là Mão mộc ; hào đầu của quẻ Đoài là tị hỏa. Xin xem hình vẽ dưới đây.

Cách phối thiên can địa chi cho 6 hào của 8 quẻ thuần (quẻ đơn) là như thế, vậy 56 quẻ còn lại cách phối là thế nào ? Thực tế thì cũng rất đơn giản. Chỉ cần nhớ phương pháp sắp xếp thiên can địa chi của 6 hào trong 8 quẻ đơn là được, cho dù quẻ nội, quẻ ngoại trong 8 quẻ đơn hay của bất kỳ 1 quẻ nào khác, thiên can địa chi trong 6 hào của các quẻ ấy vẫn theo sự sắp xếp thiên can địa chi của quẻ ban đầu. Tức là thiên can địa chi trong quẻ ban đầu không thay đổi.

Ví dụ quẻ nội của Càn và quẻ ngoại của Khảm chống lên nhau hoặc là quẻ ngoại của Càn và quẻ nội của Khảm chống lên nhau thì vẫn do ba hào quẻ nội của Càn tổ hợp với ba hào quẻ ngoại của Khảm, hoặc do ba hào quẻ ngoại của Càn tổ hợp với ba hào quẻ nội của Khảm để hình thành quẻ mới.

IV. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH HÀO THỂ, HÀO ỨNG

Trong 6 hào của một quẻ có hào thể và hào ứng. Hào thể là người xin đoán, hào ứng là đối phương hoặc việc cần đoán.

Cách xác định hào thế, hào ứng của 1 quẻ có thể lấy cung Càn làm ví dụ :

Càn là trời, hào thế là hào 6 ; quẻ Thiên phong cấu hào thế là hào đầu ; quẻ Thiên sơn độn hào thế là hào 2 ; quẻ Thiên địa phủ hào thế là hào 3 ; quẻ Phong địa quan hào thế là hào 4 ; quẻ Sơn địa bác hào thế là hào 5 ; quẻ Hỏa địa tấn hào thế lùi về hào 4 ; quẻ Hỏa thiên đại hữu hào thế trở về hào ba. Cách hào thế hai ngôi là hào ứng. Ví dụ quẻ càn : hào thế là hào 6 thì hào ứng ở hào 3. Những quẻ khác cách xác định hào ứng cũng tương tự như thế (Xem bảng liệt kê ở tiết 2 phía trên).

V. TRI THẾ CỦA CÁC HÀO

Hào thế là mình, nếu là người thì đó là thân thế, hưng vượng thì tốt, nếu là công việc thì hanh thông, nếu là cầu mưu thì vừa ý. Hào thế hưng vượng lại được nguyệt, nhật, hào động, dụng thân sinh hợp hoặc được một trong những cái đó sinh hợp thì như vải gấm còn thêu hoa. Hào thế nếu gặp tuần không, nguyệt phá, hư tù, vô khí thì không tốt. Nếu lại gặp thêm hình, xung, khắc, hại thì đã xấu lại càng xấu thêm.

Hào thế, hào ứng tương sinh thì tốt, tương khắc thì xấu. Thế, ứng ngang hòa thì mưu việc là được. Hào thế động, hào thế tuần không là lòng mình không thật ; hào ứng động, hào ứng tuần không là người khác không thành thật. Hào thế bị khắc thì không lợi cho mình. Hào ứng bị khắc thì bất lợi cho người khác hay công việc.

+ *Hào phụ mẫu tri thế* : (hào thế đóng ở hào phụ mẫu). Phụ mẫu là thân của gian khổ, chủ về bận rộn, bôn ba, hôn nhân khó khăn, con cái hiềm muộn. Nếu trong quẻ hào thế tại

vượng, hào quan quý động sinh thì lợi về đường văn khoa thi cử. Thê tài động khắc thế thì không có vợ hiền và đoàn thọ.

+ *Hào tử tôn trì thế* : tử tôn là thần phúc, nên chú về không có nỗi lo, tại họa cũng chỉ thoáng qua. Nhưng tử tôn là thần của khắc chế quan quý cho nên tử tôn trì thế thì không lợi cho cầu danh, cầu quan.

+ *Hào quan quý trì thế* : quan quý là thần của hoạn nạn nên khi rơi vào hoàn cảnh, trường hợp đó thì sức khỏe hoặc công việc khó yên, không có bệnh thì cũng gặp tai nạn, thương mất tiền của. Nếu nhập mộ lại càng khó khăn hơn nữa, nếu gặp xung thì dù nguy hiểm cũng vượt qua. Nhưng cầu danh, cầu quan lại rất mong có quan quý trì thế.

+ *Hào thê tài trì thế* : Thê là nội trợ, tài là thần tài, tài là nguồn để dưỡng mệnh, nên không thế không có. Hào tài trì thế thì của cải phồn vinh, nếu gặp hào tử tôn, minh, ám, động sinh thì người khỏe của nhiều. Lợi về cầu quan hay kiện tụng. Không lợi về đường văn thư, và khác phụ mẫu. Thê tài động biến huynh thì mọi việc đều xấu.

+ *Hào huynh đệ trì thế* : vì hào huynh đệ trong ngũ hành là khắc thê tài nên hào huynh đệ là thần kiếp tài, mất của và làm thương tổn vợ. Gặp huynh đệ trì thế không những không cầu được tài mà còn phải để phòng khác vợ, mất của. Nếu quan quý hưng vượng, hoặc huynh đệ hóa quan quý thì càng xấu thêm.

Chương 7

CÁCH ỨNG DỤNG LỤC THÂN

I. CÁCH SẮP XẾP LỤC THÂN

Một quẻ có 6 hào lại chia thành lục thân. Lục thân, phụ mẫu, huynh đệ, thê tài, quan quý, tử tôn. Lục thân trong quẻ là cái mà quẻ ấy thuộc ngũ hành gì. Từ đó mà xác định thứ tự lục thân địa chi của hào. Cụ thể là : sinh ra tôi là phụ mẫu ; tôi sinh ra là con cái ; khắc tôi là quan quý, tôi khắc là thê tài ; ngang hòa với tôi là huynh đệ. Lục thân của quẻ không những là đối tượng cần dự đoán mà còn là căn cứ để chọn dụng thần, xác định được rõ ràng dụng thần của quẻ thì mới đoán được chính xác.

Các cung Càn, Đoài thuộc Kim : hào kim là huynh đệ, hào thổ là phụ mẫu, hào mộc là thê tài, hào hỏa là quan quý, hào thủy là tử tôn.

Các cung Chấn, Tốn thuộc Mộc : hào mộc là huynh đệ, hào thủy là phụ mẫu, hào thổ là thê tài, hào kim là quan quý, hào hỏa là tử tôn.

Các cung Khôn, Cấn thuộc Thổ : hào thổ là huynh đệ, hào hỏa là phụ mẫu, hào thủy là thê tài, hào mộc là quan quý, hào kim là tử tôn.

Cung Ly thuộc Hỏa : hào hỏa là huynh đệ, hào mộc là phụ mẫu, hào kim là thê tài, hào thủy là quan quý, hào thổ là tử tôn.

Cung Khảm thuộc Thủy : hào thủy là huynh đệ, hào kim là phụ mẫu, hào hỏa là thê tài, hào thổ là quan quý, hào mộc là tử tôn.

II. CÁCH CHỌN DÙNG LỤC THÂN

Hào phụ mẫu : đoán về nhà cửa thì nó là ruộng cột ; đoán về phụ mẫu nó là hào dụng ; đoán về anh em nó là tương sinh ; đoán về tài là người ngoài ; đoán về tử tôn là sát, kỵ ; đoán về hôn nhân nó là lời đề nghị cầu hôn ; đoán về bản thân là âm đức tổ tiên ; đoán về sĩ quan là tuyên lệnh ; đoán về cầu quan nó là giấy tờ trợ giúp ; đoán về kiện tụng nó là đơn khởi tố ; đoán về giao dịch nó là giao kèo khế ước ; đoán về người đi xa nó là thư tín ; đoán về buôn bán là phương hướng ; đoán về cầu mưu là đầu mối ; đoán về xuất trận là tướng, hoặc là cờ.

Hào thế tài : đoán về nhà ở, là nhà bếp, bếp núc ; đoán về bản thân nó là nội trợ ; đoán về buôn bán : là hàng hóa ; đoán về hôn nhân : là đồ tư trang ; đoán về sĩ quan : là lộc tặng ; đoán về cầu tài : là tài hưng ; đoán về phụ mẫu : là sát kỵ ; đoán về vợ : là hào dụng ; đoán về kho tàng : là kho lương thực ; đoán về kiện tụng là phát sinh ; đoán về trộm cướp là vật tàng trữ ; đoán về đi thuyền là chuyên chở ; đoán về xuất trận là trọng xa (xe lớn).

Hào huynh đệ : đoán về nhà cửa là cửa ngõ, hành lang ; đoán về bản thân là tai nạn ; đoán về đi xa là bạn đường ; đoán về buôn bán là bất lợi ; đoán về mưu sự là cạnh tranh ; đoán về vợ là sát kỵ ; đoán về huynh đệ là hào dụng ; đoán về tử tôn là hào trợ giúp ; đoán về cầu tài là thần kiếp ; đoán về mất mát là sự trắc trở không tìm thấy ; đoán về mở cửa hàng là người nắm quyền.

Hào tử tôn : đoán về nhà cửa là nhà phụ ; đoán về bản thân là bình yên ; đoán về cát nhắc, đề bạt là đơn thư ; đoán về buôn bán là đi chợ mua bán ; đoán về hôn nhân là khác chông ; đoán về vợ là nội trợ ; đoán về người đi xa là người tùy tùng, phò tá ; đoán về bệnh tật là bác sĩ ; đoán về mưu

vượng là kết quả ; đoán về trộm cướp là bắt người ; đoán về ra trận là người lính ; đoán về kiện tụng là hòa giải ; đoán về tử tôn là hào dụng ; đoán về đi thuyền là ở sâu dưới nước.

Hào quan quí : đoán về nhà cửa là dinh thự ; đoán về bản thân là trở ngại tri tri ; đoán về hôn nhân là mối lái ; đoán về sĩ quan là quan chức ; đoán về bệnh tật là bệnh khác thường ; đoán về kiện tụng là giặc cướp ; đoán về ra trận là địch thủ ; đoán về quan doanh là hào dụng ; đoán về huynh đệ là sát kỵ ; đoán về đi thuyền là cột buồm hay mái chèo.

III. LỤC THÂN PHÁT ĐỘNG

Hào phụ mẫu vốn khắc hào tử tôn, nếu phát động thì càng thêm xấu. Đoán hôn nhân, đoán con cái đều không lợi, đoán về buôn bán thì lao tâm, đoán về đi xa là thư tín ; đoán về quan cáo trạng là có lý ; có lợi cho thi cử, đỗ đạt.

Hào tử tôn khắc việc cầu quan cầu danh, nếu phát động thì càng xấu. Hào này lợi về gặp thầy gặp thuốc, xuất hành buôn bán thì bình yên. Đoán về sinh đẻ thì dễ sinh dễ nuôi ; đoán về kiện tụng thì dễ hòa giải. Không lợi về cầu danh, cầu quan, đối với nữ không lợi về đường chồng.

Hào quan quí khắc huynh đệ, bị phát động thì anh em khó tồn tại, không lợi cho cầu hôn, không lợi cho bệnh tật, cây cối khó thu hoạch ; đi ra ngoài thì gặp tai họa ; làm quan dễ bị mất chức tù tội ; buôn bán thì ít lời ; mất của thì khó tìm ; hay phát sinh những việc mờ ám.

Hào thê tài vừa khắc phụ mẫu, vừa khắc văn thư, ứng cử cầu danh, gặp phát động thì không đạt được. Kinh doanh cầu tài thì đại cát, lợi về hôn nhân, lợi về sinh đẻ. Đoán về người đi xa ở ngoài thân động, chưa ra khỏi nhà đã mất của ; đoán về bệnh tật là bệnh tỳ, vị.

Huynh đệ là họa của kiếp tài và khắc thể, là sự cứu giúp cầu hôn có lợi ; kiêng kỵ nhất là hào huynh đệ phát động nếu đoán về bệnh thì bệnh khó khỏi ; về ứng cử cất nhắc thì không có lợi.

IV. LỤC THÂN BIẾN HÓA

Phụ mẫu động hóa ra phụ mẫu, hoặc hóa tiến thân, thì có lợi về văn thư ; hóa tử tôn thì không hại gì ; hóa quan quí thì sự cất nhắc bị thay đổi ; hóa tài thì có nỗi lo cho bạc cao tuổi bề trên.

Hào tử tôn động hóa thoái thân là bị xì hơi, nhân tài không cân xứng. Nếu hào tử tôn động hóa phụ mẫu thì điển sản tan nát ; hóa tài thể : vinh quang bội phần.

Hào quan quí hóa tiến thân : thì có lộc đến, cầu quan nhanh ; hóa tài thể : nếu đoán về bệnh thì xấu ; hóa phụ mẫu : tiến độ về văn thư tốt ; hóa tử tôn : có hại cho việc cầu quan ; hóa huynh đệ : gia đình không hòa thuận.

Hào thể tài hóa tiến thân : thì tiến của mỗi năm một táng ; hóa quan quí : có nhiều điều lo lắng ; hóa tử tôn : có nhiều điều vui ; hóa phụ mẫu : không lợi cho gia trưởng ; hóa huynh đệ : bị phá tài, mất của.

Hào huynh đệ động hóa thoái thân : thì không có gì phải kiêng kỵ ; hóa phụ mẫu : vợ bị coi rẻ ; hóa thể tài : của cải không mãn nguyện ; hóa quan quí : anh em có hại ; hóa tử tôn : mọi việc như ý.

V. SÁU HÀO ĐỘNG BIẾN

Lục hào không động thì không biến ; động tất sẽ có biến. Dương động biến thành âm và ngược lại. Hào động thì quẻ biến. Ví dụ quẻ Tốn động biến thành quẻ Khâm.

QUÊ CHỦ : TỐN

Huynh đệ mao mộc ○ thế

Tử tôn tị hỏa.

Thê tài mùi thổ ..

Quan quý đậu kim ○ ứng

Phụ mẫu hợi thủy.

Thê tài sửu thổ ..

QUÊ BIẾN : KHÂM

Phụ mẫu tị thủy .. thế

Thê tài tuất thổ.

Quan quý thân kim ..

Tử tôn ngộ hỏa .. ứng

Thê tài thìn thổ.

Huynh đệ dần mộc..

Hào chín ba của quẻ Tốn và hào chín trên là hai hào dương đóng biến thành quẻ Khâm. Khâm là quẻ biến của Tốn, là biến sinh trở lại, nên Khâm là từ Tốn động biến ra. Nên lục thân của quẻ Khâm vẫn sắp xếp theo lục thân của quẻ Tốn. Phải nhớ rằng lục thân của quẻ "biến" vẫn sắp xếp theo quẻ "chủ". Sáu hào trong quẻ, nếu 1 hào động thì việc đoán chỉ chuyên về một việc, nếu nhiều hào động hoặc 6 hào đều động thì việc đoán không còn chuyên về một việc mà còn là việc không thuận, hoặc việc chính bị đảo ngược trở lại. Lúc 6 hào đều động thì phải chú ý xem dụng thần : dụng thần hưu, tù thì bị khác hại là làm việc gì cũng khó thành.

Gặp quẻ 6 hào yên tĩnh thì phải xem dụng thần và phải xem nhật thìn. Nếu nhật thìn khác dụng thần hoặc hình hại dụng thần thì hành động phải hết sức cẩn thận. Đồng thời cần phải chú ý đến hào ứng, hào thế. Nếu kỵ thân khác thế, ứng thì không tốt ; Thế, ứng gặp dụng thần và nguyên thần là tốt.

VI. THẬP CAN PHỐI LỤC THẦN

Lục thần là : Thanh long, Chu tước, Câu trăn, Phi xà, Bạch hổ và Huyền vũ, (có sách gọi là lục cầm). Thực chất là tên của các ngôi sao đóng. Ví dụ : phương đông đóng Thanh Long, phương tây đóng Bạch hổ, phương nam đóng Chu tước, phương bắc đóng Huyền vũ... Các hào quẻ phối với lục thần không những có thể dùng nó để phân biệt sự việc mà còn dùng nó để đoán cát hung.

Thập can phối lục thần là : Giáp, Ất bắt đầu ở Thanh long ; Bính, Đinh bắt đầu ở Chu tước ; ngày Mão là Câu trần ; ngày Kỷ là Phi xà ; ngày Canh, Tân là Bạch hổ ; ngày Nhâm, Quý là Huyền vũ. Thanh long thuộc mộc ; Chu tước thuộc hỏa ; Câu trần, Phi xà thuộc thổ ; Bạch hổ thuộc kim ; Huyền vũ thuộc thủy.

Giáp, Ất bắt đầu ở Thanh Long là : khi đoán quẻ vào ngày giáp, ngày ất thì hào đầu là Thanh Long, hào hai là Chu tước, hào ba là Câu trần ; hào bốn là Phi xà ; hào năm là Bạch hổ ; hào trên là Huyền vũ.

Dưới đây giới thiệu bảng Lục thần phối với các hào như sau

Hào QUỀ	Ngày GIÁP, ẤT	Ngày BÌNH, ĐINH	Ngày MẬU
Hào trên	Huyền vũ	Thanh long	Chu tước
Hào năm	Bạch hổ	Huyền vũ	Thanh long
Hào bốn	Phi xà	Bạch hổ	Huyền vũ
Hào ba	Câu trần	Phi xà	Bạch hổ
Hào hai	Chu tước	Câu trần	Phi xà
Hào đầu	Thanh long	Chu tước	Câu trần
Hào QUỀ	Ngày KỶ	Ngày CANH, TÂN	Ngày NHÂM QUÝ
Hào trên	Câu trần	Phi xà	Bạch hổ
Hào năm	Chu tước	Câu trần	Phi xà
Hào bốn	Thanh long	Chu tước	Câu trần
Hào ba	Huyền vũ	Thanh long	Chu tước
Hào hai	Bạch hổ	Huyền vũ	Thanh long
Hào đầu	Phi xà	Bạch hổ	Huyền vũ

Lục thần chủ các việc :

Thanh long chủ vé : các việc tốt, vui mừng, nhưng lại khác thế, khác dụng thần, cho nên có điều xấu, trong vui sinh ra sự bi thương.

Chu tước chủ về : cãi vã.

Câu trần : chủ về nỗi lo âu điên thổ, lao dịch.

Phi xà : chủ về việc kinh sợ, vu vơ, quái dị.

Bạch hổ : chủ về những việc tổn thương, hiếu phục.

Huyền vũ : là về việc mờ ám, trộm cắp.

Lục thần dùng để tham khảo trong khi đoán. Gặp quẻ cát mà có Thanh long thì càng tốt ; quẻ hung mà gặp Phi xà thì càng xấu.

VII. LỤC THẦN PHÁT ĐỘNG

Thanh long phát động lâm dụng thần sẽ tiến tài tiến lộc, phúc vô cùng. Nếu lâm cửu thần hoặc ky thần thì đều vô ích, bị tai họa vì tửu sắc.

Chu tước phát động thì văn án vượng, sát thần tướng thì không lập được công danh, hay cãi vã, động xuất sinh thân lợi việc công.

Câu trần phát động lo về điên thổ, xung tuế thì gặp ky, sinh dụng thì cát cho việc tình duyên, nếu yên tĩnh thì không mê muội.

Phi xà bị quan quý khác thì lo lắng liên miên, toàn những việc hồ kinh quái dị không rõ ràng. Phi xà trì thế rơi vào triển không, hưu thì hòa thuận, nếu gặp nhập xung thì không tránh khỏi điều xấu.

Hào bạch hổ động chủ về hình phạt, kiện tụng, bệnh tật; trì để động sẽ có hại trong gia đình; gặp hóa sinh thân thì mất đoàn kết.

Huyền vũ động thì nhiều ám muội, nếu lâm quan quý cần để phòng bị cướp; động sinh thế thì tốt; động gặp cửu thần, kị thần thì bị trộm cắp.

Chương 8

BÀN VỀ CÁC THẦN

I. DỤNG THẦN

Quẻ có 6 hào, hào có Lục thân. Lục thân lại chia ra các chiêm, mỗi chiêm có dụng thần riêng. Hào thể là bản thân mình. Dụng thần là những hào dùng để đoán sự việc muốn đoán.

Hào phụ mẫu : nếu hỏi về cha mẹ thì hào phụ mẫu trong quẻ là dụng thần. Đối với người ngang với cha mẹ trở lên như chú, bác, thầy giáo, bố mẹ chồng (hoặc vợ), mẹ nuôi, bà vú thì đều lấy hào phụ mẫu làm dụng thần. Đoán về trời đất, thành trì, nhà cửa, nhà ở, tường quách, thuyền bè, xe cộ, áo quần, vật dụng vải vóc, giấy tờ, văn chương, sách vở, văn khế... lấy hào phụ mẫu làm dụng thần.

Hào quan qui : đoán về công danh, cầu quan, quan phủ, trường quan, quý thần ; nữ đoán về hôn nhân, vợ đoán chồng đều lấy hào quan qui làm dụng thần. Đoán về loạn thần, trộm cướp, những việc về tôn giáo, những nổi nghi ngờ, bệnh tật, thân thể thì lấy hào quan qui làm nguyên thần.

Hào huynh đệ : nếu đoán những việc của anh em, chị em, anh em họ, kết bạn anh em, quan hệ bè bạn đều lấy hào này làm dụng thần.

Hào thể tài : phạm đoán về vợ, anh chị em dâu, đầy tớ gái đều lấy hào thể làm dụng thần. Đoán về của cải, tài sản, tiền bạc, lương thực và những vật dụng quý báu khác cũng lấy hào này làm dụng thần.

Hào tử tôn : phạm những việc thuộc về thế hệ con cái đều gọi là tử tôn. Như con dâu, cháu trai nội ngoại, đồ đệ, v.v... ; trung thần lương tướng, thầy thuốc, y dược, tăng đạo, binh sĩ đều lấy hào tử tôn làm dụng thần. Hào tử tôn là thần của phúc đức, mọi việc gặp hào này đều tốt. Duy việc cầu quan, cầu danh hoặc nữ đoán hôn nhân thì không lợi.

"Hào dụng phát động ở trong cung thì dù gặp hưu tù vẫn không xấu. Nếu được sinh phù kiêm vượng tướng thì mọi việc đều hanh thông".

"Hào dụng phát động gặp xung thì không gọi là không nữa, tĩnh không mà gặp khác mới là hại, kỵ thần mà gặp không thì tốt".

Dụng thần và nguyên thần không nên không. Xuân thổ, hạ kim, thu mộc, 3 tháng đông gặp hỏa là chân không, tuấn không là tượng của chân không.

Dụng thần hóa cát : dụng thần, nguyên thần động hóa sinh trở lại, hóa trường sinh, hóa đế vượng, hóa ngang hòa, hóa nhật nguyệt đều gọi là hóa cát.

Dụng thần hóa hung : phạm dụng thần, nguyên thần động hóa khác trở lại, hóa mộ, hóa tuyết, hóa không, hóa quý, hóa thoái thì đều gọi là hóa hung.

II. NGUYÊN THẦN, KỶ THẦN, CỬU THẦN

Nguyên thần là hào sinh dụng thần.

Kỵ thần là hào khắc dụng thần.

Cửu thần là hào khắc nguyên thần và sinh trợ kỵ thần. Ví dụ thổ là dụng thần, hỏa sinh thổ, vậy hỏa là nguyên thần của thổ. Khắc thổ là mộc, nên mộc là kỵ thần của thổ. Thủy khắc hỏa sinh mộc nên thủy là cửu thần của thổ. Cho dù

doán việc gì đầu tiên phải xem dụng thần vượng tướng hay hưu tù, có nguyên thần động để sinh trợ hay không, hoặc có kỵ thần động để khắc hại hay không.

Ví dụ : ngày mậu thân, tháng thìn, doán bố mới bị bệnh được quẻ "càn" là trời biến thành quẻ "Tiểu súc" :

CÀN VI THIÊN

PHONG THIÊN TIỂU SÚC

Phụ mẫu tuất thổ. thế

Thế tài mao mộc.

Huynh đệ thân kim.

Quan quí tị hỏa.

Quan quí ngộ hòa ○

Phụ mẫu mùi thổ.. ứng

Phụ mẫu thìn thổ. ứng

Phụ mẫu thìn thổ.

Thế tài dẫn mộc.

Thế tài dẫn mộc.

Tử tôn tị thủy.

Tử tôn tị thủy. thế.

Trong quẻ : tuất thổ, mùi thổ, thìn thổ là hào phụ mẫu lập lại 3 lần, vì thìn thổ làm nguyệt kiến, lấy thìn thổ làm dụng thần. Nay vì thân kim xung dẫn mộc, ám động mà khắc thìn thổ, nên bệnh nặng.

Trong quẻ may nhờ có ngộ hòa động, có thế sinh thổ, nhưng ngộ hòa hóa thành mùi thổ, ngộ hợp với mùi, đó là tham hợp vong sinh. Cho nên thổ của thìn bị dẫn mộc khắc, lại không được ngộ hòa sinh, do đó bệnh nặng. Đợi đến ngày sừ xung mất mùi thổ, ngộ hòa không hợp nhau nữa thì sinh thìn thổ, bệnh mới khỏi được. Kết quả là ngày sừ thì dậy được. Cho nên "nguyên thần phát động chí khí lên, kỵ nhất là hóa khắc và gặp thương tổn".

III. BÀN VỀ NGUYÊN THẦN, KỶ THẦN

Nguyên thần là hào sinh dụng thần. Nguyên thần sinh trợ dụng thần, quẻ gặp nguyên thần là cát, vì dụng thần mừng có nguyên thần sinh ra. Có 6 cách nguyên thần sinh dụng thần :

1. Nguyên thần lâm trường sinh đế vượng, nhật kiến.
2. Nguyên thần động mà hóa tiến thân, hoặc hóa sinh trở lại.

3. Nguyên thần lâm nguyệt kiến, nhật kiến.

4. Nguyên thần lâm nguyệt, nhật lại lâm hào động ;

5. Nguyên thần và ky thần cùng động (ví dụ thổ là dụng thần, hỏa là nguyên thần, mộc là ky thần, mộc động sinh hỏa, hỏa động sinh thổ) ;

6. Nguyên thần vượng động mà lâm tuần không hóa không.

Lâm tuần không hóa không, không phải là vô dụng, vì động thì không còn là không nữa. Lúc xuất không, đó là lúc không còn là không. Ví dụ :

Ngày mậu thìn, tháng thân, 1 người đoán chồng mới bị bệnh, được quẻ "Ly" của quẻ "Đông nhân".

THIÊN HÒA ĐÔNG NHÂN

LY VI HÒA

Tử tôn tuất thổ. ứng

Huỳnh đệ tị hỏa. thế

Thê tài thân kim ○

Tử tôn mùi thổ..

Huỳnh đệ ngọ hỏa.

Thê tài dậu kim.

Quan quĩ hội thủy. thế

Quan quĩ hội thủy. ứng

Tử tôn sừ thổ..

Tử tôn sừ thổ..

Phụ mẫu mao mộc.

Phụ mẫu mao mộc.

Hào thế hội thủy là chống, nguyệt kiến sinh, nhật kiến khác cho nên không ảnh hưởng. Nay hào thân và nguyên thần lâm nguyệt kiến, hóa tử tôn mùi thổ sinh trợ nguyên thần, nguyên thần vượng lực mạnh sinh dụng thần, tuất thổ lại ám động sinh nguyên thần. Sao chống thâm căn cố đế, nhưng sao chống hội thủy tuần không, không được nó sinh cho nên phải chờ đến ngày tị xung mất hội thủy, thì bệnh mới khỏi. Vẻ sau quả nhiên đúng thế !

Trên đây đã nói có 6 trường hợp nguyên thần sinh dụng thần. Nhưng nguyên thần cũng như thân thể con người, thân vượng thì lực mới mạnh, mới có thể giúp người khác ; nếu thân suy, lực yếu nhiều bệnh thì không có sức giúp đỡ. Cho nên nguyên thần cũng có 6 trường hợp không thể sinh được dụng thần :

1. Nguyên thần hưu tù lại gặp tuyết địa ; 2. Nguyên thần hưu tù lại gặp tuần không, nguyệt phá ; 3. Nguyên thần hưu tù không động, hoặc động mà biến thành tuyết, thành khác ; 4. Nguyên thần động mà hóa thoái ; 5. Nguyên thần động mà hóa phá, hóa tán ; 6. Nguyên thần lâm tam mộ. Sáu trường hợp trên là nguyên thần có bệnh, không đủ sức để sinh trợ dụng thần, khi đó dù nguyên thần có xuất hiện cũng là vô dụng.

Ví dụ : ngày giáp ngọ, tháng ngọ, 1 người đến đoán quan vận xem có thể thăng chức hay không ? Được quẻ "thái" của quẻ "ly".

LY VI HÓA

ĐỊA THIÊN THÁI

Huỳnh đệ tị hỏa ○ thế

Thê tài dậu kim.. ứng

Tử tôn mùi thổ..

Quan quý hợi thủy..

Thê tài dậu kim ○

Tử tôn sừu thổ..

Quan quý hợi thủy. ứng

Tử tôn thìn thổ. thế

Tử tôn sừu thổ ×

Phụ mấu dấn mộc.

Phụ mấu mảo mộc.

Quan quý tý thủy.

Hợi thủy là dụng thần, tuyết địa hóa mộ, là điềm không tốt. Nguyên thần dậu kim hưu tù lại hóa mộ, không có sức sinh trợ hợi thủy nên không những không thể thăng quan mà còn dễ phòng mất chức. Về sau, vì lo chạy tội riêng nên đến tháng mùi đã bị cách chức.

Kỵ thần là cừu địch khắc hại dụng thần. Dụng thần nếu bị hào nhật nguyệt động khắc là thân cơ thể cơ, việc tất rất xấu. Kỵ thần khắc hại dụng thần cũng thể hiện bằng 6 trường hợp sau :

1. Kỵ thần vượng tương lâm nguyệt kiến, nhật thìn ;
2. Kỵ thần vượng động mà lâm không hóa không ;
3. Kỵ thần động mà lâm nguyệt, nhật sinh phù ;
4. Kỵ thần động mà hóa sinh trở lại, hóa tiến thân. ;
5. Kỵ thần và cừu thần cùng động ;
6. Kỵ thần lâm đất trường sinh để vượng. Các kỵ thần trên đây như chim tham ăn, xấu lại càng xấu.

Kỵ thần như quân địch, có lúc rất điên cuồng, nhưng có lúc cũng bất lực. Kỵ thần lâm vào đất hưu tù, bại tuyệt thì cũng không thể khắc được dụng thần. Có 6 trường hợp sau :

1. Kỵ thần hưu tù lại tuyệt ;
2. Kỵ thần động mà hóa thoái ;
3. Kỵ thần hưu tù lại bị nguyệt kiến, nhật kiến khắc. ;
4. Kỵ thần động mà hóa thành phá, tán ;
5. Kỵ thần tĩnh mà lâm không, phá ;
6. Kỵ thần động mà nhập mộ. Sáu trường hợp trên thì tuy gặp kỵ thần mà vẫn không có hại. Nhưng qua thời điểm đó Kỵ thần vượng lên thì lại là xấu.

Ví dụ : ngày tân sừu, tháng mao đoán con bị bệnh, được quẻ "tiệm" của quẻ "ích".

PHONG LÔI ÍCH

Huỳnh đệ mao mộc. ứng

Từ tôn tị hóa.

Thê tài mùi thổ..

Thê tài thìn thổ × thê

Huỳnh đệ dần mộc..

Phụ mẫu tị thủy ○

PHONG SƠN TIỆM

Huỳnh đệ mao mộc. ứng

Từ tôn tị hóa.

Thê tài mùi thổ..

Quan quý thân kim. thê

Từ tôn ngộ hỏa..

Thê tài thìn thổ..

Từ tôn tị hóa lâm nguyệt mà sinh, tí thủy ky thần tuy động mà khắc dụng thần, nhưng ky thần hư tù vô lực lại hóa mộ cho nên trước mắt bệnh nặng, đến ngày dần mảo sẽ nhẹ, ngày thìn sẽ khỏi. Thực tế đúng như thế. Đúng ngày thìn thì ky thần lâm mộ nên bệnh khỏi. Trong lời về cổ có nói : "Xem quẻ trước tiên phải xem ky thần. Ky thần nên tĩnh, không nên hưng, kị thấy cấp nên bị khắc để hạn chế, nếu gặp sinh phù thì dụng thần sẽ bị hình phạt".

IV. TIẾN THÂN, THOÁI THÂN

Mọi việc, mọi vật trong vũ trụ đều vận động không ngừng. Có động thì có tiến, có biến thì có tiến, có thoái. Cho nên "Hệ từ" nói : "Biến hóa là tượng của tiến thoái". Sự động biến của 6 hào chính là bản vẽ qui luật biến hóa, tiến thoái này. Cho nên "tiến thân, thoái thân", là tiêu chí cụ thể của mọi sự việc sau khi biến động biểu hiện thành tiến lên hay lùi lại. Tiến thân, là hào động mà hóa tiến. Hóa tiến tức là dần hóa mảo, tị hóa ngọ, thân hóa dậu, hợi hóa ty, sừ hóa thìn, thìn hóa mùi, mùi hóa tuất, tuất hóa sừ.

Thoái thân là hào động mà hóa thoái. Hóa thoái tức là mảo hóa dần, ngọ hóa tị, dậu hóa thân, ty hóa hợi, thìn hóa sừ, sừ hóa tuất, tuất hóa mùi, mùi hóa thìn.

Tiến thân là biểu thị sự vật phát triển về phía trước như mùa xuân đến thì thảo mộc đâm chồi, nảy lộc. Thoái thân đương nhiên là biểu hiện sự vật biến ngược lại, như mùa thu thì hoa tàn lá rụng. Hóa tiến, hóa thoái có sự phân biệt : hỉ, kị, họa, phúc. Nếu là cát thân nên gặp hóa tiến, hung thân nên gặp hóa thoái mới tốt.

Ví dụ : ngày canh tuất, tháng dậu đoán năm nào sinh con, được quẻ "tiết" của quẻ "truân".

THỦY LÔI TRUÂN

THỦY TRẠCH TIẾT

Huynh đệ tý thủy..

Huynh đệ tý thủy..

Quan quý tuất thổ. ứng

Quan quý tuất thổ.

Phụ mẫu thân kim ..

Phụ mẫu thân kim .. ứng

Quan quý thìn thổ ..

Quan quý sửu thổ..

Từ tôn dần mộc.. thế

Từ tôn mao mộc.

Huynh đệ tý thủy.

Thê tài tị hỏa. thế

Dần mộc tử tôn là dụng thần, hóa tiến thần ; dần mộc tuần không, mao mộc tuần không mà phá. Về sau đến tháng mao năm dần vợ sinh liền 2 con. Mộc này tuy là phá, nhưng được nhật thìn hợp là hưu tù, nên phải chờ đến thời điểm của nó mới có tác dụng.

Ví dụ : ngày quý mùi, tháng tuất có người nào đó tự đoán về bệnh mình ; được quẻ "quái" của quẻ "càn".

CÀN VI THIÊN

TRẠCH THIÊN QUÁI

Phụ mẫu tuất thổ ○ thế

Phụ mẫu mùi thổ..

Huynh đệ thân kim.

Huynh đệ dậu kim. thế

Quan quý ngộ hỏa.

Từ tôn hợi thủy.

Phụ mẫu thìn thổ. ứng

Phụ mẫu thìn thổ.

Thê tài dần mộc.

Thê tài dần mộc. ứng

Từ tôn tý thủy.

Từ tôn tý thủy.

Càn là quẻ lục xung, nay bệnh đã lâu lại gặp xung là chứng không trị được, hào phụ mẫu lại trị thế, không có thuốc gì chữa nổi. Phụ hóa thoát thần mùi thổ, bệnh sẽ không lui, mà tinh thần thể lực còn khô héo dần, để phòng tháng sửu xung phá mùi thổ mà chết. Kết quả là tháng sửu đã qua đời.

Ông Dạ Hạc nói rằng : "Phép của tiến thân có 4 : động vượng tướng mà hóa vượng, thừa thế mà tiến là một. Động hưu tù mà hóa hưu tù, chờ thời mà hóa đó là hai. Hào động hoặc hào biến có 1 cái trục hưu tù và chờ vượng tướng mà tiến, đó là ba. Động vượng tướng mà hóa vượng tướng, hoặc có hào động, nhật, nguyệt sinh phù thì khi đoán việc gần được thời cơ thì không thoái, đó cũng là trường hợp một. Động hưu tù mà hóa hưu tù biến thành thoái, thuộc trường hợp thứ hai. Hào động hoặc hào biến có một hào vượng tướng, chờ đến lúc hưu tù mà thoái, cũng thuộc trường hợp thứ ba. Hào động hoặc hào biến có một hào gặp tuần không chờ cho đến lúc xuất không mà thoái, đó là trường hợp thứ tư.

V - PHI THÂN, PHỤC THÂN

Những quẻ có hào dụng thân là không thiếu dụng thân. Những quẻ không có hào dụng thân gọi là dụng thân không hiện lên quẻ. Những quẻ như thế, nếu lâm nhật, nguyệt thì dùng nhật, nguyệt làm dụng thân. Nếu nhật, nguyệt không lâm dụng thân thì có thể tìm trong 8 quẻ thuận để mượn dụng thân. Hào dụng thân mượn dùng phải viết đối diện với hào của quẻ chính. Hào dụng thân mượn này gọi là phục thân, hào của quẻ chính gọi là phi thân.

Ví dụ : có người cầu tài được quẻ "cầu"

THIÊN PHONG CẦU

Phụ mẫu tuất thổ.

Huynh đệ thân kim.

Quan quý ngọc hỏa. ứng

Huynh đệ dậu kim.

Thê tài dân mộc : Tử tôn hợp thúy.

Phụ mẫu sửu thổ. thê

Đoán về cầu tài phải lấy hào tài làm dụng thần, nhưng trong quẻ "cầu" không có hào tài. Như thế gọi là dụng thần không có trong quẻ, hoặc dụng thần không hiện. Nếu ngày hoặc tháng dẫn mào đoán được quẻ "cầu" thì lấy dẫn mào mọc làm hào tài mà không phải đi tìm dụng thần nữa. Quẻ "cầu" không làm ngày, tháng dẫn mào, nên phải mượn dụng thần trong 8 quẻ thuận. Vì quẻ "cầu" thuộc cung càn, càn là quẻ đầu của cung càn, trong quẻ các hào phụ mẫu, huynh đệ, thế tài, quan quý, tử tôn đều có. Hào hai của quẻ càn dẫn mọc là thế tài, nên mượn nó và viết bên cạnh hào hai hợp thủy của quẻ cầu. Ta được hợp thủy là phi thần, dẫn mọc là phục thân, hợp thủy sinh dẫn mọc gọi là bay đến sinh phục được trường sinh. Như thế gọi là dụng thần không hiện, phải mượn phục thân để sinh phù, quẻ vô dụng biến thành hữu dụng và cát vạy. Các trường hợp khác cũng làm tương tự như thế. Nếu phi thần đến lại khác phục thân thì tức là làm thương tổn mình, phục thân bị không chế nên có mà cũng như không.

Ví dụ đoán về con cháu được quẻ "cổ"

SON PHONG CỔ

Huynh đệ dẫn mọc. ứng

Tử tôn tị hỏa. Phụ mẫu tị thủy..

Thế tài tuất thổ ..

Quan quý dậu kim . thế

Phụ mẫu hợp thủy .

Thế tài sửu thổ ..

Đoán về con cháu, nhưng trong quẻ không có hào tử tôn, vì quẻ "cổ" thuộc cung tốn, nên hào năm của quẻ tốn tị hỏa là hào tử tôn. Mượn nó viết bên cạnh hào năm phụ mẫu tị thủy thuộc quẻ "cổ". Tị thủy là phi thần, tị hỏa là phục thân,

phi thân khắc phục thân gọi là phục thân bị khắc, là quẻ xấu.

Phục thân đến sinh phi thân xuất bạo : xuất bạo là điếm xấu đến nhanh. Ví dụ : đoán cho bố mẹ được quẻ "đỉnh"

PHONG HÓA ĐỈNH

Huynh đệ tị hỏa .

Tử tôn mùi thổ .. ứng

Thê tài Dậu kim .

Thê tài Dậu kim .

Quan quý Hợi Thủy . thế

Phụ mẫu Mão Mộc : Tử tôn Sửu Thổ ..

Đoán phụ mẫu mà trong quẻ lại không có hào phụ mẫu, vì quẻ "đỉnh" thuộc cung ly, hào đầu của quẻ ly là phụ mẫu Mão Mộc. Mượn hào này viết bên cạnh hào đầu tử tôn Sửu Thổ của quẻ "đỉnh". Sửu Thổ là phi thân, Mão Mộc là phục thân, là phục mộc khắc thổ, gọi là phục thân đến khắc phi thân thành xuất bạo.

Phục thân đi khỏi mới sinh phi thân gọi là xỉ hơi xẹp xuống, tức là tượng của sự hao tổn. Ví dụ đoán công danh được quẻ "gia nhân"

PHONG HÓA GIA NHÂN

Huynh đệ Mão Mộc .

Tử tôn tị hỏa . ứng

Thê tài Mùi Thổ ..

Quan quý Dậu Kim : Phụ mẫu Hợi Thủy .

Thê tài Sửu Thổ .. thế

Huynh đệ Mão Mộc .

Đoán công danh lấy hào quan quý làm dụng thần, nhưng trong quẻ không có hào quan quý, "gia nhân" thuộc cung tốn,

hào ba quan quí dậu kim của quẻ tốn, mượn quẻ này viết bên cạnh hào ba phụ mẫu hợi thủy của quẻ "gia nhân". Hợi thủy là phi thần, dậu kim là phục thần. Kim sinh thủy gọi là phục thần đi khỏi sinh phi thần xì hơi.

Có 6 trường hợp phục thần dùng được :

1. Phục thần được nhật nguyệt sinh
2. Phục thần vượng tương
3. Phục thần được phi thần sinh
4. Phục thần được hào động sinh
5. Phục thần được nhật, nguyệt, hào động xung khác phi thần
6. Phục thần gặp được phi thần : không, phá, hưu, tù, mộ, tuyệt.

Có 5 trường hợp không nên mượn dụng thần. Một là phục thần hưu tù vô khí ; hai là phục thần bị nguyệt xung khác ; ba là phục thần bị phi thần vượng tương khác hại ; bốn là phục thần bị mộ tuyệt do nhật nguyệt phi thần ; năm là phục thần hưu tù trực tuần không. Đó là năm trường hợp tuy mượn được phục thần nhưng vô dụng. "Phục thần ở không địa thì sự việc diễn ra ngược với ý mình".

Ví dụ : ngày bính thìn tháng dậu, đoán con bị bệnh, được quẻ "thăng".

ĐỊA PHONG THĂNG

Quan quí dậu kim..

Phụ mẫu hợi thủy..

Từ tôn ngộ hòa : Thế tài sừ thổ .. thế

Quan quí dậu kim .

Phụ mẫu hợi thủy .

Thế tài sừ thổ .. ứng

Đoán tử tôn mà quẻ không có hào tử tôn. Quẻ "thăng" thuộc cung chấn, hào 4 của quẻ chấn là : tử tôn ngộ hỏa, mượn nó viết bên cạnh hào 4 : thê tài sửu thổ của quẻ thăng. Đó gọi là sửu thổ tuần không, phục thần biến xuất, ngày ngo tử tôn xuất hiện thì bệnh sẽ khỏi. Quả đúng thế.

Phi thần, phục thần sinh khác cát hung : phục thần đến khác phi thần là xuất bạo, phi thần khác phục thần là hại ngược trở lại mình, phục thần đi sinh phi thần là xì hơi, phi thần đến sinh phục thần là được trường sinh. Hào gặp phục thần khác phi thần thì vô sự ; hào dụng thấy phi thần làm tổn thương phục thần thì quẻ không yên, phi thần và phục thần không hòa nhau là không có sự cứu trợ. Phục thần tiềm ẩn không xuất hiện thì phải xem rõ nguyên nhân.

VI. DỤNG THẦN HIỆN 2 LẦN

Tiết trên nói về dụng thần không có trong quẻ, hoặc không hiện thì dùng phương pháp mượn dụng thần để giải. Tiết này sẽ nói dụng thần xuất hiện 2 lần. Dụng thần xuất hiện 2 lần tức là trong quẻ có hai dụng thần. Ví dụ đoán phụ mẫu mà trong quẻ có 2 hào phụ mẫu, đoán huynh đệ, có 2 hào huynh đệ, v.v... Thực tế trong lúc đoán quẻ chỉ dùng 1 dụng thần. Khi có hai hào dụng thần thì cách chọn ra sao ? "Tăng san bốc dịch" có nói : "bỏ hào hưu tù, dùng hào vương tướng ; bỏ hào tĩnh, dùng hào động ; bỏ hào nguyệt phá, lấy hào không bị phá ; bỏ hào có tuần không, dùng hào không có tuần không ; bỏ hào bị phá thương, dùng hào bất thương tổn." Cách đoán quẻ như thế, phần nhiều đều thấy ứng nghiệm.

Tuần không, nguyệt phá, bỏ hưu tù, dùng vương tướng. Ví dụ ngày tân tị, tháng mùi đoán cầu tài, được quẻ "đại quá".

TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ

Thê tài mùi thổ ..

Quan quí dậu kim .

Phụ mẫu Hợi thủy . thế

Quan quí dậu kim .

Phụ mẫu Hợi thủy .

Thê tài Sửu thổ .. ứng

Trong quẻ mùi thổ, Sửu thổ là hào tài, hai lần hiện. Nhưng hào tài mùi thổ lâm nhật thìn, Sửu thổ ở đất hưu tù cho nên chọn hào mùi thổ làm dụng thần. Bỏ hào tĩnh, lấy hào động. Ví dụ : ngày kỷ mao, tháng ngọc đoán tử tôn được quẻ "giải" :

LÔI THỦY GIẢI

Thê tài tuất thổ ..

Quan quí thân kim .. ứng

Tử tôn ngọc hỏa ○

Tử tôn ngọc hỏa ..

Thê tài thìn thổ . thế

Huỳnh đệ dần mộc ..

Trong quẻ tử tôn ngọc hỏa 2 lần xuất hiện, nhưng hào 4 tử tôn ngọc hỏa lâm hào động, nên chọn hào 4 tử tôn ngọc hỏa làm dụng thần.

Bỏ hào bị thương, dùng hào không bị thương. Ví dụ : ngày đinh mao, tháng dần đoán phụ mẫu, được quẻ "khốn" :

TRẠCH THỦY KHỐN

Phụ mẫu mùi thổ ..

Huỳnh đệ dậu kim .

Tử tôn Hợi thủy . ứng

Quan quí ngọc hóa ..

Phụ mẫu thìn thổ .

Thê tài dân mộc x thê

Trong quẻ, hào phụ mẫu hiện 2 lần, nhưng thìn thổ phụ mẫu lâm nguyệt nhật, hào động khác thương, nên dùng mùi thổ phụ mẫu làm dụng thần.

Còn có trường hợp dụng thần hiện 2 lần nhưng đều không động, hoặc đều động thì chọn hào nào làm dụng thần ? các tài liệu cổ tuy không bàn về điều này, nhưng kinh nghiệm thực tế cho thấy chọn hào gần hào thê hơn, hoặc hào mà dụng thần được sinh trợ, hoặc hào mà dụng thần vượng ở nhật nguyệt để làm hào dụng thần thì ứng nghiệm hơn.

Ví dụ : Ngày canh thân, tháng tí, đoán anh em, được quẻ "quan" của quẻ "truân".

THỦY LÔI TRUÂN

Huỳnh đệ tí thủy x

Quan quí tuất thổ . ứng

Phụ mẫu thân kim ..

Quan quí thìn thổ ..

Tử tôn dân mộc .. thê

Huỳnh đệ tí thủy ○ .

Trong quẻ hào chín đầu và hào sáu trên đều là huỳnh đệ tí thủy, lại đều lâm hào động. Hào chín đầu tý thủy là hào dụng, vì hào này gần hào thê ; còn hào sáu trên tý thủy tuy động nhưng cách xa hào thê, là nước xa không giải được cơn khát gần, lại bị hào quan quí tuất thổ khác chế.

Ví dụ ngày tân dậu tháng ngo, đoán phụ mẫu, được quẻ "trung phù" :

PHONG TRẠCH TRUNG PHÙ

Quan qui mảo mộc .

Phụ mẫu tị hòa .

Huynh đệ mùi thổ .. thế

Huynh đệ sửu thổ ..

Quan qui mảo mộc .

Phụ mẫu tị hòa . ứng

Trong quẻ tị hòa phụ mẫu xuất hiện 2 lần, nhưng hào ứng tị hòa lâm phụ mẫu, nên được chọn làm hào dụng.

Chương 9

NGŨ HÀNH SINH KHẮC

Vấn đề ngũ hành sinh khắc và sát thân trước đây đã bàn qua. Bây giờ xin giới thiệu các vấn đề cần kết hợp với 6 hào trong dự đoán, và ngũ hành sinh khắc, hình xung hóa hợp của 6 hào trong quẻ.

Bát quái có các thuộc tính của ngũ hành và các mối quan hệ sinh khắc của chúng. Trong 6 hào cũng có các mối quan hệ đó, chẳng qua sự sinh khắc ngũ hành của 6 hào vận dụng cách sắp xếp của thiên can địa chi biểu thị mà thôi.

Thiên can ngũ hành : Giáp, Ất thuộc Mộc ; Bính, Đinh thuộc Hỏa ; Mậu, Kỷ thuộc Thổ ; Canh, Tân thuộc Kim ; Nhâm, Quý thuộc Thủy.

Địa chi ngũ hành : dần, mão thuộc mộc ; tị, ngọ thuộc hỏa ; thân, dậu thuộc kim ; hợi, tý thuộc thủy ; thìn, tuất, sừu, mùi thuộc thổ.

I. NGŨ HÀNH TƯƠNG SINH CỦA HÀO

Ngũ hành tương sinh : Kim sinh thủy ; thủy sinh mộc ; mộc sinh hỏa ; hỏa sinh thổ ; thổ sinh kim.

Tương sinh nghĩa là : cùng sinh cho nhau, giúp nhau, tốt với nhau, hòa hảo với nhau, cứu trợ lẫn nhau, chung sống với nhau, tồn tại lâu dài. Sinh ra tôi thì tôi được lợi ; tôi sinh ra thì tôi bị thiệt, hao tổn. Đối với hào thế, dụng thần thì nên phùng sinh, nếu được nguyệt kiến, nhật thìn, hào động sinh, động hóa sinh trở lại là việc gặp cát, gặp tin mừng.

Ví dụ : Ngày kỷ mao, tháng mao, đoán người phạm tội có được cứu giúp không ? Được quẻ "chấn" của quẻ "phục".

ĐỊA LÔI PHỤC

CHẤN VI LÔI

Từ tôn dậu kim ..

Huynh đệ tuất thổ .. thế

Thê tài hợi thủy ..

Từ tôn thân kim ..

Huynh đệ sửu thổ .. ứng

Phụ mẫu ngộ hỏa .

Huynh đệ thìn thổ ..

Huynh đệ thìn thổ .. ứng

Quan quí dần mộc ..

Quan quí dần mộc ..

Thê tài tý thủy . thế

Thê tài tý thủy.

Sửu thổ huynh đệ là dụng thần, động mà bị nguyệt, nhật khắc cho nên đại hung đã hiện rõ. May được huynh đệ sửu thổ hóa phụ mẫu ngộ hỏa sinh trở lại nên được khoan hồng tha chết.

Ví dụ : Ngày ất sửu, tháng dần, đoán bệnh cho cha được quẻ "sư" của quẻ "thăng".

ĐỊA PHONG THĂNG

ĐỊA THỦY SƯ

Quan quí dậu kim ..

Quan quí dậu kim .. ứng

Phụ mẫu hợi thủy ..

Phụ mẫu hợi thủy ..

Thê tài sửu thổ .. thế

Thê tài sửu thổ ..

Quan quí dậu kim ○

Từ tôn ngộ hỏa .. thế

Phụ mẫu hợi thủy .

Thê tài thìn thổ .

Thê tài sửu thổ .. ứng

Huynh đệ dần mộc ..

Hào hai hợi thủy phụ mẫu là dụng thần, tuy trực tuân không, có nguyên thần dậu kim động để sinh, cho nên không nguy hiểm, nhưng không tốt là nguyên thần dậu kim hóa khắc trở lại, như thế gọi là nguyên thần bị thương, nguyên thần không có gốc. Nên người ấy về sau mất vào ngày Đinh

Mão, giờ Mão. Ứng vào ngày mão, giờ mão là vì mão mộc sinh trợ giúp ngộ hỏa khắc nguyên thân.

II. NGŨ HÀNH TƯƠNG KHẮC CỦA HÀO

Kim khắc mộc, mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim.

Gọi là tương khắc : nghĩa là : làm hại nhau, không chế nhau, làm tổn thương, xung nhau, lừa dối nhau, gây ra sự bất lợi.

Cái bị khắc sẽ bị lao dịch, bệnh tật, phá tài, mất chức, khác vợ, khác chồng, khác con và những tai họa cho thân thể. Trong bị khắc có cái là tai họa cho bản thân mình, có cái là tai họa cho gia đình, nặng thì thậm chí chết hoặc gây tàn phế, nhẹ thì việc gì cũng trắc trở, lo lắng bồn chồn.

Cái khắc tôi là kỵ thân, cừu thân. Kỵ thân, cừu thân đều là hung sát, thân hại mệnh. Trong quẻ, kỵ thân, cừu thân nên bị khắc. Ví dụ : gặp nguyệt kiến khắc, nhật thìn khắc, hào động khắc, động mà khắc trở lại.

Ví dụ : ngày đinh mùi, tháng thìn, đoán bệnh của con, được quẻ "phù" của quẻ "vô vong".

THIÊN LÔI VÔ VỌNG

THIÊN ĐỊA PHỦ

Thê tài tuất thổ .

Thê tài tuất thổ . ứng

Quan quý thân kim .

Quan quý thân kim .

Tử tôn ngộ hỏa . thế

Tử tôn ngộ hỏa .

Thê tài thìn thổ ..

Huỳnh đệ mão mộc .. thế

Huỳnh đệ dân mộc ..

Tử tôn tị hỏa ..

Phụ mẫu tỵ thủy ○ ứng

Thê tài mùi thổ ..

Tử tôn ngộ hóa là dụng thần, tý thủy là kỵ thần. Kỵ thần tuy động khắc ngộ hóa, nhưng tý thủy kỵ thần phùng nguyệt, nhất khắc lại hóa khác trở lại. Đó là kỵ thần bị khắc, dụng thần được cứu.

Ví dụ : ngày mậu ngộ, tháng thân, 1 người nào đó tự đoán bệnh của mình muốn biết sự phát triển và kết quả của bệnh, được quẻ "cấu" của quẻ "độn".

THIÊN SON ĐỘN

Phụ mẫu tuất thổ .

Huynh đệ thân kim . ứng

Quan quý ngộ hóa .

Huynh đệ thân kim .

Quan quý ngộ hóa x thế

Phụ mẫu thìn thổ ..

THIÊN PHONG CẤU

Phụ mẫu tuất thổ .

Huynh đệ thân kim .

Quan quý ngộ hóa . ứng

Huynh đệ dậu kim .

Tử tôn hợi thủy .

Phụ mẫu sừu thổ .. thế

Hào thế ngộ hóa lâm nhật kiến là vượng tướng, nhưng không nên thân nguyệt kiến sinh trợ hợi thủy khác trở lại thế. Cho nên người này đến ngày tuất, tháng hợi thì bệnh nặng lên. Quả đúng thế. Tháng hợi kỵ thần lâm vượng địa, tuất là mộ của hỏa, cho nên kỵ thần đã không bị chế khắc, lại còn hóa khác trở lại mà dẫn đến kết quả trên.

Trong ngũ hành tương khắc, đặc biệt là khi dụng thần bị khắc có lúc trong quẻ tự được hóa giải. Ví dụ : kỵ thần bị nhất, nguyệt, hào động không chế chặt nên không có năng lực để khắc dụng thần ; có lúc kỵ thần động hóa xuất tương hợp, tức là tham hợp vong khác, có lúc hóa xuất sinh ra hào là tham sinh vong khác. Do đó dụng thần không bị nguy hiểm nữa. Dưới đây cử ví dụ để nói rõ trường hợp kỵ thần tham sinh vong khác (quên mất khác).

Ví dụ : ngày giáp tuất, tháng dần, đoán bệnh của cha được quẻ "quan" của quẻ "tí".

THÙY ĐỊA TÍ

Thê tài tý thủy × ứng

Huỳnh đệ tuất thổ .

Tử tôn thân kim ..

Quan quĩ mảo mộc .. thê

Phụ mẫu tị hỏa ..

Huỳnh đệ mùi thổ ..

PHONG ĐỊA QUAN

Quan quĩ mảo mộc .

Phụ mẫu tị hỏa .

Huỳnh đệ mùi thổ .. thê

Quan quĩ mảo mộc ..

Phụ mẫu tị hỏa ..

Huỳnh đệ mùi thổ .. ứng

Tý thủy này vốn động để khắc tị hỏa, nhưng hóa xuất mảo mộc mà thủy tham sinh mảo mộc không khắc được dụng thần tị hỏa.

III. LỤC HỢP CỦA HÀO

Trong "Hệ từ" có nói : "Càn là vật dương, khôn là vật âm. Âm dương hợp đức mà cương nhu thì có hình", "nam nữ cấu tình, vạn vật hóa sinh". Những câu này đều nói về lý lẽ âm dương tương hợp.

Vạn vật, vạn sự trong thế gian đều có hợp và có phân : hợp lâu tất bị phân, phân lâu tất sẽ hợp lại. Trong hợp có sinh, trong hợp cũng có khắc. Có cái ban đầu phân sau hợp, có cái trước hợp sau phân. Có cái hợp với nhau là tốt, có cái hợp với nhau lại xấu. Đó đều là qui luật tất nhiên của sự phát triển vạn vật.

Lục hợp là : Tí hợp với sửu ; dần hợp với hợi ; mảo hợp với tuất ; thìn hợp với dậu ; tị hợp với thân ; ngọ hợp với mùi. Tương hợp thì hào hợp với hào, hào hợp với nhật nguyệt. Tương hợp là có nghĩa tương hòa với nhau. Hào ứng hợp hào thê là người khác hoặc sự việc hợp với tôi. Hào thê hợp hào

ứng là tới đến hợp với cái khác. Hợp có hợp thân hữu sinh, hợp thân hữu khác. Ví dụ : tí hợp Sửu, Mão hợp Tuất, tị hợp Thân là hợp thân hữu khác. Hợp thân hữu sinh là : dần hợp Hợi, Thìn hợp Dậu, Ngọ hợp Mùi. Trong ngũ hành sinh khác có hợp là cát, lại có hợp là hung ; có tham sinh vong khác, cũng có tham hợp vong sinh.

Qui tắc của tương hợp là : 1 tý hợp 1 Sửu, không thể 2 tý hợp 1 Sửu ; cũng không thể 2 Sửu hợp 1 tý, tức đòi hỏi phải hợp thành đôi. Hai hợp một, hay một hợp hai gọi là cấu hợp hoặc tranh hợp, sự tương hợp đó không bền chặt.

Phương pháp lục hợp có :

1. Nhật nguyệt hợp với hào : hào tĩnh, hào động hợp với nhật nguyệt là hào hữu tù được vượng tướng. Ví dụ : tháng Sửu đoán được quẻ "khâm", hào thể tí thủy và nguyệt kiến tương hợp.

2. Hào hợp với hào : sự hợp như thế là tốt. Hào động hóa hợp là hóa sinh phù. Ví dụ : đoán được quẻ "phủ", hào thể và hào ứng đều động là Mão hợp với Tuất, nếu có 1 hào không động thì không gọi là hợp được.

3. Hào động hóa hợp : hào động hợp với hào động là động mà gặp hợp, hợp mà trở buộc vào nhau thì khó hành động. Ví dụ : đoán được quẻ "cấu", hào thể Sửu thổ động, hóa xuất tý thủy là tí hợp Sửu, là cái khác đến hợp với mình.

4. Quẻ gặp lục hợp : ví dụ đoán được quẻ "phủ" thì sáu hào của quẻ nội và quẻ ngoại tự tương hợp với nhau.

5. Lục xung biến thành lục hợp : là trước xung nhưng sau hợp lại với nhau. Ví dụ : đoán được quẻ "càn" là quẻ lục xung, nếu 3 hào của quẻ ngoại động biến thành quẻ "thái" là quẻ lục hợp.

6. Hợp biến hợp : là trước tốt, sau lại càng tốt hơn. Ví dụ đoán được quẻ "bôn" của quẻ "lữ".

Quẻ được hợp là cát, đoán câu danh sẽ thành danh, câu lợi sẽ được lợi, câu hôn sẽ thành. Đoán gốc tích bản thân, đoán về nhà ở hưng vượng, đoán về phong thủy, đoán về cầu mưu đều như ý. Nhưng đòi hỏi dụng thần phải có khí. Nếu dụng thần hưu tù tử mộ thì vô ích, không đạt được gì. Sách xưa có nói : "nếu mọi việc được tam lục hợp thì việc đó sẽ lâu dài, có trước có sau. Nếu là việc cát gặp tam lục hợp tất sẽ thành công. Việc hung gặp tam lục hợp thì khó kết quả". Đoán xuất hành mà được lục hợp thì khó mà khởi hành. Ví dụ : Ngày bính tý, tháng thân, đoán xuất hành được quẻ "tiểu quá" của quẻ "minh di".

ĐỊA HÓA MINH DI

LÔI SƠN TIỂU QUÁ

Phụ mẫu dậu kim ..

Quan qui tuất thổ ..

Huynh đệ hợi thủy ..

Phụ mẫu thân kim ..

Quan qui sửu thổ x thế

Thê tài ngộ hỏa . thế

Huynh đệ hợi thủy .

Phụ mẫu thân kim .

Quan qui sửu thổ ..

Thê tài ngộ hỏa ..

Tử tôn mao mộc . ứng

Quan qui thìn thổ .. ứng

Hào thế động và hợp chặt với nhật thìn, tất có sự trôi chảy không thể xuất hành. Vậy vì sao có cản trở ? Trong quẻ hào tử tôn biến thành hào quan qui nên phải đề phòng sự yên ổn của con cái. Mão mộc tử tôn tuyệt ở tháng thân, bị hình phạt ở ngày tý, lại động mà biến thành quan qui. Về sau chết ở ngày thìn. Ứng vào ngày thìn là vì hào tử tôn mao mộc biến thành hào quan qui.

Lục xung biến thành lục hợp là ly mà phức hợp. Ví dụ : ngày đinh tị tháng mùi, đoán đã ly hôn có nên đoàn kết lại không ? được quẻ "lữ" của quẻ "ly".

LY VI HÒA

Huynh đệ tị hòa . thế

Từ tôn mùi thổ ..

Thê tài dậu kim .

Quan quí hợp thủy . ứng

Từ tôn sửu thổ ..

Phụ mẫu mao mộc .

HÒA SON LỮ

Huynh đệ tị hòa .

Từ tôn mùi thổ ..

Thê tài dậu kim . ứng

Thê tài thân kim .

Huynh đệ ngọ hỏa ..

Từ tôn thìn thổ .. thế

"Ly" là quẻ lục xung, "lữ" là quẻ lục hợp. Nay lục xung biến thành lục hợp, tất nhiên là ly rời lại hợp. Quả nhiên tháng ba năm sau phục hôn.

Các loại hợp đều lấy dụng thần vượng tương làm chủ. Khi gặp quẻ lục xung biến thành lục hợp, không xem dụng thần là sai. Đoán hôn nhân đầu tiên phải xem sự thương lượng sau đó mới có hợp ; đoán công danh đầu tiên phải gặp khó khăn, sau đó sẽ vinh hiển ; đoán cầu mưu, trước khó sau dễ. Đoán thân mệnh trước khó sau tốt ; đoán gia cảnh, trước nghèo sau giàu, đoán phong thủy (mổ mả) có thể gặp chỗ tốt. Chỉ khi đoán kiện tụng, tù ngục mới không tốt, nói chung là khó thoát được.

Gặp hợp thì tụ, gặp xung thì tán. Trong xung gặp hợp thì trước tán, sau hợp, trước mất sau được, trước nhạt sau mặn nồng.

Tham hợp quên khắc : Kỳ thần hóa xuất tương hợp với hào cho nên gọi là tham hợp quên khắc.

Ví dụ : Ngày át mùi tháng mao đoán cầu danh được quẻ "cấu" của quẻ "càn"

CÀN VI THIÊN

Phụ mẫu tuất thổ . thế

Huynh đệ thân kim .

Quan quí ngọ hỏa .

THIÊN PHONG CẤU

Phụ mẫu tuất thổ .

Huynh đệ thân kim .

Quan quí ngọ hỏa . ứng

Phụ mẫu thìn thổ . ứng Huynh đệ dậu kim .

Thê tài dẫn mộc . Tử tôn hội thủy .

Tử tôn tý thủy ○ Phụ mẫu Sửu thổ .. thê

Cấu công danh hào bốn ngọ hỏa là dụng thần, tý thủy kỵ thần động lại khắc, nhưng may tý thủy hỏa Sửu thổ, tý hợp với Sửu nên gọi là tham hợp quên khắc.

Tham hợp quên sinh : Ví dụ ngày Mậu thìn tháng ty đoán bệnh của vợ được quê "Ích" của quê "vô vọng".

THIÊN LÔI VÔ VỌNG

PHONG LÔI ÍCH

Thê tài Tuất thổ .

Huynh đệ Mão mộc . ứng

Quan quĩ Thân kim .

Tử tôn ty hỏa .

Tử tôn ngọ hỏa ○ thê

Thê tài Mùi thổ ..

Thê tài thìn thổ ..

Thê tài thìn thổ .. thê

Huynh đệ dẫn mộc ..

Huynh đệ dẫn mộc ..

Phụ mẫu tý thủy . ứng

Phụ mẫu tý thủy .

Thê tài thìn thổ lâm nhật thìn là dụng thần, nay ngọ hỏa hóa thành mùi thổ, ngọ và mùi hợp, không sinh thìn thổ, nguyên thần ngọ nhật lâm nhật kiến nên bệnh có giảm nhẹ nhưng muốn khỏi hẳn phải chờ ngày Sửu để xung hết mùi thổ, ngọ hỏa không hợp mà sinh thìn thổ, quả nhiên ngày Sửu bệnh khỏi.

IV. LỤC XUNG CỦA HÀO

Tý ngọ tương xung, Sửu Mùi tương xung, dẫn thân tương xung Mão Dậu tương xung, tị hội tương xung, thìn Tuất tương xung. Khí bị tương xung là đối xung. Có quê với quê, hào với hào tương xung nhau.

Que lục xung có : Càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài, thiên lôi vô vọng, lôi thiên đại tráng. Cộng tất cả mười que. Tám que thuận thì sáu hào của nó ở que thượng và những nào cùng ngôi ở que hạ đối xung với nhau.

Những que tương xung có sáu loại sau đây : thứ nhất nhật nguyệt xung hào ; thứ hai gặp que lục xung ; thứ ba lục hợp biến thành lục xung ; thứ tư lục xung biến thành lục hợp ; thứ năm là hào động biến hào xung ; thứ sáu hào xung với hào.

Hào xung có 5 loại sau đây : Thứ nhất là hào gặp nguyệt xung là nguyệt phá ; thứ hai hào vượng tương gặp nhật xung là ám động ; thứ ba hào hưu tù gặp nhật xung là nhật phá ; thứ tư hào động hóa xung trở lại như gặp cừu địch ; thứ năm hào xung với hào, gọi là xung kích nhau.

Nhật thìn xung hào động là tán, hào động xung hào động cũng là tán. Người vượng tương xung thì không tán ; người có khí xung cũng không tán. Người hưu tù gặp xung thì dễ tán.

Qui tác của lục xung : Tý Ngọ tương xung tức là 1 tý xung 1 Ngọ, hoặc 1 Ngọ xung 1 tý. Hai Ngọ không xung 1 tý, hai tý không xung 1 Ngọ. Những cái khác cũng tương tự.

Xung là tán. Phạm kỵ thần, cừu thần thường là xung, hung sự cũng thường là xung, chỉ có cát sự là không xung. Khi gặp xung cần phải xem dụng thần : dụng thần vượng tương thì xung mà không bị phá. Dụng thần hưu tù, thì xấu lại càng thêm xấu. Lục hợp biến thành lục xung mà dụng thần vượng tương thì đầu tiên tốt, sau xấu, hoặc mưu sự tuy thành, nhưng có đầu không có đuôi. Nếu đoán bệnh tật thì mới bị bệnh gặp xung có thể khỏi, nếu bệnh lâu mà gặp xung thường là chết.

Ví dụ : Ngày bính tý tháng ngọ mở cửa hàng được quẻ "tốn" của quẻ "đại trắng"

LỜI THIÊN ĐẠI TRẮNG

Huynh đệ tuất thổ ×

Từ tôn thân kim ×

Phụ mẫu ngọ hỏa ○ thế

Huynh đệ thìn thổ .

Quan qui dẫn mộc .

Thê tài tý thủy ○ ứng

TỐN VI PHONG

Quan qui mao mộc . thế

Phụ mẫu ty hỏa .

Huynh đệ mùi thổ ..

Từ tôn dậu kim . ứng

Thê tài hợi thủy .

Huynh đệ sừu thổ ..

Mở cửa hàng để cầu tài là việc tốt, nên hợp không nên xung. Nay quẻ gặp lục xung, biến lục xung, hào thế ngọ hỏa lâm nguyệt kiến, lại hóa hợp là nhật xung không tán. Nhưng hào ứng tý thủy lâm nguyệt kiến, sợ rằng mùa đông năm đó thấn tán. Về sau quả nhiên cửa hàng đó có khai trương mà không tiếp tục được.

Ví dụ : Ngày giáp ngọ tháng dần đoán con bị bệnh lâu được quẻ "Đại trắng"

LỜI THIÊN ĐẠI TRẮNG

Huynh đệ tuất thổ ..

Từ tôn thân kim ..

Phụ mẫu ngọ hỏa . thế

Huynh đệ thìn thổ .

Quan qui dẫn mộc .

Thê tài tý thủy . ứng

Bệnh lâu ngày gặp xung thì chết. Hào thân từ tôn là dụng thấn lâm nguyệt phá, hào thế ngọ hỏa lâm nhật kiến, khác dụng thấn nên ngày đó đáng lẽ phải thấy xấu. Nhưng trong quẻ có tý thủy án động chế ngự hỏa, nên hôm đó không chết.

Ngày hôm sau tý thùy bị chế ngự, ky thần gặp hợp, mùi thổ tham hợp quên sinh nên dụng thần tất phải chết. Quả đúng là ngày mùi giờ thìn thì chết.

Khi được lục hợp biến thành lục xung thì đoán không có lợi. Trước hợp sau tán, trước thân sau sơ, trước vinh hoa sau suy yếu, trước giàu sau nghèo, trước tốt sau xấu, được mà lại mất, thành rồi lại bại. Chỉ khi đoán những tai họa do làm quan hoặc bị cướp bóc thì có lợi.

V. SINH KHẮC XUNG HỢP CỦA HÀO

Quẻ và sáu hào có sinh có khắc, có xung có hợp. Điều đó phù hợp với qui luật vận động biến hóa của tự nhiên. Không có sinh thì không có khắc hay không có khắc thì không có sinh. Không có xung thì không có hợp, hoặc ngược lại. Do đó, sinh khắc xung hợp là qui luật phổ biến của thế giới tự nhiên. Dưới đây lấy quẻ cần làm ví dụ :

CẦN VỊ THIÊN

Phụ mẫu tuất thổ . thế

Huynh đệ thân kim .

Quan quý ngộ hỏa .

Phụ mẫu thìn thổ . ứng

Thê tài dẫn mộc .

Tử tôn tý thùy .

Nếu tự đoán cát hung thì lấy hào thế làm dụng thần. Hào thế tuất thổ là bản thân mình nên vượng tương, sợ nhất là hưu tù xung khắc. Nên ngộ hỏa tương sinh, kỵ nhất là dẫn mộc khắc. Cũng không nên hào thế rơi vào không vong, càng không nên nguyệt phá vì nguyệt phá là thân thế bị phá. Hào thế tuất thổ này có bốn loại sinh khắc không hợp. Theo sách

"Tăng san bốc dịch" có nói : Một . Nguyệt kiến có thể sinh khắc xung hợp. Hào thế này là tuất thổ nếu ở tháng dần mao thì bị mộc của dần mao khắc làm cho tổn thương tức là không lợi. Nếu ở tháng thìn thì bị thìn thổ xung tuất thổ gọi là nguyệt phá nên trăm thứ đều không có ích gì. Nếu ở tháng tỵ ngọ thì hỏa có thể sinh thành tuất thổ nên gọi là hòa vượng thổ tướng, hào thế vượng tướng thì mọi việc sẽ hanh thông thuận lợi. Nếu ở tháng sửu mùi, hai thổ này sẽ cùng vượng tướng để phụ trợ lẫn nhau, điều đó là tốt. Nếu ở tháng tuất gọi là thế lâm nguyệt kiến, đó là vượng tướng, tốt. Nếu ở tháng thân, dậu, hợi, tỵ, tuất thổ là bị xỉ hơi hào thế sẽ hưu tù vô lực.

Hai là : Nhật thìn có thể sinh khắc xung hợp, hào thế này là tuất thổ nếu ở ngày dần mao, thì mộc của dần mao có thể khắc tuất thổ nên gọi là hào thế bị tổn thương, không lợi. Nếu ở ngày thìn thì thìn thổ xung tuất thổ của hào thế, gọi là âm động. Nếu ở ngày mùi sửu gặp thổ mà giúp đỡ thì tuất thổ cũng sẽ được phụ trợ. Nếu ở ngày tỵ ngọ, tuất thổ lâm lệnh nhật kiến nên được quyền. Nếu ở các ngày thân, dậu, hợi, tỵ thì tuất thổ này sẽ bị xỉ hơi. Đó gọi là nhật kiến có thể sinh khắc xung hợp.

Ba là : Hào động trong quẻ có thể sinh khắc xung hợp. Hào thế tuất thổ này gặp hào hai dần, mộc phát động, có thể khắc tuất thổ. Hào bốn ngọ hỏa quan tinh phát động có thể sinh thành tuất thổ. Hào thứ ba là thìn thổ phát động, có thể xung tuất thổ. Đó gọi là có thể sinh khắc xung hợp dụng thân. Bốn là : Hào thế phát động biến thành hào có thể khắc trở lại. Hào thế phát động, động thì tất biến, biến ra ngọ hỏa đó gọi là sinh thế trở lại ; biến ra dần mộc, gọi là khắc thế trở lại ; biến ra thìn thổ, gọi là xung thế trở lại ; biến ra mao mộc gọi là hợp thế. Đó gọi là dụng thân tự động biến ra các hào tức là có thể sinh khắc xung hợp dụng thân.

Nếu được 4 chỗ đều là hợp dụng thân thì mọi việc đều tốt. Nếu có 3 chỗ tương sinh, một chỗ tương khắc thì cũng tốt. Nếu có 2 chỗ khác, hai chỗ sinh thì phải xem nguyên thân vượng hay suy. Nguyên thân mà vượng thì đoán là tốt. Kỵ thân mà vượng có thể đoán là xấu. Nếu gặp 3 chỗ tương khác, một chỗ tương sinh nhưng chỗ tương sinh đó hào vượng tướng là trong khác gặp sinh. Nếu 4 chỗ đều khác thì vô cùng xấu.

VI. TAM HỢP HÓA CỤC CỦA HÀO

Thân tý thìn hợp hóa thủy cục, tý dậu sửu hợp hóa kim cục, dần ngọ tuất hợp hóa hỏa cục, Hợi mao mùi hợp hóa mộc cục.

Hóa cục là các địa chi trong quẻ và hào tương hợp với nhau, quẻ hào hóa hợp với nguyệt kiến, nhật kiến.

Tam hợp hóa cục có 4 trường hợp :

1. Trong một quẻ có một hào động mà hợp cục.
2. Có hai hào động, một hào không động mà hợp cục. Một hào âm động, một hào minh động cũng là hai hào động.
3. Hào sơ của quẻ nội động, hào ba động, động mà biến ra hào hợp cục.
4. Hào 4 hào 6 của quẻ ngoại động mà biến ra hào hợp cục.

Qui tắc của hợp cục là phải có cả 3 chữ : thân, tý, thìn mới có thể hóa cục. Nhiều một chữ hoặc ít một chữ đều không thể hợp cục. Ít một chữ thì phải chờ cho hào do quẻ biến ra, hoặc hào lâm nguyệt, nhật kiến mới có thể hợp cục, đó gọi là cục hư ảo chờ để dùng sau. Nhiều một chữ cũng không thể thành cục, ví dụ trong Hợi, mao, mùi có 2 chữ mao đó là nhiều một chữ. Tất cả phải chờ hào động hoặc nhật

nguyệt lâm tuất, mao hợp với tuất để hợp mất một chữ mao, lúc đó có thể thành cục. Trong tam hợp cục, có một chữ không phá phải chờ đến ngày tháng điếu vào đấy mới thành cục. Có một hào nhập mộ thì phải chờ đến ngày xung khai mới thành cục. Tóm lại đấy đủ 3 chữ mới có thể hóa hợp thành cục.

Tam hợp cục khi đoán công danh và cầu quan, nếu hợp thành sinh thế thì lợi cho mình, hợp cục sinh ứng thì lợi cho người khác. Hợp thành tử tôn cục là thần phúc sinh tài, của cải sẽ tăng nhanh. Nhưng cục tử tôn lại làm hại thăng quan tiến chức, cho nên không lợi cho việc cầu danh và cầu quan. Hợp thành huynh đệ cục là thân kiếp tài, sẽ có họa mất của. Khi đoán về mồ mã, nhà cửa, hào phụ mẫu nên hợp thành cục. Khi đoán về hôn nhân vợ chồng, quan tài vượng mà hợp cục là tốt. Khi đoán về người đi xa dụng thần ở trong cục là đi mà không trở về. Khi đoán về xuất hành, dụng thần hợp ở trong cục là không đi được.

Phàm được tam hợp cục, dụng thần vượng tướng mà đoán về những việc vui mừng thì rất có lợi. Hợp cục, hào thế, dụng thần ở trong cục là tốt. Nếu hào thế, dụng thần không ở trong cục thì cục phải sinh thế, dụng thần mới tốt. Hợp cục mà biến thành kị thân, cừu thân để khắc thế, khắc dụng là đã xấu càng thêm xấu. Do đó đoán việc vui gặp hợp cục thì bền lâu. Đoán kiện tụng, việc lo lắng gặp hợp cục thì không có lợi, khó tiêu tan sự lo lắng. Do đó mà nói tam hợp cục có cát có hung.

Ví dụ : Ngày丁丑 tháng mao đoán hai thôn vì tranh giành nước mà đánh nhau, được quẻ "khôn" của quẻ "ly"

LY VI HÒA

KHÔN VI ĐỊA

Huynh đệ tị hòa ○ thế

Thê tài dậu kim .. thế

Tử tôn mùi thổ ..

Quan quý hơi thủy ..

Thê tài dậu kim ○	Tử tôn sừ thổ ..
Quan quý hội thủy ○ ứng	Phụ mẫu mảo mộc .. ứng
Tử tôn sừ thổ ..	Huỳnh đệ tị hỏa ..
Phụ mẫu mảo mộc ○	Tử tôn mùi thổ ..

Quẻ nội là thôn mình, quẻ ngoại là thôn khác. Quẻ nội hội mảo mùi hợp thành mộc cục, quẻ ngoại tỵ dậu sừ hợp thành kim cục, là kim khắc mộc. May mà tử kim không thể khắc vượng mộc, hơn nữa nhật thìn chế ngự kim. Nên không đáng sợ. Quẻ lại còn gặp lục xung biến thành lục xung, không đến nỗi xấu, do đó tai nạn này sẽ rất nhanh trôi qua.

Ví dụ : Ngày丁酉 tháng tỵ đoán có được lấy vào chỗ còn thiếu người hay không, được quẻ "nhu" của quẻ "càn"

CÀN VI THIÊN	THỦY THIÊN NHU
Phụ mẫu tuất thổ ○ thế	Tử tôn tỵ thủy ..
Huỳnh đệ thân kim .	Phụ mẫu tuất thổ .
Quan quý ngộ hỏa ○	Huỳnh đệ thân kim .. thế
Phụ mẫu thìn thổ . ứng	Phụ mẫu thìn thổ .
Thê tài dấn mộc .	Thê tài dấn mộc .
Tử tôn tỵ thủy .	Tử tôn tỵ thủy . ứng

Quẻ chủ dấn ngộ tuất hợp thành quan cục, quan cục sinh thế, khuyết này tất được hợp cục. Quẻ nội hào dấn không phát động, phải chờ đến ngày dấn mới được việc này. Quả nhiên ứng nghiệm. Đây là hợp cục hư ảo.

Ví dụ : Ngày kỷ tỵ tháng ngộ đoán vận quan. Được quẻ "đại hữu" của quẻ "càn"

CÀN VI THIÊN	HÒA THIÊN ĐẠI HỮU
Phụ mẫu tuất thổ . thế	Quan quý tỵ hỏa . ứng
Huỳnh đệ thân kim ○	Phụ mẫu mùi thổ ..

Quan qui ngộ hỏa .	Huynh đệ dậu kim .
Phụ mẫu thìn thổ . ứng	Phụ mẫu thìn thổ . thế
Thê tài dần mộc .	Thê tài dần mộc .
Tử tôn tý thủy .	Tử tôn tý thủy .

Quan tinh ngộ hỏa là dụng thần, ở trong quẻ thân kim động, thân tý thìn hóa thành thủy. Nhưng thân và nhật thìn tý hỏa tác hợp nên thủy cục không thành. Đó gọi là tham hợp quên khác.

VII. TAM HÌNH CỦA HÀO

Tý hình phạt mao, mao hình phạt tí, đó là hình phạt do vô lễ. Ty hình phạt thân, thân hình phạt dần, dần phạt ty, đó là hình phạt do có quyền thế. Sửu phạt tuất, tuất phạt mùi, mùi phạt Sửu, đó là hình phạt do vô ơn. Thìn ngộ dậu Hợi là hình phạt tự mình gây ra.

Tướng hình là hình phạt do sự việc chủ về xấu, vừa chủ về bị thương bệnh tật, hoặc tai nạn lao tù. Phạm đoán cho những người mà gặp phải thế, dụng thần gặp hình phạt thì nên khuyên phải tôn trọng pháp luật, làm việc cẩn thận mới mong tránh khỏi hình phạt.

Tướng hình không những do hào và quẻ động biến thành, mà hào quẻ với nhật nguyệt cũng có thể tạo thành hình phạt. Tam hình cũng như thế : Dần phạt ty, ty phạt thân, thân phạt dần, cả 3 đều đầy đủ mới gọi là tam hình. Ba tý có thể phạt một mao, một mao có thể phạt ba tý, nhưng hai mao một tý thì không bị phạt, một tý hai mao cũng không bị phạt. Những trường hợp khác nguyên tắc cũng giống như tam hợp hóa cục.

Tam hình tuy chủ về việc xấu, nhưng cũng có sự khác biệt về tham hợp vong hình. Ví dụ ngày canh thân tháng dần đoán bệnh tật được quẻ "ly" của quẻ "gia nhân".

PHONG HÒA GIA NHÂN

Huỳnh đệ mao mộc .

Tử tôn ty hỏa ○ ứng

Thê tài mùi thổ ×

Phụ mẫu hợi thủy .

Thê tài sửu thổ .. thê

Huỳnh đệ mao mộc .

LY VI HÒA

Tử tôn ty hỏa . thê

Thê tài mùi thổ ..

Quan quí dậu kim .

Phụ mẫu hợi thủy . ứng

Thê tài sửu thổ ..

Huỳnh đệ mao mộc .

Ty hỏa là dụng thân, nguyệt kiến sinh, nhật thìn hợp tức là bệnh có thể chữa được. Nhưng không nên nguyệt kiến dần, nhật kiến thân và dụng thân ty hỏa tạo thành tam hình vì bệnh sẽ nguy. Về sau kết quả là chết ở giờ dần ngày dần.

Tham sinh vong hình

Ví dụ : Ngày丁 sừ tháng tuất đoán về bệnh của bố được quẻ "mông" của quẻ "khuê"

HÒA TRẠCH KHUÊ

Phụ mẫu ty hỏa .

Huỳnh đệ mùi thổ ..

Tử tôn dậu kim ○ thê

Huỳnh đệ sửu thổ ..

Quan quí mao mộc .

Phụ mẫu ty hỏa ○ ứng

SƠN THỦY MÔNG

Quan quí dần mộc .

Thê tài tý thủy ..

Huỳnh đệ tuất thổ .. thê

Phụ mẫu ngọ hỏa ..

Huỳnh đệ thìn thổ .

Quan quí dần mộc .. ứng

Quẻ này phụ mẫu động ra dần mộc, vốn là tướng hình, nay ty hỏa tham sinh mà vong hình.

Tham hợp vong hình

Ví dụ : Ngày kỷ Hợi tháng Thìn đoán bệnh của vợ được que "khiêm" của que "tí"

THỦY ĐỊA TÍ

Thê tài tý thủy .. ứng

Huynh đệ tuất thổ ○

Tử tôn thân kim ..

Quan quý mao mộc ○thế

Phụ mẫu ty hỏa ..

Huynh đệ mùi thổ ..

ĐỊA SON KHIÊM

Tử tôn dậu kim ..

Thê tài Hợi thủy .. thế

Huynh đệ Sửu thổ ..

Tử tôn thân kim .

Phụ mẫu Ngọ hỏa .. ứng

Huynh đệ Thìn thổ ..

Tý thủy là vợ, hào thê mao mộc động là khác vợ, nhưng mao và tuất thổ cùng động mà tương hợp. Do đó mao mộc tham hợp vong hình. Bệnh của vợ sẽ khỏi vào ngày dậu. Đúng vào ngày dậu thê hóa tử tôn sinh trở lại.

Ví dụ : Ngày mậu Ngọ tháng Thìn đoán bệnh của chồng được que "đi" của que "ly".

LY VI HỎA

Huynh đệ ty hỏa . thế

Tử tôn mùi thổ ..

Thê tài dậu kim ○

Quan quý Hợi thủy ○ứng

Tử tôn Sửu thổ ..

Phụ mẫu mao mộc .

SON LÔI ĐI

Phụ mẫu dấn mộc .

Quan quý tý thủy ..

Tử tôn tuất thổ .. thế

Tử tôn Thìn thổ ..

Phụ mẫu dấn mộc ..

Quan quý tý thủy . ứng

Sao chồng Hợi thủy là dụng thần, dậu kim động để sinh, nhưng không nên dụng thần hóa nhập mộ, hóa nguyệt kiến khác trở lại, lại là ngày Ngọ, Thìn Ngọ dậu Hợi đều đầy đủ là tự bị hình phạt, nên rất nguy hiểm. Về sau chết vào giờ Ngọ ngày đó.

Chương 10

ĐỘNG BIẾN

Quê có quê biến, hào có hào biến. Hào biến thì quê biến, hào không động thì không biến, có hào động thì có biến. Động biến còn chia ra biến sinh trở lại, biến khắc trở lại. Biến sinh là tốt, biến khắc là xấu. Cho nên "Tốt xấu sinh ra do ở sự biến động". Hào động là bắt đầu của sự việc, hào biến là sự việc kết thúc.

I. SINH, KHẮC CỦA QUÊ BIẾN

Quê biến có : biến sinh, biến khắc, biến tuyệt, biến mộ và biến ngang nhau. Quê tượng là đại tượng, đại tượng tốt là tốt càng thêm tốt. Đại tượng mà xấu là xấu hoặc gặp tai ương. Quê mà khắc ít sinh nhiều là quê đại tượng cát. Quê mà sinh ít khắc nhiều là quê đại tượng hung. Đại tượng hung thì trong tháng còn có thể chưa can gì, nhưng ra khỏi tháng đó là gặp nạn, nếu hóa khắc trở lại thì nạn càng to hơn. Quê hóa khắc trở lại thì bất luận dụng thần suy hay vượng đều là hung cả. Hóa khắc trở lại, ví dụ được quê "càn" của quê "chấn".

CHẤN VI LÔI

Thê tài tuất thổ × thê

Quan quý thân kim ×

Tử tôn ngộ hỏa .

Thê tài thìn thổ × ứng

Huỳnh đệ dẫn mộc ×

Phụ mẫu tý thủy .

CÀN VI THIÊN

Thê tài tuất thổ . thê

Quan quý thân kim .

Tử tôn ngộ hỏa .

Thê tài thìn thổ . ứng

Huỳnh đệ dẫn mộc .

Phụ mẫu tý thủy .

Chấn là mộc, cần là kim, nay quẻ biến khác trở lại là không tốt.

Ví dụ : Tốn mộc biến khảm thủy là sinh trở lại.

TỐN VI PHONG

KHẨM VI THỦY

Huynh đệ mao mộc ○ thế

Phụ mẫu tý thủy .. thế

Tử tôn ty hỏa .

Thê tài tuất thổ .

Thê tài mùi thổ ..

Quan quí thân kim ..

Quan quí dậu kim ○ ứng

Tử tôn ngộ hỏa .. ứng

Phụ mẫu hợi thủy .

Thê tài thìn thổ .

Thê tài sửu thổ ..

Huynh đệ dần mộc ..

Đó gọi là biến sinh trở lại, là đại cát. Hào biến sinh trở lại, biến khác trở lại đã có những ví dụ ở trên, ở đây không nói thêm nữa. Còn về tuyệt mộ thì sẽ bàn đến ở phía sau.

II. SINH, KHẮC CỦA ĐỘNG TÍNH

Hào 6 yên tĩnh là hào vượng tướng, như người cường tráng có sức, có thể thắng được hào hưu tù, cũng có thể khắc được điều hại của hào hưu tù.

Ví dụ : Ngày dần mao mùa xuân đoán được quẻ "khôn"

KHÔN VI ĐỊA

Tử tôn dậu kim .. thế

Thê tài hợi thủy ..

Huynh đệ sửu thổ ..

Quan quí mao mộc .. ứng

Phụ mẫu ty hỏa ..

Huynh đệ mùi thổ ..

Quẻ này nếu đoán về cha mẹ, hào tị hỏa là dụng thân. Hào sáu ba là mao mộc gặp lệnh của mùa xuân là đất của vượng tướng có thể sinh phụ mẫu tị hỏa, tức phụ mẫu vượng tướng. Nếu là quẻ đoán cho con cháu, tử tôn dậu kim ở tử địa là bị hào phụ mẫu khắc, cho nên không lợi cho con cháu. Nếu đoán cho anh em thì sửu mùi thổ bị mộc xuân khắc, cũng là bất lợi.

Quẻ có hào động có thể khác hào tĩnh. Cho dù hào tĩnh vượng tướng cũng không thể khác được hào động.

Ví dụ : Tháng dần đoán được quẻ "qui muội" của quẻ "đoài"

ĐOÀI VI TRẠCH

LÔI TRẠCH QUI MUỘI

Phụ mẫu mùi thổ .. thế

Phụ mẫu tuất thổ .. ứng

Huynh đệ dậu kim ○

Huynh đệ thân kim ..

Tử tôn hợi thủy.

Quan quí ngọc hỏa .

Phụ mẫu sửu thổ .. ứng

Phụ mẫu sửu thổ .. thế

Thê tài mao mộc .

Thê tài mao mộc .

Quan quí tị hỏa .

Quan quí ty hỏa .

Dậu kim tuy ở đất hưu tù, nhưng lâm phát động cho nên có thể khắc được vượng tướng của mao mộc. Mao mộc đương lệnh có thể khắc hai thổ của sửu mùi, nhưng mộc tự mình bị thương cho nên không có sức khắc thổ. Những cái khác cũng thế.

Tĩnh giống như ngồi, như nằm, động giống như người đang đi có sức, cho nên động có thể khác được hung.

III. SINH, KHẮC, XUNG, HỢP CỦA ĐỘNG BIẾN

Phàm quẻ có hào động, động thì tất biến. Hào được biến ra sẽ sinh khắc xung hợp với hào động ban đầu, không thể

khắc hào khác. Những hào khác và hào động ban đầu không thể sinh khắc hào vừa biến ra.

Ví dụ : Ngày mao tháng tý đoán được quẻ "tấn" của quẻ "khôn"

KHÔN VI ĐỊA

Từ tôn dậu kim × thế

Thế tài hợi thủy ..

Huynh đệ sừ thổ ×

Quan quí mao mộc .. ứng

Phụ mẫu tị hỏa ..

• Huynh đệ mùi thổ ..

HÒA ĐỊA TẤN

Phụ mẫu tị hỏa .

Huynh đệ mùi thổ ..

Tỷ tôn dậu kim . thế

Quan quí mao mộc ..

Phụ mẫu tị hỏa ..

Huynh đệ mùi thổ ..

Dậu kim phát động, dậu là hào động. Biến ra tị hỏa là hào biến, hào biến tị hỏa có thể khắc trở lại dậu kim của hào gốc, chứ không thể sinh khắc các hào khác. Hào bốn sừ thổ động có thể sinh ra dậu kim của hào thế chứ không sinh khắc các hào khác. Để kim chế hào biến chỉ có : nguyệt, nhật, cái sinh ra, cái khác, cái chế ngự được, xung hoặc hợp mới kim được nó. Nhật nguyệt như trời, nắm quyền sinh sát, có thể sinh khắc hào động, hào tĩnh, hào phi thần, hào phục thần, hào biến. Ngược lại các hào không thể khắc thương nhật nguyệt được. Trong "Hoàng kim sách" nói : "Hào khắc lại nhật nguyệt chỉ tổn công vô ích". Trong ví dụ này, tị thủy nguyệt kiến có thể khắc hào thế biến ra tị hỏa. Mao là nhật kiến, có thể xung khắc dậu kim vừa biến ra.

IV - ÁM ĐỘNG

Hào tĩnh vượng tương, nhật thỉn xung là ám động. Hào tĩnh hưu tù, nhật thỉn xung gọi là nhật phá. Ám động thì có thể có vui, hoặc có điều kiêng kỵ. Dụng thần hưu tù, được

nguyên thân âm động tương sinh, kỵ thân âm động sinh nguyên thân, nguyên thân âm động sinh dụng thân, đó gọi là tin vui Dụng thân hưu tù không có sự giúp đỡ, lại kỵ thân âm động khắc, đó gọi là hung, xấu.

Âm động giống như người làm việc giấu diếm âm thầm, phúc đến mà không biết, họa đến mà không hay. Do đó nếu gặp kỵ thân âm động khắc thế, khắc dụng thì cần đề cao cảnh giác, tăng cường đề phòng, đó là biện pháp tốt nhất.

Ví dụ : Ngày kỉ mùi tháng dần đoán bệnh cho nữ được quẻ "sư" của quẻ "khôn"

KHÔN VI ĐỊA

Tử tôn Dậu kim .. thế

Thê tài Hợi thủy ..

Huỳnh đệ Sửu thổ ..

Quan quý Mão mộc .. ứng

Phụ mẫu Tị hỏa ×

Huỳnh đệ Mùi thổ ..

ĐỊA THỦY SƯ

Tử tôn Dậu kim .. ứng

Thê tài Hợi thủy ..

Huỳnh đệ Sửu thổ ..

Phụ mẫu Ngọ hỏa .. thế

Huỳnh đệ Thìn thổ ..

Quan quý Dần mộc ..

Dậu kim tử tôn tuy ở đất hưu tù nhưng được nhật Thìn mùi thổ sinh. Hào hai là Tỵ hỏa động lại khắc kim, may có mùi xung Sửu thổ âm động, thổ động sinh kim nên tuy bệnh nặng nhưng không nguy hiểm. Giờ thân ngày mùi hôm nay sẽ được cứu giúp. Quả nhiên đã gặp danh y đến chữa.

V. ĐỘC PHÁT, ĐỘC TÍNH

Trong một quẻ 5 hào không động, chỉ có một hào động gọi là độc phát. 5 hào đều động, chỉ có một hào không động gọi là độc tính. Nếu trong quẻ có một hào minh động, có một hào gặp nhật Thìn xung mà âm động thì cũng gọi là độc phát.

Độc phát, độc tĩnh chẳng qua là dùng để đoán việc thành bại nhanh hay chậm. Sinh thì việc thành, khác thì việc hỏng. Tĩnh thì việc ứng chậm, động thì việc ứng nhanh. Còn muốn biết cát hung thì phải xem dụng thần.

Tận tĩnh tận phát : Trong một quẻ 6 hào yên tĩnh lại không có nhật thần xung động thì gọi là tận tĩnh. Cả 6 hào đều động thì gọi là tận phát. Tận tĩnh như hoa mùa xuân còn ôm lấy nhụy, ta không dễ gì thấy được sự kỳ diệu của nó. Quẻ tận phát thì như trăm hoa đã nở, ta có thể thấy được sự đẹp đẽ của nó nhưng dễ gặp cuồng phong là dễ tàn lụi, tổn thất ngay. Cho nên tĩnh thì đẹp, động thì thường xấu. Cho dù tận tĩnh hay tận phát đều phải lấy dụng thần làm chủ để đoán sự việc.

Chương 11

SINH VƯỢNG CỦA TỬ THỜI

Tượng quẻ, tượng hào, ngũ hành, lục thân đều có sinh, vượng, hưu, tù, mộ, tuyệt. Đó là lấy tiết lệnh 4 mùa của một năm, nguyệt kiến, nhật thìn làm tiêu chí. Tượng quẻ, dụng thân lâm vượng thì tốt, lâm hưu tù mộ tuyệt thì xấu. Do đó tiết lệnh của 4 mùa, nguyệt kiến, nhật thìn trong dự đoán vô cùng quan trọng, nhất định phải nhớ thuộc.

I. VƯỢNG TƯỢNG CỦA TỬ THỜI

Tháng giêng kiến dần, dần mộc lâm nguyệt kiến ; tháng hai kiến mao, mao mộc lâm nguyệt kiến. Tháng giêng và tháng hai là mộc vượng, hỏa tướng còn kim thổ đều là hưu tù.

Tháng ba kiến thìn, thìn thổ lâm nguyệt kiến. Thổ sinh kim, kim là vượng tướng, mộc có dư khí. Những cái khác đều là hưu tù. Tháng tư kiến ty, Ty hỏa lâm nguyệt kiến. Tháng 5 kiến ngộ, ngộ hỏa lâm nguyệt kiến. Tháng 4, tháng 5 hòa vượng, thổ tướng, những cái khác đều là hưu tù.

Tháng 6 kiến mùi, mùi thổ lâm nguyệt kiến. Thổ sinh kim, kim là vượng tướng, hỏa có dư khí. Những cái khác đều là hưu tù.

Tháng 7 kiến thân, thân kim lâm nguyệt kiến ; tháng 8 kiến dậu, dậu kim lâm nguyệt kiến. Tháng 7, tháng 8 kim vượng sinh thủy, thủy là vượng tướng. Những cái khác đều là hưu tù .

Tháng 9 kiến tuất, tuất thổ lâm nguyệt kiến Thổ sinh kim, kim là vượng tướng, những cái khác đều là hưu tù.

Tháng 10 kiến Hợi, Hợi thủy lâm nguyệt kiến ; tháng 11 kiến Tý, Tý thủy lâm nguyệt kiến. Tháng 10 tháng 11 thủy vượng sinh mộc, mộc là vượng tướng. Những cái khác đều là hưu tù.

Tháng 12 kiến Sửu, Sửu thổ lâm nguyệt kiến, thổ sinh kim, kim là vượng tướng, thủy có khí. Những cái khác đều là hưu tù.

Dụng thần lâm nguyệt kiến, nhật thần trường sinh đế vượng là được phúc dày. Dụng thần lâm kỵ thần là họa không ít. Nhưng dụng thần lâm vượng địa mà không có hào nào khác thường là tốt.

Kỵ thần lâm nguyệt kiến, nhật thần, trường sinh đế vượng, mà dụng thần hưu tù không có cứu trợ thì quẻ đó là xấu. Cái sinh phù kỵ thần là cái trợ giúp cho cái ác ; cái khắc nguyên thần là cái cản đường gây trở ngại. Kỵ thần bị khắc, bị chế ngự thì không xấu nữa.

II. SINH, VƯỢNG, MỘ, TUYỆT

Từ chương II đến chương V có nói đến sinh vượng mộ tuyệt. Dưới đây xin nêu ra cụ thể như sau :

Kim trường sinh ở ty, vượng ở Dậu, mộ ở Sửu, tuyệt ở Dần.

Mộc trường sinh ở Hợi, vượng ở Mão, mộ ở Mùi, tuyệt ở Thân.

Hỏa trường sinh ở Dần, vượng ở Ngọ, mộ ở Tuất, tuyệt ở Hợi.

Thủy thổ trường sinh ở Thân, vượng ở Tý, mộ ở Thìn, tuyệt ở Tý.

Nếu hào dụng thần thuộc mộc mà lâm Hợi nguyệt, hoặc Hợi nhật là dụng thần trường sinh ở Hợi, cũng tức là lâm nguyệt kiến nhật thần là dụng thần gặp trường sinh. Nếu lâm Mão nguyệt, hoặc Mão nhật tức là dụng thần đế vượng ở Mão. Nếu lâm Mùi nguyệt hoặc Mùi nhật, là dụng thần nhập mộ. Lâm Thân nguyệt, hoặc Thân nhật là dụng thần tuyệt ở Thân. Những cái khác cũng tương tự như thế.

Hào dụng thần thuộc mộc, xuất động thành hào hợp thủy là dụng thần gặp trường sinh ; động xuất thành hào mùi thổ là dụng thần nhập mộ ; động xuất thành hào thân kim là dụng thần gặp tuyệt địa. Những cái khác cũng tương tự như thế.

Kim tuy trường sinh ở tị, nhưng đòi hỏi hào kim vượng tướng, hoặc nhật nguyệt, hào động sinh phù. Hào kim gặp ty nhật, hoặc trong quẻ động xuất thành hào ty hỏa, hoặc là hào kim động xuất thành ty thì đều gọi là kim trường sinh.

Nếu hào kim hưu tù vô khí lại gặp tị ngo hỏa thì vẫn gọi là khác chứ không thể gọi là sinh.

Kim tuy mộ ở sừ thổ, nếu được mùi thổ xung mất sừ thổ, hoặc trong quẻ nhiều thổ sinh kim thì gọi là sinh, không gọi là khác. Hào thổ tuyệt ở ty, tất nhiên là hưu tù vô khí là tuyệt. Nếu được hào thổ vượng tướng, hoặc nhật, nguyệt, hào động sinh phù, lại gặp ty hỏa thì gọi là sinh, không gọi là tuyệt. Ty hỏa trường sinh ở dần, nhật, nguyệt, hào động và hào mà nó biến ra lại gặp thân thì gọi là tam hình, không gọi là sinh.

Ví dụ : Ngày kỷ mao tháng ngo đoán bệnh cho vợ được quẻ "phong" của quẻ "chấn"

CHẤN VI LÔI

Thê tài tuất thổ .. thế

Quan quý thân kim ..

Tử tôn ngo hỏa .

Thê tài thìn thổ × ứng

Huỳnh đệ dần mộc ..

Phụ mẫu tý thủy .

LÔI HÒA PHONG

Thê tài tuất thổ ..

Quan quý thân kim .. thế

Tử tôn ngo hỏa .

Phụ mẫu hợp thủy .

Thê tài sừ thổ .. ứng

Huỳnh đệ mao mộc .

Hào tài thìn thổ là dụng thần, mới mắc bệnh được xung thì sẽ khỏi. Ngày tý sẽ khỏi. Quả đúng như thế, vì thổ vượng ở tý.

Về trường sinh của thổ, có thổ trường sinh ở dần, có thổ trường sinh ở thân. Xưa nay những điều đó vẫn chưa được

làm sáng tỏ. Căn cứ thực tiễn, can chi thổ trường sinh ở dần, còn hào thổ của quẻ thì trường sinh ở thân, trong thực tế thường ứng nghiệm như thế.

Trên đây đã nói đến nguyên tắc vượng tướng của tứ thời, sinh vượng mộ địa. Trong thực tiễn dự đoán, phải dùng đến luôn nên những người mới học cần phải ghi nhớ câu sau : "Trường sinh nắm quyền chính".

Thời gian của trường sinh là từ trường sinh phát triển đến trước sau của dưỡng, điều đó phải nhớ chắc. Quá trình chia như sau : Trường sinh, mộc dục, quan (đái), lâm (quan), đế (vượng), suy, bệnh, tử, mộ, tuyết, thai, dưỡng. Những cái đó có thể là hàng năm, hàng tháng, hàng ngày, hàng giờ nên phải dùng dụng thần mới biết được suy hoặc vượng.

Trên đây đã nói đến mối quan hệ của vượng suy và cách phối với 12 chi. Mộc trường sinh ở Hợi, cho nên trường sinh phối với Hợi, mộc dục phối với Tý, cứ theo chiều đó mà phối tiếp. Ví dụ mộc là dụng thần, lâm tháng hay ngày là dần mào, là lâm quan, đế vượng, lâm ngo là tử, lâm mùi là nhập mộ. Những cái khác cũng tương tự. Độc giả nếu cảm thấy khó nhớ thì có thể tham khảo bảng "thập thiên can sinh vượng tử tuyết" ở trang 87.

III. BÀN VỀ NHẬP MỘ

Thủy thổ mộ ở Thìn, mộc mộ ở Mùi, hỏa mộ ở Tuất, kim mộ ở Sửu. Nên thổ của Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, là mộ của vạn vật trong vũ trụ. Người ta sau khi mất cũng sẽ nhập mộ ở thổ.

Mộ nhiều là hung địa, cho nên nói mộ là phần mộ, là phòng giam, là y viện, là động huyết...

Quẻ có mộ, hào cũng có mộ. Kỳ nhất là hào thế, dụng thần cùng với hào quan quí nhập nhập mộ, nhập động mộ

hoặc động mà hóa mộ. Cùng với hào quan qui nhập mộ có nghĩa là quan qui trì thế và đã nhập mộ. Nếu đoán bệnh tật hoặc những việc hung dữ mà hào thế, dụng thần cùng quan quan qui nhập mộ thì biết ngay được cát hung, tai họa. Nếu hào thế, dụng thần hưu tù vô khí mà bị khắc nhập mộ thì quả xấu ngay. Nếu hào thế, dụng thần vượng tướng, lại còn có sinh phù thì tức là có cứu.

Hào thế dụng thần vượng tướng, hào mộ trực không phá thì phải chờ cho đến năm tháng, hoặc ngày hào mộ được điển thực thì mới ứng điều xấu. Hào thế dụng thần hưu tù thì hào thế, dụng thần đến ngày tháng điển lập đầy quý mới ứng cát.

Người đoán cầu tài, hào thế vượng gặp mộ, phải chờ đến ngày, tháng xung mộ mới thành. Đoán hôn nhân, hào thế vượng đắc địa, lại được hào tài có khí mà sinh thế, hợp thế thì phải chờ đến ngày tháng xung ra khỏi mộ hôn nhân mới thành. Sách xưa có nói : đoán người đi xa, nếu được dụng thần hóa mộ hoặc nhập mộ, dụng thần vượng tướng thì nhất định sẽ trở về. Tồi trong thực tế, khi gặp hào thế, dụng thần vượng mà nhập mộ, mà đã hơn một năm chưa trở về, có lúc mấy năm mà chưa quay về, đang sống hay đã chết, bất vô âm tín. Đoán về cầu danh, cầu quan, hào thế vượng tướng, chờ đến tháng hay năm xung khai khỏi mộ là thành danh hoặc thành quan. Đoán người xuất hành đi xa, hào thế vượng tướng thì chờ cho đến ngày, tháng xung khỏi mộ là được như ý. Nếu gặp hào thế hưu tù, không phá, phần nhiều đi mà không về. Đoán về bệnh, gặp hào thế vượng tướng, chờ đến ngày, tháng, xung khỏi mộ thì bệnh khỏi. Đoán về quan họa, lao dịch, hào thế vượng tướng là có thể qua được. Hào thế hưu tù, không phá thì sẽ bị ngoắc ách vào cổ, khó mà thoát được. Tóm lại, nếu quý gặp hào thế và dụng thần vượng thì

chờ cho đến ngày, tháng, năm xung ra khỏi mộ là sẽ cát ngay. Nếu hào thế, dụng thần hưu tù vô khí, không phá thì đến lúc gặp xung khai khỏi mộ là tai họa ập đến ngay.

Ví dụ : ngày tân mùi, tháng tý đoán bệnh của con được quẻ "trung phù" của quẻ "tiêm"

PHONG SƠN TIÊM

Quan quái mao mộc . ứng

Phụ mẫu tị hỏa .

Huynh đệ mùi thổ ..

Tử tôn thân kim ○ thế

Phụ mẫu ngộ hỏa ×

Huynh đệ thìn thổ ×

PHONG TRẠCH TRUNG PHÙ

Quan quái mao mộc .

Phụ mẫu tị hỏa .

Huynh đệ mùi thổ .. thế

Huynh đệ sửu thổ ..

Quan quái mao mộc .

Phụ mẫu tị hỏa . ứng

Thân kim dụng thần ở vương địa, hóa xuất thành sửu thổ ở mộ kho nên là hóa mộ. May được nhật kiến mùi thổ xung khai mộ kho, lại được thìn thổ động để sinh dụng, giờ mùi ngày hôm nay bệnh sẽ khỏi. Quả đúng như thế.

Ví dụ : ngày mậu thìn, tháng ngộ một bà cụ già đoán vận hạn của chồng được quẻ "vị tế" của quẻ "đỉnh"

HÒA PHONG ĐỈNH

Huynh đệ tị hỏa .

Tử tôn mùi thổ ..

Thế tài dậu kim

Thế tài dậu kim ○

Quan quái hợi thủy .

Tử tôn sửu thổ ..

HÒA THỦY VỊ TẾ

Huynh đệ tị hỏa . ứng.

Tử tôn mùi thổ ..

Thế tài dậu kim .

Huynh đệ ngộ hòa .. thế

Tử tôn thìn thổ .

Phụ mẫu dấn mộc ..

Quan quái hợi thủy là dụng thần nhờ được hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, liên tục sinh, thật là của nhiều quan vương. Nhưng hào tài dậu kim ở tử địa lại hóa thành

huynh đệ ngộ hòa khác trở lại, hào quan hơi thù vô sinh, lại lâm nhất mộ hóa mộ kèm theo quỷ nhập mộ nên tất sẽ bị sự đau khổ vì giam cầm. Bà cụ già nói : Chồng tôi làm chức quan không nhỏ nhưng tháng 3 năm nay bị bắt giam, bây giờ muốn xem kết quả sẽ như thế nào ? Trong quẻ này phu tinh (sao chổi) hưu tù vô khí, lại lâm vương mộ nên : tội rất to nhất định phải chịu hình phạt nặng. Quả đúng vì ông này ức hiếp dân chúng, lộng hành nên bị phạt tù hình nhưng kéo dài 2 năm.

IV. QUYỀN CỦA NGUYỆT KIẾN

Nguyệt kiến tức là lệnh của tháng, nắm quyền một tháng, chủ trì lệnh của tam tuần. Một tháng có 30 ngày thì nó nắm quyền tất cả, nó quyết định ý chính của mọi quẻ, kiểm soát sự thiện ác của sáu hào, theo đúng quyền sinh quyền sát. Nguyệt kiến có thể trợ giúp các hào suy nhược hoặc làm yếu các hào, chế phục sự động biến của hào, phù trợ phi thần, phục thần. Nguyệt kiến nắm quyền chủ soái, giúp hào suy nhược hoặc sinh hợp với hào để biến suy thành vượng. Sự vượng của hào có thể khắc những cái xung, hoặc hình phạt lại những cái phá. Nguyệt kiến cũng có thể chế phục hào biến, hào động khác chế hào tĩnh. Đối với những quẻ có ẩn chứa phục thần, phi thần thì nguyệt kiến có thể xung khắc phi thần, trợ giúp phục thần làm cho quẻ trở nên tốt hơn.

Nguyệt kiến hợp với hào thì tốt, hào bị nguyệt kiến xung là hào vô dụng.

Quẻ không có dụng thần có thể lấy nguyệt kiến làm dụng thần, không cần tìm mưu phục thần. Nguyệt kiến nhập quẻ động làm nguyên thần là phúc càng to. Động mà làm kì thần

là đã xấu thêm xấu. Nguyệt kiến không nhập quẻ thì ứng chậm, nhập thì việc ứng nhanh.

Ví dụ : Ngày canh tuất tháng dần, đoán cầu tài được quẻ "đại hữu".

HÒA THIÊN ĐẠI HỮU

Quan qui tị hòa . ứng

Phụ mẫu mùi thổ ..

Huynh đệ dậu kim .

Phụ mẫu Thìn thổ . thế

Thê tài dần mộc .

Tử tôn tị thủy .

Hào tài dần mộc là quẻ dụng, lâm nguyệt kiến khắc quẻ thế nên chắc chắn là khắc được. Nhưng tuần này là không, nên phải chờ đến giữa tuần giáp dần để hào dần xuất không thì mới được. Quả đúng là ngày giáp dần thì cầu tài đạt được.

V. NGUYỆT PHÁ

Tháng giêng : thân phá, tháng hai : dậu phá, tháng 3 : tuất phá, tháng tư : hợi phá ; tháng năm : tý phá ; tháng 6 : sừu phá ; tháng 7 : dần phá ; tháng 8 ; mao phá ; tháng 9 : Thìn phá ; tháng 10 : tị phá ; tháng 11 : ngọ phá : tháng 12 : mùi phá.

Nguyệt kiến xung hào là nguyệt phá. Ví dụ tháng giêng nguyệt kiến dần, xung hào thân ở trong quẻ thì thân gặp nguyệt phá. Những tháng khác cũng giải thích tương tự. Dụng thân lâm nguyệt phá là điềm rui ro. Nguyệt phá là rễ khô, gỗ mục, gặp nó thì rất khó khăn, nếu bị thương tổn lại càng thương tổn. Nếu quẻ có dụng thân, nhưng gặp nguyệt phá thì

có cũng như không. Nếu quẻ có phục thần mà gặp nguyệt phá thì cũng vô dụng. Quẻ có nhật thần sinh, nếu gặp nguyệt phá thì cũng không thể sinh được ; quẻ có hào động làm ky thần, nếu gặp nguyệt phá thì cũng không thể bị hại được. Nếu quẻ có hào biến mà gặp nguyệt phá thì không thể khác được hào động. Cần chú ý tuy hiện tại bị nguyệt phá nhưng ra khỏi tháng đó thì không bị phá nữa. Hôm nay đang bị phá, nhưng ra khỏi ngày tuần không thì không bị phá nữa. Hoặc đến ngày phùng hợp thì cũng không bị phá nữa. Sự ứng nghiệm của quẻ nếu gần thì tính theo ngày, nếu xa thì tính theo tháng, năm.

Ví dụ : Ngày mậu tý tháng thìn, đoán hôm nào thì cha trở về, được quẻ "quái" của quẻ "càn".

CÀN VI THIÊN

Phụ mẫu tuất thổ ○ thế

Huynh đệ thân kim .

Quan quý ngọc hòa .

Phụ mẫu thìn thổ . ứng

Thê tài dần mộc .

Tử tôn tý thủy .

TRẠCH THIÊN QUÁI

Phụ mẫu mùi thổ ..

Huynh đệ dậu kim . thế

Tử tôn hợi thủy .

Phụ mẫu thìn thổ .

Thê tài dần mộc . ứng

Tử tôn tý thủy .

Phụ mẫu tuất thổ là dụng thần, lâm nguyệt phá, lại không có nhật thần và không có hào động sinh nên thực tế là bị phá. Nhưng hào phụ mẫu tri thế, động, có tượng di động, ngày mao có thư, ngày ngọc mùi tất sẽ trở về. Quả đúng thế ! ngày mao được thư, tức là ngày phá mà gặp hợp ; ngày mùi trở về, hào phụ mẫu hóa mùi thổ tuần không, là ngày ra khỏi không (xuất không) nên đã ứng nghiệm.

Ví dụ : Ngày giáp tuất, tháng thân đoán có được lên chức không, được quẻ "bốc" của quẻ "cấn".

CÁN VI SƠN

Quan qui dẫn mộc . thế

Thê tài tý thủy ..

Huynh đệ tuất thổ ..

Tử tôn thân kim ○ ứng

Phụ mẫu ngộ hòa ..

Huynh đệ thìn thổ ..

Dẫn mộc quan qui là quan tinh tri thế mà gặp tuyết, lại gặp tuyết phá, hào ứng thân kim lâm nguyệt kiến, động để khắc hào thế, đó là tượng đại hung. Hào ứng khắc hào thế là có người đối địch, không những không được thăng chức mà còn phải đề phòng tai họa. Quả đúng ngày thân tháng đó vì quyền cao tham của, gặp dư luận lên án mà tự sát.

Hào tinh không động lại không có nhật thìn, hào động trợ giúp, lại trực tuần không hưu tù vô khí, đã thế lại còn gặp nguyệt kiến, nhật thìn và hào động khắc làm hại nên đây là phá thật.

VI. LỆNH CỦA NHẬT KIẾN

Một tháng có 30 ngày, trong sự sắp xếp thiên can địa chi có quy luật âm dương ngũ hành sinh khắc chế hóa. Nhật kiến tức là tí, sửu, dần, mao, thìn, tị, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất hợp chu kỳ lặp đi lặp lại của 12 chi. Địa chi là chủ của một ngày, là tiêu chí cụ thể, ngũ hành sinh vượng mộ tuyết của 6 hào trong quẻ, là căn cứ quan trọng để đoán sự thành bại của sự việc trong dự đoán.

Nguyệt kiến nắm quyền của tam tuần, nhưng lại chia ra xuân hạ thu đông, có sự khác nhau của sinh, vượng, mộ, tuyết của bốn mùa. Nhật kiến thì không như thế, nhật kiến từ thời

đều vượng, nhật kiến là chủ tế của 6 hào, là lệnh của 1 ngày, nắm quyền sinh sát của ngày đó. Nó ngang quyền, ngang công với nguyệt kiến.

Dụng thân của quẻ mà được nhật kiến sinh, được hào động sinh, hoặc được hợp thì dụng thân đã vượng lại càng vượng ; nếu dụng thân hưu tù mà được nhật kiến thì giống như mầm non bị hạn lâu ngày gặp được trời mưa, biến sự nguy khốn thành vô hại. Nhật kiến sinh trợ nguyên thân thì mọi việc càng thêm trôi chảy.

Dụng thân bị nhật kiến khắc, nhật kiến xung, nhật kiến hình phạt là điểm không lợi. Dụng thân vượng mà được nguyệt kiến sinh thì còn có thể đối địch được, dụng thân mà hưu tù suy nhược thì như đã tuyết còn thêm sương, đã xấu càng thêm xấu.

Nhật thìn xung vượng tướng của hào tĩnh là ám động, thì càng mạnh thêm. Hào tĩnh hưu tù, suy nhược mà gặp nhật thìn xung khắc là nhật phá, hào phá và trở thành vô dụng.

Hào gặp tuần không lại gặp thêm nhật kiến xung thì lại trở nên có ích, trường hợp như thế gọi là xung mất cái không để trở thành cái thực. Hào gặp hợp bị nhật kiến xung gọi là chỗ hợp bị xung. Hung thân chỗ hợp mừng gặp được xung, còn cát thân chỗ hợp thì không nên xung. Tóm lại, hào hưu tù suy nhược mà gặp lệnh của nhật kiến thì có thể được sinh, được hợp, được phù, được ngang hòa. Hào vượng mà gặp nhật kiến thì có thể khắc, xung, hình phạt. Hào gặp nguyệt kiến, nếu bị nhật xung thì không ly tán, gặp khắc thì không bị hại. Hào gặp nhật kiến thì dù bị nguyệt xung cũng không bị phá, nguyệt khắc không bị tổn thương, nếu bị hào động khắc cũng không bị hại, nếu bị hóa khắc trở lại cũng không bị họa. Nhưng phải chú ý : nguyệt sinh nhật khắc thì phải xem kỹ mức độ xung khắc và phải xem còn có hào nào xung khắc

dụng thần không. Nếu gặp nhật sinh nguyệt khác thì phải xem có hào động sinh phù dụng thần không. Quyển của nguyệt kiến không thể bị xung tan. Nguyệt khác nhật sinh mà gặp được sự phù trợ thì càng vượng ; Nguyệt sinh nhật khác mà gặp phải sự khắc hại thì càng suy.

Ví dụ : Ngày bính dần, tháng thân, đoán bệnh được quẻ "tiết" của quẻ "truân".

THÙY LÔI TRUÂN

Huynh đệ tỵ thủy ..

Quan quý tuất thổ . ứng

Phụ mẫu thân kim ..

Quan quý thìn thổ ..

Tử tôn dần mộc x thế

Huynh đệ tỵ thủy .

THÙY TRẠCH TIẾT

Huynh đệ tỵ thủy ..

Quan quý tuất thổ .

Phụ mẫu thân kim .. ứng

Quan quý sửu thổ ..

Tử tôn mao mộc .

Thế tài tị hỏa . thế

Hào thế lâm nhật kiến, tuy lâm nguyệt phá lại tử tôn lâm nhật kiến nên những sự hiểm họa đều lướt qua không đáng kể. Hơn nữa còn được hào động phù trợ mà hóa tiến thần, nên ngày mao thì bệnh giảm. Quả đúng ngày mao thì dậy được.

Ví dụ : Ngày ất dậu, tháng dần, đoán thi có đỗ không, được quẻ "di" của quẻ "bôn".

SƠN HÒA BÔN

Quan quý dần mộc .

Thế tài tỵ thủy ..

Huynh đệ tuất thổ .. ứng

Thế tài hợi thủy ○

Huynh đệ sửu thổ ..

Quan quý mao mộc . thế

SƠN LÔI DI

Quan quý dần mộc .

Thế tài tỵ thủy ..

Huynh đệ tuất thổ .. thế

Huynh đệ thìn thổ ..

Quan quý dần mộc ..

Thế tài tỵ thủy . ứng

Hào thế mao mộc có quan tinh trị thế, nhật kiến xung là ám động, lại được hào tài hội thủy động để sinh thế, hào thế lại hóa sinh trở lại cho nên nhất định thi đỗ. Quả đúng ngày tý thì được tin thi đậu cao.

Nhật kiến khắc hào thì rất tai họa, hào khắc nhật kiến thì uống công vô ích. Nhật, nguyệt như trời và vua, 6 hào như thần dân. Nhật kiến có thế hình phạt, xung khắc, làm hại các hào còn các hào không thế khắc lại nhật, nguyệt.

VII. TUẦN KHÔNG CỦA HÀO

Giáp tý tuần không ở tuất hội ; Giáp tuất tuần không ở thân, dậu ;

Giáp thân tuần không ở ngọ mùi ; Giáp ngọ tuần không ở thìn, tị ;

Giáp thìn tuần không ở dần mao ; Giáp dần tuần không ở tý, sửu.

Tháng có ba tuần : thượng tuần, trung tuần, hạ tuần. Tuần không là nhật kiến gặp Giáp tý, tức là tuần giáp tý, nhật kiến gặp giáp tuất là tuần giáp tuất. Cũng tức là nói bắt đầu từ ngày nhật kiến giáp tý này đếm đến ất sửu, bính dần, đinh mao, mậu thìn, kỷ tị, canh ngọ, tân mùi, nhâm thân, quý dậu cộng tất cả 10 ngày. 10 ngày này đều nằm trong tuần giáp tý. Nếu gieo quẻ vào 1 trong 10 ngày này, nếu trong quẻ có hai hào tuất hội thì là tuần không. Tuần không tức là trong tuần giáp tý không có hai ngày tuất hội. Những trường hợp còn lại cũng hiểu tương tự.

Bàn về tuần không, từ ngày xưa đã có rất nhiều phái khác nhau, như chân không, giả không, động không, xung không, diển không, vô cơ tự không, mộ không, tuyết không, hại không,

phá không, v.v... làm cho người đời sau không thể nào nắm vững được. Nhà dịch học đại sư bát quái đời nhà thanh là Thánh Dã Hạc cũng đã từng bàn luận rất kỹ về Tuấn không. Qua kinh nghiệm thực tế chứng tỏ lý lẽ của ông rất chính xác. Ông nói : "Vượng không phải là không, động không phải là không, có nhật kiến hào động sinh phù không phải là không, động mà hóa không, phục mà vượng tương đều không phải là không. Chỉ có nguyệt phá là không, có khí mà không động là không, phục mà bị khác là không, chân không là không. Chân không nghĩa là xuân thổ, hạ kim, thu mộc, tam đông gặp hỏa là chân không". Ngày tuấn không, chân không thì không phải là không, giờ ra khỏi tuấn cũng không còn là không nữa.

Ví dụ : Ngày canh tuất, tháng sửu đoán con đi xa bao giờ trở về, được que "sư" của que "tiết".

THỦY TRẠCH TIẾT

Huynh đệ tý thủy ..

Quan quý tuất thổ ○

Phụ mẫu thân kim .. ứng

Quan quý sửu thổ ..

Tử tôn mao mộc .

Thê tài tị hỏa ○ thê

ĐỊA THỦY SƯ

Phụ mẫu dậu kim .. ứng

Huynh đệ hợi thủy ..

Quan quý sửu thổ ..

Thê tài ngọ hỏa .. thê

Quan quý thìn thổ .

Tử tôn dần mộc ..

Hào tử tôn mao mộc là dụng thần, hào dụng lâm nhật kiến hợp, có việc ràng buộc. Trong tuấn giáp thìn, dần mao tuấn không, chờ cho giáp dần xuất không tất sẽ trở về. Quả đúng như thế, ứng ngày giáp dần, dần mộc xuất không nên không phải là không nữa, hào thế lại hóa thành dần mộc sinh thê. Ví dụ : Ngày giáp tý, tháng, tuất, có 1 người đến xin đoán về quan vận, được que "túy" của que "tụng".

THIÊN THỦY TỤNG

Từ tôn tuất thổ ○

Thê tài thân kim .

Huynh đệ ngộ hòa . thế

Huynh đệ ngộ hòa ..

Từ tôn thìn thổ ○

Phụ mẫu dân mộc .. ứng

TRẠCH ĐỊA TỬ

Từ tôn mùi thổ ..

Thê tài Dậu kim . ứng

Quan quý Hợi Thủy .

Phụ mẫu Mão Mộc ..

Quan quý Tị Hỏa .. thế

Từ tôn Mùi Thổ ..

Trong mệnh không có quan nên khó được quan tinh sinh thế trì thế, nay hào thế lâm nguyệt mộ nhật phá, lại hóa khắc trở lại, do đó không những không có quan mà ngược lại còn rất xấu. Nay tuần không xuất nguyệt sẽ gặp nạn, để phòng tháng Hợi gặp tai họa do việc quan. Người ấy không tin, nói rằng : cấp trên rất tin và có ý định dùng tôi, rất coi trọng tôi làm sao lại có tai họa được ? Kết quả người này đi cửa sau cho nên ngày Hợi bị bắt giam, tống ngục.

Chương 12

PHẢN NGÂM, PHỤC NGÂM, QUY HỒN, DU HỒN VÀ THÂN QUÊ

I. PHẢN NGÂM CỦA HÀO, CỦA CÁC QUÊ

Quê có phản ngâm của quê, hào có phản ngâm của hào. Phản ngâm tức là trong thực tế quê biến thành xung khác, hào biến thành xung khác. Phản ngâm của quê là quê, nội, ngoại động mà phản ngâm. Có càn biến thành tốn, tốn biến thành càn ; khâm biến thành ly, ly biến thành khâm ; chấn biến thành đoài, đoài biến thành chấn ; khôn biến thành cấn ; cấn biến thành khôn. Hai quê khôn và cấn đều là thổ, vì sao lại tương xung ? "Bốc phệ chính tôn" nói : "Quê cấn tọa ở đông bắc, phía hữu của cấn có sừ, phía tả của cấn có dân ; quê khôn tọa ở tây nam, phía hữu của khôn có mùi, phía tả của khôn có thân. Hai quê đối nhau, có sừ mùi tương xung, dân thân tương xung".

Phản ngâm của hào là quê nội và quê ngoại phản ngâm. Ví dụ : tý biến thành ngọ, ngọ biến thành tý... sừ biến thành mùi, mùi biến thành sừ ; tị biến thành hợi, hợi biến thành tị ; thìn biến thành tuất, tuất biến thành thìn. Phản ngâm của hào khác với phản ngâm của quê ở chỗ : quê biến phản ngâm tức là quê biến tương khác. Như càn biến tốn là kim khác mộc. Còn sáu hào trong quê không nhất định biến thành tương xung tương khác. Phản ngâm của hào tức là quê và hào của quê đều đồng thời biến thành tương xung tương khác. Ví dụ : khôn biến thành tốn, tốn biến thành khôn, quan biến thành thăng, thăng biến thành quan, v.v... Các hào trong quê

phát sinh cái này xung, cái kia khác. Dưới đây xin cử ví dụ
 quẻ khôn biến thành quẻ tốn.

KHÔN VI ĐỊA

Tử tôn dậu kim × thế

Thế tài hợi thủy ×

Huỳnh đệ sừ thổ ..

Quan quí mao mộc × ứng

Phụ mẫu tị hỏa ×

Huỳnh đệ mùi thổ ..

TỐN VI PHONG

Quan quí mao mộc . thế

Phụ mẫu tị hỏa .

Huỳnh đệ mùi thổ ..

Tử tôn dậu kim . ứng

Thế tài hợi thủy .

Huỳnh đệ sừ thổ ..

Phàm các quẻ biến tương khác thì ngũ hành của hào đều
 biến thành tương xung tương khác gọi là sự phản ngâm của
 hào. Ngũ hành của các hào trong hai quẻ khôn và tốn này
 đều tương xung tương khác cho nên gọi là phản ngâm.

Quẻ phản ngâm còn chia ra : quẻ ngoại phản ngâm, quẻ
 nội không biến và quẻ nội phản ngâm, quẻ ngoại không biến.

Ví dụ trường hợp : quẻ ngoại phản ngâm, quẻ nội không
 biến động. Như quẻ "sư" của quẻ "hoán".

PHONG THỦY HOÁN

Phụ mẫu mao mộc ○

Huỳnh đệ tị hỏa ○ thế

Tử tôn mùi thổ ..

Huỳnh đệ ngộ hỏa ..

Tử tôn thìn thổ . ứng

Phụ mẫu dấn mộc ..

ĐỊA THỦY SƯ

Thế tài dậu kim .. ứng

Quan quí hợi thủy ..

Tử tôn sừ thổ ..

Huỳnh đệ ngộ hỏa .. thế

Tử tôn thìn thổ .

Phụ mẫu dấn mộc ..

Đó gọi là quẻ ngoại động, quẻ nội không biến động, nên
 các hào của quẻ ngoại tương khác, gọi là quẻ ngoại phản
 ngâm.

Ví dụ : vé trường hợp quẻ nội phản ngâm, quẻ ngoại không biến động. Như quẻ "khôn" biến thành quẻ "thăng"

KHÔN VI ĐỊA

Tử tôn dậu kim .. thế

Thê tài hợi thủy ..

Huynh đệ sữu thổ ..

Quan quý mao mộc × ứng

Phụ mẫu tị hỏa ×

Huynh đệ mùi thổ ..

ĐỊA PHONG THĂNG

Tử tôn dậu kim ..

Thê tài hợi thủy ..

Huynh đệ sữu thổ .. thế

Tử tôn dậu kim .

Thê tài hợi thủy .

Huynh đệ sữu thổ .. ứng

Đó gọi là quẻ nội động, quẻ ngoại không biến, nên các hào của quẻ nội xung khác lẫn nhau, là quẻ nội phản ngâm. Bất kể là quẻ phản ngâm hoặc quẻ nội phản ngâm, hoặc quẻ ngoại phản ngâm chỉ là địa chỉ của các hào trong quẻ phát sinh xung khác, còn với lục thân thì không có quan hệ gì. Lúc quẻ biến, lục thân vẫn sắp xếp theo lục thân của quẻ chủ.

Khi gặp quẻ và hào đều phản ngâm thì đó là điểm nội, ngoại không yên. Quẻ ngoại phản ngâm là bên ngoài không yên, quẻ nội phản ngâm là bên trong không yên. Khi đoán quan hệ giữa mình và sự việc quẻ nội phản ngâm là mình loạn, còn người khác hay sự việc ổn định. Quẻ ngoại phản ngâm thì ngược lại. Tóm lại khi gặp quẻ phản ngâm thì mọi việc đều không thuận. Nếu có dụng thần hóa khác trở lại thì quẻ trở thành khác nên là điểm xấu.

Ví dụ : Ngày nhâm thân, tháng mao, đoán đi nhậm chức được quẻ "tính" của quẻ "tý".

THỦY ĐỊA TÝ

Thê tài tý thủy .. ứng

Huynh đệ tuất thổ .

Tử tôn thân kim ..

THỦY PHONG TÍNH

Thê tài tý thủy ..

Huynh đệ tuất thổ . thế

Tử tôn thân kim ..

Quan qui mao mộc x thế	Từ tôn dậu kim .
Phụ mẫu tị hỏa x	Thê tài hợi thủy . ứng
Huynh đệ mùi thổ ..	Huynh đệ sửu thổ ..

Hào thế quan qui mao mộc lâm nguyệt kiến, không nên hào thế hỏa dậu kim khác trở lại, vì như thế là xấu. Quẻ nội lại phản ngâm di mà không trở về là điểm dữ, nên không đi là thượng sách. Về sau đi rồi quay trở về cho nên đi cũng như không đi. Nhưng khi biết được chức quan phủ còn rất thiếu người nên đã đến nhậm chức. Đến tháng 7 thành đó bị công phá mà chết.

Ví dụ : Ngày át hội tháng mao đoán thăng chức được quẻ "trung phu" của quẻ "lâm".

ĐỊA TRẠCH LÂM

Từ tôn dậu kim x
Thê tài hợi thủy x ứng
Huynh đệ sửu thổ ..
Huynh đệ sửu thổ ..
Quan qui mao mộc . thế
Phụ mẫu tị hỏa .

PHONG TRẠCH TRUNG PHU

Quan qui mao mộc .
Phụ mẫu tị hỏa .
Huynh đệ mùi thổ .. thế
Huynh đệ sửu thổ ..
Quan qui mao mộc .
Phụ mẫu tị hỏa . ứng

Hào thế quan qui lâm nguyệt kiến, lại trường sinh ở nhật kiến nên nhất định thăng chức lên cao. Quả đúng tháng đó từ Giang tây thăng chức sang tỉnh Sơn đông, chưa đầy 1 năm lại nhậm chức trở lại tỉnh Giang tây. Như thế là vì quẻ ngoại phản ngâm, nên đi rồi quay trở lại.

II. PHỤC NGÂM CỦA HÀO, CỦA QUẾ

Phục ngâm của quẻ là quẻ biến, địa chi ngũ hành của 6 hào không biến. Quẻ cố nội, ngoại phục ngâm. Quẻ ngoại phục ngâm và quẻ nội phục ngâm có 3 loại :

+ *Quẻ nội phục ngâm có* : "càn" và "chấn", "vô vọng" và "đại tráng". Các hào của các quẻ đó bắt đầu từ tý dần thìn ngộ thân tuất biến lặp lại tý dần thìn ngộ thân tuất. Dưới đây lấy quẻ "càn" biến thành quẻ "chấn" làm ví dụ.

CÀN VI THIÊN

Phụ mẫu tuất hổ ○ thế

Huỳnh đệ thân kim ○

Quan quý ngộ hòa .

Phụ mẫu thìn thổ ○ ứng

Thê tài dần mộc ○

Tử tôn tý thủy .

CHẤN VI LÔI

Phụ mẫu tuất thổ .. thế

Huỳnh đệ thân kim ..

Quan quý ngộ hòa .

Phụ mẫu thìn thổ .. ứng

Thê tài dần mộc ..

Tử tôn tý thủy .

Quẻ ngoại, quẻ nội phục ngâm, tức là địa chi, ngũ hành của 6 hào trong quẻ nội, quẻ ngoại không biến.

Quẻ ngoại phục ngâm có : "hàng" và "cấu", "tiểu quá" và "độn" "qui muội" và "lý", "phong" và "đồng nhân", "tụng" và "giải", "phù" và "dự". Quẻ ngoại hổ biến các hào từ ngộ thân tuất biến lặp lại ngộ thân tuất. Ví dụ quẻ "phù" biến thành quẻ "dự".

THIÊN ĐỊA PHỦ

Phụ mẫu tuất thổ ○ ứng

Huỳnh đệ thân kim ○

Quan quý ngộ hòa .

Thê tài mao mộc .. thế

Quan quý tị hỏa ..

Phụ mẫu mùi thổ ..

LÔI ĐỊA DỰ

Phụ mẫu tuất thổ ..

Huỳnh đệ thân kim .. ứng

Quan quý ngộ hòa .

Thê tài mao mộc ..

Quan quý tị hỏa .. thế

Phụ mẫu mùi thổ ..

Quẻ ngoại phục ngâm tức là quẻ ngoại biến, địa chi ngũ hành các hào của quẻ không biến.

Quẻ nội phục ngâm có : "truân" và "nhu", "thái" và "phục", "đại hữu" và "phệ hạp", "tùy" và "quài", "đại súc" và "đi", "tiểu súc" và "ích". Các hào trong quẻ nội từ tý dần thìn biến lặp lại tý dần thìn. Ví dụ : quẻ "tiểu súc" và quẻ "ích".

PHONG THIÊN TIỂU SÚC

Huynh đệ mảo mộc .

Tử tôn tị hỏa .

Thê tài mùi thổ .. ứng

Thê tài thìn thổ ○

Huynh đệ dần mộc ○

Phụ mẫu tý thủy . thế

PHONG LÔI ÍCH

Huynh đệ mảo mộc . ứng

Tử tôn tị hỏa .

Thê tài mùi thổ ..

Thê tài thìn thổ .. thế

Huynh đệ dần mộc ..

Phụ mẫu tý thủy .

Quẻ nội phục ngâm là quẻ nội biến, địa chi ngũ hành các hào của quẻ không biến.

Quẻ phục ngâm thì sự biến hóa lục thân của nó vẫn sắp xếp theo phương pháp lục thân của quẻ chủ.

Quẻ phục ngâm đều chủ về tượng lo lắng, âm thầm. Nếu quẻ nội phục ngâm thì sự lo lắng ở quẻ nội ; quẻ ngoại phục ngâm thì sự lo lắng ở quẻ ngoại. Nếu cả nội ngoại đều phục ngâm thì cả hai quẻ đều có sự lo lắng, thường gặp những việc không vừa lòng. Đoán những quẻ như thế, nếu quẻ nội phục ngâm là mình không thoải mái, nếu quẻ ngoại phục ngâm là đối tượng không thoải mái. Muốn biết quẻ lành hay dữ thì phải xem dụng thân sinh hay khắc và phải xem kỹ dụng thân, phục thân có phục ngâm không.

Ví dụ : Ngày ất mảo tháng thân, đoán khi quân giặc hành quân đến thì lánh ở chỗ nào, được quẻ "tráng" của quẻ "vô vọng".

THIÊN LỜI VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ ○

Quan qui thân kim ○

Tử tôn ngộ hỏa . thế

Thê tài thỉn thổ ×

Huynh đệ dẫn mộc ×

Phụ mẫu tý thủy . ứng

LỜI THIÊN ĐẠI TRÁNG

Thê tài tuất thổ ..

Quan qui thân kim ..

Tử tôn ngộ hỏa . thế

Thê tài thỉn thổ.

Huynh đệ dẫn mộc .

Phụ mẫu tý thủy . ứng

Quê gặp nội, ngoại đều phục ngâm nên nỗi lo chống chất. Nay nhờ có tử tôn trị thế nên trăm nghìn tai họa đều tan cả. Hào ứng tí thủy là phụ mẫu được nguyệt kiến sinh phụ mẫu, nhật kiến sinh thế, cho nên bán thân mình và phụ mẫu bình yên. Nhưng huynh đệ dẫn mộc phục ngâm, gặp nguyệt phá nên huynh đệ gặp việc xấu. Về sau mẹ lánh ở phía tây, bán thân lánh ở phía đông, đều nhờ nguyệt, nhật kiến sinh nên vô sự. Còn em trai luôn gọi bố mẹ nên dọc đường bị hại.

Ví dụ : Ngày giáp ngộ, tháng thân, đoán bố ở xa có bình yên không ? Được quê "hàng" của quê "cấu".

THIÊN PHONG CẤU

Phụ mẫu tuất thổ ○

Huynh đệ thân kim ○

Quan qui ngộ hỏa . ứng

Huynh đệ dậu kim .

Tử tôn hợi thủy .

Phụ mẫu sửu thổ .. thế

LỜI PHONG HÀNG

Phụ mẫu tuất thổ .. ứng

Huynh đệ thân kim ..

Quan qui ngộ hỏa .

Huynh đệ dậu kim . thế

Tử tôn hợi thủy .

Phụ mẫu sửu thổ ..

Quê ngoại hào tuất thổ phục ngâm, nên bố ở xa không yên. Tuy ở vùng đó đang có biến, nhưng nhật kiến sinh phụ mẫu nên bình an vô sự. Quả đúng như thế !

Ví dụ : Ngày át mao, tháng dần, người ở xa đoán người ở nhà có bình yên không, được que "càn" của que "vô vọng".

THIÊN LÔI VÔ VỌNG

CÀN VI THIÊN

Thê tài tuất thổ .

Thê tài tuất thổ . thế

Quan qui thân kim .

Quan qui thân kim .

Tử tôn ngộ hỏa . thế

Tử tôn ngộ hỏa .

Thê tài thìn thổ ×

Thê tài thìn thổ . ứng

Huỳnh đệ dần mộc ×

Huỳnh đệ dần mộc .

Phụ mẫu tý thủy . ứng

Phụ mẫu tí thủy .

Que nội phục ngâm, nên ở nhà không yên ổn. Nay thê tài thìn thổ phục ngâm, lâm nhật, nguyệt, hào động khác, nên vợ gặp tai nạn. Về sau quả thật vợ mất ở tháng thìn, vì tháng thìn là tháng phục ngâm.

III. DU HỒN, QUI HỒN

Du hồn là đi ; qui hồn là quay trở về. Trong bát quái có bàn về du hồn và qui hồn, nguồn gốc là que của tám cung biến. Ví dụ que thứ 6 của cung càn là "bóc", cũng tức là hào thứ 5 của que "quan" biến thành que "bóc", hào thế ở ngôi thứ 5 này. Lân biến thứ 6 không biến hướng lên mà lại hướng xuống tức là hào 4 của que "bóc" biến thành que "tấn". Sự biến trở xuống này gọi là "du", tức là que "du hồn". Lân biến thứ 7 này là đem hào 3 của que nội của que "tấn" từ âm biến thành dương nên gọi là qui hồn. Que "du hồn" là que thứ 7 của mỗi cung : thủy địa tấn, lôi sơn tiểu quá, thiên thủy tụng, trạch phong đại quá, sơn lôi di, địa hỏa minh di, phong trạch trung phù, thủy thiên nhu.

Quẻ qui hỗn là quẻ thứ 8 của mỗi cung. Đó là : hỏa thiên đại hữu, lôi trạch qui muội, thiên hỏa đồng nhân, trạch lôi tụy, sơn phong cổ, địa thủy sư, phong sơn tiêm, thủy địa tỳ.

Các quẻ du hỗn và qui hỗn trong sách cổ bàn đến không nhiều cho nên lúc đoán rất ít gặp. Trong sách "Tăng san bốc dịch" có nói : "Du hỗn là đi ngàn dặm, tới đi việc này muốn lâu nhưng gặp quẻ du hỗn thì không thể được lâu, tâm bất định, thay đổi thất thường".

Quẻ quy hỗn là người đi không được xa, nếu đoán cho sự việc thì có thể đoán ngược với quẻ qui hỗn. Đoán thân mệnh mà gặp quẻ du hỗn là chỗ ở không yên ; đoán người đi xa gặp quẻ du hỗn là lúc đi lúc dừng lại bất định, đoán về nhà cửa là thay đổi luôn, đoán về mố mà là mố không yên.

Đã Hạc giải thích quẻ du hỗn, quy hỗn như sau "Phải lấy dụng thân làm chủ, sau đó mới tham khảo du hỗn hay qui hỗn. Nếu bỏ qua dụng thân sẽ đoán sai". Điểm đó rất chính xác.

IV. THÂN QUẾ

Phương pháp thân quẻ, các sách nói không giống nhau. Có sách không dùng thân quẻ, mà chỉ coi trọng dụng thân. Cho rằng trong 1 quẻ xem hào thể, hào ứng và dụng thân là được rồi, không cần phải nói đến thân quẻ. Nếu dụng thân không tốt mà thân quẻ tốt, hoặc thân quẻ không tốt mà dụng thân tốt thì lấy cái gì làm chủ ? Khi xuất hiện mâu thuẫn như thế thì khó mà quyết định. Có sách lại nhấn mạnh tính quan trọng của thân quẻ. "Bốc phê chính tôn" cho rằng : "Hào thân quẻ là chủ sự của quẻ. Nếu không có thân quẻ thì sự việc không có đầu mối, mọi việc khó thành". Sách "Chính tôn toàn thư" vừa nói đến dụng thân lại vừa nhấn mạnh sự quan trọng của thân quẻ, nên lúc đoán phải chú ý cả hai. Tôi trong quá

trình dự đoán thông tin chỉ dựa vào hào thế, hào ứng và dụng thân, không ứng dụng phương pháp thân quẻ, nhưng tôi cho rằng phương pháp thân quẻ không nên gạt bỏ hoàn toàn mà có thể dùng để tham khảo.

"Âm thế bát đầu từ tháng ngo, dương thế bát đầu từ tháng tý, muốn biết được ý của nó, từ đầu đếm đến hào thế là được". Đó gọi là cách xác định thân quẻ ("Bốc phê chính tôn").

"Dương thế bát đầu từ tháng ngo, âm thế bát đầu từ tháng tí, muốn biết được ý của nó, từ đầu đếm đến hào thế là được". Đó là cách xác định thân quẻ (theo "Bốc phê chính hoàn").

"Âm thế bát đầu từ tháng ngo là phương pháp định thân quẻ đối với quẻ hào Âm trị thế. Tức là nói : phạm gặp quẻ hào âm trị thế thì lấy hào đầu của quẻ là ngo, hào hai là mùi, hào ba là thân, hào bốn là dậu, hào năm là tuất, hào sáu là hợi, đếm mãi đến hào thế thì ngừng. Đó gọi là "đếm đến hào thế là được". Nếu hào đầu vừa đúng là ngo hóa trị thế vậy thì hào đầu chính là thân quẻ, đếm đến hào thế là hào mùi thổ, mùi thổ tức là thân quẻ ; đếm đến hào thế là thân, hào thân là thân quẻ ; đếm đến hào thế là tuất, hào tuất là thân quẻ ; đếm đến hào thế là hợi, hào hợi là thân quẻ. Nếu địa chi của hào thế không phải là hợi, hoặc không phải là địa chi muốn tìm, thì xem trong quẻ có hào hợi không, nếu có hào hợi thì cho dù nó ở quẻ nội hay quẻ ngoại, thấy hợi tức là thân quẻ. Dưới đây cử ví dụ minh họa :

KHÔN VI ĐỊA	THIÊN PHONG CẤU	PHONG HÒA GIA NHÂN
Từ tôn dậu kim .. thế	Phụ mẫu tuất thổ .	Huỳnh đệ Mão mộc .
Thế tài hợi thủy .. thân quẻ	Huỳnh đệ thân kim .	Từ tôn tị hỏa . ứng
Huỳnh đệ sùu thổ ..	Quan qui ngo hỏa . ứng, thân quẻ	Thế tài mùi thổ .. thân quẻ
Quan qui Mão mộc .. ứng	Huỳnh đệ dậu kim .	Phụ mẫu hợi thủy .
Phụ mẫu tị hỏa ..	Từ tôn hợi thủy .	Thế tài sùu thổ .. thế
Huỳnh đệ mùi thổ ..	Phụ mẫu sùu thổ .. thế	Huỳnh đệ Mão mộc .

Quẻ khôn từ hào đầu là mùi thổ bát đầu ở ngo, hào hai là tị hòa bát đầu ở mùi... đếm đến hào thế dậu kim là hợi, cho nên hào thứ 5 hợi thủy là thân quẻ.

Quẻ cấu hào đầu sừu thổ là hào thế bát đầu ở ngo tức là ngo lâm hào thế vậy ngo là thân quẻ. Cho nên hào thứ 4 ngo hòa là thân quẻ.

Quẻ gia nhân : hào đầu mao mộc bát đầu ở ngo, hào hai sừu thổ bát đầu ở mùi, hào hai vừa đúng là hào thế nên mùi thổ trong quẻ là thân quẻ. Những quẻ khác cách sắp xếp cũng tương tự.

"Dương thế còn được sinh từ tháng tỵ" là phương pháp để định thân quẻ của quẻ có hào dương trì thế. Phương pháp của nó cũng giống như phương pháp xác định hào âm trì thế. Phạm gặp quẻ nào dương trì thế thì hào đầu của quẻ bát đầu ở tỵ, hào hai ở sừu, hào ba ở dần, hào 4 ở mao, hào 5 ở thìn, hào 6 ở tị, cứ đếm như thế cho đến khi gặp hào thế thì dừng. Nếu hào đầu đúng là tỵ lại là hào thế, thì hào đầu tỵ thủy chính là thân quẻ. Hào hai trì thế sừu thổ tức là thân quẻ. Hào ba trì thế thì dần mộc là thân quẻ ; hào 4 trì thế thì mao mộc là thân quẻ ; hào 5 trì thế thì thìn thổ là thân quẻ ; hào 6 trì thế tị hòa là thân quẻ. Nếu địa chi của hào 6 không phải là tị hòa thì trong quẻ hào có tị hòa là thân quẻ.

Ví dụ :

LY VI HÒA

SƠN HÒA BÔN

SƠN PHONG CỒ

Huỳnh đệ tị hòa . thế, thân quẻ

Quan qui dần mộc .

Huỳnh đệ dần mộc . ứng, thân quẻ

Tử tôn mùi thổ ..

Thế tài tỵ thủy .
. thân quẻ

Phụ mẫu tị thủy ..

Thế tài dậu kim .

Huỳnh đệ tuất thổ .. ứng Thế tài tuất thổ ..

Quan qui hợi thủy . ứng

Thế tài hợi thủy .

Quan qui dậu kim . thế

Tử tôn sừu thổ ..

Huỳnh đệ sừu thổ ..

Phụ mẫu hợi thủy .

Phụ mẫu mao mộc ..

Quan qui mao mộc . thế Thế tài sừu thổ ..

Hào đầu của quẻ Ly bắt đầu ở tý đếm đến hào thế thì hòa, thì hòa là thân quẻ. Hào đầu mao mộc của quẻ "bôn" bắt đầu ở tý, vừa đúng hào đầu là hào thế nên lấy hào 5 tý thủy làm thân quẻ. Hào 3 của quẻ "cổ" thì thế là dần nên hào chín trên trong quẻ là thân quẻ. Cách xác định hai thân quẻ trong 1 quẻ cũng giống như trên. Ví dụ : quẻ "thăng" và quẻ "lâm", v.v... là những quẻ có 2 thân quẻ :

ĐỊA PHONG THĂNG

ĐỊA TRẠCH LÂM

Quan quái dậu kim .. thân quẻ

Từ tôn dậu kim ..

Phụ mẫu hợp thủy ..

Thế tài hợp thủy .. ứng

Thế tài sửu thổ .. thế

Huỳnh đệ sửu thổ .. thân quẻ

Quan quái dậu kim . thân quẻ

Huỳnh đệ sửu thổ .. thân quẻ

Phụ mẫu hợp thủy .

Quan quái mao mộc . thế

Thế tài sửu thổ .. ứng

Phụ mẫu thì hòa .

Hào đầu của quẻ "thăng" bắt đầu ở ngọ, đếm đến hào 4 là hào thế là dậu, nên hào dậu trong quẻ là thân quẻ.

Hào đầu của quẻ "lâm" bắt đầu ở tý, hào hai là hào thế ở ngôi sửu cho nên sửu thổ là thân quẻ.

Thân quẻ là phục thân : có quẻ không có thân quẻ, không có thân quẻ thì tìm trong các quẻ đầu của các cung giống như phục thân. Sau khi tìm được phục thân ở trên hào thứ mấy thì viết vào bên cạnh hào cùng ngôi đó của quẻ chủ. Ví dụ :

THỦY SƠN KIẾN

LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG

Từ tôn tí thủy ..

Huỳnh đệ tuất thổ ..

Phụ mẫu tuất thổ . Phục,
thân quẻ dậu kim

Từ tôn thân kim ..

Huỳnh đệ thân kim .. thế

Phụ mẫu ngọ hỏa . thế

Huỳnh đệ thân kim .

Huỳnh đệ thìn thổ . Phục, thân
quẻ mao mộc

Quan quái ngọ hỏa ..

Quan quái dần mộc .

Phụ mẫu thìn thổ .. ứng

Thế tài tý thủy . ứng

Hào đầu của quẻ "kiến" bắt đầu ở ngo, đếm đến hào thể thân dậu là thân quẻ. Nhưng trong quẻ không có hào đầu kim nên từ quẻ đoán tra dậu kim ở hào thứ 5 nên phục thân dậu kim viết vào bên cạnh hào thứ 5 tuất thổ của quẻ "kiến", đó tức là thân quẻ. Quẻ "tráng" cũng vậy, đếm từ hào thể thứ 4 là mao mộc, trong quẻ không có mao mộc, nên từ quẻ khôn tra được mao mộc, vậy phục thân ở bên cạnh hào thứ ba của quẻ tráng. Mao mộc là thân quẻ.

Còn có quẻ không những bản thân nó không có hào thân quẻ, lúc đó phải dùng biện pháp mượn phục thân cũng không tra ra thân quẻ, trường hợp như thế gọi là quẻ không có thân quẻ. Ví dụ quẻ "đại quá" là như vậy.

TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ

Thê tài mùi thổ ..

Quan quí dậu kim .

Phụ mẫu hợi thủy. thể

Quan quí dậu kim .

Phụ mẫu hợi thủy .

Thê tài sửu thổ .. ứng

Quẻ "đại quá" hào đầu bắt đầu ở tý đếm đến hào thể là mao nhưng trong quẻ không có mao mộc. Từ quẻ chẩn tra được phục thân cũng không có hào mao mộc. Do đó quẻ này là quẻ hoàn toàn không có thân quẻ.

Tóm lại phương pháp tìm thân quẻ có 4 trường hợp : thứ 1 có thân quẻ ; thứ 2 : một quẻ có 2 thân quẻ ; thứ ba : lấy phục thân làm thân quẻ ; thứ tư : hoàn toàn không có thân quẻ. Cách đoán cát của thân quẻ cũng giống như dụng thân phải gắn liền với âm dương ngũ hành sinh khác chế hóa. Thân quẻ vượng tương sinh thân quẻ thì cát, ngược lại là hung. Nhưng khi vận dụng có thể căn cứ tình hình cụ thể của mình, người dùng thì dùng, không quen dùng thì thôi. Lúc đoán phải lấy dụng thân làm chính, đó là phương pháp chính thống.

Chương 13

ĐOÁN Ý CỦA NGƯỜI ĐẾN ĐOÁN VÀ CÁCH XÁC ĐỊNH THỜI GIAN ỨNG NGHIỆM

I. ĐOÁN Ý CỦA NGƯỜI ĐẾN XIN ĐOÁN

Đoán ý của người đến đoán là sau khi đã lập quẻ, căn cứ vào sự làm chủ của 6 hào để biết người ấy đến đoán việc gì. Khi dùng bát quái để đoán người đến cần đoán gì đó là việc rất khó. Trong lịch sử thường sau khi đã lập quẻ người đoán phải hỏi người kia muốn đoán việc gì để chọn dụng thần. Nhưng có lúc người đến đoán lại hỏi ngược lại : "Thầy xem tôi muốn đoán việc gì ?". Nếu kỹ thuật của thầy cao siêu thì có thể nói được, nhưng nói chung là thầy không nói được ! Không nói được cũng là điều bình thường. Bởi vì, người ta có trăm việc, làm sao biết được muốn hỏi việc gì. Nhưng người kia hỏi lại thầy cũng là điều bình thường. Cả hai không ai sai cả.

Đoán ý của người đến xin đoán trong các sách chiêm bosc ngày xưa tuy có bàn đến, nhưng những kinh nghiệm trong đó không hoàn chỉnh. Trừ chương "Muốn biết" trong sách "Bosc phê chính tôn" ra thì ở những sách khác rất ít gặp. Dưới đây xin giới thiệu chương ấy đại thể như sau :

"MUỐN BIẾT"

Muốn biết cha mẹ người ta bị bệnh thì trong quẻ Bạch hổ gặp hào hình, khác.

Muốn biết bố mẹ người ta đang bị họa thì hào thê tài động, bị thần sát gây tổn thương.

Muốn biết người ta có con không thì trong quẻ có gặp hào Thanh long, Phúc đức không ?

Muốn biết người ta không có con thì cả 6 hào không gặp Thần phúc.

Muốn biết con cháu họ đang ốm thì hào phụ mẫu động, tương khác.

Muốn biết con cháu họ đang gặp tai họa thì Bạch hổ gặp Phúc đức.

Muốn biết con họ chết thì hào tử tôn tuấn không, vong lại gặp bạch hổ.

Muốn biết anh em của họ mất thì dụng thần rơi vào tuấn không, vong, gặp bạch hổ làm thương tổn.

Muốn biết vợ họ đang có tai họa thì hào huynh đệ động gặp bạch hổ làm tổn thương tài thê.

Muốn biết vợ họ có thai thì hào thê tài gặp thanh long, thêm hi thần.

Muốn biết họ có vợ lẽ thì hào thê tài của 2 quẻ nội ngoại đều vượng.

Muốn biết vợ họ bị tổn thất thì hào tài và quan quí đều rơi vào tuấn không, vong.

Muốn biết họ thua kiện thì hào quan quí tuấn không, vong lại hưu tù.

Muốn biết họ đang bị kiện tụng thì hào quan quí tri thê lại phù trợ cho chu tước, bạch hổ.

Muốn biết nhà họ đông con trai thì lục thân có khí lại gặp thần cát.

Muốn biết nhà họ có thêm người thì thanh long được ngôi và gặp hào tài vượng.

Muốn biết nhà họ rất giàu có thì hào tài vượng lại đóng ở kho.

Muốn biết nhà họ thêm ruộng vườn thì hào tử tôn nhập địa lại gặp câu trần.

Muốn biết họ làm ăn tiến tới thì hào tài vượng lại gặp thanh long.

Muốn biết nhà họ được của thì quẻ ngoại có tài phúc lại gặp thanh long.

Muốn biết họ sắp có tin mừng thì thanh long, phúc đức tại môn đình.

Muốn biết nhà họ phú quý, tốt lành thì hào có thanh long vượng phúc.

Muốn biết nhà họ nghèo hèn thì hào tài gặp hao tổn, hưu, tù.

Muốn biết họ không có nơi nương tựa thì phúc đức rơi vào tuấn không, vong.

Muốn biết bếp nhà họ bị phá thì 2 hào quan quý đã khốn lại gặp huyền vũ.

Muốn biết nhà họ nghèo đói thì hào quan quý nhập thủy lại còn gặp huyền vũ.

Muốn biết họ có nhà mới thì hào phụ mẫu vượng tướng còn gặp thanh long.

Muốn biết nhà họ rách nát thì hào phụ mẫu hưu tù còn gặp bạch hổ.

Muốn biết mộ nhà họ có kết không thì bạch hổ, tuấn không, vong lại gặp tổn tị công phá.

Muốn biết mộ nhà họ không kết thì bạch hổ, tuấn không, vong lại gặp hợp tỵ.

Muốn biết nhà họ có hương hỏa thờ cúng thì 6 hào trong quẻ không có hỏa.

Muốn biết nhà họ ở đất xấu thì sáu hào trong quẻ không thấy thủy.

Muốn biết nhà họ có 2 bếp thì trong quẻ sẽ có hai hòa ở trong 1 chủ.

Muốn biết nhà họ không thờ cúng thì hào kim qui rơi vào tuần không, vong.

Muốn biết hai gia đình ở chung 1 nhà thì trong quẻ hai hào quan qui đều vượng.

Muốn biết 1 nhà có hai họ thì quẻ gặp hai hào phụ mẫu.

Muốn biết gà của họ lớt ở lung tung thì phi xà nhập đậu.

Muốn biết chó của họ sủa lung tung thì bạch xà nhập tuất lại còn gặp qui.

Muốn biết nhà họ đang cãi vã thì hào quan qui trì thế lại gặp chu tước.

Muốn biết nhà họ sắp có cuộc cãi vã thì trong quẻ chu tước gặp mộc tiếu.

Muốn biết nhà họ hay cạnh tranh thì chu tước gặp hào huynh đệ ứng hay thế.

Muốn biết nhà của họ đẻ con hư thì hào quan qui động gặp huyệt vũ.

Muốn biết nhà họ mất gia súc thì hào tài và quan qui phù trợ huyệt vũ.

Muốn biết họ sắp gặp tai họa thì hào quan qui trì thế lại khác thế.

Muốn biết nhà họ bị bệnh đậu mùa thì hào phi xà bị hỏa thiêu.

Muốn biết nhà họ có người ốm sắp chết thì dụng thân vô cứu lại nhập mộ.

Muốn biết nhà họ có người trộm mình thì hào quan qui gặp thủy sát và lâm huyệt vũ.

Muốn biết nhà họ có người thất cổ thì hào thế qui mộc gặp kim xà.

Muốn biết nhà họ sắp có tang thì hào quan qui gặp bạch hổ.

Muốn biết nhà họ bị thất thoát thì hào ứng quan qui phát động và gặp huyệt vũ.

Muốn biết nhà họ mất quần áo thì câu trần, huyền vũ ở hào thể tài.

Muốn biết nhà họ mất lục súc thì hào quan qui gặp bạch hổ.

Muốn biết nhà họ mất trâu bò thì hào 5 quan qui sừ rơi vào tuần không.

Muốn biết nhà họ mất gà thì hào đầu quan qui gặp huyền vũ.

Muốn biết nhà họ không có lợn bò thì 2 ngôi sừ hội tuần không, vong, hư.

Muốn biết nhà họ không có gà chó thì hào 2 dậu, tuất tuần không, vong.

Muốn biết nhà họ không có người đến thì hào ứng rơi vào tuần không vong.

Muốn biết nhà ở của họ không yên ổn thì 6 hào đều động.

II. XÁC ĐỊNH THỜI GIAN ỨNG NGHIỆM

"Bát quái định cát hung, cát hung sinh đại nghiệp". Cát hung có nghĩa là được và mất (Hệ từ). Cát hung đối với Nhà nước là liên quan đến sinh tử tồn vong ; đối với 1 đơn vị mà nói thì quan hệ đến hưng suy ; đối với 1 người mà nói là quan hệ đến tiến đố và vận mệnh. Cho nên cát hung liên quan mật thiết với từng người, do đó xưa nay rất coi trọng.

Mọi việc đều có cát hung, cát hung là thông tin dựa vào phương pháp đoán quẻ mà xác định. Đối với cát hung của sự việc quan trọng nhất là xác định chuẩn xác thời gian nó đến hay phát sinh. Thời gian này gọi là thời gian ứng nghiệm. Do đó việc xác định thời gian ứng nghiệm là giai đoạn cuối cùng của mọi dự đoán, cũng là bước quan trọng để chứng tỏ đoán

đúng hay đoán sai. Xưa kia việc xác định thời kỳ ứng nghiệm rất được coi trọng nên thời đại nào cũng nghiên cứu và không ngừng tổng kết kinh nghiệm về mặt này. Việc xác định đúng hay không còn tùy thuộc vào kỹ thuật dự đoán phát triển đến đâu. Cho nên với tư cách là người dự đoán thông tin, không những phải nhanh và chuẩn nói ra sự việc cát hay hung, mà quan trọng hơn là xác định được sự việc khi nào xảy ra. Mục đích để nếu sự việc tốt thì hướng tới, nếu sự việc xấu thì lánh xa, để phòng. Muốn đoán được chuẩn như thế đòi hỏi kỹ thuật phải rất cao siêu. Vì vậy chúng ta chỉ có cách khổ luyện đào sâu, mạnh dạn đi vào thực tiễn để tổng kết kinh nghiệm.

Có rất nhiều cách xác định thời gian ứng nghiệm theo phương pháp đoán theo 6 hào. Vì vậy cách chọn phương pháp rất phức tạp, hơn nữa mỗi tình huống, mỗi sự việc lại có thời gian ứng nghiệm rất khác nhau. Trong lúc tôi giảng bài ở các nơi, học viên đều yêu cầu tôi giảng phương pháp xác định thời gian ứng nghiệm theo cách đoán 6 hào. Tôi đã căn cứ vào các ví dụ cổ và kinh nghiệm của bản thân mình ứng dụng trong thực tiễn qui nạp thành các phương pháp sau, xin giới thiệu dưới đây để độc giả tham khảo và nghiên cứu thêm :

1. Thời gian ứng nghiệm của sinh, khắc

Quẻ có 6 hào phối với lục thân, lục thân lại dùng để chọn dụng thần. Hào thể là mình, hào ứng là người khác hay việc định đoán. Sự ứng nghiệm về thời gian của việc định đoán là lấy hào thể và dụng thần làm chủ, tức là phải xem hào nào sinh thể, sinh dụng. Để đoán cát, hung thì dụng thần của hào thể nên gặp sinh, không nên gặp khắc. Gặp sinh là cát, gặp khắc là hung. Nguyên thần gặp đất trường sinh để vượng và sinh hợp dụng thần của hào thể thì phúc lộc gia

tăng, ky thân gặp đất trường sinh đế vượng, khắc hào thế thì tai họa không nhỏ.

1. Thời gian ứng nghiệm của sinh thế, dụng thần.

Phàm đoán việc vui mừng thì hào thế và dụng thần nên làm nhật, nguyệt kiến hoặc hào động, hoặc hóa sinh trở lại. Cách định thời gian ứng nghiệm là : tự đoán bệnh thì lấy hào thế sừu thổ làm dụng thần, tị ngộ hỏa làm nguyên thân. Có thể xác định được thời gian tị ngộ hỏa sinh ra sừu thổ, đó cũng là thời gian bệnh khỏi. Nếu nguyên thân tị ngộ hỏa bị hơi tỵ thủy khắc thì phải chờ cho đến khi xung mất hơi tỵ thủy hoặc hơi tỵ thủy nhập mộ thì bệnh mới khỏi ; nếu tị ngộ hỏa tuần không, nguyệt phá thì phải chờ cho đến khi xuất không thì bệnh mới khỏi ; nếu tị ngộ hỏa tham hợp vong sinh thì phải chờ cho đến khi gặp xung mới khỏi bệnh ; nếu tị ngộ hỏa nhập mộ, hóa mộ thì phải chờ đến khi nó xung hết mộ bệnh mới khỏi ; nếu không thấy nguyên thân của tị ngộ hỏa xuất hiện, thì phải chờ cho đến khi xuất hiện mới ứng nghiệm được ; nếu nguyên thân của tị ngộ tịnh mà không động thì phải chờ cho đến khi gặp tị ngộ hỏa mới ứng nghiệm.

2. Thời gian ứng nghiệm khi hào thế, hào dụng đều bị khắc.

Đoán sự việc cát hung mà thế và dụng đều bị khắc là hung. Nhưng không thế nhất luật coi rằng khi nào cũng hung mà cần xem kỹ là đoán việc gì. Nếu đoán người đi xa khi nào trở về, nếu có dụng thần khắc thế tức là sẽ trở về. Đó là một kinh nghiệm phải nắm chắc. Nếu dụng thần không khắc thế thì người đi xa chưa trở về được *Nếu đoán về kiện tụng lấy hào quan quý làm dụng thần, quan quý là người ta khác mình, nếu dụng thần quan quý bị khắc thì không những không hung, ngược lại còn tốt cho mình.

Phàm khắc thế, khắc dụng đều là ky thân. Thế, dụng là mộc, ky thân tất phải là kim của thân Dậu cho nên ở thời

điểm thân dậu sẽ phát sinh ứng nghiệm tai họa. Nếu đoán bệnh tật, hào thế là mao mộc, thân kim là kỵ thần, lâm thân dậu, nhật, nguyệt thì sẽ ứng nghiệm bị khắc ; nếu thân dậu phối với kỵ thần được cừu thần nhật, nguyệt, hào động sinh, đó gọi là lúc ứng nghiệm của bị khắc, nếu thân dậu gặp tuần không, nguyệt phá thì phải chờ cho đến lúc xuất không gặp hợp, đó là lúc bị khắc ; nếu kỵ thần hóa trường sinh hoặc lâm lúc trường sinh, đó là lúc ứng nghiệm bị khắc ; nếu kỵ thần thân kim hóa dậu kim tất phải đến lúc dậu kim, đó là lúc ứng nghiệm bị khắc ; tức là kỵ thần hóa thoái kị xung. Nếu dậu kim động mà hóa thân, gặp dẫn xung động mà ứng, cũng có lúc gặp thân mà ứng. Tóm lại đoán sự việc cát hung, kỵ thần nên gặp mộ, nhập mộ, hóa mộ, hoặc gặp hưu tù tử địa, hoặc hóa thoái, hóa tuyệt, hóa tử, hóa hợp mới tốt.

2. Thời gian ứng nghiệm của tuần không

Tuần không có cát, có hung. Phạm đoán cát hung gặp hào thế, dụng thần là tuần không thì phải chờ cho xuất không thì lúc đó sự việc mới thành. Đối với hung sự thì xuất không là lúc tai nạn đến. Ví dụ đoán cầu tài trong tuần giáp Thìn, được hào tài dẫn mao mộc làm dụng thần, thì phải chờ cho đến ngày dẫn mao xuất không mới được của ; nếu đoán bệnh tật, dẫn mao là kỵ thần phải chờ đến ngày xuất không thì tai họa sẽ đến. Dụng thần tuần không phát động phải đến ngày xuất tuần việc mới thành ; dụng thần động lại gặp tuần không, hóa không thì phải chờ đến ngày xuất không sự việc mới ứng. Dụng thần tuần không mà gặp hợp thì phải chờ đến thời kỳ xung khai việc mới ứng ; dụng thần tuần không mà gặp khắc thì chờ đến khi xuất không hoặc chế sát thì việc mới ứng ; dụng thần không mà nhập mộ thì phải chờ đến lúc xung mộ sự việc mới ứng.

3. Thời gian ứng nghiệm của phùng hợp

Phùng hợp chia thành tam hợp và lục hợp. Nếu đoán việc vui thì tốt nhất là gặp tam hợp, lục hợp. Đoán việc lo buồn, xuất hành, người đi xa thì không nên phùng hợp. Lo buồn gặp phùng hợp thì khó giải, khó kết ; đoán xuất hành hay người đi xa gặp phùng hợp là bị ràng buộc, muốn động mà không động được, muốn trở về mà bị níu kéo lại. Tam hợp, lục hợp sinh hợp hào thế, hào dụng là cát, khác xung thế, dụng là hung. Nguyên thần, dụng thần nhập cục là cát ; kì thần, cừu thần nhập cục là hung. Cho nên tam hợp lục hợp có cát có hung.

Tam hợp là thân tý thìn hợp thủy cục. Khi đoán, nếu hôm đó trong quẻ dụng thần động mà thành tam hợp cục, hoặc lâm nguyệt, nhật thành tam hợp cục thì cát hung ứng ngay ngày hôm đó ; nếu tam hợp cục bị một hào xung phá thì phải chờ đến lúc phùng hợp cát hung mới ứng nghiệm ; nếu 1 hào tĩnh, 2 hào phát động thì phải chờ hào tĩnh đến ngày trực, cát hung mới ứng ; hào tĩnh mà gặp không hoặc hào động hóa không thì phải chờ đến lúc xuất không sự việc cát hung mới ứng ; nếu không mà phùng hợp, tĩnh mà phùng hợp phải chờ đến lúc xung mất thì việc mới ứng ; tam hợp, lục hợp hoặc hợp với nhật, nguyệt, thì phải chờ đến lúc xung hợp sự việc mới ứng. Nếu nhập mộ hoặc động mà hóa mộ, thì phải chờ đến lúc xung mộ việc mới ứng ; nếu hóa tuyệt hoặc có 1 hào tuyệt phải chờ đến lúc sinh vượng việc mới ứng.

Chú ý : hào thế và hào dụng phải ở trong cục hoặc cục sinh hợp thế, dụng mới tốt, cục khác thế, dụng là xấu.

Lục hợp là loại tý hợp với sửu. Nếu dụng thần lâm mao phát động, sau đó gặp giờ mao, tuất thì đó là lúc ứng nghiệm.

4. Thời gian ứng nghiệm của phùng xung

Phùng xung là chỉ lục xung. Trong xung có hi, có kị. Phàm đoán việc vui không nên xung, xung sẽ ly tán ; phàm đoán kiện tụng, lo buồn vì tai họa thì nên xung, xung sẽ ly tán, tán là cát. Đoán người mới mắc bệnh, phùng xung thì khỏi, người bệnh lâu phùng xung thì chết.

Dụng thần gặp xung, ở thời kỳ phùng hợp việc sẽ ứng nghiệm ngay. Dụng thần bị xung, tuần không thì chờ đến lúc xuất không việc sẽ ứng nghiệm. Nếu dụng thần là dẫn bất động, sau gặp ngày tháng dẫn, thân việc sẽ ứng.

5. Thời gian ứng nghiệm của tam hình

Tam hình chủ về việc tai họa, khi quẻ gặp nó phải chú ý. Tam hình có hai hào tương hình, cũng có 3 hào tương hình. Ví dụ dẫn hình phạt tị, tị phạt thân, thân phạt dẫn, tỵ phạt mào, mào phạt tỵ v. v... đó gọi là hai hào tương hình. Dẫn, tị, thân đều có mặt và 1 tỵ phạt 3 mào, 3 mào phạt 1 tỵ gọi là ba hào tương hình.

Hào thế, dụng thần gặp hình thì đến lúc trục nhật việc hung sẽ ứng nghiệm. Ba hào có 1 hào tuần không, lúc xuất không thì việc xấu sẽ ứng. Ba hào có 1 hào nhập mộ, thì lúc xung mộ việc xấu sẽ ứng. Ba hào có 1 hào hưu tù thì lúc gặp sinh vượng việc xấu sẽ ứng.

6. Thời gian ứng nghiệm của nhập mộ

Có 3 cách nhập mộ : hào dụng nhập mộ, động mà nhập mộ, động mà hóa mộ. Dụng thần không nên nhập mộ, kị thần nhập mộ thì tốt. Hào dụng trùng lập, mừng có mộ kho thu chứa để khỏi xấu, cho nên nhập mộ có cát có hung. Dụng thần nhập mộ phải chờ đến lúc xung mộ thì việc mới ứng ; dụng thần vượng mà tuần không, phá, phải chờ đến lúc xuất

mộ việc mới ứng. Dụng thần trùng lập hoặc thái quá nên bị khắc, hoặc bị mộ, thì sự việc có thể thành công. Nếu thổ là dụng thần, lại gặp thổ của thìn, tuất, sửu, mùi, tức là dụng thần trùng lập thái quá, phải chờ cho dần, mao, mộc khắc lúc đó việc mới ứng. Thìn là thổ của mộ kho, lúc gặp thìn việc mới ứng. Đó gọi là dụng thần trùng lập.

Phương pháp đoán thời gian ứng nghiệm rất nhiều, trên đây chỉ liệt kê sáu loại. Tóm lại dụng thần hợp thì đoán việc ứng lúc xung khai ; dụng thần hưu tù thì đoán việc ứng vào lúc sinh vượng. Dụng thần vô khí thì đoán việc ứng vào lúc vượng tướng ; dụng thần vượng không động đoán việc ứng vào lúc xung động ; dụng thần có khí phát động hợp nhật thìn, hoặc nhật thìn lâm động, hoặc nhật thìn sinh thế thì đoán việc ứng vào ngay ngày hôm đó ; dụng thần bị chế khắc thì đoán việc ứng vào lúc chế sát ; dụng thần đắc thời vượng, động lại gặp sinh phù thì đoán vào lúc sinh phù ; dụng thần yên tĩnh thì đoán vào lúc gặp xung ; dụng thần không xuất hiện thì đoán việc ứng vào lúc dụng thần xuất hiện ; dụng thần tuấn không thì đoán việc ứng vào lúc xuất không.

Phạm đoán ứng nghiệm cát hung, có xa có gần. Xa là hàng năm, hàng tháng, gần tính ngày, tính giờ. Cách chọn thời gian ứng nghiệm phải xem việc to hay nhỏ, việc lâu hay mau mà định đoạt không thể nói chung chung.

Chương 14

CÁC THÔNG TIN VỀ THẾ GIỚI TỰ NHIÊN

"Ngẩng lên bàn đến thiên văn, cúi xuống bàn đến địa lý" (Hệ từ của Chu dịch). Mấy nghìn năm qua vô số sự thật đã chứng minh : Bát quái vừa có thể dự đoán các thông tin trên trời, vừa có thể đoán các thông tin dưới đất, vừa có thể đoán mọi việc của con người. Đồng thời còn có thể dự đoán các thông tin của thế giới tự nhiên. Cho nên ta mới gọi : âm dương bát quái định căn khôn, sáu hào của quẻ đoán như thần.

Thông tin thế giới tự nhiên bao la vạn tượng. Đặc biệt là sự vận động của các thiên thể gây ra sự biến hóa của âm dương, ngũ hành, gây ra cho con người bao nhiêu tai họa. Có những tai họa trực tiếp uy hiếp đến sinh mạng tài sản của nhân loại, vì vậy tổ tiên ta rất sớm dùng bát quái để dự đoán thiên nhiên và đã tích lũy nhiều kinh nghiệm quý báu. Dưới đây xin giới thiệu những kinh nghiệm đó đăng trong các sách cổ và sự thể hội của bản thân để độc giả tham khảo.

I. DỰ ĐOÁN THỜI TIẾT

Trên kia đã bàn về phương pháp dùng tượng quẻ để đoán thời tiết. Chương này sẽ nói rõ cách dùng sáu hào để đoán thời tiết.

Dùng sáu hào để đoán nắng, gió, mây mưa, cổ nhân tuy lấy hào ứng làm trời, hào thế làm đất, thế bị khắc tất có thay đổi. Nhưng xem qua các sách khi đoán thời tiết đều lấy lục thân làm chủ để chọn dụng thần và đối với việc mà lục

thân làm chủ đều đã có những miêu tả chi tiết và có tổng kết.

1. Hào phụ mẫu chủ về mưa

Càn là dương, là trời ; khôn là âm, là đất ; càn là phụ, khôn là mẫu. Âm dương tương hợp sẽ hóa sinh vạn vật, cho nên gọi trời đất là mẹ của vạn vật. Cũng tức là nói chỉ có hai khí âm dương tương hợp mới có thể khí hóa thành mưa, tư dưỡng vạn vật, nên phụ mẫu chủ về mưa. Sáu hào của quẻ Khôn có : Sương, tuyết, băng là sự kết tụ của khí, mưa cũng thế. Cho nên hào phụ mẫu cũng chủ về : sương, tuyết, băng đá.

1) Hào phụ mẫu tứ thời chủ về mưa, không có nghĩa là nói trong quẻ chỉ cần thấy hào phụ mẫu là có mưa, hoặc không có hào phụ mẫu thì không mưa. Hào phụ mẫu chủ về mưa là có điều kiện. Trong các sách "Hoàng kim sách", "Tăng san bốc dịch" đều đã nói rõ vấn đề này.

Hào phụ mẫu động thì mưa : Phụ mẫu là thiên địa, khi yên tĩnh thì chủ về nắng, động thì có biến, biến thì có mây dày, mù nặng, nhật nguyệt bị che khuất, dẫn đến mưa. Hào tử tôn chủ về nắng, hào phụ mẫu khác hào tử tôn, động mà khác tử tôn thì lực càng mạnh. Tử tôn bị khắc tất nhiên chủ về mưa. Hào phụ mẫu động, lại chia ra minh động và âm động. Nhưng minh động và âm động đều chủ về mưa.

Hào phụ mẫu chủ về mưa, có hào phụ mẫu trực tuần không, khi xuất không tất mưa ; hào phụ mẫu nhập mộ, khi xung khai thì mưa ; hào phụ mẫu và hào quan quý tĩnh mà gặp không, lúc nhật kiến xung thì sẽ mưa. Hào phụ mẫu động, lại gặp nhật, nguyệt, hào động sinh phù thì sẽ có mưa như trút nước. Hào phụ mẫu hóa hào huynh đệ thì có mưa phi thường. Hào phụ mẫu suy nhược, hào quan quý vượng

động thì mưa nhỏ hạc mây mù. Hoặc nếu vừa hừng vừa mưa là hào quan quý động xung khai với hào phụ mẫu. Đoán mưa mà gặp : phụ mẫu tuần không, được nhật thìn xung khai thì sẽ không còn là không nữa, đến ngày trực nhật sẽ mưa. Tam hợp phụ cục chủ về mưa, phụ mẫu, huynh đệ đều vượng thì mùa đông có gió và tuyết rơi.

Hào phụ mẫu chủ về mưa nhưng gặp những trường hợp sau lại là không mưa. Ví dụ : hào phụ mẫu hưu tù, không động thì không mưa ; hào phụ mẫu hóa thoái thì mưa 1 chốc sẽ tạnh ; hào phụ mẫu nhập mộ hoặc động mà hóa mộ thì lại nắng ; hào phụ mẫu hóa tử tôn thì sau mưa là trời sáng ngay ; hào phụ mẫu tĩnh mà không có phủ trợ thì thường nắng hạn ; hào phụ mẫu bị hào thế tài khác thì không mưa. Khi đoán mưa gặp hào thế tài và hào tử tôn động thì phải chờ đến ngày tài nhập mộ, hoặc tuyết mới có mưa.

Ví dụ : Ngày giáp tuất, tháng tị, giờ mao đoán ngày nào có mưa, được quẻ "lữ" của quẻ "tiểu quá".

LÔI SON TIÊU QUÁ

Phụ mẫu tuất thổ x

Huynh đệ thân kim ..

Quan quý ngộ hóa . thế

Huynh đệ thân kim .

Quan quý ngộ hòa ..

Phụ mẫu thìn thổ .. ứng

HÒA SON LỮ

Quan quý tị hỏa .

Phụ mẫu mùi thổ ..

Huynh đệ dậu kim . ứng

Huynh đệ thân kim .

Quan quý ngộ hòa ..

Phụ mẫu thìn thổ .. thế

Phụ mẫu tuất thổ là dụng thần, phụ mẫu lâm nhật kiến mà động lại hóa nguyệt kiến tị hòa sinh trở lại nên giờ thì hôm nay không những có mưa mà còn có sấm. Quả đúng giờ thìn mây ùn lên, cuối giờ thìn, đầu giờ tị, sấm mưa xen kẽ. Ứng vào giờ thìn vì ngày tuất xung phụ mẫu, thìn thổ ám

động ; có sấm vì tuất hóa tị hòa, đúng là phụ mẫu và quan
quĩ đều vượng nên có cả sấm cả mưa.

+ Ngày 16 tháng 9 năm 1983 (âm lịch : ngày đinh mùi,
tháng 8) Đại hội thể thao toàn quốc lần V khai mạc ở Thượng
hải. Ngày 14 tôi đoán thời tiết của Thượng hải được quẻ
"phong" của quẻ "cách" nên khẳng định Thượng hải ngày 16/9
có mưa, Đại hội không thể khai mạc đúng giờ. Còn Đài TW
tối ngày 15 báo trời Thượng hải nắng. Kết quả ngày 16,
Thượng hải mưa rất to.

TRẠCH HÒA CÁCH

Quan quĩ mùi thổ ..

Phụ mẫu dậu kim ○

Huynh đệ hợi thủy . thế

Huynh đệ hợi thủy .

Quan quĩ sửu thổ ..

Tử tôn mao mộc . ứng

LÔI HÒA PHONG

Quan quĩ tuất thổ ..

Phụ mẫu thân kim .. thế

Thê tài ngọ hỏa .

Huynh đệ hợi thủy .

Quan quĩ sửu thổ .. ứng

Tử tôn mao mộc .

Phụ mẫu lâm nguyệt kiến mà động, lại được nhật kiến
sinh, hóa phụ mẫu thân kim, nên ngày 16 mưa to.

2. Hào tử tôn chủ về nắng

"Hoàng kim sách" nói : "Tử tôn quán nhật nguyệt". "Tăng
san bốc dịch" nói : "Tử tôn là sao của nhật nguyệt, động thì
nắng khắp nơi". Sao của nhật nguyệt là sáng, là nắng, cho
nên hào tử tôn chủ về nắng. Hào tử tôn là dương, là nhật,
là nguyệt, là sáng. Hào tử tôn vượng thì trời nắng trong, suy
thì âm đạm, mộ tuyệt thì âm u, tuần không và phục ngâm
thì mờng lung bằng bạc.

Hào tử tôn trỉ thế phát động thì trời nắng, không một gợn
mây. Hào tử tôn hóa tiến thần trời xanh ngắt. Hào tử tôn
và hào thê tài động thì chủ về nắng ; hào tử tôn tĩnh mà

gặp tuần không, nhật kiến xung cũng chủ về nắng ; hào tử tôn nằm dưới hào tài chủ về nắng ; hào tử tôn là hào ứng, động thì trời không có một gợn mây ; tam hợp tử tôn cục chủ về nắng ; hào tử tôn hưu tù, không, phá, hoặc hiện mà không động, thì không nắng to mà có thể có mây mỏng như sương mù. Tử tôn hưu tù, tuần không, phục ngâm thì trời râm ; mưa gặp thần phúc là mưa có cầu vồng ; nếu tượng quẻ có mưa mà huynh đệ hóa tử tôn thì mây tan mặt trời lộ rạng ; hào tử tôn và hào huynh đệ đều động đó là tượng sấm rền và ráng đỏ.

Ví dụ cổ : Ngày giáp ngo, tháng mao đoán được quẻ "quải" của quẻ "tráng".

LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG

Huynh đệ tuất thổ ..

Tử tôn thân kim ×

Phụ mẫu ngộ hỏa . thế

Huynh đệ thìn thổ .

Quan qui dẫn mộc .

Thê tài tý thủy . ứng

TRẠCH THIÊN QUẢI

Huynh đệ mùi thổ ..

Tử tôn dậu kim . thế

Thê tài hợi thủy .

Huynh đệ thìn thổ .

Quan qui dẫn mộc . ứng

Thê tài tý thủy .

Hào tử tôn động mà hóa tiến thân dậu kim nên ngày thân dậu tất nắng khắp nơi.

Ví dụ cổ : Vì mưa mấy ngày liền, nên ngày ất mao tháng ngo đoán hôm nào tạnh, được quẻ "cấn" của quẻ "minh di"

ĐỊA HÒA MINH DI

Phụ mẫu dậu kim ×

Huynh đệ hợi thủy ..

Quan qui sửu thổ .. thế

Huynh đệ hợi thủy .

CẤN VI SƠN

Tử tôn dẫn mộc . thế

Huynh đệ tý thủy ..

Quan qui tuất thổ ..

Phụ mẫu thân kim . ứng

Quan quý sừ thổ ..

Thê tài ngộ hỏa ..

Tử tôn mao mộc ○ ứng

Quan quý thìn thổ ..

Hào sáu trên phụ mẫu hóa hào tử tôn, giờ dậu hôm nay thấy mặt trời, hào đầu mao mộc tử tôn động hóa quan quý thìn thổ, ngày mai âm u có mây. Kết quả giờ dậu mặt trời lặn, ngày hôm sau âm u nhưng không mưa.

Ví dụ : Ngày 26 tháng 1 năm 1984, đoán thời tiết ngày 10/2 (là ngày giáp tuất tháng bình dần) được quẻ "chấn" của quẻ "phệ hạp".

HÓA LÔI PHỆ HẠP

CHẤN VI LÔI

Tử tôn tị hỏa ○

Thê tài tuất thổ .. thế

Thê tài mùi thổ .. thế

Quan quý thân kim ..

Quan quý dậu kim .

Tử tôn ngộ hỏa .

Thê tài thìn thổ ..

Thê tài thìn thổ .. ứng

Huỳnh đệ dần mộc .. ứng

Huỳnh đệ dần mộc ..

Phụ mẫu tị thủy .

Phụ mẫu tị thủy .

Hào tử tôn động, chủ về nắng mây nhiều, quả đúng như thế. Hào tử tôn hóa thê tài chủ về nắng, tại sao lại nhiều mây ? Vì thê tài suy nên tượng sương mù lớn, cho nên nhiều mây.

3. Hào thê tài chủ về nắng

"Hoàng kim sách" nói : "Thê tài phát động thì tám phương trong sáng". "Tăng san bốc dịch" cũng nói : "Quẻ mưa hào phụ mẫu nên động, quẻ nắng hào thê tài nên động", "thê tài chủ về thời tiết sáng".

Nói theo lục thân, hào thê tài khác hào phụ mẫu, nay phụ mẫu chủ về mưa mà bị khác, đương nhiên không có mưa mà nắng.

Hào tài động chủ về nắng, minh động hay ám động đều chủ về nắng, thể tài động khác phụ mẫu sinh ra thể chủ về nắng, thể tài động khác phụ mẫu sinh ra tử tôn (con) là chủ về trời nắng ; tài vượng lại gặp hào động, nhật, nguyệt sinh ra thì trời khô. Tam hợp tài cục có rắng mây nhưng không mưa. Hào tài phát động thuộc cung kiến là khô ráo. Tài phát động biến vào cung kiến lại gặp hào động, nhật, nguyệt phù giúp tất chủ về tượng đại hạn. Tài hưng, tử tôn tuần không, qua ngày tuần không sẽ nắng. Tài hóa quý, nắng không lâu hoặc trời râm mát. Quan vượng tài suy, sương mù đậm như mưa dầm. Quý suy tài vượng, mây mù một ít là hừng ngày. Tài chủ về nắng nhưng khó tránh được không có mây. Hào hợp tài nếu bị hào huynh khác phá thì không gió, không nắng. Tài hóa thoái nắng sẽ không lâu.

Ví dụ cơ : Ngày át tị tháng dậu, đoán ngày đó âm u hay hừng nắng, được que "hàng" của que "thăng".

ĐỊA PHONG THĂNG

LÔI PHONG HẰNG

Quan quý dậu kim ..

Thể tài tuất thổ .. ứng

Phụ mẫu hợi thủy ..

Quan quý thân kim ..

Thể tài sửu thổ × thể

Tử tôn ngộ hỏa .

Quan quý dậu kim .

Quan quý dậu kim . thể

Phụ mẫu hợi thủy .

Phụ mẫu hợi thủy .

Thể tài sửu thổ .. ứng

Thể tài sửu thổ ..

Tài động hóa xuất từ tôn ngộ hỏa, buổi sáng nắng, có mây nổi lên, giờ ngộ dấy nắng, hết mây. Quả nhiên đúng như thế.

Ví dụ cơ : Ngày kỷ mao tháng thìn đoán thời tiết hôm đó. Gieo được que "Lâm" của que "Truân".

THỦY LÔI TRUÂN

ĐỊA TRẠCH LÂM

Huynh đệ tị thủy ..

Phụ mẫu dậu kim ..

Quan qui tuất thổ ○ ứng	Huynh đệ hội thủy .. ứng
Phụ mẫu thân kim ..	Quan qui sửu thổ ..
Quan qui thìn thổ ..	Quan qui sửu thổ ..
Tử tôn dân mộc × thế	Tử tôn dân mộc . thế
Huynh đệ tí thủy .	Thê tài tị hỏa .

Tử tôn dân mộc tri thế động mà hóa thành tử tôn tiến thân là ngày nắng to. Hào năm tuất thổ quý động hóa ra hội thủy, nên giờ hội át sẽ có mây đen. Quả nhiên ngày đó nắng to, giờ tuất sao bắc đẩu mờ không sáng, giờ hội mây đen bốn bề ùn lên.

4. Hào huynh đệ chủ về gió, mây

"Hoàng kim sách" nói : "Nếu bàn về gió, mây dựa vào huynh đệ". Huynh tọa trường sinh, nhất định đang chờ ngày bão. "Tăng san ·bốc dịch" có câu : "Huynh đệ phát động tuy chủ gió mây, nhưng là cảnh mây mỏng, gió nhẹ". Hào huynh đệ vì sao lại chủ về gió mây, ngày xưa không nói rõ. Theo Ngũ hành sinh khắc nói : "Sánh vai là anh em". Ngày xưa gọi anh em là thân kiếp tài, là nạn phá hoại. Sánh vai là anh em, là kiếp tài, là nguồn gốc bất hòa. Bất hòa sẽ có đấu tranh, đấu tranh là động, động nên sinh gió. Đấu tranh tất có tiến thoái, tiến thoái là tượng "tốn", tốn là gió. Gió thổi phá hủy trăm vật, anh em là kiếp tài, là thân phá hoại. Lại vì có gió tất có mây, nên có "gió mây tụ hội", nên hào huynh đệ chủ về gió mây.

Huynh đệ phát động chủ về gió mây, vượng thì gió to, suy thì gió yếu ; thân hóa tiến thì gió to, thân hóa thoái thì gió nhỏ. Mộc lâm huynh đệ, quan qui tĩnh mà gặp không được nhật kiến xung sẽ có gió ; huynh đệ lâm tuấn không, được nhật kiến xung chủ về gió nhẹ, sương mù mỏng ; tam hợp cục hợp huynh đệ, chủ về gió. Trong quẻ, nếu huynh động,

phụ cũng động thì gió mưa xen lẫn, huỳnh hóa phụ thì gió trước mưa sau.

Ví dụ cổ : Đoán thời tiết ngày đình hội tháng ngo, được quẻ "phù" của quẻ "đôn"

THIÊN SƠN ĐÔN

Phụ mẫu tuất thổ .

Huỳnh đệ thân kim . ứng

Quan quý ngo hỏa .

Huỳnh đệ thân kim ○

Quan quý ngo hỏa .. thế

Phụ mẫu thìn thổ ..

THIÊN ĐỊA PHỦ

Phụ mẫu tuất thổ . ứng

Huỳnh đệ thân kim .

Quan quý ngo hỏa .

Thê tài mao mộc .. thế

Quan quý tị hòa ..

Phụ mẫu mùi thổ ..

Huỳnh động là gió mây, hôm ấy là ngày râm, giờ thân sẽ thấy mặt trời, giờ mao ngày hôm sau nắng to. Quả đúng như thế. Vì thân kim hóa mao mộc hào tài, giờ thân thấy mặt trời, ngày hôm sau giờ mao nắng.

5. Hào quan quý chủ về sấm, chớp, sương, mù

"Hoàng kim sách" có nói : "Muốn biết sấm chớp phải xem hào quan quý". "Sấm có chớp, do quan quý phát ly cung". "Tăng san bốc dịch" cũng nói "Quan quý lời đình điện mù". Quan là quan nhân, là vua, có quyền lập pháp và phát lệnh, hiệu lệnh thiên hạ, sấm chớp chói tai. Cho nên hiệu lệnh là tượng của sấm kêu. Có sấm thì có chớp, chớp là hòa, có hòa tất có khói, lại có sấm đánh vào vật mà có khói, khói là tượng của mù. Cho nên quan quý là lời đình điện mù.

Hào quan quý chủ về lời đình điện mù, nếu quan ở cung chấn mà động tất có sấm, gọi là kim trên không tức có tiếng kêu. Kim hóa kim thì rất mau sẽ có sấm. Hỏa quý động chớp sẽ chế ngự kim xà, trời đang nắng mà gặp quan quý sẽ có

mây mù. Quĩ động tất có mây mù đậm, u ám. Mùa hạ u ám mùa đông đại hàn. Quĩ động lâm hào thể hoặc xung khác hào ứng, hoặc lâm phát động, đều chủ về mây mù đậm. Nhiều mây khời, là do tài quĩ cùng động. Quan quĩ hóa thoái thân thì chớp đầy trời, vùng xa mưa to, vùng gần mưa nhỏ. Quan quĩ, phụ mẫu cùng động thì trước sấm sau mưa. Tam hợp quý cục thì mù đen đầy trời, chớp lóe sáng. Quan hóa thoái thân mưa sẽ tạnh. Cho nên quan quĩ là lời đĩnh điện mù, nên luận theo từng mùa.

Ví dụ cổ : Ngày đĩnh mao, tháng tị, đoán ngày nào mưa, được quẻ "đại quá" của quẻ "hãng"

LỜI PHONG HÃNG

Thê tài tuất thổ .. ứng

Quan quĩ thân kim ×

Tử tôn ngộ hòa .

Quan quĩ dậu kim . thể

Phụ mẫu hợi thủy .

Thê tài sửu thổ .

TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ

Thê tài mùi thổ ..

Quan quĩ dậu kim .

Phụ mẫu hợi thủy . thể

Quan quĩ dậu kim .

Phụ mẫu hợi thủy .

Thê tài sửu thổ .. ứng

Quẻ này hào thể quĩ ám động, thân quĩ minh động hóa thành tiến thân, giờ thân tất sẽ có sấm. Quan nhiên sấm chớp vang trời.

Đoán thời tiết không những chỉ xem chủ của lục thân, mà còn phải xem phản ngâm, phục ngâm của quẻ để quyết định là âm u hay nắng. Ông già Dã Học nói : "Trong quẻ có phản ngâm thì nắng hay u ám đến cuối sẽ đảo ngược trở lại" "Hào gặp phải phục ngâm thì hạn, ứng tất sẽ chờ đến lúc xung nhau ra".

Ví dụ : Ngày canh dần tháng thìn, đoán ngày nào sẽ nắng. Gieo được quẻ "thăng" của quẻ "quan".

PHONG ĐỊA QUAN

Thê tài mao mộc ○

Quan qui tị hỏa ○

Phụ mẫu mùi thổ .. thế

Thê tài mao mộc ×

Quan qui tị hỏa ×

Phụ mẫu mùi thổ .. ứng

ĐỊA PHONG THĂNG

Huỳnh đệ dậu kim ..

Tử tôn hợi thủy ..

Phụ mẫu sửu thổ .. thế

Huỳnh đệ dậu kim ..

Tử tôn hợi kim ..

Phụ mẫu sửu thổ .. ứng

Mao mộc tài động, hôm sau có thế nắng, vì quẻ nội, quẻ ngoại có phần ngâm nên nắng mà lại mưa. Quả nhiên đúng, hôm sau nắng lại có mưa.

Ví dụ : Ngày giáp tuất, tháng thìn đoán mưa, được quẻ "chấn" của quẻ "tráng".

LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG

Huỳnh đệ tuất thổ ..

Tử tôn thân kim ..

Phụ mẫu ngộ hỏa .. thế

Huỳnh đệ thìn thổ ○

Quan qui dần mộc ○

Thê tài tị thủy .. ứng

CHẤN VI LÔI

Huỳnh đệ tuất thổ .. thế

Tử tôn thân kim ..

Phụ mẫu ngộ hỏa ..

Huỳnh đệ thìn thổ .. ứng

Quan qui dần mộc ..

Thê tài tị thủy ..

Quẻ biến có phục ngâm nên động mà như không động, tài động xung khai tất sẽ nắng, phụ động xung khai thì mưa. Muốn được mưa phải chờ đến ngày xung phụ mẫu.

Dùng sáu hào đoán thời tiết nắng mưa tuy rất rõ ràng chi tiết, nhưng khó hơn nhiều so với cách đoán theo tượng quẻ. Còn đối với dùng ngũ hành để đoán thời tiết, người xưa cũng có cách đoán khác nhau. Trong "Động lâm bí quyết" nói : "Phàm đoán thời tiết, thủy động thì mưa, hỏa động thì nắng, mộc động thì gió, thổ động âm u. Nếu gặp kim thủy, mưa to

mà chưa ngừng, nếu gặp hòa thổ thì mưa nhỏ và mau ngừng". Nhưng điều này không giống với quan điểm của "Tăng san bốc dịch". Điều đó đã đưa lại khó khăn cho những người đời sau đoán thời tiết. Cuối cùng nên theo bên nào, rất khó quyết đoán.

Căn cứ vào sự làm chủ của bát quái ngũ hành và kinh nghiệm thực tiễn, tôi cho rằng theo ngũ hành của hào để đoán thời tiết trên nguyên lý là đúng. Như khôn là thổ, là âm, cần là sơn là mây mù, khôn cần là thổ, có nghĩa thổ khắc thủy, nên không mưa mà có mây mù u ám. Ly là nhật, là sáng, chủ về nắng. Khảm là thủy, chủ về mưa. Chấn, tốn là mộc, mộc sinh phong, nên chủ về mưa. Trong "Mai hoa dịch số" có câu : "Cần chủ về nắng". "Đoài là trạch, nên không mưa thì u ám". Cần đoài là kim, tuy có nghĩa là sinh thủy, nhưng phải là động để sinh hào phụ mẫu. Do đó, khi tôi đoán thời tiết, vừa phải xem ngũ hành của hào quẻ, vừa phải kết hợp chi ngày đó chủ về gì để định thời tiết. Ví dụ ngày 1 tháng 8 năm 1983, tôi đoán thời tiết ngày 5 tháng 8 trời âm u, có gió, còn đài truyền hình Thiểm tây ngày 4 tháng 8 liên tục đưa tin bốn lần thông báo khẩn cấp ngày 5 tháng 8 có mưa bão to, yêu cầu các cơ quan, đơn vị phải đề phòng cấp tốc. Kết quả ngày 5 tháng 8 chỉ âm u và có gió, một giọt mưa cũng không có. Hôm ấy gieo được quẻ "Tụng" của quẻ "Hoán".

PHONG THỦY HOÁN

Phụ mẫu mao mộc .

Huynh đệ tị hỏa . thế

Tử tôn mùi thổ ×

Huynh đệ ngộ hòa ..

Tử tôn thìn thổ . ứng

Phụ mẫu mao mộc ..

THIÊN THỦY TỤNG

Tử tôn tuất thổ .

Thê tài thân kim .

Huynh đệ ngộ hòa . thế

Huynh đệ ngộ hòa ..

Tử tôn thìn thổ .

Phụ mẫu mao mộc .. ứng

Theo tượng quẻ mà nói, quẻ ngoại là tổn mà động, một động sinh phong, nên có gió. Quẻ nội là khảm tuy chủ về mưa nhưng là tháng mùi thổ, nhật kiến sừu thổ nên cả nhật và nguyệt khắc thủy, không có mưa, thổ chủ về u ám, nên hôm đó chỉ u ám và có gió.

Theo sáu hào để bàn, phép ngày xưa nói hào tử tôn động thì năng vạn dặm, tuy hào tử tôn trong quẻ trùng lặp nhau, động mà hóa ra sinh trở lại, nhưng hào tử tôn gặp nguyệt kiến mùi thổ, nhật kiến sừu thổ, cả hai đều là thổ, thổ chủ về u ám. Quẻ "hoán" có "phong hành thủy thượng", nay thủy bị khắc, chỉ có gió, cho nên theo sáu hào để bàn cũng là trời âm u có gió, quyết không có mưa. Về sau quả đúng như đoán. Do đó, khi đoán thời tiết, nhất định phải căn cứ ngũ hành thuộc gì và suy vượng ra sao và tham khảo thêm nhật kiến, nguyệt kiến để định, như thế độ chính xác sẽ cao hơn.

II. ĐOÁN VỀ THỜI VẠN TRONG NĂM

Một người có vận hội tốt xấu, một quốc gia, một địa phương, một đơn vị cũng đều có vận hội tốt xấu. Gọi là tốt tức là đất nước thái bình, dân cư yên ổn, cả nước từ trên xuống dưới thuận hòa, hăng hái, mùa màng bội thu, cảnh sắc vui tươi. Gọi là xấu tức khó khăn nhiều, thiên tai lớn, làm hao tổn nhân tài vật lực.

1. Đất nước thái bình, dân cư yên ổn

Đất nước thái bình, dân cư yên ổn là tiêu chí quan trọng của năm vạn tốt. Đầu tiên phải xem khí quẻ vượng hay không, âm dương tương sinh tương hợp làm gốc. Trong "Hoàng kim sách" có câu : "Quẻ hưu tù, nước nhà suy thoái ; âm dương tương hợp thì mưa thuận gió hòa". Nên khi đoán thời vạn

trong năm, quẻ nội là nước mình, quẻ ngoại là nước khác. Quẻ nội vượng tướng là hình ảnh nước nhà cường thịnh ; hữu tù vô khí là hình ảnh suy thoái, gió thu quét lá cây. Âm dương tương hợp thì khí trời đất thông nhau. Trong quẻ giữa thế, ứng và sáu hào tương sinh tương hợp tức âm dương tương sinh tương hợp, tất nhiên là mưa gió thuận hòa, mùa màng tươi tốt ; tương xung tương khác thì nhất định khó khăn, thiên tai hạn, lụt, dịch bệnh... nhiều.

Hào đầu là vận vật : gặp sinh vượng, làm tài phúc là cát, gặp quan quĩ là hung.

Hào hai là nhân dân : tử tôn có phúc thần ở thì bốn mùa bình yên ; nếu quan quĩ chiếm thì gặp nhiều trắc trở.

Hào ba là huyện phủ quan lại : nếu sinh ra hợp thời sẽ có lòng yêu dân, tiếc việc ; nếu tử tôn ở sẽ chấp chính thanh liêm, chính trực vô tư ; nếu là quan quĩ thì tham ô hủ bại, tàn khốc bất nhân ; nếu huynh đệ động, tranh đoạt khác thế, thì hà khắc, thuế tạp nhiều nhưng dân.

Hào bốn là tế tướng : nếu gặp tử tôn sinh hợp hào thế, nhất định là quang minh lỗi lạc, chính trực vô tư, trị quốc có sách, yêu nước thương dân.

Hào năm là thiên tử : rất không nên động vì sẽ hình khắc thời thế, nếu động nhân dân sẽ bị khắc chế. Nếu gặp tài phúc, sinh ra hợp thời sẽ có nghĩa với nước, yêu dân. Không nên gặp "không", "không" là hữu danh vô thực. Hào năm gặp quan quĩ, gặp thái tuế thì đất nước gặp đại nạn, nhân dân gặp tai ương.

Hào sáu là trời : nên tĩnh, không nên "không". Động mà "không", năm đó sẽ nhiều quái dị, việc biến dị.

"Hào ứng" là trời, "hào thế" là đất. Nếu "ứng" khắc "thế" là năm vận không thuận, "thế không" là nhiều tai họa. "Ứng"

khắc "thê" là trời khắc đất, hai khí âm dương bất hòa, nên dương nhiên người và vật nhiều tai họa.

Sách "Hoàng kim sách" nói : "huynh quý đều vong, tất nó chủ về dân yên, nước thịnh trị". Trên kia đã nói, hào huynh đệ là thần kiếp tài, hoạn phá hoại, hào quan quý là nguồn gốc của hiểm họa tai ương. Cho nên khi đoán thời vận của năm, quẻ thượng tốt nhất là không nên có hào huynh đệ, quan quý, hoặc gặp đất "lâm vong tử tuyết". Như vậy sẽ không có tai họa về kiếp tài phá hoại. Nếu "huynh đệ, quan quý" gặp sinh vượng mà loạn động, thì tai họa vô cùng, không lường hết được. Người xưa có câu : "Quốc chính dân tâm thuận, quan thanh liêm dân tự yên". Sách "Doán dịch thiên cơ" viết : "Hào sáu không động, quẻ sẽ không sát, thiên hạ ca hát thái bình". Tức hào sáu tĩnh trong quẻ là không có "sát", "hại" thì nhân dân an cư lạc nghiệp, dương nhiên đất nước thái hòa.

2. Thiên tai

Hạn hán : quẻ mà gặp "tài lâm thái tuế" phát động, hào phụ mẫu đã không có khí lại còn bị khắc thì năm đó tất có hạn hán.

Lũ lụt : hào phụ mẫu "trì thể thái tuế" phát động, hào tử tôn lại suy nhược thì năm đó nhất định có lũ lụt. "Thù quý" phát động là có lũ lụt. Khi quẻ ngoại động, thì chỗ khác chìm ngập ; quẻ nội động thì chỗ mình thành sông. Nếu "thê" không bị khắc thì tuy ngập nhưng vô sự.

Giò bão : hào huynh chủ về gió. Nếu "huynh đệ" gặp thái tuế, năm đó sẽ nhiều gió. Nếu "huynh đệ" khắc "thê", tất sẽ có gió lốc. "Xà quý" động, cung tổn hóa "huynh", sẽ có gió khác thường.

Dịch sâu bọ : "quí" gặp "chu tước" động mà lại khác hào thể thì sẽ có nạn địa, sâu.

Mất mùa : gặp quẻ "Cầu trần quĩ trị thể" thì nhất định là năm mất mùa. Tài hóa huynh hoặc cùng động với "quí", cũng sẽ mất mùa.

Sấm dậy : Năm thái tuế lâm quĩ, động sẽ nhiều sấm, nhiều thiên tai. Xà quĩ động ở cung chấn, nhất định sẽ sấm khác thường, hoặc xuân thu không có mưa mà lại có sấm.

Nóng, rét : "Hào thủy" ở "địa không", mùa đông sẽ ấm ; hào thủy đóng ở từ địa, mùa hạ sẽ lạnh. Nếu vương động khác thể, mùa hè sẽ nóng, mùa đông sẽ lạnh.

Hỏa hoạn : "Hòa quĩ" phát đông sẽ có hỏa hoạn, nếu với "hào thể" không có quan hệ gì mà chỉ có quan hệ với "hào ứng" thì chung quanh có hỏa hoạn (tức là quẻ nội là chỉ chỗ mình, quẻ ngoại là chỉ vùng khác).

Sụt lở núi : Cấn là sơn. Nếu xà quĩ ở cung cấn động, nhất định sẽ có núi lở và đá bùn phun chảy.

Động đất : "Dương phục mà không thể xuất, âm bức mà không thể bốc lên, tức sẽ có động đất". Đó là nguyên nhân động đất. Nhưng dùng bát quái để đoán động đất như thế nào, thật rất khó. Hiện nay chỉ theo những điều viết trong "Hoàng kim sách" : "Xà quĩ đóng ở cung khôn mà lại động thì chủ về động đất, gặp kim thì có tiếng, có hình thì có nứt lở". Tai nạn động đất thiệt hại thường lớn, cho nên rất được coi trọng. Ta dùng bát quái để đoán động đất, tuy có ít ví dụ, nhưng để nói rằng động đất là có thể đoán được và cần phải nghiên cứu. Tôi cho rằng xà quĩ ở cung khôn động, không những chỉ quẻ khôn mà là chỉ cả tám quẻ của cung khôn.

Ban ngày bị tối : Xà quĩ động ở cung ly, là ban ngày bị tối, năm đó có những cái khác thường.

Nhật thực, nguyệt thực : Tử tôn hình hóa quan qui, hoặc quan qui động để hình hại, hoặc bị vắn thư xà khắc thì sẽ có nhật, nguyệt thực.

Giặc cướp : Qui còn thêm "huyền vũ" động và khắc thế, năm ấy tất có giặc cướp. Nếu lâm kim xung khắc tuế quân hoặc hào ngũ là mưu động, sẽ nhiều loạn bốn phương, phạm thương.

Bệnh tật : Thổ qui phát động, hoặc lâm bạch hổ, sẽ có dịch bệnh. Nếu khắc thế thì có nhiều người chết bệnh, có thể chế ngự được thì không thiệt hại.

Chiến tranh : Kim qui phát động, e có loạn binh đao, xung khắc hào ứng, sinh hợp hào năm là triều đình chinh phạt, thảo trừ. Nếu ở quê ngoại lại thuộc cung khác, khắc thái tuế là có nước ngoài đến xâm phạm. Nếu cả hai qui đều động, thì không phải chỉ có một nơi, hoặc hóa thành khắc trở lại, bị hào động của nhật, nguyệt khắc chế, thì tuy loạn nhưng không khó khăn. Nếu là hưu, tù động thì vẫn chỉ là bọn cướp, bọn giặc cỏ. Nếu cung khác khác là có nước ngoài đến xâm lăng. Cung khác là chỉ nước ngoài. Khi không có cung khác thì xem quê ngoại, nếu nó khắc cung gốc thì năm đó có nạn xâm lăng. Quê nội có ngoại sinh tức là sẽ có tin mừng.

Được mùa : Nếu tử tôn đắc địa, hào tài có khí và không bị "không", huynh xà suy nhược mà tĩnh, tất sẽ được mùa.

Muốn biết tình hình thiên tai thay đổi ở phương nào thì phải xem địa chi thuộc gì. Ví dụ tí thuộc bắc, mao thuộc đông.

Khi đoán thời vận của năm, thứ nhất có thể căn cứ thời gian gieo quẻ hay lác quẻ mà đoán ; thứ hai có thể căn cứ vào các hiện tượng dị thường phát sinh trong trời đất để đoán, hoặc lác quẻ để đoán. Sau đó căn cứ vào quẻ để đoán vận năm tốt xấu. Ví dụ : năm 1986, tháng 9, ngày 27 tôi

doán "sấm vang động cả trời đất". Năm 1986, 9h30 ngày 19 tháng 12 tôi doán : ở phương đông nam của Tây an xuất hiện "năm cái mặt trời", đều là căn cứ các hiện tượng khác thường để doán.

3. Doán động đất

Từ sau trận động đất Đường sơn năm 1976, mọi người vô cùng lo sợ về động đất. Nguyên nhân của động đất vô cùng phức tạp, khó doán được chính xác. Mấy năm lại đây vùng Tây nam và Tây bắc là thời kỳ hoạt động của động đất, cho nên vùng Tây an thường nổi lên những tin đồn động đất. Không ít người đã đến hỏi tôi về việc này. Để thăm dò về quy luật động đất và tích lũy kinh nghiệm, nên dù có người hỏi hay không, hoặc khi đưa tin sắp có động đất, hoặc giả thấy những hiện tượng khác thường có liên quan với động đất, tôi đều lập tức gieo quẻ để doán. Khi doán lấy động đất làm chủ, đồng thời doán cả năm vận. Doán những quẻ không có động đất thường ứng nghiệm nhiều hơn, quẻ có động đất ứng nghiệm 3 quẻ. Dưới góc độ thăm dò và tổng kết kinh nghiệm doán động đất, tôi xin liệt kê một số quẻ dưới đây để cung cấp bạn đọc tham khảo.

Ví dụ 1 : Giờ Thìn ngày 23/9/1987 (âm lịch là 1/8) thấy nói có động đất, tôi gieo quẻ doán khoảng thời gian nào sẽ có, được quẻ "hàng" của quẻ "Đại tráng".

LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG	LÔI PHONG HẰNG	LỤC THIÊN
Huynh đệ tuất thổ ..	Huynh đệ tuất thổ .. ứng	Huyền vũ
Từ tôn thân kim ..	Từ tôn thân kim ..	Bạch hổ
Phụ mẫu ngộ hỏa . thế	Phụ mẫu ngộ hỏa .	Phi xà
Huynh đệ thìn thổ .	Từ tôn dậu kim . thế	Câu trăn
Quan quý dân mộc .	Thế tài hội thủy .	Chu tước
Thê tài tý thủy ○ ứng	Huynh đệ sửu thổ ..	Thanh long

(1) Động đất : theo phương pháp cổ "Xà qui đóng tại cung khôn động sẽ có địa chấn", quẻ này "xà" không gặp "qui", hơn nữa "xà, qui" yên tĩnh, nên đoán là không có động đất. Tội cho rằng, xà là tiểu long, tuy chưa gặp qui mà động, nhưng long là đại xà. Đại xà lực càng to lại gặp thủy ở cung khôn động (quẻ Đại tráng thuộc cung khôn) tất có động đất.

Phương hướng động đất : Chủ yếu ở phía đông Bắc kinh hoặc Tây an, hoặc phía đông Trung Quốc có động đất. Phía tây nam Bắc kinh và Tây an có động đất. Nhưng không ngoại trừ Tây an cũng có động đất.

Cấp : Chỗ thứ nhất cấp 5 trở lên, cấp 6 trở xuống, chỗ thứ 2, cấp 6 trở lên, cấp 7 trở xuống.

Thời gian : Thời gian lâu nhất cách giờ gieo quẻ trong vòng 60 ngày, nhanh nhất trên dưới 15 ngày. Trong những ngày gần đây phải chú ý là : ngày 26/9, ngày 2/10, ngày 3/10. Tội ghi các kết quả này lên lịch.

(2) Niên vận : (Từ tháng 9/1987 đến cuối 1988)

a) Quẻ ngoại và quẻ nội tương khắc, quẻ dụng khắc quẻ thể. Hào thể và hào ứng tương khắc. Hào sáu vượng tương xung khác, lại thêm huynh đệ đều ở quẻ thượng, quan qui lại được hào động sinh, do đó từ lúc gieo quẻ đến năm 1988 Trung quốc có nhiều thiên tai, gây nhiều tổn thất to lớn về nhân lực, vật lực.

b) Hào phụ mẫu là thần gian khổ, lại hóa phụ mẫu, nên chú về cảnh nhân dân lao khổ vất vả. Lại huyền vũ vượng lâm tài, nên giặc cướp nhiều và lộng hành.

c) Hào thể là ngộ hóa lại hóa hòa, trong quẻ thủy động sinh mộc, mộc sinh hỏa, nên năm 1988 ở phía nam Bắc kinh và Tây an nhất định nhiều hỏa hoạn.

d) Hào đầu là tý thủy lại lâm nhật vượng, nguyệt kiến sinh nên từ tháng 5 đến tháng 7, 8 năm 1988 nước ta về phía Bắc nhất định có nạn lụt.

e) Kim thổ cần phạt, nay cần động, nên vùng bên ngoài (nước ngoài) ở phương Tây Bắc nước ta nhất định sẽ xảy ra việc cần phá.

g) May là hào năm, hào tử tôn thân kim hóa thân kim, lâm nguyệt kiến vượng, lại được hào sáu tuất thổ sinh, nên tuy tai nạn nhiều nhưng ít thiệt hại.

Căn cứ vào tình hình đoán động đất ở trên, lúc đó tôi đã đến văn phòng của Bộ môn Địa chấn nơi tôi làm việc báo cáo với Dương Hồng Bình, biết ngày giờ và nói phía Tây nam có thể có động đất, hơn nữa những ngày gần đây còn có thể xuất hiện những sự kiện khác bất lợi. Lúc đó ông ta đã ghi chép và báo cáo lên Văn phòng địa chấn của thành phố Tây an. Cục trưởng họ La đã hội báo và nói rõ đây là dự đoán theo bát quái của tôi.

(3) Tình hình ứng nghiệm

a) Ngày 26/9/1987 ở Tây tạng đã động đất $5,3^{\circ}$. Ngày 2 và 3 tháng 10 năm 1987 phía đông Trung quốc ở Đào Saway (Mỹ) đã phát sinh động đất $6,2^{\circ}$. Ngày 2 và 3 tháng 10 năm 1987 ở vùng Tây tạng người thiểu số ra phố biểu tình. Do đó Văn phòng Địa chấn của thành phố rất kinh ngạc trước kết quả dự đoán của tôi. Từ tháng 9 năm 1987 trở về sau nước Mỹ và I-Răng (phương tây Bắc Trung quốc) đã nổ ra cuộc chiến tranh Địa trung hải.

b) Thiên tai : Năm 1988 ở nhiều vùng trong nước ban đầu hạn hán về sau ngập lụt. Lụt ở phía Bắc tương đối nghiêm trọng. Ngày 6 tháng 11 năm 1988 Văn nam động đất từ cấp 7 trở lên. Tháng 11 năm 1988 Liễu châu Quảng tây bị lụt, tiếp đó là nạn cháy rừng, tàu hỏa đâm nhau, chìm tầu biển,

dịch bệnh, sâu phá hoại mùa màng. Tóm lại năm 1988 Trung quốc thiên tai rất nghiêm trọng, lương thực giảm sút, chết người v.v... Tất cả những sự việc này mọi người đều biết rõ.

(4) Đoán quẻ

a) Quẻ gặp cung khôn, long ở cung khôn động, sẽ có động đất.

b) Phương của vùng động đất : Quẻ thể là chấn mộc, quẻ dụng là càn kim, kim động khắc chấn mộc, nên có động đất ở phía đông. Động đất ở Tây tạng ứng vào hào hai dẫn mộc, hào qui được hào động của tí sinh. Ngày 26/9 là ngày Mậu dần, qui lâm nhật kiến, vương địa, có thể là Dân, là Đông bắc động làm xung động phương khôn, cho nên Tây tạng có động đất.

c) Cấp động đất : vì chấn mộc ở suy địa, nên cấp động đất không lớn. Chấn bốn, càn một, cả hai cộng lại là năm, năm thêm hào động 1 là sáu. Cho nên cấp sẽ không nhỏ hơn năm và không vượt quá 7.

d) Vì sao ngày 26/9, ngày 2, 3 tháng 10 phải chú ý ? Ngày 26/9 là ngày Mậu dần, vì dẫn mộc lâm nhật kiến mà vương, lại được tý thủy của hào động sinh, cho nên vương thì lực mạnh tất khắc thổ, thổ bị khắc tất động, động tất sinh địa chấn. Ngày 2 tháng 10 là ngày giáp thân, ngày 3 là ngày ất dậu, đúng là càn kim, thân kim, dậu kim lâm nguyệt kiến, nhật kiến vương địa, khắc chấn mộc, cho nên phía Đông nước ta phát sinh động đất. Vì số của quẻ chủ và quẻ biến, cả hai quẻ là 15 cho nên trong vòng 15 ngày sẽ phát sinh.

e) Phương Tây nam sắp phát sinh những việc bất lợi, bây giờ được biết ở vùng Tây tạng các nhà Tăng sư đã ra phố làm nào động, là vì từ tôn thân kim là người theo đạo, thân kim hỏa thân kim lại lâm nhật nguyệt vương địa, cho nên đã xảy ra sự kiện đổ máu ở ngoài phố giữa những người dân

thiếu số và Hòa thượng. Việc này rất mau bình thường trở lại, nguyên nhân là hào bốn ngộ hỏa hóa ngộ hòa, nên đã khác chế thân kim.

Ví dụ 2 : Giờ Tuất ngày 1/8/1988 có tin truyền ở Tây an có động đất, tôi đã gieo quẻ được quẻ "Minh di" của quẻ "Phục"

1988	Tháng 6	Ngày 19	Giờ Tuất
Mậu thìn	Kỷ mùi	Mậu tý	Nhâm tuất
ĐỊA CHẤN PHỤC	ĐỊA HÒA MINH DINH	LỤC THẦN	
Tử tôn dậu kim ..	Tử tôn dậu kim ..	Bạch hổ	
Thê tài hợi thủy..	Thê tài hợi thủy..	Phi xà	
Huynh đệ sừ thổ .. ứng	Huynh đệ sừ thổ .. thế	Cầu trăn	
Huynh đệ thìn thổ ×	Thê tài hợi thủy .	Chu tước	
Quan quý dẫn mộc ..	Huynh đệ sừ thổ ..	Thanh long	
Thê tài tý thủy . thế	Quan quý mao mộc . ứng	Huyền vũ	

1) *Địa chấn* : "Phục" là quẻ của cung khôn, tuy không có xà qui động ở cung khôn, nhưng quẻ thế là khôn thổ, quẻ dụng là chấn mộc mà khác khôn, khôn địa ở trên, chấn mộc ở dưới nên dưới đất động mà có chấn. Trong quẻ long xà yên tĩnh, nhưng hào ba huynh đệ Thìn thổ lâm Thái tuế, thìn là róng, động ở cung khôn, cũng là tượng động đất.

Phương hướng động đất : Quẻ dụng là phương khôn, chấn mộc khác, nên địa chấn ở phương Tây nam.

Cấp độ : Quẻ lâm nguyệt kiến vượng địa, nên cấp cao.⁽¹⁾ khôn là 8, trên dưới cấp 8⁽²⁾ : $8 + 4 + 3 = 15$, 15 chia 2 = 7,5 tức là cấp 7,5.

Thời gian : Thìn là thái tuế, là thìn thổ, động mà xung tuất thổ. Tuất là 9 nên thời gian động đất có khả năng nhiều

vào tháng 9. Do đó tôi đã ghi vào sổ là : "Nếu tháng 9 động đất cụ thể là mồng 5, mồng 6, 17, 18, 23, 28 và 29.

2) *Niên vận :*

a) Huynh đệ, quan quý cả hai hào đều ở quê thượng, quan quý lâm hào hai là tượng không cát. Huynh đệ chủ về tai họa kiếp tài, cho nên Trung quốc từ đó trở đi sẽ tổn tài.

b) Huynh đệ chủ về gió, thìn là rồng, nên nhất định có nạn gió bão. Trong quê thủy nhiều, là gió mưa xen lẫn.

c) Thìn là phương đông nam, cho nên vùng đông nam của Bắc kinh hoặc Tây an sẽ có thiên tai mưa gió.

d) Động mà khác thế nên nhanh. Quê chủ có số là 12 nên trong vòng 12 ngày sẽ có nạn mưa gió.

e) *Ứng nghiệm :*

3) *Ứng nghiệm*

a) Ngày 6/11/1988 tức ngày 27/9 âm lịch vùng núi Côn lôn xảy ra động đất. Ngày 7/11 tức giờ thìn ngày 28/9 âm lịch, Văn nam động đất cấp 7 trở lên. Ứng tháng thìn tuất tương xung là ngày 28/9 âm lịch.

b) Ngày 7 đến ngày 10 tháng 8/1988 huyện Lam diên, tỉnh Thiểm tây và thành phố Hàng Châu, tỉnh Triết giang đều bị nạn mưa to gió lớn, gây ra những tổn thất về người và của.

Ví dụ 3 : Giờ Hợi ngày 5 tháng 12 năm 1987 ngài Ngô Hán Thu của đơn vị tôi công tác nói : Trước cuối năm có thể có động đất, nhờ anh đoán xem. Tôi đã căn cứ thời gian lấy quẻ, và phương pháp lắc quẻ để đồng thời đoán được quẻ như sau :

QUẺ GIÊU "TIÊU SỨC	LỤC THẦN	QUẺ LẮC "TIÊU QUÁ"
Huynh đệ mao mộc .	Thanh long	Phụ mẫu tuất thổ ..
Từ tôn tị hỏa .	Huyền vũ	Huynh đệ thân kim ..

Thê tài mùi thổ . ứng	Bạch hổ	Quan qui ngo hòa . thê
Thê tài thân thổ ○	Phi xà	Huynh đệ thân kim .
Huynh đệ dẫn mộc .	Câu trăn	Quan qui ngo hòa .
Phụ mẫu tí thủy . thê	Chu tước	Phụ mẫu thìn thổ × ứng

"Quê tiểu súc phi xà lâm long thổ mà động, là xà long đều động. Quê tiểu quá cũng là thìn thổ long động, nhưng quê chưa gặp cung khôn. (Tác giả chú giải : "Phong thiên tiểu súc" ở cung tốn, còn quê "Lôi sơn tiểu quá" ở cung Đoài).

Tôi xem cả hai quê đều là Thìn thổ động, là xà long cùng động tức là nói : trước khi hết năm không có động đất, năm 1988 là năm Thìn có khả năng động đất. Quả nhiên đúng như thế. Đoán không có động đất phần nhiều là đúng, ở đây không nêu thêm ví dụ nữa.

Quê "Đại trảng" và quê "Phục" đoán động đất rất ứng nghiệm. Do số ví dụ thực tế không nhiều nên ở đây không đưa ra kết luận, nhưng tối thiểu cũng có thể nói dùng bát quái để đoán địa chấn có giá trị tham khảo đáng được nghiên cứu. Khi quê gặp cung khôn, lại gặp xà động thì có động đất. Long xà đóng ở cung khôn động, hoặc long lâm thái tuế ở cung khôn động thì sẽ chủ về động đất. Tuy có long xà trong quê động, nhưng không gặp cung khôn thì không có động đất. Ngày nay dùng bát quái để đoán cấp độ động đất, thời gian và phương vị động đất, có thể tìm ra manh nha, mấu mống. Nhưng làm sao để dự đoán được địa điểm xa hay gần thì rất khó.

Ngoài ra, giờ Tuất ngày 2 tháng 7 năm 1988 tôi đoán động đất được quê "Phù" của quê "Quan". Đoán phương Tây nam của Tây an bị khác, sẽ có việc không ổn, vì tốn mộc khác khôn thổ là có địa chấn. Lại đoán tháng 12 âm lịch năm 1988

và tháng giêng tháng 2 năm 1989 ở Phương Tây nam, Tây và Tây bắc của thành phố Tây an còn phát sinh động đất. Tháng 12 âm lịch năm 1988 ở vùng tây thành phố Tây an hướng về phía Liên Xô đã phát sinh động đất. Lần động đất này tuy thời gian đoán đúng, phương hướng cũng đúng, nhưng là thuộc về nước ngoài. Tôi cho rằng lần động đất này có khả năng là lần động đất thuộc tháng 12 tôi đã nói.

Bát quái dùng làm công cụ dự đoán thông tin đã có lịch sử mấy nghìn năm. Thực tế đã chứng minh tiết kiệm sức người, sức của lại thuận tiện, không cần phương tiện gì khác, độ chuẩn xác lại nhanh và cao. Nếu chúng ta kết hợp với các thiết bị khoa học hiện đại để cùng dự đoán, từ đó tổng hợp các tin tức lại thì sẽ vô cùng lợi hại, nó sẽ cống hiến to lớn cho công cuộc kiến thiết đất nước, tác dụng của nó sẽ không lường hết được.

Chương 15

VẬN HẠN CUỘC ĐỜI

I. LẤY QUÊ NGÀY GIỜ SINH ĐỂ ĐOÁN CUỘC ĐỜI

Trời đất có âm dương ngũ hành chế hóa, một năm chia làm 4 mùa : Xuân, Hạ, Thu, Đông. Người có tứ trụ : năm, tháng, ngày, giờ, vân tay, tướng mặt. Mỗi thứ làm chủ một việc để định sự vượng suy của vận hạn. Song cuộc đời của con người sẽ như thế nào trên tượng quẻ ? Từ xưa đến nay lấy đoán vận hạn cuộc đời gọi là "chiêm thân mệnh". Phương pháp có khác nhau, bàn luận rất nhiều, có cái dùng phương pháp lắc quẻ để đoán, có cái dùng phương pháp gieo quẻ để đoán. Trải qua lâu đời tranh luận không ngừng, đến nay vẫn còn tiếp tục tranh luận.

Để giải quyết phương pháp dùng bát quái đoán vận hạn, tôi đã căn cứ vào nguyên lý gieo quẻ theo năm, tháng, ngày, giờ của Thiệu Khang Tiết để đoán vận hạn. Số của năm tháng ngày giờ đã hàm chứa trong đó thời gian, không gian, phương hướng ; trong số đồng thời cũng chứa toàn bộ tin tức lúc ra đời của một con người. Do đó phương pháp gieo quẻ theo năm tháng ngày giờ sinh để đoán vận hạn của cuộc đời là có căn cứ lý luận. Lấy quẻ để đoán việc, khi lấy quẻ theo năm tháng ngày giờ sinh, số năm của nó phải cộng thêm số địa chi của lưu niên, khi đoán vận hạn cuộc đời dùng cách cộng thêm số địa chi của năm sinh thấy không đúng, sau đó qua nghiên cứu, lúc lấy quẻ phải dùng phương pháp cộng thêm số thiên can của năm sinh. Qua nhiều lần thử nghiệm cuối cùng thấy dùng phương pháp gieo quẻ có cộng thêm số thiên can năm

tháng ngày giờ sinh thì dự đoán vận hạn sẽ đúng. Điều đó đã bổ sung vào chỗ trống của nước ta, dùng quái tượng để đoán vận hạn cuộc đời.

Vì sao cộng thêm số chi của năm đoán không đúng mà chỉ có cộng thêm số can của năm đoán mới đúng ? Tuy nguyên nhân chưa rõ, nhưng tôi cho rằng có thể đó là vì với con người, thiên can tứ trụ được dùng để làm căn cứ đoán vận hạn.

Thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý. Nhiều năm lại đây tôi đã dùng phương pháp gieo quẻ theo năm tháng ngày giờ sinh để đoán vận hạn cuộc đời. Đã lấy cho hàng nghìn trường hợp, nói chung các việc lớn đều đoán đúng.

Dưới đây cử mấy ví dụ :

Tháng 7/1985 đoán vận hạn cho một nghệ nhân nổi tiếng toàn quốc. Trường hợp này là bạn tôi đưa đến, tôi không quen nghệ nhân ấy.

Năm 1940	Tháng 12	Ngày 26	Giờ Thìn
Canh Thìn	Kỷ Sửu	Tân Mùi	Nhâm Thìn

$$7 + 12 + 26 = 45 ; 45 + 5 = 50$$

Là quẻ "Ích" của quẻ "Trung phù"

PHONG TRẠCH TRUNG PHÙ	PHONG LÔI ÍCH	LỤC TIỀN
Quan qui mao mộc .	Quan qui mao mộc . ứng	Phi xà
Phụ mẫu tị hòa .	Phụ mẫu tị hòa .	Câu trăn
Huynh đệ mùi thổ . thế	Huynh đệ mùi thổ ..	Chu tước
Huynh đệ sửu thổ ..	Huynh đệ thìn thổ .. thế	Thanh long
Quan qui mao mộc ○	Quan qui dần mộc ..	Huyền vũ
Phụ mẫu tị hòa . ứng	Thê tài tị thủy .	Bạch hổ

Quẻ này thuộc thổ của cung cấn, lâm thổ của năm tháng ngày giờ nên là quẻ vượng thân vượng. Hào thể là mùi thổ, lâm nhật kiến vượng địa lại được hào ứng tị hỏa sinh, cũng là thân vượng. Phụ mẫu là văn thư, hai hào phụ mẫu lập lại sinh thể, chu tước văn thư lại gặp thể sinh thân, nếu vào văn đồ tất sẽ thành danh to lớn.

"Hào năm sinh thể, đường thanh vân bằng phẳng" (theo sách "Tàng san bốc dịch"). Năm 1965 là năm Ất tị nhất định sẽ có tin mừng về mặt văn bằng.

Trong quẻ hào huynh đệ vừa trùng lập lại vừa tri thể, lại là huynh đệ hóa huynh đệ tất sẽ có tai nạn kiếp tài khác thể. Năm 1973 là năm Quý sửu đã gặp đau khổ ly hôn, nên thể tài tỵ thủy tác hợp với Sửu.

"Tượng" nói rằng : "Quân tử lấy tù đày để làm chậm cái chết". Trong quẻ hai lần gặp lại quan quý, động mà khác thể nên không tốt, lại còn chu tước lâm thân, tất có họa kiện nhau do nói năng cái vớ.

Trong quẻ Sửu mùi tương xung tương hình, năm 1970 là năm Canh tuất đã mắc phải ba hình phạt, nên năm đó bị sự đau khổ lao dịch.

Năm 1975 là năm Ất mão, vì quan quý lâm thái tuế khác thể nên từ chỗ chết trong trại giam thoát ra. Năm 1978 là năm Mậu ngọ, Ngọ hỏa sinh thể hợp thổ, cuộc đời lao dịch kết thúc ra khỏi ngục được tự do.

Người bạn đến hỏi đã kinh ngạc vô cùng, nói tôi đoán đúng như người nhà. Ông ta nói người ấy là một nhà văn nổi tiếng toàn quốc, nguyên là một công nhân, ngày 1/5/1965 ở Trung Nam Hải đã được các nhà Lãnh đạo Nhà nước như Chu Ân Lai tiếp kiến. Năm 1970 vì Cách mạng Văn hóa nên bị ghép là phản cách mạng bị bắt giam. Năm 1978 được phóng thích.

Năm 1973 vì người này ngồi tù nên vợ đã ly hôn, năm 1975 bị bệnh cấp cứu trong ngục hai lần bị mổ, tý nữa thì chết.

Cách gieo quẻ theo năm tháng ngày giờ để đoán vận hạn cuộc đời thực tiễn đã chứng minh là đúng. Nhưng nó cũng giống như tứ trụ của một người, cũng giống vân tay và tướng mặt đều chưa phải đã hoàn toàn đầy đủ mà còn một số chỗ còn thiếu. Như cuộc đời một người có những sự việc mà tứ trụ, vân tay, tướng mặt không thể hiện ra đầy đủ được. Có những việc trong tứ trụ không có, nhưng trong vân tay, tướng mặt, trong quẻ lại có thể đoán ra và nhìn ra được. Có những cái trên vân tay và tướng mặt không có, nhưng trên quẻ và trong tứ trụ có thể đoán ra. Có những cái trong quẻ không có, nhưng trên tứ trụ, vân tay, tướng mặt lại có thể đoán ra được và nhìn thấy được. Tóm lại mỗi phương pháp đều có sở trường, sở đoán của nó. Mọi người nên dùng các phương pháp này để kiểm nghiệm.

II. ĐOÁN VẬN HẠN CUỘC ĐỜI

Đoán vận hạn cuộc đời, sau khi đã thành quẻ, đầu tiên phải xem tướng quẻ, xem kỹ hào quẻ Sách "Đoán dịch thiên cơ" nói : "Quẻ vượng không bằng hào vượng". Quẻ là đại tượng, Đại tượng cát thì cát, Đại tượng hung thì hung. Cho nên người có tướng quẻ cát, thì như đế trụ, người có tướng quẻ hung mà gặp khác thì càng hung. Quẻ vượng được hào cát vượng thì lúc là đã tốt càng thêm tốt.

Hào thể là gốc của cả cuộc đời, hào ứng là hào liên kết chặt chẽ với hào thể.

Hào thể là chủ của một quẻ, là cơ bản của một con người, là cái chỗ cát, hung, họa, phúc đóng. Hào thể vượng tướng, lâm nhật, nguyệt, hào động sinh phù, hào ứng sinh hợp thì

như thân thể cường tráng, có thể để kháng bệnh tật bên ngoài xâm nhập. Nếu gặp được thiên át quý nhân, trạch mã hoặc sự phù trợ của thần cát, lại không bị hung sát hình khác làm hại thì không những đã cát thêm cát mà tiến độ rất to lớn. Còn nếu hào thể gặp tuần không, hưu tù, tử tuyệt, bị ác sát hình xung khác làm hại, lại không có thần cát giải cứu, thì không những hung nhiều, cát ít mà việc nào cũng không thành.

Hào ứng là thê (vợ), nếu gặp quý nhân, thanh long v.v... tức thần cát sinh thế hợp thế tất sẽ được hiển thế giúp đỡ chung sống trăm năm, nếu hào ứng lâm vào hàm trì, huyền vũ v.v... hung sát hình khác hào thể thì vợ sẽ lẩn át chống, đả loạn mà sinh ly biệt.

Hào thế và hào thê tài phúc vượng, tất giàu có và sống lâu. Hào thế như thân con người, hào tài là gốc để nuôi sống, tử tôn là ngọn của cái, là gốc của phúc lộc. Cho nên cả ba hào : hào thế, hào tài, hào tử tôn đều không bị tổn thương thì nhất định người đó giàu và thọ.

Hào thế, hào tài, cả hai đều vượng, mà hào tử tôn không vượng tất sẽ là người giàu trước nghèo sau.

Hào thế không vượng nhưng có khí, còn tài và phúc cả hai đều vượng, lại gặp thời kỳ sinh vượng, tất sẽ phát, tức là nhà đó trước nghèo sau giàu.

Hào thế không vượng, mà hào tử tôn và hào tài cả hai đều vượng là người nghèo nhưng nhiều nhà cửa.

Hào thế, hào tử tôn cả hai đều vượng, mà hào tài không vượng, là người không có của nhưng lại có phúc. Người đó phần nhiều gặp may, sự nghiệp thành đạt, không phải phần dẫu mà chỉ biết hưởng thụ, hoặc đem của nhờ người khác

quản lý, sáng nay có rượu sáng nay say, cho dù ngày mai uống nước là.

Tài và phúc cả hai hào đều vượng, mà hào thế vô khí là tượng không tốt, tuy có ăn có mặc, nhưng cũng khó qua ngày, không phải là ngọc thì là diếc, cảm, luôn luôn bệnh tật, hoặc gian lận thô tục.

Hào thế hưu tù tử tuyệt, mà hai hào tài, phúc đều vượng đó là điểm đại hung, tuy trong nhà có vạn quan nhưng đoán thọ.

Hào thế, hào tài, hào tử tôn cả ba đều vô khí, hoặc gặp tuần không bị mộ tuyệt, động mà biến thành hung là người không có cơm ăn, áo mặc.

Hào thế đắc địa mà hào tài, phúc lại thất tán thì người ấy thân thể khỏe mạnh, có tiểu mưu, khéo léo, cũng có thể sống được qua ngày.

Hào thế, hào tài cả hai có khí, mà hào phúc không có khí, người ấy tuy không tích trữ nhưng trong tay thường không thiếu tiền hoặc là người thay quyền người khác quản lý tiền bạc.

Hào thế ở không địa, thì suốt đời làm việc gì cũng hỏng. Đoán vận của cuộc đời sợ nhất là hào thế rơi vào tuần không, người như thế chỉ có tay không, không làm nổi việc gì. Cho nên xưa có câu : "Hào thế rơi vào tuần không thì suốt đời khó khăn, hào ứng rơi vào tuần không thì về sau luôn gặp tai nạn. Hào thế và hào ứng rơi vào tuần không thì luôn lo lắng do dự, nếu cả hai đều động thì phải xem thêm âm dương. Hào thế động nếu là Nam thì bị thương tổn, hào ứng động nếu là Nữ thì gặp tai ương". Hào thế rơi vào tuần không lại lâm vượng thì không phải là không. Không mà động thì không

phải là không nữa, gặp nhật kiến. hào động sinh cũng không phải là không, nhật kiến xung cũng không phải là không.

Hào thế nhập mộ, suốt đời nhiều khó khăn. Hào thế nhập mộ lại hưu tù vô khí, người gặp phải như thế thì không gốc cũng dần, suốt đời tai họa.

Hào thế suy mà gặp phù trợ, là người có phù trợ. Hào thế không có khí mà được nhật, nguyệt, hào động phù thì cả cuộc đời có người giúp đỡ, tất gặp quý nhân để bat mà được phúc.

Hào thế phùng thái tuế, nguyệt, nhật kiến thì cả đời có người giúp, là người được vua chúa thương yêu hoặc quý nhân để bat trọng dụng, được ý lãnh đạo, được quần chúng ủng hộ. Thái tuế lâm hào năm mà sinh thế thì đó là thiên tử. Còn nếu hào thế có khí và đắc địa, nhưng bị nhật, nguyệt một cái xung khắc, thì sẽ bất hòa với đồng nghiệp, thường bị phỉ báng. Nếu bị hào năm thái tuế xung khắc, người như thế, nhẹ ra thì bị quan trường lãng nhục, thân bằng đổ kỵ, nặng ra thì mang tai họa vì quan, khổ sở khó nói.

Hào mẫu tri thế : Ngày xưa gọi hào phụ mẫu là thần gian khổ, tri thế là cả đời gian khổ vất vả. Nhưng cần phải phân biệt vượng suy sinh phù cho rõ để đoán. Hào phụ mẫu được tri thế, trong quẻ không có người phù trợ, thì đó là người gian khổ bần tiện. Nếu được đất vượng, lại được hào động của nhật nguyệt sinh phù, thì không thể đoán người ấy là gian khổ bần tiện. Hào phụ mẫu là văn thư lại ở vượng địa lại được nhật, nguyệt, hào động sinh hoặc quan vượng tri thế thì người ấy không những thọ mà trên mặt văn thư, nghệ thuật nhất định sẽ có những thành tựu lớn. Hào phụ mẫu vượng không sợ hào tài khắc nhưng không lợi cho hào tử tôn. Còn nếu trong quẻ không có hào tử tôn, hoặc tử tôn vượng lại còn được sinh thì cũng không có gì trắc trở.

Hào tử tôn tri thế : Hào tử tôn là thần phúc, là thần chế ngự quan quỉ cho nên tri thế thì suốt đời không phạm hình

quan, tất cả mọi tai họa đều qua khỏi. Hào tử tôn tri thế nhưng cô, không có phù trợ, không có tài, hoặc hào tài thất tán đó là người nếu không đi ra làm quan thì cũng là hàn sĩ thanh cao. Tử tôn tri thế thì bất lợi cho cấu quan là đúng, nhưng không phải tuyệt đối không có danh tiếng gì. Nếu hào tử tôn được nguyệt kiến sinh, lâm nhật kiến lại được hào năm (quân vương) động sinh ra, động hóa sinh trở lại thì không những có danh mà danh tiếng không nhỏ ngay từ khi chưa làm quan. Người như thế trong thực tế đã có.

Hào quan quý tri thế : Ngày xưa có câu : Trong mệnh không có quan quý thì khó mà được quan tinh tri thế.

"*Sinh thế*" : Quan tri thế vượng mà được nhật, nguyệt, hào động sinh tất việc làm quan sẽ hanh thông. Nếu lại được hào năm (quân vương) sinh thì càng nhẹ nhàng, dễ thành đạt, đó là hình ảnh ung dung bước lên trời. Quan quý tri thế, nếu gặp hưu tù tử tuyệt, lại không có thần cát sinh trợ, thì không những là không được làm quan mà suốt đời không yên ổn, không bệnh tật liên miên thì cũng thân tàn bất lợi. Nhưng quan tinh vượng, tất khác huynh đệ. Cho nên phạm người đại quan, hầu như anh em không còn hoặc kèm theo tàn tật.

Hào thế tài tri thế : Tài là nguồn dưỡng mệnh, người không thế không có tài (của). Hào tài tri thế, lại được nhật, nguyệt, hào động và hào tử tôn sinh, tất là điểm vinh hoa phú quý. Nhưng hào tài vượng quá thì sẽ thương khắc đến phụ mẫu, hoặc phụ mẫu khó còn. Người hào tài nhiều thường hôn nhân không thuận, đó là cái cố nhiều vợ.

Hào huynh đệ tri thế : Trước đây đã nói qua huynh đệ là thần của kiếp tài, là cái nạn phá tài, khắc vợ, tổn của, người nhiều hôn nhân khó mà giàu có. Nhưng người mà hào huynh đệ vượng thì nghèo nhưng hiếu nghĩa, phần nhiều là khéo tay, khéo chân, nhanh ý, ít bệnh. Nếu được nhật nguyệt làm hào tài hợp thế thì giàu nhưng kiêu ngạo. Huynh đệ

vượng lâm bạch hổ, phi xà, huyền vũ là gian ác, lừa đảo, gặp câu trần, huyền vũ là người lưng mang, vai vác, thấp hèn, nếu suy mà còn bị khắc thì bệnh nhiều và hay cãi cọ.

Thanh long trì thế : hỷ lâm môn, là người từ bi, hòa nhã. Người thanh long khắc thế là đau khổ vì tẩu sắc, đau lưng mới gối.

Chu tước trì thế : vượng mà sinh thế thì nhất định về mặt văn thư có tin mừng, nhưng tính nóng, gặp bệnh tật hay những điều rắc rối là hay lo nghĩ, đau đầu.

Câu trần trì thế : là người chắc chắn, hành động chậm. Câu trần khắc thế là chủ về nạn tù đày, lòng phát buồn.

Phi xà trì thế là người hay nói suông, nhiều mưu kế, hay nghi ngờ, gặp bệnh hàn, nhiệt hay mê sảng.

Bạch hổ trì thế : là người cứng cỏi, dũng mạnh. Bạch hổ khắc thế là chủ về những điều làm sai trái, hay gặp những bệnh về phổi.

Huyền vũ trì thế là trộm cướp mờ ám, là người gian hùng. Khi gặp thần cát thì lành, hay gặp các bệnh thuộc hàn, phong thấp.

Đoán vận khí cuộc đời quẻ nên là lục hợp, không nên lục xung. Gặp quẻ hợp thì cát, là người hòa khí, việc hay thành công, việc nào cũng thông suốt, có chí lập nghiệp. Gặp quẻ lục xung thì xấu, việc có đầu mà không có đuôi, ít thành đạt. Nếu hàm trì mà hung sát lâm thế thì xuất thân tất nhiên yếu kém. Trạch mã quý nhân lâm thế thì nhất định giàu có cao sang. Hào thế mà không gặp nhật thin, hào động sinh phù mà vẫn vượng thì người đó phần nhiều là tay không dựng cơ đồ. Người ta không có ai hoàn hảo cả. Do đó trong một quẻ không thể nói hết được. Cho nên khi gặp quẻ sáu hào ở mức trung bình là được lắm rồi.

Chương 16

HỌC TẬP, SỰ NGHIỆP

I. ĐOÁN VỀ HỌC TẬP, THI CỬ

Văn hóa là chìa khóa để bước vào ngưỡng cửa khoa học. Sự nghiệp văn hóa phát triển là thước đo tiến bộ và văn minh của một đất nước, của một dân tộc. Do đó sự phát triển của sự nghiệp văn hóa và đào tạo là rất khó khăn. Đoán về kết quả học tập lại càng khó khăn hơn. Vì vậy không ít người đã yêu cầu mở rộng việc nghiên cứu dùng bát quái để đoán việc học tập. Kỳ thực từ tiền ta đã sớm dùng phương pháp bát quái để đoán về thi cử. Thực tiễn chứng minh rằng phương pháp dùng bát quái là sát đúng và có thể làm được. Nội dung chương này có thể gọi là học thuật dự đoán về thăng chức và thi cử.

1. Gặp thuận lợi trong thi cử

Người mà trong văn học nghệ thuật, hoặc khoa học kỹ thuật có những cống hiến to lớn tất phải là người có ba mặt : tài, quan, ấn đặc địa, đặc biệt là ấn không thể thiếu mà còn phải vượng, nếu được thời thì còn tốt hơn nữa. Tôi trong thời kỳ đi dạy đã từng tiếp xúc với hàng chục Giáo sư, trong tú trụ của họ không những đều có ấn mà ấn tinh còn đặc địa. Đối với những giáo sư mà ấn tinh đang thịnh, tôi nói với họ về mặt văn thư sắp có tin mừng, họ đều kinh ngạc nói rằng : Đúng tác phẩm của tôi sắp được xuất bản.

Dùng bát quái để đoán thi cử luôn luôn phải lấy quan ấn làm chủ. Ấn tinh của nó tức là hào phụ mẫu. Hào phụ mẫu

là ấn, là vân thư, hào quan quĩ là danh, là nguyên thần của hào phụ mẫu, cho nên khi đoán thi cử tất phải được phụ hưng quan vượng, động mà tương sinh, đó là một trong những nhân tố quan trọng để thi đỗ.

Phụ vượng quan hưng bằng vàng có tên : Hào phụ mẫu và hào quan quĩ vượng mà trì thế, lâm nhật, nguyệt kiến, hoặc được hào động, nhật, nguyệt sinh phù, động sẽ biến thành cát thì nhất định thi đỗ. Được sự phù trợ của nhật nguyệt, thì không sợ ác sát. Phụ mẫu quan tinh, hào thế nếu trong đó có một cái bị hào động khác, hoặc khác trở lại, nếu được ky thần của nhật, nguyệt chế thì kết quả thi nhất định phải vừa ý.

Nhật, nguyệt trợ phục nhất định sẽ đỗ cao : Hào thế vượng, hào phụ, hào quan một trong hai hào đó là phục tàng không hiện, nếu được nhật, nguyệt xung chế phi thần đưa ra phục thần thì nhất định bằng vàng phải có tên. Nếu hào quan và hào thế trong đó có một hào không vượng nhưng được nhật, nguyệt sinh phù thì cũng sẽ thi đỗ.

Thái tuế nhập quan tinh, nhất định sẽ được bằng vàng : Thái tuế là hào đế vương, thái tuế nhập quan, động mà sinh thế hoặc trì thế, nhất định sẽ liên tục có tên trong bằng vàng.

Nhật, nguyệt xung phi, nhất định thi đỗ : Nếu trong quẻ thiếu một trong hai hào quan hoặc phụ, thì phải xem thêm phục thần. Nếu phục thần vượng lại được nhật, nguyệt xung mất phi thần, sinh phù phục thần thì cũng nhất định đỗ.

Quan vượng có thể trợ phụ mẫu suy : Quan vượng sinh thế trì thế có thể trợ giúp được hào phụ mẫu, suy, sẽ đỗ.

Ứng hợp nhật nguyệt sinh thế, sẽ có sức mạnh giúp thi đỗ : Phụ mẫu và quan quĩ đều vượng mà hào thế không

vượng, nếu được nhật, nguyệt sinh trợ, lại được hào ứng động mà sinh hợp hào thể tất sẽ có khả năng để bật nâng lên.

Hào thể hóa quan quý là dăng khoa : Hào phụ mẫu vượng tướng mà hào thể hóa xuất quan tinh sinh trở lại, thì sẽ đỗ khoa giáp.

Tam vượng hóa tiến sẽ đỗ cao : Hào thể hưng, phụ mẫu quan quý cả hai đều vượng trong đó có một hào hóa tiến thì nhất định thi đỗ.

Long động sinh thể, song hỷ làm môn : Đây là tượng đại cát lại được long động sinh thể, nên không những có danh tiếng mà còn có tin mừng khác. Động không xuất ra khỏi không thì thấy tin mừng.

Hào tài động giúp hào quan, thì sẽ gặp may và thành danh : Hào phụ mẫu gặp không vong, nếu hào tài phát động sinh quan quý, thì có thể gặp may để thành danh. Hào tài và quan quý đều động, phụ mẫu tuần không thì không tốt.

Phúc biến quan quý, sẽ có tên trong danh sách : Quê chủ không có quan quý nếu được hào tử tôn biến ra quan quý sinh hợp hào thể, phụ mẫu có khí thì sẽ đỗ.

Quan tinh trạch mã sẽ đỗ cao : Quan quý và trạch mã tương sinh, tên mình sẽ được nêu danh phía trên.

Hào thể, hào ứng tương hợp nhất định sẽ thi đỗ : Hai hào thể, ứng nếu tương sinh tương hợp, tất nhiên đã thi là đỗ.

Long, hổ đều động sẽ dành được khôi nguyên : Hào thể vượng lại được long, hổ động để sinh thể hợp thể tất sẽ giành được bằng vàng. Nếu được hào quan, hào phụ trợ thể sinh thể thì càng tốt hơn nữa.

Tử tôn làm tuế quân (hào năm) : Tất có chí to, văn tài xuất chúng.

Tam hợp vô xung, bàng vàng báo tin mừng : Hào phụ, hào quan, hào thế hợp thành quan cục, phụ cục, lại không bị nhật, nguyệt xung phá, thì nhất định liên tiếp có tin mừng. Nếu hợp thành huynh đệ cục, lại gặp nhật, nguyệt sinh phù quan tinh, thì nhất định thi được như ý.

Quẻ gặp lục xung biến thành lục hợp thì nhất định sẽ đậu : Đoán thi kiêng kỵ nhất là quẻ lục xung, xung có nghĩa là tán. Nên lục xung biến thành lục hợp là sẽ có tên treo trước nhà.

Hào huynh đệ khác việc thi cử, hào tài là thần sát văn thư : Đoán đường thi cử kỵ nhất là huynh, tài vượng, tri thế. Nếu trong quẻ phụ mẫu và quan quý cả hai đều động lại mừng có hào huynh đệ tri thế để khống chế hào tài và quan, phù (cả hai đều vượng) hoặc quan quý động sinh phụ mẫu, phụ mẫu động sinh thế thì sẽ được khoa danh.

Phụ hưng thế vượng, lại được nhật, nguyệt, hào động sinh phù động mà hóa cát thì nhất định sẽ đỗ cao. Cả phụ và thế đều vượng nhưng không có sinh tướng, gặp sinh phù, không bị hình xung khắc phá thì đỗ thấp hơn. Phụ và thế cả hai đều vượng nhưng lại gặp hình xung thì còn thấp hơn nữa. Hào phụ xuất hiện không vượng, không suy, vô sinh phù cũng vô chế khắc, mà hào thế không bị xung khắc thì ở mức trung bình. Hào phụ và hào thế đều bị khắc thì thi sẽ kém. Quẻ được tiến thân là tốt nhất, quẻ được thoái thân là xấu. Quẻ mà gặp lục xung biến thành lục xung, hoặc sáu hào động lung tung, nhưng hào thế vượng thì còn ở mức trung bình. Nếu hào phụ mẫu bị khắc, hào thế hưu tù, bị khắc thì xấu, thi nhất định sẽ kém.

Ví dụ cổ : Ngày át tị, tháng thân đoán được quẻ "Đỉnh" của quẻ "Đại quá".

TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ

Thê tài mùi thổ ×

Quan qui Dậu kim ○

Phụ mẫu Hợi thủy . thế

Quan qui Dậu kim .

Phụ mẫu Hợi thủy .

Thê tài Sửu thổ .. ứng

HÓA PHONG ĐỊNH

Tử tôn Tị hỏa .

Thê tài mùi thổ .. ứng

Quan qui Dậu kim .

Quan qui Dậu kim .

Phụ mẫu Hợi thủy . thế

Thê tài Sửu thổ ..

Quẻ này quan tinh lâm nguyệt kiến, hào thế và hào phụ mẫu được nguyệt kiến sinh, nhật kiến xung là ám động, hóa quan qui sinh trở lại, là thân vượng văn vượng. Tuy tài động khác hào thế và hào phụ mẫu nhưng thê tài động sinh quan qui, quan động sinh thân, là liên tục tương sinh cho nên thi đạt loại ưu. Kết quả đúng như thế.

CẤN VI SƠN

Quan qui Dần mộc . thế

Thê tài Tý thủy ×

Huynh đệ Tuất thổ ..

Tử tôn Thân kim ○ ứng

Phụ mẫu Ngọ hỏa ..

Huynh đệ Thìn thổ ×

PHONG LÔI ÍCH

Quan qui Mão mộc . ứng

Phụ mẫu Tị hỏa .

Huynh đệ Mùi thổ ..

Huynh đệ Thìn thổ .. thế

Quan qui Dần mộc ..

Thê tài Tý thủy .

Quan tinh dần mộc tri thế, nhật kiến xung là ám động, hóa tiến thân, lại được nhật Thìn hội thành tài cục không những không khác thế ngược lại còn sinh thế, cho nên nhất định đỗ cao. Về sau quả đúng như thế.

Vi dụ ngày nay : Ngày bính Tuất, tháng Hợi đoán thi, được quẻ "cách" của quẻ "phong".

LÔI HÓA PHONG

Quan qui Tuất thổ ..

TRẠCH HÓA CÁCH

Quan qui mùi thổ ..

Phụ mẫu thân kim × thế	Phụ mẫu dậu kim .
Thê tài ngộ hỏa .	Huỳnh đệ hội thủy . thế
Huỳnh đệ hội thủy .	Huỳnh đệ hội thủy .
Quan quý sừ thổ .. ứng	Quan quý sừ thổ ..
Tử tôn mao mộc .	Tử tôn mao mộc . ứng

Phụ mẫu trì thế hóa tiến thần, nhật kiến lâm quan tinh mà sinh thế, cho nên càng thi càng đỗ cao, về sau đứng thứ nhất.

Ví dụ : Bác sĩ Lưu ở Công ty tôi muốn hỏi nửa năm sau con thi vào đại học được hay không, tôi gieo quẻ được quẻ "túy" của quẻ "tì".

Năm 1986	Tháng 2	ngày 25	Giờ dậu
Bính dần	Tân mao	Đinh sừ	Kỷ dậu
THỦY ĐỊA TÍ		TRẠCH ĐỊA TỬ	
Thê tài tý thủy .. ứng		Huỳnh đệ mùi thổ ..	
Huỳnh đệ tuất thổ .		Tử tôn dậu kim . ứng	
Tử tôn thân kim ×		Thê tài hội thủy .	
Quan quý mao mộc .. thế		Quan quý mao mộc ..	
Phụ mẫu tị hỏa ..		Phụ mẫu tị hỏa .. thế	
Huỳnh đệ mùi thổ ..		Huỳnh đệ mùi thổ ..	

Quan quý mao mộc lâm nguyệt kiến, vượng mà trì thế, lại hóa quan tinh, phụ mẫu ở vượng địa. Tử tôn kim ở tử địa, động hóa thủy là hình ảnh xạ khí, không những không phương hại gì mà ngược lại còn được thủy sinh quan tinh, nên năm nay nhất định thi đỗ. Về sau bác sĩ Lưu nhìn thấy tôi phấn khởi nói cảm ơn đoán rất tốt, con tôi đỗ đại học rồi.

2. Thi không thuận lợi

Hào thê tài là ky thần của hào phụ mẫu, hào tử tôn là ki thần của hào quan qui. Di thi kiêng nhất là hào thê tài và hào tử tôn vượng mà trì thế khác thế. Cho nên hai hào này không có trong quẻ là tốt nhất. Tử hung tài động là điều cấm : Tử động sẽ khắc quan qui, tài động sẽ làm tổn thương phụ mẫu, nếu là trì thế thì cho dù cố gắng cũng ưỡng công vô ích.

Hào thế rơi vào tuần không, phá, lại mộ tuyệt thì khó mà đạt được trong thi cử. Hào thế không, phá lại gặp đất mộ tuyệt, hoặc nhật, nguyệt, hào động xung, động mà biến hung thì không những khó đỗ mà còn gặp rắc rối khác nữa.

Phụ mẫu gặp thương tổn, di thi giữa đường bỏ cuộc : Phụ mẫu vượng tướng nếu hóa thành hưu tù, tuần không, phá, mộ tuyệt, hoặc khắc trở lại, hoặc bị xung khác thì giữa đường vì việc gì đó mà bỏ thi.

Tử tài cùng động, thì tên rơi mất : Hào tử tôn và hào tài cùng động, hoặc trì thế, quan qui, phụ mẫu bị khắc tất nhiên sẽ công không thành danh không toại

Lục hào loạn động, thì phí không giấy mực : Đoán quẻ đi thi không nên lục hào loạn động, loạn xung, nếu không thì khó mà đến được cổng trường.

Khi gặp hóa thoái thì dùng vào thi trường : Quan, thế, hào phụ nên hóa tiến, không nên hóa thoái, hào thế hóa thoái thì gặp giám khảo không tin. Hào phụ hóa thoái thì học vấn kém cỏi. Hào quan hóa thoái thì dù cố gắng cao đầu cũng không đỗ.

Hổ làm hào tài thì khó thi đỗ : Bạch hổ làm hào thê tài trì thế, hoặc trong quẻ tài động, hào phụ mẫu lại hưu, tù,

không, phá, tài vận hóa huynh, phụ động hóa tài thì đừng hy vọng gặp may.

Phụ quan không tri ngược lại còn sinh ứng, thì người khác được danh, mà mình không có lợi : Hào phụ và hào quan cả hai hào không đến để tri thế sinh thế, hoặc lâm ứng, hoặc phát động sinh ứng thì thi cũng vô ích.

Quan quý tuần không, phụ mẫu suy thì hãy chờ đến sang năm : Quan quý vốn là nguyên thân của phụ mẫu, nay phụ suy, quan tuần không thì lấy gì mà sinh phụ, cho nên phải về học sáu thêm chờ sang năm thi tiếp.

Đi thi còn chia ra thi văn thi võ. Người thi văn thì hào quan quý và hào phụ mẫu đều dùng, người thi võ thì chuyên xem quan tinh.

Phàm người có hào thế và quan tinh một trong hai cái bị tuần không hoặc phá thì không có hy vọng gì. Tử tôn phát động thì dù kỹ thuật cao cường cũng không nên thi. Quan quý khác thế ; hào động, nhật, nguyệt khác thế, thế động hóa quý hay hóa khác, nếu đến thí trường sẽ gặp tai nạn.

Chương này tuy là dùng để đoán thi cử, nhưng cũng có thể dùng để đoán cho các ngành khoa học kỹ thuật, các ngành các nghề trong thi cử. "Khoa cử kinh nghiệm thông khảo" nói : Trước kia nếu những người ứng cử và thi làm quan đều xem hào quan trong quẻ, hào quý và hào phụ mẫu phải phân chia ra. Huynh, tài, tử động thì nhất định không có lộc". "Sách táng san bốc dịch" nói : người muốn chiếm được công danh thì phải ứng, nếu trong quẻ không có vượng phụ sinh thân thì nhất định là vượng quan tri thế. Người công danh không thành là người nếu không phải là tử tôn tri thế thì cũng là hào tài, tử tôn phát động hoặc là thế bị khác, hoặc sáu hào loạn đông, danh tất vô thành.

II. ĐOÁN CÔNG DANH

Chương này bàn về đoán công danh, chủ yếu dùng để đoán cấu quan, để bạt cán bộ. Nhưng những người đang tự nghiệp cũng có thể dùng phương pháp này. Được để bạt hay thi lên tay nghề đều phải có hào tài và hào quan cả hai đều vượng, lấy quan tinh làm dụng thần, quan tinh vượng mà trì thế, được tài động sinh, hoặc tài vượng động mà hợp hào thế, hoặc tài quan, nhật, nguyệt sinh hợp hào thế là tốt.

Đối với bất cứ người nào, suốt cuộc đời dù có hay không có công danh, quan vận hoặc có thể hay không có thể nổi tiếng đều phải xem trong quẻ có chứa những thông tin về mặt này không. "Tăng san bốc dịch" là những thông tin để dự đoán về mặt này. Nó đã lưu lại những kinh nghiệm vô cùng quý báu cho chúng ta. Những kinh nghiệm đó là : "Người học cao, hào thế và hào phụ mẫu đều vượng, cuối cùng phải biến hóa thành long ; hào động, nhật, nguyệt tương sinh thì nhất định người đó là vương giả. Hào thế và hào phụ mẫu của quẻ nên vượng tướng, hoặc động mà biến cát, hoặc phụ mẫu trì thế ; hào động, nhật, nguyệt sinh hợp hào thế là những người có thể cười rống bất phượng". Sách đó còn nói : "Hào quan hào phụ hưng long, thì văn chương sẽ tốt. Phàm được vượng phụ trì thế, quan động sinh, hoặc quan tinh trì thế, hào phụ vượng động, hoặc quan tinh hào phụ vượng động sinh hợp hào thế, hoặc nhật nguyệt làm quan tinh, phụ mẫu sinh hợp hào thế, đều chủ về tượng thành danh, thành văn võ hưng đế vương gia" còn nói : "Tuế ngũ sinh thế thì đường thanh vân ung dung, nếu được thoát tuế và hào năm sinh thế, hoặc nhật, nguyệt, nhập hào động mà sinh thế thì đều chủ và che chở cho dân mà hưởng lộc, đường công danh bằng phẳng. Nếu thái tuế làm hào năm, động mà sinh hào thế thì phú quý cao sang không thể nói, có thể ví là gặp thiên tử".

Trong thực tế dự đoán, khi gặp những trường hợp trên, tôi đều thấy ứng nghiệm như thần, chưa hề sai lần nào thật là quý báu. Dưới đây xin cử mấy ví dụ :

Ngày 18/12/1985 ngày Nhiễm ở Công ty tôi nói : người bà con ông ta đến nhờ tôi đoán cho một quẻ về vận hạn từ nay về sau. Ông ấy sinh giờ tuất ngày 21 tháng năm 1936 (Tức giờ mậu tuất ngày tân dậu tháng ất mùi năm bính tý), lấy được quẻ "thái" của quẻ "nhu".

THỦY THIÊN NHU

Thê tài tý thủy ..

Huynh đệ tuất thổ ○

Từ tôn thân kim .. thế

Huynh đệ thìn thổ .

Phụ mẫu tị hỏa : quan quỉ dẫn mộc

Thê tài tý thủy . ứng

ĐỊA THIÊN THÁI

Từ tôn dậu kim .. ứng

Thê tài hợi thủy ..

Huynh đệ sừu thổ .:

Huynh đệ thìn thổ . thế

Quan quỉ dẫn mộc .

Thê tài tý thủy .

Hào thế của người đó là thân kim vượng ở nhật kiến, lại được nguyệt kiến sinh, còn được hào năm (quần) tuất thổ động để sinh thế, hào thế lại hóa sinh trở lại. Phụ mẫu văn thư phục tàng mà được trường sinh, đáng là được công thành danh toại, nổi tiếng khắp nơi. Do đó tôi đã đoán :

1) Căn cứ hào năm động để sinh thế đoán là ông ta một bước đến trời, khi mà gặp được tốt thì nhảy vọt mà tiến lên.

2) Thế lâm nhật, nguyệt kiến sinh. Hào phụ tuy phục tàng nhưng được trường sinh nên đoán trên mặt văn thư có thành tựu lớn.

3) Trong quẻ tài hóa tài, tài hóa tử tôn, nên đoán ông ta nhiều tiến.

4) Vì hào huynh động mà kiếp tài, hào ứng thể tài sinh quan quý cho nên đoán hôn nhân không thuận, người vợ đã bỏ đi.

5) Tử tôn vượng mà trì thể cho nên đoán là không làm quan mà chỉ là người dân thường.

6) Tử tôn trì thể, cả đời bình yên nên đoán có người định mượn cơ để làm hại, nhưng hại không nổi, tức là trong Đại cách mạng văn hóa cũng như thế. Sau khi tôi nói xong, bản thân anh ta và những người có mặt ở đó đều nhìn nhau, kinh ngạc mãi. Lão Nhiễm xúc động nói với tôi "Anh ta chính là diễn viên Dự kịch nổi tiếng của Trung quốc. Anh nói anh không biết ông ta, nhưng anh đoán rất đúng". Ông Nhiễm chưa nói hết, diễn viên đó đã cướp lời, nói : "Tôi từ trước vẫn không tin đoán mệnh, hôm nay quả thực mở mắt ra. Ông đoán hoàn toàn đúng. Tôi đã từng được các đồng chí lãnh đạo Nhà nước như Mao Chủ tịch, Chu Ân Lai tiếp kiến, danh tiếng không ít nhưng không có chức tước gì cả, lương tháng khoảng hơn bốn trăm đồng. Vợ đã ly hôn, những vấn đề khác đúng như ông nói".

Theo tử tôn trì thể là vô danh, nhưng người này ngược lại lại có danh khí. Do đó tử tôn trì thể, với điều kiện có nhiều điều kiện thuận lợi như đã nói ở trên, thì có thể có danh. Hiện tượng này mọi người có thể nghiên cứu sâu thêm.

1. Có lợi cho thăng quan tiến chức

Quan tinh trì thể, tài động tương sinh, hoặc thể lâm quan động hóa tài, hoặc thể tài động hóa quan, hoặc quan tinh động để sinh hợp hào thể, hoặc người có nhật làm quan tinh sinh hợp hào thể, thì có quan tinh sẽ có chức quan, đi thi nhất định đỗ.

Nếu hào thế hưng, tài tinh và quan tinh cả ba đều đắc địa, không bị thất tán thì quan vận nhất định hanh thông, thi nhất định đỗ. Nếu hào tài, hào quan đều vượng, hào thế thất tán, thì có được làm quan nhưng không có phúc. Nếu hào quan và hào thế cả hai đều vượng, hào tài thất tán thì tiền ít hoặc lương không cao.

Hào năm sinh thế thì đường công danh thành thang, có tin mừng thăng quan vượt cấp hoặc thăng cấp.

Quan tinh vượng mà tri thế, lại được thái tuế nhập hào thế để sinh thêm, thì nhất định được quyền tá quan (chức phó).

Người mà thái tuế lâm nhật nguyệt để sinh hào thế thì có tin vui thăng quan hoặc có con, hoặc tiền tài.

Nếu quý nhân lâm hào thế, quan phụ sinh phù, hoặc nhật nguyệt kiến để sinh hào thế, tất là tài tướng soái.

Người mà quan tinh lâm tí, ngọ, mao, dậu sẽ làm chức chánh.

Người mà quan tinh lâm dần, thân, tị, thì sẽ làm chức phó.

Quan tinh lâm thìn, tuất, Sửu, mùi thì làm tạp quan (chức nhân viên).

Người mà quan tinh lâm nhật, nguyệt kiến sẽ làm văn thư hành chính, đóng dấu.

Quan tinh vượng tướng thì làm quan to, quan tinh hưu tù thì làm quan nhỏ.

Hổ lâm vượng quan tri thế, là quý nhân võ chức.

Người mà nhật nguyệt làm tài tinh để sinh thế, bạch hổ lâm kim quan tri thế, nếu đi vào con đường văn khoa tất đỗ bằng vàng, đi vào con đường võ nghệ, nhất định lập kỳ công.

Quan tinh độc vượng, lập công dựng nghiệp. Hào phụ mẫu không ở vượng địa, mà quan tinh độc vượng, hoặc nhật nguyệt làm quan tinh sinh thế, hổ lâm hào thế động, lâm qui động mà sinh hợp hào thế sẽ lập công thành danh.

Quan tinh trì thế, tài động sinh thế, hoặc hào thế lâm quan động hóa tài, hoặc thế lâm tài động hóa quý, hoặc quan tinh, tài tinh động để sinh hợp hào thế, thì không những thăng quan, thi đỗ mà còn chủ về tượng thành danh tiếng.

Quan tinh động để sinh thế, phù thế, thì người đó có chí tiến thủ.

Phàm được quan tinh phát động, sinh hợp hào thế, không bị nhật, nguyệt, hào động xung khắc thì làm quan nổi tiếng khắp gần xa.

Nguyệt kiến lâm quan tinh sinh thế, tất sẽ là chức cảnh hiến (cảnh sát, toà án).

Hào thế lâm nguyệt phù, nhật kiến, quan tinh động lại sinh tất sẽ có chức quan.

Quan vượng gặp sinh phù, hoặc động mà hóa cát, hào thế vượng, hào tài vượng, hoặc tài động để sinh thế thì quân dân đều ca ngợi công đức.

Quan quý vượng, huynh đệ hưng, cả hai thanh phong, huynh động tuy là điểm hao tài, giảm của, nhưng có quan tinh vượng tương nên nhất định là quan thanh liêm, chính trực, làm việc chính nghĩa. Trong không tham, ngoài không hối lộ.

Quan tinh lâm thế minh động hay ám động, thêm lâm mã tinh tất sẽ có sự sai phái. Hào động, nhật, nguyệt làm tài tinh mà sinh phù thì trong việc đi công tác sẽ có lợi lộc ; hào động, nhật, nguyệt hình khắc thì đi công tác gặp gian khổ.

Quan vượng, thế vượng, lại gặp quý nhân lộc mã sinh hợp hào thế, thì sau này sẽ có lúc đồ cao.

Người mà quan tinh vượng, thì làm chức quan vừa cao vừa to ; người mà quan tinh hưu tù tử tuyệt thì làm chức quan nhỏ, tầm thường ; nếu phát động hợp thế, nhật nguyệt phù trợ, tất sẽ được người khác đề bạt, cất nhắc.

Phụ mẫu là ấn, là biểu tượng của văn thư, trong quẻ không thế không có, nên vượng không nên suy, phù thế là tốt nhất. Nếu lâm thái tuế sinh hợp hào thế thì sẽ có tin mừng tuyên chiếu của triều đình. Nếu lâm nhật kiến là được khen thưởng, nếu có tuần không thì chẳng đạt được gì.

Quan tinh trì thế, hoặc động để sinh thế, không bị nhật nguyệt kiến xung khác thì tức trí đa mưu, công việc thành đạt

Hào phụ mẫu vượng tướng, cơ quan làm việc to : hoặc là quốc doanh ; hào phụ mẫu hưu tù, tử tuyệt thì cơ quan nhỏ hoặc làm việc nơi không vừa ý. Nếu hào phụ mẫu bị khác, cơ quan nơi làm việc không hưng vượng. Người trong quẻ không có hào phụ mẫu thì phải xem phúc thần vượng hay suy mà đoán. Nếu quan tinh vượng tướng, hào phụ mẫu hưu tù thì hoặc là cơ quan làm việc nhỏ, hoặc cảnh tượng công ty buồn vắng.

Tuế ngũ sinh hợp hào thế, hoặc thế, quan hợp thành cục là điểm cát, tất có ân tình, hoặc công ty nâng chức, nâng bậc cho mình.

Trong quẻ nếu có hai hào phụ mẫu, hai hào quan thì sẽ nhậm chức ở hai chỗ, hoặc cả hai chỗ đều cần.

Nên nhậm chức ở chỗ nào thì phải xem ngũ hành : Kim quan ứng ở tây, mộc quan ở đông, thủy quan ở bắc, hỏa quan ở nam, thổ quan ở giữa. Mộc quan ở Sơn đông, Quảng đông ; Kim quan ở Thiểm tây. Quảng tây, Giang tây, Sơn tây. Còn có cách đoán : hào đầu là nội địa ; hào sáu, hào năm là biên

giới. Ứng vào hào đầu thì hào thế vào hào quan nên ở hào đầu, ứng vào hào năm, hào sáu thì hào thế ở hào năm, hào quan ở hào sáu, hoặc ngược lại. Nếu hào quan trị thế thì cùng ở hào năm, hào sáu. Nếu trên các hào hai, ba bốn, thì theo ngũ hành của hào mà định.

Nếu quan tinh không hiện thì phải xem hào phục vượng hay suy. Nếu quan tinh hữu dụng, thì năm đó sẽ nhậm chức. Hào thân ở chức quan thì hào tài phải vượng mà động. Hào phụ mẫu phù thế mà không tuần không thì tốt. Nếu hào tài lại tuần không tuyệt, hào phụ mẫu bị chế khắc thì sẽ công tác ở nơi dân nghèo. Hào phụ vượng và lâm thế, thì tất sẽ ở nơi phồn hoa.

Phàm nhậm chức tướng soái, hoặc những chức quan to đi chinh phạt là những người đang sinh sống bình thường đến đoán, còn nếu hào tử tôn phát động thì chủ về những việc diêu động đi nơi khác hoặc giáng chức. Nếu gặp việc mới đoán quẻ, có hào tử tôn phát động thì sẽ đi đánh trận và lập công to, nếu tuế quân nguyệt kiến hợp hào thế thì nhất định sẽ có tin mừng thăng quan.

Quan trấn thủ cho dù quan văn hay quan võ đều nên sáu hào yên tĩnh, nhất thì nguyệt kiến không xung hào thế thì bình an vô sự. Nếu gặp quan quý phát động, hào thế hào ứng xung khắc thì sẽ không yên ổn.

' Ví dụ cổ :

Ngày Ất Hợi tháng thân đoán dự bị bỏ sung nhậm một chức nào đó được quẻ "tiết" của quẻ "tĩnh".

THỦY PHONG TĨNH

Phụ mẫu tí thủy ..

Thế tài tuất thổ . thế

Quan quý thân kim ..

THỦY TRẠCH TIẾT

Phụ mẫu tí thủy ..

Thế tài tuất thổ .

Quan quý thân kim .. ứng

Quan qui dậu kim ○

Thê tài sử thổ ..

Phụ mẫu hợi thủy . ứng

Huynh đệ mao mộc .

Thê tài sử thổ ×

Tử tôn ty hỏa . thê

Quê nội tị dậu sử hợp thành quan cục sinh hào ứng. Do đó chức vị đang khuyết này nhất định sẽ do người khác được. Về sau quả đúng như thế.

Ví dụ cổ :

Ngày kỷ mùi, tháng dần đoán việc thăng chức, được quê "quan" của quê "tị"

THỦY ĐỊA TÌ

PHONG ĐỊA QUAN

Thê tài tý thủy × ứng

Quan qui mao mộc .

Huynh đệ tuất thổ .

Phụ mẫu tị hỏa .

Tử tôn thân kim ..

Huynh đệ mùi thổ .. thê

Quan qui mao mộc .. thê

Quan qui mao mộc ..

Phụ mẫu tị hỏa ..

Phụ mẫu tị hỏa ..

Huynh đệ mùi thổ ..

Huynh đệ mùi thổ .. ứng

Quan tinh vượng mà trí thê, thê tài động mà sinh, tuy quan tinh mộ ở mùi nhật, nhưng được vượng và được trợ nên không có hại. Về sau được nhậm chức quan này ở ngày hợi.

Ví dụ ngày nay : Cô Hàn ở Công ty tôi nhờ tôi đoán cho con gái của cô năm nay thi tay nghề xem có được không. Gieo được quê "tiểu súc" của quê "đại súc". Thời gian đó là ngày kỷ mùi tháng nhâm tý năm đinh mao.

SƠN THIÊN ĐẠI SÚC

PHONG THIÊN TIỂU SÚC

Quan qui dần mộc .

Quan qui mao mộc .

Thê tài tý thủy × ứng

Phụ mẫu tị hỏa .

Huynh đệ tuất thổ ..

Huynh đệ mùi thổ .. ứng

Huynh đệ thìn thổ .

Huynh đệ thìn thổ .

Quan qui dân mộc . thế

Quan qui dân mộc .

Thế tài tí thủy .

Thế tài tí thủy . thế

Đây là quẻ được hưởng lộc, lại có quan tinh ở vượng địa, được hào ứng lâm nguyệt kiến động để sinh thế, thế lại hóa ra quan tinh, nhật mộ không ảnh hưởng gì, cho nên nhất định thi được. Về sau thi được thứ nhất.

2. Những điều bất lợi trong cấu quan chức

Hào tử tôn là sao khổng chế quan lộc, chức. Cấu quan hoặc đi thi sợ nhất là hào tử tôn tri thế, hoặc lâm nhật, nguyệt động lại khác thế, khác quan tinh. Nếu hào tử tôn tri thế hoặc động để khác quan tinh thì không được chức quan gì.

Tài vượng, thế vượng, quan tinh tuần không nguyệt phá, hoặc nhật, nguyệt, hào động xung khác và động mà hóa hung, là tốt nhưng không có gốc, khó sinh trưởng được, cho nên cuối cùng vẫn là người bình thường.

Trong quẻ nếu quan tinh không động, hoặc gặp khác tri thế, huynh đệ phát động ; hoặc hào tài tri thế hóa huynh, thì sẽ không thành sự, nếu ngẫu nhiên mà thành sự thì việc đó cũng không có lộc.

Hào thế tuần không, hào thế bị phá hoặc hào quan tuần không, hào quan bị phá thì có chức nhưng không giữ được chức lâu.

Hào thế suy động hóa khác trở lại thì phải đề phòng tai họa đoán thọ.

Hào thế vượng tương hóa xuất quan tinh hình thế khác thế thì sẽ bị tai vạ vì làm quan.

Nếu hào thế hóa xuất quan tinh lấy khí để khác hào thế thì vì có quyền mà phải bối thường.

Di thi thì phải lấy quan tinh làm hào dụng, hào dụng hi thì hợp, không hi sẽ xung. Nếu hào huynh đệ tương xung thì bất được để thi đúng chỗ không thuộc bài.

Hào phụ vương lại được nhật thìn, hào động sinh hợp thì bài làm rất hay. Hào thê tài bị xung khác thì bài làm sẽ có nhiều lệch lạc. Nguyệt kiến xung khác thì bài làm sai.

Người mà nguyệt kiến phát động để khắc hào thê tất sẽ gặp phải bị phạt. Hào quan tri thê mà hào tài phát động sinh hợp hào thê tất sẽ có người tiếp cho lương thực thức ăn.

Từ tôn phát động thì phải để phòng mất quan mất chức.

Hào huynh đệ phát động thì phải để phòng có thể bị giảm lương, hoặc bị những điều gièm pha phỉ báng. Nếu từ tôn đều động nhất định sẽ bị giảm lương.

Hào thê lâm vào tuần không không có cứu trợ thì cho dù đã nhậm chức hay chưa nhậm chức cũng sẽ gặp khó khăn lớn, thậm chí chết người.

Hào quý sát động để hình thê khác thê tất có điều xấu.

Thái tuế nhập hào hoặc động để làm tổn thương hào thê tất sẽ bị giáng cấp ; nếu gặp bạch hổ, phi xà hình hại tất sẽ bị nạn bất giam.

Quẻ tinh hào thê tuần không là điểm về nghỉ hưu. Chức quan đang làm nếu hào thê không vong, và sáu hào yên tinh thì đó là điểm sẽ về nghỉ hưu. Nếu quý động cùng với nhật, nguyệt, tuế quân làm tổn thương hào thê thì phải mau mau tránh xa.

Huynh đệ là đồng sự, quý động hóa huynh, xung huynh hào thê là bạn đồng hành bất hòa ; huynh đệ hình khác hào thê cũng là đồng nghiệp bất hòa. Hào thê khác hào huynh đệ là mình chế ngự được họ.

Hào quan quý phục dưới hào thế thì sẽ bị quở trách. Hào quan quý không lâm hào thế hoặc tuấn không vong, tất sẽ bị bãi miễn, cách chức.

Hào thế là hào năm và tuấn không vong thì phải để phòng nhật, nguyệt hình khác, sợ có tai họa không lường hết được.

Phạm được hào quan quý động sinh hợp hào thế, không bị nhật, nguyệt, hào động xung khác, nếu hào tài lâm tuấn không hoặc phục ở tử tuyệt thì vì ăn hối lộ mà mất thanh danh.

Hào thế tinh lâm tuấn không nguyệt phá, hào quan quý gặp nguyệt phá tuấn không thì không được danh tiếng.

Trong quẻ nếu quẻ thế bị khác thì làm quan sẽ gặp tai họa.

Trạch mã tuấn không, vong, tuy có nhiều mưu nhưng cũng uống công vô ích.

Hào phụ mẫu là ấn, là văn thư, không thể thiếu, càng không nên gặp hưu tù tử tuyệt, nhưng nhiều cũng không hay. Quẻ gặp hai hào quan quý, hai hào phụ mẫu thì văn thư không thực.

Ngày nay được chức, ngày mai mất. Nếu gặp hung, gặp khác, hào thế cũng gặp khác thì đó là cảnh hôm nay được chức, ngày mai mất chức.

Ví dụ cơ : Ngày丁卯 tháng tuất đoán xem có được nhậm chức không, được quẻ "nhu".

THỦY THIÊN NHU

Thê tài tí thủy ..

Huỳnh đệ tuất thổ .

Tử tôn thân kim .. thế

Huỳnh đệ thìn thổ .

Quan quý dân mộc .

Thê tài tí tùy . ứng

Tử tôn tri thế khác quan qui, suốt đời không bao giờ được làm quan. Về sau mãi hơn hai mươi năm cho đến già vẫn không được làm quan.

Ví dụ cơ : Ngày át mao tháng tị đoán công danh cả đời được quê "lữ"

HÒA SƠN LỮ

Huỳnh đệ tị hỏa .

Tử tôn mùi thổ ..

Thế tài Dậu kim . ứng

Thế tài Thân kim .

Huỳnh đệ Ngọ hỏa ..

Tử tôn Thìn thổ .. thế

Quê tuy lục hợp, nhưng tử tôn tri thế, quan tính phục mà gặp nguyệt phá, nên suốt đời vô danh. Về sau đúng là vô danh và chết bệnh.

Chương 17

HÔN NHÂN

Trời đất có âm dương, người có nam nữ. Có nam nữ thì tất nhiên sẽ có vấn đề âm dương hòa hợp, nam nữ hôn phối. Cho nên trong "quẻ từ" có câu : "Có trời đất sau đó mới có vạn vật, có vạn vật sau đó mới có nam nữ, có nam nữ sau đó mới có vợ chồng, có vợ chồng sau mới có cha con", "Nam nữ cấu tình, vạn vật hóa sinh". "Nam nữ", "vợ chồng" ở đây chính là nói về vấn đề hôn phối.

Hôn nhân là khởi điểm của gia đình, là tế bào của xã hội, nên vấn đề hôn nhân là vấn đề mang tính xã hội. Xử lý được tốt sẽ có lợi cho xã hội ; xử lý không tốt sẽ đưa lại cho xã hội rất nhiều phiền phức.

Trong cuộc sống thực tế có những cặp vợ chồng ân nghĩa như núi, tình sâu như biển, đấu bạc răng long. Có những cặp vợ chồng trước đầm thắm sau lạnh nhạt, trước hợp sau phân, vô tình vô nghĩa, nhìn nhau như kẻ thù, mỗi người một phương. Có những cặp vợ chồng tương thân tương ái còn hơn cả uyên ương, nhưng nửa đường phát sinh bi kịch. Tất cả những cái này đều là do âm dương ngũ hành tương sinh, tương khắc dẫn đến. Trong "Chu dịch" có rất nhiều tượng quẻ bàn về hôn nhân và sự lựa chọn hôn phối. Đồng thời tổ tiên chúng ta, để cho mọi người được hưởng thụ cuộc sống hôn nhân mỹ mãn và xây dựng gia đình hòa thuận, con cháu đông vui đã phát minh ra dùng phương pháp bát quái để dự đoán cát hung của hôn nhân và dự đoán việc sinh con và nuôi dưỡng.

Đoán hôn nhân nếu "thê tài vượng tướng" là tốt, nhưng "thê tài vượng tướng" lại khắc phụ mẫu, phụ mẫu vượng lại khắc con cái... Ngày xưa để giải quyết mâu thuẫn này, đã dùng cách phân ra để đoán, cân nhắc mối quan hệ lục thân sinh khắc. Tôi cho rằng không cần thiết phải như thế, chỉ cần trong một quẻ là có thể đoán được tất cả. Bởi vì bất cứ việc gì, cũng khó được toàn thiện toàn mỹ, được mặt này mất mặt kia. Nên để phòng sự xung khắc có thể tìm phương pháp hòa giải là được.

I. DỰ ĐOÁN VỀ HÔN NHÂN

Âm dương được ngôi gọi là cát. Nam đoán để tìm nữ, hào thể nên dương, hào ứng nên âm ; Nữ đoán tìm nam, hào thể nên âm hào ứng nên dương. Đó là âm dương được ngôi, hợp đạo vợ chồng.

Hào quan, hào tài dụng thần phân : Nam đoán nữ, hào thê tài là dụng thần ; nữ đoán nam, lấy hào quan quý làm dụng thần, nên sinh vượng, nên tương sinh, không nên hưu tù tử tuyệt, hình xung phá hại.

Hai hào quan, hai hào tài ứng là chính : nam đoán nữ khi trong quẻ gặp 2 hào tài, lấy tài của hào ứng làm chính thiếp, hào tài khác làm vợ sau. Nữ đoán nam nếu quẻ gặp hai hào quan, lấy quan của hào ứng làm chính phu, quan của hào khác làm chồng sau. Nếu cả hai quan, hai tài đều không lâm vào hào ứng, thì lấy cái nào vượng làm chính, cái nào suy làm phụ.

Hào thế, hào ứng tương sinh là cát, để thành : phán đoán hôn nhân bất luận là hôn nhân lần đầu hoặc hôn nhân lần sau, nếu gặp được hào thế, hào ứng tương sinh tương hợp, ngang nhau thì hôn nhân để thành mà tốt.

Hào tài hào quan cả hai đều tuần không thì xem cái nào để đoán ? Nam đoán nữ, hào quan quý tuần không thì không sợ. Nữ đoán nam hào thê tài tuần không cũng không sợ. Nếu thế, ứng, tài, quan rõ ràng thì chồng xương vợ theo.

Quan vượng sinh thê, thì đầu bạc răng long : quan qui trì thê, sinh thê, hợp thê, vượng tướng thì hôn nhân đẹp đẻ và chung sống mãi với nhau.

Tài vượng tương sinh cũng nhất định chung sống bền lâu : hào tài vượng tướng lại lâm nhật, nguyệt, hào động, sinh hợp hào thê, động mà hoá cát, vợ chồng ân ái suốt đời.

Hào ứng lâm tài sẽ có vợ nội trợ tốt : nam gặp hào ứng là thê tài không những được người vợ tốt bảo đảm gia đình mà còn làm ra tiền của.

Hào ứng là quan quý tất sẽ vừa lòng : nữ gặp hào ứng là quan quý tất sẽ vừa lòng như ý. Quan qui sẽ sinh phù tài vượng.

Hào dụng sinh hào thê sẽ tương thân tương ái : hào dụng sinh hợp hào thê, thê ứng tương hợp, cuộc hôn nhân dễ thành, tình yêu đậm thắm, gia đình hòa thuận.

Quẻ gặp lục hợp là tốt nhất : phạm đoán việc hôn nhân, quẻ gặp lục hợp, như Tí hợp với Sửu, là tượng đại cát. Quẻ nam hợp chủ về tú khí, quẻ nữ hợp sẽ giàu tình cảm

Tài, quý không tuần không là đại cát : nam đoán nữ, hào tài không tuần không, nữ đoán nam hào quan không tuần không, đều lâm vượng địa, tất sẽ đại cát.

Muốn biết nam tài nữ sắc, xem dụng thần : kim làm dụng thần lâm sinh vượng địa thì tất nhiên là nam thanh nữ tú, trọng nghĩa ; nước làm dụng thần lâm sinh vượng địa thì người cao đẹp ; Thổ làm dụng thần lâm vượng phần nhiều là người đôn hậu, béo mà không cao ; Hoá làm dụng thần

thì khoẻ mạnh hống nhuận, nhưng tóc ít, mặt hơi vàng hoặc đỏ ; Thủy làm dụng thân, sinh lâm vượng địa thì thông tuệ và khéo léo.

Tài, quan đều vượng tất người béo : không kể nam nữ, hai hào tài, quan đều lâm vượng địa thì người béo ; suy nhược thì chủ về gầy nhỏ ; gặp hào cầu trần, phi xà, bạch hổ thì người xấu, song cầu trần tuy người xấu đen nhưng thành thực.

Hào ứng tài thế vượng thì được cả đức lẫn dung nhan : nam gặp hào ứng tài thế lâm vượng địa thì vợ đẹp mà đức độ.

Quẻ dụng gặp Thanh long thì đức tính quý và có nhiều đồ trang sức : phạm nam nữ khi đoán hôn nhân nếu quẻ dụng gặp thanh long là đại cát. Hào quan gặp thanh long nam : quý hiển, hào tài gặp thanh long thì phía nữ của cái nhiều. Quan tinh được ngôi thì nhờ vợ mà giàu. Hào thế sinh ứng thì nam tìm đến phía nữ. Hào ứng sinh thế thì người nữ tham của ; vượng khắc hào ứng suy, tất nhiên tham của thích giàu. Tài hóa tiến thì nhà nhiều của.

Thực hay không thực thì xem hào thế, hào ứng : hào thế mà tuần không thì bản thân mình không thực, hào ứng tuần không thì đối phương không thực. Hoá thoái tất thoái hôn ; hoá tiến thì thoái mà lại thành.

Người ta đến hợp với mình phải xem hào động : hào động của hai tượng hợp nhau thì người đến tìm mình và mình hòa hợp.

Phụ mẫu làm nghề văn thư làm chủ hôn : hào phụ mẫu là văn thư, lại là người chủ hôn ; quẻ vô phụ mẫu nhất định sẽ không có đầu mối, (rối) ; hào tài động, phụ mẫu sẽ tham gia thương lượng.

Thời gian kết hôn phải xem phụ mẫu hợp, tài sinh tất sẽ thành gia : Nhật thìn tác hợp với hào phụ mẫu, hoặc nhật thìn lâm hào phụ mẫu thì thời gian kết hôn đã định ; tài động sinh thế, tất sẽ ứng vào năm lập gia đình.

Muốn biết chính thể lại phải phân biệt xem trong quẻ : hào ứng là chính thể, nếu bị hào động, nhật nguyệt xung khắc và động mà hoá hung thì người vợ đó không phải là kết hôn lần đầu. Còn được tài của hào khác vượng tướng hoặc động mà hoá cát, hoặc hào khác biến tài thành vượng tướng và sinh hợp với hào thế thì sẽ chủ về người vợ tái hôn nhưng có thể chung sống đến bạc đầu.

Nam đoán nữ hào tài cần phải vượng ; nữ đoán nam hào quan quý phải hưng. Hào tài và quan quý cả hai đều vượng thì hôn nhân dễ thành mà tốt, nếu là hưu tù tử tuyệt thì bất hạnh.

Hào ứng nên yên tĩnh, nên sinh thế : đoán hôn nhân hào ứng nên yên tĩnh thì hôn nhân đúng như định ước.

Thân lại thêm thân cùng một cung : hào thế, hào ứng ngang nhau, hào quan quý và thế tài lại cùng một cung thì đã thân thiết càng thêm thân thiết.

Hào phụ mẫu mà động là tử tôn, các hào ở giữa động là có mai mối : hào phụ mẫu động, hào tử tôn mộ tuyệt, là con cầu hôn. Hào thế, hào ứng ngang nhau, được nhật thìn hợp thế, các hào giữa động lại sinh hợp hào thế, được người mới giúp sức, cả hai hào giữa đều động thì nhất định hai người mới tranh nhau.

Dụng thần suy vượng để xem giàu nghèo : hào tài vượng tướng, tất là con gái nhà giàu lương thiện phát phúc. Nếu hào tài hưu tù tất là con nhà nghèo. Hào quan quý nhiều vượng tướng, bên nam nhà giàu, nếu hào quan hưu tù thì đó

là con nhà nghèo. Nam hào ứng vượng, nhà con gái giàu ; nữ hào ứng hưu tù, bên nam nhà nghèo.

Phi xà lâm, lệ vật ít : Hào thế lâm huynh xà, nhà nam khiếm khuyết, ít lễ vật ; hào ứng lâm quan quí, nhà nữ tư trang ít.

Ví dụ 1 : Đoán cầu hôn vào ngày Quý Dậu, tháng Tý được quẻ "đỉnh" của quẻ "hàng".

LỜI PHONG HÀNG

Thê tài tuất thổ × ứng

Quan quí thân kim..

Tử tôn ngộ hoá.

Quan quí dậu kim. thế

Phụ mẫu hợi thủy.

Thê tài Sửu thổ..

HOÀ PHONG ĐỈNH

Tử tôn tị hỏa.

Thê tài mùi thổ.. ứng.

Quan quí dậu kim.

Quan quí dậu kim.

Phụ mẫu hợi thủy.. thế.

Thê tài Sửu thổ..

Dậu kim quan tinh lâm nhật thìn mà trì thế, tuất thổ tài động sinh thế, nên được thế ứng tương sinh. Tuất thổ tuy tuần không, động nên không tuần không, ngày mai xuất không cho nên cầu là được. Quả nhiên ngày hôm sau giờ Tị chấp nhận cầu hôn, về sau chung sống đến già.

Ví dụ 2 : Ngày Ất Sửu, tháng Mão - đoán cầu hôn được quẻ "tị" của "phệ hạp".

HOÀ LỜI PHỆ HẠP

Tử tôn tị hoá ○

Thê tài mùi thổ × thế

Quan quí dậu kim ○

Thê tài thìn thổ..

Huynh đệ dấn mộc.. ứng

Phụ mẫu tý thủy ○

THUY ĐỊA TỈ

Phụ mẫu tý thủy... ứng

Thê tài tuất thổ.

Quan quí thân kim..

Huynh đệ Mão mộc.. thế

Tử tôn tị hoá..

Thê tài mùi thổ..

Hào tài mùi thổ tri thể hoá tiến thần, thần phúc tị hòa động mà sinh, vì tị hòa hóa thành tý thủy khác trở lại cho nên phải chờ đến ngày ngộ xung mất tý thủy, lại có ngộ hoà sinh thể hợp thể thì hôn nhân mới thành. Quả đúng giờ ngộ thì được chấp nhận cầu hôn. Hào ở giữa hào thể và hào ứng dậu kim quý động, tuy gây cách trở cho hôn nhân, nhưng có quý nguyệt phá nhật mộ cho nên lại hoá thành thoái thần, vô lực cản trở.

Ví dụ 3 : Ngày mậu tý tháng nhâm thìn năm 1986, cô Từ ở công ty tôi đến xin đoán về hôn nhân, hỏi khi nào sẽ có đối tượng, gieo được quẻ "Tụng".

THIÊN THUY TỤNG

Tử tôn tuất thổ.

Thê tài thân kim.

Huynh đệ ngộ hoà. thể

Huynh đệ ngộ hoà..

Tử tôn thìn thổ.

Phụ mẫu dẫn mộc.. ứng

Quẻ này ngộ hoà tri thể, nhật kiến tý thủy làm quan tính mà xung khác hào thể, nhưng hợp tý thủy mộ ở nguyệt kiến, hào thể hào ứng tương sinh. Tôi nói với cô Từ : hôn nhân tuy không lý tưởng lắm nhưng có thể thành. Sau này ngày dẫn thì thành. Cô Từ cười nói : Thưa thầy đừng đùa tôi, bây giờ ngay bóng dáng đối tượng còn chưa có, thể thì thành hôn với ai được. Về sau vì ngày sửa cưới nên ngày dẫn ăn hỏi được, và tháng 10 năm đó kết hôn.

Ví dụ 4 : Ngày đinh mao, tháng tị đoán xem vợ chồng có sống với nhau đến già không. Gieo được quẻ "quan" thuộc quẻ "vô vọng".

THIÊN LÔI VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ.

Quan quý thân kim.

Tử tôn ngộ hoá ○ thế

Thê tài thìn thổ..

Huynh đệ dần mộc..

Phụ mẫu tý thủy ○ ứng.

PHONG ĐỊA QUAN

Huynh đệ mao mộc.

Tử tôn tị hoá.

Thê tài mùi thổ.. thế

Huynh đệ mao mộc..

Tử tôn tị hoá..

Thê tài mùi thổ.. ứng.

Que chủ hai thổ của thìn tuất tài nhiều mà tương sinh với hào thế, lại động xuất mùi thổ hai thê tài tương sinh tương hợp với hào thế, lại được nhật kiến, nguyệt kiến sinh trợ, không những vợ chồng sống mãi đến già mà ông già này còn có hơn 10 người tì thiếp, mà vợ cả lại hiền không ghen tị, ông hưởng thọ hơn 80 tuổi.

II. ĐOÁN VÉ PHƯƠNG KẾT HÔN**1. Phương pháp đoán vé phương kết hôn**

Gia đình là tế bào của xã hội, vấn đề hôn nhân của nam nữ không những là điều kiện quan trọng để hoàn thành gia đình, mà cũng là cội nguồn để xã hội dựa vào đó mà tồn tại và phát triển. Cho nên trong "Tù que" có câu : "Có trời đất, sau đó mới có vạn vật, có vạn vật sau đó mới có nam nữ, có nam nữ mới có vợ chồng, có vợ chồng mới có cha con, có cha con mới có quần thân, có quần thân mới có thiên hạ, có thiên hạ mới có lễ nghĩa...". Người là chủ thể quý báu nhất trong thế gian, là chủ thể của xã hội. Mà người lại là sản vật của nam nữ cấu tinh mà sinh ra. Cho nên vấn đề hôn nhân không những là việc lớn trong cuộc sống của con người, mà còn là việc lớn mang tính chất xã hội. Xử lý được tốt thì đều có lợi cho cá nhân, cho gia đình, cho xã hội và cho việc

giáo dục con cái. Ngược lại thì sẽ tạo ra bất hạnh cho tất cả, đặc biệt là những thương tổn trong tâm linh của con người là không gì có thể bù đắp được, đồng thời cũng đưa lại nhiều phiền phức cho xã hội. Do đó vấn đề hôn nhân cũng là một trong những đề tài trọng yếu mà con người cần nghiên cứu.

Qua kinh dịch ta có thể thấy được tổ tiên ta từ xưa đã rất coi trọng nghiên cứu hôn nhân. Có không ít quẻ đều bàn đến vấn đề hôn nhân. Ví dụ nam nữ chính phối thì trường nam phối trường nữ, trung nam phối trung nữ, thiếu nam phối thiếu nữ. "Hai khí cảm ứng thì sẽ tương hành". Cũng tức là nói một cuộc hôn nhân mỹ mãn hạnh phúc phải là sự tương hợp của hai khí âm dương, thì mới bách niên giai lão được. Như quẻ "hâm" là nam nữ chính phối, tượng trưng cho hai khí âm dương tương hợp.

Quẻ "cấu" có nói : "Vật dụng thù nữ", quẻ "tiểu súc" có câu "Phu thê phân mục" đều là nói : vì lão nam phối trường nữ, vừa không phải chính phối, vừa là hai khí âm dương tương khắc, không tương hợp, cho nên sẽ xảy ra việc xấu.

Trên đây là xuất phát từ hai khí âm dương tương hợp để nói về vấn đề hôn nhân của nam, nữ. Vấn đề hôn nhân là vấn đề vô cùng phức tạp, có sự tương sinh và tương khắc của năm mệnh, có sự tương hoà và bất hoà, có sự tổ hợp sắp xếp của tứ trụ và nhiều nhân tố khác nữa. Nhưng tôi qua nghiên cứu thực tiễn phát hiện thấy nam nữ hôn nhân còn có vấn đề phương hướng, phương vị. Cũng tức là nói trong hôn nhân, mỗi người có một phương cố định để phối hôn. Năm 1984 tôi đã làm thống kê một trăm người, trong đó có 94 người phối hôn đúng phương hướng, 6 người không đúng thì trong đó có 4 người chết, hai người ly hôn.

Trong thời gian hội thảo học thuật kinh dịch Quốc tế tháng 12 năm 1987 có 8 vị chuyên gia bảo tôi làm thí nghiệm ngay

tại hội nghị đoán về việc phối hôn theo phương hướng. Có 7 trường hợp đoán đúng phương hướng, chỉ có một trường hợp đoán sai. Vị chuyên gia mà phương hướng không đúng này đã nêu ra cho tôi : Ngài dùng cách gì để chứng minh là tôi đã tìm phương hướng phối hôn không đúng, hay là ngài đoán không đúng. Tôi trả lời nói : Nếu anh và vợ anh rất hoà thuận với nhau thì tôi đoán sai, còn nếu không hoà thuận thì tôi đoán đúng, còn phương hướng kết hôn của anh sai : Vị đó vỗ tay nói : Đúng ! chúng tôi từ ngày kết hôn tới nay luôn không hoà thuận, hầu như 3 ngày thì có 2 lần cãi nhau. Ngài đoán rất đúng. Cách này đáng được nghiên cứu và mở rộng.

Đ đoán phương hướng kết hôn là lấy địa chỉ nguyên quán của mình ở làm trung tâm, đối phương cũng lấy nguyên quán làm trung tâm. Sau căn cứ vào ngày tháng sinh của mình (lấy âm lịch làm chuẩn), căn cứ vào hình vẽ bát quái lấy ngày mồng một trên nguyệt kiến thuận số lấy đến ngày sinh thì thôi. Nếu ngày sinh rơi vào mao thì nguyên quán của cuộc hôn nhân nên ở trên trục đông, tây. Nếu ngày sinh rơi vào thân thì nguyên quán phối hôn nên ở trên trục tây nam - đông bắc. Sau khi đã biết phương hướng thì tìm phương của đối tượng, nếu thấy phương hướng thích hợp thì nói, nếu phương hướng không thích hợp thì đừng nói, vì nói cũng vô ích. Bây giờ cử hai ví dụ :

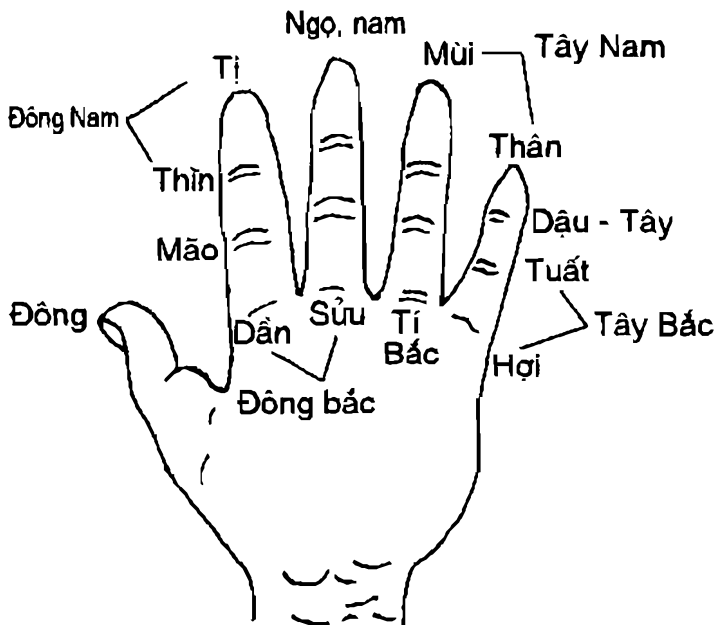
1. - Một người nào đó sinh ngày 23/11/1936 vậy thì phương hướng phối hôn ở đâu ?

Tháng 11 năm đó là tháng tí, ở phương Bắc, từ tý tính là 1, sừ là 2, dần 3, mao 4... theo chiếu đó đếm đến ngày 23 là tuất thuộc phương tây bắc, đối lập với phương tây bắc là phương đông nam. Cho nên phương của người yêu anh ta trên trục đông nam - tây bắc.

Ví dụ 2 : Một người nào đó sinh ngày 6/6/1920 phương phối hôn là phương nào ?

Tháng 6 năm đó là tháng mùi ở phương tây nam. Lấy mùi là ngày mồng một, thân là mồng 2, dậu là mồng 3, tuất là mồng 4, hợi là mồng 5, tý là mồng 6, tý thuộc phương bắc, đối lại với phương bắc là phương nam, cho nên anh ta (chị ta) nên kết hôn theo trục nam - bắc.

Khi đoán, nếu không có hình bát quái có thể dựa vào hình bàn tay để tính. Cách tính là lấy tháng sinh làm ngày mồng một, đếm tiếp cho đến ngày sinh thì ngừng (xem hình vẽ).



Hình bàn tay để xác định phương vị phối hôn

Về vấn đề mỗi nguyên quán có một phương vị kết hôn cố định và phương pháp đoán nó, tôi đã tra cứu rất nhiều sách, kể cả các sách về "mệnh học" nhưng chưa tìm thấy sách nào bàn đến vấn đề này. Phương pháp giới thiệu ở đây là tôi trong quá trình thực tiễn mấy mò ra và đã cung cấp cho rất nhiều thanh niên, thanh nữ và những "người gặp khó khăn" để kết bạn và xây dựng gia đình hạnh phúc và phần lớn đều rất thành công kể cả con cái họ về sau.

Phương pháp này về đại thể theo phương hướng như thế, chỉ cần cho biết chính xác ngày giờ sinh là đoán được chuẩn. Tuy nhiên có một vấn đề đang trong quá trình nghiên cứu là, ví dụ sự kết hôn theo nguyên quán của một người nào đó theo phương hướng đông-tây, nhưng cuối cùng là ở phía đông hay ở phía tây thì chưa thể đoán chính xác được.

Cách tính là : Tí sửu dẫn mao thìn tị ngộ mùi thân dậu tuất hợi là mười hai nguyệt kiến. Cho dù anh (chị) sinh ở tháng âm lịch nào lấy ngay tháng đó làm ngày mồng 1, tiếp tục đếm cho đến ngày sinh rồi xem trên bàn tay để biết nó rơi vào phương nào. Nếu rơi vào ngộ thì phương kết hôn của anh nằm trên trục nam-bắc của nguyên quán cha anh ta.

Ví dụ : Anh sinh ngày 17 tháng giêng thì lấy tháng dẫn là mồng 1, đếm đến ngày 17 là ngộ. Ngộ là phương nam, vậy người anh kết hôn nên là phương nam hoặc phương bắc, cũng có thể là anh ấy (hay chị ấy) đang cùng cơ quan hay cùng một huyện, một thành phố...

Về vấn đề nguyên quán, ví dụ : nguyên quán cha anh ở Bắc Kinh, anh sinh ở Tây an thì lấy nguyên quán cha anh mà làm chuẩn. Nếu nguyên quán cha anh là Bắc Kinh, nhưng cả cha anh và anh đều sinh ở Tây an thì lấy Tây an làm chuẩn để định phương hướng.

Chương 18

CON CÁI

Con cái là sự kéo dài của nhân loại, là đời sau của đất nước. Việc sinh đẻ và nuôi dưỡng con cái là trách nhiệm của bố mẹ. Con cái khoẻ mạnh, có thể trưởng thành thuận lợi hay không là vấn đề bố mẹ rất quan tâm. Dùng bát quái để dự đoán sinh đẻ và nuôi dưỡng không những là vấn đề cát hung, còn là vấn đề sinh đẻ tối ưu, trực tiếp liên quan đến nhân loại, có lợi hay không cho sự hưng vượng của loài người. Có những trẻ em vừa sinh ra đã chết yếu, có những trẻ em thì yếu đuối và lám bệnh, có những đứa trẻ tàn phế dị dạng... điều đó không những đem lại đau khổ cho gia đình mà còn gây ra cho xã hội một gánh nặng ghê gớm. Ngược lại có những trẻ em sinh ra khoẻ mạnh, ít bệnh dễ nuôi, lớn lên xinh đẹp thông minh, trở thành tài sản có ích cho đất nước. Tố chất của con người lúc mới sinh do rất nhiều nguyên nhân. Nhưng tôi cho rằng người ta phải sinh đẻ hợp lý, âm dương ngũ hành sinh khác, đó là nhân tố rất quan trọng. Không những không nên xem nhẹ mà còn phải hướng giới khoa học chú ý đến nó, nếu không thì vấn đề sinh đẻ hợp lý chỉ là nói suông.

Một người có thể thành nhân tài hay không, đó là vấn đề rất phức tạp, không thể một hay hai câu cắt nghĩa rõ được. Nhưng sức khoẻ của một người tốt hay xấu, hoặc con cái của người đó khoẻ mạnh hay không, sau này lớn lên có tốt không đều có thể từ từ tinh của tử trụ người đó và hào tử tôn vượng suy để nhìn ra được. Nếu tử tinh ở vượng địa, lại được sinh phù thì sức khoẻ của con cái nhất định tốt và dễ nuôi.

Nếu tử tinh ở tử tuyệt, mộ địa lại bị khác thì không chết yếu cũng bị tàn phế, hoặc nhiều bệnh tật. Do đó khi chúng ta biết được tử tinh ở suy tuyệt, mộ địa thì lúc bắt đầu mang thai phải chọn tháng vượng, sau sinh ra mới có trường sinh. Ví dụ : mệnh thủy có thể sinh ở thân thì nên mang thai vào các tháng tỵ, hợi để đúng năm sau sinh được ở tháng trường sinh. Đứa con được sinh như thế sẽ khoẻ mạnh dễ nuôi. Vì thế mà các sách xưa đã bàn rất nhiều đến vấn đề con cái.

I. ĐOÁN CÓ THAI

Phương pháp dùng bát quái để đoán có thai, có người lấy hào thai làm dụng thần, có người lấy hào tử tôn làm dụng thần. Cả hai phương pháp này hiện tại đều dùng, có người thì quen dùng hào thai để đoán, có người quen dùng hào tử tôn làm dụng thần để đoán. Tôi thông thường lấy hào tử tôn làm dụng thần.

"Tăng san bốc dịch" nói : "Phương pháp đoán thai là : "Tử tôn hưu tử không phá, tán, thì bào thai chưa có". Tức là nói : Hào tử tôn lâm nhật nguyệt hoặc gặp nhật, nguyệt, hào động sinh phù, động mà hoá cát thì đều cho phép có thai. Nếu hào tử tôn : không phá, tán, tuyệt, hoặc bị hình xung khắc hại, hoặc động mà biến thành quan quĩ, hoặc hoá thành tuyệt, phá, hoặc quan quĩ biến thành tử tôn, hoặc phụ mẫu biến thành tử tôn, hay tử tôn hoá phụ mẫu thì chớ có thai. Nếu hào tử tôn động mà thành tuấn không thì không có trở ngại". Sách đó còn nói : "Thần phúc vượng tướng gặp sinh phù là điềm tốt", đều lấy hào tử tôn làm dụng thần.

"Bốc phệ chính tôn" nói : "Đoán có thai hay không lấy hào thai làm dụng thần : "phàm đoán có thai hay không nên chọn hào thai làm dụng thần, không nên chọn hào tử tôn. Nếu 6

hào trong quẻ và năm tháng ngày, giờ đều không có hào thai thì không có thai. Nếu trong quẻ có hào động hoá thành hào thai thì tuy trước mắt chưa có thai, nhưng sau đó tất có thai. Nếu hào thai đã xuất hiện thì tức là có thai rồi".

Thế nào là hào thai ? Ví dụ ngày nhâm quý gieo quẻ, nhâm quý là thủy, thủy trường sinh ở thân, đếm xuôi cho đến ngọ thì ngọ là hào thai. Nếu trong quẻ có ngọ, thì ngọ là hào thai. Những quẻ khác cách tính tương tự.

"Bức phê chính tôn" bàn về cách đoán có thai khá nhiều. Ví dụ : "Phàm hào thai vượng tướng lại có sinh phù, được mệnh phù trợ, không lâm quan qui, phụ mẫu và không vong thì thai tất thành. Nếu lâm hào dương thì sinh con dễ nuôi".

Phúc gặp thanh long, không vong bị chế ngự lại gặp hào thai phát động hoặc bị hào động, nhật thìn xung thì chắc chắn bị sảy thai.

Tử tôn mộ tuyết, lại bị nhật, nguyệt, hào động hình xung khác hại đó là điềm rất xấu, hoặc hào thai lâm quan qui, hoặc động mà hoá quan qui là thai chết. Hào thể tài bị tổn thương thì phải đề phòng cả hai mẹ con có nạn.

Người có thai đến đoán quẻ, trong quẻ không có hào quan qui, hoặc hào quan qui chân không, mộ, tuyết thì chồng người đó đã mất sau khi vợ có thai. Nếu hào quan qui phục ngâm mà vượng tướng là chồng được đề bạt, cất nhắc đi xa.

Huyết phối tức dương tinh và âm huyết tụ lại để chớm thành thai. Nếu đoán quẻ vào thời điểm đó mà hào thai gặp không vong thì trong đó chớm có thai nhưng không thành được.

Thai lâm hào quan qui hoặc bị nguyệt kiến, nhật thán hình xung khác hại đều có nghĩa là thai bị thương tổn. Thai lâm bạch hổ tất sẽ sảy thai. Thai lâm câu trần là thai đã hiện

rõ ; thai lâm thanh long là thai chưa lộ ; thai gặp tam hợp, lục hợp thì thai đang nhỏ. Thai đóng ở hào quan quĩ là người mẹ có bệnh ; hoặc hào tài hợp phúc thì sinh nở yên ổn.

Bạch hổ là thần huyết. Nếu gặp hào tử tôn hoặc hào thai phát động thì hào thai tất bị phá, gặp hào thê tài động cũng bị như thế.

"Đoán ngày giờ sinh đẻ" có câu "Hào tử tôn tuần không, vong là chủ về tổn thai, thanh long không vong là không có tin vui ; thanh long ở hào quan quĩ là sẽ sẩy thai ; quẻ nhiều hung sát, không có cát thần giải cứu thì cho dù thai không bị tổn thương nhưng cũng khó mà đẻ được".

Để con trai hay con gái, người xưa đều nghiên cứu cách đoán ra sao. Y học hiện đại tuy có thể phát hiện được, nhưng nghiên cứu dùng bát quái dự đoán vẫn có giá trị. Sự tổng kết của người xưa về mặt này như sau :

"Thiên huyền vũ" nói : "Hào tử tôn vượng tướng, nếu gặp hào dương nhất định sinh con trai. Phúc đức hưu tù nếu gặp hào âm là sinh con gái". "Nếu hào tử tôn thuộc dương, hào đầu, hào sáu thuộc dương, tức là dương bao âm thì sinh con trai.

Nếu hào tử tôn thuộc âm, hào đầu, hào sáu thuộc âm, đó là âm bao dương, nhất định sinh con gái.

Sách "Động lâm bí quyết" nói : "Hào dương biến thành âm thì sinh con gái ; âm động biến thành dương thì sinh con trai. Khi tĩnh nếu gặp phát động thì sinh con gái, vượng tướng nhất định sinh trai". Sách "Tăng san bốc dịch" nói : "Hào tử tôn động hoá thành tử tôn, hoặc trong quẻ hào tử tôn động nhiều hoặc hào tử tôn động lâm vượng tướng, hoặc hào khác biến ra hào tử tôn vượng tướng đều chỉ bào thai sinh đôi".

Sách "Bốc phê nguyên qui" nói : "Từ tôn cả hai đều vượng là biến thai... Trong đó có một suy, một vượng là một chết, một sống, một âm một dương là một nam một nữ. Cả hai hào tử tôn đều hiện nhưng một tĩnh, một động cũng sẽ là một nữ một nam. Dương biến thành âm là nam biến nữ. Nếu sáu hào đều tĩnh thì xem các hào bao quẻ : Âm bao dương thì sinh nữ, Dương bao âm sinh nam. Âm bao dương có các quẻ : khâm, đại quá, tiểu quá, hàm, hằng ; Dương bao âm có các quẻ : ly, trung phù, di, tốn. Quẻ có sáu hào đều tĩnh, nếu không có bao quẻ thì hào tử tôn trực dương là nam, trực âm là nữ. Quẻ có hào động, tuy có bao phù nhưng không dùng để đoán được mà xem hào động : một hào động, dương động là nữ, âm động là nam, hai hào động thì phải xem hào trên, ba hào động thì phải xem ở giữa, nhiều hào động thì có thể gieo quẻ lại".

Sách "bốc phê chính tôn" nói : "Quẻ có hai hào tử tôn, lại có hai hào thai đều không phát động là chủ về sinh đôi. Nếu tử tôn hoá thành tử tôn và thai hoá thai, nếu hoá ra thoái thần thì sinh đôi hồng. Âm Dương động tĩnh có thể đoán trai, gái : một động một tĩnh, một âm một dương là một trai, một gái. Quẻ không có hào tử tôn, nếu hào thai bị nguyệt kiến, nhật thần hoặc hào động hình khác, thì đó là tượng đại hung".

Hào tử tôn vượng tướng, hoặc hưu từ mà động, động hoá cát thì chủ về việc có con. Hào tử tôn hoá tiến thần, hoá sinh trở lại thì có nhiều con. Hào tử tôn mộ tuyệt, động biến thành quan quý, hoặc quan quý biến thành tử tôn, phụ mẫu hoá tử tôn hay tử tôn hoá phụ mẫu, phụ mẫu động khác tử tôn là quẻ không có con.

Ví dụ cổ : Ngày canh tuất tháng dậu đoán năm nào sinh con được quẻ "tiết" của quẻ "truân".

THUY LÔI TRUÂN

Huynh đệ tỵ thủy..
 Quan qui tuất thổ. ứng
 Phụ mẫu thân kim..
 Quan qui thìn thổ..
 Tử tôn dân mộc × thế
 Huynh đệ tỵ thủy.

THUY TRẠCH TIẾT

Huynh đệ tỵ thủy..
 Quan qui tuất thổ.
 Phụ mẫu thân kim.. ứng
 Quan qui sừu thổ..
 Tử tôn dân mộc.
 Thế tài tị hoá. thế

Hào tử tôn dân mộc trì thế mà hoá tiến thân là tượng có con nhưng trước mất dân mao mộc tuần không, mao lại gặp nguyệt phá nên phải chờ đến năm dân mới có con. Về sau tháng mao năm dân cả vợ cả và vợ lẽ sinh liền hai con. Mao mộc này tuy gặp nguyệt phá nhưng hợp nhật thìn, nên phải chờ cho hưu tử mới đắc dụng.

Ví dụ cơ : Ngày quý Hợi, tháng dân đoán có con hay không được quẻ "cấn" của quẻ "khôn".

KHÔN VI ĐỊA

Tử tôn dậu kim × thế
 Thế tài Hợi thủy..
 Huynh đệ sừu thổ..
 Quan qui mao mộc × ứng
 Phụ mẫu tị hoà..
 Huynh đệ mùi thổ..

CẤN VI SƠN

Quan qui dân mộc. thế
 Thế tài tỵ thủy..
 Huynh đệ tuất thổ..
 Tử tôn thân kim. ứng
 Phụ mẫu ngọ hoà..
 Huynh đệ thìn thổ..

Quẻ này hào tử tôn biến thành hào quan qui, quan qui biến thành tử tôn, đó là điềm không có con. Về sau lấy thêm vợ lẽ mới sinh được 4 con, nhưng sau đó lại mất cả, về già không con.

Ví dụ : Ngày bính thìn, tháng tân sừu năm 1986, cô Khoan Hồng ở công ty tôi có thai, đoán được quẻ "khôn" của quẻ "cấn"

THIÊN PHONG CẦU

Phụ mẫu tuất thổ ○

Huynh đệ thân kim ○

Quan quí ngọc hoá ○ ứng

Huynh đệ dậu kim ○

Tử tôn hợi thủy ○

Phụ mẫu sừ thổ.. thế

KHÔN VI ĐỊA

Huynh đệ dậu kim.. thế

Tử tôn hợi thủy..

Phụ mẫu sừ thổ..

Thê tài mao mộc.. ứng

Quan quí tị hoá..

Phụ mẫu mùi thổ..

1. Trong 1 quẻ có 5 hào đều phát động là sự việc lập đi lập lại không thuận.

2. Hào thế lâm nguyệt kiến còn được hào ứng ngộ hoá sinh, nên vượng lại vượng thêm, khác hào tử tôn nên rất xấu, là tượng chưa có thai.

3. Hào tử tôn bị phụ mẫu nguyệt kiến khác, còn mộ ở nhật thìn, câu trần động mà khác là tượng không tốt.

4. Hào tử tôn hoá quan quí lại hoá tuyệt địa : hào phụ mẫu sừ thổ hoá xung cũng là tượng xấu. Nếu tháng giêng năm 1987 có thai e rằng khó qua khỏi tháng 6 nên đã khuyên cáo, tốt nhất năm 1987 không nên có con. Về sau đúng là tháng giêng có thai và tháng 6 thai chết yểu. Đó gọi là hào tử tôn gặp sát thân hoá thành quan quí, khó mà ra đời được.

Đoán mang thai nếu gặp hào tử tôn vượng tướng, hoặc được nhật, nguyệt, hào động sinh phù mà hoá cát tất đứa con sẽ khoẻ mạnh hiền lành. Nếu hào tử tôn suy nhược sẽ sinh con ngu dại, ngớ ngẩn. Nếu hào tử tôn hưu, tù, mộ, tuyệt, không phá, lại gặp hình xung khác hại thì không thể có con hoặc sinh cũng như không. Nếu hào tử tôn gặp tuấn không thì không có hại, chờ xung xuất không sau đó sẽ có thai.

II. ĐOÁN VỀ VIỆC SINH ĐÉ

Phụ nữ trước khi sinh hoặc lúc sắp sinh cũng có thể dùng bát quái để đoán, vấn lấy hào tử tôn làm dụng thần. Sách "Bốc phê chính tôn" có nói : "Nếu người chồng xin đoán quẻ thì hào thể tài là sản phụ, hào thai là bào thai, thần phúc là đứa con. Cả 3 nếu gặp nguyệt kiến, nhật thìn, hào động sinh phù cùng hợp lại trợ giúp thì sản phụ yên, bào thai ổn, dễ sinh con. Nếu gặp hình xung khắc hại thì sản phụ dễ tai nạn, bào thai không yên, sinh con khó nuôi. Nếu gặp không, tuyệt tình trạng cũng tương tự.

Đoán về việc sinh đẻ lấy thanh long làm điểm tốt. Nếu hào tài phúc động thì sắp đến ngày sinh, cần phải chuẩn bị ngay. Được tử tôn hào thai khắc thế thì rất gần ngày sinh, lúc đó chỉ đoán theo ngày giờ nữa thôi.

Thai phúc bất động, lại không có ám xung tất sẽ đẻ muộn, phải chờ đến ngày, tháng xung khắc xong mới đẻ. Hào hai thai phúc phát động thì dễ sinh. Nếu bị hào quan quý, hào phụ mẫu động hợp lại ràng buộc, hoặc nhật thìn hợp lại ràng buộc đều biểu thị khó sinh, chờ đến ngày giờ xung phá mới sinh được.

Nếu hai hào tử tôn và thể tài ở đất mộ tuyệt là xấu, khi có nhật thìn, hào động sinh phù thì mới gọi là có điểm cứu nguy.

Bạch hổ lâm hào quan tài phát động hoặc lâm hào thể tài hoá cung, hoặc lâm hào quan quý động không hoá không, hoặc bị xung tán, nếu đẻ non thì không nuôi được.

Phúc thần phát động, nhật thìn xung thai, thì tức là sinh ngay tức thì hoặc sinh vừa xong.

Quẻ gặp du hỗn, hào quan quý trực tuần không, nếu không gặp nguyệt kiến thì không phải con của chồng. Nếu chồng tự

đoán quẻ thì đừng bàn đến hào quan quý mà chỉ bàn đến hào thể. Nếu hào thể tuần không lại gặp quẻ du hôn thì cưới xong là sinh.

Hai hào phụ mẫu và huynh đệ dương quyền vượng tướng, động để hình khác hào tử tôn, hào thể tài thì hai hào tài phúc không có cứu trợ, cả mẹ và con đều xấu.

Quan quý hoá xuất tử tôn là trước khi có thai mẹ đã có bệnh. Thế tài hoá quan quý thì sau khi sinh nhiều nạn. Khi hào huynh đệ khác thế tài, hoặc hào huynh đệ tuần không thì vợ an toàn. Hào phụ mẫu độc phát, hào tử tôn lại không hiện thì sinh để thuận lợi.

Hào huynh đệ động khác thế tài, hào phụ mẫu động khác tử tôn. Nếu chống xem quẻ cho vợ sinh mà thấy hào huynh đệ động thì sinh để không yên, thấy hào phụ mẫu động thì khó cho con.

Hào phụ mẫu phát động là khắc con. Nếu hào phúc có nguyệt kiến nhật thì sinh phù hoặc gặp thuận không thì không bị khắc, nên không có gì đáng lo.

Sách "Đoán thiên cơ" nói : "Nếu hào tử tôn lâm sát thì tử tôn bị hoạ, còn hào tử tôn yên thì có thể sinh". Đoán sinh để kỵ nhất là gặp sát động. Nếu hào phụ mẫu, hào huynh đệ có sát động thì xấu. Hào quan quý lâm sát thì mẹ có điều lo. Trong quẻ không có hào phụ mẫu lại không có cả hào tử tôn thì vô cùng xấu. Nếu có hào phụ mẫu nhưng hào tử tôn vô khí cũng không tốt. Hào thể hợp hào tử tôn thì nhất định sinh tốt.

Thanh long là thần sinh dưỡng, rất nên vượng tướng và nắm quyền phát động, tất nhiên được như thế sẽ sinh quý tử.

Người xin đoán quẻ đều lấy bạch hổ làm hung thần. Bạch hổ là thần huyết, phạm đoán sinh hay gặp bạch hổ, nếu được

tử tôn rơi vào các hào canh thân, tân dậu thì sẽ sinh rất nhanh, thậm chí sinh ngay trong ngày đó. Vì bạch hổ có thể phá thai nên thôi thúc sinh nhanh.

Hào thai tử tôn lâm quan qui hoặc hoá xuất quan qui, hoặc bị quan qui xung khắc thì sẽ đẻ rơi.

Càn là đầu, ly là mắt, khâm là tai, đoài là miệng, gặp bốn quẻ ấy là dễ đẻ. Khôn là bụng, cấn là tay, chấn là chân, tốn là đùi, nếu gặp bốn quẻ này thì đẻ khó. Gặp sinh vượng càng thêm khó, có giải cứu thì tốt vừa vừa. Hào thế gặp thai dương thì đó là ngày sinh. Hào thế bất đầu là trường sinh, nếu gặp ngày thai dương là có thể sinh ngay ngày đó.

Sách "Tăng san bốc dịch" nói : "Thời điểm sinh có chia ra xa và gần. Xa ứng theo tháng, gần ứng theo ngày. Hào tử tôn động gặp hợp gặp trực, tính gặp trực gặp xung, tuần không chờ đến ngày xung mất không là đẻ. Bạch hổ gặp huynh đệ mà động, gặp ngày trực là đẻ. Hào tử tôn lâm tuyết, chờ ngày sinh vượng là đẻ. Hào tử tôn gặp trường sinh chờ ngày thai dương là đẻ.

Ví dụ cổ : Ngày Ất Hợi tháng Tý đoán đẻ có tốt không, được quẻ "tiểu quá" của quẻ "phong"

LÔI HOÀ PHONG

Quan qui tuất thổ..

Phụ mẫu thân kim.. thế

Thế tài ngộ hoá.

Huynh đệ hơi thủy.

Quan qui sừu thổ.. ứng

Tử tôn mảo mộc ○

LÔI SƠN TIỂU QUÁ

Quan qui tuất thổ..

Phụ mẫu thân kim..

Thế tài ngộ hoá. thế

Phụ mẫu thân kim.

Thế tài ngộ hoá..

Quan qui thìn thổ.. ứng

Thế tài ngộ hoá gặp hưu tù mùa đông, lại nguyệt phá nhật khác, đều không có lợi cho sinh đẻ, mệnh khó giữ. Hào tử

tôn mao mộc tuy lâm vượng của nhật, nguyệt, nhưng hoá quan quý là điểm không tốt. Về sau cả 2 mẹ con đều chết.

Ví dụ cổ : Ngày mậu tý tháng dần, đoán sinh con yên ổn hay không, được quẻ "quan" của quẻ "bốc".

SƠN ĐỊA BỐC

Thê tài dần mộc.

Tử tôn tý thủy × thê

Phụ mẫu tuất thổ..

Thê tài mao mộc..

Quan quý tị hoá.. ứng

Phụ mẫu mùi thổ..

PHONG ĐỊA QUAN

Thê tài mao mộc.

Quan quý tị hoá.

Phụ mẫu mùi thổ.. thê

Thê tài mao mộc..

Quan quý tị hoá..

Phụ mẫu mùi thổ.. ứng

Hào tử tôn tý thủy biến thành hào quan quý, biến tuyệt, giờ tị hôm nay đẻ rơi mà mất con. Quả ứng như quẻ. Hào tử tôn hoá quan quý, quan quý hoá tử tôn thì sinh 100 lần không được 1 lần.

III. ĐOÁN CON TỐT HAY XẤU

Trẻ em sinh ra tốt hay xấu ? "Bốc phệ chính tôn" có nói : Xem quẻ của nó sẽ biết được.

Hào tử tôn nếu gặp lộc, mã, quý nhân là chủ về đứa con này về sau sẽ gặp quý hiển.

Quẻ khôn là quẻ đầu của bát quái, thuộc kim, là quẻ số 1, là tượng thuận dương, dương chủ về thành đạt, kim chủ về thông minh, số 1 là số bắt đầu, nếu gặp long đức và tử tôn ở cung này tất sẽ có con thông minh như ý muốn.

Quẻ lục hợp âm dương mỗi thứ 1 nửa, sinh con gặp quẻ này thông minh, sáng sủa, sau lớn lên tài văn chương xuất chúng như Lý Bạch.

Thanh long là cát thân, phụ mẫu là văn thơ học tập, nếu thanh long lâm trì thế hoặc sinh hợp thế thì phúc đức, con sinh ra hiếu học.

Tuế là tượng của quân, hào tử tôn lâm tuế thì con cái có chí lớn siêu quần.

Tuế quân trực phúc. Con có chí lớn. Song nếu hào quan quĩ bị chế hợp, rơi vào tuần không vong thì dù có chí lớn nhưng kết cục vẫn không toại nguyện, nếu quan quĩ không bị thương tổn thì thành đạt, xuất tướng nhập tướng.

Hào thế có cát thân vượng tướng, lại được hào tử tôn sinh phù là chủ về con hiển dễ làm nên nghiệp lớn.

Hào tử tôn nếu vượng, không tuần không và không bị thương hại sẽ sinh ra con hiển lành, tốt.

Quẻ có hào phụ mẫu lại hoá xuất phụ mẫu để sinh hợp thế, tất con sẽ thờ hai cha mẹ.

Quẻ có hào tử tôn lại hoá xuất tử tôn của cung khác và sinh hợp với hào thế là có con nuôi.

Hào tài động hoá xuất tử tôn sinh hợp hào thế là có hiền đức. Hào tử tôn trì thế thì con hiếu thuận.

Hào tử tôn biến động, nguyệt phá, hào quan quĩ hưng vượng tương hợp với hào huynh đệ hoặc động biến lâm huyền vũ hoặc tương hợp với huyền vũ thì con không giống mình. Huynh đệ là thân phá bại, quan quĩ nhiều tại vạ ; huyền vũ là sao nguy hiểm, bị trộm cướp, nguyệt phá là thân thất bại.

Phạm phụ mẫu động khác tử tôn, nếu được tử tôn trực nhật thìn, nguyệt kiến thì tuy mờ ám nhưng vô hại.

Hào tử tôn hưu tù hoặc hoá quan quĩ, hoá phụ mẫu đều là điềm chết. Nếu lâm quý nhân lộc mã vượng tướng thì còn đỡ.

Chấn là chân, nếu gặp quan qui hung thần hình khác thì đi sẽ chậm.

Tử tôn vượng tướng không bị thương tổn thì con béo để nuôi, tử tôn hưu tù bị khác thì con gầy yếu khó nuôi.

Tử tôn vượng tướng thì sữa nhiều, hưu tù không phá thì sữa ít. Sợ nhất là hào phụ mẫu động, tình mà gặp xung thì không thiếu sữa cũng sẽ khác con.

Phụ mẫu trì thế, con nhiều tai nạn ngầm, nuôi nặng khó khăn vì phụ mẫu là thần lao khổ, là ác sát con cái.

Tử tôn từ cung khác hoá ra là con nuôi, nếu tương hợp với hào tài và đi với hàm trì, huyền vũ là có tình riêng với tì thiếp.

Hào thế vượng, tử tôn khác thế là con ngộ ngược. Ngày xưa bàn về con cái, phần nhiều bàn đến con trai, ít bàn đến con gái, đặc biệt khi bàn đến có mấy đứa con thường chỉ kể con trai, không kể đến con gái.

Ngày nay đang kêu gọi sinh đẻ có kế hoạch, vì vậy chỉ nên có một hoặc hai con, nên đoán có mấy con không còn có ý nghĩa lắm. Tuy nhiên về mặt học thuật thì cũng nên nghiên cứu.

Chương 19

TÀI VẬN

Tiền của là nguồn dưỡng mệnh của con người, không thể không có. Trong tin tức của tứ trụ : năm, tháng, ngày, giờ sinh của con người đã có tiêu chí tài vận. Có người của nhiều, có người của ít ; có người có của, có người không có của, có người của đến tay giữ được, có người của đến không những không giữ nổi mà còn xảy ra vấn đề. Cho nên, khi nào nên cầu tài, khi nào không nên ; hướng nào có thể cầu tài, hướng nào không những không được cầu tài, mà còn gây ra mất mát đều có 1 qui luật nhất định. Các thông tin về tài vận đối với một người, một đơn vị tập thể hoặc cơ quan quốc doanh đều rất quan trọng. Có người do không biết thông tin về tài vận, mù quáng mở xí nghiệp, mở cửa hàng, kết quả không lỗ vốn thì cũng đóng cửa. Có người cầu tài không biết dự đoán mà chỉ biết bôn ba khắp nơi, kết quả là vất vả, gió táp mưa sa như Khương Tử Nha vậy. Có người khi gặp vận may, hàng vạn quan ở trong người, nhưng chẳng bao lâu đã xảy ra tai hoạ, như từ trên trời rơi xuống, trong chốc lát khuynh gia bại sản. Do đó muốn biết các thông tin về tài vận trước tiên phải dự đoán, sau đó mới hành động, đó mới là thượng sách.

Xưa nay, người ta đối với đồng tiền có 2 loại quan điểm đối lập nhau. Phần nhiều đều ý thức một cách rõ ràng rằng không nên tìm đồng tiền bất nghĩa, điều đó phù hợp với đạo lý "không nên kiếm tiền một cách vô nhân đạo". Những người cao thượng, chính trực càng nên tôn trọng nguyên tắc "của là vật không gắn với người, không ai sinh ra đã có của, lúc

chết cũng không mang đi được". Của cải là lấy từ trong xã hội ra rồi lại dùng cho xã hội, vì sự tiến bộ của xã hội và nhân loại mà làm phúc. Cho nên không ít người, sau khi giàu có thì đem tiền xây dựng bệnh viện, trường học, sửa đường bắc cầu, tu tạo đền miếu... làm nhiều việc thiện, đưa lại lợi ích cho xã hội, để phúc đức về sau và được mọi người kính trọng, để tiếng thơm mãi mãi.

Nhưng có số ít người hiểu sai rằng "tiền là tất cả". Tồi cho rằng ý nghĩa thực tế của đồng tiền là, nếu một người âm mưu vụ lợi thì lòng đen tối, thậm chí cho dù người khác sống hay chết, cứ thấy của là tham, lòng tham vô đáy, do đó tìm cách kiếm tiền không chính đáng, cuối cùng vì tiền mà sinh hoạ. Chim tham mồi không biết chọn miếng ăn, ăn liều, ăn bậy không lường được hậu quả, cuối cùng hoặc bị mắc bẫy, hoặc bị trúng độc. Có người lại quan niệm rằng "nay có rượu thì nay say, cho dù ngày mai uống nước lã". Người như thế thì ý nghĩa cuộc sống cũng chẳng khác gì động vật là bao. Nước ta xưa có câu : "Cầu tài có phương, được của phải có đạo lý". Tức là nói phương pháp kiếm của phải chính đáng, cách kiếm của phải rõ ràng. Của như thế sẽ giữ được chắc. Nếu dùng thủ đoạn đê tiện để lừa dối, trộm cắp, cướp đoạt, tham ô, tư túi, đánh bạc... thì bất kể là cá nhân hay đơn vị, là địa phương hay quốc gia đều nhất định sẽ mắc phải những tai hoạ. Điều này cho dù là cá nhân, dân thường hay quan lại đều không thể tránh khỏi. Tai hoạ đến sớm hay muộn thì phải xem tài vận và niên vận của người đó.

I. DỰ ĐOÁN CẦU TÀI

Tài phúc đều phải vượng, không được thương tổn, tài là gốc, phúc là nguồn, cả hai đều nên sinh ở vượng địa, không

nên gặp khác thương, như thế dù cầu tài cho cá nhân hay cơ quan đều được.

Thần phúc sinh tài là nước có nguồn : hào tử tôn là nguyên thần của tài, đoán cầu tài mà được hào tử tôn vượng tướng, động mà sinh tài, hợp tài thì không những được của rất to mà giống như nước có nguồn, của sẽ liên tục ùn ùn kéo đến.

Phúc lâm nguyệt kiến là thần diệu : đoán tài vận gặp hào tử tôn lâm nguyệt kiến nhật thần, động mà tương hợp tương sinh với tài thì cầu tài tất được.

Phúc gặp thanh long là rất tốt : tử tôn là thần phúc, là nguyên thần của tài, thanh long là cát tinh, nếu hào tử tôn gặp thanh long phát động mà sinh tài hợp tài, hào thế vượng đắc địa thì tài vận hanh thông, thuận lợi.

Hào thế ở vượng địa có thể cầu tài : Hào thế như thân thế con người, thân thế cường tráng có thể gánh hàng trăm cân, thân thế suy nhược, nhiều bệnh thì khó mà gánh nặng, cho nên tài nhiều tài vượng đòi hỏi hào thế phải sinh vượng mới đáp ứng được.

Phúc biến thành tài thì nguồn lợi sẽ nhiều : Hào tử tôn động để sinh tài, hoặc động để hoá tài, hay tài động hoá tử tôn đều chỉ đó là nguồn tài dồi dào, cầu thì sẽ được.

Phúc tài hợp thế sẽ được tài (của) nhiều : hào thế vào hào tài tử tôn hợp thành tài cục, hoặc tử tôn cục sinh thế thì cho dù cầu tài cho cá nhân hay tập thể đều dễ được và được rất nhiều.

Quan quý hoá tài thì lợi cho cơ quan : hào quan quý hoá tài mà sinh hào thế rất có lợi cho cơ quan cầu tài.

Hào quan quý động sinh thế lợi đủ mọi phía : Cầu tài lấy hào quan quý làm chủ, nếu hào quan quý phát động sinh hợp hào thế thì tất nhiên mãn ý vô cùng.

Hào huynh đệ động sinh hào tử tôn thì bền vững : đoán cấu tài mà được hào tử tôn phát động, lại không bị thương tổn thì nguồn tài dồi dào. Nếu hào huynh đệ động sinh hào tử tôn thì tài nhiều và vững chắc.

Tài sinh thế thì suốt đời được lợi : tài vô khí, hào thế đắc địa, gặp vượng tất sẽ phát, nhưng hào thế khi đó phải có thần phúc sinh trợ.

Hào thế khắc tài hưu tử thì bất lợi : hào thế khắc hào tài thì đừng nói đến chuyện cấu tài, vì cấu tài không có lợi.

Hào tài khắc hào thế thì cầu tài sẽ được : đoán cấu tài được hào tài khắc hào thế là của tìm đến mình, hễ cấu là được. Nếu tài khắc thế thì đừng cho đó là điềm xấu.

Tài nhiều quá vượng thì phải có kho tàng chứa cất : trong quẻ tài lâm nhật nguyệt lại được hào động sinh tài là tài tinh rất vượng, hoặc động biến thành hào tài, nhật kiến làm tinh tài là của chống chất, cấu là được. Nhưng phải chờ cho đến ngày tài nhập mộ kho thì của mới đến tay. Nếu kim tài là tài tinh thì ngày sừ mới cấu được. Những cái khác cũng tương tự như thế.

Tài, quan tri thế tốt tương sinh : hào quan tri thế, hoặc hào tài tri thế là tài quan tương sinh, hễ cấu là được. Hào tài sinh thế là tượng dễ được của.

Hào quan quý hoá tài, hoặc tài hoá quan quý là quẻ có cát có hung : quan quý hoá tài mà khác thế là được tài tốt. Tài hoá quan quý mà khác thế là vô cùng xấu.

Hào tài hợp thế là của đến tìm mình : hào tài tri thế, sinh thế, hợp thế, khác thế đều là của đến tìm mình, cấu là được. Nếu hào tài và hào thế không liên quan với nhau, tức là mình đi tìm của và khó mà tìm được.

Thần nhược mà gặp tài vượng thì có thể cầu tài : hào thế hưu tù, tài lâm vượng địa thì cầu tài sẽ được. Nếu thần vượng càng tốt.

Hào thế tĩnh được tài sinh thì dễ cầu tài : hào thế yên tĩnh, nếu được tài đến sinh thì cầu tài dễ được.

Hào gặp lục hợp thì cầu tài tốt : đoán cầu tài gặp quẻ lục hợp, hào tài vượng tướng, hoặc hào thế tương hợp với tài quan là tượng cát tường.

Hào tài trị thế chủ về tài phồn vinh, hào tài hoá tiến thần mà sinh thế là trên găm còn thêm hoa.

Hào quan quý, huynh đệ đều động là tài không bị tổn thương : huynh đệ là thần khắc tài, cầu tài kiêng kỵ nhất. Nếu trong quẻ hai hào quan quý và huynh đệ đều động thì huynh đệ không làm tổn thương tài, hào quan quý động sẽ kiểm chế hào huynh đệ.

Huynh đệ nhiều, lại nhập mộ là tài đến tay : huynh đệ là thần của kiếp tài. Xưa có câu : "Một huynh đệ động thì kiếp tài, nhưng nhiều huynh đệ động thì không kiếp tài". Sách "Tăng san bốc dịch" có nói : "Quẻ có nhiều hào huynh đệ, chờ cho đến ngày hào huynh đệ nhập mộ, hay ngày hào huynh đệ bị khắc tổn thương thì sẽ có tài". Kinh nghiệm thực tế là : hào huynh đệ nhiều mà nhập mộ hoặc bị nhốt vào mộ kho, không thể kiếp tài thì ngày đó cầu tài là được. Hào huynh đệ bị quan quý khắc chế cũng là như thế.

Phụ mẫu hoá tài thì được tài nhưng gian khổ : phụ mẫu là thần gian khổ, nên phụ mẫu hoá tài thì cầu tài khó được, nếu được cũng phải bồn ba gian khổ nhiều.

Quẻ trước có tài, quẻ sau không có tài là bất lợi về sau, quẻ trước không, quẻ sau có là gian khổ ở phần trước.

Tài hợp nhật thìn, hợp thế, hợp ứng và hào tử tôn, đều chỉ có thể chờ đến ngày hoặc giờ gặp mộ kho thì của mới đến tay.

Quẻ chủ không có tài nhưng nguyệt (tháng) có tài : quẻ chủ không có tài mà nguyệt kiến lâm tài tinh thì có thể phò trợ quẻ chủ phục tài để đến trực nhật là được tài.

Nhật thìn khác tài, ngày xuất sẽ được tài : hào tài vượng tương, sinh thế, hợp thế, tri thế là tượng được tài. Nếu bị nhật thìn khác phá thì ra khỏi ngày đó là được tài.

Hào huynh đệ lâm phá, không khác biến ra tài : hào huynh đệ động hoá xuất hào tài, nhưng nếu huynh đệ lâm nhật phá, nguyệt phá cũng không khác sự biến ra tài.

Sự ứng nghiệm ngày được tài : tài động gặp tuyệt, phải chờ đến ngày sinh vượng, gặp xung phải chờ ngày hợp, gặp yên tĩnh phải chờ ngày xung. Hào tài nhập mộ hoặc bị hợp chặt phải chờ đến ngày xung khai. Hào tài động gặp nguyệt phá, phải chờ đến ngày phùng hợp, gặp tuấn không phải chờ ngày xuất không, phục tàng phải chờ ngày xuất hiện.

Ví dụ : Ngày mậu tuất tháng tị đoán cầu tài được quẻ "ích"

PHONG LÔI ÍCH

Huynh đệ mao mộc. ứng

Tử tôn tị hoá.

Thế tài mùi thổ..

Thế tài thìn thổ.. thế

Huynh đệ dần mộc..

Phụ mẫu tý thủy.

Hào thế tài thìn thổ tri thế được nguyệt kiến sinh, vì thìn thổ tuần không gặp nhật kiến xung nên xuất không, hôm nay tất được. Quả nhiên hôm đó được của.

Ví dụ : Ngày mậu dần tháng tị đoán ngày nào được của, được quẻ "phong" của quẻ "ly".

LY VI HOÁ

Huynh đệ tị hoà ○ thế

Từ tôn mùi thổ..

Thế tài đậu kim.

Quan quý hội thủy. ứng

Từ tôn sửu thổ..

Phụ mẫu mao mộc.

LÔI HOẢ PHONG

Từ tôn tuất thổ..

Thế tài thân kim.. thế

Huynh đệ ngọ hoà.

Quan quý hội thủy.

Từ tôn sửu thổ.. ứng

Phụ mẫu mao mộc.

Hào thế tài đậu kim yên tĩnh, gặp ngày xung tất sẽ được. Ngày mai là ngày mao của sẽ đến tay. Quả đúng như thế. Quẻ này hào huynh đệ tị hoà tri thế mà động, nên là kiếp tài, nhưng huynh đệ động nhập mộ nên không kiếp tài được.

Ví dụ : Ngày canh thân tháng mao năm 1987, Vương Trúc đoán tài vận được quẻ "ly" của quẻ "lữ".

HOẢ SƠN LỬ

Huynh đệ tị hoà.

Từ tôn mùi thổ..

Thế tài đậu kim. ứng

Thế tài thân kim.

Huynh đệ ngọ hoà..

Từ tôn thìn thổ × thế

LY VI HOÁ

Huynh đệ tị hoà. thế

Từ tôn mùi thổ..

Thế tài đậu kim.

Quan quý hội thủy. ứng

Từ tôn sửu thổ..

Phụ mẫu mao mộc.

LỤC THẦN

Phi xà

Câu trăn

Chu tước

Thanh long

Huyền vũ

Bạch hổ

Quẻ gặp lục hợp biến thành lục xung, hào thế tài đậu kim lại lâm nguyệt kiến xung phá là điểm không được của. Hào thế từ tôn hoá mao mộc lâm thái tuế khác trở lại, 1 năm khó xin, lại lâm hổ động chủ táng, nên không những không

có của mà còn phải để phòng tai nạn. Hào tử tôn trỉ thế, bản thân mình bình yên nhưng để phòng người nhà gặp hoạ. Tháng 9 năm đó chống bà ta bị bệnh nhồi máu cơ tim mà chết.

Ví dụ : Ngày canh tý, tháng mùi đoán tài vận được quẻ "tiểu súc".

PHONG THIÊN TIÊU SÚC

Huỳnh đệ mao mộc.

Tử tôn tị hoá.

Thê tài mùi thổ.. ứng

Thê tài thìn thổ.

Huỳnh đệ dân mộc.

Phụ mẫu tý thủy. thế

Hào thê tài mùi thổ lâm nguyệt kiến mà khác hào thế là tượng được của. Ngày mai sừu thổ lâm tài là ngày tài vượng lại trùng lập, thìn là kho, là thu tàng, nên ngày thìn sẽ được. Quả đúng thế.

Ví dụ : Ngày giáp tuất, tháng kỷ mùi, năm 1988, Cô Thường Lan ở công ty tôi hỏi gần đây tài vận có tốt không. Được quẻ "trung phù" của quẻ "tốn"

SON TRẠCH TỖN

Quan quý dân mộc. ứng

Thê tài tý thủy ×

Huỳnh đệ tuất thổ..

Huỳnh đệ sừu thổ.. thế

Quan quý mao mộc.

Phụ mẫu tị hoá.

PHONG TRẠCH TRUNG PHÙ

Quan quý mao mộc.

Phụ mẫu tị hoá.

Huỳnh đệ mùi thổ.. thế

Huỳnh đệ sừu thổ..

Quan quý mao mộc.

Phụ mẫu tị hoá. ứng

Hào huynh đệ sửu thổ trí thế lại hoá huynh đệ vốn là không thể được của. Nhưng hào thế tài tý thủy động lại hợp vào hào thế là của đến tìm mình nên là tượng được của. Vì trong quẻ hào huynh đệ lâm nhật, nguyệt kiến, vượng và thái quá, phải chờ đến ngày canh Thìn là ngày 11/6, mộ kho thu tàng mới có thể tiến tài. Về sau đúng ngày canh Thìn quả có tiến tài.

Quẻ không có tài phúc thì ướng công vô ích : đoán quẻ cấu tài mà không có hào tài, không có hào tử tôn thì cấu tài vô ích.

Tài hưu tử tuyệt thì nên ở nhà : trong quẻ hào tài, hào tử tôn hưu tử, tuần không, phá, tử tuyệt, hoặc hình xung khác hại là biểu hiện không có tài, đừng cấu vô ích.

Phụ, huynh đều động thì như "vớt trăng đáy ao" : hào phụ mẫu động khác hào tử tôn, hào huynh đệ động khác hào tài, cấu tài mà gặp hai hào này động thì chẳng khác gì "vớt trăng đáy nước" !

Huynh động không có hào quan quý tất sẽ hao tài : huynh đệ là thân của cách trở, tiêu hao. Đoán cấu tài kỹ nhất là hào huynh đệ động, nếu không có hào quan quý động để chế ngự hào huynh đệ thì sẽ làm hao tổn tài là chắc chắn.

Có phúc mà không có tài thì kỹ nhất là hào huynh đệ động : hào tài trị thế, hào huynh đệ phát động thì không những có tai hoạ về kiếp tài, mà còn cần để phòng cãi vã. Nếu hào quan quý động khác hào thế thì càng xấu hơn nữa.

Hào huynh đệ lâm tuế quân là suốt năm hao phá tài : đoán cấu tài gặp hào huynh đệ lâm tuế quân mà quẻ động thì suốt năm sẽ hao phá của. Ví dụ năm 1988 tôi đoán về thiên tai của nước nhà, gặp hào huynh đệ lâm tuế quân mà

động cho nên năm đó Trung Quốc thiên tai nhiều. Cầu tài gặp quẻ như thế thì nên ở nhà không nên đi ra cửa.

Quẻ gặp lục xung, tuần không mà lại không bị không : quẻ gặp lục xung, dụng thần bị khắc, không những không có của để cầu mà còn phải để phòng tai nạn.

Phúc đức bị thương sẽ bị lỗ vốn : hào tử tôn là nguyên thần của tài, nếu hào tử tôn bị thương tổn thì không những không có của để cầu mà ngược lại còn lỗ vốn.

Nhật hợp động thì của khó đến tay : hào tài bị nhật thìn hợp chặt thì của bị người khác nắm chặt, không thể đến tay mình được. Phải chờ cho đến ngày xung mất mới cầu tài được. Khi nhật thìn hợp tài sinh thế là của đến ngay.

Hào thế, hào ứng đều tuần không thì cầu tài nhưng không được : hào thế tuần không là có của nhưng khó cầu được, hào ứng tuần không là khó dựa nhờ vào người khác. Hào thế, hào ứng đều tuần không thì cầu nhưng không được.

Trên đường đi có quan hưu xuất môn : năm hào là đường đi, nếu gặp quan qui phát động thì dọc đường có nhiều nguy hiểm, không nên ra đi. Nếu lâm bạch hổ là có phong ba, lâm huyên vũ là gặp bọn cướp giết.

Hào phụ mẫu, huynh đệ có khí, tài gặp tuyệt địa, an phận thù thường là thượng sách.

Hào quan qui hoá thế tài khác hào thế là cát, tài hoá quan qui khác thế là tượng đại hung.

Hào thế tài lâm ác hung thì phải đề phòng nguy hiểm : hung thần xung tán hào tài tất sẽ có phong ba hiểm trở. Kiếp hung lâm hào tài là không tốt, nếu lâm hào huynh đệ động thì phải để phòng bị cướp.

Hào quan quý khác thế lại làm tổn thương thân, thì cầu tài cho công và tư đều bất lợi, lúc đó không hao của thì cũng sẽ vì của mà dẫn đến tai họa.

Ví dụ : Ngày mậu ngọ, tháng dậu đoán cầu tài, được quẻ "cách"

TRẠCH HOẢ CÁCH

Quan quý mùi thổ..

Phụ mẫu dậu kim.

Huynh đệ hợi thủy. thế

Huynh đệ hợi thủy.

Quan quý sửu thổ..

Tử tôn mao mộc. ứng

Hào phụ mẫu lâm nguyệt kiến sinh trợ cho hào thế huynh đệ hợi thủy, trong quẻ lại không thấy hào tài cho nên không có của để mà cầu.

Ví dụ : Ngày Ất mao, tháng mao, đoán cầu tài, được quẻ "lữ"

HOẢ SƠN LỮ

Huynh đệ tị hoả.

Tử tôn mùi thổ..

Thê tài dậu kim. ứng

Thê tài thân kim.

Huynh đệ ngọ hoả..

Tử tôn thìn thổ.. thế

Quẻ gặp lục hợp, hào thế và hào ứng tương sinh lại tương hợp, là tượng có của nhưng vì hào ứng thê tài gặp nhật nguyệt xung mà phá thành ra không có của. Về sau đúng là người

khác được của. Đó gọi là chỗ hợp gặp xung, trước hợp sau tan.

II. DỰ ĐOÁN VỀ BUÔN BÁN, KINH DOANH

Dù là quốc doanh, tập thể hay tư nhân, hoặc công ty cũ hoặc mới, hoặc nhà máy, cửa hàng đang chuẩn bị xây dựng khai trương đều có thể dự đoán các thông tin về tài vận và nguồn tài.

Phàm là xí nghiệp quốc doanh, tập thể, cơ quan doanh nghiệp hay tư nhân, lúc đoán tài vận tốt nhất là người phụ trách tự mình đến đoán. Như vậy mới có thể phản hồi được thông tin chính xác nhất.

Hào thế là mình, hào ứng là người khác : phàm đoán tài vận, hào thế là mình, hào ứng là người khác, là kế toán, là khách hàng, nên tương sinh tương hợp, hoặc ngang hoà mới tốt.

Hào thế, hào ứng tương sinh là đồng tâm hiệp lực : hào thế là mình, hào ứng là người khác, hào thế và hào ứng vượng mà tương sinh là chủ, khách đồng tâm hiệp lực, càng làm càng mạnh.

Hào thế, hào ứng tương khắc tất có biến : hào ứng sinh hào thế là người khác có lợi cho mình ; hào thế sinh hào ứng là mình có lợi cho người khác. Thế, ứng tương khắc tương hình thì cả 2 bên đều có biến. Hào thế khắc hào ứng là người khác làm theo ý mình, hào ứng khắc hào thế là mình bị lừa dối.

Hào huynh đệ gặp huyền vũ là bị cướp : hào ứng lâm hào huynh đệ huyền vũ là sẽ bị mất trộm. Hào ứng lâm hào thế quan quỷ khắc nhất định sẽ có tai hoạ.

Hào thế thế tài và hào ứng huynh đệ thì sẽ gặp trộm cướp : hào thế thế tài, hào ứng là huynh đệ hoặc phụ mẫu

tất sẽ bị trộm hoặc bị người khác lừa. Hào thế thế tài, hào ứng là tứ tôn sẽ bị người khác hà hiếp ; hào thế, hào ứng đều là tuần không thì giữa mình và khách sẽ nghi ngờ giá đối lẫn nhau.

Hào thế hào ứng tương khắc cuối cùng sẽ trở thành thù nhau : hào ứng sinh thế, hợp thế thì giao dịch dễ dàng ; hào thế, hào ứng tương xung tương khắc thì dù là bạn cũ cũng sẽ thành thù.

Hào thế, hào ứng đều tuần không thì dùng mở cửa hàng : hào thế hào ứng nên vượng không nên không, hào thế không tất nhiên là lỗ, hào ứng không thì không có cửa để kiếm lời.

Hào tài trị thế là chủ về của cải phồn vinh, hào tài khác thế tất sẽ được lời.

Hào thế bị hào ứng gay tổn thương thì có hại : hào thế nên sinh vượng, nếu bị hào ứng tương khắc tức là có hại, sổ sách không rõ ràng, hào tài bị khắc là bị man trá lừa dối, hào huynh đệ khắc tài thì sổ sách rơi vào vòng luẩn quẩn.

Tài là nguồn của bản phúc, nên sinh vượng : hào tài là vốn, hào tứ tôn là nguồn của. Nguồn vốn sinh vượng thì tài vận hưng thịnh, nên tàng vũng vàng.

Giá lên cao, giá xuống thấp thì phải xem tiến thoái : mua hàng vào gặp hào tài hoá tiến thân là giá sẽ lên cao ; hoá thoái thân là giá sẽ xuống thấp, nên dừng mua vào, và nên bán nhanh ra.

Giá cao thấp phải xem vượng suy : hào tài suy sẽ biến thành vượng thì trước mắt giá tuy rẻ nhưng tương lai sẽ lên ; tài vượng biến thành suy tuyệt thì phải bán hàng mau và ngừng mua vào là tốt nhất.

Bán và mua phải xem hào tài vượng hay suy : hào tài vượng phải bán thật mau ; hào tài suy nên mua vào chậm lại. Hào tài quý nội suy thì nên bán ra, hào thế tài vượng

thì có thể bán ở vùng gần. Hào tài hoá tiến thì nên bán hàng nơi xa ; hào thế hoá thoái thì phải quay về ngay vùng mình mà bán.

Hào tài quẻ nội suy, hào tài quẻ ngoại vượng thì phải đi nơi khác : hào tài quẻ ngoại vượng sinh thế, hợp thế, trì thế nên đi vùng khác cầu tài. Còn nếu hào tài không sinh hợp thế và hào thế động biến hung thì đi vùng khác mới tốt.

Muốn biết tài vận hưng hay suy thì phải xem hợp xung : quẻ gặp lục hợp hoặc hào thế hợp với hào tài, hào tử tôn thành hợp cục là cảnh cửa hàng hưng vượng ; Lục hợp biến thành lục xung thì trước mắt tuy hưng vượng nhưng về sau là tiêu điều.

Hào thế, hào ứng lâm huynh đệ là không tốt : hào thế, hào ứng lâm huynh đệ phát động là không tốt. Nếu hào thế, hào ứng lâm huynh đệ, hoặc nhật nguyệt làm tài tinh để xung khắc hào thế thì ngược lại là tốt.

Muốn biết hàng nhiều hàng ít phải xem suy hay vượng : bán hàng cần phải hào ứng sinh hợp hào thế thì mới dễ bán, còn nếu hào ứng hình khắc xung hào thế thì sẽ khó bán. Hào tài thái quá là hàng nhiều, hào tài ít là hàng ít. Hào tài tuần không, phục ngâm là không có hàng.

Muốn tích trữ hàng thì nên tĩnh không nên động : hào tài nên tĩnh không nên động, động mà có biến là tai hoạ, đừng đoán, hào tài không nên tuần không vì tuần không là gặp quan quí.

Bán hàng nên động thì dễ bán : hào thế, hào tài mà động thì dễ bán, hào tài ở quẻ ngoại động thì nên bán hàng đi chỗ khác, hào tài ở quẻ nội động thì nên bán ở vùng mình.

Hào quan quí khác hào thế thì không tránh khỏi hiểm hoạ : hào quan quí động thì hay gặp cãi cọ, hào quan quí khác hào thế thì tai hoạ liên tiếp.

Hào tài đã suy còn bị khác là việc không thành : tài là vốn, tài suy, mộ, không, phá, động mà biến hung, hoặc bị nhật nguyệt hình xung khác hại, lại thêm hào thế và tài đều tuần không thì không thể mở cửa hàng.

Làm hay không làm phải xem phân ngâm : quẻ phân ngâm chủ về việc lập đi lập lại, làm hay không làm, mở hay đóng cửa hàng, nếu gặp quẻ phân ngâm thì cửa hàng cũ cũng phải đóng cửa.

Cầu tài giao dịch sợ nhất hào huynh đệ động : huynh đệ là thân cách trở hao tổn, mua hàng mà gặp hào huynh đệ động thì sẽ không trôi chảy. Cầu tài hào huynh đệ động tất sẽ bị thua thiệt.

Hào huynh đệ làm chu tước động phải đề phòng cãi vã, hào huynh đệ làm huyến vũ, phải đề phòng bị trộm cướp.

Giữ hàng lại hay bán hàng ra phải xem vương suy : giữ hàng hay bán hàng đều không nên tài suy, tuần không, phá, động mà bị khác. Tài suy nên giữ lại hàng ; tài vương nên bán hàng ra.

Hào huynh đệ mà dương thì không được lâu, hào ứng tuần không thì không tốt : hào huynh đệ dương thì cửa hàng không thể duy trì đến cuối năm. Hào ứng tuần không thì mở cửa hàng không tốt.

Buôn bán sợ nhất là hào quan quý khác hào thế : phạm buôn bán kinh doanh sợ nhất là hào quan quý lâm huyến vũ lại khác hào thế, vì không tránh khỏi nhà cầm quyền bắt bớ hoặc bị trộm cướp.

Tài vương hay tài suy là do thời cơ định sẵn : tài lượng vương quá thì lợi ở tháng mộ kho ; tài hưu tù tất phải chờ

đến lúc xung khỏi mộ kho, lúc nguyệt phá, bị khắc để xung mất thân khắc thì mới qua khỏi.

Hào thế, hào sáu đều yên tĩnh thì buôn bán được bền lâu : hào sáu loạn động thì việc không thuận. Loạn xung, loạn khắc thì tốt nhất dừng đoán nữa. Dưới đây cử mấy ví dụ thật đoán về sự thành bại trong buôn bán để độc giả tham khảo.

Ví dụ : Ngày tân sửu, tháng ngộ đoán 1 năm buôn bán ra sao, được quẻ "ích" của quẻ "vô vọng".

PHONG LÔI ÍCH

Huỳnh đệ mao mộc. ứng

Từ tôn tị hoá.

Thê tài mùi thổ ×

Thê tài thìn thổ.. thế

Huỳnh đệ dần mộc..

Phụ mẫu tý thủy.

THIÊN LÔI VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ.

Quan quý thân kim.

Từ tôn ngộ hoá. thế

Thê tài thìn thổ..

Huỳnh đệ dần mộc..

Phụ mẫu tý thủy. ứng

Người buôn bán lấy hào tài làm trọng. Nay hào tài vượng lại trị thế, tài của mùi thổ lại hoá ngộ hoá sinh hợp trở lại, đó là tượng phát tài.

Ví dụ : Ngày tân dậu, tháng dần được quẻ "minh di" của quẻ "cấn".

CẤN VI SƠN

Quan quý dần mộc ○ thế

Thê tài tý thủy..

Huỳnh đệ tuất thổ..

Từ tôn thân kim. ứng

Phụ mẫu ngộ hoá..

Huỳnh đệ thìn thổ ×

ĐỊA HOÁ MINH DI

Từ tôn dậu kim..

Thê tài Hợi thủy..

Huỳnh đệ sửu thổ.. thế

Thê tài Hợi thủy.

Huỳnh đệ sửu thổ..

Quan quý mao mộc. ứng

Dần mộc nắm lệnh trì thế, cửa hàng có thế khai trương. Đáng tiếc nhật thìn khắc thế, thế biến khắc trở lại, hào quan quý lâm thế nên phải để phòng bị bệnh. Tháng 6 thế nhập mộ phải để phòng. Kết quả là tháng 6 bị bệnh, tháng 8 bị kế toán cướp mất của.

Ví dụ : Ngày bính thìn, tháng ngộ đoán đi ra ngoài buôn bán được quẻ "dự" của quẻ "hàng".

PHONG LÔI HÀNG

Thê tài tuất thổ.. ứng

Quan quý thân kim..

Tử tôn ngộ hoá.

Quan quý Dậu kim ○ thế

Phụ mẫu Hợi thủy ○

Thê tài Sửu thổ..

LÔI ĐỊA DỰ

Thê tài tuất thổ..

Quan quý thân kim..

Tử tôn ngộ hoá. ứng

Huỳnh đệ Mão mộc..

Tử tôn Tị hoá..

Thê tài Mùi thổ.. thế

Dậu kim trì thế hoá xung Mão mộc, là quẻ phản ngâm. Mão mộc có năng lực xung nhưng không có lực khắc. Nhật kiến thìn thổ sinh hợp với hào thế Dậu kim, đó là trong xung có sự phù hợp, quẻ lại biến thành lục hợp. Hào 6 là hào tài tuất thổ ám động sinh thế điều đó chủ về việc lập đi lập lại về sau được của. Quả đúng thế !

Ví dụ : Ngày canh tý, tháng tuất, đoán mùa đông buôn bán thế nào, được quẻ "gia nhân" của quẻ "bôn".

SƠN HOÀ BÔN

Quan quý dân mộc.

Thê tài Tý thủy ×

Huỳnh đệ tuất thổ.. ứng

Thê tài Hợi thủy.

Huỳnh đệ Sửu thổ..

Quan quý Mão mộc. thế

PHONG HOÀ GIA NHÂN

Quan quý Mão mộc.

Phụ mẫu Tị hoá. ứng

Huỳnh đệ Mùi thổ..

Thê tài Hợi thủy.

Huỳnh đệ Sửu thổ.. thế

Quan quý Mão mộc.

Mão mộc trì thế lại hợp nguyệt kiến, hào tài lâm nhật kiến động để sinh, nên mùa đông này tất thu được lợi nhiều. Quả đúng thế !

Ví dụ : Sáng ngày mồng 9 tháng 2 năm 1993, 1 người phụ trách 1 công ty nào đó ở Thẩm Quyển nói có 1 người nước ngoài đến Trung Quốc đầu tư. Người đó có 1 ngân phiếu 50 triệu đôla quyết định 3 giờ chiều sẽ đổi thành 5 tỷ nhân dân tệ. Nhờ tôi đoán phiếu đó thật hay giả ? Tôi đến công ty ông ta, gieo quẻ được quẻ "khâm" của quẻ "lữ"

(ngày Tân Tị, tháng giáp dần).

QUẺ CHỦ : LỮ

Huynh đệ tị hoà.

Tử tôn mùi thổ..

Thê tài dậu kim. ứng

Thê tài thân kim.

Huynh đệ ngộ hoá..

Tử tôn thìn thổ.. thế

QUẺ BIẾN : KHÂM

Quan quý tý thủy.. thế

Tử tôn tuất thổ.

Thê tài thân kim..

Huynh đệ ngộ hoá.. ứng

Tử tôn thìn thổ.

Phụ mẫu dần mộc..

Tôi xem quẻ, thê tài dậu kim là đối phương ở đất hưu tù, tuần không mà hoá thoái thân, quẻ biến thành lục xung. Nên đoán : ngân phiếu chắc chắn là giả. Tuyệt đối không nên đổi. Về sau qua nhiều lần kiểm tra, khẳng định ngân phiếu là giả. Nhờ đó làm cho quốc gia đỡ mất 5 tỷ nhân dân tệ.

Về việc nước ta có thể đăng ký thế vận hội năm 2000 hay không, tôi và thầy Trương Chí Xuân đều phân biệt đoán, sau đó tháng 7/1993 2 người đồng thời viết thư báo kết quả không được cho Trương Chấn Hoàn biết. Sự việc về sau đúng thế.

Chương 20

ĐOÁN NGƯỜI ĐI XA

Trong "Hệ từ Chu dịch" có câu : "Cát hung sinh ra do ở sự hoạt động", tức là nói trong hoạt động của con người có cát, có hung. Thuận quy luật âm dương mà hành động thì cát, hành động ngược lại quy luật là hung. Do đó người đi xa là hành động trong sự vận động nên tiềm tàng sự cát hung.

Có người đi xa gặp những việc không may, thậm chí bị tai nạn xe cộ, máy bay rơi, thuyền đắm mà thiệt mạng. Một trong những nguyên nhân quan trọng là vì những người này không biết rõ mình đang ở vào vận khí nào, không biết khi nào nên đi xa, hướng nào cấm không nên đi. Tóm lại một câu là người ấy không biết được các thông tin cát hung về mình.

Kinh nghiệm thực tế chứng minh rằng : người ta vì công việc mà đi xa, hoặc vì một nguyên nhân nào đó phải đi xa (bao gồm cả trẻ em bị bắt trộm), có người là do tứ trụ gặp xung, xung cát thì cát, xung hung thì hung. Có người là do bại vận của mình dẫn đến.

I. ĐOÁN HƯỚNG NGƯỜI ĐI XA (PHẦN 1)

Các trường hợp mất người rất nhiều , ngoài 6 nguyên nhân như tôi đã nói trong "Bát quái và thông tin" ra còn có 1 điều, đó là : có người coi tiến trên hết, tất cả vì tiến, nên dù việc phi đạo lý cũng làm, ví dụ bắt trẻ em bán. Do đó mấy năm lại đây người đến đoán trẻ em bị bắt cóc rất nhiều. Đoán

người bị mất, chỉ cần kỹ thuật cao siêu, người đến đoán nói giờ cho chuẩn xác thì có thể đoán bách phát bách trúng. Mục này là để đoán những người bị mất như thế.

Đoán hướng đi người bị mất chọn cái gì làm dụng thần cần xem ở chương "Dụng thần". Nếu trong quẻ không có lục thần thì phải xem hào ứng.

Người đi xa có cát có hung. Lúc nào thì trở về, thời gian sớm thì đoán theo ngày, giờ ; thời gian muộn thì đoán theo năm, tháng. Người ấy đang đi động hay ở một chỗ thì phải xem động tĩnh : Đoán người đi xa khi nào trở về hào dụng thần nên động. Dụng thần sinh hợp với hào thế thì nhất định trở về muộn. Tốc độ di động nhanh thì ngày về cũng muộn : dụng thần động để khác thế thì trở về nhanh ; dụng thần động để sinh thế thì về hơi muộn.

Dụng thần ở hào 3 hoặc hào 4 thì phải chờ nhưng nhất định sẽ về. Ngày xưa có nói : hào 3, hào 4 là cửa ngõ, nếu dụng thần ở 2 hào đó mà không bị chế phục, hoặc không động để sinh hợp với hào thế thì có thể chờ ngày về.

Dụng thần phục ngâm, không tuần không, phi thân hạ thì phải chờ đến ngày xung mất phi thân thì người sẽ về : phục ngâm, tuần không, phi hạ thì phải chờ nhật thìn hợp, người sẽ về.

Quẻ ngoại phản ngâm, dụng thần vượng tướng, thì người sẽ về hoặc đang dời đi chỗ khác.

Tình gặp xung là người có thể về : dụng thần yên tĩnh không động, gặp nhật thìn xung, người tất sẽ về. Nếu dụng thần là tị hoá, gặp hơi thủy xung là người sẽ về.

Hào thế, hào ứng đều động là đã gần ngày về : xưa có câu : hào thế là thân người, hào ứng là chân, hào thế hào

ứng đều phát động, tức là thân mình và chân đều động, là sắp về.

Dụng thần tuần không, phục tàng là người sắp về : đoán người đi xa nếu dụng thần tuần không thì chờ đến ngày ra khỏi tuần không là người về ; nếu dụng thần phục tàng thì ngày xuất hiện phục thần là ngày người về.

Dụng thần hợp thì phải chờ xung, phá thì phải chờ hợp : dụng thần nếu bị nhật, nguyệt, hào động, hào thế hợp chặt thì phải chờ ngày xung khai mới về. Dụng thần lâm nguyệt phá đó vốn là ngày về, nếu chưa về thì phải chờ ngày hợp thì người về. Dụng thần nhập mộ, phải chờ đến ngày xung khai ; dụng thần hưu tù thì phải chờ đến lúc sinh vượng, hoặc chờ đến ngày dụng thần được nguyên thần sinh trợ thì người sẽ về.

Người đi theo hướng nào thì phải xem ngũ hành : muốn đoán người đi theo hướng nào thì phải xem dụng thần thuộc phương của ngũ hành gì. Nếu hào dụng thần yên tĩnh thì phải xem phương vị ngũ hành của nó. Nếu dụng thần là tý thủy phát động, biến thành hào thân kim thì đầu tiên là đi theo hướng Bắc, sau đó chuyển hướng Tây Nam, hoặc hướng Đông Bắc, vì khôn, cấn là hai quẻ đối xung nhau.

Ví dụ cổ : Ngày canh ngo, tháng sửu đoán cha ngày nào đến, được quẻ "lý" :

THIÊN TRẠCH LÝ

Huỳnh đệ tuất thổ.

Tử tôn thân kim. thế

Phụ mẫu ngo hoà.

Huỳnh đệ sửu thổ..

Quan quý mao mộc. ứng

Phụ mẫu tị hoá.

Hào phụ mẫu ngộ hoá là dụng thần, lâm nhật kiến khắc hào thể cho nên hôm nay tất sẽ đến. Đúng giờ thân ngày hôm đó đến.

Ví dụ cổ : Ngày canh thìn, tháng ngộ đoán người làm thuê ngày nào trở về, được quẻ "ly" :

LY VI HOÁ

Huynh đệ tị hoà. thể

Tử tôn mùi thổ..

Thê tài Dậu kim.

Quan quý hội thủy. ứng

Tử tôn sửu thổ..

Phụ mẫu mao mộc.

Người làm thuê là người tôi khắc cho nên lấy hào thê tài làm dụng thần, hợp nhật kiến lại gặp tuần không nên ngày tân mao có thể đến. Quả đúng như thế. Quẻ này có hào ứng tinh mà không, chờ ngày xung khởi tuần không là về.

Ví dụ cổ : Ngày quý hội, tháng dần đoán ông chủ khi nào về được quẻ "tiểu súc" của quẻ "đại súc".

SƠN THIÊN ĐẠI SÚC

Quan quý dần mộc.

Thê tài tý thủy x ứng

Huynh đệ tuất thổ..

Huynh đệ thìn thổ.

Phụ ngộ : Quan quý dần mộc. thể

Thê tài tý thủy.

PHONG THIÊN TIỂU SÚC

Quan quý mao mộc.

Phụ mẫu tị hoà.

Huynh đệ mùi thổ.. ứng

Huynh đệ thìn thổ.

Quan quý dần mộc.

Thê tài tý thủy. thể

Hào phụ mẫu ngộ hoá phục dưới dần mộc là phi thần đến sinh phục được trường sinh, là tượng trở về. Về sau đến ngày

tị thì về. Ứng vào ngày tị vì tị ngộ đều là hoá, lại đều là hào phụ mẫu.

Ví dụ : Ngày tân mùi, tháng tân hợi năm 1987, ngài Dương Thiên Nhân là đại sư thư pháp nổi tiếng toàn quốc nói với tôi : con đi đã 2 ngày, nhờ đoán xem hôm nào về, được que "giải" của que "sư" :

ĐỊA THUY SƯ

Phụ mẫu Dậu kim.. ứng

Huynh đệ Hợi thủy..

Quan quí Sửu thổ ×

Thê tài Ngọ hoá.. thê

Quan quí Thìn thổ.

Từ tôn Dần mộc..

LÔI THUY GIẢI

Quan quí Tuất thổ..

Phụ mẫu Thân kim.. ứng

Thê tài Ngọ hoá.

Thê tài Ngọ hoá..

Quan quí Thìn thổ. thê

Từ tôn Dần mộc..

Từ tôn dần mộc trường sinh ở nguyệt kiến, bình yên. Mộ ở nhật kiến là cháu bé bị giữ dưới nhà hầm hoặc nhà kho, ngày mai (ngày nhâm thân) sẽ trở về. Đúng như đoán. Ở đây dụng thần yên tĩnh gặp ngày xung tất sẽ về, gặp trường hợp thế thì đoán vậy chắc chắn đúng.

Ví dụ : Ngày kỷ mao, tháng đinh tị, năm 1988, ông Lưu Thái công ty tôi nói : sáng mai con giận bỏ đi tìm mồi mà không thấy đâu cả, lo đến phát khóc, nhờ đoán xem nó có trở về không ? Được que "phù" của que "tụy" :

TRẠCH ĐỊA TỤY

Phụ mẫu Mùi thổ ×

Huynh đệ Dậu kim. ứng

Từ tôn Hợi thủy.

Thê tài Mão mộc..

Quan quí tị hoá.. thê

Phụ mẫu Mùi thổ..

THIÊN ĐỊA PHÙ

Phụ mẫu Tuất thổ. ứng

Huynh đệ Thân kim.

Quan quí Ngọ hoá.

Thê tài Mão mộc.. thê

Quan quí tị hoá..

Phụ mẫu Mùi thổ..

Tôi xem hào phụ mẫu động khắc hào tử tôn nên nói : "Cháu bé bị bố máng mà đi". "Đúng, cháu bị bố cháu buổi sáng máng mấy câu, cơm cũng không ăn mà bỏ đi". Không nên lo lắng, sẽ chẳng có việc gì cả, giờ Dậu hôm nay sẽ về. Quả đúng 6^h30 chiều hôm đó cháu về. Về nhà ngày hôm đó là vì : dụng thần khắc thế, giờ dậu : tử tôn hội thủy được sinh mà vượng.

Ví dụ : Ngày tân hội tháng tân sửu, năm 1996 cô Hải ở đơn vị tôi lo lắng nói : trước tết cãi nhau với chồng mấy câu, ông ta tức bỏ đi đã hai ngày không về, đoán xem ngày nào trở về. Được quẻ "tiểu súc" của quẻ "đại súc".

SƠN THIÊN ĐẠI SÚC

PHONG THIÊN TIỂU SÚC

Quan qui dẫn mộc.

Quan qui mào mộc.

Thê tài tý thủy × ứng

Phụ mẫu tị hỏa.

Huynh đệ tuất thổ..

Huynh đệ mùi thổ.. ứng

Huynh đệ thìn thổ.

Huynh đệ thìn thổ.

Quan qui dẫn mộc. thế

Quan qui dẫn mộc.

Thê tài tý thủy.

Thê tài tý thủy. thế

Quan qui dẫn mộc là dụng thần, động mà hoá tiến thần, lại được thê tài tý thủy động để sinh cho nên bình yên. Người đi về phía Đông nam, có người lưu ở lại. Hôm nay (ngày hội), dẫn và hội hợp, hai người sẽ xum họp. Giờ thân hôm nay có thể về nhà, bà đừng lo. 4 giờ chiều hôm đó, cô Hải tìm tôi báo tin mừng 3 giờ chiều ông đã về. Ông ta đi về phía đông nam, gặp học sinh mời giữ lại. Ngày hội về là vì : dụng thần được trường sinh. Có người giữ lại là vì : quẻ "súc".

Ví dụ : Ngày 23 tháng 6, 1988, tôi đột nhiên nhận được thư của thầy Trương Thiệu Văn ở Ban liên lạc Văn hoá thành phố Trịnh Châu gửi đến và nhận được tin : báo "Tin tức buổi chiều" Trịnh Châu có đăng hai bài : "Con ơi con ở đâu ? ",

"Những ngày đi tìm con" biết là lại đoán việc mất con. Trong toàn quốc gửi thư nhờ đoán mất con rất nhiều, lúc đó tôi lại đang rất bận, nên thực tình không lưu tâm đến việc này. Nhưng cảm thấy giữa thầy Trương và tôi vốn không quen biết, tôi cũng không quen biết người mất con nhưng biết được Hội liên hiệp phụ nữ toàn quốc, tỉnh Hà Nam, Sở công an tỉnh Giang Tây và rất nhiều người trong nước đều quan tâm đến việc này, nên tôi rất xúc động, gác mọi việc lại, căn cứ các thông tin đăng trên báo "9 giờ 30 sáng ngày 27/4", tức ngày nhâm tý, tháng bính thìn (khi cô mẫu giáo phát hiện không thấy em bé nữa) để gieo quẻ, được quẻ "hàng" của quẻ "đại tráng" :

LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG

Huỳnh đệ tuất thổ..

Tử tôn thân kim..

Phụ mẫu ngộ hoá. thế

Huỳnh đệ thìn thổ.

Quan qui dẫn mộc.

Thê tài tý thủy ○ ứng

LÔI PHONG HẰNG

Huỳnh đệ tuất thổ.. ứng

Tử tôn thân kim..

Phụ mẫu ngộ hoá.

Tử tôn dậu kim. thế

Thê tài hợi thủy.

Huỳnh đệ sửu thổ..

Hào tử tôn thân kim là dụng thần, được nguyệt kiến sinh nên dụng lại hoá dụng là người chưa chết. Hào thế ngộ hoá lai hoá ngộ hoá khác dụng thần nên tạm thời chưa về. Thân kim hoá thân kim là người ở phương khôn. Dụng thần tử tôn, tử ở nhật kiến, là dụng thần hưu tù, tạm thời chưa về. Quan qui hoá thê tài là bị người khác bắt trộm, bọn trộm từ phương đông bắc đến. Căn cứ dụng thần hưu tù nên phải chờ đến lúc sinh vượng mới về và dẫn mộc quan qui hoá xung khác, do đó tôi đoán : trước ngày 20 tháng 7 âm lịch chắc chắn sẽ về, và phải đi tìm cháu ở các phương tây nam đông nam, phương đông, đông bắc.

Thầy Trương báo cho bố cháu biết lời đoán của tôi. Cả nhà nghe nói con đang sống và sẽ trở về, từ tuyệt vọng trở nên rất phấn khởi. Ngày 7/9/1988, bố của cháu gửi thư đến cảm ơn và nói rõ ngày 30/8 tìm thấy con ở huyện Sơn đông gia, tức đúng ngày 20/7 âm lịch. Dụng thần của quẻ này cũng hưu tù cho nên phải chờ đến ngày sinh vượng mới trở về được.

Ví dụ : Ngày 1/11/1988, lúc đó tôi đang giảng bài ở Nam Kinh, học viên Chu Liên nói là con bị bệnh. Lúc đoán quẻ thì phát hiện ra con của cô ấy hay chạy ra ngoài chơi, khuyên cô ta phải chú ý trông nom con cẩn thận. Kết quả là giờ thân ngày 6/11 (tức ngày ất Sửu, tháng nhâm Tuất) cháu đã đi mất. Giờ Hợi đến đoán được quẻ "tỷ".

THUYẾT ĐỊA TỬ

Thê tài tý thủy.. ứng

Huỳnh đệ tuất thổ.

Tử tôn thân kim..

Quan quý mao mộc.. thế

Phụ mẫu tị hoả..

Huỳnh đệ mùi thổ..

Hào tử tôn thân kim là dụng thần, người ở phía tây nam, dụng thần khắc thế là người sắp về. Ngày mai là ngày bính dần vừa đúng nhật thìn xung dụng thần. Do đó tôi khuyên cô ta yên tâm, con bình an, sáng mai sẽ về. Sau khi con về nên chăm sóc chu đáo, nếu không cháu lại đi nữa. Trưa hôm sau Chu Liên gọi điện thoại cho tôi báo là con đã về nhà.

Ví dụ : Ngày 12/11/1988 (tức ngày tân mùi, tháng quý Hợi), buổi sáng Chu Liên nói với tôi sáng ngày 7 con về, buổi chiều lại đi (không biết nó đi cụ thể giờ nào). Gia đình đã tìm mấy

ngày mà không thấy. Gieo quẻ được quẻ "lữ" của quẻ "phê hạp".

HOẢ LÔI PHÊ HẠP

Tử tôn tị hoà.

Thê tài mùi thổ.. thế

Quan qui dậu kim.

Thê tài thìn thổ ×

Huynh đệ dần mộc.. ứng

Phụ mẫu tý thủy ○

HOẢ SƠN LỮ

Tử tôn tị hoà.

Thê tài mùi thổ..

Quan qui dậu kim. ứng

Quan qui thân kim.

Tử tôn ngộ hoá..

Thê tài thìn thổ.. thế

Tử tôn tị hoà hoá tị hoà là người ở phương đông nam. Tử tôn sinh thế là trở về muộn. Tử tôn yên tĩnh gặp ngày xung mới có thể tìm được. Nên tôi nói : Đi về phía đông nam tìm cháu, trước ngày 6/11 (ngày át hợi) sẽ tìm được, ngày 18 về đến nhà. Chiều ngày 17/11 Chu Liên phần khởi nói : Đứng ngày 15 tìm thấy con ở phía đông nam, ngày 18 đưa cháu về đến nhà. Ngày 18 về đến nhà là vì tị dậu sửu hợp thành tử tôn cục, tử tôn vượng tướng nên nhất định về được.

II. ĐOÁN HƯỚNG NGƯỜI ĐI XA (PHẦN 2)

Người đi xa, có người trở về sớm, có người về muộn ; có người trở về, có người không trở về, thậm chí còn chết. Muốn biết rõ tình hình, thì dùng bát quái mà đoán.

Dụng thần không bị xung là không muốn trở về : dụng thần yên tĩnh, không bị nhật thìn hay hào động xung thì đã an cư ở nơi khác không muốn quay về nữa.

Có sinh hợp thì trở về muộn, dụng thần không bị khắc thì không trở về : dụng thần sinh thế hợp thế là trở về muộn hơn dự định. Hào thế khắc dụng thần là chưa thể trở về.

Quẻ gặp lục xung là người đi ra không ở một chỗ nhất định : đoán người đi xa khi nào trở về, kỵ nhất là gặp lục xung. Nếu gặp lục xung là người ấy bốn ba khắp nơi, không ở một chỗ nhất định.

Đi mà còn quay về là phải xem dụng thần hoá tiến hay hoá thoái : dụng thần hoá tiến là người có quay về ; dụng thần hoá thoái là đến rồi quay về.

Sáu hào yên tĩnh là không muốn quay về : quẻ gặp 6 hào yên tĩnh là người đi ra không muốn quay trở về. Nếu sinh thế, hợp thế thì tuy chưa quay về, nhưng vẫn có ý muốn quay về.

Nhìn thấy vật xưa, nhớ đến tình quê hương nên muốn về : Dụng thần yên tĩnh là thấy vật cũ, nhớ tình xưa, sắp quay về. Nếu bị nguyệt kiến khác dụng thần thì khó quay về sớm được.

Nhật kiến tương hợp là có sự ràng buộc giữ lại : dụng thần gặp nhật kiến hay hào động hợp chặt là vì công việc ràng buộc, chưa quay về được, gặp ngày xung khai mới về được.

Dụng thần yên tĩnh mà bị khắc là người chưa quay về được : hào thế khắc dụng thần là tạm thời chưa quay về. Nếu dụng thần yên tĩnh mà bị khắc là người đang ở nguyên chỗ cũ, chưa lên đường quay về. Hào thế động khác dụng thần là người còn tiếp tục đi nơi khác, nếu bị nhật thìn khác cũng là chưa quay về.

Dụng thần phục ngâm là quay về chậm. Dụng thần bị khắc là chưa đến nơi : dụng thần phục tàng là vì công việc mà trở về muộn, chờ đến ngày xuất hiện dụng thần thì sẽ về. Nếu dụng thần phục tàng mà bị khắc là chưa đến nơi.

Hào thế tuấn không, dụng thân tuấn không là người không vé, hào thế và dụng thân đều tuấn không là người không đến.

Dụng tuấn phục tàng dưới hào huynh đệ là dang sa vào cờ bạc : dụng thân phục tàng dưới hào huynh đệ là đánh bạc ở bên ngoài, nếu lâm chu tước là cãi vã, lâm bạch hổ là gặp khó khăn cách trở.

Hào dụng thần phục tàng, hào tử tôn vui là quên mất ngày về : hào dụng thần phục dưới hào tử tôn thì không vì vui rượu chè thì cũng do ham chơi mà quên về, hoặc bị tăng đạo, u mê giữ lại không về.

Dụng thần phục dưới hào phụ mẫu là bận việc văn thư : hào dụng thần phục dưới hào phụ mẫu nếu không bị việc văn thư giữ lại thì cũng do người bề trên hoặc nghề nhân giữ lại.

Hào dụng thần phục dưới hào thế tài là thêm hàm trì luận quản : hào dụng thần dưới hào thế tài là vì buồn bán được lời mà quên trở về. Nếu gặp không vong hoặc huynh đệ động, phần nhiều do lỗ vốn, thêm hàm trì thì nhất định vì tham sắc mà quên ngày về.

Hào dụng thần phục dưới hào ứng thế tài là rơi vào bẫy mỹ nhân kế : dụng thần phục dưới hào ứng là hào âm thế tài thì chắc chắn bị người khác dùng kế mỹ nhân ; hào dụng thần phục dưới hào ứng là hào dương thế tài sinh thế hợp thế thì nhất định bị người khác cầm tiền của mình.

Dụng thần vượng mà phục hoặc hưu tù : dụng thần vượng mà phục dưới kho tài là nắm giữ tiền của của người giàu hoặc của quan lại. Dụng thần hưu tù mộ tuyệt là sống ở ngoài một cách qua ngày đoạn tháng.

Dụng thần phục dưới hào quan quý là có cát có hung : dụng thần phục dưới hào quan quý nếu gặp trường sinh là cát, hoặc được người quyền quý giữ lại. Nếu dụng thần phục

dưới hào quan quý suy mà còn bị khắc thì không bệnh cũng gặp tai hoạ về việc quan.

Dụng thần gặp mộ nhất dinh là xấu : dụng thần trì mộ, hoá mộ, nhập mộ, hoặc phục ở dưới quan quý mộ, là đang bị bệnh chưa thể quay về. Nếu quan quý lâm bạch hổ là đang bị giam trong ngục.

Không tham hoa sắc thì cũng là giặc : dụng thần lâm huyền vũ động mà gặp hào tài tương hợp, hoặc dụng thần phục dưới hào thể tài lâm huyền vũ là tham hoa mê sắc chưa quay về. Dụng thần phục dưới hào quan quý lâm huyền vũ và không hợp với hào thể tài là ở ngoài làm giặc.

Quẻ gặp du hôn là sắp trở về : quẻ gặp du hôn, dụng thần phát động là đã bồn ba khắp nơi, sắp trở về, hoặc hoá thành qui hôn là cũng sắp trở về.

Dụng thần phục tàng hung thần là việc xấu : phục thần gặp câu trần là ngã bị thương, phục thần gặp phi xà là gặp điều kinh khủng, phục thần gặp bạch hổ là bệnh ốm không về được ; phục thần gặp huyền vũ nếu không gặp trộm cướp thì cũng bị sa vào tửu sắc. Phục thần gặp thanh long phát động là tốt.

Trong quẻ không có hào thể tài là không mất tiền lộ phí : quẻ biến động, nhật nguyệt đều không có hào thể tài xuất hiện là do không có tiền lộ phí nên bị trắc trở.

Tam hợp bất qui, xung thì sẽ về : dụng thần gặp tam hợp, bất qui, chờ đến ngày xung hợp thì sẽ về. Dụng thần phục ngâm, qui là không trở về.

Dụng thần mộ tuyệt không phá là bất vô âm tín : dụng thần hoá hợp là có trắc trở, dụng thần hoá quý là có tai hoạ, dụng thần hoá khắc là xấu. Quẻ biến thành tuyệt và phản ngâm, dụng thần bị xung khắc là khó định được ngày về.

Quê ở cung chấn là người ở kinh thành : quê gặp cung chấn là người ở kinh thành ; ở cung Đoài là người ở miếu chùa ; ở cung càn cũng là ở kinh thành.

Dụng thần ở quê nội là người đang ở ngay vùng quanh đó : ở quê ngoại là người đang ở nơi khác. Dụng thần ở quê nội của cung khác thì là người đang ở huyện khác, hoặc ở vùng giáp huyện mình ; dụng thần ở quê ngoại của cung khác là người đã đi sang huyện khác.

Dụng thần gặp tử kho thì phải xem xét ngũ hành : thìn là kho, thủy thổ là ở vùng mép nước (bờ sông, biển...) ; tuất là hoá kho là ở đền miếu ; sửu là kim kho là ở chỗ lò luyện hay lò rèn ; mùi là mộc kho là ở vùng vườn cây hoặc vùng đồi núi, lâm trường.

Hào phụ mẫu động là có tin thu đến, hào thê tài hung vượng là không có thư từ : hào phụ mẫu là thư từ, hào phụ mẫu động là có thư về. Nếu hào thê tài vượng và trì thế, động mà khác hào phụ mẫu là không có thư tín.

Hào phụ mẫu vượng là có thư về, hưu tù là không có : hào phụ mẫu sinh thế, hoặc hào phụ mẫu lâm vượng địa là chỉ người đi xa gửi thư về. Hào phụ mẫu hưu tù, mộ tuyệt là không có tin tức.

Hào phụ mẫu tuần không, vong là biệt vô âm tín : hào phụ mẫu chủ về văn thư, nếu gặp không vong là không có thư về ; nếu động để sinh thế hợp thế là có thư.

Ví dụ : Ngày đình hợi, tháng tị đoán ngày nào về, được quê "lý" của quê "quải".

TRẠCH THIÊN QUẢI

Huỳnh đệ mùi thổ ×

Từ tôn dậu kim. thế

Thê tài hợi thủy.

THIÊN TRẠCH LÝ

Huỳnh đệ tuất thổ.

Từ tôn thâm kim. thế

Phụ mẫu ngo hoá.

Huỳnh đệ thìn thổ ○

Quan quý dân mộc. ứng

Thê tài tý thủy.

Huỳnh đệ sừ thổ..

Quan quý mảo mộc. ứng

Phụ mẫu tị hoá.

Hào thê tài hợi thủy là dụng thần, tuy lâm nhật kiến nhưng gặp nguyệt phá, lại được 2 thổ trùng lập động để khắc, hợi thủy lại hoá thành cừu thân ngo hoá, là tượng có khắc vô sinh. Sau đến tháng ngo trên đường bị hại.

Ví dụ : Ngày quý sừ, tháng thân đoán con khi nào về, được que "đi" của que "vô vọng".

THIÊN LÔI VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ.

Quan quý thân kim ○

Tử tôn ngo hoá ○ thê

Thê tài thìn thổ..

Huỳnh đệ dân mộc..

Phụ mẫu tý thủy. ứng

SƠN LÔI ĐI

Huỳnh đệ dân mộc.

Phụ mẫu tý thủy..

Thê tài tuất thổ.. thê

Thê tài thìn thổ.

Huỳnh đệ dân mộc..

Phụ mẫu tý thủy. ứng

Hào tử tôn ngo hoá là dụng thần, động mà hoá mộ, nguyên thần dân mộc gặp tuyết mà không, là điềm không rõ ràng. Về sau được biết do đi thuyền qua sông bị đắm mà chết.

Ví dụ : Ngày mậu thân, tháng dậu, đoán bác khi nào về được que "cần" của que "lữ".

HOÀ SƠN LỮ

Huỳnh đệ tị hoá.

Tử tôn mùi thổ..

Thê tài dậu kim ○ ứng

Thê tài thân kim.

Huỳnh đệ ngo hoá..

Phụ mảo : Tử tôn thìn thổ.. thê

CẦN VI SƠN

Phụ mẫu dân mộc. thê

Quan quý tý thủy..

Tử tôn tuất thổ..

Thê tài thân kim. ứng

Huỳnh đệ ngo hoá..

Tử tôn thìn thổ..

Máo mộc phụ mẫu làm dụng thần phục tàng mà hư tù, lại gặp nhật, nguyệt, hào động khác, tất người ở ngoài đi xa không yên ổn. Dụng thần phục tàng bị khác là người không đến. Về sau đúng là chưa về.

Ví dụ : Ngày át tí, tháng bình tuất năm 1985 lão Vương ở xưởng tôi đoán cháu ngoại của ông đi khi nào về, được que "phê hạp" của que "đi" :

SƠN LÔI ĐI

Huynh đệ dẫn mộc.

Từ tôn tí hoá : Phụ mẫu tý thủy..

Thê tài tuất thổ x thế

Thê tài thìn thổ..

Huynh đệ dẫn mộc..

Phụ mẫu tý thủy. ứng

HOẢ LÔI PHÊ HẠP

Từ tôn tí hoá.

Thê tài mùi thổ.. thế

Quan qui dậu kim.

Thê tài thìn thổ..

Huynh đệ dẫn mộc.. ứng

Phụ mẫu tý thủy.

Từ tôn tí hoá tuy lâm nhật thìn, nhưng phục mà bị khác, mộ nguyệt kiến mà lên núi, tuất là hoá kho, là chùa miếu, là tượng không trở về. Về sau nghe nói lên núi Nga Mi ở Tứ Xuyên, đến nay vẫn chưa về.

Ví dụ : Ngày tân hợi, tháng bình thìn năm 1988, cô Trang ở nhà máy tôi có 1 đồng sự đi xa. Lãnh đạo nhà máy đã cử nhiều người đi tìm, tìm hơn 1 tháng mà vẫn biệt vô âm tín. Nay đoán xem có quay về không, được que "giải" của que "vị tế".

HOẢ THỦY VỊ TẾ

Huynh đệ tí hoá ○ ứng

Từ tôn mùi thổ..

Thê tài dậu kim.

Huynh đệ ngọ hoá.. thế

Từ tôn thìn thổ.

Phụ mẫu dẫn mộc..

LÔI THỦY GIẢI

Từ tôn tuất thổ..

Thê tài thân kim.. ứng

Huynh đệ ngọ hoá.

Huynh đệ ngọ hoá..

Từ tôn thìn thổ. thế

Phụ mẫu dẫn mộc..

Hào ứng tị hoá là dụng thần, lâm nhật xung là sẽ quay về. Nhưng động mà hoá mô là khó về. Dụng thần ở đất quan đới, lâm vượng nên người không đến nỗi chết, tuất là chùa miếu, hào sáu là vùng ngoài, là cho phép ra khỏi nhà, là tượng không quay về, cho nên đến nay vẫn chưa về.

III. ĐOÁN XUẤT HÀNH

Trời có gió mây biến đổi, đất có núi có ao hồ, người có điều tốt, điều xấu tiếm ẩn. Người ta đi ra ngoài, đường trường vạn dặm, lên tàu xuống thuyền... khí hậu thay đổi, khó mà bảo đảm được không xảy ra chuyện gì. Vì vậy muốn phần khởi xuất hành thì việc đoán trước tin lành dữ là rất quan trọng.

Hào thế là mình, hào ứng là tha hương : đoán xuất hành hào thế là mình hào ứng là tha hương. Hào thế vượng tướng thì nên xuất hành, hào thế sinh vượng có khi là tốt, động mà hoá cát, hoá tử tôn càng tốt. Hào ứng nên vượng mà sinh thế, hoặc không tuần không là việc dễ thành.

Hào thế gặp kỵ thần thì phải xem sinh khắc : hào thế thuộc thủy, là vui mừng ; kiêng gặp khôn, cần ; hào thế thuộc mộc thì gặp khảm là tốt, kỵ phương đoài ; hào thế thuộc hỏa gặp chấn là tốt, kỵ phương khảm ; hào thế thuộc kim gặp khôn, cần là tốt, kỵ cung Ly ; hào thế thuộc thổ gặp tứ kho thì tuyệt đối không nên đi.

Hào phụ mẫu là hành lý, thế tài là lộ phí : đoán xuất hành lấy hào phụ mẫu là hành lý, vượng tướng là hành lý nhiều, hưu tù là hành lý ít, vượng mà không là hành lý có nhưng không nhiều. Hào thế tài là tiền vốn, là lộ phí, vượng tướng là nhiều, hưu tù là ít.

Phúc thần trì thế thì mọi tai ương đều qua : xuất hành được hào tử tôn trì thế, hào thế hoá tử tôn, tử tôn phát động là trên đường đi mọi tai ương đều vượt qua.

Đi hay ở lại phải xem xung hợp, hào thế tuần không là lợi nghề khác : hào thế yên tĩnh gặp nhật thìn, hào động âm xung là chắc chắn sẽ đi ; hào thế vượng tĩnh chờ đến ngày xung sẽ đi. Hào thế động mà hoá hợp hoặc bị nhật thìn, hào động hợp chặt là có việc trắc trở không đi được. Hào thế tuần không là lợi cho nghề khác hay đường nghề thuật, hoặc ngược lại được lợi mặt khác.

Hào thế tuần không là đi không thành, hào ứng tuần không là việc không thành : hào thế tuần không là đi không thành, nếu cứ cố tình đi thì gian lao vất vả, mà việc không vừa ý. Hào ứng là chỗ ở, rất sợ không vong chủ về việc buồn, mưu việc không thành.

Hai hào giữa hào thế và hào ứng là bạn bè, có sinh có khắc : Hai hào giữa hào thế và hào ứng là bạn bè, sinh thế thì tốt, khắc thế là bị nó làm hại. Hai hào đó động mà lâm hào huynh đệ là mình hao tài. Hai hào đó đều không là giữa đường không trắc trở thì cũng là không có bạn đồng hành.

Hai hào giữa hào thế và hào ứng động hay tĩnh là có tin vui hoặc điều kiêng kỵ. Hai hào ấy còn là đường đi và về. Nếu động thì ở dọc đường trắc trở, nếu tĩnh là đi về yên ổn. Nếu hai hào lâm vào hào thế tài phúc động là trên đường thuận lợi.

Nên hào thế khác hào ứng, không nên hào ứng làm tổn thương hào thế : hào thế khác hào ứng thì cho dù xa hay gần đều có thể đi, phương nào cũng không cản trở mình ; hào ứng làm tổn thương hào thế là không nên đi.

Hào thế và hào ứng đều động là đi nhanh : hào thế không động là thời gian xuất hành không chuẩn, hào thế động là thời gian xuất hành đã định. Hào thế và hào ứng đều động thì xuất hành được nhanh.

Quẻ khôn là nên đi đường bộ, quẻ khảm là sẽ đi bằng thuyền : mã tinh ở cung khôn là đi đường bộ ; hào mộc tri thế là cho phép đi bằng thuyền, nếu lâm bạch hổ động là có sóng gió nguy hiểm.

Hào quý tri thế là không yên ổn : xuất hành sợ nhất là hào quan qui tri thế, hoặc hào thế động biến thành hào quan qui đều là không lợi, nếu khác hào thế thì càng xấu.

Hào quan qui ở mộ địa là không đi được : hào quan qui tri thế, nếu quan qui ở mộ địa là khác hào thế không thể đi được. Xuất hành mà gặp tài phúc ở hào thế là tốt.

Hào phụ mẫu khắc hào quan qui là mưa gió cản trở : hào phụ mẫu tri thế, hoặc phụ mẫu động xung hào thế, nếu không do tàu thuyền, hành lý cản trở thì cũng là do mưa gió mà không đi được.

Hào quan qui khác hào huynh đệ thì mất của, bị lừa : hào huynh đệ tri thế, quan qui động để xung khác hào thế, nếu không mất của là cũng bị người khác lừa dối dẫn đến tai vạ.

Phản ngâm, phục ngâm là đi dọc đường phải quay về : quẻ gặp phục ngâm, hào thế phát động thì phải chờ đến ngày xung khai mới đi được. Quẻ gặp phản ngâm là dọc đường sẽ trở về, hào thế bị khắc là rất xấu.

Quẻ hợp biến thành xung phải đề phòng việc xấu : quẻ lục xung tri thế tĩnh, hào quan qui tuần không là đều không thể xuất hành. Hào thế nhập mộ là điểm không rõ. Lục hợp biến

thành lục xung và quẻ biến thành khác tuyệt thì ngôi ở nhà cũng phải đề phòng việc xấu.

Hào thể tài khắc thể thì phải đề phòng tài sắc : xuất hành mà hào tài động để hình khắc hào thể là vì tiền của mà sinh tai va. Còn nếu hào thể tương hợp với hào tài, hào tài biến thành quan quĩ để khắc hào thể thì không do tham của thì cũng do tham sắc mắc tai va.

Từ trong quẻ có thể biết được trên đường đi gặp hổ, sói hay không :

Cấn là núi, dân là hổ, Cung cấn mà gặp hào dân quan quĩ thì dân đó là đất của hổ báo. Nếu hào thể không bị khắc tổn thương thì không can gì, nếu bị khắc tổn thương thì chớ đi.

Trong quẻ không có thần phúc là không may mắn : trong quẻ không có hào tử tôn, hào quan quĩ lại không bị kìm chế tất sẽ lộng hành, xuất hành dễ gặp nạn.

Hào quan quĩ ở quẻ thượng là yên ổn : quẻ xuất hành không có hào quan quĩ, hoặc hào quan quĩ bị chế phục là vô hại. Hào quan quĩ ở giữa hào động nếu không bất hoà với bạn bè thì cũng là bạn bè bị bệnh. Hào quan quĩ khắc hào thể thì không lợi cho mình.

Lục thần lâm quan quĩ là không tốt : thanh long động lâm quan quĩ là hiếu sắc hoặc cờ bạc ; chu tước động lâm quan quĩ là cãi vã kiện tụng ; câu trăn động lâm quan quĩ là việc bị liên lụy ; phi xà động lâm quan quĩ là phong ba hiểm trở ; bạch hổ động lâm quan quĩ là bệnh tật liên miên không dứt ; huyền vũ động lâm quan quĩ là do bị trộm cướp.

Hào quan quĩ động ở cung càn, cung chấn thì phải đề phòng tai nạn xe, ngựa : hào quan quĩ động ở quẻ khảm, quẻ đoài phải đề phòng sóng gió ; hào quan quĩ động ở quẻ khôn, quẻ cấn, phải đề phòng tai hoạ nơi đồng không mông quạnh ;

hào quan quĩ động ở cung tốn phải để phòng bị hại bởi chuyện trai gái ; hào quan quĩ động ở cung ly phải để phòng hoá hoạn.

Thái tuế sinh khác thì phúc lớn, vạ lớn ; xuất hành gặp thái tuế sinh hợp thế thì phúc lớn mà lành ; gặp thái tuế hình khác hào thế thì tai vạ rất lớn. Thái tuế lâm bạch hổ thì xấu càng thêm xấu ; hào thế động mà xung khắc thái tuế cũng là xấu.

Ví dụ : Ngày nhâm thân, tháng mao đoán xuất hành ra sao được quẻ "tĩnh" của quẻ "tỷ".

THUY ĐỊA TỶ

Thế tài tỷ thủy.. ứng

Huynh đệ tuất thổ.

Tử tôn thân kim..

Quan quĩ mao mộc x thế

Phụ mẫu tị hoá x

Huynh đệ mùi thổ..

THUY PHONG TÍNH

Thế tài tỷ thủy..

Huynh đệ tuất thổ. thế

Tử tôn thân kim..

Tử tôn dậu kim.

Thế tài hợi thủy. ứng

Huynh đệ sừu thổ..

Hào quan quĩ tri thế là thân không yên ổn, tuyệt ở nhật thìn lại hoá xung khắc trở lại, quẻ nội phản ngâm như thế xuất hành không tốt, về sau tháng 7 bị hại.

Chương 21

KIỆN TỤNG

Tôi đã từng nói qua ở bài "Bát quái và tin tức" là trong Chu dịch có rất nhiều quẻ bàn về nội dung hình phạt, tội phạm và việc quan. Tôi cũng đã từng nói : thông qua nghiên cứu thực tiễn đã phát hiện rằng : có người nguyên nhân phạm tội là do năm tháng ngày giờ sinh của mình dẫn đến và điều này đã thể hiện rõ trong tử trạ. Những thông tin này khi thời gian đến thì nó sẽ bộc phát xảy ra.

Thời gian sinh của người ta đã chứa đựng những thông tin về phạm tội, điều đó là có lý lẽ khoa học. Sinh vật học, di truyền học cho rằng : thân thể của sinh vật là do gien quyết định, ví dụ tổ chất, khí chất, tâm lý, tính cách, hành vi.. của con người là như thế. Tức là nói : gien quyết định tất cả thân thể của sinh vật, quả trứng gà có thể nở ra gà con là nhờ ở sự thụ tinh của gà trống. Sự thụ tinh của quả trứng đã chứa đựng những thông tin của gà con. Vì vậy khi ấp ở nhiệt độ nhất định là có thể nở gà con. Do đó có người trong giờ sinh đã chứa đựng những thông tin phạm tội, tức là những nguyên nhân bên trong đã có sẵn, nhưng giới pháp lý hiện nay chưa chú ý điểm đó.

Bát quái là để dự đoán thông tin, tất nhiên cũng có thể đoán được những thông tin về phạm tội, cho dù tội đó đã xảy ra, hay sau này mới có, dùng bát quái đoán phạm tội để đề phòng và giảm thấp tội phạm, có một giá trị rất lớn, không thể lường hết được.

I. DỰ ĐOÁN VỀ KIẾN TỤNG

Hào thế vượng, hào ứng suy thì nhất định mạnh thắng yếu : phạm việc kiện tụng hào thế là mình, hào ứng là đối phương, hào thế hùng sinh vượng là mình mạnh, hào ứng hùng suy là đối phương yếu. Ngược lại là đối phương mạnh, mình yếu.

Hào thế, hào ứng, toạ ở hào quan quý là gặp hai lần xấu : hào thế là mình hùng vượng, hào quan quý mộ địa là mình gặp xấu. Hào ứng lâm hào quan quý nhập mộ là đối phương không gặp may.

Hào thế, hào ứng tương khắc thì sẽ có thắng bại : hào thế khác hào ứng là mình thắng, hào ứng khác hào thế là mình thua. Nếu hào ứng khác hào thế, nhưng hào thế ở vượng địa thì không thế khác nổi mình. Hào thế khác hào ứng, hào ứng phát động là đối phương có âm mưu mới, cuối cùng không bị khác.

Hào thế, hào ứng đều vượng thì phải xem nhật thần : hào thế hào ứng đều ở vượng địa là cả hai bên đều mạnh, thắng bại khó biết.

Gặp trường hợp này phải xem nhật thần sinh hợp cho ai : sinh hợp hào thế thì mình thắng ; sinh hợp hào ứng là đối phương thắng. Ngoài ra còn phải xem lục thần phù hợp ai, khác ai.

Hào quan quý sinh hoặc khác là có nỗi lo hay niềm vui : quan quý sinh hào ứng mà khác hào thế là mình lo vì đối phương mình ; hào quan quý sinh hào thế khác hào ứng là mình vui, đối phương lo.

Hào thế và hào ứng tương tình là bị lừa dối : hào thế hình khác hào ứng là mình thắng hoặc lừa được ; hào ứng

hình khắc hào thế là đối phương không thắng thì cũng đã lừa được mình.

Thái tuế lâm quan quý là sự việc đang tăng lên : phạm kiện tung gặp thái tuế lâm quan quý là việc kiện đang tăng lên. Nếu thái tuế khắc hào thế thì hào thế vào ngục, nếu khắc hào ứng thì hào ứng vào ngục.

Có quý nhân phù trợ nhất định thắng : hào thế nếu suy nhược nhưng gặp được nhật, nguyệt, hào động sinh hợp tức là có sức giúp của quý nhân thì nhất định thắng. Hào ứng gặp như thế cũng sẽ thắng.

Hào thế, hào ứng động tĩnh là có mưu kế mới : hào thế động là mình có mưu kế, nếu hoá khắc trở lại là mưu kế thất bại. Hào ứng động cũng như thế. Hào thế hào ứng đều động là hai bên thi thố mưu kế của mình.

Hào thế tài là lý, nếu trì thế thì sợ nhất là bị hào quan quý khắc : hào tài trì thế là mình có lý ; hào ứng trì thế ở thế tài là đối phương có lý. Hào quan quý khắc hào thế thì tuy có lý nhưng quan toà không nghe, hào huynh đệ động là không cho phép phân giải trình bày.

Hào thế, hào ứng đều tuần không là quan toà nghỉ (tạm ngừng) : hào thế biến thành quan quý là mình muốn tạm ngừng ; hào ứng tuần không là đối phương không tố cáo nữa ; hào thế, hào ứng đều tuần không là tượng tạm ngừng.

Hào thế, hào ứng biến thành quan quý là bị chết : hào thế biến thành quan quý là vì việc kiện mà hai bên đều chết. Hào ứng biến quan quý cũng kết quả như thế.

Hào thế hào ứng nhập mộ là sợ nhất : cho dù hào thế hay hào ứng, phạm gặp nhập mộ, hoá mộ, lâm mộ đều là điềm xấu.

Tương sinh tương hợp thì cuối cùng được hoà giải : hào ứng sinh hợp hào thế là đối phương cầu hoà ; hào thế sinh hợp hào ứng là mình cầu hoà. Hào thế, hào ứng động, tuần không, hoá không là giải hoà.

Hào thế hào ứng ngang hoà, hào quan qui động là không cho phép : hào thế hào ứng ngang hoà là hình tượng hoà giải. Nếu hào quan qui động là quan toà không cho phép xử hoà.

Thân quẻ suy hay vượng là việc to hay nhỏ : thân quẻ là căn nguyên của việc kiện tụng, vượng tức là việc to, suy là việc nhỏ, động là sự việc gấp, tĩnh là sự việc chậm. Nếu tuần không là sự việc bịa đặt, nếu phi thân, phục thân đều tuần không là hoàn toàn không có sự thật.

Hào ứng vượng không hợp là cô độc không có viện trợ : hào ứng vượng tướng nhưng không có sinh hợp là tuy đối phương mạnh, nhưng cô độc không có trợ giúp, không đáng sợ. Hào thế và hào ứng sinh hợp lại gặp nhật, nguyệt, hào động hình khác thì tam thời phải nhân nại.

Hào thế suy nếu bị nhật khắc, tử tuyệt là không tốt : hào thế phải vượng, nếu quẻ bị khắc là không tốt. Hào thế gặp đất tử tuyệt còn bị khắc lại càng không tốt.

Hào phụ mẫu là văn thư, đơn kiện : Hào phụ mẫu là văn thư, đơn kiện, nếu suy hoặc không có hào phụ mẫu thì việc kiện vừa không có đầu mối, không có cáo trạng. Hào phụ mẫu bị hình khác lại còn lâm tử tuyệt là bản cáo trạng có nhiều chỗ mâu thuẫn, không chặt chẽ, giống như phụ mẫu hoá phụ mẫu. Phụ mẫu hoá huynh đệ là có sự phản bác, nguyệt kiến tác hợp là toà án cấp trên gác việc lại, không thể dựa vào nhật kiến xung để giải thoát.

Hào phụ mẫu và hào quan qui đều có là có khí : phạm việc muốn tố cáo lên trên trong quẻ phải có cả hai hào :

quan quí và phụ mẫu. Hai hào này không được tuần không thì mới làm chủ được. Nếu hào thế tài động làm tổn thương hào phụ mẫu thì việc kiện không thành. Hào phụ mẫu vượng, hào quan quí suy thì lời tố cáo to nhưng sự việc nhỏ.

Muốn biết ai là nguyên cáo, bị cáo phải xem hào phụ mẫu : hào phụ mẫu là hào thế thì mình tố cáo đối phương ; hào phụ mẫu là hào ứng là đối phương tố cáo mình hoặc mình bị thẩm vấn.

Hai hào phụ mẫu và quan quí đều động thì việc tất thành : phạm khởi đơn kiện gặp hai hào quan quí và phụ mẫu đều động thì việc tất thành. Nếu hào phụ mẫu tuần không, vong, một tuyệt, hào phụ mẫu lại hình khác hào thế, hoặc bị nhật nguyệt xung khắc thì không những khó tố cáo đối phương mà còn bị tố cáo lại.

Hai hào quan quí và phụ mẫu không nên trùng lặp trở lại : trong 1 quẻ nếu hai quẻ nội ngoại đều có hào quan quí và phụ mẫu là chỉ sự việc có sự biến đổi, chuyển đổi đi nơi khác, tố cáo trở lại thì sẽ được.

Hai quẻ nội ngoại đều có hào quan quí là quyền xử không quy về một mối : trong quẻ không có hào quan quí, thì chưa có người làm chủ xét xử việc đó ; nếu quẻ nội, quẻ ngoại đều có hào quan quí là sự việc thuộc hai chỗ : quyền xử không quy về một mối, sự việc xử án sẽ lặp đi, lặp lại. Quan quí hoá quan quí cũng biểu hiện như thế.

Hào huynh đệ ở giữa hai hào ứng và hào thế là sự việc liên quan đến nhiều người : Hào huynh đệ ở giữa hai hào là việc kiện liên quan đến nhiều người. Hào huynh đệ động xung khắc hào thế là người làm chứng uy hiếp đòi hối lộ, hào huynh đệ khác hào ứng là người làm chứng đòi đối phương rút tiền.

Hào ở giữa hai hào thế và ứng là người làm chứng, nên sinh thế : hào ở giữa nên sinh hợp với hào thế thì có lợi cho mình, sinh hợp với hào ứng là lợi cho đối phương. Xung

hào thế là thù của mình ; xung khắc hào ứng tức người làm chứng là thù của đối phương. Nếu những hào ở giữa đó khác hào thế, sinh hào ứng thì phải đề phòng người làm chứng cùng đối phương hợp lực hại mình.

Hào huynh đệ tri thế thì khuynh gia bại sản : hào huynh đệ tri thế, động mà khác thế, hoặc huynh đệ hoá huynh đệ tất phải hao tài tổn của, vì kiện mà khuynh gia bại sản.

Trước suy sau vượng là việc lập di lập lại : quẻ trước suy quẻ sau vượng (hoặc trùng quẻ) thì việc nhỏ biến thành án lớn, quẻ trước vượng, quẻ sau suy là việc trước to sau nhỏ.

Hào quan quĩ vượng hay suy quyết định mức độ nhẹ hay nặng : phạm tội nặng nhẹ lấy hào quan quĩ làm chủ. Hào quan quĩ vượng tương thì tội nặng, hào quan quĩ suy là tội nhẹ. Hào quan quĩ khác hào thế, hoặc hào quan quĩ tri thế bị nhật, nguyệt, hào động xung khắc hoặc hào thế động hoá hung thì tuy tội nhẹ nhưng phải đề phòng hình phạt nặng.

Thần phúc lâm hào thế là có cứu giúp : đoán phạm nhân gặp hào tử tôn tri thế, hoặc hào tử tôn phát động thì dù đã ra pháp trường cũng sẽ thoát chết.

Thái tuế sinh hào thế là gặp ơn trời : hào thế mộ, quĩ, mộ động, nhập mộ là hình tượng bị bắt giam, nếu được nhật thìn hình khác xung phá thì sẽ được ra ngục. Nếu gặp tuế quân sinh hợp hào thế thì bất ngờ gặp may mà xoá tội.

Ví dụ : Ngày giáp dần, tháng nhâm ngọ năm 1985 ông Mãn ở xưởng của tôi đến hỏi về việc kiện tụng được quẻ "khâm" của quẻ "khốn".

TRẠCH THUY KHỐN	KHÂM VI THUY	LỤC THÂN
Phụ mẫu mùi thổ..	Tử tôn tý thủy.. thế	Huyền vũ
Huynh đệ dậu kim.	Phụ mẫu tuất thổ.	Bạch hổ
Tử tôn hợi thủy○ ứng	Huynh đệ thân kim..	Phi xà

Quan qui ngo hoả..	Quan qui ngo hoả.. ứng	Câu trần
Phụ mẫu thìn thổ.	Phụ mẫu thìn thổ.	Chu tước
Thê tài dần mộc.. thê	Thê tài dần mộc..	Thanh long

Hào thê lâm nhật kiến gặp thanh long, lại được hào ứng tử tôn hội thủy động để sinh hợp hào thê. Đối phương tuy vượng nhưng vẫn không áp đảo được uy lực của tử tôn nên việc tất sẽ hoá nhỏ. Quả đúng thế ! vì căn bản không liên quan đến pháp luật.

Ví dụ : Ngày kỷ hội, tháng thìn, năm 1986, ông Ma ở xưởng tôi hỏi về việc kiện được quẻ "khue" của quẻ "tôn" :

SƠN TRẠCH TÔN	HOẢ TRẠCH KHUÊ
Quan qui dần mộc. ứng	Phụ mẫu tị hoả.
Thê tài tý thủy..	Huynh đệ mùi thổ..
Huynh đệ tuất thổ x	Tử tôn dậu kim. thê
Huynh đệ sừ thổ..thê	Huynh đệ sừ thổ..
Quan qui mao mộc.	Quan qui mao mộc.
Phụ mẫu tị hoả.	Phụ mẫu tị hoả. ứng

Hào huynh đệ trì thê lại huynh đệ động tất là vì tranh giành tiền của mà sinh kiện. Hào ứng được nhật kiến khắc hào thê mà bị thiệt, quẻ gặp hai hào quan qui là hai chỗ không quản lý, nên án này sẽ lập đi lập lại. Hào huynh đệ động kiếp tài, quẻ nội phục ngậm đều là tượng không vừa ý. Nhưng sau tháng 4 thì sẽ có lợi cho ông. Ông Ma sau khi nghe nói thì ngạc nhiên nói rằng : "Hoàn toàn đúng vì chuyện buôn bán mà đánh nhau đã tố cáo mấy tháng nhưng đơn bị đẩy đi đẩy lại không có ai giải quyết, tôi đành tố cáo lại. Về sau đúng như thế.

Ví dụ : Ngày kỷ ty, tháng tị năm 1988 ngài Quốc ở thành phố Tây an nhiều lần cáo trạng nhưng không được xử lý, đoán được quẻ "tiệm" của quẻ "gia nhân".

PHONG HOÁ GIA NHÂN

Huynh đệ mảo mộc.

Từ tôn tị hoá. ứng

Thê tài mùi thổ.

Phụ mẫu hội thủy.

Thê tài sử thổ.. thê

Huynh đệ mảo mộc ○

PHONG SƠN TIỆM

Huynh đệ mảo mộc. ứng

Từ tôn tị hoá.

Thê tài mùi thổ..

Quan quý thân kim. thê

Từ tôn ngộ hoá..

Thê tài thìn thổ..

Hào huynh đệ mảo mộc động là gặp việc phá tài, thời gian là tháng 2 Âm lịch. Hào thê sửu thổ lâm nhật, nguyệt và hào ứng tử tôn thần phúc sinh, là tượng đại thắng, tố cáo lại tháng 5 tất sẽ toàn thắng. Ông Quốc phẩn khởi nói : "Bát quái rất chuẩn, giống như mắt nhìn thấy". Về sau ông báo cho biết tháng 5 thắng lợi hoàn toàn. Tháng 5 là vì hào thê hoá sinh trở lại.

Ví dụ : Tháng giêng năm 1984, 1 người bạn ở tỉnh Hồ Bắc gửi cho tôi biết giờ sinh (năm kỷ sửu, tháng quý dậu, ngày át sửu, giờ canh thìn) nhờ tôi đoán vận hạn. Gieo được quẻ "khốn" của quẻ "tụng"

THIÊN THUY TỤNG

Từ tôn tuất thổ ○

Thê tài thân kim..

Huynh đệ ngộ hoá. thê

Huynh đệ ngộ hoá..

Từ tôn thìn thổ.

Phụ mẫu dẫn mộc.. ứng

TRẠCH THUY KHỐN

Từ tôn mùi thổ..

Thê tài dậu kim.

Quan quý hội thủy. ứng

Huynh đệ ngộ hoá..

Từ tôn thìn thổ.

Phụ mẫu dẫn mộc.. thê

Tôi căn cứ quẻ "tụng" chủ về việc kiện, hào huynh đệ ngộ hoá trì thê hoá thành quan quý hội thủy khác trở lại. Năm nay quan quý lâm thái tuế khác trở lại hào thê, cảnh cáo anh

ta không nên tham sắc, nếu không thì tháng 10 sẽ bị bắt giam. Về sau đến tháng 10/1984 vì quan hệ nam nữ mà bị bắt giam.

Ví dụ : Ngày 14/7/1985 ông Lưu Nhiệm ở công ty tôi dẫn một người phụ nữ đến đoán vận hạn cho con. Căn cứ vào ngày sinh của con bà ấy là giờ thân, ngày 29/7/1959, gieo được quẻ "tùy" của quẻ "cách"

TRẠCH HOÁ CÁCH

Quan qui mùi thổ..

Phụ mẫu dậu kim.

Huynh đệ hợp thủy. thế

Huynh đệ hợp thủy ○

Quan qui sừu thổ..

Tử tôn mao mộc. ứng

TRẠCH LỜI TÙY

Quan qui mùi thổ.. ứng

Phụ mẫu dậu kim.

Huynh đệ hợp thủy.

Quan qui thìn thổ.. thế

Tử tôn dần mộc..

Huynh đệ tý thủy.

Quẻ "cách" là bàn về việc tù ngục nên tôi nói với chị phụ nữ đó : "con của chị vì cướp bóc mà đã bị bắt giam. Thời gian là năm 1979, Năm nay nên ra được". "Đúng tháng 8 năm nay là hết hạn tù". Cậu này vì cướp bóc hành hung nên bị phạt 6 năm tù. Đối với người bị bắt giam (trước khi đoán quẻ), lời từ của hào ba nói : "Chứng hung, trình lệ. Cách ngôn tam tựu hữu phù". "Cách ngôn" tức là kẻ phạm tội đã sửa đổi lời khai. "Phù" tức là trước khi đoán quẻ đã bị xử phạt nặng. Năm 1985 thái tuế sừu thổ xung khai kho mùi nên là lúc hết hạn tù.

II. ĐOÁN VỀ MẮT CỦA

Của cải có khi được có khi mất. Có khi mất của do mình không cẩn thận, cũng có lúc bị mất vì trộm cắp. Cả hai trường hợp của công, của tư đều có. Mất của rồi có thể tìm lại được

không ; bị mất trộm có thể phá án không ? Dùng bát quái đều có thể đoán được.

Đoán mất của lấy vật bị mất làm dụng thần : phạm đoán mất của không kể bị quên mà mất, hoặc bị trộm, bị cướp đều phải xem mất vật gì để chọn dụng thần. Nếu chọn dụng thần sai tất nhiên sẽ đoán không chuẩn. Nói chung dụng thần được phân làm 3 loại :

1. Xe, đồ, y phục, vài vóc, văn kiện, bản đồ v.v.. đều lấy hào phụ mẫu làm dụng thần.
2. Gia cầm, gia súc, lục súc lấy hào tử tôn là dụng thần.
3. Tiền của... đều lấy hào tài làm dụng thần.

Ngày nay các loại đồ dùng rất nhiều khó mà phân chi tiết được cho nên khi vận dụng phải linh hoạt.

Lấy vật bị mất làm hào thế tài, hào thế là chủ : ngày xưa đều lấy hào thế tài là vật bị mất làm dụng thần. Còn ai là chủ nhân ? Có thể gọi vật bị cướp mất là chủ nhân bị cướp đi không ? Không phải. Thế tài mới là vật bị mất, còn hào thế là chủ của vật đó.

Của mất nhiều hay ít phải xem số của quẻ : số tiền bị mất ít có thể gọi là 1, nhiều là vô hạn. Cho nên xưa nay mất bao nhiêu tiền của chỉ nói đại khái chung chung, không thể nói chính xác số lượng được. Kinh nghiệm của tôi là : thứ nhất phải xem số quẻ vượng hay suy ; thứ hai phải xem của công hay của cá nhân ; thứ ba phải xem tài và vận của tứ trụ. Quẻ số là tổng số của số quẻ chủ và quẻ động, nếu suy thì ít, vượng thì nhiều. Tứ trụ của cá nhân nếu tài vượng gặp tài vận thì nhiều, nếu tài suy thì ít.

Hào tử tôn trì thế là tự mình đánh mất : quẻ gặp 6 hào yên tĩnh, trong đó hào tử tôn trì thế, nếu không bị mất cắp cũng là tự mình làm mất.

Nếu quẻ không có hào quan qui, hoặc hào quan qui tuần không là tự mình bỏ quên mà mất : trong quẻ nếu không có hào quan qui, hoặc hào quan qui rơi vào không vong, hào thế động là tự mình làm mất, không phải mất trộm.

Hào tử tôn động phi xà ở hào thế là tự mình quên : hào tử tôn động là của chưa mất ; phi xà lâm hào thế là bị quên đầu đó.

Hào thế tài ở dưới hào ứng là người khác mượn : trong quẻ hào quan qui gặp tuần không, hoặc phục tàng, hoặc tử tuyệt mà hào thế tài là hào ứng hoặc ở dưới hào ứng là mình cho người khác mượn mà quên, căn cứ lục thân sẽ đoán biết được.

Dụng tài phục mà gặp xung là chưa bị ai trộm : trong quẻ hào tài phục tàng, nếu gặp nhật thìn, hào động ám xung, hào quan qui yên tĩnh là vật đang bị ai đó đưa đi chỗ khác, chứ không phải mất trộm hoặc bị trộm, có thể tìm lại được.

Trong quẻ không có hào quan qui, hoặc hào quan qui du hôn là bị quên : hào quan qui không xuất hiện, hoặc hào quan qui tuần không vong, hoặc tử tuyệt không phát động là không bị trộm. Quẻ gặp du hôn là phần nhiều do mình quên.

Hào thế, hào ứng tương sinh là mất giả tạo : Phạm gặp hào thế hào ứng tương sinh, đặc biệt là hào ứng sinh hào thế thì đó là mất giả tạo.

Hào tài ở quẻ nội là mất ở trong nhà, ở quẻ ngoại là mất ở chỗ khác : xưa nói quẻ nội có hào tài là của mất trong nhà ; quẻ ngoại có hào tài là của mất ở chỗ khác. Hoặc là nói hào tài ở quẻ nội là của đang ở trong nhà ; hào tài ở quẻ ngoại là của để ở ngoài nhà. Nhưng thực tế không hoàn toàn như thế. Nên khi đoán không thể nói chung chung.

Tài phúc biến hoá lẫn nhau thì phải xem tăng hay giảm : Trong quẻ hào tài hoá hào tử tôn hoặc tử tôn hoá tài là không phải bị ăn trộm hoặc liên quan đến thất lạc. Nếu thân

phúc gặp hào tử tôn là bị chuột tha đi, hào dậu là hang hốc. Nếu là sừu thì tìm ở chuồng trâu ; nếu là dấn là mèo tha; ngọc là ở chuồng ngựa; mùi, hội là ở cạnh chuồng dê, chuồng lợn ; dậu là cạnh chuồng gà. Gặp hợp là ở trong, không hợp là ở ngoài. Độc giả có thể tham khảo.

Quẻ không có dụng thần thì phải xem phục thần : nếu dụng thần không hiện trong quẻ thì phải xem phục thần ở hào nào. Phục thần ở hào phụ mẫu là vật ở bậc bề trên, ở gian chính của nhà ; không hợp là vật ở trong quần áo hoặc giấy tờ ; có hợp là trong hòm quần áo hoặc hòm sách. Nếu phục tàng dưới hào huynh đệ là vật ở chỗ anh chị em hoặc bạn bè ; phi thần sinh phục thần khác hào thế là vật mất có thể tìm lại được.

Huyền vũ ở hào quan quý là bị trộm : phạm là việc trộm cắp hoặc cướp giết thì hào quan quý, huyền vũ là dụng thần của kẻ trộm.

Hào tài ở quẻ nội là vật đang ở trong nhà hoặc bị người nhà lấy, quẻ gặp qui hôn là người thân thích chiếm : hào tài ở quẻ nội lại hoá thành hào tài của quẻ nội cung đó là của ở trong nhà hoặc do người nhà lấy. Quẻ gặp qui hôn có thể là người thân thích lấy.

Quẻ có hai hào quan quý thì kẻ trộm không chỉ có 1 người : quẻ có 1 hào quan quý là chỉ có 1 người trộm, nếu trong quẻ có 2 hào quan quý là 2 người cùng gây án.

Hai quẻ nội ngoại đều động : quẻ nội động, quẻ ngoại yên tĩnh là người trong nhà hoặc người gần đó lấy trộm cho người ngoài. Quẻ ngoại động, quẻ nội yên tĩnh là người nhà làm nội gián, người trong nhà và người ngoài cùng cấu kết.

Hào thế bị hình xung khắc là kẻ dịch gây nên : hào quan quý hình xung hào thế thì kẻ ăn trộm là kẻ tư thù. Câu trăn hợp hào thế là người ăn trộm có liên quan với người thân.

Cân cử hào âm, hào dương để phân biệt nam hay nữ : hào quan quí là hào dương thì kẻ trộm là nam ; nếu là hào âm thì kẻ trộm là nữ. Âm hoá dương là nữ ăn trộm cho nam ; dương hoá âm là nam ăn trộm cho nữ. Lúc lấy âm dương để định kẻ trộm là nam hay nữ cần phải chú ý : Nếu quẻ gặp âm, hào quan quí âm thì thiên về kẻ trộm là nữ ; quẻ thuộc dương thì thiên về kẻ trộm là nam, như thế sát với thực tế hơn.

Cân cử quẻ nội, quẻ ngoại để đoán xa hay gần : hào quan quí ở quẻ nội phát động là người nhà hoặc thân thích lấy trộm, hoặc kẻ trộm ở gần ; hào quan quí ở quẻ ngoại động là kẻ trộm từ ngoài đến.

Quẻ gặp vương tướng thì không phải là mất trộm : quẻ gặp vương tướng, hào quan quí phát động thì vật tuy mất, nhưng không phải mất trộm mà có thể do người nhà dùng gây nên.

Hào quan quí lâm nguyệt kiến thì đừng cho là mất trộm : hào quan quí lâm nhật, nguyệt kiến, dụng thần không rơi vào tuần không hào quan quí thì thế đều không phải là kẻ trộm mà phần nhiều là người nhà gây nên. Nếu hào quan quí tương sinh với hào thế hoặc hào quan quí ở cung đó động thì cũng do người thân hoặc bạn bè gây nên.

Hào quan quí hoá thành các hào khác là có ý nghĩa khác nhau : hào tài hoá hào quan quí là bị người trộm, hào quan quí hoá hào tài là vật đó chưa đi xa, nếu tìm nhanh thì được.

Hào thế, hào ứng xung hào quan quí thì chủ nhân sẽ có linh tính báo : hào thế xung hào quan quí thì chủ nhân cảm giác được ; hào ứng xung hào quan quí thì người khác biết. Hào bên cạnh xung hào quan quí thì người bên cạnh biết được ai lấy.

Nhật thìn khác hào quan quý thì kẻ trộm bị kinh động :
nhật thìn, hào động hình khác hào quan quý thì kẻ trộm hốt hoảng để bắt được.

Căn cứ các hào của quẻ nội, quẻ ngoại để tìm : dụng thần lâm hội tí thủy, lại ở hào đầu thì có thể tìm bên cạnh giếng hoặc ở chỗ có nước, ở hào hai thì tìm ở cạnh lò bếp ; ở hào 3 thì tìm trong nhà ; nếu dụng thần phục tàng dưới hào 3 thì có thể tìm ở nhà thờ ; nếu ở hào 4 thì tìm phía trong hoặc ngoài cửa ; ở hào 5 thì tìm cạnh đường đi ; ở hào 6 tìm ở trên dầm xà nhà. Độc giả lúc vận dụng phải xem mất vật gì để kết hợp thực tế mà vận dụng cho thích hợp.

Căn cứ ngũ hành trong hào để biết chỗ chôn dấu : dụng thần lâm thủy thì tìm bên bờ ao mép nước ; lâm mộc : tìm ở chỗ rừng cây vườn cây, bụi rậm, đồng củi cỏ ; lâm hỏa : tìm cạnh các lò bếp ; lâm kim : tìm ở những chỗ có đồ đồng đồ sắt ; lâm thổ : tìm ở chỗ đồ gốm, sành sứ ; lâm hưu tù : tìm ở đồng ngói.

Sợ nhất hào thế tài kiếp sát hoặc tuần không, vong : Quẻ gặp hào huynh đệ động thì vật thất tán khó tìm ; hào tài tuần không, vong thì không tìm lại được.

Hào tài hưu tù thì tìm uống công vô ích : Quẻ nội hào tài hưu tù không có khí thì tìm vô ích. Quẻ ngoại hào tài hưu tù là của đã đi xa, khó mà tìm được.

Dụng thần nên tĩnh không nên động : hào tài yên tĩnh là vật nằm im, hào tài không tuần không, sinh thế hợp thế là vật dễ tìm. Hào tài phát động tất có biến đổi, vật không bị chuyển dời thì cũng đã bị phân tán. Nếu sáu hào đều loạn động thì tình hình rất phức tạp.

Hào dụng khác hào thế là vật dễ tìm, hào thế khác hào dụng là vật khó tìm : dụng thần gặp tuần không, hoá không

thì khó tìm lại vật ; hào tài gặp nguyệt lệnh hoặc nhật thìn sinh vượng thì vật chưa bị phân tán có thể tìm được.

Hào tài nhập mộ thì phải chờ đến khi xung khai : hào tài nhập mộ, hoá mộ, phục mộ là vật bị giấu trong kho hoặc dưới hầm ngầm hay lẫn trong các vật khác, chờ cho đến ngày xung mất mộ kho mới tìm được. Nếu hào tài lâm quĩ mộ là vật dấu trong đền chùa, hào tài không có khí là ở trong mộ, hào tài có phi xà thì vật ở chỗ bàn thờ hoặc tượng phật.

Hào tài động, bị nhật thìn hợp chặt là vật bị dấu dưới sấu : hào tài động mà hoá thành phụ mẫu thì vật ở trong nhà.

Hào quan quĩ vượng hay suy, để xác định tuổi của kẻ trộm : hào quan quĩ sinh vượng là kẻ trộm ở tuổi trung niên, hoặc thanh niên, quan quĩ mộ tuyệt thì kẻ trộm là người già ; hào quan quĩ là thai dưỡng thì kẻ trộm là trẻ con ; hào quan quĩ bị hình khắc hại thì kẻ trộm là người có bệnh. Quẻ nội ở bàn cung thì kẻ trộm ở gần hoặc là người nhà ; quẻ nội ở cung khác thì kẻ trộm là người ở nhờ hoặc người khác họ ăn trộm.

Cần cú bát quái để định phương hướng, lục thần để định kẻ trộm : Quẻ cần là ở phương tây bắc ; phi xà lâm hào quan quĩ là kẻ trộm người cao gầy ; lâm bạch hổ vượng tướng thì kẻ trộm là to béo ; lâm hưu tù thì kẻ trộm người gầy nhỏ.

Cần cú vào ngũ hành của hào quan quĩ để biết thủ đoạn : mộc ở quan quĩ khắc thổ là đào tường khoét vách ; kim khắc mộc là vượt tường, luồn cửa ; hoá khắc kim là bẻ khoá ; thủy khắc hoá là trộm ban đêm ; thổ khắc thủy là trộm lúc mưa ; mộc hoá biến hoá lẫn nhau là cướp ngầm, cướp đêm ; mộc

khắc hào sáu là chui tường mà vào ; khắc hào đầu : là vào từ cửa sau.

Hào tử tôn trì thế là có thể bắt được kẻ trộm để lập án : phạm đoán phá án bắt trộm hào tử tôn là nhân viên công an, hào quan qui là kẻ trộm. Hào tử tôn vượng tướng mà động, hào tử tôn trì thế lâm nhật, nguyệt thì phá án sẽ nhanh, kẻ trộm dễ bị bắt.

Hào quan qui lâm mộ là kẻ trộm đã lánh xa : hào quan qui lâm mộ là kẻ trộm nấp ở trong đền miếu, nếu hưu tù tử tuyệt kẻ trộm nhất định nấp dưới hầm.

Hào quan qui gặp tứ kho, cung chấn, cung kim thì tham khảo ở Chương người đi xa. Quê không có hào quan qui thì phải xem phục thần : hào quan qui là phục thần của hào phụ mẫu thì kẻ trộm là bé trên, nếu không cũng là người làm thủ công mỹ nghệ ; phục thần ở hào huynh đệ thì kẻ trộm là người cùng thế hệ hoặc bạn bè ; phục thần ở hào thê tài thì kẻ trộm ở nhà bạn gái ; phục thần ở hào tử tôn thì của ở trong đền miếu, hoặc kẻ bậc dưới mình, phục thần mộ thì vật mất ở kho tàng hoặc nhà giàu.

Hào quan qui động hợp hào thê tài thì do nữ giới lấy đi : hào quan qui động hợp với hào tài là bị phụ nữ lừa lấy đi.

Hào quan qui tĩnh là dễ tìm, động là khó tìm, tuần không là không tìm được : hào quan qui yên tĩnh là dễ bắt ; động thì thường thay đổi địa điểm khó bắt ; hào quan qui không vong là khó dò ra tông tích.

Hào quan qui gặp hợp là có nơi tàng chứa : hào quan qui động mà gặp hợp hoặc được nhật thìn hào động hợp chặt là có người tàng chứa. Muốn biết người nào thì phải xem lục thân của hào. Nếu gặp xung động, xung khai là có người chỉ điểm cho chạy trốn.

Hào thế hào ứng tương xung thì sẽ bắt được : hào thế, hào ứng đều động mà tương xung là dọc đường sẽ có người bắt gặp. Hào quan quĩ hưng vượng, hào thế động cũng như trên. Hào thế động khác hào quan quĩ, hào thế vượng, hào ứng suy thì kẻ trộm sẽ bị bắt ; hào ứng vượng hào thế suy, hào quan quĩ khác hào thế thì tuy gặp kẻ trộm mà không bắt được.

Hào quan quĩ gặp sinh phù là kẻ trộm được cứu thoát : hào quan quĩ gặp xung là bị người ta khám phá ra ; hào quan quĩ bị khắc là kẻ trộm bị bắt ; nếu hào quan quĩ được nhật, nguyệt, hào động sinh phù là được người cứu thoát cùng chạy trốn. Nếu hào khác có tình với hào thế tất sẽ có người đến báo cho biết. Hào thế bị xung khác là bị người khác dấu chuyện đi.

Hào thế nên khắc hào quan quĩ, không nên hào quan quĩ khác hào thế : hào thế khác hào quan quĩ là mình chế ngự được nó, chưa đi được xa dễ tìm thấy. Hào quan quĩ khác hào thế là mình không lợi, khó tìm.

Hào thế suy, hào quan quĩ vượng là không lợi cho mình : phá án bắt trộm, hào thế phải vượng hào quan quĩ phải suy nhược thì án mới dễ phá, kẻ trộm mới bị bắt. Nếu hào quan quĩ vượng, hào thế suy hoặc động biến, nhật nguyệt hình khác hào thế thì không những khó bắt mà còn phải để phòng kẻ trộm hại lại mình.

Hào thế mộ vượng thì không nên đi ra ngoài : bắt kẻ trộm hào thế nhập mộ, lâm mộ, động mà hoá mộ, hào quan quĩ lâm vượng địa thì phải để phòng kẻ trộm bắt mình.

Mộc ở cung khám là kẻ trộm di thuyền chạy trốn : hào quan quĩ lâm hào mộc ở cung khám là chạy trốn bằng đường thủy ; mộc hoá thủy, thủy hoá mộc, hoặc thủy động ở cung mộc đều là như thế.

Hào huynh đệ động trì thế là hao tài tốn của : phá án bắt trộm gặp hào huynh đệ động, hoặc hào huynh đệ trì thế thì phải mất của mới có thể tìm được. Nếu làm huyền vũ vượng mà khắc thế thì phải đề phòng bị lừa.

Hào thế hào ứng ngang nhau là vật ở ngay chỗ đó : hào thế, hào ứng đều tuần không thì không cần phải tìm.

Bản cung hoá bản cung là vật chưa đi xa : nếu hào quan quý ở quê "cần" hoá nhập vào quê "cầu" là cùng cung thì kẻ trộm đang ở vùng đó ; hoá nhập cung khác là kẻ trộm đã đi xa.

Hào quan quý hoá thoái là dễ bắt, hoá tiến là khó bắt : hào quan quý hoá tiến, hoá sinh là khó bắt ; hoá thoái, hoá suy là dễ bắt. Hào thế động khác hào quan quý tất nhiên sẽ bắt được để truy án.

Quê qui hôn là bắt được ; quê du hôn là chạy mất : quê gặp qui hôn là kẻ trộm có ý quay về, nếu sinh thế hợp thế là kẻ trộm sẽ tự thú ; nếu hoá du hôn là nhất định sẽ chạy đi.

Thăm dò tình hình phải xem hào động : quê gặp hào tí động thì phải tìm đến dân ông hay người đánh cá ; hào sừ động thì phải hỏi kẻ chăn trâu ; dân động thì hỏi thợ mộc, thợ rừng ; mao động thì hỏi thương nhân hoặc người buôn bán ; thìn động thì hỏi người đào giếng, đào đất, khai hoang ; tị động thì hỏi người phụ nữ (con gái) mặc áo hồng hoặc người nuôi rấn ; ngộ động thì hỏi người đốt lò hay người chăn ngựa ; mùi động thì hỏi người chăn dê ; thân động thì hỏi người thợ rèn, đúc đồng, người nuôi khí ; dậu động thì hỏi người bán rượu, thợ may ; tuất động thì hỏi người đào đất, đào bùn, người dất chớ ; hợi động thì hỏi người gánh nước, đạp xe, giặt quần áo, đi tắm.

Ví dụ : Ngồi canh thân, tháng mao, năm 1985, Triệu thế Lan ở công ty tôi nói, buổi trưa lúc tan tầm để xe đạp trước cửa, 1g30 đi làm thì không thấy nữa. Tìm khắp nơi mà không có kết quả, xin xem giúp có thể tìm được không ?

Được quẻ "tỳ" của quẻ "khâm".

KHÂM VI THUY

THUY ĐỊA TỠ

Huynh đệ tỳ thủy.. thế

Huynh đệ tỳ thủy.. ứng

Quan qui tuất thổ.

Quan qui tuất thổ.

Phụ mẫu thân kim..

Phụ mẫu thân kim..

Thê tài ngộ hoá.. ứng

Tử tôn mao mộc.. thế

Quan qui thìn thổ ○

Thê tài tị hoá..

Tử tôn dân mộc..

Quan qui mùi thổ..

Khâm là xe, phụ mẫu thân kim là dụng thần lâm nhật kiến mà sinh thế. Thê tài ngộ hoá hoá tử tôn mao mộc sinh trở lại, quan qui tuy là trộm đi nhưng đồ vật có thể tìm lại được. Tôi nói với anh ta đừng lo, giờ thân chiếu mai là có thể tìm được xe. 4 giờ chiếu ngày hôm sau tìm thấy xe bên cạnh đường. Ứng vào giờ thân ngày hôm sau là vì ngày thứ hai là ngày thân Dậu thuộc kim vừa sinh quẻ khâm vừa hào dụng thần thân kim lâm đất để vượng mà sinh hào thế.

Ví dụ : Ngày bính tý tháng sáu, năm 1987 cô Lưu ở Cty tôi nhờ đoán xe đạp bị mất trộm có thể tìm được không, được quẻ "truân" của quẻ "ký tế".

THUY HOÁ KÝ TẾ

THUY LÔI TRUÂN

Huynh đệ tý thủy.. ứng

Huynh đệ tý thủy..

Quan qui tuất thổ.

Quan qui tuất thổ. ứng

Phụ mẫu thân kim.

Phụ mẫu thân kim..

Huynh đệ Hợi thủy ○ thế

Quan qui thìn thổ..

Quan qui sừu thổ..

Từ tôn dân mộc.. thế

Từ tôn mao mộc.

Huynh đệ tỵ thủy.

Phụ mẫu thân kim là dụng thần, không vong gặp tử lại mộ ở nguyệt kiến là tượng không tìm lại được. Hào huynh đệ trì thế lâm nhật kiến phá tài cũng là điềm không trở về. Tôi nói với cô Lưu : Mới gần đây cô vừa mất xe, lần mất xe này cũng không tìm lại được. Đúng ! Tháng trước tôi mới bị trộm mất xe không tìm được, vừa mua xe mới này lại bị trộm, thật rủi ro ! Kết quả là không tìm được. Chuyện mất xe lần trước là hào huynh đệ trì thế động, tức là chỉ việc đã qua.

Ví dụ : Ngày ất hợi, tháng tị, năm 1986 anh Vu ở công ty tôi bị mất xe máy đã tìm 1 thời gian khá dài mà vẫn không thấy, nhờ đoán xem có tìm được không. Được quẻ "tiết" của quẻ "nhu" :

THUY THIÊN NIU

THUY TRẠCH TIẾT

Thê tài tỵ thủy..

Thê tài tỵ thủy..

Huynh đệ tuất thổ.

Huynh đệ tuất thổ.

Từ tôn thân kim.. thế

Từ tôn thân kim.. ứng

Huynh đệ thìn thổ ○

Huynh đệ sừu thổ..

Phụ tị hoả : Quan qui dân mộc.

Quan qui mao mộc.

Thê tài tỵ thủy. ứng

Phụ mẫu tị hoả. thế

Phụ mẫu tị hoả ứng làm dụng thần nay dùng phục thần quan qui dân mộc là phi thần đến để sinh trợ phục thần được trường sinh, vật không mất. Hào từ tôn trì thế cũng là vật không mất ; hào huynh đệ động kiếp tài nhưng sinh hào thế, hào thê tài lâm nhật kiến cũng là tượng không mất của. Do đó tôi nói với anh ta trong vòng 7 ngày sẽ tìm được. Ngày thứ 4 anh Vũ nói với tôi : đúng hôm đoán quẻ thì tìm được.

Ứng vào ngày át Hợi là vì thế tài lâm nhật kiến, nhật kiến xung mất phục thân tị hoá là hào dụng thần là ngày xe hiện ra nên tìm được.

Ví dụ : Ngày 3-11-1988, (ngày đính mùi, tháng tuất) lúc tôi đang giảng bài ở Nam kinh, 1 người trong hội nghiên cứu Kinh dịch của tỉnh đến nói với tôi : lúc 1 giờ 30 trưa hôm nay nhà bị mất hơn 1000 đồng, nhờ đoán xem có thể tìm lại được không ? Được quẻ "khốn" của quẻ "khâm" :

KHÂM VI THUY

TRẠCH THUY KHỐN

Huynh đệ tỵ thủy.. thế

Quan quĩ mùi thổ..

Quan quĩ tuất thổ.

Phụ mẫu dậu kim.

Phụ mẫu thân kim ×

Huynh đệ hợi thủy. ứng

Thê tài ngọ hoá.. ứng

Thê tài ngọ hoá..

Quan quĩ thìn thổ.

Quan quĩ thìn thổ.

Tử tôn dần mộc..

Tử tôn dần mộc.. thế

Tôi xem quẻ nói với vợ chồng anh ta : đừng vội, không cần phải đi báo công an, tiền không phải người ngoài lấy trộm mà là trẻ con trong nhà. Trong hàng anh chị em là người thứ hai, trong con trai là thằng cả, nên nói nhẹ nhàng với cháu là được. Ngày hôm sau anh ta phấn khởi cho tôi biết : may mà đoán, không thì sẽ sai to.

Không phải người ngoài lấy trộm vì quan quĩ tuất thổ lâm nguyệt, nhật kiến là không phải bị mất trộm, hào thê tài ở quẻ nội lại hoá ra hào thê tài ở quẻ nội là vật ở trong nhà, cũng là người của mình gây ra. Hào đầu tử tôn dần mộc là nữ, là giáp mộc là đứa lớn nhất, tử tôn là thần phúc nên không phải là trộm. Khâm là trung nam là trộm cùng với chấn là trưởng nam, nếu con trai là con cả.

Ví dụ : Chiều ngày 16/4/1986, Trương Hồng Bảo ở Công ty tôi nói : ngày 18 tháng 2 âm lịch (ngày canh ngọ, tháng mao) giờ thân năm nay nhà tôi bị mất trộm. Nhờ xem có thể phá án được không ? Nếu phá án thì có tìm lại được đồ vật không. Được quẻ "mông" của quẻ "bốc".

SON ĐỊA BỐC

Thê tài dẫn mộc.

Tử tôn tý thủy.. thế

Phụ mẫu tuất thổ..

Thê tài mao mộc..

Quan quí tị hoả × ứng

Phụ mẫu mùi thổ..

SON THỦY MÔNG

Thê tài dẫn mộc.

Tử tôn tý thủy..

Phụ mẫu tuất thổ.. thế

Quan quí ngọ hoả..

Phụ mẫu thìn thổ.

Thê tài dẫn thổ.. ứng

Tôi đem kết quả dự đoán nói với ông Trương : 1) Những đồ vật đắt tiền của ông để ở nơi cao nhất trong nhà mà bị trộm. 2) Sở công an không tìm thấy 1 manh mối nào, cũng không lần ra đường dây nào. Ông Trương nói : hai điều đó hoàn toàn đúng. Tôi lại nói 3) Kẻ trộm từ phương đông nam đến, trộm xong lại đi theo hướng đông nam. 4) Bọn trộm có 3 người : 2 nam + 1 nữ. Tháng 3 âm lịch năm nay có thể phá án, đồ vật có thể lấy lại được 1 số.


Vé sau ông Trương báo cho biết : Tháng 3 đã phá án, những điều khác giống như đã đoán, nhưng bọn chúng chỉ thừa nhận có 2 nam, không có nữ.

Đồ vật đắt tiền đặt ở chỗ cao vì hào chín trên dẫn mộc là hào thê tài, hào thế có thần phúc sinh. Sở CA không lần ra đầu mối vì hào tử tôn là người bắt trộm lâm nhật phá nên vô lực ; đi từ phương đông nam đến vì tị hoả hoá thìn thổ. Tháng 3 phá án, vì thìn thổ lâm nguyệt kiến, xung mất tuất thổ, tuất là hoả kho nên bọn trộm bị bắt. Của cải thu

1 phần vì hào tử tôn trị thế là không mất, nay tử tôn gặp nhật phá vô lực nên không thể thu về toàn bộ.

Ví dụ : Ngày 10/11/1988, khi tôi đang giảng bài ở Nam kinh ngài Tế Dũng - phóng viên Nhật báo Nam kinh - cầm đến 1 bản án về mất trộm nói là Sở CA Giang Tô nhờ tôi đoán. Thời gian phát án là 10 giờ sáng ngày 28/10/1988 (âm lịch là : giờ tị, ngày 18/9) tôi gieo được quẻ "khôn" của quẻ "sư". Đoán được kết quả là :

Giờ tị ngày 18 tháng 9 năm 1988

Quý tị bình thìn nhâm tuất mậu thìn .

(1) Sau khi phát án Cục công an đã triển khai 1 lực lượng rất mạnh.

(2) Trong vòng 10 ngày phá án, bọn trộm bị bắt vào khoảng ngày 3 tháng 11.

(3) Bọn trộm ít nhất có 2 người, vóc người không cao lắm (khoảng 1m 60 đến 1m 66) trong đó có 1 tên mặt lẩn sắc đen.

(4) Người phục trách phá án này có năng lực tổ chức rất mạnh.

Sở CA rất kinh ngạc khi thấy tôi phân tích kết quả, ngay lúc đó đã viết kết luận lên bản ghi kết quả đoán quẻ của tôi : "Phân đội đã triển khai nhanh, phá án nhanh, ngày 29 tháng 10 đã phá án. Bọn trộm có hai người (nữ), 1 người cao 1m 60, người kia cao 1m 62, có 1 người trên mặt có những vết sạm đen. Hạ lệnh cho ông Lý... của phân cục CA Nam kinh thi hành. 10-11-1988. Tế Dũng còn nói với tôi : người phá án rất có công, đã 3 lần lập công và được thưởng.

Chương 22

ĐOÁN VỀ BỆNH TẬT, BỊ THƯƠNG

Mọi việc trên đời đều chịu âm dương ngũ hành sinh khắc chế hoá, con người cũng không ngoại lệ. Cho nên "Hoàng đế nội kinh - Chương âm dương ứng tượng đại luận" có nói : âm dương là đạo của trời đất, là kỳ cương của vạn vật, là cha mẹ của biến hoá, là nguồn gốc của sinh sát. "Sự hợp của trời đất không thoát khỏi ngũ hành", tức là nói : âm dương ngũ hành sinh khắc là quyển chủ tế sinh hoá của vạn vật.

"Hệ từ của Chu dịch" nói : "Âm dương giao hợp là sự bắt đầu của vật, âm dương phân ly là sự kết thúc của vật. Hợp thì sinh, ly thì tử". Chương "Ngọc bản ký yếu" của nội kinh nói : "Trùng dương là chết, trùng âm là chết". Y học hiện đại cũng cho rằng con người sở dĩ sinh bệnh, thậm chí chết, hoặc phát sinh những tổn thương khác đều là âm dương ngũ hành sinh khắc chế hoá quyết định. Bất quái chính là căn cứ vào quy luật âm dương ngũ hành sinh khắc biến hoá để đoán bệnh của người và thời gian chết của người.

I. DỰ ĐOÁN BỆNH TẬT (Phần I)

Vũ trụ là đại thiên thể, con người là tiểu thiên thể. Tiểu thiên thể này cũng giống như đại thiên thể không ngừng vận động, chẳng qua sự vận động của nó diễn ra dưới ảnh hưởng của đại thiên thể. Qué "hàm" đã tổng kết ảnh hưởng của đại thiên thể đối với tiểu thiên thể là : hai khí thiên địa tương cảm. Rất nhiều sự thật lịch sử cũng chứng minh loại cảm ứng giữa người và trời đất là tồn tại thật.

Đã từ lâu âm dương ngũ hành luôn luôn được mọi người thừa nhận là 1 danh từ triết học trừu tượng, thực tế ra khí của âm dương ngũ hành cũng giống như vật chất, cũng có chất lượng. Tuy rằng khoa học hiện đại chưa có cách gì đo được nó, nhưng y học hiện đại đã thừa nhận rằng nó là 1 loại vật chất vô cùng tinh vi, có tác dụng quyết định sự sinh tử, tồn vong của con người.

Loại vật chất tinh vi này tuy nhìn không thấy, sờ không được, nhưng dùng bát quái - dùng thiên can địa chi - để sắp xếp và làm tiêu chí cho cơ thể con người thì rất dễ dàng thấy được những thông tin âm dương ngũ hành của cơ thể suy biến và phát sinh, sinh khác chế hoá ra sao. Cho nên bát quái đã căn cứ nguyên lý âm dương biến hoá, các quy tắc ngũ hành sinh khắc để dự đoán bệnh tật. Để chứng minh vấn đề này, chúng ta một lần nữa xem lại ngũ hành bát quái có liên quan với các tiêu chí trong cơ thể con người ra sao.

Ngoại ngũ hành : Càn là đầu ; đoài là miệng ; ly là mắt ; chấn là chân ; tốn là đùi, khảm là tai ; cấn là tay ; khôn là bụng.

Nội ngũ hành : Càn, đoài là phổi ; ly là tim ; chấn là gan ; tốn là mật ; cấn là lá lách ; khôn là dạ dày ; khảm là thận.

Ngũ hành : - Thủy là thận, - mộc là gan, - hoả là tim, - thổ là lá lách, dạ dày, - kim là phổi.

Quý là bệnh hoạn, là chứng bệnh : hào quan quý là thủy là thận có bệnh, chứng của nó là ác hàn, đổ mồ hôi trộm, di tinh. Hào quý là mộc là bệnh gan, chứng của nó : cảm phong hàn, chua đau, hoặc tứ chi khó cử động ; hào quý là hoả : là bệnh tim, chứng của nó là phát nhiệt, miệng khô tựa lưỡi, hoặc phát nhọt độc. Hào quan quý là thổ : là bệnh thần kinh, chứng của nó là vàng da và phù thũng, là cái độc của

ôn dịch. Hào quan quý là kim : là kinh tý có bệnh, chứng của nó là ho, run lạnh hoặc thở suyễn đờm nhiều , hoặc bệnh về răng.

Hào quan quý ở cung khâm thì đại tiện không thông : hào quan quý là thủy ở cung khâm, nếu hoá thổ khắc trở lại hào đầu của cung đó là tiểu tiện không thông, hào âm thì đại tiện không thông. Cung dương tượng âm, hoặc cung âm tượng dương thì đại tiện đều không thông. Nếu bạch hổ lâm hào dương là đi đái nước tiểu lẫn máu ; bạch hổ lâm hào âm là đi ngoài có máu. Bạch hổ có hình khác là bệnh trĩ.

Hào quan quý ở cung đoài sát phạt thì phải cẩn thận : phạm đoán bệnh gặp hào quan quý kim vượng tướng mà khắc hào thế là bị những vết thương do dao đâm, nếu nhẹ cũng là bệnh đau răng.

Hào quan quý ở cung chấn : phải để phòng bị thương gãy xương. Quan quý ở cung Chấn là chủ về bệnh ở chân. Nếu lâm phi xà là chân phù thũng ; lâm bạch hổ là tai nạn gãy chân ; mộc ở hào quan quý là chân bị chua môi, tê ; thổ ở quan quý hoá mộc là chân bị phát cước ; thủy ở quan quý là bệnh phong thấp ; hoá ở quan quý là bị mụn nhọt ; kim ở quan quý là gãy xương hoặc chân bị dao đâm.

Quan quý ở cung Ly mắt bị đau : ly là mắt nếu hoá ở qui là mắt có bệnh. Ly là tim, phải để phòng bệnh tim, bệnh cao huyết áp. Hoá quý hoá khắc trở lại không thở suyễn thì cũng hôn mê.

Quan quý ở cung Càn, để phòng bệnh đau đầu : Càn là đầu cho nên quý ở cung Càn hoá mộc là bệnh đau đầu, vàng đầu ; mộc động biến thành quan quý cũng như thế.

Quan quý ở cung Cấn, thì sẽ sinh bệnh mụn nhọt : hoá của cấn là qui nhất định sinh nhọt độc ; nếu biến thành thổ quý là bệnh phù thũng cổ trướng.

Quan quĩ ở cung Tốn - là bệnh ở đùi : Tốn là âm mộc, nếu mộc quĩ biến thành kim khắc trở lại thì dễ phòng bị thương ở đùi hoặc bệnh đau mắt.

Quan quĩ ở cung Khôn - là bệnh ở bụng : hoà quĩ là bệnh đau bụng, thuỷ quĩ là đau bụng đi tả hoặc kiết lỵ ; thổ quĩ là bệnh ăn bị đầy chướng ; mộc quĩ là bệnh ruột đau xoắn ; kim quĩ là bệnh đau ở vùng ngực liên sườn.

Sáu hào của bát quái trong cơ thể được sắp xếp là : (theo sách "Bốc phê nguyên quĩ") : "Hào đầu chỉ về sự bị thương ; hào hai là bệnh ở 2 chân nặng ; hào ba là bệnh ở vùng thất lưng, thường nhẹ ; hào bốn là bệnh ở bụng, dạ dày, ruột ; hào năm là bệnh thận yếu, nhiều chướng khí ; hào sáu là bệnh ở đầu".

Lục thần chủ về các bệnh : thanh long lâm quan quĩ chủ về các chứng bệnh do từu sắc, quan hệ vợ chồng quá độ mà làm cho hư nhược, mất sức ; chu tước lâm quan quĩ chủ về bệnh thân nhiệt, mặt đỏ, nói năng huyền thuyên ; câu trăn lâm quan quĩ là ngực đầy chướng khí, tỳ vị không điều hoà ; phi xà lâm quan quĩ là chủ về bệnh tim hốt hoảng, nằm ngồi không yên ; bạch hổ lâm quan quĩ là bị đánh hay bị ngã gãy xương, phụ nữ băng huyết, huyết xung váng đầu, sản hậu hư nhược ; huyền vũ lâm quan quĩ là sắc đục quá độ tim rối loạn, âm hư vì huyền vũ chỉ về nguyên nhân sự ám muội.

II. DỰ ĐOÁN BỆNH TẬT (Phần 2)

Dùng lục thần đoán bệnh tật có các phương pháp sau :

- *Tự đoán bệnh cho mình thì lấy hào thể làm dụng thân.* Hào thể phải vượng tương hoặc được nhật, nguyệt, hào động sinh thể hợp thể, hoặc hào tử tôn tri thể, hoặc hào tử tôn

trong quẻ động. Nếu như thế thì cho dù bệnh đã lâu hay mới bị uống thuốc là đều khỏi.

- *Đoán bệnh của cha mẹ : lấy hào phụ mẫu làm dụng thần.* Nếu được nhật, nguyệt, hào động sinh phù thì có bệnh cũng không đáng ngại. Phạm đoán bệnh hào quan quý là hung thần, có khác với hào phụ mẫu : quan quý là nguyên thần của hào phụ mẫu, bệnh nhẹ nên quan quý hưng vượng, phụ mẫu hoá quan quý gọi là sinh hoá trở lại, bệnh dễ khỏi. Bệnh lâu hoặc bệnh nặng, nếu hào quan quý hoá phụ mẫu, hoặc phụ mẫu hoá quan quý đều là điềm xấu. Hào huynh đệ làm cho hào phụ mẫu xẹp hơi, do đó hào huynh đệ không nên động, vì động thì bệnh sẽ khó chữa. Nếu gặp hào tử tôn vượng, hào tài phát động, dụng thần lại suy nhược thì chắc khó tránh khỏi cái chết.

- *Đoán bệnh cho con cái, lấy hào tử tôn làm dụng thần.* Hào tử tôn vượng mà lâm nhật, nguyệt, hào động sinh hợp với hào tử tôn, hoặc hào tử tôn hoá sinh trở lại thì cho dù mới bị ốm hay ốm đã lâu uống thuốc sẽ khỏi. Nếu trong quẻ hào huynh đệ sinh vượng, hào tử tôn phát động thì chết mà sống lại được. Nhưng kiêng nhất là hào thê tài động làm xẹp hơi là bệnh khó dứt. Nếu bệnh lâu hào quan quý phát động thì khó mà thoát khỏi.

- *Đoán bệnh cho anh em lấy hào huynh đệ làm dụng thần.* Hào huynh đệ vượng tướng lại lâm nhật, nguyệt, hào động hoặc gặp hào động sinh phù, hoặc hào huynh đệ động hoá sinh trở lại thì bệnh tật dễ qua. Nếu được hào phụ mẫu vượng, động để sinh là gặp nạn có sự trợ cứu. Gặp hào thê tài, quan quý động là khó thoát khỏi cái chết. Tử tôn tuy khác quan quý, nhưng có nỗi lo lắng về tổn hao sức lực.

- *Đoán bệnh cho vợ, lấy hào thê tài làm dụng thần.* Nếu hào thê tài lâm nhật, nguyệt, hào động sinh phù hoặc hào

thê tài động hoá tử tôn, hoá đế vượng thì có bệnh cũng không đáng lo. Nếu hào thê tài vượng, hào quan qui tĩnh cũng sẽ yên tâm. Nếu hào phụ mẫu động thì bệnh khó khỏi. Nếu hào huynh đệ, tử tôn giao nhau trùng chéo, hoặc hào thê tài động hoá huynh đệ thì khó tránh khỏi cái chết.

- *Đoán bệnh cho chồng, lấy hào quan qui làm dụng thần.*
Hào quan qui nên vượng, lâm nhật, nguyệt, hào động sinh phù, hào tử tôn tĩnh, hào thê tài động là gặp thần phúc. Hào phụ mẫu động làm tổn thương khí lực, sợ nhất là nhập mộ, hoá mộ, gặp mộ đều xấu.

Phàm đoán về bệnh tình, cho dù là tự đoán hay là đoán cho người quen, người ốm, nếu dụng thần tuần không (tự đoán thì hào thê là dụng thần) hoặc động mà hoá không, quẻ gặp lục xung biến thành lục xung thì uống thuốc là khỏi. Bệnh lâu ngày dụng thần gặp tuần không, nguyệt phá, động mà hoá không, hoá phá, hoá khắc trở lại, hay gặp nhật, nguyệt, hào động khắc, dụng thần hoá qui, hoặc quan qui hoá dụng thần, quẻ gặp lục xung biến thành lục xung, hoặc đại tượng hoá khắc trở lại thì phải lo chữa chạy ngay, cấp tốc trị liệu may ra còn cứu được.

Phàm đoán bệnh gặp hào quan qui trì thế là bất lợi. Người bị bệnh khó yên, khó khỏi, thậm chí nguy hiểm. Nếu là hoá mộ, thì đã xấu lại càng xấu hơn. Nếu là nam bị bệnh thì sợ ngày bệnh lâm trường sinh, nếu nữ thì sợ ngày bệnh lâm mộc dục, người già có bệnh sợ ngày bệnh lâm đế vượng, người trẻ sợ ngày lâm hưu tử, tử mộ. Phương pháp của nó là hào thê bất đầu từ trường sinh, nếu mộc trường sinh ở hợi thì ngày đó là ngày kiêng.

Muốn biết bệnh nhẹ hay bệnh nặng phải xem phương vị của quan qui : hào quan qui ở quẻ nội thì bệnh nặng về ban đêm ; quan qui ở quẻ ngoại thì bệnh nặng về ban ngày. Quẻ

có hai hào quan quý, 1 vượng 1 không, hoặc 1 động, 1 tĩnh thì nhất định ngày nhẹ đêm nặng.

Nếu hào động sinh phù hào dụng thần, mà hào quan quý hình khắc hào dụng thần thì bệnh nhân sáng lạnh chiều nóng, ngày nhẹ đêm nặng.

Hoả quý khác thể tài là bệnh nôn mửa : hào thể tài là lộc, là ăn uống. Nếu hoả quý động mà khác hào thể tài thì bệnh nhân nhất định nôn mửa, nặng và không ăn được.

Trong quẻ hào quan quý không hiện thì phải xem phục thần : hào quan quý phục dưới hào thể tài tất là bị bệnh do ăn uống, hoặc vì tiến của mà bị bệnh, hoặc "quan hệ vợ chồng" mà bị bệnh. Hào quan quý phục dưới hào huynh đệ là vì nhan sắc hoặc tiến của mà cãi nhau, nhịn ăn đến sinh bệnh. Hào quan quý phục dưới hào phụ mẫu thì vì lao tâm khổ tứ, tổn hại tinh thần mà bị bệnh. Hào quan quý phục dưới hào tử tôn thì không do say rượu cũng là vì "quan hệ vợ chồng" quá độ mà gây nên, hoặc uống thuốc bỏ quá nhiều mà gây ra bệnh.

Quan quý biến thành quan quý là vừa có bệnh cũ lại thêm bệnh mới : trong quẻ có hào quan quý lại biến ra hào quan quý là 1 lúc vừa có bệnh cũ lại bị bệnh mới. Quan quý hoá tiến là bệnh nặng thêm ; hoá thoái thì bệnh giảm dần.

Hai quẻ nội ngoại đều có quan quý là nhiệm bệnh ở 2 chỗ : hai hào quan quý đều động, hoặc đều tĩnh là nhiệm bệnh cùng 1 lúc. Hai hào quan quý tự xung là dễ mắc bệnh mà cũng dễ khỏi.

Hào quan quý tại cung đó là mắc bệnh ở nhà : quan quý ở bản cung là ở nhà mắc bệnh chứng nội thương ; quan quý ở quẻ ngoại là nhiễm bệnh từ chỗ khác. Hai quẻ nội ngoại đều có quan quý là nội thương, ngoại cảm.

Hào quan quý trì thể là sẵn có bệnh cũ : quan quý trì thể phần nhiều đã có mầm bệnh cũ. Nếu dụng thân bị thương tổn là bệnh cũ tái phát, nếu không thì bệnh rất khó khỏi.

Hào ba trục tuần không thì bệnh ở vùng thất lưng : hào ba trục tuần không, vượng tướng mà không là lưng yếu. Nếu hào ba không tuần không mà gặp hào động, quan quý lâm nhạt thìn, hoặc quan quý xung khắc hào thể là bệnh trật cột sống ở thất lưng. Hào ba động và nếu đó là hào quan quý thì cũng thế.

Hào sáu bị hình khắc là chủ về bệnh đau đầu : hào sáu là đầu, nếu quan quý khác thương tổn hào sáu tất nhiên là bệnh ở đầu, còn phải đề phòng bị thương tổn ở đầu.

Giữa hào thể hào ứng mà có hào quan quý là lồng ngực bị tắc đau : hào giữa là chỉ vùng lồng ngực, hào quan quý ở giữa là ngực bị tắc trở không thông. Kim quý là xương ngực đau, thổ quý là ngực bị căng tức ; mộc quý là ngực bị ngứa bên trong, thủy quý là đường thực quản bị viêm tắc ; hoả quý là bệnh tim. Nếu thể tài biến ra quan quý là do ăn uống khó tiêu mà gây ra bệnh.

Hai quẻ nội ngoại có hào thể tài là thượng thổ hạ tả : hào thể tài ở quẻ ngoại là chủ về thượng thổ ; động mà ở quẻ hạ là chủ về hạ tả, quẻ nội có hào thể tài động là miệng nôn thốc nôn tháo. Nếu hào thể tài bị hợp chặt là nôn mà nôn không ra, đi chầy mà không đi được.

Trong quẻ không có hào thể tài là không muốn ăn uống : Hào thể tài chủ về ăn uống, nếu gặp tuần không, vong là ăn uống không vào. Nếu không có hào thể tài là không muốn ăn uống.

Hào huỳnh đệ trì thể là vì ăn mà bị bệnh : hào huỳnh đệ trì thể tất nhiên ăn uống giảm, hoặc vì ăn nhiều mà sinh bệnh.

Hào ứng gặp hào quan quý hoặc hợp dụng thần là người khác truyền bệnh cho mình : hào ứng lâm hào quan quý, hoặc bị hình khắc, hoặc khắc, hoặc hợp dụng thần là do thâm hỏi bạn bè mà bị nhiễm bệnh. Dụng thần lâm hào ứng là ốm nằm ở nhà người khác.

Dụng thần hoá thành hào khác là bị bệnh có nguyên nhân : dụng thần hoá phụ mẫu là bị bệnh nơi công trường xây dựng hoặc lao lực mà ốm. Nếu ở hào 5 gặp thủy là bị bệnh do dọc đường gặp mưa. Dụng thần hoá huynh đệ nếu không do cãi nhau tức khí thì cũng do ăn uống gây nên. Nếu ở hào ba thì do cởi áo bị lạnh. Nếu dụng thần hoá tử tôn là vì rượu chè, đi chơi, hoặc vì "quan hệ vợ chồng" mà bị bệnh.

Hào tử tôn trì thế là gặp nguy nhưng không đáng sợ : tử tôn là thần phúc đức chế ngự quan quý. Hào tử tôn trì thế hoặc động là bệnh tuy nguy hiểm nhưng chắc chắn sẽ qua khỏi. Tử tôn lâm không, phá thì đến ngày thực phá (ra khỏi) bệnh sẽ khỏi.

Tử tôn trì thế, phải đề phòng hào phụ mẫu gây tổn thương : hào tử tôn là thần giải ưu tư, hào thế hào dụng gặp hào tử tôn, hoặc hào tử tôn phát động là tượng đại cát. Nhưng nếu gặp hào phụ mẫu động khác trở lại, thì sẽ bất lợi, nếu hào phụ mẫu bị chế ngự thì không đáng lo.

Chỗ tuyệt gặp sinh là trong nguy cơ có sự cứu giúp : dụng thần gặp tuyệt địa nếu trong quẻ được hào động sinh phù thì tuy nguy nhưng có sự cứu giúp.

Phúc thần lâm nhật kiến là tượng không có thuốc cũng khỏi : hào tử tôn lâm nhật thìn, sinh phù dụng thần là tượng không cần dùng thuốc cũng khỏi.

Quan quý lâm nguyệt phá là xấu nhưng không chết : đoán bệnh hào quan quý nên yên tĩnh, không nên phát động vì

động sẽ có biến. Nếu hào quan qui được nhật thìn, hào động xung tán là đại cát.

Hào tử tôn động hoá khác thì bệnh sẽ khỏi, hoặc mắc trở lại : tử tôn động mà chế ngự quan qui thì bệnh sẽ khỏi. Nếu tử tôn động hoá phụ mẫu khác trở lại thì bệnh khỏi rồi mắc lại.

Dụng thần trực tuần không, nếu mới mắc bệnh thì không đáng lo : dụng thần động, tĩnh gặp không, hoá không, nếu không có nhật thìn động hoá xung khác thì chờ đến ngày xung mất không, bệnh sẽ khỏi. Nếu gặp xung khác, tuy bệnh nặng nhưng không đến nỗi chết. Nếu dụng thần trực nguyệt phá, thì phải xem dụng thần suy hay vượng. Nếu dụng thần suy chờ đến ngày xung phá thì bệnh sẽ khỏi ; suy mà bị khác là bệnh nguy.

Kỵ thần động khác, nguyên thần động là có cứu trợ : que gặp kỵ thần động để khác dụng thần là nguy ; nếu được nguyên thần phát động tức là có cứu giúp.

Hào quan qui trị thế, nhập mộ nhất định là xấu : phạm đoán bệnh, hào quan qui lâm thế, mộ ở nhật thìn, hoặc hoá nhập mộ là tượng không tốt. Hào quan qui trị thế, phát động mà nhập mộ là cũng xấu.

Quan qui hoá trường sinh, bệnh tình sẽ nặng thêm : hào quan qui phát động, bệnh tình tất sẽ nặng. Nếu quan qui hoá trường sinh bệnh tình ngày càng nặng thêm.

Dụng thần lâm qui sát là điềm xấu ngay : Dụng thần suy nhược lại hoá khác trở lại, nếu không có nhật, nguyệt, hào động giải cứu thì nhất định khó mà sống nổi.

Tân phá vô trợ là cát ít hung nhiều : dụng thần lâm đất phá tán lại hoàn toàn không có sinh phù thì phần nhiều là nguy hiểm.

Quan qui phục không vong là phải đề phòng sớm những chuyện bất ngờ : ở đây chỉ cha mẹ, chồng bị bệnh nặng mà

gặp hào quan qui phục không vong thì phải để phòng những tai hoạ không lường được.

Hai hào quan qui kẹp dụng thần nếu không chết thì cũng hôn mê : đoán bệnh nếu gặp hai hào quan qui kẹp dụng thần hoặc kẹp hào thế đều là điềm không tốt. Nếu là quan qui động khác dụng thần thì đã xấu lại càng thêm xấu.

Hào quan qui mộ kẹp hào thế là nguy khốn : quẻ gặp hào quan qui nhập mộ, hào thế mộ, dụng thần mộ không chết thì cũng nguy khốn. Nếu hào thế, dụng thần bị hào quan qui kẹp hai đầu, hoặc hai hào quan qui kẹp mộ thì nhất định sẽ chết. Còn nhật, thìn, hào động xung phá mộ kho là trong nguy có sự cứu giúp.

Dụng thần động hoá mộ đều chủ việc hôn mê : đoán bệnh, dụng thần động mà hoá mộ thì cho dù bệnh đã lâu nay mới bị, đều là tượng hôn mê. Dụng thần vượng chờ đến ngày xung khai mộ kho mới yên ; dụng thần hưu tù lại bị hình khác hại thì khó mà qua khỏi ; gặp tuấn không nếu bệnh mới mắc thì khỏi, bệnh mắc lâu rất nguy hiểm.

Hào thế không, mộ, tuyệt là có cứu không đáng sợ, không có cứu thì sẽ chết.

Dụng thần biến quan qui, hoá khác trở lại mà không có nhật, nguyệt, hào động giải cứu thì nhất định sẽ chết.

Bệnh lâu dụng thần trực tuấn không nguyệt phá, dụng thần vượng tướng là khó chữa khỏi ngay được. Bệnh mới mắc mà dụng thần trực tuấn không, nếu gặp tam hợp, lục hợp thì nhất định sẽ lâu khỏi.

Kị thần hoá dụng thần, dụng thần hoá kị thần thì bệnh rất khó chữa : dụng thần hoá quan qui, quan qui hoá dụng thần thì phải để phòng bất trắc.

Hào thể lâm hào quan qui gặp trường sinh nếu không chết thì cũng bị thành tàn tật, lâu dài.

Dụng thần lâm nhật, nguyệt kiến sinh phù lại gặp hào động sinh phù gọi là thái quá, cứng mà dễ gãy nên sợ nhất là dụng thần gặp thảng xấu.

Đoán bệnh lấy hào thể nhập mộ thì sẽ biết cát, hung.

Bệnh lâu gặp xung thì chết, bệnh mới gặp xung thì khỏi, bệnh mới gặp hợp thì chết. Bệnh mới gặp quẻ biến, tử tuyệt là nguy khôn.

Quẻ lục hợp biến thành lục xung thực tế là hoá khắc trở lại, như loại chấn biến thành càn. Không cần biết dụng thần suy vong cũng thấy ngay sự nguy kịch. Quẻ ngang hoà hoá khắc, hoá tương sinh là tốt.

Dụng thần gặp tam hình, chắc chắn là sẽ chết : dụng thần bị nhật, nguyệt, hào động cấu thành tam hình để hình phạt dụng thần là chắc chắn chết. Nếu nguyệt nhật, nguyệt, hào động 1 cái trong đó hợp mất một nhánh thì còn có sự cứu giúp.

Mộc lâm qui xà, là tượng của sự chết : hào qui thuộc mộc, lâm phi xà mà khắc hào thể, tất sẽ chết.

Hào thể vượng tương có nhật, nguyệt, hào động sinh phù, động mà hoá cát, người già không có bệnh mà chết.

Hào thể vượng tương bị khắc chế hình xung thì tật bệnh cho đến chết.

Hào thể vượng tương bị khắc chế, lục thần lại khắc hào thể là tai hoạ bất ngờ mà chết.

Hào thể vượng tương là sống lâu ; dụng thần hưu tù phải để phòng đột tử. Hào thể là gốc, lâm nhật, nguyệt, hào động sinh phù, động mà hoá cát, hoá vượng, hoá sinh trở lại vẫn là tượng sống lâu.

Tử tôn là thấy thuốc, là thuốc, nên vượng tướng không nên hưu tù, tử tuyệt. Tử tôn vượng tướng là gặp thấy thuốc giỏi, gặp thuốc hay, dùng là kiến hiệu. Tử tôn suy thì không lợi.

Dưới đây giới thiệu mấy ví dụ để nói rõ vài cách dự đoán của tiết này. Độc giả nên nghiên cứu kỹ để nắm vững.

Ví dụ 1 : Ngày canh dần, tháng thân đoán người con mới mắc bệnh, được quẻ "giải" thuộc quẻ "hàng".

PHONG LÔI HẰNG

Thê tài tuất thổ.. ứng

Quan quý thân kim..

Tử tôn ngộ hoá.

Quan quý Dậu kim ○ thế

Phụ mẫu Hợi thủy.

Thê tài Sửu thổ..

LÔI THỦY GIẢI

Thê tài tuất thổ..

Quan quý thân kim.. ứng

Tử tôn ngộ hoá.

Tử tôn ngộ hoá..

Thê tài Thìn thổ. thế

Huỳnh đệ dần mộc..

Tử tôn là dụng thần được nhật kiến sinh là tượng bệnh khỏi. Nhưng hào quý trị thế lại hoá tử tôn là điểm khác trở. May được tử tôn tuần không cho nên : "Bệnh mới gặp tuần không, ra khỏi tuần không là khỏi". Quả đúng ngày xuất không là khoẻ.

Dụng thần gặp đất mộ tuyệt, và động mà hoá mộ, hoá tuyệt thì phải xem dụng thần suy hay vượng. Dụng thần vượng thì không đáng lo. Dụng thần suy, kỵ nhất là bị nhật, nguyệt, hào động khắc. Ngày khắc mất kỵ thần là bệnh khỏi. Dụng thần suy, ngày sinh trở kỵ thần là bệnh nguy.

Ví dụ 2 : Ngày bính thân, tháng Thìn đoán em trai bị bệnh được quẻ "cách" của quẻ "ký tế".

THỦY HOÁ KÝ TẾ

Huỳnh đệ Tý thủy.. ứng

TRẠCH HOẢ CÁCH

Quan quý Mùi thổ..

Quan qui tuất thổ.	Phụ mẫu dậu kim.
Phụ mẫu thân kim ×	Huỳnh đệ hợi thủy. thế
Huỳnh đệ hợi thủy. thế	Huỳnh đệ hợi thủy.
Quan qui sửu thổ..	Quan qui sửu thổ..
Tử tôn mao mộc.	Tử tôn mao mộc. ứng

Huỳnh đệ hợi thủy là dụng thần, bị nguyệt khắc, nhưng có nhật sinh, lại được hào động sinh, là chỗ khắc gặp sinh, tức lâm nguy có cứu. Quả đúng giờ dậu hôm đó được danh y cứu sống.

Ví dụ 3 : Ngày mậu thìn, tháng thân đoán chống mới mắc bệnh được quẻ "ly" của quẻ "đồng nhân" :

THIÊN HOẢ ĐỒNG NHÂN	LY VI HOẢ
Tử tôn tuất thổ. ứng	Huỳnh đệ tị hoả. thế
Thê tài thân kim ○	Tử tôn mùi thổ..
Huỳnh đệ ngọ hoả.	Thê tài dậu kim.
Quan qui hợi thủy. thế	Quan qui hợi thủy. ứng
Tử tôn sửu thổ..	Tử tôn sửu thổ..
Phụ mẫu mao mộc.	Phụ mẫu mao mộc.

Quan qui là dụng thần mà tri thế, quan qui hoá quan qui, lại mộ nhật kiến, theo hào thế tri qui hoá qui mà nhập mộ thì không còn nói gì được nữa. Nhưng may tử tôn tuất thổ ám động xung mộ mà sinh nguyên thần là tượng phá mộ. Trong quẻ lại được nguyên thần lâm nguyệt kiến, hoá xuất mùi thổ để sinh trợ nguyên thần, nguyên thần sinh thế, thực là sao của người chống rất vững. Hơn nữa nguyệt sinh nhật khác là không đáng sợ, đều là tượng đại cát. Kiếm hợi thủy tuần không, không bị nó sinh, chờ đến ngày tị xung mất hợi thủy thì bệnh sẽ khỏi. Về sau đúng ngày tị bệnh khỏi.

Ví dụ 4 : Ngày mảo, tháng sửu, đoán bệnh của cha, được quẻ "bôn" của quẻ "càn" :

CÀN VI THIÊN

Phụ mẫu tuất thổ. thế

Huynh đệ thân kim ○

Quan qui ngộ hoá ○

Phụ mẫu thìn thổ . ứng

Thê tài dẫn mộc ○

Tử tôn tý thủy.

SON HOẢ BÔN

Thê tài dẫn mộc.

Tử tôn tý thủy..

Phụ mẫu tuất thổ.. ứng

Tử tôn hợi thủy.

Phụ mẫu sửu thổ..

Thê tài mảo mộc . thế

Hào thế tuất thổ, phụ mẫu là dụng thân, bệnh mới mắc gặp hợp thì xấu. Nhưng may có dẫn ngộ tuất hợp thành hoá cục mà sinh dụng thân, chờ ngày mai thìn thổ xung mất tuất thổ thì bệnh khỏi. Khỏi là do chỗ hợp gặp xung nên ứng nghiệm.

Ví dụ 5 : Ngày đinh tị, tháng mùi đoán chị dâu bị bệnh, được quẻ "khôn" của quẻ "bốc" :

SON ĐỊA BỐC

Thê tài dẫn mộc ○

Tử tôn tý thủy.. thế

Phụ mẫu tuất thổ..

Thê tài mảo mộc..

Quan qui tị hoà.. ứng

Phụ mẫu mùi thổ..

KHÔN VỊ ĐỊA

Huynh đệ dậu kim.. thế

Tử tôn hợi thủy..

Phụ mẫu sửu thổ..

Thê tài mảo mộc.. ứng

Quan qui tị hoà..

Phụ mẫu mùi thổ..

Thê tài dẫn mộc là dụng thân, động mà hoá khắc trở lại, lại mộ ở nguyệt kiến, bị nhật kiến hình phạt. Dụng thân biến khắc vẫn là quẻ phản ngâm là bệnh cũ tái phát. Bệnh này phải để phòng những ngày thân, vì ngày đó nguy hiểm. Đứng ngày thân là cơ để hợp thành tam hình.

Ví dụ 6 : Ngày nhâm thìn, tháng dậu đoán con bị bệnh, được quẻ "đại quá" :

TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ

Thê tài mùi thổ ..

Quan qui dậu kim .

Tử tôn ngọ hoá : Phụ mẫu hợi thủy . thê

Quan qui dậu kim .

Phụ mẫu hợi thủy .

Thê tài sửu thổ .. ứng

Ngọ hoá tử tôn phục dưới hợi thủy tử ở nguyệt kiến. Mà hợi thủy lâm nguyệt kiến sinh khác dụng thần, trước mắt dụng thần tuần không, không bị nó khắc, ngày ra khỏi tuần không nhất định bị nó khắc, khó qua khỏi ngày ngọ. Về sau chết đúng ngày ngọ.

Ví dụ 7 : Ngày nhâm tuất, tháng tị, năm 1985 thấy ông già Chu thổ huyết đoán xem cát hung ra sao, được quẻ "khê" của quẻ "phê hạp" :

HOÀ LÔI PHÊ HẠP

Tử tôn tị hoá .

Thê tài mùi thổ .. thê

Quan qui dậu kim .

Thê tài thìn thổ ..

Huỳnh đệ dân mộc × ứng

Phụ mẫu tý thủy .

HOÀ TRẠCH KHÊ

Tử tôn tị hoá .

Thê tài mùi thổ ..

Quan qui dậu kim . thê

Thê tài sửu thổ ..

Huỳnh đệ mao mộc .

Tử tôn tị hoá . ứng

Nguyên thần tị hoá lâm nhật kiến vốn là điểm tốt, nhưng tị hoá mộ ở nhật thìn là không có sức sinh trợ. Lại thêm kỵ thần huỳnh đệ dân mộc động, hoá tiến thần khác hào thê,

ngày bính thìn là đất kị thần vượng cho nên lão Chu khó qua được giờ Dậu, ngày Dần. Về sau đúng chết ở ngày giờ đó.

Như thế gọi là kị thần động mà hoá tiến, lâm vượng mà khác thế nên nhất định chết.

Ví dụ 8 : Ngày mùi, tháng mùi, năm 1987 Thích Thường Lan ở đơn vị tôi nhận được điện báo ông bị bệnh nặng mà mất. Thử đoán xem có chết không ? Được quẻ "minh di" của quẻ "liêm" :

ĐỊA SƠN LIÊM

Huỳnh đệ Dậu kim ..

Tử tôn Hợi thủy .. thế

Phụ mẫu Sửu thổ ..

Huỳnh đệ Thân kim .

Quan quý Ngọ hoả .. ứng

Phụ mẫu Thìn thổ ×

ĐỊA HÒA MINH DI

Huỳnh đệ Dậu kim ..

Tử tôn Hợi thủy ..

Phụ mẫu Sửu thổ .. thế

Tử tôn Hợi thủy .

Phụ mẫu Sửu thổ ..

Thê tài Mão mộc . ứng

Phụ mẫu Thìn thổ là dụng thần, tuy hoá kị thần Mão mộc khác trở lại, nhưng mộc mộ ở nhật, nguyệt kiến, không có lực khác là tượng nguy hiểm nhưng không chết. Sửu thổ phụ mẫu lại lâm nhật kiến xung, bệnh mới mắc gặp xung cũng là tượng không chết. Cô Thích nói : Điện báo rõ ràng nói chết, tại sao lại đoán chưa chết ? Tôi nói : Cứ về quê xem cho rõ rồi hãy nói. Quả đúng bệnh rất nguy kịch nhưng đã sống trở lại.

Ví dụ 9 : Ngày 22 - 7 - 1987 (ngày Mậu Dần, tháng mùi), Cô Đinh Anh ở công ty tôi hỏi chồng bị bệnh có khỏi được không. Được quẻ "hàng" của quẻ "tráng" :

LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG

Huỳnh đệ Tuất thổ ..

LÔI PHONG HẰNG

Huỳnh đệ Tuất thổ .. ứng

Tử tôn thân kim ..

Tử tôn thân kim ..

Phụ mẫu ngộ hoá . thế

Phụ mẫu ngộ hoá .

Huynh đệ thìn thổ .

Tử tôn dậu kim . thế

Quan qui dẫn mộc .

Thê tài hợi thủy .

Thê tài tý thủy ○ ứng

Huynh đệ sừ thổ ..

Dẫn mộc quan qui là dụng thần, tuy có tý thủy nguyên thần động, biến hợp mà không sinh. Dụng thần lại mộ nguyệt kiến là điểm hung. Quẻ gặp lục xung, bệnh lâu gặp xung là chết. Ngày thìn là ngày mộ kho của thủy, nguyên thần nhập mộ, vô sinh là tất phải chết. Thấy thuốc Triệu hỏi tôi : Thế nào ? - Tôi đáp : lâu nhất cũng không qua nổi tháng 7 âm lịch, nhanh ra thì trong vòng 3 ngày sẽ chết. Về sau chết vào ngày canh thìn, tức là chưa quá 3 ngày.

III. DỰ ĐOÁN TAI NẠN, BỊ THƯƠNG

Dự đoán tai nạn bị thương trong công nghiệp, hoặc những tai nạn do sự cố bất thường gây ra, ngày xưa đã có sách chuyên bàn đến, nhưng không có phương pháp dự đoán cụ thể. Tôi trong quá trình dự đoán chỉ căn cứ vào những quẻ có liên quan trong Chu dịch, như các quẻ : quải, hàm, phong, tiểu quá, v.v.. và những hào từ có liên quan đến cơ thể bị thương, lại căn cứ vào các sách chiêm bốc xưa có nói : "Huynh đệ hoá huynh đệ, quan qui hoá quan qui, huynh đệ hoá quan qui, quan qui hoá huynh đệ" và những lời bàn có liên quan đến bị thương trong dự đoán bệnh tật, quan nghiên cứu thử nghiệm đã tích lũy được 1 số kinh nghiệm quý báu. Nay vì đang trong quá trình chỉnh lý, nên để nói rõ vấn đề chỉ đơn cử 1 số ví dụ sau.

1) Năm 1983, ông Trương ở công ty tôi nhờ tôi đoán vận hạn cho con gái ông. Tôi căn cứ vào tứ trụ : sinh giờ tuất, ngày 16 - 8 - 1960 lấy được quẻ "liêm" của quẻ "minh di" :

ĐỊA HOÀ MINH DI	ĐỊA SƠN LIÊM
Phụ mẫu dậu kim ..	Phụ mẫu dậu kim ..
Huynh đệ hợp thủy ..	Huynh đệ hợp thủy .. thế
Quan quý sừ thổ .. thế	Quan quý sừ thổ ..
Huynh đệ hợp thủy .	Phụ mẫu thân kim .
Quan quý sừ thổ ..	Thê tài ngộ hoà .. ứng
Tử tôn mao mộc . ứng	Quan quý thìn thổ ..

Quẻ thượng huynh đệ hoá huynh đệ, quan quý hoá quan quý tức hiện rõ sẽ bị thương ở chân tay. Trong quẻ sừ thổ trì thế 3 lần trùng lập, nếu gặp năm sừ thì gặp 4 sừ thổ là thái quá mà thái quá thì dễ gãy. Quẻ ngoại lại phục ngâm là tượng rên rỉ. Cho nên tôi nói : năm 1985 là năm ất sừ, chân bị ô tồ cán nát.

2) Tháng 7/1985 cha của Hứa sư phụ ở nhà máy tôi từ quê ra nhờ tôi đoán vận. Căn cứ vào tứ trụ, gieo được quẻ "khê" của quẻ "tốn".

SƠN THẠCH TỒN	HOÀ TRẠCH KHÊ
Quan quý dấn mộc . ứng	Phụ mẫu tị hoà .
Thê tài tỵ thủy ..	Huynh đệ mùi thổ ..
Huynh đệ tuất thổ ×	Tử tôn dậu kim . thế
Huynh đệ sừ thổ .. thế	Huynh đệ sừ thổ ..
Quan quý mao mộc .	Quan quý mao mộc .
Phụ mẫu tị hoà .	Phụ mẫu tị hỏa ứng

Quẻ này huynh đệ, quan quý trùng lập, hào thế lâm huynh đệ hoá huynh đệ, lại có quan quý hoá quan quý là nhất định

bị thương về chân tay. Do đó tôi đoán : năm ất mão (1975) đã từng bị thương ở chân tay. Hai cha con đều ngạc nhiên nói : Rất đúng ! năm 1975 ngã gãy chân. Ứng năm 1975 vì : quan qui mao mộc lâm thái tuế khác hào thế.

3) Ngày kỷ hội, tháng thìn, năm 1986, ông Mã xương tôi nhờ đoán vận, được quẻ "tùy" của quẻ "vô vọng" :

THIÊN LÔI VÔ VỌNG

TRẠCH LÔI TỤY

Thê tài tuất thổ ○

Thê tài mùi thổ .. ứng

Quan qui thân kim .

Quan qui dậu kim .

Tử tôn ngộ hoá . thế

Phụ mẫu hội thủy .

Thê tài thìn thổ ..

Thê tài thìn thổ .. thế

Huynh đệ dần mộc ..

Huynh đệ dần mộc ..

Phụ mẫu tý thủy . ứng

Phụ mẫu tý thủy .

Quẻ nội huynh đệ hoá huynh đệ, quẻ ngoại quan qui hoá quan qui là điềm bị thương. Hào thế ngộ hoá hoá thành hội thủy là khác trở lại, tuất mộ động được xung khai. Do đó tôi nói với ông Mã tháng 9 năm nay phải để phòng tai nạn. Về sau đến tháng 9 do đi xe máy ngã bị thương đi viện.

Trên đây đều là nói về làm thế nào để vận dụng bát quái và phương pháp dùng nó để dự đoán các thông tin ; cát, hung, phúc hoạ cho con người. Nhưng đoán ra những tin tức xấu thì có thể tránh được không ? Theo tôi không những có thể tránh được mà còn có thể nêu ra những ví dụ để chứng minh điều đó.

Chúng ta học tập và nắm vững phương pháp vận dụng bát quái để dự đoán tin tức, trong đó mục đích là để mọi người biết trước những thông tin xấu để có biện pháp để phòng,

tránh khỏi. Mấu chốt của sự đề phòng là phải dự đoán trước được những thông tin xấu. Khi dự đoán được những tai hoạ thì việc không thể làm được nên tránh đừng làm. Nói không nên ra khỏi cửa tức là ý muốn nói đừng làm. Xin nhớ cho đừng vì tâm lý may rủi hoặc mang tư tưởng cầu may để cố mà làm, như thế rất dễ gặp rủi ro. Ngoài ra đối với những thông tin xấu, thái độ của chúng ta là đành chấp nhận là có còn hơn bác bỏ cho là không. Điểm này rất quan trọng, vì có đề phòng thì có đỡ, chắc chắn là có ích chứ không có hại.

Chương 23

ĐOÁN VỀ NHÀ CỬA

Ăn ở là vấn đề hàng đầu sinh tồn của nhân loại. Trong chương này tôi sẽ tập trung nói về vận dụng bát quái như thế nào để đoán về nhà ở tốt hay xấu.

Phong thủy của nhà cửa tốt hay xấu không những liên quan trực tiếp đến vận mệnh tốt xấu của mình, mà còn đến sự vượng suy của con cháu đời sau. Do đó tổ tiên chúng ta đã phát minh ra phong thủy âm dương, môn khoa học này Khoa học hiện đại gọi nó là "tham dự học".

"Phong thủy âm dương", âm là chỉ âm trạch tức phong thủy tốt xấu của phần mộ ; dương là chỉ dương trạch - tức phong thủy tốt xấu của nhà ở. Bất kể là âm trạch hay dương trạch phạm ở chỗ đối núi sông nước bao bọc đều là chỗ tốt. Cho nên tổ tiên nước ta đã thành lập những thành phố trên lưu vực Trường Giang và Hoàng Hà. Đó đều là những nơi sơn thanh thủy tú.

Sông núi bao bọc đó là điều kiện địa lý phong thủy âm dương tốt, ngoài ra còn cần đến phương vị của : khí, quang, sơn, thủy, phải sáng sủa, thoáng đãng. Khí trong âm dương phong thủy học là 1 nhân tố rất quan trọng. Vì sự hưng vượng của sự vật đều do khí đóng vai trò tác dụng chủ đạo.

Khí là môi trường tốt, là nơi nước lưu thông, là nơi tiềm tàng, hội tụ 1 môi trường tốt. Người sống ở đó, mệnh vận sẽ hanh thông. Quang là sáng sủa, là hướng dương. Người sống ở đó thì sẽ hưng vượng. Sơn là cốt nhục, thủy là huyết dịch. Sơn là hổ, thủy là rồng, mà rồng hổ là chỉ địa thế được trấn

ngũ. Sơn là bấu vật, thủy là long tức bấu vật có rỗng bảo hộ. Sơn là vờ, thủy là vãn, tức là vãn vờ song toàn. Sơn là chỗ dựa, thủy là lưu thông, nhà ở dựa vào núi mà yên ổn, dựa vào nước mà lưu thông bốn phương tám hướng, người ở đó sẽ phú quý vinh hoa. Phương vị là hướng cửa chính (cũng gọi là hướng nhà), thứ nhất phải nhìn ra chỗ rộng rãi, thoáng đãng, nhưng không được phân tán quá, thứ hai là phải phù hợp với hướng tốt trong mệnh quẻ của chủ nhân ; thứ ba là cần phải có thế, chỗ cao ráo, nhưng không được quá cao, càng không thể trước cửa cao hơn nền nhà ; thứ tư là các vật như đồi núi trước nhà không thể gần cửa quá ; thứ năm là môi trường xung quanh phải sạch, người ở đó sức khỏe mới tốt. Do đó lúc xây nhà mới nên nhờ người xem phong thủy âm dương để chọn được thế đất có phong thủy tốt. Lúc xây nhà mới, ngoài việc chọn chỗ tốt, ngày giờ khởi công, (ở nông thôn là lúc cất nóc) cũng rất quan trọng. Nếu ngày giờ khởi công không tốt thì trong quá trình xây dựng hoặc thậm chí đã xây dựng xong cũng thường gặp phải việc xấu.

I. CÁC HÀO LUẬN VỀ CÁT HUNG CỦA NHÀ CỬA

Hào trên	Cột chính, nóc	Tường vách
Hào năm	Đường đi	Người
Hào bốn	Cửa chính (Phòng chính)	Cổng ngõ
Hào ba	Cửa	Giường
Hào hai	Gian ở chính	Bếp
Hào đầu	Nền nhà	Giếng nước

Nhà ở tốt xấu không thể chỉ dựa vào hình thức bên ngoài mà phải biết được phòng ở trong cát hay hung. Muốn biết

được sự cát hung, tốt xấu của nhà ở chỉ có dùng bát quái để dự đoán, giống như bác sĩ chiếu X quang hay chụp CT để kiểm tra thân thể, xác định bệnh tật. Tổ tiên ta trong các sách "Doán dịch thiên cơ" sách "Hoà chu lâm", "Động lâm bí quyết", "Hải đế nhàn", "Tăng san bốc dịch", "Bốc dịch đại toàn", v.v... đã tổng kết ra những kinh nghiệm quý báu. Những kinh nghiệm này tuy đã trải qua lịch sử hàng ngàn năm, nhưng đến nay vẫn còn lấp lánh những kết tinh khoa học trong đó.

"Doán dịch thiên cơ" trong phối ghép các tiêu chí của nhà cửa với sáu hào của quẻ có nói : "Hào đầu là giếng, hào hai là bếp, hào ba giường, hào bốn là cửa, hào năm người, hào sáu là nóc nhà, tường vách". Hào đầu là giếng vì trong quẻ nói giếng ở tầng sáu nhất. Trong quẻ nội bếp ở phía trên giếng nên là hào hai. Trong quẻ nội giường ở trên cùng, nên là hào ba. Cửa bên ngoài giường nên là hào bốn, thuộc quẻ ngoại. Người là hào giữa của quẻ ngoại là hào năm, là chủ của nhà. Cột, nóc, tường vách ở chỗ cao nhất là hào sáu.

Doán nhà cửa điều cần nhất là quẻ vượng, tài phúc (là từ tôn) quan quý, phụ mẫu, huynh đệ ở quẻ thượng là tốt. Quẻ hạ là nhà cửa, quẻ ngoại là người, nhà khác người là không tốt, người khác nhà là tốt. Hào hai là nhà, hào năm là người, hào hai và hào năm tương sinh là tốt, nếu hào năm lâm tài phúc giáp thìn lại được hào hai sinh trợ thì càng tốt. Hào hai khắc hào năm là xấu, hào năm khắc hào hai là tốt. Hào thế hào ứng lâm tài phúc, thanh long, thiên át quý nhân, vượng ở nhật nguyệt kiến là tốt. Sáu hào trong quẻ đều yên tĩnh là người và nhà cửa yên ổn. Quẻ gặp tam hình, lục xung là không tốt, gặp lục hợp là tốt.

Hào đầu vượng tướng là vùng đất ở tốt, hào hai vượng tướng là chỗ đất ở tốt, hào ba vượng tướng là chỗ ở gần chợ, hào bốn vượng là ở thị trấn, thành phố, hào năm vượng là

nơi kinh thành, hào sáu vượng là nơi rừng núi trung du hoặc thôn dã. Các ngôi cửa hào bần tí mỉ về sự cát hung của nhà ở :

- Hào đầu là nền nhà, là giếng nước, là người làm thuê trong nhà. Hào đầu lâm thổ, tài tử tôn là hào cát, lâm quan quý, ky. thần là hung. Hào đầu lâm thủy thì nước trong và đầy ; lâm thổ thì nước giếng đục, ; lâm mộc : cạnh giếng có cây ; lâm hoả : nước giếng thường khô ; lâm kim : thì nước trong mà tinh khiết ; lâm quý tuấn không là giếng đã bỏ đi.

Hào đầu nếu lâm thổ thành thổ của sừ mùi bị nhật nguyệt xung phá thì nền nhà không phải là nền mới mà nhất định đã bị phá nham nhỡ. Nếu thổ kim phát động, thổ hoá kim hay kim hoá thổ là nền đất mới. Thổ hoá thổ là dưới nền nhà có mộ.

Hào đầu lâm quan quý, phụ mẫu phát động lâm bạch hổ là nền nhà sẽ đem lại sự tổn thương cho người làm thuê hoặc con cái.

Hào đầu lâm mộ của quan quý, ví dụ hoá quý mộ ở tuất, tuất ở hào đầu thì dưới nền nhà có mộ cổ.

Hào đầu là hợp tý thủy lâm bạch hổ là gần nhà có cầu ; lâm tài phúc là cầu tốt, gặp xung là cầu sắp hỏng.

Hào đầu lâm dẫn mộc cát thần, dẫn là hổ, hổ là tượng con mèo hoặc thuộc họ mèo, nhà đó sẽ có mèo tốt. Hào đầu mộc quan quý là phía bên trái nhà đó có rễ cây xuyên phá nền nhà.

- Hào hai là không gian nhà, chỗ ở, nhà bếp, lâm bạch hổ động, hưu tù tử tuyệt là xây dựng đã lâu không phá bỏ hết chỗ cũ. Hưu tù gặp sinh vượng là phá hết chỗ cũ xây mới. Hào hai lâm huynh đệ là đi theo cổng cũ, lâm tử tôn là tường vách cũ, lâm quan quý là nhà rách nát, lâm phụ mẫu là nhà cũ kỹ, lâm thổ tài là nhà bếp cũ hoặc ở chỗ đất

thấp. Nếu hào hai là huynh đệ, tử tôn gặp hưu tù tử tuyệt là nhà cũ rách nát, nếu ở vượng địa là nhà mới. Hào hai làm phụ mẫu trì thế, vượng tướng thì yên tĩnh, hưu tù khắc phá là nhà cửa rách nát. Mộc quan qui đóng ở hào hai là nhà bếp to.

Hào hai có hoà qui và chu tước là chủ về hoà hoãn ; hào hai trì thế và quan qui đóng ở đó thì nhà này không phải do ông cha để lại ; hưu tù khắc phá là nhà rách nát, thổ hoá kim, kim hoá thổ là xây dựng mới, nếu làm tài phúc, vượng tướng có khí là nhà yên và đầy đủ.

Hào hai làm mộc bị nhật thìn, hào kim xung khắc là nghèo xác xơ, nếu gặp kim cục mà bị xung cũng là nhà nghèo xơ xác. Hào hai làm thổ và huyệt vũ, bị nhật, nguyệt, hào động xung khắc là trước nhà bếp bắn thiu.

Hào hai gặp không vong lại làm hào thân tuần không là ngôi nhà hoang hoặc người chủ đã bỏ đi vì ở không yên ổn. Nếu là bạch hổ thêm hình khắc thì ngôi nhà đó đại hung.

Hào hai vượng, làm thanh long thì chủ nhân là quan chức.

Hào hai làm hào ứng là có người ngoài cùng ở trong nhà, hoặc ở nhờ, dương là nam, âm là nữ. Nếu đào hoa huyệt vũ ở hào hai phải để phòng quan hệ nam nữ. Hào hai là hào ứng trì thế tài, tương sinh với hào thân của mệnh vợ là biểu hiện vợ lấn át chồng.

Hào hai là lòng nhà, sinh vượng thì thâm trầm, rộng rãi, làm thanh long quý nhân là nhà mới nghiêm chỉnh. Không có khí là nhà chật hẹp. Làm bạch hổ hình xung, khắc hại là nhà rách nát. Hào hai làm thủy là lấp ao làm nền nhà.

Hào hai làm kim động là gặp việc công lói thối, mộc động là phong thủy xấu, thổ động là ổn định, thủy động là ở bên sông chỗ không tốt, hoà động là nơi đường chợ ồn ào, cãi vã.

Hào hai lâm nguyệt phá, động khác hào thế và hào thân là tai vạ liên miên. Nếu hào hai lâm nhật thìn động mà sinh hào thế hoặc hào thân là nơi ở tốt. Hào thế lâm nhật thìn khác hào hai là chỗ ở không yên.

Hào hai lâm hào thế và nhật thìn, hoặc quan qui ở hào hai là mình ở nhà người khác hoặc nhà thuê. Quan qui hào hai nên tính, động thì ở không được lâu.

Hào hai là thế tài, hoặc quan qui gặp thanh long quý nhân thì sinh vượng, sinh hợp hào thế, gia đình làm ăn thịnh vượng.

Hào hai là thế tài, quan qui thanh long, quý nhân lâm sinh vượng lại sinh hợp hào thế là trong nhà rộn rịp.

Hào hai không bị phá, gặp sinh thế tài có khí là tài vượng. Hào hai và hào thế tương đồng, động thì sống xa quê hương đất tổ, hoặc ở nhà phụ, nhà dưới. Nếu tài phúc ở ngôi sinh vượng, sinh hợp hào thân hào thế thì gia đạo bền vững.

Hào hai bị xung phá thì vợ chồng không thắm thiết, mỗi người một ý.

- Hào ba lâm mao mộc huynh đệ là giường đặt trước bàn thờ hoặc nhà ở tầng trên. Hào ba là kim qui thì bàn thờ ít hương khói, là mộc qui, thanh long vượng tướng tức bàn thờ mới làm.

Hào ba và hào bốn đều là huynh đệ tức nhà bé cửa nhiều, hao của. Nếu nhật, nguyệt, hào động xung khác hào ba là đi cửa xép, cửa bên chứ không đi cửa chính. Nếu hào bốn khác hào ba là các cửa trong nhà đối diện nhau, gọi là xuyên tâm bất lợi.

Hào ba lâm mao mộc tài phúc là giường chắc mới, lâm phi xà là vợ chồng đồng sàng dị mộng.

Hào ba là cửa chính, nếu sinh hợp với nhật thìn thái tuế là hướng nhà có lợi, nếu hình khác là hướng nhà không tốt.

Lâm tài phúc, thanh long là có cát thân phù trợ, trước cửa sạch sẽ, người nhà mạnh khoẻ. Hào ba là quan quí lại lâm bạch hổ là xấu, hay gặp điều cãi vã, thị phi. Lâm huynh đệ thì hao tán, tiền tài không tụ. Nếu hào ba lâm phụ hoá phụ là nhà có hai cửa sổ.

Hào ba và hào bốn tương xung là hai cửa thông thống với nhau, ít sinh tài. Hào ba là cửa chính, nếu gặp niên nguyệt nhật xung phá là cửa bị phá ; lâm phụ mẫu là nhà rách nát, lâm huynh đệ là tường xiêu vách đổ, lâm thế tài là nhà bếp đổ.

- Hào bốn quan quí lâm huyền vũ là cửa nhà rách nát. Gặp tài phúc thanh long là tốt. Nếu hào bốn sinh hợp với hào hai là nhà cửa mới. Nếu hào bốn quan quí lâm chu tước là có việc kiện tụng.

Hào bốn lâm huynh đệ, tí thủy, huyền vũ là nền nhà bị nước ngấm vào. Huynh đệ lâm phi xà là cạnh nhà có hồ tiêu bản thối.

Hào bốn bị tuần không, nhật phá là nhà không có cửa chính hoặc cửa rách nát. Hào bốn là cửa giữa, lâm cát thân động thì tốt, hung sát động thì xấu. Hào bốn lâm thanh long, không tuần không, được trường sinh đế vượng là nhà mới lâm. Sinh vượng trong hưu tù là cửa cũ sửa lại. Lâm huynh đệ là nhà sửa mới.

Hào bốn lâm quan quí là nhà không yên, nếu không dính đến kiện tụng thì cùng cãi nhau. Hào bốn gặp phi xà động là nhà không yên.

- Hào năm lâm quan quí vợ chồng dễ sinh ly, tử tôn ở hào năm thì yên ổn.

Hào năm là người, hào năm khác hào hai là người yên ổn, động mà khác hào hai thì không yên. Hào năm còn là con

trai cá, nếu lâm quan quý, phi xà, bạch hổ là con cá có việc hối tiếc. Bạch hổ động khác hào năm là bị bệnh nan y khó chữa.

Hào năm lâm tử tôn, tương khác với hào thân phụ mẫu là con cái ngộ ngược, bất hiếu, không theo nghiệp tổ tiên. Hào năm lâm âm tài tri thế là phụ nữ nắm quyền ở trong nhà, lấn át quyền chồng.

Hào năm lâm thủy là cạnh nhà có nước. Nếu sinh hợp với hào hai là có nước bắn chảy quanh nhà. Nếu lâm huynh đệ là tường có lỗ hốc. Hào năm hợp hào thế là nhà gần đường uốn lượn hữu tình, hào năm khác hào thế là ngõ thẳng cua dài.

Hào năm là thế tài tương hợp với quan quý là nhà có vợ nội trợ tốt. Nếu thế tài vượng thì đường quan chức yếu, thậm chí vợ còn lấn át chồng.

- Hào sáu lâm quẻ thân hoặc hợp hào thế là sống xa đất tổ. Nếu gặp kim quĩ hoặc bị nhật nguyệt xung là nhà không yên hoặc dơi rách.

Hào sáu lâm thế tài, gặp tuấn không (vượng không phải là tuấn không, nguyệt kiến không phải là tuấn không, nhật thìn sinh cũng không phải là tuấn không) là vợ yếu đuối. Nếu gặp nhật xung là vợ có thể bị mất.

Hào sáu lâm mộc là cha, hào dương là rường nóc, hào âm là cột trụ. Hào sáu là tường vách, nếu vượng tướng hoặc lâm thanh long là nhà mới làm. Hưu tù tử tuyệt lâm bạch hổ là nhà bại nát. Hào sáu được nguyệt kiến, nhật thìn sinh, lâm bạch hổ là nhà mới.

II. LỤC THÂN BÀN VỀ CÁT HUNG CỦA NHÀ Ở

Trong nhà, từ lớn đến bé đều đã định vị trong sáu hào, duy quan tinh thì không có. Do đó phải lấy quan quý để xác

định mối quan hệ với lục thân. Hào hai là vợ, vì vậy ở đây lấy nam làm chủ nhà để định lục thân.

Quẻ có hào phụ mẫu không có hào tử tôn là nhà đó hư hao và có nhiều điều phiền não.

Hào phụ mẫu là văn thư, nếu vô khí lại làm hào ứng, nhật thìn, hào động hoá văn thư và hào gia trạch tương sinh tương hợp là nhà của ông cha để lại.

Hào phụ mẫu tuần không, vong là nhà ở không tốt. Phụ mẫu, tử tôn, hào tài đều vượng tướng là cảnh của cái đầy nhà, nếu gặp thiên hỷ, thanh long là nhà đó phú quý khang ninh. Phụ mẫu gặp tuần không là dễ đi đến bán nhà.

Hào thượng	Tổ tiên
Hào năm	Cha
Hào bốn	Mẹ
Hào ba	Huynh đệ
Hào hai	Vợ
Hào đầu	Con cái, người làm thuê,

Hào phụ mẫu nên tĩnh, không nên động, động thì trong nhà nhiều việc phiền não.

Phụ mẫu là xà, dâm nhà, đường đi, phần mộ. Phụ mẫu hưng vượng là đất có hồn khí. Hào khác biến thành hào phụ mẫu là nhà chia làm hai nơi, trong quẻ không có hào phụ mẫu là người buôn bán, du lịch.

Hào phụ mẫu làm hào ứng, động sinh thân hoặc tuổi của người chủ làm hào ứng, hoặc hào ứng là năm mệnh của người chủ là người chủ có lòng thờ kính cha mẹ.

Phụ mẫu tri thế là thừa kế chỗ ở của ông bà, phụ mẫu hoá tài thế là của cái nhiều. Phụ mẫu tuần không hoặc thân quẻ động là khó kế nghiệp của tổ tiên.

Phụ mẫu là gốc của nhà, hào thể tài động khác phụ mẫu là nhà không yên ổn. Phụ mẫu ở hào đầu là nhà tầng một, ở hào hai hào ba là nhà rộng rãi, ở hào bốn hào năm là nhà ở tầng trên, ở hào sáu là tầng cao hơn.

Phụ mẫu ở trên là nhà chưa ở, ở dưới là đã ở rồi. Hào thân tuần không cũng là chưa ở. Quẻ có hào phụ mẫu không có hào tử tôn là nhà hư hao, có tử tôn không có hào phụ mẫu là nhà cô đơn.

Huynh đệ nằm giữa hào thế vào hào ứng phần nhiều ngụ ý hai anh em khác họ. Ví dụ quẻ tấn hào thế là đầu kim, hào ứng là mũi thố, hào thân nằm giữa là như thế.

Huynh đệ cách nhau mà cùng cung là anh em ruột. Ví dụ quẻ độn, hào hai ngộ hoá tri thế, hào năm thân kim là hào ứng, hào bốn ngộ hoá tuy giữa hai thân kim, nhưng thân kim đều thuộc cung càn cho nên là anh em ruột.

Quan quĩ có trợ giúp mà không bị kiểm chế là âm thịnh đại suy. Ví dụ ngộ là quan mộc sinh hoá mà trong quẻ không có thủy để chế hoá tức là nhà đó âm thịnh, đại suy, không tốt.

Quẻ có quan quĩ, không có thế tài thì tai họa liên miên, có thế tài mà không có quan quĩ thì hao tán. Quan quĩ lâm bạch hổ phát động thì nhà đó hay gặp tai ương. Nếu có hào tử tôn để kim chế quan quĩ thì quan quĩ động cũng không có hại.

Quan tinh có quý nhân, phúc lộc và có thái tuế sinh thế là nhà ở bên trên có người thì cử đồ cao.

Hào quan quĩ tri thế, có hào thế tài sinh trợ là nhà ở tốt. Thế tài hoá thân phúc thì của cải ngày càng nhiều.

Hào quan quĩ nhập mộ, hào thân bị khác chế thì nhà đó không tốt.

Bốn quí trị thế lại lâm hào thân là chủ về các tai hoạ. Bốn quí là : năm, tháng, ngày, giờ gặp quan quí trị thế là chủ về tai nạn.

Hào quan quí giao trùng nhau thì không nên rời chỗ ở, hào thế gặp tuần không thì kiêng kỵ mạnh động.

Hào quan quí gặp hào thân là dưới nền nhà có mộ. Hào quan quí động lại không bị kiểm chế thì gặp việc kiện tụng. Hào huynh đệ nhiều thì con ngỗ ngược, nếu hào huynh đệ khác hào thế thì quẻ rất xấu.

Quan vượng lại gặp thanh long, lâm trạch là tượng đại cát. Hào quan quí ở trong cung khôn, cung cần là mồ mã tổ tiên không yên, hay gặp tai hoạ.

Quan quí có nghĩa là giang hồ, là kỹ thuật, nghệ thuật. Những người làm nghề đánh cá hoặc săn bắn nếu gặp quan quí phát động là trong hung có cát. Có hào quan quí mà không có thế tài thì người trong nhà nhiều bệnh.

Tài phúc ở quẻ thượng là tài phúc trọn vẹn, của cải hưng vượng.

Hào thế tài có hợp lại gặp hào quan quí là chỉ việc kết hôn không rõ ràng. Hào thân chỗ hợp gặp thế tài là lấy vợ sớm, hào thân chỗ hợp gặp quan quí là lấy chồng sớm. Nếu hai hào thế tài và quan quí tương hợp là hai người trước đó ở cùng 1 nhà sau lấy nhau.

Hào thế tài là hào thế hoặc hào ứng mà gặp xung hoặc hào thế tài tương xung với hào thế, hào ứng, hào động là người vợ chủ động ly hôn.

Hào thế tài và quan quí cùng ở 1 cung là vợ chồng quẻ gần nhau, nếu có hào tử tôn trong quẻ là vì quen biết nhau mà đi đến lấy nhau.

Hào tài nên tĩnh không nên động, động thì hao tổn và vợ có bệnh tật, hoặc có những việc ăn hận. Hào tài không bị tổn thương, hào tử tôn xuất hiện thì nhà đó giàu có, vinh hoa. Hào tài hưng vượng lại còn được sinh phù thì nhà đó giàu và có thế lực. Hào tài có kho lại phát thì giàu được lâu.

Thê tài được tử tôn sinh trợ, động để khác phụ mẫu thì sẽ làm hại cha mẹ. Hào phụ mẫu là dương thì bố bị khắc, hào âm mẹ bị khắc. Thê tài động thì khác phụ mẫu, nhưng không khác được hào năm.

Tử tôn là thần phúc, quẻ không có hào tử tôn là của không có nguồn tất sẽ bị hao tán. Quan quĩ không bị chế ngự thì việc rắc rối nhiều.

Phúc lộc ở đất trường sinh lại sinh hào thê, hào thân là chủ về gia đình nề nếp, bền vững. Hào tử tôn gặp tuần không, vong là không có đời sau, hoặc muợn con, hoặc đời sau không hưng vượng.

Hào tử tôn lâm nhật thìn động thì mất quan, mất chức. Thê tài hoá tử tôn thì không lợi cho việc thăng quan tiến chức.

Hào tử tôn ở hào 5 lại tương hợp với hào phụ mẫu là nhà con nối được nghiệp cha. Nếu hào tử tôn hình khác hào phụ mẫu thì con ngỗ ngược bất hiếu, không nối dõi được cha ông.

III. CĂN CỨ VÀO TƯỢNG CỦA HÀO THÊ, HÀO ỨNG ĐỂ BÀN VỀ CÁT, HUNG CỦA NHÀ Ồ

Ngày xưa có câu : "Hào 1, hào 2 là hào thê, thì đại cát ; hào 3 hoặc hào 4 là hào thê là trung bình ; hào 5 hoặc hào 6 là thê thì bất lợi. Cách nói đó không đúng".

Phong thủy tốt xấu của 1 ngôi nhà chủ yếu là xem sự sinh khắc của 6 hào trong quẻ, qui thần phù trợ, hung thần phá hoại để định cát hung.

Hào thế ở quẻ du hôn là ý nói chỗ ở không cố định. Du hôn hoá qui hôn là dời đi rồi lại trở về là tốt

Hào thế gặp tuần không thì không lợi ; hào thế nhập mộ thì khó chuyển dời. Quẻ nội hưu tù, quẻ ngoại vượng thì dời đi là tốt ; quẻ nội vượng, quẻ ngoại hưu tù là xấu. Nếu cả hai quẻ nội ngoại đều có khí thì tùy, đi đâu cũng được.

Hào thế, hào ứng ngang hoà nhau, hoặc hào huynh đệ, hoặc hào thế hào ứng hoá huynh đệ, hoặc làm hào trạch (hào hai) hoặc hợp với hào trạch là nhà có 2 chủ cùng sống.

Hào thế lâm quan qui ở hào 2 là nhà đó không phải tổ tiên để lại, nếu không phải nhà thuê thì cũng là nhà của người khác.

Hào thế hào ứng nên tương sinh tương hợp thì tốt, không nên tương khắc, tương xung, không lợi.

Đoán nhà cửa trong quẻ không có thủy là hào rãnh không thông, không có thổ là xây nhà cao giữa đất bằng ; không có hoá là việc thờ cúng đơn sơ ; không có kim là gia tư ít ; không có mộc là giường chiếu, bàn ghế cũ kỹ.

Trong quẻ hoá nhiều thì gặp nhiều điều phiền não ; mộc nhiều là người thanh tú ; thủy nhiều thì phụ nữ vượng ; kim nhiều thì phụ nữ đông ; thổ nhiều thì tiền của, vải vóc nhiều.

Sáu hào đều tĩnh thì nhà ở yên, sáu hào động nhiều lại có thổ mộc thì không phải là nhà mới xây mà là nhà sửa lại. Sáu hào động nhiều lại có thủy hoá là chủ tai nạn về nước lửa.

Trong quẻ có mộc là chỗ ở có nước, gặp坎 là có núi, gặp 艮 là có đường đi. Ba hào ở quẻ nội là nhà, ba hào ở quẻ

ngoại là người. Nhà khác người thì bệnh liên miên. Người khác nhà thì chú về việc xây nhà mới, sửa nhà cũ. Quê nội vượng là nhà rộng, nhiều nhà, quê ngoại vượng là người đông.

Phàm đoán về nhà ở quan trọng nhất là hào trạch và hào nhân khẩu, hào thế tài, quan quý, phụ mẫu có khí, hào tử tôn, hào thế, hào ứng gặp nhật thìn, nguyệt kiến, tuế quân, tất cả đều xuất hiện là tốt nhất.

Hợp là cửa, xung là đường, cho dù trong quê có hay không... Hợp với hào 2 là cửa, xung với hào 2 là đường. Những hào xung hợp đó bất luận có ở trong quê hay không đều được quan niệm như thế. Ví dụ quê "thiên phong cấu" hào 2 hợp thủy là nhà, dẫn hợp với hợp nên lấy dẫn làm cửa. Tị xung với hợp nên lấy tị làm đường. Trong quê tuy không có hai hào dẫn tị, chỉ cần hợp hoặc xung với hào 2 thì đều quan niệm nó là đường hoặc ngõ.

Năm, tháng, ngày lâm hào khác hào thế thì gia quyến nguy hại. Thái tuế khác hào thế thì quanh năm tai hoạ. Nguyệt kiến khác hào thế thì tai hoạ mấy tháng liền.

Hào thân, hào thế gặp tuyệt lại ở tuần không vong, gặp hào quan quý khác là chủ về nổi lo có sự chết chóc.

Trong quê có mào mộc xuất hiện thì cho dù ở hào âm hay hào dương nếu mào mộc ở tuần không thì quanh nhà có bờ rào sắt hoặc tường bao bọc.

Bình khí thêm tam hình lại lâm quý nhân, trong hào lại có mã được thái tuế sinh thì đó là nhà của tướng soái. Hào đầu là lán giếng bên trái và phía sau, hào 4 là lán giếng bên phải và phía trước. Nếu những hào đó có tài phúc giáp thìn thì lán giếng tốt ; lâm quý sát hung thân thì lán giếng xấu

Hào mộc vượng và phát động thì nhà đó to đẹp, hùng vĩ.

Nhà khác người thì ở không yên ổn, người khác nhà thì ở bình thường. Đoán nhà cửa được quẻ "đủ hôn" và quẻ "bất thuận" là gặp tai hoạ liên miên.

Âm hóa dương là vợ nhiều bệnh tật ; dương hoá âm là chồng hay bị tai hoạ.

Trong quẻ phải xem hào thượng động hay tĩnh, huynh đệ động thì vợ chồng không đoàn tụ, phụ mẫu động ở hào 6 thì con cái có nỗi lo. Hào tử tôn vượng động thì luôn có niềm vui ; hào quan quý động thì nhiều tai hoạ.

IV. CĂN CỨ LỤC THẦN ĐỂ BÀN VỀ CÁT HUNG NHÀ Ở

Đoán nhà cửa vận dụng lục thần như thanh long, chu tước, câu trăn, phi xà, bạch hổ, huyền vũ để tham khảo đoán cát hung, trong các sách cách nói rất khác nhau và rất khó nhớ. Tôi căn cứ kinh nghiệm thực tiễn, cho rằng dùng phương pháp thập can phối với lục thần là tốt nhất. Cách đó xin xem ở tiết 6 của Chương 7 sách này.

Thanh long, thiên át, quý nhân, quan quý lâm nhật, nguyệt kiến, lâm hào trạch, lâm hào thế, hào thân là chủ về việc có quan chức.

Thanh long lâm thủy mộc hào tài là chủ về việc vợ tốt, của nhiều.

Thanh long quý nhân lâm hào trạch là nhà đó đại cát.

Thanh long lâm nguyệt kiến là báo hiệu có tin mừng về hôn nhân hoặc thai nghén. Nếu chỗ hợp lâm thanh long phát động là tin mừng liên tiếp, hoặc thăng quan tiến chức, hoặc được lộc, hoặc hôn nhân, hoặc sinh đẻ thuận lợi. Thanh long phát động thì nên dời chuyển, thanh long lâm thế tài tử tôn là tốt.

Thanh long gặp quẻ hạ không có hào thể tài là trước giàu sau nghèo ; gặp quẻ thượng không có hào thể tài là trước nghèo sau giàu.

Chu tước lâm quan qui động thì trong tuần sẽ có việc cãi vã kiện tụng. Chu tước gặp tuần không, tử tuyệt là có tai hoạ về việc quan.

Chu tước lâm nguyệt kiến đồng thời gặp nhật thìn, hào động thì phải để phòng hoạ hoạn.

Chu tước lâm môn đình là có việc về văn thư giấy tờ nhưng phải để phòng cãi vã.

Chu tước nội động là có thị phi, ngoại động lâm qui nhân là có tin mừng về thư từ, giấy tờ.

Câu trần, huyền vũ lâm thể tài phần nhiều chỉ phụ nữ gặp điều xấu.

Câu trần lâm nguyệt kiến, gặp quan qui, nội động là thổ thân không yên, ngoại động thì mưu làm việc gì cũng tri trệ... Nếu lâm thể tài động khác thế, thì trong tháng đó sẽ tiến tài. Nếu câu trần lâm thể tài thêm nhật kiến thanh long là nhà vườn rộng, ruộng nhiều, tiến tài đại phát.

Câu trần lâm nhật kiến ở vượng địa là chủ về tăng điển nghiệp.

Phi xà chủ về những việc quái dị, nếu ở hào 4 và động thì ở trong nhà hay thấy việc quái dị.

Phi xà nội động là ám chỉ người làm thuê hoặc trẻ con đi mất ; ngoại động lâm quan qui thì phải để phòng bọn trộm khoét tường đột nhập.

Phi xà lâm nguyệt kiến là ám chỉ liên lụy đến những việc không hay. Phi xà khác hào thể hoặc lâm hào thể thì chủ nhà đêm ngủ mộng寐 không yên ; khác hào ứng thì bà mẹ đêm ngủ không yên.

Bạch hổ làm tử tôn là chủ nhà khó an toàn. Bạch hổ làm hào 3 là nhà đó có người xuất gia làm tăng đạo hoặc y sư.

Bạch hổ hưu tù, tuần không, tuyết, lâm hào trạch mà động là nhà đã được tu sửa từ lâu.

Bạch hổ và năm tháng ngày giờ lâm hào quẻ là chủ về việc bi tang. Nếu trong quẻ phúc đức động thì vừa có tin buồn vừa có tin vui.

Bạch hổ làm tổn thương thanh long là chóng mất.

Bạch hổ ở hào 6 thì không nên làm việc 1 cách mạnh động. Bạch hổ ở quẻ ngoại nên tĩnh, nên ở nguyên chỗ cũ.

Bạch hổ lâm quan quý phát động thì phải đề phòng tai họa cho người nhà.

Bạch hổ lâm quan quý, huynh đệ thì nhà đó xấu.

Huyền vũ lâm huynh đệ là nước ao đầm ngấm vào nền nhà.

Huyền vũ lâm phụ mẫu thì chủ nhà xuất thân nghèo khó. Sinh vượng thì công việc làm ăn dễ dàng, nếu hưu tù là sự việc hay trắc trở. Huyền vũ chủ về việc thất thoát.

Đông thanh long, tây bạch hổ, nam chu tước, bắc huyền vũ ; câu trấn, phi xà ở giữa. Còn có cách nối khác : tả thanh long, hữu bạch hổ, tiền chu tước, hậu huyền vũ, trung câu trấn, phi xà.

V. VÍ DỤ THỰC TẾ

Âm dương phong thủy ngày nay gọi là môn "tham dự học". Có người nói âm dương phong thủy là phong kiến mê tín, nhưng gọi "tham dự học" là khoa học, nói như thế cũng chẳng khác nào nói : Đoán vận mệnh là mê tín phong kiến, còn dự đoán học là khoa học. Dù thế nào đi chăng nữa ở thời cổ đại

nước ta khoa học dự đoán thông tin đã có 1 vị trí chính thức trong lâu đài khoa học. Điều đó là xu thế lớn mà văn hoá cổ đại Trung Quốc đã gặp được cái may mắn đó.

Âm dương phong thủy là nền tảng và hạt nhân của kiến trúc học. Lúc xây dựng nhà cửa nếu không quan tâm đến phong thủy thì nhất định sẽ gây ra tổn thất to lớn cho tài sản của nhân dân và đất nước. Để nói rõ tầm quan trọng của phong thủy trong việc xây dựng nhà cửa, xin nêu lên mấy ví dụ dưới đây.

Ví dụ 1 : Nguyên nhân của hoạ hoạn và tai hoạ khác

Xây dựng 1 ngôi nhà không những phong thủy âm dương phải tốt, mà ngoại hình của nó cũng rất quan trọng. Nếu không chú ý đầy đủ về mặt này thì tức là cũng không có được một công trình kiến trúc tốt.

Phàm những người đã đi qua cửa chính phía nam của thành Tây An đều nhìn thấy ở đó có 1 công trình kiến trúc hùng vĩ - cung thể thao tỉnh Thiểm Tây. Công trình này bắt đầu xây dựng vào khoảng trước sau năm 1984. Năm 1986 tôi và mấy người bạn đi qua đó, trong đó có 1 vị rất am hiểu về âm dương phong thủy hỏi tôi : Về phương diện âm dương phong thủy mà nói, anh thử xem ở bên ngoài cung thể thao này có điều gì không tốt ? - Tôi xem xong và nói : Tuy tôi chưa nghiên cứu sâu vào âm dương phong thủy nên chưa nhìn thấy vấn đề gì, duy có 1 điểm là cửa chính của Cung thể dục thiết kế hình dạng không tốt, giống như 1 con hổ nằm đang há mồm to, những bậc thềm trước cửa giống như hàm răng con hổ. Miệng con hổ há ra hướng về phía tây, phương tây là phương của Bạch hổ, là phương hổ thức, cho nên tượng hổ của Cung thể thao này nhất định không thắng nổi bạch hổ của phương tây. Năm nay lại là năm hổ, tức là hổ lâm thái tuế, nhất định cung thể thao năm nay sẽ gặp tai nạn.

Vào 1 đêm mùa hè năm 1986 Cung thể thao sắp khánh thành bỗng nhiên phát sinh hoả hoạn rất to, hầu như bị thiêu huỷ hoàn toàn. Sau đó Cung được xây lại, khi các đội quốc gia đến đây thi đấu, các cổ động viên đã gây rối loạn làm chết và bị thương rất nhiều người, tạo ra 1 vụ trọng án làm náo động Tây An. Điều đó đối với những người không hiểu phong thuỷ mà nói thì chỉ đành quy cho 2 sự cố to lớn này là chưa làm tốt công tác an toàn và công tác trật tự trị an xã hội. Nhưng nếu biết được phong thuỷ không tốt gặp năm hổ sẽ có tai hoạ để mà để phòng trước thì chắc là sẽ đỡ đi nhiều.

Ví dụ 2 : Căn hộ này vì sao không có ai dám ở ?

Tháng 10/1988 tôi lần đầu đầu dạy học ở Tây An có 1 học viên dẫn đến 1 thanh nữ nhờ tôi đoán. Tôi xem qua tướng, thấy sau lưng cô ấy có 1 quang khí đen. Tôi hỏi : "Có phải chồng cô vừa mới mất cách đây không lâu không ?". Cô ta liền khóc rất thương tâm. Mọi người quanh đó rất ngạc nhiên.

Nguyên là cô ấy ở trong căn nhà mới xây dựng được 6, 7 năm nay. Trước đó 1 ít có một gia đình gồm 7 nhân khẩu đã vào ở. Trong 5 năm gia đình đó chết mất 5 người. Từ đó về sau, người ta nói ngôi nhà đó khác thường, không ai dám ở. Sau có mấy thanh niên không tin dọn đến ở, chưa được 1 tuần thì đã vội vàng dọn đi, họ nói ở trong đó rất sợ. Cô này sau khi kết hôn vì không có nhà đành phải dọn đến căn hộ đó. Không ngờ chỉ chưa đầy 3 tháng thì người chồng đã chết. Để làm rõ chân tướng của căn hộ này, tôi đã tìm đến 1 vị khí công đại sư, mời ông đến để coi xem căn hộ đó ra sao. Ông ta nói : đơn nguyên đó ở phía trước có 1 ngôi mộ cổ, lúc xây nhà đã lấy xương cốt ra nhưng chưa an táng mà vung vãi lung tung. Âm khí của xương cốt còn lưu lại khiến cho ngôi nhà không được yên ổn, đặc biệt tầng 1 nguy hại

nhieu nhất. Sau đó tôi đã kiểm chứng lại mới biết lời của khí công đại sư là đúng.

Ví dụ 3 : Thủy hoá tuy có tác dụng to lớn đối với đời sống con người nhưng cũng gây ra tai hoạ không kém.

Ngày 5/8/1993 đã xảy ra sự cố chấn động toàn quốc là kho chất nổ hoá học ở Thẩm Quyến bị cháy. Tuy nguyên nhân của sự việc là do nhiều mặt, nhưng có 1 nguyên nhân quan trọng không nên xem nhẹ. Đó là về phương diện phong thủy mà nói, nước trong của sông là thủy địa, mà kho chứa chất nổ hoá học như bốn chứa xăng, trạm khí đốt thuộc hoà, thủy hoá không dung hoà nhau. Do đó đem những chất thuộc hoà xây dựng trên mảnh đất thuộc thủy là 1 sai lầm không thể cho phép.

Ví dụ 4 : Dự đoán cát hung của căn nhà thuê ở.

Mùa đông 1991, tôi quyết định thuê 1 căn phòng ở Quảng Châu để viết tập thứ 3 của bộ sách này. Lúc đã nắm được chìa khoá căn hộ trong tay, tôi theo thời gian đó gieo quẻ muốn biết nhà đó tốt hay xấu. Được quẻ "lý" của quẻ "trung phù" :

Năm 1991	tháng 9	ngày 12	giờ Thìn
Tân mùi	Mậu tuất	Nhâm tuất	Giáp Thìn
QUÊ CHỦ : TRUNG PHÙ	QUÊ BIẾN : LÝ	LỤC THẦN	
Quan qui mào mộc.	Huỳnh đệ tuất thổ.	Phi xà	
Phụ mẫu tị hoá	Tử tôn thân kim.	Cầu trăn	
Huỳnh đệ mùi thổ ○ thổ	Phụ mẫu ngộ hoá..	Chu tước	
Huỳnh đệ sừu thổ..	Huỳnh đệ sừu thổ..	Thanh long	
Quan qui mào mộc.	Quan qui mào mộc.	Huyền vũ	
Phụ mẫu tị hoá. ứng	Phụ mẫu tị hoá.	Bạch hổ	

Đoán nhà cửa cát hung tốt nhất là phụ mẫu, huynh đệ, quan quý, thế tài, tử tôn đều hiện trong quê, tốt hơn nữa là tài phúc hiện ra trong quê. Nay tài phúc chưa hiện lên là không tốt.

Quê nội là nhà, quê ngoại là người, nhà nếu bị khác là không tốt, nay nhà được nhất nguyệt sinh.

Trong quê hào phụ mẫu là văn thư xuất hiện 2 lần tức là lợi về việc biên soạn viết sách, nhưng hoá nhập mộ ở nhất nguyệt là không lợi, may nhờ mào tuất tương hợp hoá thành hoá trợ giúp cho việc văn thư nên lợi cho việc biên soạn. Nên khoảng tháng 4 - tháng 5/1992 có tin mừng sách được xuất bản. Về sau đúng tháng Tị năm 1992 nhà xuất bản của Hương Cảng báo cho tôi biết cuốn : "Chu dịch dự trắc lệ để giải" được xuất bản, và cũng quyết định xuất bản cuốn sách thứ 3 của tôi.

Điều không lợi là hào đầu phụ mẫu là phân mộ lại hoá phụ mẫu, hào 2 và hào 6 mào mộc là thân quê lâm quan quý tức dưới nhà có 1 ngôi mộ to. Hào 6 mào mộc lâm phi xà là có việc quái dị. Hơn 1 tháng sau đồng chí quản lý cho thuê nhà đến tìm hiểu tình hình ăn ở, tôi hỏi anh ta : dưới nền ngôi nhà này nguyên là một hầm mộ lớn, có rất nhiều người chết phải không ? Anh ta kinh ngạc trả lời : "Đúng đấy, chỗ này trước đây lúc đánh nhau với người Anh là chiến trận, trước đó nữa là nghĩa địa của dân tộc thiểu số".

Câu trả lời của anh ta chứng tỏ rằng từ khi tôi dọn đến đây ở, đã xuất hiện nhiều việc kỳ quái có liên quan với hầm mộ đó. Qua cách hoá giải của tôi, đã làm cho việc ăn ở trở nên bình thường.

Quê gặp du hôn là chỗ ở không nhất định, nhà khác người thì ở không yên ổn. Vì tôi vốn không định ở lâu dài nên

không thay đổi phòng ở nữa. Viết xong sách thì dọn đi Thẩm Quyền ngay.

Ví dụ 5 : Trung tuần tháng 11 năm 1991, 1 học giả âm dương phong thủy của Đài Loan biết tôi đang viết sách ở Quảng Châu đã đem bạn đến để thăm hỏi. Vừa nhìn thấy nhau anh ta đã ca ngợi về cuốn sách "Chu dịch và dự đoán học" của tôi, còn cảm ơn là nhận được rất nhiều điều gợi ý trong đó. Anh ta nói, tuy anh ta nghiên cứu về phong thủy nhưng qua sách của tôi đã học được những tri thức về bát quái và đã thử kết hợp phong thủy với 6 hào để đoán sự việc, độ chính xác rất cao. Vừa nói chuyện anh ta vừa giới thiệu mấy ví dụ thực tế mà anh đã ứng dụng. Dưới đây xin cử 1 ví dụ anh ta đã đoán cát hung của nhà ở cho người khác. Đó là ngày kỷ tị, tháng mậu tuất đoán được quẻ "gia nhân" của quẻ "kiến".

QUẾ CHỦ : KIỀN	LỤC THẦN
Tử tôn tý thủy..	Câu trăn
Phụ mẫu tuất thổ.	Chu tước
Huynh đệ thân kim.. thế	Thanh long
Huynh đệ thân kim.	Huyền vũ
Quan quý ngọ hoá.	Bạch hổ
Phụ mẫu thìn thổ.. ứng	Phí xà

Ông Hồng xem xong quẻ nói 3 điều sau : thứ nhất dưới nền nhà có mộ, không sạch sẽ ; thứ hai : trong phòng thường có chuyện kỳ quái ; thứ ba : người trong nhà không yên ổn. Người đến xem quẻ nghe xong rất ngạc nhiên, xin hỏi cách giải như thế nào ? Ông Hồng bảo : Ở phía Tây Bắc của nhà hãy xây 1 cái phòng nhỏ giống hệt như ngôi mộ là được. Chủ nhà về làm theo, quả nhiên mọi việc trở lại bình thường.

Giải thích : Hào đầu là nền nhà, phụ mẫu là mộ địa lại làm phi xà động, phi xà chủ về quái dị cho nên dưới nền nhà có mồ mả.

Hào đầu là nền nhà, thìn thốn động, xung hào 5 là nhân khẩu tuất thổ động, nên người ở không yên.

Hào hai là nhà lâm hào quan quý lại ở quê nội là căn tức là quý môn. Do đó trong nhà thường có việc kinh dị. Hào quan quý ngộ hoá, mộ ở tuất cho nên ở phương tây bắc nên xây 1 phòng nhỏ để được yên ổn.

Ví dụ 6 : Đoán cát hung của nhà ở

Tháng 3/1993 có 1 vị ở Thẩm Quyến đến xin đoán dọn đến nhà mới tốt hay xấu. Căn cứ vào ngày nhâm tý, tháng kỷ mao là ngày dọn nhà gieo được quẻ "mông" của quẻ "bốc".

CHỦ QUẺ : BỐC

LỤC THẦN

Thê tài dần mộc.

Bạch hổ

Tử tôn tý thủy.. thê

Phi xà

Phụ mẫu tuất thổ..

Câu trăn

Thê tài mao mộc..

Chu tước

Quan quý tị hoá.. ứng

Thanh long

Phụ mẫu mùi thổ..

Huyền vũ

Tôi xem quẻ xong nói với ông ta : đây là ngôi nhà rất tốt, mới xây. Phòng này không những đại cát mà còn có tượng phú quý hào môn. Tôi nói tiếp : hướng chính của ngôi nhà là cát lợi nhưng còn có chỗ chưa hoàn hảo. Tôi nói cụ thể cả hai mặt như sau :

Mặt tốt : Theo trong quẻ thể hiện tài vượng cho nên người thanh tú vinh hoa, tức là nhà giàu có. Chủ nhân lại lợi về đường quan chức. Nhà ở nơi đông vui đó hội, gia đình rộn rịp. Quanh nhà có hàng rào sắt, phía trước nhà có hồ nước,

đồ nội thất đều mới, quý đất. Hướng cửa ra là đối diện với cửa của nhà khác, khi đi vào cũng có 1 cửa đối diện với cửa chính nhưng không bị ảnh hưởng gì lớn. Nhưng đây là nhà thuê hoặc nhà mượn để ở nên chắc không ở lâu. Ông Chu nghe tôi nói rất mừng và gật đầu nói : Bát quái thật thú vị, không những đúng mà rất thần kỳ.

Tôi nói với ông ta : nhìn sự vật phải thấy cả 2 mặt. Nhà nào cũng không được toàn diện, giống như vận mệnh mỗi con người có lúc lên lúc xuống. Nếu ngôi nhà hoàn toàn tốt thì sợ rằng anh cũng không ở được. Chỗ không tốt là : đời sau không vượng, mộ tổ tiền không yên, anh em không nhờ cậy được nhau ; còn phải đề phòng hoạ hoạn ; còn 1 điểm nữa là âm khí rất nặng, cần phải hoá giải, nếu không sẽ sinh bệnh hoặc bị phụ nữ lừa.

Giải thích : thanh long động là không tuần không, gặp sinh vượng, mộc của hào sáu lại lâm nguyệt kiến vượng địa là nhà mới xây. Tài phúc ở quê thượng, thanh long lâm trạch là đại cát. Thế tài nhiều lại lâm nguyệt kiến, lại được nhật kiến từ tôn sinh tài cho nên nhà giàu hào kiệt. Trong quê mộc nhiều, mộc vượng là chủ nhân thanh tú. Thanh long lâm quan quý, mao mộc thiên ất quý nhân lâm nguyệt kiến là quan quý được nguyệt sinh nên chủ nhà lợi về quan chức. Tài thế tương sinh là được người vợ nội trợ tốt. Tài quý thanh long quý nhân được sinh vượng hoặc lâm hào trạch là quanh nhà có bờ rào bảo vệ. Hào 5 cố thủy là gần nhà có nước, cho nên trước nhà có 1 ao to. Trong quê mao mộc lâm thế tài mà vượng, nên đồ nội thất mới và quý. Mao hợp với tuất cho nên phía trước và sau cửa chính đều có cửa. Chu tước gặp tuần không là xấu. Hào 4 tuất thổ là thân quê, mao tuất hoá hoá sinh thân. Trong quê có hai hào phụ mẫu được hào quan quý sinh là vượng về mặt văn thư. Quan quý lâm hào trạch, sinh

thân quẻ là nhà hưng vượng. Hào quan quý nhập hào trạch là hàm ý nhà của người khác nên không phải nhà thuê cũng là nhà mượn, ở không được lâu. Quẻ gặp du hỗn, hào trạch động nên không ở lâu, tức là nhà không thuộc quyền sở hữu của mình.

Hào tử tôn ở tử địa lại không có hào huynh đệ sinh trợ nên đời sau không vượng. Hào quan quý ở cung khôn, cần là mố mà tổ tiên không yên. Trong quẻ không có hào huynh đệ để sinh trợ hào thế là anh em không nhờ được nhau. Hào quan quý lâm hoá mà động là phải để phòng hoá hoạn. Quẻ "bốc" là quẻ 5 âm 1 dương, tức âm nhiều dương ít là âm khí nặng. Âm là đàn bà, nếu không giải cái hoạ của nó thì sẽ vì đàn bà mà gặp nạn. Do đó tôi đã bảo ông ta hoá giải để bảo đảm nhà ở được bình yên vô sự.

VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ

Thiệu Vĩ Hoa sinh năm 1936 tại Ngọc Châu tỉnh Hồ Bắc là hậu duệ đời thứ 29 của Thiệu Khang Tiết - nhà triết học và dự đoán học nổi tiếng đời Tống, Trung Quốc.

Tác giả đã từng là nông dân, công nhân, quân đội, cán bộ và cuối cùng là nhà nghiên cứu dịch học, tướng học, dự đoán học. Năm 1987 ông đã tham gia các cuộc hội thảo nghiên cứu dịch học Trung Quốc và quốc tế. Năm 1989 là hội viên Hội Nghiên cứu dịch học quốc tế, phó Tổng thư ký hội nghiên cứu Chu dịch tỉnh Thiểm Tây và trở thành danh sư dự đoán theo dịch học của Trung Quốc.

Bộ sách của ông gồm ba tập: "Chu dịch với dự đoán học", "Các ví dụ giải quẻ của Chu dịch" và "Tứ trụ dự đoán học". Sau khi xuất bản bằng tiếng Hán và tiếng Anh được rộng rãi đọc giả trong và ngoài nước hoan nghênh, đẩy lên một cao trào nghiên cứu ứng dụng Chu dịch.

Năm 1991 ông được Singapore và Thái Lan mời sang giảng về dịch học và dự đoán một số vấn đề. Nhờ thành tựu nghiên cứu đã đạt được và dự đoán các sự việc đạt độ chính xác cao, hai nước đã phong tặng ông danh hiệu cao quý "Ngôi Sao Dịch Học"

Năm 1991 ông được Trung Quốc xếp vào danh mục "Danh dân dương đại của Trung Quốc". Những năm gần đây mười mấy tờ báo và tạp chí trong và ngoài nước luôn đưa tin về thành tựu nghiên cứu của ông và những thành quả đạt được trong ứng dụng thực tế.

Hiện nay ông là Tổng giám đốc các trung tâm dự đoán Thiệu Vĩ Hoa của các thành phố Thẩm Quyến, Ngọc Châu, Tây An...

Chu Dịch với Dự Đoán học

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN QUANG HUY

Biên tập : **Mai Hồng**

Sửa bản in : **Mạnh Hà**

Vẽ bìa : **Hs. Đông Sơn**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA
43 Lò Đúc, Hà Nội

In 2000 cuốn khổ 14,5 x 20,5cm tại Xưởng in Báo Văn Nghệ TP. Hồ Chí Minh.
Giấy phép xuất bản số 111.CXB/14-VHTT ngày 22/3/1995 Kế hoạch trích ngang.
In xong và nộp lưu chiểu 7/95

45000

邵伟华，1936年生，原籍湖北鄂州人，是宋朝著名的哲学家、预测家邵康节的第二十九代子孙。从事过工、农、商、学、兵，当过干部，后落根于易学、相学、四柱等预测学的研究。1984年冬，因准确预测原苏共总书记契尔年科必死于次年农历正月，遂被政界高层人物和易学界重视。1987年起，分别出席了国际和全国的《周易》学术研讨会，1989年被吸收为国际易经研究会会员。任陕西省周易研究会副理事长，成为中国“实用易学”的预测名师。其著名的《周易与预测学》、《周易预测例题解》、《四柱预测学》正式出版后，受到国内外欢迎和好评，成为全国“《周易》”热的热点。此外，在海内外发表了学术论文多篇。1991年应邀去新加坡、泰国讲学。因教学有方、预测准确，新加坡授予“易坛泰斗”崇高荣誉称号。近年来，由于应用预测成果显著，曾被国内外十几家报刊杂志竞相报导。1991年被国家列入《中国当代名人录》，成为我国自学成才的著名预测学家。现任西安、鄂州、深圳市邵伟华信息预测中心总经理。



当代国际著名预测大师著的《周易与预测学》等书出版后，广获海内外读者欢迎。鉴于社会上盗印之版错漏不少，有负读者。本社系列出版了邵氏新著《周易预测例题解》和《四柱预测学》后，广大读者强烈要求出版他的成名著作《周易与预测学》原著。现经本人同意，本书不但补齐了原著国内版没有的部分还增加了论房屋凶吉等章节以飨读者。

为满足读者欲学无门的多年渴望，邵伟华老师将亲自举办全国函授，引导爱好者步入预测之门，请留意本书“自序”篇。

ISBN 7-80587-232-5



9 787805 872322 >